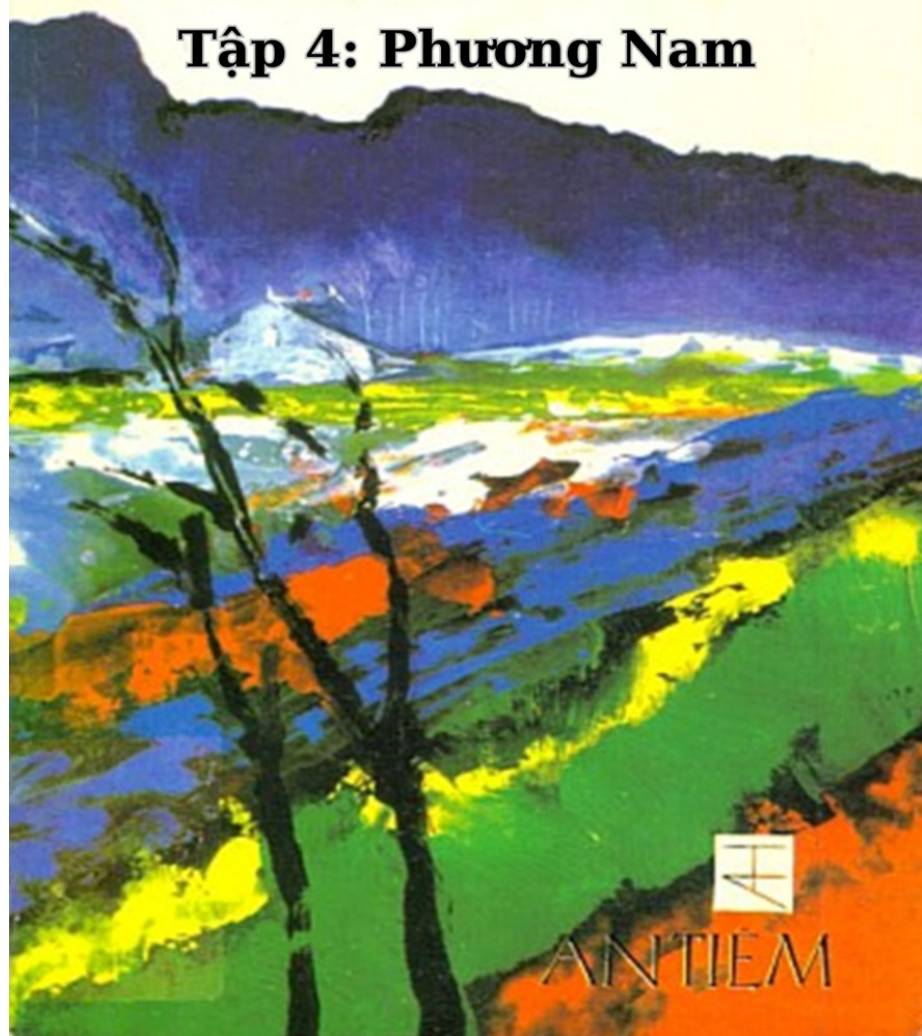


NGUYỄN MỘNG GIÁC

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Tập 4: Phương Nam

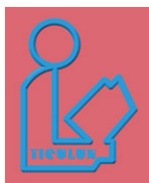


ANTIEM

sông Côn mùa lũ

Tập 4: Phương Nam

Nguyễn Mộng Giác



sông Côn mùa lũ

Nguyễn Mộng Giác

Bìa: *NXB An Tiêm*

Nguồn: *nguyenmonggiac.com*

sông Côn mùa lũ

NGUYỄN MỘNG GIÁC

AN TIÊM

xuất bản - USA 1990-1991

Tập 4: PHƯƠNG NAM

TÓM LƯỢC

Chương 38: Ở Bằng Châu, giáo Hiến thất chí, lú lẫn thành người bị bệnh tâm trí. An dần dà thích nghe với cuộc sống vợ chồng dung thường. Lợi bị thất sủng do liên lụy với cha vợ, tình nguyện theo quân vào đánh Gia định để lập công. Ông giáo càng ngày càng mất sáng suốt.

Chương 39: Lợi từ Gia Định trở về, nhờ có công mau chóng phục hồi được

địa vị cũ. An sinh đứa con trai đầu lòng. Thọ Hương đến thăm An sau thời gian bị khủng hoảng (do đông cung Dương trốn đi). An hỏi thăm tin tức Nguyễn Huệ.

Chương 40: Diễn tiến vụ phản bội của quân Hòa nghĩa (trong đó có Chinh) tại phủ Phú yên năm Ất Mùi 1775. Tâm trạng Chinh sau khi cắt đứt ràng buộc với gia đình và Qui Nhơn. Gia Định vào năm đông cung Dương trốn khỏi Qui Nhơn mới vào Gia Định. Chinh trong hoàn cảnh mới.

Chương 41: Nguyễn Đăng Trường trốn khỏi Qui Nhơn vào nam. Gia Định lo ngại các cuộc tấn công định kỳ của Tây Sơn. Trước khi dẫn quân vào Gia Định, Huệ đến thăm thầy. Giáo Hiến xin học trò nương tay đối với họ Nguyễn Gia Miêu. Huệ gặp lại An sau khi An lấy chồng.

Chương 42: Tình hình phòng thủ ở Gia Định. Nhật ký chiến dịch của Lãng ghi lại diễn tiến cuộc tiến công Gia Định lần thứ hai năm Đinh Dậu. Nguyễn Huệ gặp lại Nguyễn Đăng Trường.

Chương 43: Sau chiến thắng, Lãng tìm tông tích Chinh. Nguyễn Huệ đọc các tài liệu về phong tục, địa thế Gia Định do Lãng sưu tập để tìm giải pháp trị an thích hợp. Huệ bắt được đông cung Dương ở đồn Ba vác. Huệ do dự, nhớ lời cầu khẩn của thầy, trước khi ra lệnh hành quyết Tân Chính vương. Lãng tìm ra xác Chinh ở căn cứ Đông sơn tại Cần thơ. Quyết định của Huệ để cứu danh dự cho gia đình thầy. Huệ tôn bị bắt và bị giết.

Chương 44: Lãng trở về Qui Nhơn. Cái chết của Chinh và của hai chúa khuyển giáo Hiến thêm quẩn trí. Thọ Hương

sau cái chết của đông cung tại Gia Định. Mạnh nha mối tình giữa Lãng và Thọ Hương.

Chương 45: Công cuộc xây dựng Hoàng đế thành. Vua Thái Đức xếp đặt để Nguyễn Huệ cưới em gái Bùi văn Nhật, Bùi Đắc Tuyên, để củng cố quyền hành. An sinh đứa con gái thứ hai, đặt tên Thái để nhớ kỷ niệm đẹp thời An Thái.

Chương 46: Diễn biến tình yêu của Lãng. Những cuộc bàn tán chung quanh cuộc hôn nhân của Nguyễn Huệ. Lãng đến quán rượu thăm Kiên, nghe Kiên thuyết lý về quan niệm vạn vật hòa đồng.

Chương 47: Tai biến của gia đình An: Lợi bị bắt giam vì biển thủ khi lo việc cấp lương cho dân phu xây thành. Sự quyền biến của An trước hoạn nạn.

An vận động xin tha cho chồng nhưng thất bại.

Chương 48: Quan hệ giữa Lãng và Nguyễn Huệ trong hoàn cảnh mới. Lãng thăm Kiên, lại được giảng giải thêm về khám phá tâm linh của Kiên. Ông giáo Hiến mất. Đám tang có Nguyễn Huệ đi đưa.

Chương 49: Ba anh em Nhạc, Lũ, Huệ nói chuyện với nhau về vai trò nhà nho. Phái bộ Chapman thăm Qui Nhơn. Cuộc bệ kiến của Chapman ở Hoàng đế thành. An biến đổi tính tình do cuộc mưu sinh. Đối thoại của An và Lãng về cuộc đời. An chịu đến gặp Nguyễn Huệ để xin ân huệ tha cho Lợi.

Chương 50: Lợi được phóng thích. An thích nghe hơn với các cuộc làm ăn bất chính của Lợi. Nguyễn Ánh chuẩn

bị chống cự cuộc tiến công thường niên của Qui Nhơn. Huệ phác họa kế hoạch đánh Gia Định. Ghi chép của Lãng về chiến thắng lẫy lừng này của Nguyễn Huệ trước quân Gia Định (có thêm sự giúp đỡ của các cố đạo). Huệ đọc các ghi chú của Lãng, chê trách những điểm không đồng ý.

Chương 51: Vụ tàn sát Hoa kiều sau cái chết của Phạm Ngạn. Tiếp theo nhật ký chiến dịch của Lãng. Lãng xin xuống Cần Thơ hốt cốt Chỉnh. Bất đồng giữa Nhạc và Huệ về giải pháp cho Gia Định.

Chương 52: Năm Nhâm Dần 1782. Chỉnh đem gia đình trốn vào Qui Nhơn. Tình hình Bắc Hà do lời thuật của Nguyễn Hữu Chỉnh. Huệ phát biểu ý kiến về Chỉnh. Lãng xin được rời quân ngũ để qua làm việc ở giáo phường, vì không chịu được cảnh chém giết.

Chương 53: Bị dao động, Lãng lại thăm Kiên. Kiên cho biết Nguyễn Lữ cũng chán cảnh bon chen tìm đến Kiên để nghe thuyết giáo. Lợi thay đổi “kỹ thuật” sống, làm thân với Nguyễn Hữu Chỉnh để đón gió.

Chương 54: Em rể Nguyễn Hữu Chỉnh vào Qui Nhơn cho biết tình hình mới nhất ở Bắc Hà. Mối nghi ngờ của Tây Sơn đối với Chỉnh. Lãng chính thức về bộ Lễ, làm ở giáo phường.

Chương 55: Chỉnh khuyên Lợi nên theo Nguyễn Huệ để dọn đường cho tương lai. Tin Nguyễn Ánh rước quân Xiêm xâm lăng Gia Định đến Qui Nhơn. Trận Rạch gầm. Xoài mút. Phê phán lối giải thích của sử quan triều Nguyễn. Diễn tiến trận chiến thắng quân Xiêm.

Chương 38

Ngôi nhà dành cho ông giáo ở ngoài thành khá khang trang, chung quanh có vườn chuối rậm rạp mọc chen với những gốc mít, xoài, ổi mới cáo quá tầm người. Tên duyên lại chủ cũ của căn nhà, cũng là một người khá sành về mỹ thuật. Cứ trông cách xây cổng và bình phong, làm hàng rào bằng cây chẻ dẫu vết cắt tia công phu hình quả cầu, hình răng cửa còn đó, cũng đủ biết chủ nhà đã tốn biết bao nhiêu công của để tạo dựng cơ ngơi ấy. Cửa lớn, cửa sổ, cột kèo, ván trần, đều làm bằng gỗ kiên chắc

chắn. Nền đất nện chặt, hơi ẩm toát ra mát rượi. Phía sau nhà bếp có cái giếng đá ong nước tốt và một hồ cá xây bằng vôi. Tuy nhiên, cả gia đình chủ nhà đã lưu lạc không biết về đâu từ khi phủ Qui Nhơn bị mất năm 1773, nên cả nhà lẫn vườn chỉ còn có cái vỏ ngoài. Chuối bị đốn để nấu cháo heo. Đồ đạc không còn thứ gì dùng được, cái bị khuôn đi cái bị đập phá.

Suốt mấy năm vô chủ, căn nhà lá mái bắt đầu dột nát ấy đã trở thành chỗ trú ẩn của dơi, chuột, chồn, và lũ ăn trộm vặt. Cũng may các khuôn và cánh cửa chưa bị gỡ đi. Có lẽ khu này có nhiều nhà hoang và ngay phía đường cái cánh cổng độ vài trăm bước, có một trạm gác. Bọn tham lam hôi của không dám liều lĩnh khuôn cả những tấm ván cửa nặng, sợ sau đó phải đeo gông của lính phủ. Lợi,

An và ông giáo phải quét dọn suốt nửa tháng mới dám đến ở. Lãng đã theo Huệ ra Quảng Nam dẹp loạn Nguyễn Phúc Xuân, Nguyễn Phúc Quyền. Nhật làm lơ như không biết rằng trên đời này còn có một người tên là giáo Hiến. Ba người phải tự lo liệu lấy. An ngạc nhiên là trong lúc hoạn nạn, Lợi không có lấy một người bạn thân nào đến hỏi han, giúp đỡ.

Là người đàn ông mạnh mẽ duy nhất của gia đình, Lợi phải gánh vác mọi việc nặng nhọc. Làm một mình không nổi thì đi thuê. Mặt Lợi dầu dàu, nhưng do vô tâm nên tối đặt lưng xuống là ngủ, không than van, không hối tiếc. Đó là điểm đáng yêu đầu tiên An ghi nhận nơi cá tính của chồng.

Phần ông giáo thì nửa tháng bận rộn giúp ông quên được những đau đớn

riêng. Ông có cái hăm hở của người vội vã gây dựng một cuộc đời mới sau thời gian bỏ phí thì giờ vào những chuyện không đâu. Ông giúp rể rào lại khu vườn đổ nát, vun các gốc cây ăn quả, sửa lại các hàng rào chè, chặt bớt các thân chuối đã xơ xác vì thối rữa hoặc mất phần đọt non trong các vụ trộm. Mái bắc bị dột nát nhiều chỗ, ông cùng với Lợi đi mua tranh dọi lại cẩn thận. Hai người cũng thuê thợ cạo lại cái giếng đá ong lâu ngày không dùng đầy rác rến, và ếch nhái. Công việc vất vả thật đấy, nhưng bù lại, họ có niềm vui tạo dựng, và niềm kiêu hãnh được tự tay làm lấy tất cả, bất chấp sự thờ ơ của nhân sinh.

Thỉnh thoảng Kiên có đến giúp cha, nhưng chỉ giúp được những việc lật vật. Kiên có quá ít thì giờ, từ chỗ bến tắm ngựa đến chỗ ông giáo lại quá xa. Thêm

công việc bề bộn ở kho quân lương (Lữ bận quá nhiều việc với chức Thiếu phó nên giao bớt công việc ở kho cho Kiên), và cái quán rượu đang đông khách của vợ! Dù sao chẳng nữa, qua nửa tháng, việc dọn nhà đã hoàn thành. An nhóm bếp lần đầu ở nhà mới, làm một mâm cơm có thịt, chả cá, lươn um và bún tàu xào gạch cua để cúng tân gia.

Bữa cơm đầu tiên trong căn nhà mới diễn ra lặng lẽ, ông giáo, Kiên, An, Lợi cắm cúi ăn không ai nói với ai lời nào. Nếu không có con Út (con viên cai cơ Kiên dẫn theo) lâu lâu bạo dạn lên tiếng đòi miếng chả hay cái bánh ít, người ngoài có thể tưởng đấy là bữa tiệc của những người câm.

✱

Điều dễ đoán là không có khách khứa nào đến thăm căn nhà mới của họ cả. Con chó Vện (Lợi xin về nuôi để phòng bọn trộm vặt quen thói cũ có thể lảng vảng vào vườn mỗi tối) rất có ít việc để làm. Buổi sáng ông giáo dậy muộn, nghe tiếng cánh cổng kéo kẹt giữa tiếng lá chuối đập vào nhau xao xác, ông biết rể vừa đi làm. Trưa, Lợi ở lại kho vì nhà quá xa. Xế chiều, nghe tiếng chó hực, con chó chỉ hực một tiếng ngắn chứ không sủa vang, ông biết rể đi làm về. Ông chờ tiếng chó sủa báo hiệu khách đến như kẻ hoài nghi chờ điều thiện. Tuy vậy, ông vẫn chờ. Bạn bè cũ của ông đâu cả rồi? Lại thêm bạn bè của An, bạn bè của Lợi? Chẳng lẽ họ không biết ông đã dời nhà về đây? Từ phủ đến nhà ông, kể cũng xa xôi cách trở đấy! Nhưng tình người không thể đo bằng độ đường. Hễ họ muốn tìm thăm ông tất phải tìm ra. Có lúc ông ngờ

con Vện khù khờ đã đánh mất khả năng đánh hơi người lạ. Nhưng đêm đêm nó vẫn sủa dọa lũ trẻ con chui vào vườn lật ổi non mà! Không có cách biện hộ bào chữa nào nữa, ông phải chán ngán cho tình đời. Rồi ông vẫn đợi!

Một hôm chán cảnh nằm khoèo một chỗ nghe tiếng lá chuối xào xạc, ông giáo mặc áo đội khăn nhất quyết ra cổng. An ở phía trong nhà cài lại cái then gỗ rồi, ông vẫn chưa biết mình định đi đâu. Ông nghĩ: Hay ta đến thăm gia đình thằng Kiên!

Ông đi dọc theo bờ sông, dưới những vòm tre tối. Ông không có gì phải vội nên bước chậm. Lá tre trở mình dưới chân ông. Bụi đường không bốc lên sau bước ông. Ông đi theo con sông uốn khúc một lúc, mới biết mình đi ngược hướng về nhà Kiên. Ông lại nghĩ: Sao lại đến cái

quán rượu nhớp nhúa ồn ào ấy? Giờ này Kiên đi làm chưa về. Mấy mẹ con đó có liên hệ máu mủ gì với ta đâu! Đến thăm họ, chẳng khác nào ta công nhận cuộc chung chạ trái đạo ấy. Vả lại, ta đến rồi đứng ngồi ở đâu? Ngồi chung với bọn mã phu quần áo bẩn thỉu sũng ướt nốc rượu để quên lạnh ư? Ta có điên không đây? Nghĩ vậy nên ông giáo không quay bước, tiếp tục lang thang dọc theo bờ sông tre phủ cho đến lúc gần tối.

Ông về tới cổng thì con vện sủa vang. Ông lên tiếng, nó vẫn sủa dấm dẳng, đôi mắt hốt hải và đầy nghi ngại. An chạy ra mở cổng. Ông bảo:

– Con Vện nó lú lẫn mất rồi! Chẳng lẽ nó không nhận ra cha!

An đáp:

– Có lẽ nó tưởng ông khách trở lại cha ạ!

Tự nhiên ông giáo hồi hộp. Ông vội hỏi:

– Có khách à?

– Dạ.

– Ai thế?

An tránh đường cho cha vào, vừa gài then vừa đáp:

– Con cũng không biết nữa!

Ông giáo gắt gỏng:

– Phải hỏi chứ!

– Con vừa trả lời cha đi khỏi, ông ta hỏi chừng nào cha về. Con bảo chắc cũng sắp về thôi. Ông ta suy nghĩ một lúc, rồi bảo sẽ trở lại. Nói xong, ông ta quay gót

đi ngay. Con chưa kịp hỏi gì cả!

– Ông khách người thế nào?

An bối rối, do dự, rồi đáp liêu:

– Da... da cũng đã lớn tuổi. Đầu đội khăn.

Ông giáo bức quá, nói:

– Ai mà chẳng đội khăn. Có phải người quen không? Đã đến nhà ta bao giờ chưa?

– Trời hơi tối nên con không nhìn rõ mặt. Vả lại ở nhà chỉ có mình con. Con không dám mở cổng, chỉ đứng bên trong hỏi với qua hàng rào gai thôi.

– Lợi nó chưa về à?

– Dạ chưa. Hồi sáng anh ấy báo trước sẽ về muộn.

– Hay là người quen cũ ở An Thái, hoặc ở Tây Sơn thượng?

An rút rè đáp:

– Có lẽ thế.

– Lại “hình như” với “có lẽ”. Cố nhớ lại xem! Ông ta có nói gì thêm không?

– Ông ta chỉ hỏi cha có nhà không. Nghe con đáp, ông ta thờ người suy nghĩ, lẩm bẩm: “Tiếc nhỉ. Ông giáo không có nhà, tiếc nhỉ”.

– Sao lúc này con không kể câu đó?

An kinh ngạc ngược lên nhìn cha, hỏi:

– Câu ấy có quan trọng gì đâu hở cha!

– Không ai như mày! Ít ra phải tìm

cách hỏi ông ta là ai, tìm cha có việc gì. Nếu không cũng phải nhìn kỹ xem ông ta già hay trẻ, gầy ốm, quen lạ thế nào chứ.

An bực dọc, chống chế:

– Nhưng ông ta hẹn trở lại, thưa cha!

Con Vện hực lên một tiếng, chạy nhanh ra cổng. An vui mừng nói:

– Đấy, ông ta trở lại đấy. Để con đi mở cổng.

Nhưng không phải ông khách. An và ông giáo quên rằng con chó Vện chỉ hực tức là Lợi về. Ông giáo thức thỏm đợi khách cả đêm, cả ngày hôm sau. Hôm sau nữa, ông quên đi!

Nhưng vài hôm sau, đột nhiên ông giáo nghĩ:

– Người khách ấy là ai mà tìm ông vào giờ đó? Tìm có việc gì? Chắc chắn là việc quan trọng, vì nếu không, hơi đâu mất công lặn lội tới đây vào lúc chạng vạng tối. Mà đã quan trọng sao không chịu khó chờ ông. Hay tại con An vô lễ không chịu mở cổng, chỉ đứng bên trong nói với qua rào? Nhưng ông ta có hẹn trở lại ngay cơ mà? Sau khi quay bước, ông ta đổi ý chẳng? Ông ta gặp tai nạn gì chẳng? Nếu ta lang thang theo hướng kia, chắc chắn đã gặp ông ta giữa đường rồi. Ông ta sẽ vô cùng mừng rỡ khi nhận ra ta, sẽ báo cho ta biết những điều quan trọng, sẽ van nài năn nỉ ta làm giúp cho ông việc này việc nọ. Không thể là những chuyện vụn vặt được! Nếu là chuyện vụn vặt như xin một câu đối, hỏi một câu sách nho, ông ta đã không có vẻ nôn nóng, luyến tiếc như An thuật lại. Biết đâu chuyện ông ta nhờ sẽ chuyển hướng

cuộc đời ta, đánh dấu một khúc quan trọng đại như cuộc gặp gỡ định mệnh giữa ta và ông biện lại Vân Đồn. “Tiếc nhỉ! Ông giáo không có nhà. Tiếc nhỉ!”. Ông ta nói đúng. Tiếc thật. Tại sao? Cơ trời xui khiến thế nào mà ông ta tìm đến đây đúng lúc ta vắng nhà? Tiếc thật!

Từ đó ông giáo rình nghe tiếng chó sủa. Con Vện nằm dài lười lỉnh bên cạnh cái chõng ông nằm, lâu lâu chỉ hực một tiếng báo hiệu hoặc Lợi đi làm về, hoặc An đi chợ về, hoặc Kiên đến thăm cha. Lâu lâu nó cũng có sủa vang đấy, nhưng chỉ để dọa lũ trẻ nít rần mắt chui qua hàng rào hái ổi, hoặc để tiếp những con chó hoang ghẻ lở cùng mình. Người khách lạ bí mật không bao giờ trở lại. Ông giáo cứ hồi hộp lóng tai chờ, chờ mãi, chờ hoài. Tắt cả sinh lực của thân thể ông dồn hết cho đôi tai. Ông ít nói, ít

cười, lâu lâu An nghe cha thở dài luyện tiếu cho một cơ hội nghìn năm một thuở đã mất. An sống với cha lâu ngày nên không để ý đến các dấu hiệu bất thường ấy. Mãi đến khi Lãng từ Quảng Nam trở về, An mới được em lưu ý các dấu hiệu khác thường trong hình sắc và tâm tính cha. An thấy em nhận xét đúng. Hai chị em ngùi ngùi thì thảo với nhau rằng cha đã bắt đầu lâm cảm.

✱

Lãng cũng ghi nhận những biến đổi trên khuôn mặt và cử chỉ của chị, nhưng do sự dè dặt tế nhị thường có giữa một người em trai đối với người chị gái đã chia sẻ cuộc đời với một người đàn ông khác, Lãng không dám tâm sự thẳng thắn với An như trước kia nữa. Vả lại, Lãng

chưa xác định rõ ràng được chị biến đổi thế nào. Đó là chưa kể điều quan trọng này: anh hiểu các biến đổi ấy có nguyên do từ đời sống vợ chồng thâm kín, điều mà mỗi lần nghĩ tới, Lãng không khỏi xót xa vì ghen tức và luyến tiếc.

Lãng thấy chị buồn. Trong cuộc sống mới giữa một người cha bắt đầu lẩm cẩm và một người chồng cau có vì thất thế, chị Lãng vui sao được. Dĩ nhiên phải thế. Nhưng Lãng càng nhìn chị càng thấy An có vẻ gì khác hơn nỗi buồn rầu. An vẫn đẹp như trước khi lấy chồng. Vẫn mái tóc đen mượt, cái mũi thanh tú, đôi môi nhỏ và hồng, cái cổ trắng, cao. Nhưng rõ ràng trên khuôn mặt chị có vẻ gì buông thả vượt ngoài ý muốn của An, như chị đã không kiểm soát nổi cử chỉ và cách biểu lộ trên khuôn mặt mình. Da mặt An hơi sượng lại, mi mắt đầy, nhưng ánh

mắt lúc nào cũng bừng sáng và long lanh khác thường. Trong đôi mắt ấy, đôi mắt thường xuyên ươn ướt như sắp khóc, có một thứ sinh lực nồng cháy, tha thiết và cuống quýt giống y sức mạnh huyền bí của mọi sinh vật ở thời kỳ tăng trưởng hay sinh nở.

Lãng mơ hồ đoán chị đang có mang, nhưng không bao giờ anh dám mở miệng hỏi chị. Anh đâm thương hại An, thương hại tràn trề pha lẫn nào tiếc nuối, nào xót xa, nào lo âu vu vơ. Anh cảm thấy chị cô đơn, và điều Lãng tuyệt vọng hơn hết, là không thể nào An chia sẻ niềm cô quạnh lẻ loi cho ai khác. Một mình An gánh chịu cuộc thử thách mới mẻ này, một mình An trấn trở giữa sợ hãi và hy vọng, giữa tiếc thương một giai đoạn vô tư của thời con gái và nao nức làm mẹ. Tất cả xao động phức tạp ấy của

chị, Lãng đoán được, mà không diễn tả bằng lời được, chứ đừng nói đến chuyện tâm sự với An để chia bớt nỗi hiu quạnh bơ vơ của chị.

Lãng ái ngại cho An, nhiều hôm liếc nhìn khuôn mặt biến đổi, cử chỉ uể oải của chị, muốn hỏi lắm, nhưng không biết hỏi thế nào cho khỏi động chạm đến chuyện riêng tư giữa hai vợ chồng An Lợi. Cuối cùng Lãng hy vọng: dù sao An vẫn còn có chồng để chia sẻ nỗi lo âu thai nghén. Ý nghĩ khiến Lãng nhẹ bớt nỗi lo lắng, thương xót. Nhưng Lợi có hiểu chị như Lãng hiểu chị không? Lãng thắc mắc, không dám quả quyết chị mình đã tìm được hạnh phúc. Anh e dè hỏi An:

– Độ này em thấy anh Lợi có vẻ trầm ngâm hơn trước. Hình như anh ấy “chín” hơn. Có gia đình phải chịu trách nhiệm nhiều hơn ngoài công việc bên kho, anh

ấy đổi khác. Phải thế không chị?

An nhìn em đăm đăm, muốn đo lường ý nghĩ của Lãng trước khi trả lời. An sợ trong câu hỏi của em vẫn còn ẩn dấu những thành kiến, ác cảm đối với chồng. Nhưng nét mặt thành khẩn của Lãng khiến An yên tâm. Chị đáp:

– Vâng, anh ấy có đổi khác. Cuộc đời gia đình chúng ta thay đổi nhiều quá, làm sao mỗi người giữ nguyên như trước được. Cả chị cũng vậy, mà em cũng vậy.

Lãng được dịp tốt liền hỏi An:

– Phải, chị thay đổi nhiều lắm, chị An ạ.

An buồn rầu nói:

– Chị xấu đi, phải không?

Lãng vội xua tay cải chính:

– Không đâu. Chị vẫn như trước. Nhưng dĩ nhiên có nhiều, không, em lắm rồi, dĩ nhiên có vài điểm khác trước.

Rồi An sợ hỏi kỹ hơn, Lãng hỏi:

– Anh Lợi có kể chuyện trong phủ cho chị nghe không? An thành thực đáp:

– Không bao giờ. Mỗi lần chị hỏi chuyện trên kho, anh ấy trở nên cau có, gắt gỏng. Vài lần đầu chị chưa nhận ra, về sau chị tránh không hỏi nữa. Em về đây có nghe chuyện gì liên quan đến anh Lợi không?

Lãng lựa từng ý trước khi nói với chị:

– Có chị ạ. Tuy anh Huệ có can thiệp, nhưng trại chủ vẫn chưa tin hoàn toàn vào anh ấy như trước. Việc kho vẫn bề bộn, anh Lữ làm Thiếu phó gánh vác trách nhiệm nặng nề hơn, phải chia bớt

việc quân lương cho người khác. Đáng lý anh Lợi quen việc phải được anh Lữ tín nhiệm. Nhưng cho đến nay, anh ấy vẫn còn phụ trách những việc vặt.

An thở dài, rồi nói:

– Có lẽ vì thế mà lúc nào anh ấy cũng bồn thần như người mất hồn. Chị khổ lắm. Giá em cứ ở đây mãi mà khỏi phải đi đâu để chị có người chuyện vãn.

An rơm rớm nước mắt, bắt đầu thút thít khóc ngay trước mặt em. Lãng thương chị, cảm thấy không còn gì phải e ngại khi hỏi An:

– Anh ấy có vui khi biết chị đã... chị đã...

An hiểu Lãng muốn nói gì, đỏ mặt, vừa thút thít vừa vội vã nói:

– Chị cũng không biết nữa.

Rồi để che dấu ngượng ngịu và tủi thân, An hỏi sang chuyện khác:

– Chuyến này em ở lại nhà được lâu không?

Lãng đáp:

– Em cũng không biết nữa. Anh Huệ lên làm Phụ chính, trở thành người phụ tá quan trọng của trại chủ trong việc binh, nên từ đây về sau, thế nào anh ấy cũng phải cầm quân đánh nam dẹp bắc luôn. Không biết chừng hôm nay em còn ở đây, mai đã phải đi không kịp về từ biệt chị nữa.

An ngược lên liếc nhìn em, gương mặt tự nhiên trở nên linh động vì một vẻ hân hoan e ấp thoát đến. An mỉm cười, đưa lưng bàn tay chùi nước mắt trên má hỏi Lãng:

– Độ này anh ấy có mạnh khỏe không?

Lãng hiểu ngay ý An, vui vẻ đáp:

– Anh ấy sức voi thì mưa gió bệnh tật nào vật ngã cho nổi. Tên đạn còn phải sợ nữa là. Chị biết không, mỗi lần xông trận anh ấy luôn luôn xông lên hàng đầu làm gương cho quân sĩ. Lúc dừng chân nghỉ, chưa kịp cởi giáp đã tìm đến chỗ nấu bếp xem cơm nước của anh em ra làm sao. Khởi cần đoán chị cũng biết quân sĩ thương anh ấy đến bậc nào. Thật khác hẳn cái thói côn đồ quân Hòa nghĩa đối đãi với nhau trước đây.

An chớp mắt vì cảm động, dịu dàng dặn em:

– Lãng ở bên cạnh, nhớ nhắc... nhớ nhắc... đừng nên liều lĩnh không cần

thiết. Cả em nữa cũng phải cẩn thận ở chỗ đầu tên mũi đạn. Lỡ có mệnh hệ nào, chắc chị và cha không... không...

An nghẹn lời không nói tiếp được nữa. Lãng sung sướng được chị lo lắng, cười to rồi nói:

– Chị làm như em còn là một đứa con nít yếu ớt. Em đã hai mươi một tuổi rồi, chị nhớ không?

– Ờ nhỉ. Chị hơn em hai tuổi. Đã hai mươi ba tuổi đầu. Chị già rồi. Quay đi quay lại rồi lưng chị còng, tóc chị bạc. Buồn không Lãng?

✱

Lãng lo về trại trước lúc chạng vạng, không chịu ở lại ăn cơm tối với gia đình.

Tuy thế bữa cơm hôm ấy rộn rã vì Lợi cười nói luôn miệng. Ông giáo đắm mình trong nỗi chờ đợi vu vơ đang bắt đầu đè nặng đời ông, nên không chú ý đến biến đổi đột ngột của con rể. Chỉ có An ngạc nhiên trước thái độ khác thường của chồng. Quá biết tính Lợi, nên An không vội hỏi ngay trong bữa ăn. Thế nào Lợi cũng nói trước cho An biết, An khỏi cần phải hỏi. Lợi chờ mãi chưa thấy vợ hỏi gì, theo vợ xuống bếp tươi cười gọi chuyện:

– Hồi chiều Lãng nó có về à?

An lấy gáo múc nước đổ vào cái chậu sành để rửa chén bát, không quay lại phía chồng, đáp gọn:

– Vâng. Nó về trại rồi.

– Lãng có báo tin cho em biết chưa?

An lo lắng hỏi:

– Tin gì vậy?

– Thế nó chưa cho em biết à?

An dè dặt đáp:

– Nó có nói gì đặc biệt đâu. Chuyện đẹp loạn ở Quảng Nam vừa rồi phải không?

– Không. Chuyện đó xưa rồi. Chuyện này quan trọng hơn nhiều. Đây, anh nói riêng cho em nghe, nhớ đừng bép xép nói lại cho ai biết nhé. Tin mật đấy. Ta sắp đánh thẳng vào Gia Định, em biết chưa?

An lo sợ nói:

– Thật à? Sao Lãng nó không cho em biết! Hay nó cố giấu để em khỏi lo âu?

Lợi hãnh diện nói:

– Có lẽ chính Lãng cũng chưa biết gì đâu. Không phải ai cũng đáng cho biết cả, vì còn phải giữ bí mật quân sự. Và lại chuyển này chính ông Thiếu phó cầm quân chứ không phải anh Huệ.

An reo lên:

– Thật thế à! Phải rồi, nếu Lãng phải vào Gia Định thì nhất định nó không giấu em đâu. Suốt buổi chiều, nó có nói tới chuyện đi đánh tận trong nam đâu!

Lợi sốt sắng đi mức chậu nước khác cho vợ, rồi vỗ vai An bảo:

– Anh có chuyện vui lắm, em muốn nghe không?

An tò mò quay nhìn Lợi, cố lấy giọng từ tốn hỏi:

– Chuyện gì khiến anh hí hửng vậy?

– Anh biết thế nào em cũng bằng lòng nên khỏi cần hỏi ý em trước. Vả lại chắc chắn Lãng nó còn ở lại đây lâu, nên khỏi sợ nhà đơn chiếc. Anh cố nằn nì với ông Thiếu phó mãi mới được đấy.

An sốt ruột hỏi:

– Nhưng chuyện gì mà anh cứ quanh co mãi. Anh sắp đi đâu?

Lợi cười mơn trước khi đáp:

– Anh được người quen cho biết ông Thiếu phó sắp cầm quân vào đánh Gia Định lần đầu, và có lẽ cũng là lần chót để diệt cho tan tành bọn vua quan nhà Nguyễn. Em biết đấy, bấy lâu nay anh bị ruồng bỏ, không ai thèm dùng đến anh nữa. Chẳng lẽ suốt đời anh chịu làm tên ký quèn ghi ghi chép chép ba cuốn sổ thu chi từng đồng tiền kẽm. Anh không

muốn mà em cũng không muốn vậy. Cho nên anh đã tình nguyện xin theo giúp ông Thiếu phó chuyển đánh Gia Định đầu tiên này. An không tin mình nghe đúng lời chồng. Chị ngưng việc rửa chén bát, quay hẳn người lại nhìn Lợi. Ánh nhìn hốt hoảng lo sợ của vợ khiến Lợi đâm lo lắng theo. Lợi hỏi:

– Em sao thế?

An lạc giọng hỏi chồng:

– Anh chưa biết gì ư?

Lợi ngơ ngác hỏi:

– Việc gì vậy? Hồi chiều có ai đến thăm à?

An chưa chút đáp:

– Anh mãi lo công danh sự nghiệp quá, có để mắt đến em đâu! Em có ra

thế nào, đau yếu hay khỏe mạnh, sung sướng hay buồn khổ, không bao giờ anh để tâm. Anh đi suốt ngày, tối về ăn cơm xong, đặt lưng xuống chiếu là ngủ. Em thế nào mặc xác. Từ hơn tháng nay em không chịu được đồ tanh, anh đâu thèm để ý.

Lợi ngu ngơ hỏi:

– Thì từ hồi nào em đã không thích ăn cá rồi. Em đi chợ thích mua món gì tùy ý, anh có ngăn đâu!

An giận quá, giọng run run hỏi:

– Em có mang, anh biết chưa?

Lợi trố mắt nhìn An:

– Em nói thật hay nói đùa?

An xẵng giọng đáp lại:

– Em nói đùa với anh làm gì! Đáng lý chính anh phải biết trước để lo lắng cho em, an ủi em. Chẳng những anh không ngó ngàng gì tới, bây giờ anh lại bỏ mặc em bụng mang dạ chửa ở đây để vào đánh nhau tận Gia Định. Em biết thế này, thà...

Đột nhiên Lợi nổi cáu, cướp lời vợ:

– Thà cái gì? Thà ở vậy chờ đám nào danh giá hơn cái thằng ký kho quèn này phải không? Thà chờ đến ngày làm bà Phụ chính phải không? Cứ nói huých toẹt ra đi cho khỏi ầm ứ trong lòng. Tôi không phải thằng mù, cô biết chưa. Trời cho tôi đôi mắt để trông thấy mọi sự, và đôi tai để nghe hết mọi lời. Tôi dại dột gì mà không hiểu tâm can của cô. Nhưng cô phải biết: Không ai cho cô với cao quá đầu. Không phải vì lòng tốt mà trại chủ xuất của kho ra tổ chức một đám cưới

linh đình như thế đâu. Tôi biết, thiên hạ biết, tất nhiên cô cũng phải biết. Không biết như vậy chắc chắn cô đã không bằng lòng lấy tôi làm chồng. Nhưng cô đừng quên rằng trước khi lấy cô, tôi không phải là một thằng ký quèn. Tôi chỉ trở thành thằng ký quèn sau khi lấy cô, sau khi làm rể một... một...

An giận quá gần như hét lên:

– Anh không được xúc phạm đến cha tôi. Trời ơi! Sao tôi khổ thế này...

Không thể chịu đựng thêm nữa, An bật khóc. Bấy giờ Lợi mới thấy mình vì tự ái, ghen tuông mà quá lời. Đồng thời anh cũng nhận thấy không có thể làm hòa ngay với vợ được. Anh đã xúc phạm nặng nề đến danh dự vợ, đến danh dự gia đình vợ. Anh đã nói tuột ra hết những điều từ lâu mọi người có thể nghĩ nhưng

không ai dám nói. An bỏ chậu chén bát rửa dở, chạy lên buồng trên. Chị cài then lại, Lợi năn nỉ thế nào cũng nhất định không lên tiếng. Liên tiếp mấy ngày liền, An tránh không muốn gặp chồng. Lợi đi làm rồi An mới dậy, mở cửa buồng xuống bếp lo bữa điểm tâm cho cha. Lợi đi làm về, nghe con Vện hực sữa An đã vào buồng giả vờ ngủ. Lợi quay quắt vì đủ thứ lo lắng: nào lo chuẩn bị cho cuộc nam chinh bất trắc vì đây là lần đầu tiên Tây Sơn tiến vào tận Gia Định, nào lo tìm cách làm hòa với vợ, nào lo gửi gắm gia đình cho bạn bè, thân nhân, cả cho hàng xóm trong thời gian mình vắng mặt. Chuyện tham dự vào cuộc nam chinh đối với Lợi trở thành việc hiển nhiên, điều tất yếu, không thể thay đổi được. Đó là cơ hội thăng tiến duy nhất và cuối cùng của đời anh, cơ hội Lợi lập công để xóa cái vạ không do anh gây ra.

Cho nên dù An hờn giận đến đâu, anh vẫn cứ hăng hái chuẩn bị cho trận đánh Gia định lần đầu tiên này. Mới 27 tuổi đầu, Lợi còn quá trẻ để bằng lòng dừng lại ở chức ký kho chuyên nghề cạo giấy ở một góc phòng ẩm nồng mùi gạo mốc.

✱

Dù sao đêm trước hôm xuất quân, Lợi cũng làm hòa được với vợ. Anh đã dùng hết tài miệng lưỡi và khiếu khôi hài để An chịu bỏ nét mặt đăm đăm, thái độ xa lánh lăm lè từng làm cho không khí trong căn nhà vắng nặng nề ứ đọng bấy lâu. Anh cũng dùng cả ngón chân cái bị dập khi chuyển đồ đạc vũ khí xuống ghe làm lợi khí gợi lòng thương xót của vợ. Lợi đã thành công. Thấy chồng loay hoay xếp đặt quần áo và đồ dùng cần thiết

cho chuyến hải hành xa xôi bất trắc, An không thể làm bộ thờ ơ được nữa. Chị mở cửa buồng, đem cái áo bông của Lợi ra giữ bụi, rồi bỏ sẵn vào cái túi lớn may ở lần vải phía trong nào khăn mặt, dầu gió, kim chỉ may, thỏi quế, mấy củ gừng và nút áo.

Chộp ngay lấy dịp tốt, Lợi đưa ngón chân bị thương ra biểu diễn với vợ:

– Em có thuốc gì xúc cho anh một chút. Sợ lộ nước, làm độc mất!

An vẫn giữ nguyên nét mặt lạnh lùng, nhìn qua vết thương, hỏi chồng:

– Bị lâu chưa?

Lợi tươi cười như hãnh diện vì được vô ý gặp nạn, liền thoảng kể:

– Ấy, đã năm, sáu ngày rồi. Anh tưởng như mấy lần trước, cứ để mặc như thế cho nó tự ý đóng vảy, kéo miệng, lành da không ngờ chuyển này nó làm dữ. Ái! Em nhẹ tay một chút. Hình như phía trong lớp vảy đen còn mưng mủ đấy. Em xúc thứ gì mà mát vậy?

An ngược nhìn Lợi vẫn với đôi mắt lạnh lùng vô hồn, nói với giọng đều đều:

– Phải chịu đau một chút để gỡ cái vảy ra, chùi cho hết mủ rồi xúc thuốc mới công hiệu.

Lợi vui vẻ nói:

– Đúng rồi. Tùy em muốn làm gì thì làm. Đau nhức mấy anh cũng chịu đựng được hết, miễn là... miễn là...

Lợi liếc nhìn An dò thái độ của vợ, do dự ấp úng một chút, rồi nói tiếp:

– Miễn là... em đừng giận anh nữa. Làm người ai không có lúc lầm lẫn, nhất là làm chồng.

An bật cười, không giữ mặt nghiêm được nữa. Lợi kêu:

– Ái, em làm anh đau quá. Đã xong chưa.

An bối rối xin lỗi:

– Em vô ý mạnh tay quá. Gần xong rồi. Phải để em buộc kỹ. Em nghe khi bị đau ở ngón chân người ta thường lấy mật heo buộc nguyên cả ngón, mau lành lắm. Nhưng không được dầm nước. Anh sắp được khỏi thấy mặt con vợ càu nhàu đi chơi một chuyến xa tận Gia Định nên trông hí hửng như người sắp được của.

Lợi đổi ngay nét mặt, làm bộ buồn rầu than:

– Em đừng nói vậy. Không có gì khiến anh hí hửng mừng vui cho bằng chiều chiều đi làm về, trông thấy em tươi cười đón đả ra mở cổng. Đi chuyến này, vì là chuyến đầu nên có thể lành ít dữ nhiều.

An vội hỏi:

– Đã biết vậy tại sao anh còn tình nguyện xin đi? Anh đâu phải là người quen việc gươm giáo. Cũng không ai buộc anh phải đi cả. Bỏ em bụng mang dạ chứa thế này, em sợ lắm. Em nghe người ta nói sinh con so thường gặp khó, ít khi mẹ tròn con vuông. Lỡ có mệnh hệ nào...

Lợi vỗ vai vợ an ủi:

– Đừng nói đại. Thế nào anh cũng về kịp trước ngày em sinh. Vả lại, chỉ còn dịp này để ông Thiếu phó tín nhiệm

anh, tin tưởng anh trở lại. Phải ở vào hoàn cảnh khó khăn anh mới chứng tỏ được khả năng tháo vát nhanh nhẹn của mình. Chứ ký cốp ghi chép vài quan tiền muối với mấy quan tiền mắm, công trừ nhân chia chi li, thì ai không làm được. Về chuyện đó anh Kiên còn giỏi và kỹ hơn anh.

– Ngày mai chừng nào anh đi?

– Có lẽ sáng sớm. Hồi trưa dưới chợ Giã lên báo là đoàn thuyền đã sẵn sàng. Khí giới lương thực đã chất đủ. Chỉ còn chờ trên này xuống nữa thôi.

– Chuyến này Lãng nó có đi không anh?

Lợi vui mừng đáp:

– Không. Anh nghe nói ban đầu trại chủ định giao cho anh Phụ chính vì dù

sao trong việc quân, anh ta cũng quen việc hơn. Tuy phần lớn các trận xưa nay đều ở trên bộ, nhưng quen việc thì thủy hay bộ đại khái không khác bao nhiêu. Về sau, chính Thiếu phó xin trại chủ cho mình tự cầm quân chuyển này. Với chức lớn như vậy, Thiếu phó phải có quân công để tạo uy tín trước ba quân. Trại chủ hơi e dè nhưng cuối cùng bằng lòng. Anh quen làm việc với Thiếu phó, biết cái hay cái dở của ông ta. Em cứ tin đi, chuyển này về thế nào bọn xấu mồm xấu miệng cũng sợ thụt cả lưỡi, nem nếp bên đường nhìn ngựa anh qua. Rồi bạn bè lại bu đến đây đông y như trước.

An nhận xét:

– Loại bạn bè đó không tốt lành gì đâu! Chúng nó thấy lợi thì bu đến như ruồi bu quanh đĩa mật, khi thấy dấu hiệu nguy hiểm thì vội xa lánh. Anh xem, mấy

tháng nay có ai đến thăm anh không!
Những đứa trước kia xum xoe bên anh
cầu cạnh thứ này thứ nọ, nay biến đi đâu
cả rồi?

Lợi cười lớn đáp:

– Trò đời như vậy thay đổi sao được.
Đó là luật chơi, không nên buồn. Họ như
vậy, mà ta cũng như vậy. Nếu không tội
gì lặn lội vào mãi tận Gia Định làm gì!

An ngổ ngàng nhìn chồng, môi mím
lại. Chị bớt lo, nhưng buồn man mác, như
vừa mất thêm một thứ gì chưa thuộc hẳn
về mình, do đó không tiếc nuối, nhưng
vẫn ngùi ngùi!

✱

Lợi đi rồi, An mới có dịp nhìn lại

toàn cảnh đời sống vợ chồng của mình gần một năm qua.

Nhờ khoảng cách cần thiết của không gian và thời gian, nhờ những buổi trưa rỗi việc ngồi một mình nghe cái thai động đập như muốn nhắc nhở An dọn lòng đón nhận trách nhiệm làm mẹ, An được thông thả, tự do ôn lại những ngày tháng qua. Chị tự hỏi: Mình hạnh phúc hay đau khổ? An không trả lời dứt khoát được!

Những gì An trải qua sau ngày cưới vẫn còn để lại dấu ấn bề bàng, xót xa trên cuộc đời chị. Sự vô vậ tham lam của Lợi, cảm giác rời rã bản thân của nhiều đêm mất ngủ, những đau đớn trong cuộc giao hợp khó khăn buổi đầu, cùng nỗi khiếp hãi trước các hành động sinh lý xảy ra dưới ánh đèn lù mù (những hành động An tưởng chỉ có giữa giống đực và

giống cái của loài động vật hạ đẳng sống trần trụi không có trí khôn để tìm một phương thức truyền giống thanh cao hơn), mãi đến nay vẫn còn khiến An run sợ. Chị tưởng mình không thể kham nổi cuộc thử thách ghê gớm và dị thường đó. Chị sống trong trạng thái bệnh bông, lúc nào cũng bị ám ảnh bởi lối nhìn lém lỉnh của Lợi và ánh đèn dầu leo lét buồng tân hôn. Nhiều lần An muốn tắt đèn đi, nhưng Lợi không chịu. Lợi muốn nhìn rõ từng biểu hiện khoái cảm trên gương mặt vợ, để tận hưởng niềm kiêu hãnh làm chồng. An cố giấu không cho Lợi thấy mình xúc động, nhắm mắt chịu đựng. Nhưng đã có lúc chị không làm chủ được mình. Đôi tay An chơi vơi, thân thể oằn lên, hơi thở dồn dập, một sức mạnh ào ạt như sức bão từ tận cùng thân xác cuốn phăng tất cả dè dặt, e lệ, bẽ bàng, sợ hãi của chị. Đây là lúc chị bắt

đầu cảm được những cảm giác mới nó lẫn át cả cảm giác đau xót ban đầu. An bị cuốn vào cơn lốc cảm giác, tự mình đánh mất mình. Chị bắt đầu mon men tham dự, mặc nhiên đón nhận các câu nói bóng gió và lối nhìn giễu cợt của Lợi như điều thân mật thầm kín quý giá của riêng hai người với nhau.

Cuộc sống chần gối ở chỗ khuất lấp giống như một giây liên lạc thiêng liêng càng ngày càng nổi chặt hai vợ chồng, hoặc như chiếc đĩa thần giúp họ khám phá bộ mặt mới của nhau, bộ mặt mới của cuộc đời, bộ mặt mà càng nhìn gần họ càng thấy nó có nhiều khía cạnh bất ngờ đáng phải quan tâm hoặc thích thú khám phá. An làm sao quả quyết được cảm tưởng thú vị lạ thường đó không phải là tình yêu, hoặc quả quyết đó mới đích thực là tình yêu. Không. Cho đến

nay An vẫn xúc động đến nghẹn lời khi nghĩ đến một cuộc hôn nhân trong đó An lấy được người chồng mình hằng kính trọng, thương yêu, quý mến. Được nép mình vào cánh tay rắn chắc ấy, được buông thả dùi dặt giữa tiếng nói trầm và chậm ấy, được đỏ mặt cuống quýt trước ánh mắt hơi khinh bạc và giễu cợt ấy, và... và sau đêm tân hôn, được trọn mình quay cuồng trong niềm hoan lạc chung sau khi cùng nhau chia sẻ những đau đớn e ấp như cái giá phải cùng chia nhau trả để đón hạnh phúc trọn vẹn sau này.

Nhưng làm gì An được cái may mắn ấy! An biết lắm, và cha của An, cả Lợi nữa cũng biết rõ lắm! Chị không thể hoài công tiếc nuối một điều không thể có. Chị lấy Lợi là phải, và trạng thái an lạc trầm lặng liêu lĩnh An được hưởng

cũng có thể tạm gọi là hạnh phúc. Chị sắp có con, và có thêm một sinh vật thân yêu do chính mình nuôi dưỡng bằng máu, thịt, lo âu; sắp được ngắm nó ngủ say trong nôi; sắp được nghe nó khóc, hồi hộp canh giấc khi nó đau yếu, mọc răng, chập chững, hí hửng trông nó lớn lên.. tất cả những điều sắp có là gì, nếu không gọi là hạnh phúc.

Trong niềm băng khuâng và hoang mang ấy, hình ảnh Lợi cũng bớt các nét đậm đà. An tìm cách biện hộ cho Lợi, tự trách đã để cho các ác cảm, thành kiến làm mình xa cách chồng. An còn tìm được người đàn ông nào lo lắng cho An từ cây kim sợi chỉ cho đến chuyện to tát hơn như Lợi? Còn tìm ai trên đời say mê An, chịu đựng tất cả thua thiệt, kiên nhẫn chiều chuộng An cho bằng Lợi. Với tài tháo vát và ăn nói khôn khéo, Lợi

có thể dễ dàng tìm được một vị trí cao trong xã hội này. Lấy An thì Lợi được gì, ngoài cái vạ phải mang để bây giờ chịu cực khổ liêu lĩnh vào tận Gia Định xa xôi để cố ngoi dần lên địa vị cũ. Lợi đáng thương đấy chứ! Dĩ nhiên anh cũng có nhiều tính xấu, như tính ba hoa, sự hời hợt trong tình cảm, óc thực tiễn lạnh lẽo dễ kết bạn mà cũng dễ gây thù, nhưng những điều ấy thuộc về bản tính mất rồi!

✱

Trong thời gian Lữ cầm quân vào đánh Gia Định lần đầu, Nhạc hồi hộp lo sợ cho lực lượng thủy quân vừa tái lập (sau khi Tập Đình rồi Lý Tài mang đi hầu hết chiến thuyền qua hai vụ đào thoát phản trắc), ngại rằng nếu Lữ thất bại, Tổng Phúc Hợp có thể thừa cơ tấn kích

Qui Nhơn. Vì thế, Nhạc sai Huệ tăng cường phòng thủ ở mặt trận Cù Mông và chợ Giã. Lãng phải đi đi về về trên các tuyến đường Cù Mông, Bích Khê, lần nào được phép ghé phủ cũng gắng về thăm cha và chị. Vào những dịp đó, cảnh nhà ông giáo bớt hiu quạnh nhờ những cuộc chuyện trò giữa hai chị em. Ông giáo vẫn lầm lì ít nói, trí óc không thôi ám ảnh bởi nỗi tiếc cuộc gặp gỡ không thành. Cách ăn nói, suy nghĩ, quan sát, kể cả cách xử thế thông thường của ông đều bị biến đổi. Tất cả giác quan của ông đều mờ, chậm đi, trừ thính giác nhạy cảm khác thường. Lúc nào ông cũng chú hết tâm trí để lắng nghe tiếng chó sủa báo hiệu người khách trở lại. Lãng thấy tình trạng tâm thần của cha thật đáng ái ngại, thì thảo đề nghị với An:

– Hay ta đừng nuôi con Vện nữa. Chị nghĩ sao?

An nói:

– Điều chính yếu không phải là có hay không có con Vện. Em nghĩ mà xem, cái khổ là cha tin rằng thế nào ông khách cũng trở lại, vì ông ta mang đến cho cha một tin quan trọng lắm. Cha cứ nghĩ giá cha có mặt ở nhà hôm ấy thì cuộc đời cha đã thay đổi.

– Làm sao chị biết vậy?

– Chị chỉ đoán thôi, nhưng chị tin chắc đã đoán đúng. Từ hôm em lưu ý chị về sự khác thường của cha, chị cố tâm tìm hiểu. Nay một câu, mai một câu, chị góp chung lại thành suy đoán có căn cứ, có mạch lạc.

– Hoặc chị thử nói thẳng, cho cha

khỏi chờ đợi viễn vông nữa. Chị cứ bảo có người quen nào đó ở An Thái hoặc bên phủ quan nhờ xin vài chữ đại tự về làm liền.

– Phải rồi! Chị lú lẫn quá lắm. Tại sao điều đơn giản thế mà lâu nay chị không nghĩ tới.

An thực hành gợi ý của Lãng một cách kín đáo, khéo léo. Ban đầu, ông giáo tỏ ra thất vọng, không ngờ con người ông mất công náo nức chờ đợi bấy lâu chỉ là một anh dốt sính chữ. Ông hỏi đi hỏi lại xem An có lẩm lẫn không. An quả quyết với cha rằng: An gặp lại chính ông khách ấy, nghe lại chính giọng nói ấy. Khi An hỏi “Lâu nay cha cháu vẫn chờ bác, hôm nào bác lại đến để cha cháu ở nhà chờ ạ?” ông khách bảo vì chờ ông giáo không được, đã đi xin chữ ở một thầy đồ khác dưới Mỹ Cang. An khéo bịa đây

đủ các chi tiết cần thiết, khiến ông giáo phải tin lời con. Ông âu sầu mấy ngày vì tuyệt vọng. Nhưng không bao lâu về sau, ông tìm được cơ sở lý luận khác để nuôi dưỡng niềm tin cũ. Ông hỏi An:

– Hôm ấy con không mở cửa cho bác ta vào chứ?

– Dạ không. Trời chạng vạng tối, chỉ có mình con ở nhà. Con đứng trong rào hỏi với ra ngoài mà thôi.

– Con có nhớ kỹ nét mặt bác ta không?

An thành thực đáp:

– Con không nhớ.

– Thế thì làm sao con nhận ngay ra bác ở chợ để hỏi vụ hôm trước.

An nhanh trí đáp:

– Chính bác ta nhớ ra con và đến hỏi thăm cha trước.

Ông giáo lăm bắm, bực dọc:

– Xin mấy cái chữ thì việc gì phải lặn lội đến tận xó tối này, gặp không được thì thôi có sao luyến tiếc, thắc thỏm đến thế. Không phải cái lão dốt nát ấy đâu. Nhất định con lăm rồi. Có thể lão đến tìm cha thật, nhưng ông khách hôm ấy không phải là lão ấy. Rồi con xem, thế nào ông ấy cũng trở lại tìm cha.

Thế là hai chị em thất bại. Lãng chưa tìm ra cách khác để cứu cha ra khỏi vòng chờ đợi mông muội. Hai chị em ái ngại nhìn nhau, tuy không nói ra nhưng cùng muốn tránh nói đến dấu hiệu lăm cẩm đáng ngại của cha già. Họ quay lại về đề tài cả hai đều thích thú là chuyện liên quan đến viên Phụ chính hai mươi bốn

tuổi: Nguyễn Huệ. Thông thường trong các cuộc nói chuyện có vẻ rời rạc, đầu Ngô mình Sở ấy, An chỉ cười, ngượng ngịu chờ Lãng kể, lâu lâu hỏi đôi lời cố ý làm như thờ ơ, vô tình. Chẳng hạn khi Lãng bảo:

– Hôm kia chị có đi chợ phải không?

An đáp:

– Phải. Hôm kia chợ phiên: Chị mua cho cha một vài lạng thịt về hầm, và cá bống về kho khô. Món cá em ăn hồi trưa đó.

Lãng mỉm cười liếc nhìn chị, có vẻ nửa muốn nói nửa muốn không. An tò mò hỏi:

– Có chuyện gì vậy?

Lãng ấp úng mãi mới đáp lơ lửng:

– Không có gì. Em chỉ hỏi thế thôi. Tại có người quen trông thấy chị đi chợ về.

An tràn trề hy vọng lẫn xấu hổ khi hỏi:

– Ai thế?

– Anh ấy bảo có lẽ vì cái thai đã lớn, nên dáng đi của chị nặng nhọc, chậm rãi đến tội nghiệp.

– Chuyện hão! Đàn ông chỉ được ích kỷ, bao nhiêu công lao thai nghén sinh nở đều phó mặc cho đàn bà, làm như việc riêng của họ, không dính dáng gì tới. Gớm, hôm ấy chợ phiên đông ơ là đông.

– Vì vậy cả đoàn người ngựa phải chật vật lắm mới qua được khỏi chợ. Chúng nó định quất tháo cho thiên hạ

chạy dạt ra tránh đường. Mọi khi làm như vậy tiện và chướng lắm. Hôm kia, anh ấy trừng mắt ngăn lại. Lũ trẻ con trước còn nem nép bên đường, về sau ủa ra sờ cả lên mông ngựa. Các bà hàng rau được nước không thềm kéo mấy giỏ rau lớn vào lề đường. Về tới phủ đã quá trưa.

– Mặc sức mà đói nhỉ! Hôm ấy chị về sớm, có thấy đoàn quân nào qua chợ đâu. Túc cười! Chị gặp cô bạn lúc trước có bán hàng xáo ở chợ An Thái. Cô ta chưa lấy chồng, vẫn bán gạo như cũ. À này, em có nhớ chuyện cây gạo chợ An Thái không?

– Nhớ chứ! Hồi đó chị hàm hồ nhất, cứ đổ triệt cho em. Không có anh Huệ thì tội mình còn đổ thừa cho nhau hoài. Lại thật, hoa nào cũng hoặc thơm tho, hoặc khoe sắc. Chỉ có hoa gạo là vô duyên hết sức.

– Lãng nói thật cho chị biết nhé. Chị... chị như thế này trông có kỳ cục lắm không?

Lãng ngó một lúc lâu mới hiểu chị, cười đáp:

– Không đâu. Trông chị “vững chãi” ra, như thêm sức nặng để chống chọi với đời. Như mấy lực sĩ mỗi lần thủ thế phải dồn hết sức nặng lên đôi chân để xuống tấn. Chị mang thêm một cuộc đời mới, phải xuống tấn như các võ sĩ chứ.

– Nhưng ai đã biết chị từ hồi còn con gái chắc là phải thấy kỳ cục. Như em vừa nói đó, người ta chê chị chậm chạp, lạch bạch như con vịt què.

– Có ai tả chị như thế đâu. Đây, chị đặt tên con là gì thế?

– Biết nó là trai hay gái mà đặt trước. Vả lại cái đó còn phải hỏi cha, sợ trùng tên ông bà.

– Nếu chị được quyền chọn tên, chị chọn tên nào?

An xúc động bối rối như sợ Lãng thấy được tận ý nghĩ của mình, nhưng cũng đáp nhỏ:

– Chị thích tên Thái. An Thái, hai mẹ con ghép nhau thành nơi chúng ta sống một thời thơ ấu thân yêu. Lãng nhớ không? Vả lại, tên Thái đặt cho trai hay gái cũng được cả. Nhưng này, chị hỏi em phải nói thật cho chị biết: Chị nặng nhọc thế này trông có gớm ghiếc quá không? Biết thế chị đừng vác mặt đi chợ nữa.

– Không! Sao chị cứ thắc mắc về một chuyện không đâu thế! Chị vẫn như

trước. Phải. Kỳ về thăm nhà lần đầu em thấy chị hơi xanh, mắt hơi nặng. Nhưng lần này gương mặt chị vẫn y như thời trước. Nếu chị mặc áo rộng hơn một tí không ai biết đâu.

– Nhưng hôm kia chị mặc cái áo chật quá. Chợ đông chị em chen một lúc, bật cả cúc áo. Về sau chị phải giữ lấy vạt. Em ở lại ăn cơm với cha nhé. Không được từ chối. Đã ở lại ăn buổi trưa được thì ở đến chiều cũng được. Thiếu gì có để vắng mặt. Ai quở trách cứ đổ hết lên đầu chị. Chị đã đáng tội nghiệp quá rồi, thêm tội nào khác cũng không sao.

Lãng nghe tiếng chị cười reo vui như hồi còn thơ!

Chương 39

Mấy ngày nay thời tiết càng lúc càng xấu. Bầu trời mầu chì hạ thấp xuống, mưa liên miên, gió từng cơn xô ngã những bụi tre ven bờ sông. Cây cối trong vườn xơ xác, cành lá tươi tắn gãy đổ vì bão dữ. Tin chiến thắng Gia Định về tới Qui Nhơn từ cả tuần trước khiến cả phủ xôn xao mừng rỡ. Người ta chờ đợi đoàn thuyền chiến thắng trở về từng ngày, từng giờ, và cơn bão đến thật không đúng lúc. Đã có những lời đồn đãi bất lợi rằng gió lớn đã thổi dạt hơn hai trăm chiếc ghe bầu chở đầy lương thực

vào Bình Khang, và đã xảy ra một trận huyết chiến giữa đoàn quân chiến thắng và quân Tổng Phúc Hợp.

Có tin lại bảo đoàn thuyền hiện tạm ghé vào Vĩnh Long, trại chủ phải gửi ngay một đạo quân vào Phú Yên để bảo vệ số lương thực thu được. Những lời đồn đại ấy tăng thêm không khí chờ đợi náo nức, và có hậu quả cấp thời là giá gạo ngoài thị trường hạ thấp chưa từng có. An có mang đến tháng thứ bảy nên trong người uể oải khó chịu, lúc nào cũng cảm thấy buồn ngủ. Bước đi của chị đến bấy giờ mới thực sự lạch bạch y như con vịt. Đôi vai chị vẫn nhỏ và ốm, khuôn mặt hơi xanh, khiến cái bụng to càng nổi bật thành một gánh nặng quá sức của người tập sự làm mẹ lần đầu. Chị cũng vui mừng và lo lắng theo nỗi vui nỗi lo chung. Hôm nào Lãng ghé thăm

An cũng hỏi tin tức đoàn ghe bầu. Thấy chị sốt ruột quá, Lãng ngạc nhiên hỏi:

– Chị lo lắng cho anh Lợi còn hơn cả cho chị nữa. Hóa ra chị thương anh ấy đến độ đó sao?

An giật mình nhìn em, hơi ngỡ ngàng:

– Em hỏi gì lạ vậy? Không lo cho chồng thì lo cho ai nữa?

Lãng biết mình nói hớ, vội chuyển câu chuyện sang hướng khác. Anh bắt đầu thấy thế giới tình cảm có những điều phức tạp hơn anh tưởng. Lãng hơi thất vọng, vì hình dáng ủ ê lẫn tâm trạng lo âu của chị. Anh bực bội cố tìm những tin không vui để báo cho chị, nhưng ngạc nhiên làm sao, An hơn hờ đón nhận những tin ấy. Khi Lãng nói:

– Nghe đầu trại chủ không bằng lòng mấy về chuyển tấn công Gia Định này. Ý định của trại chủ là tiêu diệt đám quan quân nhà Nguyễn rồi tổ chức lại thành trì làm kế lâu dài. Nhưng ông Thiếu phó chỉ lo thu hết thóc lúa chất đầy thuyền rồi giong buồm về đây.

An cười, góp ý:

– Làm như vậy là phải. Mới đi lần đầu, đã biết lực lượng địch thế nào mà dám ở lại. Thu hết thóc kho của chúng tức là tiêu diệt chúng dần dần rồi!

Lãng tức tối nói:

– Nghĩ như chị thì còn gì nữa! Vội vội vàng vàng vào đó chở thóc đem về, chẳng khác nào...

An cắt lời em:

– Thì lo cái gì cũng không bằng lo cái bụng. Dĩ thực vi tiên. Anh Lợi đi chuyến này giúp được khối việc cho ông Lữ. Chuyến vận mấy trăm ghe thóc, đâu phải là chuyện đùa.

Lãng không thềm nói gì với chị nữa. Anh lẩm bẩm: “Chị ấy thương chồng đến thế kia à? Chị ấy bất chấp lý lẽ, nói sao cũng xuôi miễn anh Lợi trở về an toàn với chị!”

Cuối tháng Tám, tức là khoảng 10 ngày sau cái hôm hai chị em An gặp nhau, Lợi trở về an toàn như mong ước của vợ. Đoàn ghe bầu có gặp bão, có dạt vào Vĩnh Long mấy hôm, nhưng lực lượng của Tổng Phúc Hợp đã kéo vào Gia Định cứu viện nên không có cuộc chạm trán nào xảy ra như tin đồn đãi. An mừng quá, cầm lấy hai tay chồng lắc lắc, không biết nói sao cho hết nỗi lo lắng, mừng

tủi. Chị nhìn ngón chân cái của Lợi hỏi:

– Lành hẳn rồi chứ?

Lợi nhớ chuyện cũ, cười đáp:

– Vâng. Lành hẳn rồi. Anh chỉ việc ngâm chân xuống biển vài bận là tự nhiên khỏi. Còn em hình như vừa đau dậy phải không?

– Đâu có! Em vẫn thường. Chỉ lâu lâu, cái chú trong này hung hăng đập dữ, em bị đau tí chút thôi.

Lợi chợt nhớ đến tình trạng thai nghén của vợ. Nhìn xuống bụng An. Cái bụng quá lớn so với thân thể ốm yếu. Lợi lo ngại hỏi:

– Em mang nặng lắm nhỉ? Có cần anh giúp không?

An lườm chồng rồi bảo:

– Có.

– Giúp gì nào?

– Làm ơn đừng bắt em mang nặng
lần nào nữa. Một lần đủ rồi!

Lợi cười thích thú:

– Không được. Trời cho bao nhiêu
mừng bấy nhiêu. Nhà có phúc dày lắm
mới được con đàn cháu đống. Chúng ta
mới có một đứa, ăn thua gì. À lúc nãy em
bảo “cái chú này”. Có chắc ta sắp có con
traí không?

– Em chỉ đoán thế, vì thấy nó đập dũ
quá.

Nét mặt Lợi hân hoan hẳn lên. Đôi
mắt mơ màng. Lợi nói:

– Anh phải cho nó học võ để lớn làm
tướng. Ở thời loạn này không có gươm

trong tay, hét cũng không ai sợ chứ đừng nói chuyện tử tôn ôn hòa. Một là phải có thần thể. Hai là phải có lưỡi gươm bén. Chuyển vừa rồi không có ông Thiếu phó chắc anh không tài nào đem mấy trăm ghe bầu thóc về đây được.

An sửa lại cái cúc áo cho chồng, tò mò hỏi:

– Trong Gia Định lúa thóc giàu có đến thế à?

– Vâng. Dân cư còn thừa thớt nhưng đồng ruộng phì nhiêu lắm. Gieo một gia giống rồi giao cho trời, đến mùa thu được ba trăm gia.

– Vậy thì người nào cũng thành điền chủ cả sao?

– Không. Chuyện đời đâu có đơn giản vậy. Họ còn phải nộp thóc sưu thuế

cho quan phủ để chở về kinh đô, còn lại một ít vừa trả nợ cho dân Hoa Kiều trên chợ, vừa ăn nhín nhịn thêm cho đủ đến mùa sau. Dân ruộng vẫn khổ, chỉ có các xóm Hoa Kiều và kho thóc của Chúa là đầy ắp của cải, sản vật. Phố xá san sát, nhà cửa quanh bên ghe hoặc chợ đều xây gạch lợp ngói. Hàng hóa ở phố Sài Gòn và Cù lao phố bày la liệt, thứ gì cũng có.

Rồi nhìn trước nhìn sau, Lợi hạ thấp giọng hỏi vợ:

– Cha đâu rồi?

– Nằm ở nhà trên. Chắc đang ngủ. Chờ cha dậy hãy lên chào cũng được. Từ hôm có bão, tội nghiệp, cha cứ lo lắng cho anh.

– Cha ngủ rồi à? Anh có mang về làm quà cho em thứ này hay lắm. Đoán xem nào!

An không dẫn được vui mừng, cũng thấp giọng hỏi Lợi:

– Quà à? Cho em xem đi.

Lợi nhìn lên phía nhà trên, căn dặn vợ:

– Nhưng em đừng nói cho ai biết nhé. Kể cả cha nữa.

– Được. Thứ gì mà anh làm ra vẻ bí mật vậy?

Lợi rút từ trong bọc áo trong ra một gói giấy buộc kỹ. Anh run run mở dây chỉ. An hồi hộp theo dõi mấy ngón tay bối rối của chồng. Sau hai ba lớp giấy, An thấy một thỏi vàng lớn bằng ba ngón tay, dày mấy phân. Lợi sung sướng khoe:

– Chừng khoảng năm, sáu lượng gì đấy. Em thấy chưa, nếu cứ ru rú trong

cái góc kho tối tăm thì được gì. Anh còn thêm một số quà khác cho em nữa, nhưng phải chờ ghe về đây đã. Ông Thiếu phó hết lời khen anh. Không có anh, còn lâu mới đem được bấy nhiêu thóc về đây. Nhưng cũng phải nhận không có cái uy của Thiếu phó, anh khó mà làm được gì. Ủa, sao em dàu dàu nét mặt vậy. Chú nhỏ lại đập à?

✱

Sau chuyển vận lương ở Gia Định, Lợi mau chóng leo trở lại địa vị cũ trước ngày lấy An. Khả năng tổ chức và tài thao vát của Lợi trở thành sự thực hiển nhiên, không ai có thể phủ nhận được nữa. Sự thành công cả hai mặt quân sự và kinh tế của cuộc nam chinh đầu tiên cũng khiến trại chủ hân hoan và bao dung độ lượng

hơn. Thiếu phó đề nghị việc gì cũng được trại chủ chấp thuận.

Nhờ vậy, Lợi được giữ chức vụ quan trọng về quân lương, được tặng một số không nhỏ chiến lợi phẩm từ vải vóc, đồ sứ, đồ đồng cho tới tiền bạc. Vì thiếu ghe thuyền chuyên chở, quân Tây Sơn đã bắt buộc một số ghe chài phải chở lúa về tận Qui Nhơn. Dĩ nhiên các chủ thuyền cùng gia đình họ không dám trở lại Gia Định. Lợi đưa hai bé gái (một đứa lên mười, một đứa mười hai) con nhà thuyền chài rủi ro bị ép buộc di tản đó về nhà giúp việc cho An. Đứa lớn lo việc bếp núc. Đứa nhỏ chuẩn bị để bế em bé. Nhờ thế gần hai tháng ở cũ cuối cùng, An được sống an nhàn sung túc, khỏi phải lo lắng điều gì.

Lợi xuất tiền sửa sang lại vườn tược, mua sắm thêm bàn ghế. Anh kêu thợ

vôi về đắp cho cha vợ một cái hồ nuôi cá vàng, có đầy đủ hòn non bộ, những chiếc cầu cong bắc qua suối, con nai ngơ ngác ở bìa rừng, cây tùng già trên chóp núi và vài lão tiều lão ngư. Ông giáo tiếp nhận sự sẵn đón, cung phụng của người con rể đặc thế với vẻ thản nhiên. Lợi hơi buồn, nhưng An tìm cách vượt ve chồng, bảo rằng ông giáo hơi lắm cảm nên không thấy hết các đức tốt hiếu thảo của Lợi.

Khỏi chờ đợi lâu, bạn bè cũ của Lợi lại ùn ùn kéo đến, khi thì thăm nhờ vả điều này, khi xum xoe biếu xén thứ kia. Nhiều hôm An vất vả giúp đỡ hai đứa giúp việc rót trà, dọn rượu, hoặc chịu đựng cảnh khách khứa ồn ào. Nhưng An vẫn vui, lòng tự ái được vượt ve, nhất là chính mắt chứng kiến vai vế quan trọng của chồng trong buổi mới. An còn trẻ

quá dễ ghi nhớ những chuyện ấm lạnh của nhân tình.

Có thể trong tâm trí ông giáo, qua cái nhìn khinh thị và nụ cười mỉm của ông khi phải tiếp chuyện đám bạn bè của Lợi, ông giáo còn nhớ đến cảnh quạnh quẽ lúc bị thất thế. Riêng An thì chị hoàn toàn thỏa mãn với cảnh sống rộn rã này. Vì sắp tới kỳ sinh nở, không tiện xuất hiện trước khách khứa. An chỉ ngồi ở buồng trong nghe chồng và bạn bè bàn luận. Họ khen ngợi nhau, nhờ vả nhau một cách sòng phẳng, thẳng thắn, không e ngại khi phải nói đến chuyện tiền bạc.

Nhiều người đến thăm Lợi, nhưng có dẫn theo cả vợ nữa. Những người đàn bà ăn nói lịch thiệp khôn khéo ấy thường để mặc cho chồng thừa chuyện với chủ nhà, còn mình thì tìm gặp bà chủ. Họ khen An

quá trẻ để là vợ một nhân vật quan trọng như vậy, khen An đẹp tuy đang ở thời kỳ thai nghén. Từ dè dặt, dần dần An bị lôi cuốn vào các câu chuyện son phấn, quần áo, buôn bán, kinh doanh. Những người khác ấy thường trở lại thăm An với những món đồ An nhờ mua giùm mà nhất định không nhận lại tiền An trả, lắc đầu quây quây bảo giá món đồ đó rẻ lắm, không đáng bao nhiêu. Nay một ít, mai một ít, đồ đạc trong nhà An dần dần trở thành thừa thãi. Và lại được dịp để Lợi hãnh diện về thế giá của mình.

✱

Khoảng rằm tháng Mười An bắt đầu cảm thấy khó chịu trong người. Bụng An râm râm, lâu lâu đau thốn ở phần bụng dưới. Chưa từng có kinh nghiệm sinh đẻ

nên An không dám nghĩ mình sắp sinh con. Chị tưởng mình ăn phải một món thịt không được tươi. Nhưng chị cũng lan man đoán rằng có thể đây là dấu hiệu chuyển bụng, vì cảm giác đau đốn khác hẳn, chưa bao giờ như thế cả. Thấy chồng đang ngủ say, An không dám lay Lợi dậy. Chị tự nhủ có thể chú bé cựa quậy mạnh quá đấy thôi. Chịu khó một chút chú ta lại ngoan ngoãn! Nhưng dù căn môi cố dần càng lúc cơn đau càng tăng. Thân thể An đầm ướt mồ hôi. Chị ngồi dậy, đưa hai tay bế bụng đi đi lại lại trong buồng, hy vọng nhờ vậy cơn đau có giảm bớt chằng. Cái bụng không trăn xuống như An tưởng, nhưng cảm giác căng thẳng dồn lại ở ngay phía dưới bụng. An rón rén xuống bếp. Đi tiểu xong, cảm giác khó chịu vẫn như cũ. Bấy giờ chị mới mạnh dạn lay Lợi:

– Anh, anh!

Lợi ú ớ xoay người ra phía ngoài, rồi nằm sấp lại tiếp tục ngáy. An phải lay thật mạnh Lợi mới chịu mở mắt ngơ ngác nhìn quanh. Anh chưa hiểu đang làm gì, đang ở đâu. Phải chờ một lúc Lợi mới nghe thấy được lời vợ. Anh nghe An nói:

– Không biết có phải đã đến lúc chưa? Em tưởng bị trúng thực vì món gỏi chiêu hôm qua, nhưng chắc không phải.

Lợi choàng ngồi dậy, hấp tấp hỏi:

– Em bị trúng thực hả?

– Không. Hình như... hình như em sắp sinh rồi.

Lợi lo lắng hỏi:

– Thật à? Sao em biết?

– Em đau thốn ở chỗ này. Không phải ở dạ dày. Chỗ này này.

Lợi đứng bật dậy, chạy đến chỗ An đang đứng. Bộ dạng cuống cuống của Lợi khiến An phải bật cười:

– Anh làm gì thế? Định đi đâu?

– Phải gọi cha dậy. May ra cha hiểu phải làm gì. Làm sao đây? Anh có biết ất giáp gì về chuyện sinh đẻ đâu?

An vội can:

– Đừng thức cha dậy. Anh qua nhà hàng xóm, nhờ thím bên đó dẫn đi tìm bà mụ. Em chưa sinh ngay đâu. Anh cứ yên tâm.

– Nhưng lỡ anh vừa đi khỏi thì em sinh con?

An cười gượng, cố giấu sự đau đớn:

– Không sao đâu. Em nghe nói còn phải vỡ nước ổi nữa mới bắt đầu. Đi đi anh, bảo con bé nó thấp cái đèn lồng.

Lợi vừa bước ra cửa vừa quay nhìn vợ, như sợ An để rớt ngay sau khi anh bước khỏi ngạch. Anh lo sợ quá, lò mò thế nào vấp phải mấy cái ghế. Con bé ngủ quá say khiến anh phải to tiếng mới vực được nó dậy. Vì thế Lợi đánh thức cả xóm vì sự mau miệng và hốt hoảng thiếu kinh nghiệm của anh.

Lợi mời được bà mụ về lúc gà gáy sáng.

Vừa hối thúc vừa năn nỉ, gần như Lợi lôi xệch bà lão qua khoảng đường gập ghềnh tối tăm về nhà mình. Để bà mụ bớt cần nhần, anh hứa trả một món tiền lớn, lại luôn miệng nói khôi hài cho đỡ sốt ruột. Tối cống anh nghe có tiếng

oa oa bên trong vườn. Nhưng An đã hết đau bụng, thản nhiên chờ Lợi về. Bà mẹ bức dọc vì mệt nhoài và tưởng đã mất một món tiền công quá lớn, gắt gỏng với Lợi:

– Thế mà cậu bảo nếu chậm chân, về tới đây chỉ vừa kịp dự cúng thôi nôi cho cháu thôi!

An bật cười – Lợi ngờ ngác hỏi:

– Hay em bị trúng thực?

Bà mẹ ngáp dài, rồi bảo An:

– Cô vào buồng cho tôi xem qua. Có lẽ còn sớm quá. Chà, cũng khá lớn đấy chứ. Con so phải không?

– Dạ vâng.

– Chân đã phù lên chưa? Còn... còn... nhưng thôi, cô vào đây với già.

Cậu ngồi đẩy đờng vào nhé.

Lợi hứa sẽ trả công hậu hĩnh nên bà cụ thuận ở lại để săn sóc An, chờ đỡ An khi sinh nở. Hai hôm sau, An lại chuyển bụng. Nhờ có bà cụ bên cạnh, chị cảm thấy yên tâm hơn. Chị khỏi phải hãi hùng khi chất nước nhầy lợn cợn đã tiết ra ở cửa mình và cơn co thắt mạnh và gấp hơn trước. Tuy nhiên An vẫn cảm thấy bơ vơ ghê gớm. Mặc những lời an ủi hoặc khuyến khích bông đùa, chị vẫn cảm thấy chỉ một mình mình chịu đựng cuộc thử thách xa lạ nguy hiểm này, một mình mình oằn người đau đớn, hai hàm răng cắn chặt lấy chéo khăn để khỏi phải bật khóc.

Khi nước ối vỡ ra, cơn đau thắt thôi thúc chị thở gấp và một sức mạnh vô hình đột nhiên buộc chị rặn đẻ. An cố hết sức mà không thể nào làm đúng như

lời thúc giục của bà mụ. Cái thai khá lớn, xương chậu lại hơi hẹp. Chị rặn đến mệt lả, mồ hôi vã ra như tắm. Đầu óc chị quay cuồng, tai chỉ nghe loáng thoáng tiếng bà mụ khi năn nỉ, khi quát tháo. Tình trạng nhập nhằng kéo dài không biết bao lâu, đến lúc An dùng hết sức bình sinh lấy hơi rặn thật mạnh thì một cảm giác đau như xé pha lẫn tê dại ồ ạt đến, bùng vỡ như một cái xác pháo. An ngất đi, tai chị nghe tiếng bùng nhưng không thể phân biệt được đâu là tiếng gió thổi, tiếng trẻ oa oa chào đời, tiếng cười nói cuống quýt của bà mụ lẫn tiếng hỏi thăm thắng thốt của Lợi ở hai bên vách buồng.

Rồi dần dần mọi sự nhiễu loạn tan đi. An cảm thấy rõ ràng, ê ẩm từng đốt xương thớ thịt. Chị mở mắt lảo liên nhìn quanh. Môi chị khô. Người ta đã thay cho An một cái quần khác. Chị muốn

xin nước uống, nhưng cửa buồng đóng kín. Bên kia vách có nhiều tiếng thì thào. An muốn cất tiếng gọi nhưng tự nhiên sợ hãi. Chị tự hỏi: Ta còn sống nữa không? Chị nhấc tay lên sờ mặt mũi. Má chị còn ướt nước mắt. Lưỡi chị liếm quanh đôi môi khô, cảm giác tê cay có thực. Chị còn sống đây mà! Chị còn sống! Còn sống! Chị đã vượt qua cơn thử thách ghê gớm. Đến lúc đó, chị mới bắt đầu thả lỏng về đứa con vừa mới ra đời giữa cơn đau xé của thân thể mẹ. Cửa buồng xích mở. Và hình ảnh đầu tiên khiến An muốn nghẹn thở vì hạnh phúc là Lợi đang bồng trên tay một “con người” đỏ hồng, nhỏ xíu, ngang lưng có buộc một băng vải trắng. Lợi quên cả hỏi thăm sức khỏe vợ, đưa đứa con lại sát gần An khoe khoang:

– Con trai em ạ. Gớm ông tướng

khóc to như cái tù và. Mãi bây giờ mới chịu ngủ một lúc.

✱

An nhìn đứa con mới sinh nằm bên cạnh mình với cảm giác bàng hoàng bán tín bán nghi. Chị vẫn chưa trọn tin sinh vật nhỏ xíu đỏ hồng ấy do chính mình cưu mang suốt chín tháng để cuối cùng chịu đau đớn rặn sinh nó ra đời. Dù không muốn, An cứ có cảm tưởng sợ sệt, gần như ác cảm với đứa bé. Chị thấy nó xấu xí, ghê ghê chẳng khác nào một con chuột con. Đầu đứa bé quá dài so với thân thể. Hai mắt sưng mọng, mi mắt đỏ bầm. Da thịt lấm chấm những vùng tím tím như hình những cái vảy tròn. Tóc lúa thừa vài sợi dãn chặt lên cái mỏ ác thoi thóp. Cánh mũi phập phồng. Đôi

môi nhỏ mím lại, lâu lâu chúm lên nút nút như đang bú.

Chị tự hỏi: Con của ta đây sao? Con của mẹ? Hai tiếng mẹ con lần đầu đối với An có một âm hưởng đáng ngờ. Như vậy là ta đã làm mẹ đứa trẻ xấu xí này. Con! Mẹ! Con của mẹ! Mẹ của con! An không thể hình dung được mỗi dây thiêng liêng nào có thể buộc chặt chị với sinh vật xa lạ ấy. Vâng, đúng là nó hình thành từ trong bụng An, dần dần lớn lên từ máu huyết, thịt xương của An. Nó động đập một chút là An đau. Nó đúng là thành phần của chính An, không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng đột nhiên nó thoát khỏi An, tách rời thành một sinh vật xa lạ, thở khác nhịp thở An, sống khác đời sống An. Nó hoàn toàn xa cách vì chưa biết mở mắt nhìn An, chưa biết cười để chị âu yếm, chưa biết làm nũng để chị dỗ

dành. Nó nằm đó, nhưng chưa tham dự chút nào vào nỗi vui buồn chung. Ngược lại, giữa hai mẹ con chỉ mới có cảm giác rã rời, gần như lạc lõng ê chề. Con của An? An nhắc đi nhắc lại mãi ba tiếng đó mà vẫn chưa thấy chút xúc động quặn luyến nào.

An không có sữa nên Lợi phải thuê thêm một chị vú. Suốt một tháng sau ngày ở cũ, chị lại phải chịu đựng những kiêng khem khắc khe. Căn buồng của An đóng kín mít gần như muốn ngột thở. Mỗi ngày hai lần chị phải xông lửa để cho da dẻ được hồng hào sau khi sinh dậy. Thức ăn chỉ có cơm trắng quệt muối tiêu, không khí trong buồng lúc nào cũng ngậy mùi dầu sả, mùi lá trầu cháy và mùi than.

Cả Lợi lẫn ông giáo đều có quá ít hiểu biết về chuyện đàn bà sinh nở, nên

bà mụ được toàn quyền buộc An kiêng khem đủ thứ. Kết quả là sau một tháng, người An gầy xẹp, mắt yếu vì không quen ra ánh sáng. Mỗi ngày một lần chị vú bồng con vào thăm mẹ, và niềm vui duy nhất của An là được chứng kiến sự biến đổi mau chóng của đứa bé. Càng ngày da thịt nó càng bớt đỏ. Hình dáng cân đối hơn. Khuôn mặt sinh động. Ánh nhìn bớt ngổ ngàng, và lâu lâu nó nhoẻn một nụ cười nhanh trong giấc ngủ. Chị vú bảo “bà mụ” đang tập cho nó biết cười, biết khóc, biết tủi thân thút thít, biết chơi với đũa tay câu cứu, biết đạp đổ phần nộ. An tin lời chị vú vì qua những cử động, gần như vô thức, An thấy con dần dần làm quen với những phản ứng phải có trước mọi cảnh huống sẽ gặp mai sau. Lòng yêu thương nhờ đó đậm nét, và An quen thuộc, e ấp, hồi hộp mỗi lần chị vú đưa đứa bé cho An ôm vào lòng. Chị xúc

động thật sự khi thì thầm bảo con:

– Cưng của mẹ. Thằng chó! Đạp mẹ dữ quá, làm mẹ đau. Mẹ tưởng không sống nổi để trông thấy mặt con. Mai sau nhớ đừng làm mẹ khổ nhé! Đừng làm mẹ khóc nhé. Ấy ấy. Có mẹ đây. Việc gì mà sợ mà dơ cả hai tay chơi với thế kia. Có mẹ đây, con ngoan. Không hiểu lời âu yếm của An có thấm được vào trí đứa bé không? Có lẽ có, vì sau đó, chị thấy nét mặt nó bình tĩnh hơn, lâu lâu nó mỉm cười.

*

Lãng có về thăm chị khi An sinh được nửa tháng, nhưng anh không được vào buồng gặp An. Lãng chỉ được chị vú cho bỗng đứa bé một chút để biết hương

vị làm cậu. Cũng như chị, Lãng chưa thấy tình cậu cháu có gì đậm đà. Anh ra về, lòng canh cánh thương hại cho chị, tiếc nuối giùm chị.

Ngày cúng đầy tháng, Lãng lại được dịp ghé thăm nhà và gặp được người mẹ trẻ. Lòng anh đau thắt khi thấy An gầy xanh, mắt nhìn ngơ ngác như vừa từ một thế giới khác trở về. Anh có cảm tưởng An là một chiếc thuyền sau bao ngày vượt sóng, bây giờ dạt được vào một bãi cát, nan thuyền rạn, cột buồm long, phải nằm phơi mình ê ẩm trên cạn để chờ tu bổ trước khi lại ra khơi phiêu lưu chuyển nữa. Rồi chuyển nữa. Chuyển nữa. Cho đến lúc chỉ còn là một đồng vụn những gỗ mục không còn ai thèm đoái hoài.

Vì nghĩ như vậy nên Lãng trốn đám khách khứa ồn ào của Lợi, xuống nhà dưới nói chuyện với chị. Lãng gặp cô Thọ

Hương đang ôm đứa bé con An nựng nịu, trong khi An âu yếm nhìn người bạn cũ với ánh mắt kẻ cả, bao dung. Thấy Lãng đến, Thọ Hương bối rối chưa biết nên trả đứa bé cho mẹ để ra về hay nên tự nhiên ở lại để hàn huyên. An vui mừng vì được Thọ Hương đến thăm, hãnh diện là đồng khách vì biết đó là dấu hiệu sự tín nhiệm của Tây Sơn vương đối với chồng mình. Chị cười hớn hở, đưa tay bảo Thọ Hương:

– .. Đưa... đưa... chị bồng cho, không nó đi tiểu ướt hết bộ áo đẹp bây giờ. Ấy chết. Dám xưng chị với lại... với lại Quận chúa, thật vô lễ. Nhưng... nhưng bây giờ xưng hô sao đây hở Thọ Hương?

Thọ Hương co rúm người lại, sợ vô ý đứa bé lọt tay sẽ rơi mất, liếc về phía Lãng trước khi bảo An:

– Đừng nói thế, chị An. Có gì xảy ra chẳng nữa em vẫn là em của chị. Quận chúa! Nghe tức cười lắm. Mấy chị của em như bà Nhậm (Vũ Văn Nhậm), bà Trị (Nguyễn Văn Trị) thích được gọi thế này thế nọ, riêng em, ai gọi Quận chúa em xấu hổ lắm. Cũng như trước kia...

Thọ Hương lại liếc về phía Lãng. Tự biết mình đã làm cho câu chuyện hai người bạn gái thiếu tự nhiên, Lãng nói với An:

– Em ra thăm cha một lát. Không, chị yên tâm. Em chưa về ngay đâu. Nghe nói anh Lợi đắp cho cha hòn giả sơn đẹp lắm. Em phải đi xem mới được.

Chờ cho Lãng đi khỏi, An mới hỏi bạn:

– Chị nghe nói Đông cung đã trốn đi rồi phải không?

Thọ Hương buồn rầu đáp:

– Vâng. Chị nghe tin ấy hồi nào?

– Cách đây mấy ngày thôi. Hình như lâu nay “ông ấy” vẫn ở chùa Thập Tháp mà!

Giọng Thọ Hương rời rã, lạc hẳn đi:

– Ông ấy ở đâu em cũng không thắc mắc nữa. Hết An Thái rồi lên Hà Riêu, từ Hà Riêu về Bồng Giang. Rồi Thập Tháp. Em thật xấu số. Em nói điều này chị đừng cười em bất hiểu. Đôi khi em oán cha em...

An vội cắt lời bạn:

– Em đừng nói dại! Cha mẹ ai không thương yêu con cái. Có ới mưa vật vã khi thai nghén, đau đớn đến oằn người khi sinh nở, rồi thức đêm thức hôm

canh giấc con ngủ mới thấy vì sao cha mẹ thương con. Chẳng những nó là máu mủ của mình, mà còn là sự đau đớn của mình, sự sung sướng của mình. Nó là một phần thân thể của mình rồi, như cái chân cái tay vậy. Rồi sau này em có con em sẽ thấy.

Thọ Hương rơm rớm nước mắt nói:

– Làm sao em có con được! Em bây giờ chẳng khác nào một người đàn bà góa.

An giật mình ái ngại nhìn bạn. Đến lúc đó, chị mới thấy mình hớ. Chị lúng túng muốn nói điều gì khác để che lấp sự vô ý của mình. May mắn lúc đó An thấy vạt áo nhiều xanh của Thọ Hương bị ướt đầm. Chị hô hoán:

– Chết mất! Chị nói có sai đâu. Nó tiểu ướt cả áo em rồi!

Thọ Hương vội nhìn xuống áo. Giống như tất cả những phụ nữ chưa từng làm mẹ, Hương ngại ngùng, sợ nước tiểu hôi và bẩn. Cô vội trả đứa bé cho An, hai tay cầm hai chéo áo giật giật cho nước tiểu tung ra bớt, nét mặt không giấu được sự khó chịu. An cười bảo:

– Không sao đâu. Một chút là khô ngay. May chú ta không làm xấu lên áo em đấy. Em đã thấy chưa! Còn đòi có con nữa thôi. Nhiều hôm cả người chị ướp toàn nước tiểu. Ai đến gần chắc phải chết ngạt mất.

Hương không thấy vui trước giọng khô hài của bạn, vẫn tiếp tục giật giật tà áo cho chóng khô. An hỏi:

– Lâu nay ở nhà em không bế các cháu con các anh chị sao?

Hương ngừng lên đáp:

– Có chứ. Hồi nhỏ em bổng em đến chai cả hông, xương sống oằn lên. Nhưng lúc gia đình bắt đầu khá, các anh các chị ai cũng có nuôi vú cả. Vả lại, chúng nó hỗn lắm. Em không ưa!

An tò mò hỏi:

– Hồn à? Trước kia chị thấy mấy đứa con ông cả Nhậm ngoan lắm mà!

Thọ Hương bĩu môi đáp:

– Ngoan! Chị lầm rồi. Từ ngày về đây, chúng nó thành ông hoàng bà chúa cả! Người hầu trong nhà toàn là kẻ quen thân cũ, tuổi tác phần lớn đều cao. Thế mà chúng nó bắt phải thưa gửi vâng dạ đằng hoàng, y như trong triều đình vậy.

– Ông cả Nhậm không mắng chúng nó à?

– Mắng! Anh ấy còn bảo phải thế cho đúng khuôn phép nhà quan. Nhiều hôm chú Tám không chịu được cảnh chướng tai gai mắt, bỏ ra ngủ ở trại quân.

An nóng bừng cả mặt, cúi xuống hôn trán con, âu yếm dặn:

– Nghe không bé của mẹ! Lớn lên đừng kênh kiệu, vô lễ với người già cả nghe không. Thế còn mấy cháu con anh Trị?

– Chị Trị đỡ hơn. Có lẽ tại chị ấy xấu hơn chị cả Nhậm. Đi đâu chị ấy cũng ngại bị người ta chê nước da đen nên cứ ru rú trong nhà. Chị An này, hôm qua chị Trị nhờ em dạy cho cách nhồi phẩn nữa đấy. Chuyến vừa rồi chú Bảy có đem về biếu chị ấy mấy hộp phẩn Tàu. Loại này hình như tốt hơn loại em biếu chị năm ngoái. Chị trông (Hương ngược mặt về

phía ánh sáng cho An ngấm kỹ), em dồi phần mà chị có nhận ra đâu.

An ngấm kỹ da mặt Thọ Hương, thấy trên làn da mịn màng có lấm tấm vài vết mụn xám. Nhưng đúng như Thọ Hương nói, An không phân biệt được làn da thật và lớp phấn ngoài, nếu chị không tinh ý phân biệt được màu trắng hồng trên trán với màu ngăm ngăm ở tận dưới chân tóc. An trầm trồ khen:

– Em dồi phần khéo thật. Có lẽ chị phải học em mới được.

Thọ Hương thích thú nói:

– Được chị khen em mới tin. Lâu nay không được đến thăm chị, em không biết nói chuyện với ai cả. Sau khi... sau khi xảy ra chuyện đó, em biết cha em ái ngại, nên nhân dịp đòi được phép ra thăm

chị. Cha em bằng lòng ngay, nhưng buộc phải đi với mấy đứa gái hầu.

An lại hỏi:

– Xảy ra chuyện đó? Chuyện gì nữa vậy?

Thọ Hương kinh ngạc trố mắt nhìn bạn:

– Tâm trí chị bị thằng bé này thu hết rồi chắc! Thì em bảo sau khi Đông cung trốn vào Gia Định.

– À! Chị lú lẫn thật. Nhưng Hương này, chỗ chị em, Hương đừng giấu chị nhé. Đông cung bỏ đi, em có buồn không?

Thọ Hương suy nghĩ một lúc, rồi đáp:

– Khó nói lắm chị. Em không vui, nhưng cũng không buồn. Em quen rồi. Từ lâu em cứ định ninh mình đang ở góa, nên nghe tin, em buồn một lúc rồi thôi.

An liếc nhìn nét mặt trang điểm kỹ lưỡng của Thọ Hương, vụt miệng nói:

– Em nói thế chứ chị thấy em vẫn trẻ và đẹp như trước. Em chưa ở góa được đâu!

Thọ Hương lấy tay che miệng cười thú vị, ánh mắt long lanh vui sướng. Thọ Hương bảo bạn:

– Chị biết không: Một hôm chú Tám gặp em đang dỗi phẫn, chú ấy lảng lảng đứng nhìn không lên tiếng cho em hay. Em vô tình tưởng không có ai, tiếp tục trang điểm. Đột nhiên chú cười xòa làm

em giật mình, rồi bảo: “Để chuyến này tao vào dẫn nó về cho mày. Nó còn làm bộ thì căng ra đánh đòn, chứ không nhốt vào chùa làm chi cho nó dứt hết lòng trần, phí đi”.

An lại cúi xuống ngắm con để giấu xúc động. Thọ Hương có vẻ thích thú vì câu pha trò của chú, cười đến chảy nước mắt. An kéo tay bạn hỏi:

– Lại sắp vào Gia Định đánh nhau lần nữa sao em?

Thọ Hương ngạc nhiên hỏi lại:

– Chị chưa biết gì à?

– Chị lo thằng bé này suốt ngày, có biết gì đâu!

Thọ Hương lấy giọng nghiêm trọng nói:

– Chuyến này chú Tám lo hết mọi việc. Thế anh Lãng không nói gì với chị à. Anh Lãng vẫn làm việc gần chú Tám mà! À quên, suýt tí nữa em quên mất một chuyện quan trọng. Không hiểu do đâu mà chú Tám biết hôm nay chị cúng đầy tháng cho cháu. Có lẽ chú nghe anh Lãng nói. Thấy em sắp sửa đến đây, chú Tám gọi em lại dặn: Gửi lời thăm và chúc hai mẹ con mạnh khỏe.

An chớp mắt cảm động, thì thào dặn bạn:

– Cho chị gửi lời cảm ơn. Hương đừng quên nhé!

✱

Chờ cho Thọ Hương về rồi, Lãng mới vào nhà gặp lại An. Vừa thấy em, An đã trách:

– Em sắp đi xa mà không nói cho chị biết.

Lãng kinh ngạc hỏi:

– Ai bảo chị thế?

– Lại còn hỏi. Ai bảo cũng được. Nhưng em không báo cho gia đình hay thì chắc chắn không được rồi. Tại sao em giấu?

Lãng tức giận đáp:

– Em có giấu chị chuyện gì đâu?

– Chú không phải em sắp theo quân vào đánh Gia Định à?

Lãng thành thực nói:

– Em chưa biết gì cả. Em nói thực đấy.

An ngẩn ngơ, không hiểu. Chị hỏi:

– Thế tại sao Thọ Hương vừa nói với chị rằng...

– Cô Thọ Hương nói sao với chị?

– Nói ta lại sắp vào đánh Gia Định. Lần này do... do anh Huệ cầm quân. Chẳng lẽ em không biết gì cả!

Lãng lo âu nói:

– Như vậy câu chuyện mới còn bàn luận trong gia đình chứ chưa thành. Miệng lưỡi đàn bà, nhanh thật!

– Thọ Hương đã nói thì chắc đúng. Không biết chừng năm nay em ăn Tết xa nhà.

Lãng lo lắng bảo chị:

– Ăn Tết ở đâu mà chẳng được. Nhưng em lo chuyện khác kia!

An ngõ ngang hỏi:

- Lại chuyện gì nữa?
- Chuyện anh Chinh.

Rồi không chờ cho An hỏi, Lãng nói tiếp:

– Chuyển vừa rồi ta vào đánh Gia Định, Duệ Tôn không có quân để chống lại phải kêu Tổng Phúc Hợp đem quân vào cứu viện. Nghe nói Hòa nghĩa quân của Lý Tài đã kéo hết vào nam theo quân ngũ dinh của Hiệp. Ở nơi đầu tên mũi đạn, làm sao nhận ra được anh em. Chị hiểu không...

An bắt đầu hiểu, nên cố xua ám ảnh xót xa vừa đến bằng cách gượng gạo bảo:

– Đất nước rộng mênh mông, em lo chuyện hão.

Lãng cãi lại:

– Nhưng chị nên nhớ chuyện này anh Huệ cầm quân chứ không phải anh Lữ. Em theo anh ấy hai năm nay, em biết. Không có lực lượng nào chống lại nổi đâu. Không có xó xỉnh nào để kẻ thù ẩn nấp, nếu anh ấy quyết truy nã đến cùng. Không phải như những kẻ hẹp trí chỉ cốt chờ cho được thóc gạo về là xong chuyện.

An nóng mặt vì bị chạm tự ái, gay gắt hỏi em:

– Thế nào mới là kẻ nhìn xa thấy rộng? Lãng đúng là kẻ nhìn xa thấy rộng hay chưa? Làm ơn cho chị biết đi!

Lãng thấy chị giận dữ mới biết mình nói hớ, lí nhí xin lỗi:

– Em ngay tình, xin chị đừng giận. Thôi, ta đừng nói chuyện ấy nữa. Vả lại đâu đã chắc gì đúng.

Rồi trở đứa cháu đang ngủ vùi trong tay mẹ, Lãng hỏi:

– Cha đã đặt tên cho nó chưa, chị?

An đã nguôi giận, chậm rãi đáp:

– Anh Lợi xin cha đặt tên cho. Cha bảo tùy ý anh chọn tên gì cũng được, miễn đừng trùng tên tổ tiên. Anh ấy chọn tên Phát đấy.

Lãng dấy nẩy:

– Sao không đặt tên Thái?

An bỡ ngỡ hỏi:

– Sao lại chọn tên Thái?

Lãng nôn nóng đáp:

– Chính chị hôm trước có bảo em định đặt tên con là Thái! An Thái. An Thái, chị có nhớ không?

An đỏ mặt vì sự quên lãng đáng trách của mình, vội bào chữa:

– Nhưng chị có được quyền đặt tên con đâu. Thôi, tên gì cũng thế thôi. Thái hay Phát đều tốt cả.

Lãng vẫn chưa bằng lòng, đỏ mặt cố nói:

– Nhưng, nhưng...

Anh định bảo chị: “Cái tên Phát cũng như tên cha nó là Lợi. Phát Lợi nghe có vẻ con buôn quá” nhưng Lãng biết trước câu nói đó sẽ cắt đứt tình chị em, không còn cứu vãn được nữa. Lãng âm ỉ để dần sự bất mãn.

Vừa lúc đó Lợi tiễn một người khách ra cổng, hai người chưa giải quyết xong công việc nên cả chủ lẫn khách còn tiếp tục bàn chuyện ở gần hòn non bộ, cách chỗ hai chị em ngồi khoảng chục bước. Lãng nghe Lợi nói:

– Vâng, bác cứ yên tâm. Thế nào ngày mai tôi cũng trình bày ngay với Thiếu phó. Giá cả có hơi cao đấy, nhưng việc này ta sẽ thương lượng sau. Các ông nhớ viết cho họ là chúng tôi cần đồng, sắt và diêm tiêu. Phải, bao nhiêu cũng mua. Được chứ, họ đến chúng tôi sẵn sàng tiếp đón. Các xóm đạo lâu nay chúng tôi có phá phách gì đâu. Chẳng những thế, hễ thấy ai bị đeo cái khoen sắt khắc hai chữ TẢ ĐẠO phải cắt cỏ voi, anh em chúng tôi đã vứt cái khoen ô nhục đó đi, giải phóng cho họ về với gia đình. Được, được. Miễn là phải có đồng, sắt, diêm

tiêu, còn bao nhiêu nhà thờ muốn xây, điều đó dễ thôi. Ông về nhắn giùm với họ như thế nhé.

Ông khách đi khỏi, Lợi vội quay vào tiếp khách. Trông thấy Lãng đang ngồi nói chuyện với vợ, Lợi reo lên:

– Kia, chú Lãng đây rồi. Anh tìm chú này giờ không thấy đâu. Anh vừa khoe rằng có một cậu em vợ thân cận với “ngài Phụ chính”. Không, em đừng cười, phải nói thế họ mới sợ. Định quay qua tìm Lãng đã không thấy em đâu.

Không chờ Lãng trả lời, Lợi quay qua hỏi vợ:

– Em có biết ông khách vừa rồi là ai không?

An đáp:

– Không. Ai thế?

– Ông trùm xóm đạo dưới Gò Bồi đấy!

An ngơ ngác hỏi:

– Ông trùm nào?

Lợi âu yếm quệt má vợ trách:

– Em chóng quên quá. Mà quên cũng phải. Hơn mười năm rồi còn gì. Em có nhớ hồi gia đình ta vừa chạy nạn vào đây, ghé vào bến Gò Bồi không? Đó, ông khách lúc nãy là người đã giúp đỡ cho cha rất nhiều, lo giúp chỗ ở tạm, lo thuê giùm người vồng mẹ và vác đồ đạc lên An Thái. Hồi đó anh với bác Năm xuống Gò Bồi để nhận gỗ thai bài về cho ông biện. Kể cũng chóng thật. Hơn mười năm, bao nhiêu vật đổi sao dời.

Lãng khó chịu vì cái tính liếng thoảng của anh rể, nhưng vì tò mò nên phải hỏi:

– Ông ấy định bán sắt, đồng và diêm tiêu à?

Lợi cười lớn bảo:

– Không. Làm gì hần giàu thế. Hần có bao nhiêu của quý ấy tại Gò Bồi thì ta cứ việc đem lính xuống khuân về dùng, việc gì phải thương lượng! Câu chuyện nó như thế này: Một số tên truyền giáo người Hòa Lan, Tây Ban Nha và Anh Cát Lợi quen biết lớn với các hội buôn người Tây dương. Họ nhờ ông trùm đánh tiếng trước để hai bên thương lượng: phần các cổ đạo sẽ liên lạc mua giúp cho ta các thứ ta cần, phần ta cho phép họ lập nhà thờ và truyền đạo. Ông trùm định gắp Thiếu phó, nhưng sợ đường đột quá

không nên, vì vậy tìm đến đây gặp anh trước.

Rồi quay sang vợ, Lợi than:

– Anh Kiên tệ quá. Anh gặp anh ấy trên kho, nhắc đi nhắc lại mãi là thế nào anh ấy cũng rán tới cho vui. Anh ấy hỏi khách khứa có ai không. Anh bảo chỉ có những người tai mắt quen biết thôi. Anh ấy ậm ừ. Rồi không tới. Tính anh ấy sao sao ấy, anh chịu, không hiểu nổi.

Lãng định trả lời: “Có gì mà khó hiểu. Anh Kiên ghét cay ghét đắng lũ lắm lời xun xoe” nhưng trông vẻ mặt van lơn cầu khẩn đến hốt hoảng của chị, Lãng giữ im lặng. An sợ em vụt miệng nói hỗn với chồng, nên giành nói trước. Chị hỏi:

– Cha đâu rồi anh?

Lợi vui vẻ đáp:

– Cha đang nói chuyện với ông khách Mỹ Cang. Không ngờ hần con buồn mà giỏi chữ đến thế. Thi ca đọc làu làu. Cha vừa đọc vài chữ, hần đã đọc tiếp cả bài dài không vấp một chữ.

Một ông khách ăn mặc chải chuốt lố lảng theo cách những tay giàu nổi từ nhà trên đi xuống dáo dác tìm ai. Trông thấy Lợi, ông ta reo lên:

– Á à, tìm thấy anh rồi. Trốn khách đi thủ thỉ với vợ phỏng?

Cả Lợi lẫn khách đều cười ha hả. Lợi vỗ vai khách hỏi:

– Ông Hiến đâu?

– Đang bàn chuyện thi ca kim cổ với ông cụ. Dạ thưa chị. Chị đã khỏe hần chưa? Gớm, bữa nay tôi mới biết vì sao anh Lợi hể xong việc là gạt hết bạn bè

chạy một mạch về nhà. Cháu kháu khỉnh quá nhỉ. Mấy tháng rồi chị? Trời ơi, tôi ngu quá rồi. Bữa nay cúng đầy tháng mà tôi hỏi cháu mấy tháng rồi. Anh Lợi này, tôi phải xin phép về thôi!

Lợi vội ngăn:

– Về sao được! Buổi tối còn một cuộc rượu nữa mà. Vả lại việc ta bàn chưa xong gì cả.

Ông khách hơi chột dạ trước đôi mắt xoi mói cú vọ của Lãng, xua tay từ chối:

– Không. Để lúc khác vậy. Xin phép chị. Cậu ở chơi nhé. Tôi về nhé, Lợi.

Lợi phải đưa ông khách ra tận cổng. Trước khi chia tay, ông khách kéo Lợi hỏi nhỏ:

– Này, ông già vợ anh có bình thường không?

Lợi trợn mắt hỏi:

– Sao hỏi vậy?

– Vì gặp ai hơi lớn tuổi, ông già đều hỏi có phải hôm trước có đến tìm ông cụ mà không gặp phải không. Báo hại ông Hiến và mấy người khác ngớ ra, chẳng hiểu gì cả. Nhưng sau đó ông cụ lại ăn nói nghiêm nghị bình thường, đôi lúc khôì hài dí dỏm nữa. Chẳng hiểu làm sao hết!

Lợi đập vai bạn làm ăn, nói lớn cho qua chuyện:

– Thôi về nhé. Chuyện gì chưa xong, mai vào kho hãy hay.

Chương 40

Vào dịp rằm Trung thu năm trước (1775 Ất mùi), Lý Tài có tổ chức một bữa tiệc mặn linh đình tại phủ Phú Yên.

Đã hơn một tháng qua, từ ngày Nguyễn Huệ lấy lại được Phú Yên từ tay Tổng Phúc Hợp và trại chủ Tây Sơn giao toàn phủ cho Lý Tài cai quản. Dưới bàn tay cầm gươm quen hà khắc của bộ hạ Lý Tài, an ninh trật tự của miền đất nhiều lần đổi chủ mau chóng được văn hồi. Chế độ quân quản triệt để dành quyền

sinh sát cho những người chỉ tin vào chân lý của lưỡi gươm, cho nên điều dễ đoán là suốt thời gian ấy, đâu đâu cũng có những đám ma trầm lặng dăm dúm. Kẻ chết không thể kêu oan được nữa, người sống nem nép sợ hãi không dám khóc lớn, sợ làm những tên lính Hòa nghĩa say rượu giận lây đến kẻ vô tội yếu đuối.

Người ta không dám đem đi chôn xác kẻ bị giết vào ban ngày vì những người đàn ông giấu tử tâm khiêng xác dễ bị xem là đồng đảng của nạn nhân. Lại càng không dám chôn vào ban đêm, vì khi mọi nhà bắt đầu lên đèn, tuyệt đối cấm không ai được ra khỏi cửa. Vì vậy, các đám táng thường dăm dúm lén lút vào lúc chạng vạng. Huyệt đào cạn, xác chết vùi nông qua quít cho kịp trở về trước khi đỏ đèn nên nhiều nơi chó hoang bới mộ giành nhau từng miếng thịt thối.

Không khí vẫn đục vì mùi hôi thối và đe dọa khủng bố. Đã thế, đám tay chân vô học của Lý Tài nghĩ rằng chỉ có một cách làm vừa lòng chủ tướng là cần mẫn tàn sát những ai có liên hệ xa gần với quân ngũ dinh. Cuộc chém giết bi thảm liên miên, tưởng sẽ không bao giờ dứt!

Nhưng bữa tiệc trung thu năm ấy đánh dấu một khúc ngoặt bất ngờ cho quân sĩ Hòa nghĩa!

Lý Tài cho gọi tất cả những đàn em thân tín về phủ Phú Yên dự tiệc. Thay vì ăn bánh ngọt ngắm trăng, Lý Tài cho dọn rượu thịt ê hề ngay trong dinh phủ. Tòa dinh cũ đã bị đốt phá từ lâu, dinh mới làm bằng tranh tre tạm bợ nhưng nơi thết tiệc rộng đủ để chứa trên một trăm thực khách.

Chủ tướng biết trước đám đàn em

của mình toàn là sâu rượu nên đã đặt sẵn trên bàn tiệc từng vò rượu lớn. Đêm nay tha hồ say, uống bao nhiêu cũng có sẵn, đồ nhắm những bốn con heo quay và hai con bê thui. Mượn có thưởng trăng, thực sự là để mừng công lao hơn một tháng khó nhọc. Truyền thống của anh em Hòa nghĩa là dùng rượu để tắm quân công, nên dùng dê béo rượu nồng thay cho bánh trưng thu là chuyện bình thường. Và vì rút kinh nghiệm những lần trước, để tránh những ẩu đả đáng tiếc trong cuộc say, yêu cầu tất cả anh em bỏ gươm giáo khí giới ngoài trạm gác của dinh phủ. Đây cũng là điều bình thường. Chinh nghĩ vậy khi tháo bao gươm giao cho tên lính gác.

Trong tiệc, Chinh ngồi giữa hai người lạ mặt, một người nam nói giọng Hội An và một người Tàu nói tiếng nam lõm

bồm, lơ lơ. Chinh muốn tìm đến ngồi gần các bạn bè cũ để kháo chuyện thoải mái, nhưng anh thấy việc ngồi đứng lộn xộn có thể làm phiền lòng chủ tướng, nên dù khó chịu gò bó, Chinh vẫn ngồi yên chỗ cũ. Phía sau lưng Chinh là cánh cửa sổ trông thẳng ra cổng phủ. Anh thấy khi mọi người đã vào hết bên trong, cửa cổng được đóng lại cẩn thận. Cẩn thận hơn nữa, là hai toán lính gác chia nhau bảo vệ cho phòng tiệc, lập vòng rào cẩn mật để phòng kẻ phá hoại lọt được vào trong phủ, gây rối bữa tiệc mừng công linh đình này.

Trên bàn chủ tọa, Lý Tài dầu dầu nét mặt như vừa gặp chuyện bực mình trước khi đến đây. Chinh thấy ông mất hẳn vẻ linh hoạt thường có, lối nhìn và cử chỉ đều uể oải rời rã, như một người vừa mới khỏi bệnh.

Quả đúng như Chinh đoán, Lý Tài không nói mấy lời xã giao mở đầu buổi tiệc. Viên phụ tá thay lời chủ tướng, xin lỗi anh em vì hơi mệt trong người nên chủ tướng chưa nói vài lời với anh em ngay lúc này được. Xin anh em cứ tự nhiên nâng chung rượu lên nốc cạn cho thỏa thích, khi anh em no say rồi, chủ tướng sẽ bắt đầu có vài lời nhắn nhủ với tất cả. Nói xong bằng tiếng nam, viên phụ tá lặp lại một lần nữa bằng tiếng bắc (Tàu). Bấy giờ đa số Hòa nghĩa quân người Hoa trong tiệc mới cười nói xôn xao, và buổi tiệc bắt đầu một cách ồn ào, lộn xộn, không một chút khách sáo.

Vì hai người ngồi cạnh đều xa lạ nên Chinh lặng lẽ ăn uống, không thể tìm được chuyện chung nào để góp chuyện với chung quanh. Người ngồi phía trái Chinh tuổi còn trẻ, quá lắm khoảng hai

mười lăm tuổi là cùng. Anh ta có đôi mắt một mí và khuôn mặt vuông, hơi phệ ra trước tuổi. Vì là người của Hội, lại nghe anh ta nói tiếng bắc trôi chảy với những lính Hòa nghĩa gốc Hoa khác, Chinh đoán anh ta người Minh Hương. Nhờ anh bạn này phiên dịch mà Chinh nói chuyện được với người ngồi phía phải, biết bác này người Triều Châu, chuyên đi buôn biển và là bộ hạ cũ của Tập Đình. Để câu chuyện khỏi tẻ nhạt, Chinh hỏi thăm thêm gia cảnh của bác, mới biết bác ta còn để lại ở Triều Châu một người vợ ốm yếu và hai đứa con, cả ba người chắc đang lóng ngóng chờ bác trở về với một ít của cải trong tay nải để thoát khỏi cảnh sống tồi đời kiếm canh cặn cơm thừa nhà địa chủ. Lời tâm sự bất thường đó khiến Chinh cảm động. Anh nghiêng vò rượu đổ thêm vào bát cho người lính già phiêu lưu, choàng vai

bác ta mời rượu kết nghĩa. Lúc kể vai co về bên nhau, Chinh cảm thấy sườn phải của mình đau nhói. Anh kín đáo liếc chéo xuống mép bàn, thấy người ngồi bên phải chưa chịu gửi vũ khí, bên hông vẫn còn kè kè một thanh đoản đao.

Lấy làm kinh ngạc, Chinh quay nhìn anh bạn trẻ phía trái, cũng thấy anh ta giấu đoản đao trong chiếc áo rộng. Thế là thế nào? Ai được mang vũ khí vào tiệc và ai phải nộp vũ khí tận ngoài cổng thành? Họ xem thường lệnh chủ tướng đến độ này sao? Tự nhiên Chinh nhìn hai người kề cận với đôi mắt khác. Anh e dè lời ăn tiếng nói hơn, đứng ra từ đó về sau, anh chỉ lo ăn chứ không dám nói. Anh bạn trẻ người của Hội thì gọi chuyện luôn miệng, hết hỏi thăm chuyện gia đình Chinh lại nói chuyện các trận đánh ở phía bắc, các thú ăn chơi ở cửa

Hội, sự phồn thịnh còn gấp bội cửa Hội của một vùng đất Chình chưa từng biết: Sài côn, Biên Hòa trong phủ Gia Định. Để đáp lại các câu hỏi vốn vã, Chình chỉ âm ừ cho xong.

Gần nửa bữa tiệc, đột nhiên viên phụ tá đứng dậy vỗ tay ra dấu bảo mọi người im lặng. Ban đầu nhiều thực khách chưa hiểu ông ta muốn nói gì, mắt hướng về phía bàn chủ tọa, nhưng tay vẫn gập, miệng vẫn nói. Tiếng xì xào càng ngày càng lan rộng, người ta giơ một ngón trỏ lên trước đôi môi chúm suýt nhỏ để khuyên người bạn lơ đãng vô phép hãy im lặng để chờ viên phụ tá nói. Ông ta nói ít thôi, đại khái báo trước bây giờ chủ tướng đã khỏe, và muốn tâm sự vài lời với tất cả anh em, Lý Tài giữ nét mặt lạnh lùng khó hiểu suốt thời gian viên phụ tá nói mào đầu. Khi viên phụ tá nói xong,

Lý Tài mới uể oải đứng dậy, hai tay chống lên bàn, nhìn quanh một lượt điểm mặt từng người để lập uy. Cả phòng tiệc nín thở vì một thứ sợ hãi kính cẩn bàng bạc. Lý Tài chậm rãi nói:

– Hỡi tất cả anh em!

Hôm nay tôi hơi mệt nên chắc không nói được nhiều với các trang hảo hớn đã từng vào sinh ra tử với tôi suốt bốn năm qua. Không có lòng trọng nghĩa khinh tài của anh em, không có dũng khí lâm liệt của anh em, làm sao tôi được ngồi chỗ này uống rượu với anh em. Tôi được nhấp một chung rượu ngon cũng là nhờ công anh em bảo bọc cho đến bây giờ. Nhưng thú thật với anh em, suốt mấy đêm tôi mất ngủ, và hớp rượu tôi vừa uống sao mà đắng nghét. Vì sao anh em biết không?

Lý Tài dừng lại nhìn quanh. Những người hiểu được tiếng nam thì im lặng trong chờ đợi nôn nao. Những lính Hòa nghĩa gốc Hoa thì im lặng vì không hiểu mà cũng không dám hỏi ai. Lý Tài đoán được điều đa số thực khách chờ đợi, nên đích thân nói lại bằng tiếng bắc. Khi nói bằng tiếng mẹ đẻ, Lý Tài tỏ ra hùng hồn hơn, lưu loát hơn. Ông say sưa giải thích vì sao mình mất ngủ nhiều đêm cho các bạn bè đồng chủng nghe, quên cả nói lại bằng tiếng nam cho những lính Hòa nghĩa người bản xứ giả khách khi gia nhập vào đạo quân của Lý Tài, Tập Đình. Chính hiểu tiếng Quảng Đông nên nghe được trọn những lời Lý Tài nói. Đại khái Lý Tài đã bảo:

– Vì sao tôi trần trọc không yên bao đêm, anh em biết không? Vì quá lo cho số phận anh em đó! Phải, tôi đâu đành

lòng giấu anh em những điều liên quan đến sự sống chết của từng người. Tôi phải nói hết ra thôi, dù nói xong, sẽ có đôi người không hiểu đâm ra giận tôi, hoặc tệ hơn nữa đâm ra thù ghét tôi, xa lánh tôi. Từ bao năm nay, kẻ trước người sau, anh em đã vào sinh ra tử để dựng nghiệp cho trại chủ Tây Sơn. Anh em nhớ lại xem, chúng ta đã đánh bao nhiêu trận rồi? Từ phủ Phú Yên cho tới chân đèo Hải Vân, đâu đâu cũng có dấu chân anh em ta, đâu đâu cũng có máu bạn bè ta đổ xuống. Trận Bích Khê không có ta liễu lĩnh xông lên thì tên Tiết chế Nguyễn Phúc Hương đâu có bỏ xác bên sông Lại! Trận Quảng Nam không có ta thì trại chủ làm sao rước được Đông cung. Ở đâu khó khăn nguy hiểm là trại chủ nhớ đến anh em ta. Thế mà, để đền đáp công lao khó nhọc hiểm nguy ấy, trại chủ đã làm gì? Anh em nhớ lại đi!

Lý Tài dừng lại lần nữa. Viên phụ tá đưa chung rượu lên mời chủ tướng. Lý Tài ngửa đầu uống một hơi cạn chung rượu, trả cái chung rỗng cho viên phụ tá, dùng ống tay áo chùi bọt trên mép, rồi giận dữ nói tiếp:

– Bao nhiêu của cải chúng ta thu được, nói đúng là mua được bằng máu của mình, chúng ta chất lên ghe định chở về cho vợ con mừng đã bị trại chủ tịch thu mất. Ông bạn Tập Đình của ta thắng biết bao trận, vừa mới thua một trận Cẩm Sa đã bị dọa giết, đến nỗi phải dắt díu một số anh em chạy trốn về Quảng Đông. Còn riêng anh em chúng ta đây, thất tha thất thểu từ côi chết trở về, đi đâu cũng bị xua đuổi, thậm chí có người chỉ lỡ uống một bát rượu nhạt mà bị bêu đầu. Chúng ta bị đuổi vào cái xứ Phú Yên trên đe dưới búa này là vì trại chủ không

muốn nhìn thấy mặt chúng ta ở phủ Qui Nhơn nữa, muốn mượn gương giáo quân ngũ dinh diệt ta cho rảnh nợ. Anh em nghĩ mà xem, trại chủ đối đãi với ta như thế có đáng giận không. Một người như vậy có đáng cho anh em chúng ta thờ làm chúa không?

Nhiều người trên bàn tiệc, trong đó có bác người Hoa bên phải Chinh la lớn trả lời cho Lý Tài:

– Không! Không!

Lý Tài cười thỏa mãn rồi tiếp:

– Tôi mất ngủ vì lo đường sống cho anh em. Ở lại với trại chủ Tây Sơn thế nào cũng chết. Mà trốn đi như Tập Đình cũng không được. Ta về với Gia Định được không? (Lý Tài lắc đầu làm bộ tuyệt vọng, chán nản) Khó lắm. Anh

em ta từ lúc dấy nghiệp đã giết biết bao nhiêu quan quân của Chúa, bây giờ về Gia Định có khác nào nộp mạng cho kẻ thù. Tôi đã lo nghĩ nhiều lắm, lo nghĩ từ lúc chưa được giao cho trấn giữ phủ Phú Yên này. Nhưng hoàng thiên không phụ lòng hào kiệt, nên tôi đánh bạo cử người đi liên lạc với Tiết chế Tống Phúc Hợp ở hòn Khôi. Quả nhiên tôi đoán không sai. Tiết chế hiểu lòng chúng ta, nên nhờ sứ giả nhắn lại là sẵn sàng đón nhận chúng ta hợp tác. Như vậy kẻ chúng ta tưởng sẽ thâm thù chúng ta thực ra là người hiểu chúng ta hơn ai hết. Con đường mai sau cho anh em chúng ta như vậy đã rõ. Không có cách nào khác, chúng ta phải bỏ Tây Sơn để về với Gia Định. Từ ngay sau bữa tiệc này. Anh em nào không thuận theo tôi, cứ tự do đứng dậy ra về để đoàn tụ với vợ con. Ngay bây giờ!

Từ câu “Không có cách nào khác...” giọng của Lý Tài cất cao, dần từng tiếng chẳng khác nào một lời thách thức, đe dọa. Lý Tài nói xong, mọi người nín thở, cúi gằm mặt xuống, không ai dám nhìn ai trừ những người có giấu vũ khí dưới áo. Lý Tài và viên phụ quét mắt nhìn ngang nhìn dọc chờ phản ứng của mọi người. Không khí phòng tiệc căng thẳng đến nỗi mọi người đều muốn ngộp thở.

Sự chờ đợi tưởng kéo dài đến vô tận. Đột nhiên ở dãy bàn trước mặt Chinh có tiếng xô ghế đứng dậy. Chinh ngừng lên thấy một người đàn ông trạc bốn mươi tuổi thân hình cao lớn da đen cháy đang đứng thẳng trước mọi người, mặt hướng về phía Lý Tài định nói gì đó mà vì quá xúc động không nói được. Bác tức giận cho sự xúc động của mình, ấp úng mãi không thành lời, nên đẩy ghế ra xa lấy

lối đi ra phía cửa chính. Biển cổ bắt ngờ ấy khiến Lý Tài xanh mặt vì giận, nhưng môi ông vẫn mỉm cười. Có tiếng lao xao nổi lên khắp phòng, vì tiếp sau đó, có ba người nữa xô ghế đứng dậy bỏ ra. Lý Tài cười nhỏ rồi hỏi lớn:

– Còn ai nữa không?

Một thanh niên ngồi gần cửa ra vào đứng dậy theo gót ba người vừa đến gần cửa. Số còn lại không ai dám nhúc nhích, trong đó có Chinh. Trong khi mọi người lăm lét chờ xem phản ứng của Lý Tài, thì đột nhiên từ phía cổng thành dội vào tiếng thét chất chúa rồi uất nghẹn của một người bị đâm bất ngờ. Đã quá quen với mọi âm thanh đau đớn trong cảnh gươm giáo, Chinh xác định được ngay trường hợp tử thương của nạn nhân. Sau đó lại có tiếng rượt đuổi khẩn cấp, tiếng hò reo, tiếng chân chạy, tiếng rên rĩ van

xin rồi cuối cùng vẫn là tiếng thét xé ruột đau đớn.

Chinh nổi gai ốc vì hãi hùng, tay chân tự nhiên run rẩy. Lý Tài lại hỏi:

– Còn ai nữa không?

Không có ai trả lời.

Lý Tài cười ha hả, rồi truyền lệnh:

– Anh em đâu, hãy giúp đỡ những người còn ngần ngừ nhưng sợ hãi không dám đứng dậy. Phải để cho họ thời gian suy nghĩ chín chắn, bằng cách cho họ được yên tĩnh. Ta bắt đầu đi thôi!

Trước khi Chinh kịp ngược lên, anh đã bị hai người kế cận chụp lấy hai cánh tay, bẻ quặt ra sau lưng để dẫn đi. Chinh bị trói thúc kè thật chặt, bị bịt mắt dẫn vào “chỗ yên tĩnh” để suy nghĩ chín chắn

hơn trước khi lựa chọn, như lời của Lý Tài.

✱

Chinh bị giam chặt trong một căn nhà kín cửa, thấp và hẹp, căn nhà có lẽ trước đây dành cho lính gác phủ nằm chờ đến phiên đổi canh. Hai ngày đầu ngoài người đưa cơm nước không có ai đến hỏi anh điều gì. Nằm một mình Chinh nghĩ đến đủ điều. Điều trước tiên luôn luôn ám ảnh Chinh là cái chết. Chinh nghĩ thế nào mình cũng bị Lý Tài giết!

Vì sao trại chủ gửi anh xuống Tuy Viễn làm một thứ tùy viên cho Tập Đình và Lý Tài, anh hiểu rõ và chắc chắn Lý Tài càng hiểu rõ hơn anh. Ban đầu cả trại chủ lẫn Lý Tài đều đánh giá anh quá cao.

Nhạc chờ đợi những tin tức quý giá của Chinh từ nội bộ của Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân, còn Lý Tài thì hết sức cảnh giác, dè dặt cẩn thận từng lời nói, cử động để Chinh khỏi sinh nghi. Sự hiểu lầm đó kéo dài hàng năm. Cho đến lúc sự thực lộ lộ là Chinh không đúng là kẻ Nhạc tin cậy. Ngược lại, Lý Tài khám phá rằng mình đã tìm được một đàn em có bề thế, có đờm lược, gan dạ, liêu lĩnh mà hết sức vô tâm. Chẳng những Chinh vô hại, mà còn trở nên cái gạch nối cần thiết giữa Lý Tài và bộ phận đầu não của Tây Sơn.

Sau khi Lý Tài cứu được Đông cung Dương khỏi cái chết dưới tay Tập Đình, và nảy sinh quyến luyến thông cảm giữa một ông hoàng chính thống và một tên phiêu lưu ngoại hạng, thì Chinh lại trở thành người đồng chí của Lý Tài. Ông

giáo hết lời cổ động cho giải pháp hoàng tôn, Lý Tài cũng đặt hết vốn liếng vào hoàng tôn, cho nên khi phái bộ Nguyễn Phúc Chất đi vào Phú Yên cầu hòa do gợi ý của giáo Hiến, Lý Tài đã hy vọng tràn trề. Những gì diễn ra sau đó đặt Lý Tài vào cái thế khó xử, giống y cái thế khó xử của ông giáo. Khi ông giáo bị cô lập, thì đám đàn em Hòa nghĩa quân của Lý Tài cũng bị tập trung vào một địa điểm xa phố xa chợ cho họ bớt phá phách quấy nhiễu nhà dân. Sự thông cảm vì đồng cảnh ngộ giữa Lý Tài và ông giáo, có lẽ trong thực tế chưa bao giờ có cả. Nhưng Lý Tài vẫn tưởng tượng rằng có một nhà nho học thức uyên bác vì hành động như mình mà chịu cảnh ngộ y như mình, như thế mình phải có gì uyên bác, sâu sắc, trông xa hiểu rộng như ông giáo Hiến chứ! Ảo tưởng ấy là cái dù che chở cho Chinh bao năm, làm sao Chinh hiểu

được sự thực phức tạp ấy!

Chinh chỉ nghĩ Lý Tài nghi ngờ mình là người của Nhạc từ đầu chí cuối, nên nhất định sau khi tra khảo cho ra manh mối, đường dây, bè lũ, thế nào Lý Tài cũng sai đàn em đâm cho anh một nhát!

Sau ngày thứ ba Lý Tài mới sai bộ hạ xuống nhà giam dẫn Chinh lên gặp mình. Bọn lính Hòa nghĩa sợ Chinh trốn thoát nên trói thật chặt. Lý Tài quát mắng chúng ngu dốt, không chờ đàn em mở trói, lấy gươm cắt đứt sợi dây dừa, lù mắt đuổi hai tên lính áp giải đi, rồi vốn vĩa mời Chinh ngồi chung một chiếu với mình. Thấy Chinh xoa xoa lên vết bầm ở cổ tay, Lý Tài kêu lính hầu bảo lấy dầu bóp cho Chinh, rót nước trà ngon mời Chinh uống. Chinh nghĩ: lão ta càng sẵn đón vốn vĩa, ta càng tuyệt vọng. Đây là trò

quen thuộc của con mèo vờn con chuột. Vì định ninh thế nào Lý Tài cũng giết mình, nên Chinh hết sức bình tĩnh, thản nhiên nhận chén nước trà từ tay Lý Tài uống từng ngụm chậm rãi.

Lý Tài mỉm cười nhìn Chinh hỏi:

– Hai ngày qua ăn ngủ được chứ?

Chinh đặt chén nước xuống khay, đáp:

– Dạ được. Hơi nhiều muối một chút.

Lý Tài khoái trá vì sự bình tĩnh lạ kỳ của Chinh, hỏi thêm:

– Chúng nó cho ăn uống thế nào?

– Cơm hơi thiếu. Họ lại quên mang đĩa.

Lý Tài cười ha hả, đưa hai tay lên trời hô hoán:

– Thật thế à! Lũ này thiệt lơ đãng quá sức. Để ta trị cho chúng một trận.

Rồi không chuyển mạch quanh co, Lý Tài hỏi:

– Vì sao đêm tiệc anh không đứng dậy ra về?

Chinh bậm môi để thêm can đảm, liều lĩnh trả lời:

– Tôi đâu có dại đi tìm cái chết.

Lý Tài hấp tấp hỏi:

– Sao anh biết có phục binh ở ngoài cửa?

– Có phục binh ở ngay trong bàn tiệc nữa kia! Nhiều người dấu đoản đao dưới áo.

Lý Tài giả bộ hốt hoảng:

– Chúng nó lộng đến thế kia à! Quá lắm rồi. Nhưng may mắn là hôm đó không sinh ẩu đả ngay giữa tiệc. Chỉ tiếc là anh em gác cổng giận dữ không đúng lúc, làm mất hòa khí giữa anh em với nhau. Ta sai đóng gông chúng lại hỏi tội, chúng nó khai vì giận bọn phản trắc muốn bán đứng anh em nên mới lỡ tay như vậy. Kể ra bọn võ biến nông nổi ấy cũng có điểm đáng khen là trọng nghĩa bạn bè và giận điều bất nghĩa. Hóa ra hôm ấy anh hiểu lầm chúng tôi có kế hoạch phục binh trước. Anh lầm rồi. Nhất định không có đâu. Giả sử không có phục binh, hôm ấy anh sẽ làm gì? Ngồi lại với chúng tôi, hay bỏ về Cù Mông với anh em Tây Sơn?

Chinh do dự, vì biết mạng sống của mình tùy thuộc hoàn toàn vào câu trả lời này. Anh không có cách nào để lựa chọn

nữa. Chinh cố nén đau xót đáp:

– Tôi sẽ ngồi lại.

Lý Tài vui mừng chồm đến vỗ vai Chinh, ha hả cười. Ông nói:

– Ta biết thế nào anh cũng ở lại với ta. Bây giờ ta mới nói thật cho anh biết: ở đây nhiều người nghi ngờ anh là tay chân thân tín của Nhạc, muốn giết anh ngay trước bữa tiệc trung thu. Nhưng ta không tin. Anh là tay hảo hán đờm lược, thẳng thắn, can đảm mà không liều lĩnh vô lối, bình tĩnh trước cả cái chết. Ta thích anh ở chỗ đó. Ta không muốn giết anh, tuy giết anh quá dễ. Ta còn nể tình ông giáo là người từ đầu chí cuối có nhiều điều hợp ý ta. Anh biết tin nhà chưa?

Chinh lo âu hỏi:

– Tin gì ạ?

Lý Tài làm bộ đau xót nghiêm trọng, bảo:

– Ta vừa mất một người thầy đáng kính. Nhạc giết cha anh rồi.

Chinh bật dậy, chồm đến sát Lý Tài thẳng thốt hỏi:

– Thật thế sao? Ai cho tin đó?

Lý Tài chậm rãi rót nước uống, chờ đến lúc Chinh bị xúc động tột độ mới nói:

– Cũng dễ hiểu thôi. Từ khi phái bộ Nguyễn Phúc Chất bỏ đi, ông Nhật đã nghi ngờ cha anh là kẻ chủ mưu. Anh ở Cẩm Sa về thấy cha anh sống thui thủi hiu quạnh ra sao, anh còn nhớ chứ. Nếu không có Huệ thì Nhạc đã giết cha anh

từ lâu rồi. Đến lúc lấy được Phú Yên và được Chúa Trịnh phong tước, Nhạc quyết dứt tình với họ Nguyễn, thì số phận cha anh không có cơ cứu vãn nữa. Anh còn muốn về thắp hương trên mộ cha không?

Chinh cảm hận, bậm môi vì tức giận. Chờ cho bớt ghen, anh nói:

– Muốn lắm chứ. Tôi còn muốn có cái đầu kẻ thù để tế cha nữa kia.

Lý Tài vội nói:

– Anh sẽ toại nguyện. Uống thêm chén trà nữa. Anh về tắm rửa, rồi lên đây ta giao việc cho. Anh hãy vui lên đi, nhất định anh sẽ toại nguyện!

✱

Từ khi cắt đứt được mối ràng buộc tinh thần với Tây Sơn, Chinh cảm thấy thực sự thoải mái. Chưa có thời kỳ nào anh khoan khoái với sự tự do, buông thả trọn vẹn như thời này!

Tâm trí anh không bị những kiểm tỏa vô hình nhưng khắt khe của nguyên tắc đức lý từng là khuôn mẫu hành động và suy nghĩ của gia đình Chinh, những nguyên tắc bám sát vào anh như một thứ ám ảnh, nghiêm khắc theo dõi anh chẳng khác nào đôi mắt của ông giáo. Anh cũng cởi bỏ được những ràng buộc phức tạp cột chặt con người với quá khứ của dân tộc, với mảnh đất tổ, với xã hội đã bảo bọc nuôi nấng anh sống và trưởng thành, những ràng buộc liên kết người đồng chủng thành một tập thể giữ vững các truyền thống, nuôi dưỡng tình tự dân tộc, tạo nên sức mạnh tồn tại và

chống các hiểm họa thôn tính của ngoại bang. Những điều siêu linh rắc rối như một mớ bòng bong, mơ hồ như sương như khói đó thật không thích hợp với bản tính Chinh. Nó đè nặng lên tâm hồn anh như một món nợ truyền kiếp từ lâu anh muốn quẳng nó đi để khoan thai vùng vẫy, buông thả theo bản năng mà không thể được.

Bây giờ dứt khoát với Qui Nhơn để theo đám Hòa nghĩa quân của Lý Tài, Chinh đã thực hiện được ước mơ thầm kín bấy lâu!

Anh tung tăng hớn hờ trong một tập thể hoàn toàn khác biệt với gốc gác Chinh. Họ nói thứ tiếng khác, có những kỷ niệm khác, quá khứ khác, thói quen khác, dự ước khác. Anh không gặp họ trong các cuộc tranh chấp của quá khứ, và cũng không va chạm với họ, cạnh

tranh với họ trong dự tính tương lai. Anh muốn mặc thế nào cũng được, xốc xếch cầu thả không ai chê là khiếm lễ, hoa hòe chưng diện không ai chê là lỗ lã. Muốn ca hát nghêu ngao tùy thích không ai chê trách. Đôi lúc bạo tay một chút trong các trò vui chơi cũng không ai chê trách. Được sống trong thế giới vô danh ấy, Chinh thơ thói vầy vùng như con cá được thơ thói tung tăng trong dòng nước mát đầy mỗi ngon.

Những cuộc chè chén thỏa thích, những trò đùa khi thô bạo khi mơn trớn cảm giác, những hứa hẹn của cuộc phiêu lưu không mục đích như tên lãng tử khao khát được sống mỗi giờ trên một đoạn đường khác nhau, những khoái lạc được làm điều cấm kỵ, đó là phần thưởng của một lựa chọn thụ động nhưng không phải là bất đắc dĩ.

Suốt thời gian theo sát Lý Tài ở Phú Yên, Chinh được sống đầy đủ với cảm giác buông thả tốt độ. Nhiều đêm anh cũng có đôi chút hối tiếc như con sông nhớ nguồn, hoặc cô đơn lạc loài giữa tập thể xa lạ. Anh nhớ nếp sống đơn giản trầm lặng của gia đình, nhớ cha và các em. Nhưng các giây phút lạc lõng ấy thật hiếm hoi so với nguồn khoái cảm anh vừa tìm được. Những bịn rịn nuôi tiếc mỗi ngày một nhạt đi, trong khi niềm nao nức được sống thật đầy thật đậm luôn sôi sục trong hồn Chinh. Bầu trời Phú Yên trở nên quá hẹp. Chinh mơ ước tung tăng trong một vùng trời mới rộng hơn, hoang dã hơn, sống động nô nức hơn.

Chinh được thỏa nguyện khi Tổng Phúc Hợp kéo đám quân Hòa nghĩa của Lý Tài vào Gia Định tiếp cứu Duệ Tôn

tháng Sáu năm Bính thân (1776). Cuộc đời Chinh đã qua một giai đoạn phiêu lưu khác.

*

Gia Định thời bấy giờ đúng là một vùng đất lý tưởng của những kẻ phiêu lưu. Miền đất còn tương đối hoang dã và hung bạo này cuốn hút đủ hạng người. Những toán cướp biển, sau bao ngày lên đênh kiếm ăn trên sóng cả, tìm được một chỗ lau lách khuất lấp chẳng chịt sông rạch thiếu bóng luật pháp để nghỉ ngơi.

Những con buôn tìm được mảnh đất thuận lợi để xây phố lập chợ thu mua nông phẩm hương liệu rẻ mạt và bán hàng nhập khẩu với giá cắt cổ, thu được

vô số lời trong khoảng thời gian ngắn ngủi.

Những tay phiêu lưu quốc tế không nơi dung thân trên các vùng đất ổn cố lâu đời tìm được nơi thi thố bạo lực và sự xảo trá, kết bè lập đảng khuynh loát quyền hành, hy vọng tìm được lợi lộc và danh vọng theo ngõ tắt.

Những bọn thực dân phương tây dáo dác đi tìm thị trường ở Á Đông sau khi lập được các thương hội đồ sộ ở Ma Cao và Ấn Độ tìm thấy ở đây một trạm dừng chân, sau đó là cửa ngõ để tiến sâu vào nội địa các nước còn yếu kém lạc hậu chuẩn bị cho các cuộc xâm lăng qui mô sau này.

Những nhà truyền giáo dựa vào tài trợ của bọn thương nhân giàu có tìm được vùng đất hứa để thực hiện hai thứ

khát vọng mâu thuẫn nhưng bổ khuyết cho nhau là khát vọng quyền lực và khát vọng phụng sự Thiên Chúa.

Với các sắc dân hỗn tạp sống chen chúc nhau dọc theo các bờ sông rạch, đông nhất, có thể lực kinh tế cao nhất là người Hoa, ý niệm về dân tộc, về đức lý, về truyền thống, về sự cần thiết của tôn ti trật tự, về sự thăng tiến bình thường qua học thức, tài năng và tuổi tác, hoàn toàn không cần thiết. Mọi sự đều cho phép, trừ sự thất bại.

Chưa bao giờ sức mạnh của gươm giáo, và sau này thêm sức mạnh của thuốc súng và tiền bạc được suy tôn đến bậc cao như vậy. Tất cả đều được phép, trừ sự thất bại. Chưa có ý niệm sống nào thích hợp với bản tính của Chín hơn!

Chín theo Lý Tài vào Gia Định

chẳng bao lâu thì Tống Phúc Hợp chết. Từ địa vị một hàng tướng, Lý Tài đột nhiên trở thành nhân vật hàng đầu nắm giữ một đạo quân hùng mạnh có hậu thuẫn tài chính dồi dào của thương nhân Hoa kiều ở Sài Côn và Trấn Biên, đe dọa địa vị của Đỗ Thành Nhân, chỉ huy quân Đông sơn ở Ba Giồng. Đối với viên lão tướng nhiều công trận và được dân chúng thương yêu như Tống Phúc Hợp thì Đỗ Thành Nhân không dám tị hiềm ganh ghét gì. Nhưng đối với tên hàng tướng Lý Tài, Nhân không thể chịu đựng được vẻ tự đắc kiêu mạn của hắn, Duệ Tôn lại có ý muốn dùng Lý Tài để củng cố địa vị yếu đuối bấp bênh của mình. Không dần được tức giận, có lần Đỗ Thành Nhân đã mắng Lý Tài là “đồ chó heo”. Giận dữ đến điên cuồng vì bị sỉ nhục, Lý Tài kéo quân Hòa nghĩa lên đóng riêng ở núi Châu Thới, chuẩn bị đồn lũy khí giới để tiêu

diệt quân Đông sơn của Nhân. Nhân biết vậy đem quân đánh núi Châu Thối trước, nhưng bị thua. Đỗ Thành Nhân và Lý Tài đã trở thành hai kẻ thù không thể đội chung một bầu trời, hằm hè chờ cơ hội sống mái với nhau trước nỗi lo âu sợ hãi của Duệ Tôn.

Đúng lúc đó thì Đông cung Dương trốn được khỏi chùa Thập Tháp để vào Gia Định vào tháng Mười năm Bính thân (1776). Tình cảnh Đông cung chẳng khác nào một con chim lạc bầy lơ lảo tìm mãi không ra một tổ ấm. Đông cung định nương náu ở đâu đây? Náu tạm trong cái ‘dinh’ lợp tranh tồi tàn, vách ghép bằng những miếng ván gỗ từ nhà thờ các giáo sĩ dòng Phan-xi-cô ở Bến Nghé, chung đụng với kẻ đã từng bỏ rơi Đông cung lại Quảng Nam để mượn gươm giáo Tây Sơn giết giùm hay

sao? Đông cung còn quá minh mẫn để quên cái hận ngày trước với Duệ Tôn, và sau cuộc đào thoát hiểm nguy, vẫn còn đủ bình tĩnh để nhận ra vẻ mặt cau có của Duệ Tôn mỗi lần gặp mình. Về Ba Giồng với quân Đông Sơn ư? Lòng dạ Đỗ Thành Nhân nông sâu thế nào thật khó lường, nhưng chắc chắn nếu Nhân phải lựa chọn, thì nhất định Nhân chọn Duệ Tôn hơn là chọn Đông cung. Nhìn quanh quần Đông cung chỉ thấy có một chỗ tạm trú thích hợp là núi Châu Thới của Lý Tài.

Ôn cứu tử của Lý Tài vẫn còn đó. Kỷ niệm tình quyến luyến giữa Lý Tài và Đông cung ở Qui Nhơn còn đó. Đông cung cũng thừa biết cả mình lẫn Lý Tài còn cần dựa vào nhau để sống còn. Đạo quân Hòa nghĩa tuy là hàng binh, nhưng vào được Gia Định, sống giữa xã hội

những người Hoa lưu vong giàu có, họ lấy lại đầy đủ tự tin nên sung sức hơn bao giờ hết. Đông cung cũng biết các thế lực Hoa kiều ở Gia Định hậu thuẫn mạnh mẽ cho Hòa nghĩa hơn là cho Đông Sơn. Sức mạnh và tiền bạc lúa gạo đã có, Lý Tài chỉ còn cần một lá cờ để phất. Đông cung vào Gia Định đúng lúc Lý Tài đã kéo quân lên núi Châu Thới xây thành đắp lũy mà chưa tìm ra một lá cờ để kéo lên đỉnh núi phô phang khắp thiên hạ.

Do đó, Đông cung xin Duệ Tôn cử Nguyễn Danh Khoáng lên Châu Thới triệu Lý Tài về giúp việc phòng thủ Sài Côn. Lý Tài nghi ngờ đây là một thứ kế điệu hổ ly sơn để tiêu diệt, bắt giữ Nguyễn Danh Khoáng lại, rồi kéo quân về Sài Côn. Quân Đông sơn thấy quân Hòa nghĩa rầm rập kéo đến vội chạy về căn cứ ở Ba Giồng. Duệ Tôn chạy theo

Đỗ Thành Nhân. Đông cung ở lại trong thành, sai kéo cờ hiệu đề mấy chữ “Đông cung phụng mệnh chiêu an” khi Lý Tài thúc trống âm âm chia quân bao vây thành Sài Côn. Thấy cờ hiệu của Đông cung, Lý Tài truyền lệnh hạ khí giới, rồi dẫn quân ngạo nghễ đường hoàng tiến vào cổng thành bỏ ngõ để yết kiến Đông cung.

Lý Tài mời Đông cung về bàn doanh của Hòa nghĩa quân tại Thủ Dầu Một bàn luận suốt ngày. Họ dựa vào nhau để thảo kế hoạch thực hiện một cuộc đảo chính không đổ máu. Lý Tài và Đông cung sai Trương Phúc Thận đi ‘rước” Duệ Tôn từ Ba Giồng về chùa Kim Chương ngoài thành Sài Côn, để ngay tại ngôi chùa nổi tiếng này, ngày Kỷ tị tháng Mười Một năm Bính thân (1776), trước mặt Lý Tài dương dương tự đắc và đám triều thần

văn võ khiếp nhược thu nhỏ người lại, Duệ Tôn phải nhường ngôi cho Đông cung, để nhận cái vị hàm Thái Thượng vương. Đông cung lấy hiệu là Tân Chính vương, ban ngay cho Lý Tài chức Bảo giá đại tướng quân, Nguyễn Phúc Chất chức Thiếu phó, Nguyễn Phúc Xuân chức Chuởng cơ, Phạm Công Lý chức Nội tả. Tay phiêu lưu quốc tế lừng danh một thời, sau khi bị một ông vua đẩy ra lề lịch sử, đã đích thân dựng lên một ông vua khác cho cái xứ còn hoang dã cực nam này.

✱

Cuộc tiến công càn quét Gia Định lần đầu của Tây Sơn nửa năm trước vẫn còn là một ám ảnh khủng khiếp đối với dân buôn bán Hoa kiều ở Trấn Biên và

Sài Côn. Trong hai trăm ghe bầu đầy ắp lúa gạo và hàng hóa tịch thu được ở Gia Định do Thiếu phó Nguyễn Lữ đem về Qui Nhơn, tài sản của Hoa kiều chiếm phân nửa. Có thể là hơn phân nửa, vì lúa gạo Gia Định và Trấn Biên đều thuộc vòng chi phối của các con buôn mề cốc. Chính số con buôn người Hoa này bỏ vốn cho nông dân nghèo vay trước để khẩn hoang, lập đồn điền, vỡ ruộng, nhằm bảo đảm mua trọn số nông phẩm thu hoạch được với giá hời. Do đó, họ mừng rỡ vô cùng khi thấy có một đạo quân hùng mạnh nhiều kinh nghiệm tách rời khỏi hàng ngũ Tây Sơn vào nam bảo vệ quyền lợi của họ. Hơn thế nữa, đạo quân này đa số là người Hoa, do một chủ tướng người Hoa điều khiển.

Các bang hội Hoa kiều ráo riết vận động để tài trợ cho Hòa nghĩa quân của

Lý Tài. Đã từng bị đe dọa trực tiếp đến mạng sống và tài sản, nên phần lớn Hoa kiều buôn bán ở các phố đều hăng hái đóng góp nuôi dưỡng Hòa nghĩa quân. Một số thanh niên Hoa kiều xin gia nhập Hòa nghĩa, khiến quân của Lý Tài từ tám nghìn dần dần lên gần một vạn.

Chinh cũng trở thành một nhân vật đặc biệt được đón tiếp nồng hậu ở các cuộc hội họp, đám tiệc, lễ lạt của cộng đồng Hoa kiều giàu có đó.

Thân thế của Chinh có nhiều điểm đáng chú ý đối với dân buôn bán Hoa kiều. Chống Tây Sơn như đám quan quân hoặc dòng họ nhà Nguyễn lưu lạc từ Phú Xuân vô Gia Định, điều ấy hiển nhiên, dễ hiểu. Những người mang dòng họ Nguyễn Phúc, Tống Phước, Nguyễn Khoa, Nguyễn Cửu, nói tiếng trợ trệ hăng hái chống Tây Sơn là điều bình thường.

Những người từng cộng tác đắc lực với Tây Sơn, lãnh vai tiên phong trong các cuộc đánh nam dẹp bắc như Lý Tài, Chinh mà nay quay sang chống Tây Sơn mới thật đáng chú ý. Huống chi Chinh là một người nam trẻ tuổi, con trai viên quân sự từng làm việc với Nguyễn Nhạc từ thời khởi dấy. Đối với giới Hoa kiều, Chinh không có cái đáng khinh của một kẻ đầu hàng hèn nhát, ngược lại, anh có cái hấp dẫn huyền nhiệm dễ gợi tò mò của một người từng phải trải trở đau lòng, cuối cùng lựa chọn “con đường đúng”. Nói tắt một là, theo nhãn quan của giới con buôn Hoa kiều, Chinh là một kẻ “cải tà qui chánh”.

Lý Tài mau chóng nhận ra sức ‘hấp dẫn quần chúng’ và giá trị tuyên truyền của Chinh, nên đi đâu cũng dẫn Chinh đi theo. Thời đó các bang hội Hoa kiều ở

Trấn Biên hội họp liên miên, theo truyền thống cuộc họp nào cũng có kèm theo tiệc tùng thịnh soạn. Chinh mặc sức được cung phụng, cung chiều. Không có ngày nào Chinh không dự tiệc. Cửa hưởng thụ mở toang trước mặt Chinh. Các trò vui lạ mắt kích động cảm giác. Chinh tò mò, mon men bước vào như một người tập sự. Dù sao anh vẫn chưa quên được những lời nghiêm huấn của cha. Anh tự nhủ: làm trai cái gì cũng phải biết, miễn là có đủ ý chí để không lụy như những kẻ thường tình.

Anh hút thử thuốc phiện, lần đầu bị nôn ọe nhưng không muốn bị chê cười, Chinh hút tiếp lần thứ nhì, lần thứ ba... Anh được mời mọc đến các xóm yêu hoa đất giá, được cho xem những tập đồ hình tổ nữ đang biểu diễn các kiểu chăn gối trong phòng khuê (mà người ta thì

thăm kháo nhau rằng tác giả là Thạch Liêm lão hòa thượng trụ trì Thượng Thọ Am ở Quảng Đông. Thích đại sán), được biểu bộ sách quý *Nhục bồ đoàn* để “xem qua cho biết sự đời”. Các cuộc ăn chơi càng cật chặt Chinh với Lý Tài thêm lên, anh nghiệm nhiên trở thành người thân cận tín cẩn nhất của Bảo giá Đại tướng quân. Nhiều hôm giữa cơn đắc chí, Lý Tài bảo Chinh:

– Dòng họ nhà anh có nòi làm quân sư đấy nhé! Cha anh làm quân sư cho biện Nhạc. Anh thành một thứ quân sư cho ta. Hãy mở to hai mắt và thính tai để xem nghe động tĩnh ở Ba Giồng, báo trước cho ta những điều cần làm. Phần bà con Hoa kiều thì khỏi phải lo. Cần bao nhiêu gạo thóc, khí giới, tiền bạc, họ sẽ cung cấp đủ. Ta chỉ giao cho anh phía Ba Giồng. Nhớ nhé!

Chinh không đồng ý với Lý Tài, thưa lại:

– Phía nguy hiểm không phải là Ba Giồng, mà là Qui Nhơn. Chắc tướng quân chưa quên tài điều binh của Nguyễn Huệ. Chỉ mới cầm quân có vài trận, anh ta đã nổi tiếng là một tay kiệt liệt, không chậm chạp như Thiếu phó Nguyễn Lữ.

Lý Tài cười ha hả bảo:

– Nguyễn Huệ hả? Anh muốn nói đến “chú Tám” nhà ta chứ gì? Vâng, hắn cũng khá đấy. Chừng ấy tuổi mà được như vậy, cũng hiếm có. Nhưng hắn vào đây bằng gì? Có phải bằng đường bộ không? Không. Đường xá xa xôi diệu vợi, hắn không vượt qua được rào chắn của hai ông Châu Văn Tiếp và Trần Văn Thức Bình Thuận, Phú Yên đâu. Nếu vào Gia Định lần nữa, Tây Sơn phải dùng thủy

quân. Mà thủy quân Tây Sơn thì... a ha... anh còn biết rõ hơn tôi nữa. Sau khi Tập Đình đem quá nửa số chiến thuyền bỏ đi, số thủy quân còn lại thuộc cả vào quân Hòa nghĩa chúng ta. Làm sao không đẩy hai năm họ có thể gây dựng được một lực lượng thủy quân đủ sức vào tận đây đánh phá. Mấy tháng trước “chú Bảy” nó vào chỉ gặp bọn Đông Sơn ốm đói và chết nhát, như chó táp phải ruồi, mới có thể thông dong chở mấy trăm ghe lúa về chợ Giã. Chuyến này đừng hòng! Diệt xong được bọn Đông Sơn, ta còn đủ thì giờ củng cố, thống nhất lực lượng để nghênh đón một lượt nào “anh Cả, chú Bảy, lẫn chú Tám”. Ha ha!

Chinh vẫn còn lo lắng nên cười gượng theo Lý Tài. Lý Tài cười thỏa thích một lúc nữa, rồi vỗ vai Chinh hỏi:

– Này, tập hình của lão hòa thượng đó đâu rồi?

Chinh đỏ mặt lí nhí đáp:

– Dạ đã trả cho họ rồi!

– Sao lại trả. Anh ngơ quá! Họ cho xem tức là muốn biếu. Lão hòa thượng đó thật đa tài. Vẽ như thế mới thật là bậc thầy. Nghe nói lão còn giỏi cả thiên văn, địa lý, dịch số, văn thơ, kiến trúc nữa phải không? À quên, sao lại đem hỏi anh! Lão người Quảng Đông, đáng lý ta đồng hương với lão phải hiểu rõ hơn anh chứ!

Chương 41

Ít lâu, sau ngày Đông cung vào đến Gia Định, một nhà nho hết lòng trung quân tạm ẩn ở Qui Nhơn cũng trốn vào. Ông ta tên là Nguyễn Đăng Trường. Gốc gác gia đình, học thức, và nhất là cuộc mạo hiểm nghìn dặm tìm vào với Chúa (dù đau đớn đứt ruột vì phải bỏ lại Qui Nhơn một mẹ già), bấy nhiêu yếu tố đủ khiến Tân Chính vương vui mừng chiêu đãi người hiền. Nguyễn Đăng Trường được giữ chức tham tán, ngày đêm làm việc trong bộ tham mưu của Tân Chính vương.

Chinh nghe tin có một người vừa ở Qui Nhơn vào, vội tìm đến với hy vọng may ra biết được tin nhà. Lý Tài đoán biết ý định của Chinh, vội cho mời viên Tham tán đến, trở Chinh và hỏi:

– Ông ở Qui Nhơn, có quen cậu này không?

Trại chủ ngăn người vì cố nhớ xem đã gặp Chinh ở đâu, nhưng ông chịu, không nhớ được gì liên quan đến cậu thanh niên mặt vuông, mũi lớn, da ngăm ngăm đen đang bối rối trước mặt mình. Viên Tham tán thú thật:

– Có lẽ... có lẽ trí nhớ tôi kém. Hình như tôi chưa gặp cậu này lần nào cả.

Lý Tài cười, rồi hỏi:

– Thế ông có nghe người ta nhắc đến ông giáo Hiến không?

Trại chủ mau mắn đáp:

– Có. Ở Qui Nhơn ai không biết hẳn ta! Giáo Hiến là quân sư của bọn anh em Tây Sơn mà.

Lý Tài cười xòa, lại trở Chinh mà nói:

– Cậu này là con trai của giáo Hiến đấy.

Viên Tham tán đỏ mặt liếc nhìn Chinh, vì vừa dùng lời lẽ khá nặng nề khi nhắc đến ông giáo. Chinh thấy thế, vội lễ phép hỏi:

– Trước khi vào đây, bác có gặp cha cháu không?

Trại chủ lấy được bình tĩnh, nhìn thẳng vào Chinh đáp:

– Tiếc là tôi chưa được gặp ông cụ thân sinh anh. Lúc ông cụ còn đa đoan

công việc trong phủ, tôi không muốn gặp. Lý do vì sao chắc anh hiểu. Về sau, nghe thiên hạ đồn ông cụ đã thôi việc và ra ở Bằng Châu...

Chinh hồi hộp, nôn nóng cắt lời viên Tham tán:

– Cha cháu đã rời nhà ra Bằng Châu? Sao lạ thế?

Trại chủ ngạc nhiên trước sự hốt hoảng của Chinh, chăm chăm nhìn anh rồi nói tiếp:

– Vâng. Ông cụ đã ra ở Bằng Châu từ lâu rồi. Nghe nói vì ông cụ bất hòa với bọn anh em Tây Sơn sao đó. Thú thật nghe đồn vậy tôi cũng bán tin bán nghi. Giữa nhà nho với nhau, tôi muốn biết tâm sự thâm kín của ông cụ thế nào trước thời thế. Tôi muốn tìm đến thăm ông cụ.

Chinh không chờ được nữa, chen vào hỏi:

– Bác có đến thăm cha cháu không ạ?

– Có. Nhưng tiếc là tôi không được gặp mặt. Có cô gì hình như con cháu ông cụ...

– Vâng. Đúng là con An em cháu đấy. An có nói gì với bác không?

– Cô ấy bảo ông cụ vừa đi khỏi. Tôi hẹn trở lại, nhưng tự nhiên lòng do dự, không biết nên gặp hay không. Sao đó chần chừ, hẹn rày hẹn mai mãi. Đến lúc bị bọn họ biết tông tích và tìm đến tận nhà tôi, tôi sợ không dám ở lại Qui Nhơn nữa, vội tìm cách trốn vào đây.

Lý Tài hấp tấp hỏi:

– Họ tìm đến tận nhà ông ư? Ai thế?

Trường quay nhìn Lý Tài, do dự, chưa biết nên nói hay không. Cuối cùng viên Tham tán đáp:

– Chính người đáng gờm nhất trong anh em họ: Nguyễn Huệ.

Lý Tài giật nảy người vì câu trả lời bất ngờ, đứng hẫng lên rời khỏi ghế, chồm tới trước hỏi trại chủ:

– Thật thế sao? Hẳn đến hỏi ông những gì?

Viên Tham tán đáp:

– Hẳn hỏi vì sao từ hai năm nay, vào Qui Nhơn, tôi mai danh ẩn tích chứ không ra giúp anh em hă. Đáng sợ hơn nữa là hă hỏi vì sao lại có ý định trốn vào đây.

Lý Tài thích thú cười to, rồi hỏi:

– Bị bắt đúng mạch như vậy, ông ăn nói làm sao với hắn?

Trường chậm rãi đáp, giọng nói tự tin pha lẫn kiêu hãnh:

– Tôi nói thẳng là tôi sẽ ra đi.

Lý Tài và Chinh đều trở mắt nhìn viên Tham tán, lòng đầy hoài nghi. Lý Tài vội hỏi:

– Rồi hắn nói sao?

Trường trầm ngâm một lúc thật lâu, cân nhắc từng lời trước khi đáp viên Bảo giá tướng quân đầy uy quyền. Ông băn khoăn tự hỏi có nên nói đúng sự thật hay không. Liềm sỉ nhà nho buộc ông không được nói dối. Nghĩ như vậy nên Trường trả lời:

– Hấn nói: “Tiên sinh đi như thế, chẳng khác nào quay trời đất lộn ngược trở lại, hỏi làm sao được! Tôi chỉ sợ có ngày tiên sinh hối hận thì sự đã muộn lắm rồi!”

Lý Tài lại hấp tấp hỏi:

– Ông đáp thế nào mà hấn để ông yên?

Giọng Trường trở nên sang sảng:

– Tôi nói: “Bậc đại trượng phu ở đời lấy trung hiếu làm đầu. Tôi nay thờ mẹ tôi, rồi thờ Chúa, ý nghĩ thật là quang minh. Còn công việc có xuôi hay không, được hay mất là do mệnh trời. Tôi còn điều gì hối hận được!”

Lý Tài vỗ bàn cười ha hả, quên cả giữ ý với một nhà nho nghiêm túc, chạy đến ôm vai viên Tham tán lắc lắc, miệng

không thôi lắm lắm:

– Khá lắm. Được lắm. Thế mới gọi là tay hảo hớn “uy vũ bất năng khuất”

Trường hơi cau mày khó chịu, đưa tay gỡ nhẹ tay Lý Tài ra khỏi vai. Muốn cho Lý Tài khỏi chú ý cử chỉ mình, Trường quay về phía Chinh nói:

– Thành ra trước sau tôi vẫn chưa gặp mặt được ông cụ.

Chinh hồi hộp hỏi:

– Nhưng em gái cháu có nói gì về chuyện cháu vào Gia Định không?

Trường lắc đầu chậm chậm, rồi đáp:

– Cô ấy chỉ trả lời ông cụ không có nhà. Sau đó tôi đi ngay, không hỏi thêm gì nữa. Thật đáng tiếc!

Cuộc đối thoại giữa Nguyễn Đăng Trường và Nguyễn Huệ, không hiểu do ngõ ngách nào, trở thành đề tài truyền miệng trong dân chúng khắp Gia Định. Đi đâu cũng nghe người ta thì thào bàn tán về câu chuyện ấy, với nhiều chi tiết bị biến đổi thành ra hấp dẫn hơn, đậm nét thời sự hơn. Chẳng hạn lần đầu Chinh nghe nội dung cuộc đối thoại ở nhà một thương gia buôn vải giàu có ở Sài Côn, thì Nguyễn Huệ đã hỏi nhà nho:

– Tiên sinh nhất quyết vào Gia Định như thế có khác nào định đảo ngược trời đất đâu. Chỉ sợ có ngày tôi dẫn quân đánh chiếm Gia Định, tiên sinh hối hận thì muộn lắm rồi.

Lần thứ hai một anh Hoa kiều buôn lúa gạo chặn Chinh lại hỏi sau một tiệc rượu:

– Này, tôi hỏi riêng anh chuyện này anh trả lời thành thật cho tôi liệu trước nhé. Có phải viên tướng tài ba em vua Tây Sơn đã dọa ông Tham tán rằng: “Tôi đã bảo mà nhà thầy cứ nhất định nằng nặc vào nam, thật là chuyện trời đất đảo điên. Báo trước cho thầy biết là tôi sắp kéo quân vào lấy Gia Định. Đến lúc đó, thầy hối hận cũng không kịp nữa”. Sự thực đúng như thế không?

Lần thứ ba, câu nói của Huệ biến thành:

– Nhà thầy không nghe hả? Có trời đất làm chứng, tôi không nói ngoa là tháng sau tôi sẽ cầm quân vào chiếm

cả Gia Định. Lúc đó thầy hồi hận cũng không kịp đâu.

Người ta nhầm tính ngày Nguyễn Đăng Trường vào đến Gia Định, cộng thêm khoảng thời gian đi ghe từ Qui Nhơn vào Bến Nghé, lúc đó mới sợ toát mồ hôi vì nhận thấy rằng chỉ còn khoảng vài hôm nữa Nguyễn Huệ sẽ kéo quân vào nam. Tin ấy làm náo loạn khắp nơi, nhất là ở các phố Hoa kiều. Giá lương thực tăng vọt vì các ghe buôn từ các nơi ghé Bến Nghé thừa thớt hẳn, trong lúc các bà nội trợ cuống cuống chạy khắp nơi vét gạo về dự trữ. Hàng hóa ở các sạp chợ bị giấu hết, trên phố, ngoài bến, kẻ mua hàng lòng đi tìm mà không ra kẻ bán. Những người quá lo xa lảng lảng cho vợ con về quê, nên thuyền bè đầy ắp những đàn bà con nít dắt díu bồng bế nhau tránh loạn. Cửa phố hoặc đóng

hắn, hoặc khép he hé, bên trong người ở lại nép sau bức rèm thưa quan sát động tĩnh bên ngoài.

Tình trạng đó ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần quân Hòa nghĩa và Đông Sơn, nhất là quân Hòa nghĩa, vì sự yểm trợ tài chánh của đám Hoa kiều Sài Côn và Trấn Biên sút giảm mau chóng. Số người sẵn đón mời mọc Chinh đi ăn uống, du hí càng ngày càng thưa, sau cùng gần như mất hẳn. Chinh báo động với Lý Tài, và bộ tham mưu ở núi Châu Thới bàn luận mãi vẫn chưa tìm ra giải pháp trấn an nhân tâm, hóa giải tác hại của các tin đồn nhảm.

Thật ra ngay Lý Tài cũng lo sợ Tây Sơn kéo quân vào Gia Định thực. Hệ thống phòng thủ ở thành Gia Định lẫn núi Châu Thới còn sơ sài, quân Hòa nghĩa tuy đông nhưng quá hỗn độn, kỷ

luật thiếu nghiêm minh. Những lính Hòa nghĩa kỳ cựu ỷ công không xem kỷ luật ra gì, quen thói lộng hành y như thời ở Quảng Nam và Phú Yên. Lính mới dựa thế dám thương gia giàu có cũng xem thường hiệu lệnh. Cấp trên bảo, cấp dưới không nghe. Cái gì không vui nhộn hoặc không mang ngay lợi lộc thì không làm. Lý Tài thấy phải chấn chỉnh lại đám quân ô hợp mới mong diệt được quân Đông Sơn và phòng thủ Gia Định. Thời gian cần thiết, ít ra phải một năm. Gấp lắm cũng cần đến sáu tháng. Nguyễn Huệ kéo quân vào sớm quá, Lý Tài biết trước mình khó lòng chống đỡ được.

May mắn cho Gia Định là khoảng cuối năm Bính Thân, Võ Duy Nguy và Tô Văn Đoái từ Quảng Nam trốn vào Gia Định mang theo nhiều tin vui. Theo họ kể thì tuy Chúa Bắc Hà đã ban cho

Nhạc chúc “Quảng Nam Trấn thủ Tuyên úy Đại sứ” nghĩa là đã hợp thức hóa chủ quyền của Tây Sơn trên vùng đất rộng phía trong đèo Hải Vân, nhưng dân chúng có vẻ không phục chế độ mới.

Càng ngày càng có nhiều mầm móng bạo loạn hoặc do các sĩ phu, tôn thất khởi xướng, hoặc do chính đám dân nghèo chán ngán chiến tranh đã chà đi xát lại tàn phá vườn tược, ruộng rẫy, xóm làng của họ. Duệ Tôn, Tân Chính vương, Đỗ Thành Nhân, Lý Tài và đám thuộc hạ vô lấy tin vui của Ngụy và Đoái như kẻ sắp chết đuối vô lấy miếng ván nổi. Tân Chính vương cử người ra Quảng Nam chiêu tập nghĩa binh, đồng thời cho người tỏa ra khắp các bến chợ, phố phường cải chính tin đồn dữ trước đó.

Kỳ hạn người ta đồn đãi Nguyễn Huệ sẽ vào Gia Định qua rồi, thiên hạ còn

ngại chưa dám cho vợ con trở về phố. Ghe thuyền còn lữa thừa. Phố xá còn khép hờ để phòng biến loạn. Nhưng nửa tháng, một tháng, rồi hai tháng trôi qua mà quân Tây Sơn vẫn chưa vào. Người ta bắt đầu tin lời Tô Văn Đoái và Võ Di Nguy. Đời sống dần dần ổn định. Mọi người thở phào tự thẹn mình nhất gan, rồi quyết che giấu sự yếu đuối bằng cách bỏ tiền sắm một cái Tết linh đình. Cảnh yến tiệc, du hí liên miên giữa đám con buôn giàu có và bọn quan lại, tướng lãnh thế lực tiếp tục. Tuy nhiên, sau cuộc vui say, nhiều khi ngay trong cuộc vui say, mọi người vẫn canh cánh một mối lo vu vơ, như một đám mây đen lớn vờn giữa bầu trời trong xanh của mùa xuân Gia Định.

✱

Cái tin Thọ Hương vô tình thuật cho An nghe hôm cúng đầy tháng cháu Phát khiến An lo lắng đến mất ngủ. Nhưng An không dám nói lại với ai cả. Dù Lãng không căn dặn nhiều lần trước khi ra về, An cũng biết gia đình mình còn ở vào cái thế chông chênh dễ bị Nhật nghi ngờ. Một bí mật quân sự quan trọng như vậy loan đi từ nhà ông giáo sẽ chẳng khác nào lời thú cần thiết cho một bản án tử.

Nhưng từ Tết Đinh Dậu (1777) tin đó đã được loan báo công khai. Cuộc chuẩn bị cho cuộc tấn công lần thứ nhì vào Gia Định đồn dập rộn rã khắp nơi, đập vào mắt vào tai mọi người. An không muốn nghe mà ngày nào Lợi cũng mang đủ thứ chuyện về nhà hí hửng như mang quà về tặng vợ. Khi thì Lợi bảo:

– Chuyến này lớn hơn chuyến năm ngoái nhiều. Có cả thủy lẫn bộ đấy, em ạ!

Khi Lợi buông lơ lửng:

– Kế hoạch đại qui mô như vậy không biết lo ghe thuyền có xuể không!

Vài hôm sau Lợi lại nói:

– Cả anh Thiếu phó lẫn anh Phụ chính đều đi Gia Định chuyến này An ơi! Chuyến về mặc sức nhọc! Không khéo anh Thiếu phó lại đòi cho được anh theo cũng nên. Anh lo quá!

An quá hiểu chồng, bực dọc đáp:

– Không ai thèm nhờ đến anh đâu. Dù có nhờ đến anh, em cũng bỗng thẳng Phát lên kêu nài cho anh ở lại. Tình cảnh con cái thế này, làm sao em lo một mình cho xuể.

Lợi cụt hứng không đề cập tới chuyện đi nam với vợ nữa. Anh thấy An có lý để giữ anh lại.

Thằng Phát, đứa con trai đầu của hai vợ chồng, thể chất ỏi ọp làm khổ mẹ không ít. Qua đến tháng thứ ba, tự nhiên mình mẩy nó nổi sài ghẻ, ngứa ngáy khóc cả đêm. Thằng bé khóc đến khan cả tiếng, mỗi lần ngứa cứ lấy tay cào mạnh lên các mụn ghẻ mọng nước, đến nổi da thịt rướm máu, vết lở loang dần khắp mình mẩy. Một thứ nước vàng nhờn nhờn ứa ra ở các chỗ lở, dính chặt vào quần áo. Không mặc quần áo cho con được, An phải hơ lá chuối non trải lên giường cho nó nằm. Nó nhiễm lạnh lại mang thêm cái bệnh ho. Chị vú ngại khổ lánh việc, tìm hết cơ này đến cơ khác để thoát thác việc tắm rửa, canh giấc cho thằng bé. An thương con không nỡ giao cho ai, ngày đêm ôm con mà khóc. Sức khỏe chị suy giảm, vì thiếu ngủ và lo phiền. Nhiều đêm chị ngủ gục trên nôi con, giật mình thức dậy thấy thằng bé há

miệng kêu khóc không ra hơi, hồi hận quá, không dám chớp mắt nữa. Lúc nào thằng bé mệt phờ thiếp đi An mới dám gửi con cho chị vú hoặc con bé giúp việc, ngả lưng nhắm mắt một chút.

Mắt An thâm quầng, tóc tai đã dươi, quần áo nhàu nát hôi hám. Đã thế, chị lại đang mang thai đến tháng thứ hai, căn cứ vào kỳ tắt kinh cuối cùng. An vừa thương con vừa thương mình, vừa giận mình vừa giận chồng. Nhiều hôm chột nhìn mình trong cái gương bám bụi, An xót xa hồi hận đã đi lấy chồng, để đến nỗi thân mình, mặt mũi tiêu tụy đến thế!

Vì vậy khi nghe An nhắc hoàn cảnh hiện tại, Lợi không còn gì để nói thêm nữa. Anh bỏ ý định lên gặp Lữ để xin tham dự chuyến tấn công Gia Định này, nhưng trong lòng vẫn tự tin rằng thế nào Lữ cũng phải nhờ đến tài tháo vát của

anh. Lợi nghĩ tới quân số đông hơn, chắc chắn chiến lợi phẩm thu được sẽ nhiều hơn, ghe thuyền cần trưng dụng để chở thóc về Qui Nhơn sẽ tăng lên. Không có Lợi, ai làm nổi công việc ấy. Thiếu phó có gọi lên thì Lợi phải tìm cách từ chối! Mà thế nào Thiếu phó cũng gọi.

Lợi chờ với tất cả tin tưởng và kiêu hãnh của một tay chuyên nghiệp. Lợi chờ. Lợi chờ. Chờ mãi không thấy ai đến mời anh. Nhiều lần gặp Thiếu phó, Lợi nói xa nói gần mà Lũ vẫn chưa đề cập đến chuyện anh chờ đợi.

Đến hôm Lãng về nhà báo cho cha và chị biết: trong vòng hai ngày nữa Lãng sẽ theo Huệ vào nam, Lợi mới bật ngửa. Anh bở ngỡ, rồi khổ sở đến tuyệt vọng. An lo lắng cho em nên không chú ý đến nét mặt tái xanh của chồng. An hỏi Lãng:

– Cha đã biết việc này chưa?

Lãng nhìn quanh như muốn tìm cha, rồi đáp:

– Chưa. Cha đâu rồi chị?

– Không có ngoài vườn à?

– Không. Em vừa từ ngoài vườn vào đây. Cháu đã đỡ chưa?

An nhìn về phía nôi con, thở dài đáp:

– Phía sau lưng đã khô, nhưng cánh tay lại lầy trở lại. Chị chẳng còn phải biết làm sao nữa. Biết sinh nó ra đời khổ thế này, thà... Lãng vội nói:

– Rồi nó sẽ khỏi thôi. Chị đừng chán nản. Ủa, sao hai bàn tay cháu phải buộc vải vậy? Lại lở ở mấy kẻ tay à?

An cười gượng gạo, nói:

– Không phải đau. Chị buộc chặt, không nó gãi sước cả mình mấy.

– Hôm nay nó ngủ có vẻ say đấy chứ!

– Nhờ cái lưng đã bắt đầu lành đấy. Mấy hôm trước nó trăn trở, trông thấy tội nghiệp đến phát khóc.

Rồi nhìn về phía chồng, An nói:

– Thế mà anh Lợi định bỏ chị để vào nam với em đấy.

Lãng thành thực bảo:

– Chị khỏi lo. Chuyến này anh Lợi khỏi phải đi. Anh biết rồi chứ anh Lợi?

Vì tự ái, Lợi đáp rối:

– Vâng, biết rồi!

Lãng nói tiếp:

– Em nghe anh Huệ nói với anh Lữ nên giữ một người giỏi tổ chức quân lương lại Qui Nhơn để chuẩn bị tiếp lương khi cần. Mục tiêu trận này có vẻ lớn, nên thời gian sẽ kéo dài, có thể là nửa năm, một năm. Xong việc mới được về!

An lo lắng hỏi:

– Chắc là phải gặp nhiều nguy hiểm lắm nhỉ?

Lợi nói:

– Nghĩ như em thì chỉ nên đốt hết gươm giáo cho quân nằm nghỉ trong xó nhà.

An hăng hái nói:

– Vâng. Nếu có quyền, em sẽ làm như vậy. Em chẳng hiểu có gì thú vị

trong chuyện chém giết mà đàn ông các anh say mê đến thế. Mới đẻ ra là đã say đấu đá nhau rồi. Làm đàn bà thời loạn thật khổ. Ai cùng thành chinh phụ ôm con chờ chồng đến hóa đá.

Lợi cầu nhàu:

– Nói thế mà nghe được!

Lãng muốn hòa giải cho anh chị, cười bảo:

– Nhưng anh Lợi đã ở lại đây, chị trách móc cả bọn đàn ông làm gì nữa.

Giọng An gay gắt và hốt hoảng:

– Anh Lợi ở lại, nhưng Lãng đi, anh...

An kịp dừng lại, liếc về phía chồng lo ngại. Lợi vẫn cúi mặt ngăm ngía mấy

ngón tay ồm của mình, nét mặt buồn hiu. Lãng nói:

– Không hiểu sao em cứ nghĩ là chuyến này, thế nào em cũng được gặp anh Chinh. Tính anh ấy, em biết. Chắc bên trong có điều éo le gì đó, chứ anh Chinh không phải là con người phản trắc. Thế nào anh ấy cũng được ta giải thoát, trở về với gia đình. Chị có tin như thế không?

An không trả lời, vì nghĩ Lãng quá mơ mộng, không chịu nhìn thẳng vào thực tế đau lòng.

*

Mấy hôm ông giáo bị bệnh, Kiên có đến thăm cha. Căn nhà nấp sau vườn cây rậm vốn đã lạng lẽ, bây giờ lạng lẽ thêm.

Ở căn trước cửa ngõ đóng kín nên bên trong tối om, ông giáo nằm rên hừ hừ. Mùi thuốc bắc xông lên từ lò siêu tỏa khắp phòng. Căn dưới thì An ôm con canh giấc cho thằng bé, lâu lâu tủi thân thút thít khóc. Chị vú bỏ về sau một trận cãi vã với chủ, nên dưới bếp hai đứa ở gái xì xầm nói chuyện với nhau, sợ làm động đến sự yên tĩnh thê lương đè nặng lên khắp nhà.

Kiên hỏi thăm sức khỏe cha, rồi ngồi im bên cái phản gỗ không biết nói gì thêm, anh muốn ra về nhưng sợ làm như vậy tình cha con có vẻ nhạt nhẽo quá.

Ông giáo cũng muốn hỏi thăm con vài điều. Nhưng hỏi Kiên gì đây? Chẳng lẽ hỏi thăm về mấy đứa trẻ không phải cháu nội của mình, hoặc hỏi về tình hình làm ăn ở cái quán rượu? Kiên nói qua công việc của mình ở kho quân lương,

và cuộc chuẩn bị tiến công Gia Định sắp tới. Lại thêm một đề tài ông giáo không muốn nghe ai nhắc đến!

Ông giáo vừa mệt vừa khó chịu muốn nằm yên một mình nên bảo Kiên:

– Con xuống thăm mẹ con con An một chút. thằng bé bệnh hoạn quá, đêm nào cũng khóc ò ỏ.

Kiên chúc cha mau bình phục, rồi xuống căn nhà dưới. An thấy anh tới, tự nhiên bật khóc. Kiên hỏi:

– Cháu đã đỡ chưa?

An vừa thút thít vừa đáp:

– Nó khô chỗ này lại lây ở chỗ khác. Em chẳng biết phải làm sao nữa.

– Sao không bảo thằng Lợi nó mời thầy về xem thử.

An chua chát đáp:

– Ấy, hai ba ông rồi đấy. Ông thì bảo tại nhiệt. Ông thì bảo tại sữa em xấu. Ông thì bảo anh Lợi có gốc phong.

Kiên nhìn quanh rồi hỏi:

– Lợi chưa về à?

– Chưa anh ạ. Thường thường khoảng xế anh ấy mới về nhà.

Kiên cười ra vẻ nhạo báng:

– Nó có ngồi yên một chỗ được đâu. Chạy hết chỗ này đến chỗ khác.

An chợt nhớ Kiên làm một chỗ với chồng vội hỏi:

– Ủa, anh đã về sao Lợi chưa về?

Kiên cũng kinh ngạc và bồn chồn. Anh nói:

– Anh cũng hẹn chú ấy ở đây mà. Chú ấy bảo anh cứ về trước, chú ấy đi có chút việc rồi về liền.

An lo lắng hỏi:

– Có việc gì gấp không anh?

Lúc đó thằng bé giật mình thức dậy, ò ò khóc. An rung rung hai tay để ru con, giọng hát buồn rười rượi. À ơi. Một mai ai chở bỏ ai. À ơi. Chỉ thêu nên gấm sắt mài nên kim. Ngủ đi con. Có mẹ đây. À ơi... Hòn đá đóng rong vì dòng nước chảy. À ơi... Ngọn núi bạc đầu vì bởi sương sa. À ơi... Anh cần gấp anh Lợi gấp không? Có chuyện gì thế? À ơi... Có mẹ đây...

Kiên không chờ cho An ru con xong, vội vã bảo:

– Chắc anh không đợi được. Ở nhà

đồng khách, không có người lớn bọn chúng nó uống quít hết. Lợi về em hỏi xem vụ bánh tráng đã đến đâu rồi. Người ta muốn biết gấp để còn liệu.

An tò mò hỏi:

– Vụ bánh tráng nào thế, anh?

Kiên do dự, nhưng thấy em khẩn khoản muốn biết nên chậm rãi giải thích:

– Có gì đâu. Để quân lính tiện ăn đường khỏi mất công nấu nướng, mình dùng gạo rang hoặc bánh tráng. Trong hai thứ, quân lính thích ăn bánh tráng hơn, cho nên bên quân lương giao gạo cho các lò làm bánh tráng thật nhiều. Lò họ kiếm được nhiều lời trong vụ này lắm. Có một chỗ quen biết cũ với má con Út nhờ anh nói giùm với chú Lợi một tiếng. Chả là chú Lợi lo việc này mà. Họ bảo

người ta sao thì họ cũng chịu vậy, không quên ơn chú ấy đâu. Có chó sữa? Hay chú Lợi về?

An cũng thắc mắc nói:

– Chắc không phải anh Lợi. Anh ấy về chó chỉ hực chứ không sữa. À ời. Có mẹ đây, con ngoan. Có mẹ đây. À ời. Hòn đá đóng rong... Anh ra mở cổng giùm em xem có phải khách lạ không?

Kiên ra cổng thấy lỗ nhố nhiều lính mang gươm giáo. Anh sợ quá, đến lúc nhận ra Lãng và Huệ ở trước cửa cổng Kiên mới yên tâm hơn một chút. Lãng thấy anh, lên tiếng trước:

– Anh mở giùm cổng. Có anh Huệ đến thăm cha.

Tuy quá quen biết Huệ nhưng trước một người trẻ tuổi giữ chức vụ lớn trực

tiếp điều khiển mình, Kiên vẫn đăm lúng túng. Anh lật bật mãi mới mở được then cửa.

Kiên hơi nghiêng người ra trước, lễ phép nói:

– Mời... mời ông Phụ chính vào ạ!

Huệ đã quen với thái độ khúm núm của kẻ khác đối với mình nhưng vẫn ngỡ ngàng trước thái độ của Kiên. Huệ cười nhỏ, thân mật hỏi:

– Thầy có mệt nặng lắm không anh?

Lãng đi sau lưng Huệ nói:

– Nghe em báo cha mệt không ngồi dậy được, anh Huệ vội đến thăm cha. Để em vào mở cửa lớn đã.

Huệ vội đưa tay ngăn lại:

– Thôi. Đừng mở cửa, sợ gió.

Rồi quay về phía toán lính hầu, Huệ ra lệnh:

– Các anh ở ngoài cổng được rồi:

Lãng và Kiên dẫn Huệ vào phòng cha theo lối cửa hông. Ông giáo nghe có nhiều tiếng chân bước và tiếng xì xầm, lên tiếng hỏi:

– Ai thế con?

Huệ run run giọng đáp:

– Thưa thầy, con đây.

Sợ ông giáo chưa hiểu, Huệ nói thêm:

– Thưa thầy con là Huệ. Thầy mệt lắm không ạ?

Căn phòng quá tối nên Huệ chỉ thấy chỗ thầy nằm nhờ tiếng ông giáo

hỏi, chứ không phân biệt được sắc diện người bệnh. Ông giáo vội choàng ngồi dậy, thảng thốt hỏi:

– Anh Huệ à? Trời ơi! Sao anh biết tôi bệnh mà đến thăm. Kiên đâu rồi? Thắp đèn lên cho sáng đi!

Lãng mang cây đèn dầu lạc lên kịp lúc. Huệ đến ngồi trên cái ghế ngay bên cạnh phản thầy giáo. Anh cầm lấy cổ tay ốm của thầy, xúc động nói:

– Xin thầy cứ nằm xuống cho khỏe.

Ông giáo hân hoan bảo:

– Không sao! Tôi ngồi được mà. Làm sao anh nghe tin tôi ốm?

Huệ thấy đôi mắt thầy vẫn long lanh linh hoạt như xưa, nhưng khuôn mặt hóp lại, hoàn toàn trở thành một cụ già

ồm yếu. Huệ trù mển nhìn thầy, đáp nhỏ:

– Con nghe Lãng nói. Lâu quá con không đến thăm thầy, thật có lỗi. Để chừng đã gần hai năm rồi!

Ông giáo ngậm ngùi đáp:

– Phải. Gần hai năm. Từ ngày đám cưới con An...

Ông chỉ nói được đến đó, rồi ái ngại nhìn Huệ. Hai thầy trò cũng nhìn nhau và cùng hiểu những gì cả hai đang nghĩ, nên lòng họ lâng lâng buồn. Sau một lúc im lặng, ông giáo cố giằng xúc động nói:

– Nhưng nhờ em Lãng, tôi vẫn biết được tin tức anh. Tôi theo dõi được từng bước anh đi, anh Huệ ạ!

Huệ quay lại tìm Lãng, muốn cảm ơn

người thư ký thân cận của mình, nhưng có lẽ hai anh em Kiên, Lãng tế nhị hiểu tình quyền luyến đặc biệt giữa hai thầy trò, nên đã ra khỏi phòng. Huệ yên tâm hơn, thưa với ông giáo:

– Thầy có phiền trách con điều gì không?

Ông giáo ngần ngừ một lúc, rồi đáp:

– Tôi lo âu và hãnh diện vì anh.

Huệ buồn rầu nói:

– Như vậy là con đã làm cho thầy buồn.

Ông giáo vội bảo:

– Không hãnh thế đâu! Tôi như một ông cha lắm cảm, con đã khôn lớn mà cứ tưởng nó còn chập chững, sợ sệt lo âu nó vấp ngã trên đường đời. Nằm trong

cái xó bệnh này tôi đâu có biết anh đã vững chãi, mạnh bạo biết bao! Anh đã trở thành trụ cột cho Tây Sơn rồi!

Huệ bối rồi nói:

– Thầy thương con nên dạy quá lời! Không có anh cả con xếp đặt mọi sự, thì...

Ông giáo ngắt lời học trò:

– Không. Tôi không nói quá lời đâu. Từ thời An Thái tôi đã tự nhủ nếu mai sau trong đám học trò lẫn con cái tôi, có ai làm nên nghiệp lớn, thì người đó chắc chắn là anh. Còn những mưu chước nhất thời hoặc những trò lừa đảo cướp bóc, thì không kể làm gì! Vì vậy có lần tôi nhắc anh hãy nghĩ đến lũ trẻ thơ và những người già cả bệnh hoạn như tôi hiện nay, khi muốn phá cái nhà dột nát để xây ngôi nhà mới.

Huệ suy nghĩ một lúc, rồi nói:

– Con sợ đến một lúc bão lớn quá...

Nói đến đó, Huệ ngập ngừng, rồi không tiếp lời nữa, ông giáo nín thở chờ đợi câu trả lời của Huệ, chờ mãi không nghe học trò nói tiếp, nên ông nổi cơn ho. Huệ lo âu hỏi:

– Thầy có mệt không? Hay con đỡ cho thầy nằm xuống.

Ông giáo lắc đầu nhưng cơn ho cứ dai dẳng. Huệ vội đứng dậy đến cuối phản lấy gối và chăn kê cao rồi đỡ vai ông giáo để thầy nằm dựa lên chồng gối chăn cao đó. Anh rót nước ra cái chén con bưng đến mời thầy. Nước nóng giúp ông giáo đỡ ngứa ở cổ họng. Cơn ho thưa thớt dần. Huệ ân cần hỏi:

– Lãng có mời thầy thuốc về xem bệnh cho thầy chưa ạ?

Ông giáo gật đầu:

– Hay để con mời ông thầy vẫn chữa bệnh cho anh con đến đây xem mạch cho thầy. Mai con bảo ông ấy đến, thầy nhé?

Ông giáo lắc đầu, môi mím lại cố dằn cơn ho sót. Huệ bưng mời ông giáo chén nước khác. Trong lúc lóng cóng vì mệt nhọc, ông giáo để nước đổ cả lên phản gỗ. Huệ xin lỗi:

– Con vô ý quá. Đáng lẽ phải bưng cho thầy.

Ông giáo đã khỏe hơn, nhìn Huệ trù mến, rồi hỏi:

– Nghe nói anh sắp vào Gia Định?

Huệ ngược lên nhìn thầy, rồi đáp khẽ:

– Dạ. Con sắp đi nam.

Ông giáo cố lấy hết tự tin để nói điều muốn nói, nhưng ông e ngại. Ông nói trở sang chuyện khác:

– Mong anh được bình yên như kỳ anh Lũ.

Huệ đáp:

– Cảm ơn thầy. Chuyến này có Lãng cùng đi với con đấy.

– Tôi đã biết rồi. Nó đã khá hơn trước nên tôi bớt lo cho nó. Vả lại còn có anh nữa. Anh Huệ này!

Huệ biết thầy có điều khó khăn muốn nói với mình nhưng còn e ngại, nên nói:

– Thưa, thầy cần con điều gì ạ? Con sẽ hết sức cố gắng. Ông giáo ngân ngai, rồi nói:

– Nếu trời còn thương tôi xin cho anh gặp được thằng Chinh, thì xin anh...

Huệ hiểu ngay ý thầy, vội nói:

– Dạ. Chắc bên trong còn nhiều điều phức tạp. Con sẽ gắng bảo bọc mạng sống của anh ấy. Chỉ sợ...

Ông giáo không muốn dừng lại ở nửa chừng, nên cướp lời Huệ, nói luôn một mạch:

– Tôi còn mong một điều khó hơn nữa, anh đừng vội chê tôi lắm cẩm mà tội nghiệp. Tôi biết chuyến này, vào tận chốn náu của dòng họ Nguyễn Gia Miêu, thế nào máu cũng đổ đầy sông đầy rạch của đất Gia Định. Đối với thân thuộc của

chúa, đối với chính nhà chúa, anh nên...

Huệ vội nói với ông giáo:

– Con hiểu ý thầy. Con hiểu lòng thành của thầy. Nhưng có những cơn bão lớn còn mạnh hơn cả lòng thầy, lòng con nữa. Như lần con thưa với thầy về chuyện những kẻ không nhà...

Huệ cố lắm chỉ nói được có thế. Ông giáo hoang mang, cúi đầu im lặng không nói gì.

Lãng vào phòng bắt gặp hai thầy trò ngồi lặng như thế trong vùng ánh đèn lù mù, ngơ ngẩn không hiểu gì. Anh đành hăng báo hiệu rồi mới rụt rè thưa với ông giáo:

– Thưa cha, anh Kiên xin phép về.

Huệ tìm được cơ hội tốt để thoát khỏi tình thế khó xử, vội đứng dậy nói:

– Thưa thầy, con cũng xin phép về thôi. Chúc thầy chóng bình phục.

Ông giáo đáp, giọng còn buồn buồn:

– Cảm ơn anh. Anh đi bình yên nhé!

Huệ ra khỏi căn phòng bệnh, tự nhiên cảm giác nặng nề giảm bớt. Lãng hởi:

– Anh ở lại chơi tí đã?

Huệ còn đang ngần ngừ, thì tiếng trẻ con khóc từ phía nhà dưới tới. Thấy Huệ chăm chú lắng nghe, Lãng giải thích xa xôi:

– Thằng bé con chị An nó bị lở khắp mình, khóc không ra hơi nữa. Tội nghiệp, cả đêm ôm con không dám chợp mắt.

Huệ lúng túng chưa biết nên về hay

nên ở. Thằng bé vẫn tiếp tục khóc. Huệ mím môi suy nghĩ, rồi bảo Lãng:

– Lãng dẫn cho tôi thăm cháu một chút!

*

An vừa vội vã đặt con xuống giường, thay cho chính mình bộ quần áo sạch màu hồng, trở lại ẵm con dỗ cho nó nín, thì đã nghe tiếng chân bước gần đến cửa phòng. Lãng đứng ở ngoài nói to cho An kịp chuẩn bị:

– Có anh Huệ đến thăm cháu đấy chị!

An vừa hồi hộp vừa xấu hổ, ôm chặt lấy con đứng dậy, quay mặt ra cửa chờ khách vào.

Chị thấy Huệ khác trước nhiều.

An nhận thấy nét mặt Huệ đậm lại, sắc sảo hơn. Mái tóc quăn vẫn phủ chéo trên cái trán cao. Nước da ngăm ngăm rần rởn như trước. Vẫn cái nhìn vừa thao thức tra hỏi vừa khinh ngạc diễu cợt. Nhưng rõ ràng khuôn mặt ấy đã mất hẳn nét đầy đặn phơi phới của tuổi niên thiếu. Dưới hàng lông mày rậm, hai hốc mắt sâu xuống. Gò má xương xương. Đôi môi mím cười cố tỏ sự thông cảm chào đón nhưng ở hình ảnh môi dưới trề ra mím bớt môi trên, có phảng phất cái gì chua chát thất vọng.

An vội nghĩ sự biến đổi già dặn ấy do cả ở mình, nên càng bối rối hơn. Chị ôm chặt thằng bé vào lòng, như cố tìm một chỗ núp, một chỗ bám víu. Huệ đến gần bên An, cúi xuống nhìn thằng bé xanh rướn bệnh hoạn trong tay người bạn gái,

lòng thực sự thương xót và ái ngại. Anh hỏi:

– Nghe Lãng bảo cháu nó không ngủ được. Tội nghiệp, trông nó tiêu tụy quá.

An có cảm tưởng Huệ nói đến mình hơn là nói đến con. Mặt chị nóng bừng, mắt bắt đầu đỏ, ứa. Môi trên của chị tê dại, run run. Chị muốn nói gì đó nhưng cổ nghẹn lại. Huệ tiếp:

– Lâu nay An có được khỏe không?

An nuốt nước bọt trước khi đáp:

– Cảm... cảm ơn anh. Cháu nó đau yếu luôn, nên tôi... nên tôi...

Huệ vội vàng nói:

– Phải. An mất ngủ nhiều nên có ốm đi.

An nói trước những gì chị sợ Huệ sẽ nói:

– Chắc bây giờ tôi chẳng khác nào là một bà già. May có Lãng, nếu không, anh không nhận ra tôi đâu!

Huệ ái ngại nhìn An, bảo:

– An nói quá. An vẫn không khác xưa bao nhiêu đâu! Có gia đình, lo lắng nhiều nên mắt hơi buồn, thế thôi!

Tuy biết Huệ nói dối nhưng An vẫn đỏ mặt vì hân hoan. Nhờ thế chị lấy lại được bình tĩnh. An nhìn thẳng vào mặt Huệ (đến lúc đó An mới dám nhìn thẳng vào mặt Huệ) và hỏi:

– Chùng nào anh đi?

Huệ nhớ lại những lần trước An từng hỏi mình câu ấy, bao nhiêu kỷ niệm

cũ dồn dập hiện về. Bằng một giọng đùa nghịch lâu nay Huệ ít dùng, anh hỏi lại:

– Chắc An mong tôi đi xa lắm nhỉ?

An vội cãi lại:

– Không phải. Tại sao anh nói thế! Tôi nghe Lãng bảo chuyến này sẽ khá lâu, có thể hàng năm.

Huệ gật gù, mỉm cười đáp:

– Có lẽ không đến nổi lâu thế đâu.

Rồi tự thấy đứng nói chuyện như thế này thật bất tiện, Huệ giả vờ nhìn quanh tìm kiếm, và hỏi:

– Anh Lợi chưa về à?

An đáp:

– Thường anh ấy về muộn.

Huệ mỉm cười định nói gì, nhưng lại thôi. Cuối cùng Huệ bảo:

– Tôi cũng bị cái tật về muộn mất! Thôi, ghé thăm thầy và An xong, tôi phải về đây. Cháu thức dậy kia rồi!

An ru nhỏ nhỏ cho con ngủ lại, nên lúc Huệ cúi chào từ biệt, chị không trả lời được. Ra khỏi phòng, anh còn nghe giọng An run run ru con: À ơi. Hòn đá đóng rong vì dòng nước chảy. Ngọn núi bạc đầu vì bởi sương sa...À ơi. Em gặp anh đây chẳng dám nói ra... À ơi... Sợ mẹ bằng đất à ơi sợ cha bằng trời... À ơi!

Chương 42

Khi anh thanh niên giữ chức Phụ chính Nguyễn Huệ cùng Lãng đến phòng họp, mọi người đã đông đủ cả. Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc, Thiếu phó Nguyễn Lữ, Hình bộ Bùi Văn Nhật, Thái úy Bùi Đắc Tuyên, Nội hầu Phạm Ngạn. Huệ và Lãng vào, giữa lúc các nhân vật quan trọng đứng tuổi của Tây Sơn đang nói chuyện phiếm. Bùi Văn Nhật trông thấy Lãng trong cuộc họp tối mật này, ngạc nhiên, đưa mắt hỏi thăm Huệ. Huệ không trả lời thẳng, chỉ bảo Lãng:

– Em ngồi chỗ cái ghế kia, và ghi chép cẩn thận những điều cần nhớ.

Nhật hiệu Lãng là người thân tín của Huệ, nên hết e ngại, tiếp tục câu chuyện bỏ dở. Hướng về phía Nguyễn Nhạc, Nhật nói:

– ... Tàu bệ hạ, chuyện hấn say rượu nói nhảm...

Nhạc cười ha hả, đưa tay ngăn Nhật lại:

– Từ nãy đến giờ anh cứ một điều “bệ hạ” hai điều “bệ hạ”. Tôi nghe không quen tai, tưởng đang xem hát bội ngoài đình. Ta tìm cách gọi khác đi.

Nhạc vỗ tay lên trán như cố đánh thức trí nhớ, rồi tiếp:

– Gọi thế nào cho tiện đây, các anh?

“Muôn tâu bệ hạ”, nghe đúng như trong tuồng. Kỳ lắm. Mình xưng vương cho chính danh để thu phục nhân tâm chứ đâu có ham ba cái mặt nạ hát bội. Ta xưng hô với nhau thế nào đây? Phải rồi. Cứ gọi tôi là Đức Thầy Cả. Đức Thầy Cả! Anh em Tây Sơn thượng đã quen với Đức Thầy Cả từ lâu, nghe được hơn “bệ hạ” nhiều.

Bùi Văn Nhật mau mắn nói:

– Tàu Đức Thầy Cả, nếu cứ để cho hần tự do đi đây đi đó, nốc rượu vào rồi mượn hơi men chửi bới đủ điều, tôi e...

Nhạc cắt lời Nhật:

– Thôi, anh cứ để mặc lão muốn làm gì thì làm. Lão ức vì cái chức hàm Nguyên nhung chứ gì! Dễ hiểu mà. Mặc kệ lão. Cứ để cho ma men với uất khí giết lão.

Ta càng động vào càng mang tiếng mà thôi!

Lãng hiều Nhạc đang nói về Nguyễn Thung. Anh nhìn khắp phòng, và nhận ra rằng những người có mặt ở đây đang nắm các vai trò nòng cốt của Tây Sơn, số vắng mặt chỉ còn là những cái bóng mờ.

Nguyễn Nhạc nhìn quanh thấy đã đông đủ, liền bảo:

– Chúng ta bắt đầu đi thôi. Anh Nhật. Nói trước đi.

Bùi Văn Nhật cúi đầu chào Tây Sơn vương, khẽ gật chào Lữ và Huệ, rồi mới bắt đầu nói:

– Căn cứ vào giấy tờ sổ sách mà quan Thiếu phó tịch thu ở Gia Định mang về năm ngoái, phối hợp với lời khai của mấy tên tù binh giữ chức Giám quân

và Cai bộ, ta có thể nắm được tình hình phòng thủ của Gia Định. Nhìn chung thì số tinh binh không có bao nhiêu. Dinh Trấn Biên được hai mươi thuyền, mỗi thuyền năm mươi người, cộng một ngàn người. Dinh Phiên Trấn cũng hai mươi thuyền cộng một ngàn nữa là hai ngàn. Dinh Long Hồ hai mươi thuyền một ngàn người, tất cả khoảng ba ngàn tinh binh mà thôi. Số đông đảo còn lại là thuộc binh và tạm binh, sổ sách ghi đến trên hai vạn quân thuộc loại này. Tuy ba trấn binh ở Long Hồ đông nhất vì Chúa Nguyễn cần nhiều quân để khống chế Cao Miên và phòng ngừa phía Xiêm La cùng chống lại với bọn vô lại cướp bóc đầy dẫy ở miệt đông nam đó. Số quân phòng thủ Gia Định nói trên là sổ ghi trong sổ bộ, thực sự nhiều hay ít hơn ta chưa biết được. Nhưng theo tin tức mới nhận được, hiện Chúa Nguyễn chỉ trông

cây vào hai đạo quân: một đạo là quân Đông sơn của tên cựu nội đội Đỗ Thành Nhân đóng ở Ba Giồng khoảng ba ngàn người, đạo kia là bọn phản trắc Hòa nghĩa của Lý Tài, quân số cao hơn, lên đến tám ngàn đóng ở quanh núi Châu Thối – Nếu cộng lại, hai đạo quân Gia Định lên đến mười một ngàn. Nhưng thực tế phải trừ ra chứ không cộng, vì Lý Tài và Đỗ Thành Nhân ghét thù nhau như chó mèo. Lấy tám ngàn trừ ba ngàn, số binh phòng thủ Gia Định sau khi mạng đổi mạng thanh toán nhau xong, chỉ còn trên dưới hai nghìn mà thôi.

Nhạc cười đắc chí, sau đó nghiêm mặt để lưu ý Nhật:

– Anh trừ gọn như vậy có ngày không còn manh giáp mà chạy về đây nữa. Có thể tên cựu thần họ Đỗ với tên phản bội họ Lý thù ghét nhau thực. Họ đã từng

đem quân đến thanh toán nhau, ta cũng có nghe chuyện ấy. Hiện Lý Tài mạnh thế hơn, vì đem quân từ Châu Thối về Sài Côn buộc được chúa phải nhường ngôi cho Đông cung. Nhờ vậy nghe đâu hẳn được phong chức lớn lắm... cái gì “bảo giá...” đấy.

Bùi Văn Nhật nhắc:

– Bảo giá Đại tướng quân, tâu Đức Thầy Cả!

– À Bảo giá Đại tướng quân. Tên này đúng là loại chọc trời quấy nước đấy! Ba Giồng với Châu Thối cách xa nhau, ta không vào chúng nó có thể hằm hè cắn xé lẫn nhau như anh nói, nhưng ta vào thì lại khác. Lúc đó chúng nó sẽ liên kết nhau để chống ta. Cho nên anh không thể trừ tùy tiện như thế được, mà phải cộng ba nghìn với tám nghìn thành mười

một nghìn. Chú Huệ nhớ điều đó nhé!

Huệ gật đầu đáp gọn:

– Vâng.

Nhạc nói tiếp:

– Lần này ta phải diệt cho hết bọn quan quân cùng dòng họ nhà Nguyễn chứ không cốt đánh thử sức như năm ngoái. Ta đã thử sức rồi, và biết chắc hiện ta dư sức để tiêu diệt chúng. Điều quan trọng là làm sao diệt cho nhanh, cho gọn. Ta sẽ chia hai cánh quân: cánh bộ theo đường thiên lý vào đánh bọn Trần Văn Thúc và Châu Văn Tiếp. Lại một tên phản bội nữa! Cánh thủy đi thẳng vào cửa Cần Giờ tiến sâu đánh Trấn Biên và Sài Côn. Chú Huệ cầm đầu cánh chủ lực này. Hãy chú ý nghe cho rõ.

Huệ lên tiếng hỏi Nhật:

– Chúng nó phòng thủ các đường trạm và cửa khẩu thế nào?

Bùi Văn Nhật lục tìm một tờ giấy trong ống quyển mang theo, đưa lên đọc lớn:

– Giấy tờ bắt được ở Gia Định còn ghi rõ đây:

Dinh Trấn Biên:

Giữ cửa Tắc Khái quân ba đội, mỗi đội ba thuyền, cộng chín thuyền, mỗi thuyền bốn mươi người, vị chi ba trăm sáu mươi người.

Giữ cửa Cần Giờ, giữ nguồn Đồng Môn, giữ Nước sông đều như thế cả.

Giữ Quảng Hóa năm đội, mỗi đội ba thuyền, cộng mười lăm thuyền, mỗi thuyền bốn mươi tám người, vị chi bảy

trăm hai mươi người. Giữ Tuyên Uy, Bà Rịa, Mô Xoài đều thế cả.

Dinh Phiên Trấn:

Giữ cửa Xoài Rạp quân ba đội, mỗi đội ba thuyền, mỗi thuyền bốn mươi người, cộng ba trăm sáu mươi người.

Giữ cửa Đồng Tranh, cửa Đại, cửa Tiểu, cửa Bà Lai đều thế cả.

Giữ Trường Đồn ở Mỹ Tho năm đội, mỗi đội ba thuyền, mỗi thuyền bốn mươi tám người, cộng bảy trăm hai mươi người. Giữ Đường Sủ, nguồn Ba Can cũng thế¹.

Huệ sốt ruột, chờ Nhật đọc xong liền hỏi:

– Đó là những con số trong sổ sách từ trước khi ta đánh Gia Định lần đầu.

1 Chính biên liệt truyện, quyển 6, 23a

Bây giờ chắc chắn đã đổi khác chứ?

Nhật hơi lúng túng, nhưng đáp bừa:

– Nếu có đổi khác thì lưới phòng thủ Gia Định kém hơn những điều ghi trong sổ sách. Sau vụ thay bậc đổi ngôi, bọn chức sắc và quan võ ở địa phương phải ngơ ngác, dùng dằng, chờ xem bên trên ngã ngũ ra sao hãy tính. Việc canh phòng chắc chắn phải trễ tràng. Hàng ngũ tuy còn đó nhưng có biến là rồi. Thực lực Gia Định chỉ thu lại trong hai đạo quân Hòa nghĩa và Đông sơn mà thôi!

Nhạc gật gù ra vẻ đồng ý với Nhật, nhưng vẫn nói dè dặt:

– Anh lại xem nhẹ chúng nó rồi! Chú Huệ chịu trách nhiệm lớn chuyển này phải tính kỹ từng đường đi nước bước mới được.

Nguyễn Huệ đáp:

– Vâng ạ.

Rồi quay hỏi Bùi Văn Nhật:

– Quan Hình bộ có thêm được nguồn tin nào mới không?

Bùi Văn Nhật reo mừng:

– Có chứ. Để tôi báo chúng nó dẫn viên Ký lục vào.

*

Với một giọng run run vì sợ hãi, lâu lâu ngắt quãng vì những tiếng tăng háng và nói lắp, viên Ký lục tù binh từng làm việc lâu năm ở Gia Định trả lời các câu hỏi của Huệ về đường sông dẫn từ cửa Cần Giờ vào đến Bến Nghé. Khi Tây Sơn

vương hỏi vì sao gọi là Bến Nghé, viên Ký lục giải thích:

– Nghé là tiếng cá sấu kêu. Ta còn gọi là cá sấu nghé, vì sấu kêu giống như tiếng nghé ngọ của trâu con. Sông rạch miệt trong còn có nhiều sấu nên gọi là Bến Nghé. Để cho văn chương hơn, còn đặt tên chữ là Ngưu tân, Ngưu chủ.

Huệ thắc mắc hỏi:

– Ghe thuyền từ Bến Nghé ra cửa Cần Giờ có khó không?

Tên tù binh đáp:

– Từ khu vực rừng Sác mà sông Lòng Tàu chảy qua, sông rạch chằng chịt nhưng chỉ riêng có sông Lòng Tàu là có cái lạch sâu, tàu thuyền qua lại được rất dễ dàng.

Nhạc quay lại hỏi:

– Sao lại gọi rừng Sác. Sác hay xác?

– Dạ Sác. Sác là tiếng nôm gọi rừng nước mặn trên các bãi sinh lầy. Cây đước, cây vẹt, cây su mọc tràn lan sum suê trên các bãi lầy ấy. Dân đồn củi ở Bến Nghé thường chèo ghe vào rừng sác đồn củi đước về nấu bếp. Bọn chuyên nghiệp thì lập thành vạn, chịu thuế cho nhà chúa, thường gọi là Sài tân. Cây rừng sác không cao lớn như ở Cà Mau nhưng chắc thịt, hầm than hoặc làm củi đều rất đượm.

Huệ chỉ chú ý phần địa thế, nên vội hỏi thêm:

– Hai bên sông rạch ở rừng Sác có nhiều dân cư không? Chúng nó có cướp phá ghe thuyền đi lại trên sông Lòng Tàu không?

– Dạ dân cư thưa thớt lắm. Sông Lòng Tàu đổ vào sông Ngã Bảy, rồi ra cửa Cần Giờ. Hai bên bờ chỉ có vài xóm nhỏ rải rác, hoặc đôi ba căn chòi tranh trên bờ mà thôi. Đây là vùng đất chỉ có dân đánh cá, săn thú và đồn củi sống được, còn dân làm ruộng thì không đến vùng ấy làm gì vì nước mặn. Do đó địa danh cả vùng đều nôm na, chẳng hạn xóm Ăn Thịt, Cát Lái lớn, Cát Lái bé, ngã ba Chó Tru, tắt Ăn Tết.

Nhạc lại hỏi:

– Tắt? Tắt là cái gì?

Tên tù binh lễ phép giải thích:

– Dạ thưa tắt là con rạch ngắn nối liền hai con rạch khác chảy song song, nơi giáp mỗi là một ngã ba chứ không phải ngã tư. Bến Nghé nhiều sông rạch

nên có nhiều tắt. Nào tắt Ăn Tết, tắt Ổ Cu, tắt Ăn Chè, tắt Quanh Quẹo lại còn rạch Cá Dao, rạch So Đũa, rạch Gành Hào, rạch Bãi Bùn, rạch Hốc Hỏa, rạch Nằm Bếp. Cả phòng nghe những tên lạ đồng ồ lên cười.

Nhạc thích thú nhất, cười ha hả, trong cơn thích thú, Tây Sơn vương trở nên rộng lượng. Nhạc hỏi tên tù binh:

– Anh có gia đình chưa?

Viên Ký lục rụt rè đáp:

– Dạ có rồi.

– Máy con?

– Dạ bốn.

– Cha mẹ còn sống hay chết?

– Dạ chỉ còn một mẹ già. Vợ tôi ốm

yếu, sợ không nuôi nổi mấy miệng ăn.

Nhạc ngạc nhiên hỏi:

– Ta nghe trong đó đồng ruộng phì nhiêu lắm mà!

Tên tù binh đáp:

– Dạ sự thực có vậy. Nhưng muốn làm ruộng phải có vốn khai hoang. Vay thì mùa đến lúa chui vào kho của Hoa kiều hết. Làm ruộng mượn thì vào kho điền chủ. Vả lại gia đình tôi ở Cù lao phố. Buôn bán nhỏ qua ngày, muốn đủ sống phải tranh thương với các phố khách.

Tây Sơn vương cười nhỏ, rồi bảo:

– Thôi được. Chuyến này ta cho chú hồi hương. Được chưa! Chú Huệ. Ta giao cho chú đấy. Muốn biết thêm những tắt những rạch những sắc gì gì đấy, chú cứ

hỏi ông Ký lục này. Kể từ bây giờ, ông không phải là tù phạm nữa. Ông là Ký lục của triều Tây Sơn, nhớ chưa!

*

Vì được Huệ giao cho một việc gần giống như chép “nhật ký chiến dịch” nên Lãng ghi được, chẳng những các sự kiện lịch sử, mà còn ghi cả những xúc động mãnh liệt sâu đậm của mình trong chuyến vượt biển nam tiến lần đầu trong đời.

Trong chuyến chỉ huy của Huệ có một số ngư dân trước đây ở Gia Định có thuyền bị trưng dụng chở thóc ra Qui Nhơn năm trước. Họ giữ vai trò hướng đạo của chuyến hải hành. Lãng tìm đến hỏi han họ về đời sống ở Bến Nghé,

nhất là đời sống trên các kinh rạch nước đục len lõi dưới bóng những cây dà, cây đước, cây su, cây vẹt, đời sống rộn rã đơn giản nhưng cũng đầy cam go giữa những bầy sấu dưới sinh lầy, cộp ra đến tận chợ, muỗi mòng hàng đàn bay đen dưới những tàn lá rậm che kín mặt trời. Từ nhỏ đến lớn, Lãng chỉ sống ở miền núi và đồng bằng, nên anh háo hức tìm hiểu thú đời sống trôi nổi trên các mặt sông.

Cho nên, Huệ sẽ ngạc nhiên nếu đọc thấy từ những trang đầu của cuốn nhật ký chiến dịch, Lãng đã chép lời giải thích của các bác thuyền chài Gia Định về các kiểu chèo, kiểu ghe.

Lãng đã chép như sau:

“Kiểu chèo:

Nước xuôi đi thông thả thì chèo mái dài, nước ngược chảy xiết thì chèo mái cuốc (chặt xuống nhanh gọn như cuốc đất). Ở nơi có nước xoáy thì nạy hoặc kéo tức là đứng sát cột chèo mà xoay tròn, mái chèo thọc thẳng đứng xuống nước.

Chèo mái một là bỏ xuống dờ lên từng động tác không rà.

Chèo bán tức là bỏ mái chèo xuống nước phân hai, nghiêng nghiêng. Chèo rà là rà thường trực mái chèo, không đưa lên khỏi mặt nước.

Gác chèo, lột chèo là dừng lại, nghỉ luôn cặp bến, hoặc thuận gió chỉ dùng buồm.

Kiểu ghe:

Ghe cửa ở đồng bằng Bến Nghé nhỏ,

mũi nhọn, có thể chạy buồm vững vàng ra cửa sông rồi men theo bờ biển.

Ghe bản lồng còn gọi ghe lồng có mui, trong hầm ghe ngăn ra từng ô nhỏ để phân chia các mặt hàng.

Ghe hàng bồ là kiểu bản lồng nhỏ, chở hàng hóa nội địa.

Ghe cui coi thô sơ, bằng ở mũi và ở lái, dùng chở củi, chở lá lợp nhà.

Ghe giàn là loại ghe lớn, hai bên hông đâm thêm cánh cho cao để chở thêm hàng hóa.

Ghe lườn (độc mộc) mua dễ dàng với giá rẻ từ Cao Mên, thêm hai be thì gọi là ghe be.

Người giàu có thì đi ghe diều, chạm trở khéo léo ở mũi và lái, kéo mui lằm

khi sơn son thếp vàng, bên trong lót ván trơn bóng có chỗ nấu nước pha trà và tiện nghi hút á phiện.

Các chức sắc cao sang thì đi ghe hầu có lính chèo.

Ghe bè làm bằng cây trong toàn thân chiếc ghe chứa hàng hóa có mui bao phủ như cái bè, người chèo chống di chuyển trên mui. Đây là loại ghe chuyên chở lớn²...”.

Anh cũng ghi cả lời viên Ký lục mô tả địa thế Bến Nghé để giúp cho Nguyễn Huệ dễ dàng chuẩn bị các lối dàn trận, phân công sắp đến. Nguyên văn lời chép trong cuốn nhật ký như sau:

“Bến Nghé ở vào vị trí thuận lợi: sát bờ biển vì tiếp giáp với bãi nước mặn chạy dài xuống rừng sác, ở lẫn ranh đất

2 Theo thư của Giáo sĩ Ginester viết ở Sa Đéc năm ...

cao từ cao nguyên đổ xuống, lại tiếp giáp với một đồng bằng rộng lớn phía đông nam. Nhờ vậy Bến Nghé liên lạc dễ dàng ra trung, lên cao nguyên, có đường thủy và đường bộ qua Cao Mên và xuống đồng bằng phì nhiêu dễ dàng qua hệ thống sông rạch chằng chịt. Bến Nghé lại ăn thông với biển Đông dễ dàng qua sông Lòng Tàu, một lạch nước sâu và rộng khỏi phải nạo vét thường xuyên, quanh năm không có sương mù.

Chịu ảnh hưởng nước mặn vào mùa nắng nên dân cư thường sinh sống trên các giồng đất cao, ở đó mạch nước ngọt đủ cung cấp cho nhu cầu. Chưa bao giờ xảy ra lụt lội đến nỗi nước tràn bờ tàn phá mùa màng nhà cửa như các con sông miền bắc và trung. Cũng chưa từng hứng chịu những trận bão đáng gọi là bão. Đồn trại phòng thủ và phố xá thường lập

ở các vùng đất gò và các bến sông.

Phía bắc của vùng Bến Nghé là những gò nông. Đất cao chạy từ Gò Vấp xuống rạch Thị Nghè, gò Tân Định rồi theo mé sông chạy đến bến ghe. Điểm cao nhất ở phía nam rạch Thị Nghè nơi lập đồn Dinh, từ lâu là căn cứ quân sự quan trọng nhất trong vùng. Phần đất cao còn lại thì dân trưng chiếm chia làng lập chợ và phố, nhà cửa ở chen lộn, đường sá chỗ cong chỗ thẳng theo tự nhiên chứ chưa chỉnh đốn cho thành biên bức ngay hàng.

Về phía tây còn vị trí cao khác là khu đồng tập trận. Phía tây nam có gò Tân Triêm cũng là đất tốt vào bậc nhất. Ở đây mọi nước từ lòng đất tươm lên nên hai bên đường Nước nhĩ, cây cối um tùm làm thành một nơi hóng mát đông đúc. Phú Thọ cũng là đất cao, tên chữ là Cẩm

Sơn, gọi nôm na là Cẩm Đệm. Mùa xuân nền cỏ xanh như gấm mượt, điểm nhiều hoa dại trông như một bức tranh thêu. Rồi đến gò Cây Mai xanh rờn, mấy cây mai bông trắng loại đại thọ giống như cây mù u, tao nhân mặc khách thường đến đây ngắm cảnh làm thơ. Gò Cây Mai cây cối mọc um tùm, nhiều nhất là cây gòn.

Qua rạch ông Buông về phía bắc thì biên giới phía tây nam giáp với một vùng đất chạy dài đến tận Cà Mau. Chân trời thấp, phẳng lì, rải rác từng giồng không bị ngập vào mùa mưa như những hòn đảo nhỏ chen chúc vườn xoài và bờ tre.

Song song với vùng đất gò vừa kể, ở phía nam Bến Nghé, dọc theo bờ rạch vàm Bến Nghé là vùng đất thấp. Ranh giới của hai vùng đất này là con đường

ăn thông từ khu phố lập quanh đồn Dinh đến Sài Côn.

Nếu những gò đất ở phía bắc có khung cảnh thực vật giống y như vùng Bà Rịa thì bên bờ rạch phía nam, khung cảnh giống y như đất sình lầy ở Rạch Giá, Cà Mau. Nước mặn vào mùa nắng. Cây bần, cây tràm, bình bát, ô rô, cóc kèn, mái dầu mọc đầy trên các bãi bùn. Dưới nước có nhiều cua biển, cá đối, cá thòi lòi. Nhiều con rạch ngắn đổ xuống vàm Bến Nghé từ các gò đất cao như gò Tân Triêm, Phú Lâm, nhiều xóm nhà buôn bán ở bờ vàm như ở cầu Ông Lãnh, rạch Bần, cầu Kho... ở khu phố Sài Côn (Chợ Lớn ngày nay) chẳng chịt sông rạch, việc mua bán đi lại đều dùng ghe xuống.

Khu vực quan trọng nhất của Bến Nghé là ở mé sông. Phố khách tường xây

mái ngói san sát, ghe thuyền chen chúc, kẻ bán người mua tấp nập còn hơn cả cửa Hội³”.

*

Trong tập nhật ký của Lãng, mãi về sau mới có những ghi chú liên quan đến chiến trường, viết theo lối kể biên niên như các sách sử ký Lãng đã học. Tuy nhiên, đây đó, Lãng có chêm vào những cảm nghĩ riêng của mình, cho nên tập nhật ký không chỉ là tấm gương soi một giai đoạn lịch sử, mà phản chiếu đầy đủ tâm tình của Lãng trước cuộc nam chinh đẫm máu ấy. Lãng đã ghi:

Ngày... tháng Ba năm Đinh Dậu.

Đại quân vào cửa Cần Giờ lúc sắp tối.

³ Theo BSEI, 1940, *La révolte et la guerre des Tây Sơn*, trang 87

Trừ những người đã tham dự cuộc tấn công năm ngoái và các dân chài người Gia Định, những người còn lại hết sức kinh ngạc trước nhiều cảnh lạ mắt mới được thấy lần đầu. Cửa sông mênh mông nước đục, từng đê bèo bênh bồng khi kết thì thành những cù lao mầu biếc trôi nổi, khi tán thì nhấp nhô lác lõng trên các đợt sóng bạc. Mặt trời đỏ ối chìm dần ở đường chân trời tí tắp, cảnh hoang vu của nước và trời khiến mọi người có cảm giác hãnh diện được đặt chân lần đầu tiên đến vùng đất trinh nguyên của tạo hóa. Sóng dập tí tách vào mạn thuyền như hờn hờ reo vui được gặp sinh vật lạ mắt lần đầu tới đây.

Trong thuyền tiếng lao xao bàn tán không ngớt. Nhiều người bỏ mâm cơm tối, bưng bát ra khỏi mũi thuyền đê mê ngắm cảnh mặt trời lặn. Một người hỏi

tôi: Núi đâu cả rồi? Tôi chỉ rằng núi xanh ở mặt đông. Người đó cãi lại: Nhưng ở phía này phẳng lì như trái chiếu. Khi thuyền ép sát vào mép bờ, mấy bác lái thuyền hãnh diện trở từng loại cây mà đọc tên. Nhiều người cười phá vô tư khi nghe những cái tên lạ như ô rô, cóc kèn.

Đoàn chiến thuyền vào hết trong cửa sông thì trời tối hẳn.

Ngày... tháng Ba Đinh Dậu.

Đến sông Ngã Bảy. Thuyền đi chậm lại. Rừng Sác đây rồi. Lệnh truyền chuẩn bị khí giới sẵn sàng để phòng các cuộc phục kích từ những cửa rạch chằng chịt. Xuống nhỏ được thả xuống nước, mỗi xuống chỉ chứa gọn bốn năm quân chèo dọc theo những khóm cây thấp dọc bờ sông để dò đường. Cuộc họp ở ban tham mưu trong khoang chính kéo dài từ giờ

hội đến quá Ngọ vẫn chưa xong. Tinh thần quân sĩ hết sức hăng hái và kỷ luật.

Ngày... tháng Ba Đinh Dậu.

Vài xuống dò đường bắt được vài cụm bói (bọn ăn cướp trên sông). Chúng khai cả Gia Định đang hỗn loạn, mạnh ai nấy tìm cách thoát thân. Chúng cũng vậy. Tuy nhiên chúng giấu một điều là đã cướp được khá nhiều của cải, lương thực của các ghe tản cư. Chỉ cần đe vài câu chúng đã van lạy xin làm người dẫn đường cho ba quân. Nhiều tên không nói được tiếng nam.

Ngày... tháng Ba Đinh Dậu.

Mới tảng sáng đã đụng trận. Nhỏ thôi. Nhờ pháo hiệu mà đại quân biết có phục kích ở một ngã ba chỗ con rạch khá lớn đổ ra sông. Khởi phải nhọc lòng nhờ

đến các thuyền chiến lớn! Anh em quân sĩ giỏi lặn đã bất ngờ trồi lên khỏi mặt nước kéo bọn lính Gia Định xuống trần nước. Một tên tù binh quần áo ướt lấm vừa run lập cập vừa khai rằng quân Lý Tài đã chuẩn bị lực lượng để phòng giữ Sài Côn. Chúa thì dẫn một toán quân bộ đón đường quân Tây Sơn ở mặt bắc. Hỏi về quân Đông sơn ở Ba Giồng, hẳn không biết gì!

Có một điều tôi vẫn thắc mắc là các toán quân Gia Định đóng ở các cửa khẩu hoặc đồn trại dọc sông biển đi đâu không thấy bóng dáng. Theo quan Binh bộ Bùi Văn Nhật thì có ba đội quân, mỗi đội ba thuyền, mỗi thuyền bốn mươi người vị chi ba trăm sáu mươi người giữ nhiệm vụ canh phòng cửa khẩu. Gần bốn trăm binh với chiến thuyền đầy đủ không phải là một lực lượng nhỏ yếu. Chúng nó

biến đi đâu. Có lẽ đúng như quan Binh bộ nói: sau cuộc thay bậc đổi ngôi ở Gia Định, tâm thần hoảng loạn, chúng nhìn trước nhìn sau chỉ chờ có biến là quăng chèo bỏ giáo tháo thân. Không hiểu như vậy thì giải thích sao được các vụ chống cự yếu ớt suốt dọc bờ sông hoang vu rậm rạp rất thuận lợi cho các cuộc phục kích.

Buổi chiều cùng ngày.

Vừa nhận được tin chiến thắng của đạo quân bộ. Sau khi theo đường núi đánh phá khắp một dải từ Phú Yên vào đến Bình Thuận để hoàn toàn cô lập Gia Định với quân cứu viện của Trần Văn Thúc và Châu Văn Tiếp, quân bộ đã vào đến Trấn Biên. Quân Chúa Nguyễn ở Mô Xoài và Đồng Môn tan hàng rã ngũ sau vài cuộc giao tranh ngắn. Chúa (Tân Chính vương) chưa kịp chỉnh đốn đội ngũ thì quân ta đã ào ạt tấn công Trấn

Biên. Địch bị thiệt hại nặng nề. Ta giết được một tên phó Tiết chế tên Nguyễn Cửu Tuấn và tên Chuồng trường đà Nguyễn Đại Lữ. Có lệnh đại tấn công vào thành Gia Định ngay sau khi quân sĩ ăn xong cơm chiều.

Buổi tối cùng ngày.

Khoảng một phần ba chiến thuyền đậu y nguyên vị trí cũ, đèn đuốc thấp sáng cả một khúc sông. Chẳng những thế, có lệnh cho tự do hò reo, hát bội, gõ ván, khoa chèo, náo nhiệt để đánh lạc hướng địch. Trong lúc đó, số chiến thuyền còn lại lặng lẽ tắt đèn tiến thẳng về Bến Nghé. Đêm tối mịt mù, thuyền sau không thấy thuyền trước. Lái thuyền cứ theo tiếng mái chèo phía trước mà định hướng bát hay hướng cạy. Nước triều lên cao đẩy thêm cho thuyền tiến nhanh hơn. Lòng trời đã chiều theo lòng

người rồi đây! Muốn ghi cho đủ cảm giác nôn nao mênh mang nhưng đầu óc cứ bưng bưng, không đủ bình tĩnh ngồi viết nữa. Trong khoang chỉ huy, có tiếng chân đi lại nặng bước làm lung lay tấm ván kê tập giấy. Tiếng ồn ào chia tay. Các tướng lĩnh đã nhận nhiệm vụ xuống xuống nhỏ trở về đơn vị của mình. Hồi hộp quá. Chắc chắn cuộc tấn công xảy ra ngay đêm nay.

Ngày... tháng Ba năm Đinh Dậu.

Đại tấn công thành Gia Định từ nửa đêm hôm qua. Nước triều dâng cao quá tầm bãi chông nên các xuồng đổ bộ vào bờ an toàn. Súng lớn của địch bắn ra đến tận đây, phần lớn đạn đều rơi xuống nước. Hai chiến thuyền phía sau bị cháy nhưng bên đó dập tắt kịp ngọn lửa. Chủ tướng Nguyễn Huệ đã xuống xuống đổ bộ ngay từ đợt đầu, hướng chính phải

chiếm là mặt nam rạch Thị Nghè. Quân thủ thành (tin cho biết là Hòa nghĩa quân của Lý Tài) chống cự mãnh liệt (không biết anh Chinh có mặt trong đó không). Quá trưa ta đánh thủng được mặt tây nam nhờ cánh quân đi vòng qua ngả gò Tân Triêm. Quân Hòa nghĩa hoảng, bắt đầu núng thế. Khi thấy một toán cứu viện của địch từ Biên Hòa kéo đến, chủ tướng ra lệnh phải hạ thành bằng bất cứ giá nào trước khi trời tối. Đến giờ Dậu ta hoàn toàn chiếm được thành. Tàn quân địch tháo chạy về phía tây bắc, tức là ra Hóc Môn.

Ngày... tháng Ba Đinh Dậu.

Tư khấu Uy cho quân về thành báo tin đã đánh bại được đám tàn quân địch ở Hóc Môn, nhưng chiến công chưa được trọn vẹn vì không biết được Lý Tài, Tân Chính vương và Thái Thượng vương

(Duệ Tôn). Phía ta Tuần sát Huyền bị tử trận.

Chủ tướng cho lệnh thu quân để chỉnh đốn đội ngũ. Cuộc đánh chiếm thành Gia Định hoàn tất.

✱

Lăng cũng có ghi lại từng đoạn rời về cảnh Bến Nghé sau khi quân Tây Sơn đã chiếm được thành: (chữ Hán dịch Nôm)

* Dân chúng tụ họp cất nhà quanh những khu chợ và gò đất cao. Mà chợ thì lập ngay trên bến ghe, dọc theo các bờ rạch lớn và bờ sông. Hai khu phố nhà cửa san sát tường xây mái ngói có vẻ giàu có nhất là: Khu chợ ở hai bên rạch Sa Ngư và khu chợ Sài Côn dọc hai bên con đường nối liền vùng Thị Nghè với

Phú Lâm. Chưa bao giờ tôi thấy phố xá giàu có và đông đúc như vậy. Nhưng khi chúng tôi vào, thì cửa nhà nào cũng đóng kín. Đằng sau những cánh cửa lớn mở hé hé vừa đủ để len lén nhìn ra ngoài đường vắng hoặc đằng sau những cánh cửa sổ nhỏ có che rèm, tôi biết chỉ còn những ông già bà cả, con nít và phụ nữ lam lũ đứng tuổi ở lại. Trai tráng đã trốn đi để khỏi trở thành lính Hòa nghĩa hoặc kẻ bị tình nghi là lính Hòa nghĩa. Cho nên phía sau cái bề mặt lạnh lẽ, buồn hiu của một vùng phố vừa đổi chủ, biết bao nhiêu nỗi lo âu, hồi hộp, biết bao nhiêu nỗi run sợ vì những rủi may bất trắc của thời loạn. Chắc hẳn người ta sợ đến cả tiếng tim đập và tiếng thở của mình. Những điều ấy dễ đoán thôi, vì là qui luật chung của đời sống thời loạn!

Tôi cũng đã chứng kiến những cảnh

khác của cái qui luật khắc nghiệt ấy và có báo lại với anh Phụ chính (Nguyễn Huệ). Sau một thời gian quá ngắn (đủ để những kẻ bạo gan hết bàng hoàng), bọn hôi của bắt đầu hoành hành. Đầu tiên chúng ăn trộm của cải những nhà lân cận đã tản cư bỏ lại căn nhà trống, và chỉ khuân về nhà mình những thứ lặt vặt cần thiết và dễ giấu. Nhưng hành nghề đạo tặc cơ hội được ít lâu, chúng nổi lòng tham, và trở nên táo tợn hơn. Phạm vi hoạt động của chúng mở rộng. Chúng cướp của cải cả ở những nhà có chủ. Chủ nhà biết mặt biết tên chúng mà không dám tố cáo. Lính Tây Sơn ở xa, còn mũi đao của bọn trộm cướp thì kề sát lưng. Sự khôn ngoan khuyên họ giữ im lặng, làm như không thấy bọn trộm khuân đồ đạc của mình bằng cách giả vờ ngủ, hay lánh mặt đi. Phải thật lâu về sau, khi bọn cướp đã bị chém bêu đầu

giữa chợ, các nạn nhân mới dám thì thào kể lại những thứ họ bị cướp mất.

Một điều thật bất ngờ đã xảy ra sáng hôm nay. Sau một đêm căng thẳng vì đe dọa của bất trắc, Bến Nghé thức dậy đã thấy cờ đào phất phới trên từng mái nhà. Cả đến chúng tôi cũng kinh ngạc. Chúng tôi đã kịp ra lệnh cho dân chúng may cờ đỏ để treo trước từng nhà đâu! Thế mà tại sao đâu đâu cũng phất phới cờ đào cả?

Về sau truy ra mới biết có một bọn lưu manh may cờ Tây Sơn, đem đến bán từng nhà với một giá cắt cổ. Ai dám từ chối nào? Không mua cờ Tây Sơn tức là đồng đảng của quân Hòa nghĩa. Lại thêm anh là Hoa kiều; một chứng cứ nữa để buộc tội anh! Vụ bán cờ nhanh chóng lan ra như một trận dịch, và tạo nên biến cố bất ngờ!

Đã có nghiêm lệnh loan cho dân chúng phải tố cáo và dẫn nộp bọn quan quân Chúa Nguyễn còn ẩn nấp trốn tránh trong nhà, ai cố ý nuôi dưỡng che giấu chúng sẽ bị nghiêm trị. Đồng thời để tạo sinh hoạt bình thường, lệnh bắt buộc các chủ phố phải mở cửa buôn bán trở lại.

Lệnh trên được tuân hành răm rắp, nhưng tuân hành có một nửa. Cửa phố mở một cánh đóng một cánh, hàng hóa bày ra chỉ là những thứ lặt vặt không có giá trị. Tuy thế, chỉ trong vòng một buổi sáng, những cửa hàng bán chao, bán mắm, bán muối, bán củ bị tràn ngập. Người ta chen chúc giành giật nhau một hũ chao hôi hay một túi muối nhỏ. Giá bao nhiêu cũng mua.

Bọn vô lại giờ thêm mảnh mới. Chúng giả làm lính Tây Sơn (điều này quá dễ, vì

chúng tôi ăn mặc lôi thôi, có gì mặc nấy, đi chân đất cầm giáo), đến các cửa hàng giàu có bảo có người tố cáo nhà này có chứa lính Hòa nghĩa. Chúng xô cửa vào nhà để khám xét, và chỉ bỏ đi sau khi chủ nhà nộp cho chúng tiền bạc hoặc sau khi chúng cướp được những thứ khá đắt giá. Riêng một mình tôi không thôi, đã nhận được hàng chục đơn tố cáo bọn cướp làm ăn theo cách đó.

* Một số khá đông quan quân chế độ cũ bị dẫn đến giao nộp. Quá nửa số này bị tố cáo oan vì tư thù. Số còn lại gồm bọn lính Hòa nghĩa bị thương. Không chạy kịp, hoặc bọn ăn quịt say rượu có “thành tích” mà các chủ quán rượu nhớ mặt. Một số nhỏ là bọn Ký lục chậm chân. Thân nhân những người bị bắt thất thủ dắt díu nhau theo chồng, theo cha,

anh, em... một đoạn xa, như đi đưa đám táng.

* Phố xá đã lấy được đôi chút sinh khí. Cửa lớn từng nhà đã mở rộng, trừ nhà vô chủ. Nhờ vậy chúng tôi thấy số gia đình có điều kiện tản cư chạy loạn trước khi chúng tôi đến đây không nhiều. Họ thuộc vào hạng giàu có, sẵn ghe thuyền và thế lực. Nghe đâu giá một chiếc ghe loại trung đã tăng gấp mười lần bình thường.

Để anh em quân sĩ Tây Sơn bớt căng thẳng tinh thần sau giai đoạn mệt nhọc nguy hiểm, đã có lệnh cho phép từng toán trên mười người đi dạo phố chung với nhau. Sở dĩ phải buộc đi thành từng toán đông đảo, là vì đã xảy ra những vụ ám sát, bắt cóc hoặc phục kích lẻ tẻ ở các góc phố hẹp, quanh co. Thế là lần đầu

tiên nhiều người dân nghèo chân đất ở Qui Nhơn có dịp nhìn ngắm một thành phố giàu có ở vùng cực nam xa xôi, và lần đầu tiên dân Gia Định được nhìn thật gần (mà không còn phải nem nép sợ hãi) những người lính ăn mặc đơn giản, đi chân không, mặt mày hiền hậu, tay cầm giáo, đi lại giữa hai dãy phố ngói, gặp gì cũng trầm trồ bàn tán, nhìn ai cũng kinh ngạc thích thú. Đến đâu họ cũng hỏi trái này là trái gì, món này giá bao nhiêu. Tuy chủ phố đã hạ thấp giá hàng xuống còn phân nửa, họ vẫn bồn thần suy nghĩ, xì xào bàn tán với nhau thật lâu rồi lắc đầu bỏ đi với vẻ tiếc nuối.

Dân Gia Định kinh ngạc hơn hết là vẻ hiền hòa, và tinh thần kỷ luật của họ. Thật khác xa với bọn Hòa nghĩa hay Đông sơn. Họ hiền hòa đến nỗi dân Gia Định đâm hoài nghi, không tin những

con người này là những kẻ đã khiến quan quân nhà Nguyễn khiếp vía chạy dài. Họ không biết, hoặc không nhớ rằng quân Hòa nghĩa đã từng ở trong hàng ngũ Tây Sơn trước khi trở mặt phản bội, kéo vào đất này. Nhớ đến ý kiến của anh Huệ về quá trình thanh lọc của lịch sử, thấy đúng quá!

Quá trình đó sẽ tiếp tục. Phải tiếp tục, vì không phải toán quân Tây Sơn nào cũng hiền hậu, kỷ luật cả. Cũng có người to tiếng đe dọa để mua hàng với giá rẻ mạt. Cũng có người ham sắc mà bị giết thả trôi sông mất xác. Nhưng số đó quá ít ỏi. Đó là điều đáng mừng!

✱

Chợ Tân Kiểng là một chợ thuộc loại

lớn của vùng Sài Côn. Chợ nhóm rất đông đúc lại nhiều mặt hàng, quanh chợ là vườn tre cây cối um tùm, ngày Tết nổi danh khắp Gia Định vì những giàn đu tiên (kiểu như cái xe đạp nước khá to, rộng vành, có treo đong đưa chừng sáu chiếc ghế, mỗi ghế một người ngồi. Bánh xa xoay tròn, ai ở dưới sát đất thì đạp mạnh lấy trớn cho bánh xa quay không ngừng. Người quay đu tiên thường phải mặc quần áo thật đẹp đẽ). Chính tại chợ này mà Nguyễn Đăng Trường quan Tham tán của Tân Chính vương bị Tây Sơn bắt, khi ông giả dạng làm một thầy thuốc bắc vào chợ dò la tình hình địch.

Chức vụ quan trọng của ông khiến Trường bị giải ngay đến gặp Nguyễn Huệ. Quan Phụ chính nhớ ngay nhà nho khí khái mình đã không thuyết phục nổi ở Qui Nhơn. Huệ sai Lãng bưng cái

ghế bọc gấm của phủ Gia Định cũ ra mời viên Tham tán ngồi, lại sai lính hầu mang trà ngon ra mời. Lính áp giải sợ sẩy mất một tù binh quan trọng nên cột tay Trường hơi chặt. Máu bầm tụ thành một vòng sẫm tím ở hai cổ tay. Tuy đau buốt và mệt nhoài, Trường vẫn cố lấy hết can đảm và khí tiết để ngồi thẳng lưng trên ghế, đường hoàng đưa tay nhận chén trà Huệ rót mời. Mùi trà Tàu hảo hạng khiến Trường tỉnh táo, bình tĩnh hơn. Cho nên khi Huệ hỏi:

– Nhà thầy vẫn mạnh giỏi đấy chứ?

Viên Tham tán đáp với giọng sang sảng, gần như thách đố:

– Có bao giờ tôi đau yếu đâu! Cảm ơn ông, lúc nào tôi cũng mạnh.

Huệ cười mỉm, rồi hỏi:

– Ngài Bảo giá Đại tướng quân của nhà thầy ra sao? Nghe nói nhà thầy vào đây làm quân sư cho tướng quân phải không? Kể ra nhà thầy cũng khéo chọn người để phò tá đấy chứ!

Trường tức giận vì bị sỉ nhục, nhưng vẫn gắng bình tĩnh đáp:

– Tôi vào đây để làm tôi trung của chúa, chứ không làm quân sư cho tên giặc khách. Đấng trượng phu thà chết chứ không hèn hạ bọn giặc nào, dù giặc khách hay giặc nam.

Tai Nguyễn Huệ đỏ lên, nhưng ánh mắt vẫn long lanh thích thú, miệng vẫn mỉm cười. Huệ nói:

– Nhà thầy quanh co làm chi! Tần Chính vương phong cho Lý Tài chức Bảo giá Đại tướng quân vì nhờ có tên

giặc khách tráo trở đó mới cướp được cái ngôi vua lung lay của Duệ Tôn ở chùa Kim Chương. Đấy nhà thầy xem, tôi am tường chuyện nhà thầy lắm. Vâng, tại chùa Kim Chương đã xảy ra cảnh giành giật nhau một chiếc ghế chân gãy, dưới sự giám sát của một tên giặc khách. Hôm đó nhà thầy có mặt ở chùa Kim Chương hay không? Chắc chắn là phải có mặt rồi. Thầy giữ chức Tham tán, bề mặt là bề tôi của Tân Chính vương nhưng thực tế là bề tôi của Lý Tài. Chữ “trung” của thầy quanh co lắm nhĩ!

Viên Tham tán chậm rãi đáp:

– Kẻ tiểu nhân, bọn đạo tặc, thì nhìn ngay ra cong, nhìn sáng thành tối, đâu thấy được lẽ quyền biến ở đời. Tên giặc khách đó chẳng qua như cái gậy để chống khi leo núi, đôi giày để mang khi bước qua một chỗ lầy lội. Ta không cần

ra tay mà hấn tự giết mình, đấy là mệnh trời chứ sức người đâu có đủ để khiến như vậy!

Nguyễn Huệ vội hỏi:

– Lý Tài tự vận ư? Đến lúc này mà nhà thầy còn vẽ vờ chuyện hoang đường làm chi? Cả đạo quân Hòa nghĩa của nhà thầy tan tác ở Hóc Môn, hấn không chết rấp đâu đó thì cũng ráng chui rúc lẩn trốn để tìm đường trở lại làm “ngài bảo giá”, chứ đại gì mà tự vận.

Viên Tham tán cười nhạt đáp:

– Hóa ra ông chưa biết. Việc này cũng chẳng nên giấu ông làm gì. Tên giặc khách đó chết rồi. Điều đó chắc ông biết, vì nếu chưa chết, hấn đã huênh hoang miệng lưỡi cho tất cả thiên hạ nghe thấy rồi. Nhưng vì sao hấn chết? Điều này

chắc chắn ông chưa biết. Ở tận Hóc Môn, đang khi dàn quân đánh với các ông chưa phân thắng bại, Lý Tài thấy có một toán quân cờ xí xa xa từ Cần Giờ kéo đến. Đó là quân của Tổng Phước Thận đến tiếp viện. Nhưng lòng dạ bọn đạo tặc nhìn đâu cũng thấy cái xấu, nên Lý Tài tưởng là quân Đông Sơn nhân cơ hội đến đâm sau lưng mình. Hắn cho quân Hòa nghĩa giải tán. Nhờ thế quân các ông mới được dịp xông tới, đuổi theo các toán lính đang hoang mang, hỗn loạn. Lý Tài bị bao vây, chỉ có một đường thoát là chạy về phía Ba Giồng. Trời cao có mắt, hăn sợ Đông Sơn thì trời xui cho hăn chạy về Ba Giồng nộp mạng cho Đông Sơn. Chúng tôi ném chiếc giày bắn như vậy đấy!

Lòng Huệ rộn rã, nhưng viên tướng trẻ tuổi vẫn giữ được nét mặt điềm nhiên.

Với một giọng lơ đãng khinh thường,
Huệ gật gù bảo:

– Chết về tay ai thì cũng là chết.
Chắc Đỗ Thành Nhân không dành cho
tên phản trắc đó một cái chết êm dịu,
nhẹ nhàng đâu. Thôi, hãy để cho hắc
yên giấc! Hãy trở lại chuyện nhà thầy.
Nhà thầy còn nhớ lời tôi nói với nhà thầy
ở Qui Nhơn chứ?

Nguyễn Đăng Trường bậm môi rồi
đáp gọn:

– Nhớ!

Huệ cười, rồi nói:

– Tôi cũng nhớ. Tôi đã thưa với nhà
thầy: “Tiên sinh đi như thế, chẳng khác
nào quay trời đất lộn ngược trở lại, hỏi
làm sao được. Tôi chỉ sợ có ngày tiên
sinh hối hận thì sự đã muộn lắm rồi”.

Trường đông dạc đáp:

– Tôi cũng nhớ đã đáp lại ông rằng: Bậc đại trượng phu lấy trung hiếu làm đầu. Tôi thờ mẹ tôi, rồi thờ chúa, việc ấy thật quang minh, không có gì đáng hối hận về sau cả!

Huệ tức giận hỏi:

– Nhà thầy bảo quang minh được ư? Nhà thầy học thức bậc ấy, khí tiết bậc ấy, tuổi tác bậc ấy, mà cúi đầu phò tá một tên con nít được Trương Phúc Loan bày cho đủ trò dâm loạn đến nỗi thành kẻ bất lực (Duệ Tôn), sau đó lại cúi đầu phò tá một tên hèn nhát dựa vào sức bọn đầu trộm đuôi cướp để giết ngôi vua, mà còn tự xem là quang minh! Chẳng lẽ đến lúc này mà nhà thầy chưa thấy tâm địa xấu xa của chúng, mà còn bo bo ôm lấy cái chữ trung móp méo nghiêng lệch. Nhà

thầy chưa thấy ân hận hay sao?

Viên Tham tán lớn giọng đáp:

– Ta không có gì phải ân hận.

Huệ thất vọng thở dài, rồi chán nản nói:

– Thôi được. Tôi không còn cách nào khác nữa! Thầy sẽ được toại nguyện, một cách êm ái, nhanh chóng.

Trước khi chết Trường mới bắt đầu hoang mang, tự hỏi không biết mấy chữ CHÍNH VỊ, ĐẠI ĐẠO trong sách Mạnh Tử: “Cử thiên hạ chi quảng cư, lập thiên hạ chi chính vị, hành thiên hạ chi đại đạo, đắc chí dĩ dân do chi, bất đắc chí độc hành kỳ đạo, phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất” có phải đúng là chỗ mình đứng, đường mình đi bao lâu nay không!

Chương 43

Trang nhật ký cũng như trong cuộc hội kiến gay go giữa Huệ và Nguyễn Đăng Trường, Lãng không dám nói đến Chinh. Sự phản bội của Chinh đã trở thành điểm nhạy cảm của gia đình ông giáo, một nỗi ám ảnh luôn luôn dày vò khiến mọi người trong gia đình thao thức, nhột nhột, thiếu hẳn tự tin trước anh em Nhạc. Họ sợ cả những gì động chạm xa gần đến Chinh. Cho nên ngay từ lúc vào được thành Gia Định, Lãng đã tìm mọi cách tìm kiếm tin tức anh một cách kín đáo âm thầm. Lãng không

muốn cho ai biết mình là em ruột Chinh, cũng không muốn bắt cứ ai trong đội quân Tây Sơn biết mình đang tìm dấu vết người anh phản bội.

Khi Nguyễn Đăng Trường cho Huệ biết Lý Tài đã chạy về Ba Giồng và bị quân Đông Sơn giết chết, Lãng hồi hộp, muốn hỏi ngay viên Tham tán xem lúc đó Chinh ở đâu, đã chết hay còn sống. Nhưng Lãng lấy hết can đảm mà vẫn không mở lời nổi. Anh thấy ba người lính lực lưỡng dẫn Trường đi khỏi phòng, chân muốn chạy theo mà không tài nào nhắc bàn chân lên nổi. Trường chết ngay đêm hôm ấy, Lãng ngẩn ngơ tiếc, không phải tiếc cho một nhà nho cổ chấp mà tiếc không còn dịp hỏi tin anh nữa.

Từ đó về sau, Lãng tìm mọi cơ hội để dò la tin tức Chinh. Anh được Huệ giao cho việc tiếp xúc với các đại diện

các bang Hoa kiều để nắm vững tình hình dân cư và kinh tế ở những khu phố khách. Không có việc nào vừa ý nguyện của Lãng hơn! Lấy cớ phải trực tiếp đến các phố Hoa kiều ở Sài Côn và hai bên rạch Sa ngư, nếu cần phải lên tận cù lao Phố (Biên Hòa) để tìm các số liệu chính xác, Lãng gặp được nhiều người trước đây có đi lại, quen biết với đám thân cận quanh Lý Tài. Nhắc đến tên Chinh, có nhiều người không biết. Nhưng mô tả hình dáng, nói thêm gốc tích Chinh là con của người làm quân sư cho Tây Sơn ở Qui Nhơn, hầu hết mọi người Lãng hỏi đều ồ lên vui mừng, và trả lời có gặp Chinh. Những điều họ nói với Lãng về Chinh càng khiến Lãng đau đớn, lo âu thêm.

Có người bảo:

– Thằng con phản bội đó hả? Thôi,

nói làm chi cái tên “phá gia chi tử” đó. Hấn phản cha phản chúa, vào đây để làm cái gì? Để quị lụy, khúm núm còn hơn kẻ tôi đòi, dưới trướng tên cướp biển, tên bạo chúa họ Lý. Bây giờ hấn ở đâu ư? Chắc chắn nó theo sát Lý Tài, nên phải bị quân Đông Sơn bằm vằm thành mắm rồi.

Người thì bảo:

– Vì sao hấn bỏ con đường chính mà vào đây? Trước kia anh em chúng tôi thường hỏi nhau như vậy, khi nghe Lý Tài khoe hấn đã chiêu hồi được đứa con cưng của quân sư Qui Nhơn. Không ai trong chúng tôi trả lời được. Chúng tôi tiếc giùm cho hấn. Về sau thấy hấn mê rượu chè, cùng với bọn Hòa nghĩa tàn ác tham lam lê la khắp các xóm yêu hoa, chúng tôi liền hiểu. Hấn phản cha chỉ vì ham rượu ham gái đấy thôi. Hấn chỉ là

con heo hôi thối, nên có lẽ cũng đã chết như một con heo hôi thối. Các chủ quán rượu và bọn ca kỹ chắc phải cúng tạ trời đất khi biết chắc hẳn đã chết. Mà... mà ngài hỏi làm chi cho kỹ vậy? Tên Hòa nghĩa nào lại không đàng điểm như thế!

Người khác lại nói:

– Có biết thằng Chinh không ư? Xin lỗi ngài, chúng tôi ớn hẳn đến tận óc. Mỗi lần thấy hẳn dạo phố là đàn bà con gái phải cúi mặt xuống, trốn thật kín trong xó tối. Nó mà trông được mặt người đàn bà nào kha khá một chút, tôi bảo kha khá coi được một chút chứ không phải đẹp, thì ngay sau đó...

Lãng bực dọc cật vấn:

– Đâu đến nỗi tệ thế. Lúc còn ở Qui Nhơn, hẳn đàng hoàng đứng đắn lắm mà!

Người được hỏi hơi ngơ ngác một chút, rồi lấy giọng sôi nổi, chế giễu nói tiếp:

– Có thể như vậy lắm. Ở với các ngài, nó dám giở thói xấu ra đâu. Nhưng vào đây chung đụng với bọn trộm cướp ham mê tửu sắc, bao nhiêu chân tướng của hắn lộ ra hết. Nếu nó không đại dột phản bội các ngài thì đâu đến nổi!

Một tên Ký lục khai:

– Nhờ theo sát bên cạnh Lý Tài, anh ta bày đủ thứ trò để làm khổ dân. Nhiều lúc thấy dân kêu van quá, chúng tôi có nhờ anh ta thưa lại với Lý Tài xin châm chế chút ít cho dân nhờ. Tại vì xưa nay chúng tôi làm gì cũng lấy phước đức làm đầu nên dân họ thương, nhờ khế nại giùm. Ngài biết không anh ta chẳng những không thềm nghe hết lời

chúng tôi, mà còn dọa chém chúng tôi. Nếu không được các ngài giải thoát cho, không biết đến bao giờ chúng tôi mới được thoát cái nạn Hòa nghĩa. Chắc thời còn ở Qui Nhơn, hẳn cũng quen thói vô phép như thế chứ ạ?

Đại loại những lời bọn buôn bán người Hoa kiều, hoặc bọn giám quân ký lục kể về Chinh đều độc địa như vậy! Độc địa quá mức đến nỗi Lãng đâm ngờ. Lãng biết không bao giờ Chinh dám buông tuồng quá đáng như họ nói. Thích say sưa náo nhiệt, thích đâm đá, thích trò bạo lực, điều đó đúng là những bản tính của Chinh. Nhưng mê đắm tử sắc, hèn hạ quỵ lụy trước Lý Tài, trời ơi! Không thể nào như thế được. Chắc hẳn họ đã dùng hết sức cố gắng bôi xấu Chinh cho vừa lòng Lãng. Và họ nói láo vì sợ hãi, vì ham sống, thế thôi!

Không thềm âm thầm dò tìm trong đám con buôn Hoa kiều nữa, Lãng quay tìm ở các lời khai các tù binh của quân Đông Sơn. Những người lính chơn chất, mộc mạc này xác nhận: Lý Tài bị Đông Sơn phục kích giết ngay từ khi hấn vừa chạy đến khu vực Ba Giồng. Đám bộ hạ của Lý Tài người thì chết, người liều lĩnh mở đường máu chạy ra Bình Thuận, người bị Đông Sơn bắt. Hỏi riêng tin tức Chinh, họ không biết gì. Lãng thất vọng nghĩ rằng khó tìm ra dấu Chinh trong cảnh hỗn loạn bát nháo này.

*

Huệ ngồi đọc cuốn “nhật ký chiến dịch” của Lãng bên cạnh cây đèn sáp vàng óng có hình con rồng nổi quẩn ngược từ ngọn bắc cho đến chân nến. Buổi chiều,

khi lần đầu tiên Huệ hỏi Lãng về cuốn nhật ký, Lãng bối rối đỏ mặt như xấu hổ. Phản ứng đó gợi tò mò thích thú cho Huệ, và viên Phụ chính trẻ tuổi của triều Tây Sơn càng nhất định đòi đọc cho bằng được. Lãng vừa run run đưa cuốn giấy bản cho Huệ vừa lí nhí xin lỗi:

– Em chép lộn xộn chẳng ra làm sao cả. Tướng quân đừng cười!

Huệ đã quen tai với những lời xưng tụng trang trọng của kẻ dưới, nhưng chưa quen với cách gọi của Lãng. Huệ trợn mắt nhìn Lãng hỏi:

– Sao hôm nay Lãng bày trò khách sáo thế? Thì hãy chờ đọc đã nào!

Quả nhiên, Huệ thấy Lãng ghi lộn xộn thật. Đây là một tập “quân trung tùy bút” hơn là một tập nhật ký quân sự.

Nhưng chính cái chất chủ quan, riêng tư, chính sự lộn xộn tùy hứng của cuốn nhật ký đã khiến Huệ thích thú, hào hứng.

Huệ đọc một mạch cho đến khuya, đặc biệt Huệ chú ý đến ghi chú của Lãng về cuộc khẩn hoang ở Bến Nghé và các khu họp chợ quanh thành.

Trang nhật ký Lãng đã chép: (dịch nôm)

“Vùng Gia Định là đất mới nên không có sự ràng buộc khá chặt chẽ giữa tá điền và điền chủ như ở làng ngoài: thích thì họ ở, buồn họ đi. Ở mỗi làng xã số dân đình không cần nhiều. Chừng ba mươi người đứng tên chịu đóng thuế là hợp thủ tục để lập làng mới. Vì vậy dân đình hợp pháp đều là những điền chủ có tiền loại giàu có hoặc khá giả. Tá điền có quyền không ghi tên vào bộ

sổ để rồi họ tùy thích sống theo qui chế dân lậu. Nhưng đã dân lậu thì họ không được vào ban hương chức, không được kiện cáo bất cứ ai khi bị áp bức. Trái lại, nếu có ai tố cáo họ thì họ bị xem như có lỗi trước. Họ sống bênh bồng rày đây mai đó, làm ruộng dạo, làm mướn từng ngày hay từng buổi. Có thể họ không biết tiết kiệm, không lo gom vốn làm ăn nhưng xét đời sống quá dễ dàng ở Gia Định trước kia và hiện nay thì họ còn quá nhiều chỗ dung thân. Cho nên mới có câu nói đùa: trời sinh ra người, người nào cũng có lộc nhiều lộc ít. Đất sinh cỏ, cỏ nào cũng có rễ ngắn rễ dài...”

Nguyễn Huệ đọc đến đây thì dừng lại. Ông cảm thấy nhận xét của Lãng có gì không được ổn. Đọc lại lần nữa, ông thấy Lãng mâu thuẫn một cách ngây thơ,

dễ dãi. Căn cứ vào điều kiện sinh sống thuận lợi của Gia Định, Lãng đã suy ra rằng: những người nông dân chân lấm tay bùn không có đất cắm dùi phải đem thân làm tá điền cho nhà giàu nhiều ruộng vẫn được quyền tự do tùy thích sống theo ý mình. Lãng viết: “họ sống theo qui chế dân lậu tùy thích. Thử xem dân nghèo sống ngoài bộ sổ của nhà nước được tùy thích như thế nào? Chính Lãng đã kể: họ tùy thích ở ngoài các ban hương chức ở nông thôn, tùy thích đứng tận ngoài ngõ xa thềm thuồng nhìn các dân đình giàu có ăn tiệc cúng đình, tùy thích không được kiện cáo ai, và nếu ai có kiện cáo họ, thì họ tùy thích giờ lưng gánh chịu tất cả mọi phần thua thiệt, tội lỗi. Tùy thích được sống bấp bênh, nay đây mai đó, và nếu bỏ ruộng điền chủ cũ mà chưa tìm ra điền chủ mới, thì tất nhiên họ tùy thích được nhịn đói. Vì dù

trời đất Gia Định mưa thuận gió hòa (một gia thóc cấy xuống rồi giao cho trời đến mùa có thể thu được vài trăm gia như sử có chép) nhưng không có lúa thóc nào vô chủ, tự mọc tự nảy hạt. Thử bứt một gié lúa nhai cho đỡ đói xem! Họ sẽ tùy thích mang gông cho đến bạc đầu trong xó ngục. Làm gì có một đời sống thơi thới tùy thích khi dân nghèo Gia Định bị đẩy ra khỏi sổ bộ hợp pháp, làm ruộng dạo làm thuê ngày, lòng băng khuâng ổn định cho chính mình, hướng chỉ nói đến các ước vọng cho tương lai. Đã đành ai cũng thể nói đùa để tự an ủi mình. Nhà nho lạc độ nghèo đói thì đùa “Quân tử thực vô cầu bảo”. Dân nghèo Gia Định cũng có cách nói đùa riêng để quên nhọc nhằn, đói khác, lạnh lẽo, tuyệt vọng, phần nộ... Nhưng tất cả những câu đùa cợt chua chát ấy không nói được gì khác ngoài sự đau khổ trước bất công

của nhân sinh. Huệ lấy bút lông chấm mực khoanh vòng hai chữ tùy thích của Lãng, rồi đọc tiếp qua phần ghi chú các chợ Bến Nghé.

“Chợ ở Bến Nghé”

Chợ Bến Thành: bến ghe lớn nhất của Gia Định, ở sát mé sông lớn. Chợ họp hai bên bờ rạch Sa ngư có cầu ván bắc ngang. Hai bên găm cầu và chạy dài theo rạch là dãy phố ngôi bán trăm thứ hàng hóa.

Chợ Bến Sỏi: họp sát dọc bờ sông. Sở dĩ gọi là Bến Sỏi vì bờ sông đoạn này nhiều sạn sỏi, khiến doi đất cứng, bờ sông khỏi bị lở, dùng làm bến tắm ngựa, voi.

Chợ Điều khiển: ở khu vực đồn Dinh.

Chợ Nguyễn Thực: Thành lập năm

1727 do Nguyễn Thực từ phủ Quảng Ngãi đến khai phá rừng hoang và lập chợ.

Chợ Thị Nghè: ở sát bờ phía bắc rạch Thị Nghè.

Chợ Xã Tài.

Chợ Tân Kiểng: quanh quần vùng đình Tân Kiểng. Thời trước, chợ có khi được dùng làm pháp trường xử tội nhân. Chợ nhóm sung túc, ngày Tết nổi danh với những giàn đu tiên.

Chợ Sài Côn: họp ở hai bên quan lộ, người nam người khách ở lẫn lộn, phố dài hơn hai dặm (1km5) với đường nhỏ xẻ ra từng ô. Cảnh mua bán tấp nập, người Tàu vẫn duy trì tập tục với các đèn miếu thờ Quan Công, Mã Hậu, Ông Bồn. Họ thường bày ra các lễ lạc tốn kém, có kèn

trống huyên náo. Nhiều chợ nhỏ khác ở chung quanh Sài Côn của các xóm chuyên nghiệp. Phía tây sát Sài Côn là chợ Phú Lâm.

Xem qua sinh hoạt ở các chợ, tôi có vài nhận xét như sau:

– Các nhà buôn lớn đều của người Tàu, người nam chỉ biết mua bán nhỏ, đem hàng từ chỗ nhiều đến chỗ ít để kiếm lời đủ tiêu xài hàng ngày mà thôi.

– Người có tiền bất kể là người nam hay khách trú đều lấy những điều xa xỉ theo lễ thói Trung Quốc để định sang hèn. Từ quan to đến quan nhỏ nhà cửa chạm trổ, tường xây bằng gạch đá, trướng vóc màn the, đồ dùng toàn bằng đồng bằng sứ, bàn ghế bằng gỗ đàn gỗ trắc, ấm chén bằng sứ, yên ngựa dây cương đều nạm vàng nạm bạc, quần áo là lượt, nệm

hoa chiếu mây, lấy phú quý phong lưu để khoe khoang lẫn nhau.

– Dân nghèo ở các phố sống bấp bênh bằng nghề làm thuê, khuân vác hàng hóa ở bến ghe, chạy mỗi hàng ở chợ búa, thậm chí còn sống bằng các ngón trộm cắp lật vặt. Họ thường tụ họp rượu chè say sưa sau một ngày lao động vất vả, cười nói bi bô rồn rảng có vẻ trọng nghĩa khinh tài. Người ta gọi chung họ là dân “giang hồ tứ chiếng”.

✱

Những ghi chú của Lãng giúp Huệ hiểu rõ hơn những điều nên làm. Cuộc tranh luận giữa hai anh em Huệ, Lữ sáng hôm sau có phần là dư vang những suy nghĩ của Huệ đêm hôm trước.

Chính Huệ gợi ý nên có một cuộc bàn luận thân mật và thẳng thắn giữa hai anh em để vạch trước những điều phải làm. Tháng Ba đã qua, họ bắt đầu bước vào tháng Tư Đinh Dậu. Những kẻ thù chính đã lọt mả lưới đầu. Tần Chính vương được Tống Phước Thận giúp đỡ đã trốn về được tận rạch Chanh. Duệ Tôn thì được bốn nghìn quân Đông Sơn rước về Tài Phụ. Nghe đâu Duệ Tôn đã cho dàn quân để chờ Tây Sơn tới.

Hai người trẻ tuổi chưa quen mấy với những vấn đề như tổ chức cai trị, ổn định trị an ở một vùng đất hoàn toàn xa lạ vừa chiếm được, nên cảm thấy yên tâm hơn khi dựa lưng lẫn nhau mà chịu trách nhiệm với anh cả ngoài Qui Nhơn.

Huệ hỏi Lữ trước:

– Ý anh Bảy thế nào? Nhất là chuyện

bảo đảm trật tự và an ninh ở vùng Bến Nghé này.

Lữ lim dim cặp mắt làm như suy nghĩ một lúc, rồi hỏi lại:

– Ý chú thế nào?

Huệ đoán thế nào anh cũng nhường lời cho mình, không câu nệ khách sáo, hào hứng trình bày những điều đã suy nghĩ cả đêm qua:

– Thăng Lãng có vẻ phát phơ thế mà cũng làm được khá nhiều việc. Nó la cà ở các phố Tàu hỏi thăm người này người nọ, ghi chú được vài điều lý thú. Anh Bảy rảnh thì đem về xem qua cho biết.

Lữ vội xua tay từ chối:

– Thôi, anh nhiều việc lắm, không có thì giờ đâu. Chú đọc rồi phỏng? Có gì hay nói tắt anh nghe thử coi!

Huệ sửa lại thế ngồi, chuẩn bị nói thật lâu:

– Anh cả đã giao cho hai anh em ta việc tiêu diệt cho hết đám vua quan nhà Nguyễn đang trốn nấp tại đây. Công việc ấy, ta mới làm được phân nửa, là đánh chiếm thành Gia Định. Phần này dễ. Phần khó còn lại là truy lùng đến tận hang ổ chúng. Cái hang ở Tài Phụ có lẽ hiểm hóc khó khăn hơn cái hang bên bờ rạch Chanh. Nhưng em tin chắc dù khó đến đâu, ta cũng làm được.

Điều khiến em lo nghĩ, là sau khi dẹp tan bọn vua quan nhà Nguyễn, ta phải làm gì nữa? Chẳng lẽ lại vét hết thóc kho và hàng hóa ở các phố chợ, chất lên ghe, giơng buồm tềch về Qui Nhơn như năm ngoái? Làm như vậy thì đơn giản và dễ dàng quá.

Lữ cầu nhàu:

– Không dễ như chú tưởng đâu. Nội việc tìm cho ra mấy trăm chiếc ghe bầu cũng đã khó rồi. Đây là năm trước ta vào lần đầu chúng bị bất ngờ ghe thuyền còn bỏ lại đầy bến. Năm nay chúng biết trước. Chú thấy không, ngoài biển chính dọc rạch Sa Ngư và chợ Sỏi chỉ lác đác vài chiếc xuống hư. Không đơn giản dễ dàng như chú nghĩ đâu!

Huệ chờ anh nói hết, mới tiếp:

– Vâng, em không dám nghĩ là dễ, nhưng có một điều khó khăn gấp bội chuyện chở thóc về. Nếu có anh cả ở đây thì chúng ta khỏe thân khỏe phải lo lắng. Nhưng anh cả không có ở đây. Anh với em phải quyết định mọi sự. Diệt xong đám tàn quân hiện ẩn nấp ở Tài Phụ và rạch Chanh, nếu ta bỏ về thì lại có bọn

trung thần ngu xuẩn cố chấp nổi lên xưng hùng xưng bá, hoặc đám cháu chắt của họ Nguyễn lại giương cờ khôi phục. Không thể như thế được. Diệt được họ Nguyễn, đất Gia Định phì nhiêu này thuộc về Qui Nhơn, ta phải đặt guồng cai trị từ trên xuống dưới để giữ dân, giữ đất, thu thuế, trưng binh... Ta giao việc đó cho ai đây? Cho mấy tên chủ ruộng giàu có hiện đã đem vợ con đi trốn tận Cà Mau, Hà Tiên ư. Cho mấy chú khách ở Cù lao phố hoặc Sài Côn, mấy chú con buôn tiền bạc đầy túi đã từng cung đốn lương thực cho Lý Tài, Đông Sơn ư? Cho mấy tay anh chị ăn nói lớn lối sặc hơi rượu ở các bến ghe ư? Thành phần nào đáng cho ta tin để giao việc cho họ?

Lữ im lặng không trả lời, mắt nhìn lên mái đình. Huệ tiếp:

– Em thấy thành phần xã hội ở đây

có khác với ngoài mình. Ở các vùng đất cũ ổn định từ lâu đời như Quảng Nam, Thuận Hóa, chỉ có hai lớp người chính yếu là bọn chủ ruộng giàu có và hạng tá điền nghèo túng. Bọn hương chức phần lớn là bà con anh em xuất thân từ hạng có của, vì chỉ có hạng có của mới đủ sức cho con em đi học và có vai vế trong thôn xóm. Quan lớn quan nhỏ gì từ Thuận Hóa về địa phương cũng phải dựa vào bọn chủ điền này để cai trị. Người buôn bán còn ít, vốn liếng, ngay như vốn liếng nhà ta thời buôn nguồn cũng không được bao nhiêu. Quan trên không tin cậy giới buôn bán bằng giới điền chủ. Anh cả được chức biện lại Vân Đồn kể như trường hợp hi hữu.

Ở đất Gia Định này, em thấy khác hẳn. Bọn chủ ruộng vẫn có thế lực đấy, nhưng còn có một thế lực lớn hơn nhiều

là bọn con buôn Hoa kiều. Anh Bảy thấy đấy, phố xá, kho hàng, lương thực, vải vóc, cả việc giao thông đường sông đường biển đều do Hoa kiều chủ chốt. Bọn họ giàu có sung túc hơn bọn ở Cửa Hội nhiều. Phố nào cũng đầy ắp hàng Tàu, từ hũ dưa cải đến cái dù cái võng, cũng đem từ Tàu qua. Phong tục Gia Định đặc mùi phương bắc, thước đo sự phong lưu cũng lấy phong lưu phương bắc nào Quảng Đông, Phước Kiến, Triều Châu làm chuẩn. Nhưng điều đó chưa ghê gớm bằng Hoa kiều chi phối tất cả guồng máy nông nghiệp của xứ này. Không phải họ trực tiếp bỏ tiền ra khai hoang lập ruộng đâu. Họ khôn khéo hơn. Luật lệ cũ khá nghiêm khắc với họ, không cho họ được tự tiện tạo mãi ruộng đất. Nhưng họ cần gì phải nhọc công mua ruộng. Khi thấy một làng mới lập trên một vùng đất phì nhiêu nhiều hứa hẹn, người Tàu đến đó

lập một quán tạp hóa. Ban đầu chỉ có vài thứ tối thiết như kim chỉ, dầu đèn, muối, vải thô, tương chao, hương liệu, nhang nến, rượu, đường. Dần dần họ thành chủ nợ của dân làng. Cửa hàng mở rộng thêm cái chái, họ mở thêm quán ăn và quán rượu. Rồi họ mua thóc non của cả vùng để chuyển lên Bến Nghé. Mạng lưới buôn bán chi phối tất cả Gia Định, trở thành thế lực kinh tế ghê gớm lấn át cả bọn điền chủ. Bọn con cháu Dương Ngạn Địch và Trần Thắng Tài ở Cù lao Phố, con cháu Mạc Cửu ở Hà Tiên tuy không làm quan lớn nhưng có ông quan nào về trấn nhậm ở đây mà không nhờ bọn chúng bao bọc. Có thể nói bọn con buôn hạng lớn Hoa kiều ở đây bảo bọc cả chính quyền nhà Nguyễn và bọn chủ ruộng. Lớp nông dân nghèo khổ sống lây lất nay đây mai đó như những kẻ sống bấp bấp, và lớp “tứ chiếng giang hồ” sống bấp

bênh quanh các phố chợ, bến ghé, tuy chiếm đa số dân Gia Định nhưng không có một chút thế lực nào. Bao nhiêu của cải họ làm ra đều vào túi bọn con buôn Hoa kiều, bọn tham quan, và bọn chủ ruộng hết.

Lữ ngồi nghe quá lâu, mất kiên nhẫn, nên cắt lời em, hỏi:

– Bọn này có đông không?

– Dĩ nhiên là ít. Nhưng chúng nắm giữ tất cả đầu mối của đời sống như buôn bán lúa gạo, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuốc bắc, đi lại trên sông rạch và trên biển, cả đến việc buôn bán quan tước nữa. Anh thấy đấy, Lý Tài, Tập Đình chẳng phải là bọn muốn buôn vua kiều Lã Bất Vi bên Tàu là gì!

Lữ xăng giọng nói:

– Đem giết quách chúng nó đi, là xong!

Huệ vội nói:

– Không thể làm đơn giản như thế được.

Lũ càng nóng ruột hơn:

– Thế chú muốn làm gì nào?

Huệ ngần ngừ vì thấy anh cau có không thích bàn luận tiếp, sau cùng cũng nói:

– Ta phải nắm lấy thế lực sẵn có của chúng, nhưng phải cẩn thận như là nắm cái chuôi gươm. Nắm đằng lưỡi chẳng những đứt tay mà còn mất mạng nữa. Tần Chính vương đã thân bại danh liệt vì Lý Tài do không đủ lực để nắm đằng chuôi. Trước mắt, ta cũng phải dùng

đến chúng vì thực sự chúng có năng lực. Nhưng dựa dẫm hoàn toàn vào chúng, ta sẽ dẫm lên vết xe đổ của người trước. Ta phải làm như ở Qui Nhơn, nghĩa là dựa vào dân nghèo. Hiện nay họ còn sợ hãi, lo âu. Ta giúp họ tự tin hơn. Khi họ dám ngẩng đầu lớn tiếng như anh dân nghèo ở Qui Nhơn đã ngẩng đầu lớn tiếng, ta sẽ có một chỗ dựa vững chắc. Tùy theo sức lớn mạnh của chỗ dựa này để ta biến đổi thái độ đối với bọn con buôn người Tàu và bọn chủ ruộng.

Lữ lắc đầu chậm chậm, giọng chán nản kéo dài:

– Chú vẫn có tài ăn nói. Giá chú làm được một phần những điều chú nói, thì hay biết mấy. Nhưng chuyện ấy xa xôi lắm. Ta bàn ngay chuyện trước mắt đi. Hai cái hang ổ ở Tài Phụ và rạch Chanh, chú đã có thêm tin tức gì chưa? Bọn

Châu Văn Tiếp ở Bình Thuận động tĩnh thế nào? Mới tham vấn chú đã đòi bán thuyền, không ổn đâu.

Huệ hơi thất vọng, nhưng cũng đáp:

– Dạ đã có sẵn cả rồi. Chúng ta cho gọi các tướng đến, để bàn kỹ việc tấn công Tài phụ.

★

Từ tháng Tư đến tháng Sáu Đinh Dậu (1777), Huệ sốt ruột vì tình hình cứ nhì nhằng. Địch không đủ mạnh để chống lại các cuộc tấn công của Tây Sơn, nhưng cũng không quá yếu để tự tan rã. Theo kế hoạch đã định, Tây Sơn đi tấn công quân Duệ Tôn ở Tài phụ trước. Duệ Tôn thua chạy về Long Hưng thuộc Định Tường sau một trận giao tranh đẫm máu

dưới cơn mưa to.

Ở Long Hưng, Đỗ Thành Nhân cũng vừa kéo quân từ Rạch Giá tới. Hai người cùng đi Cần Thơ để hội binh với Mạc Thiên Tứ. Ba cánh quân áo quần tồi tả, mặt mày thất sắc vì sợ hãi, góp lại không thành một sức mạnh đủ cho Duệ Tôn yên tâm. Vì vậy, Duệ Tôn mới sai Đỗ Thành Nhân cùng Nguyễn Quân ra Bình Thuận xin Châu Văn Tiếp và Trần Văn Thúc giúp đỡ.

Để sẩy mất Duệ Tôn, Tây Sơn lại tấn công quân Tân Chính vương ở rạch Chanh. Tân Chính vương bị thua rút về Trà Tân (Định Tường) sai Tổng Phước Hòa giữ Mỹ Long (Vĩnh Long. Tổng Phước Thiêm lại đưa Tân Chính vương về Ba Vác rồi ra chống cự với Tây Sơn ở Hương Đôi. Nhưng Hương Đôi lại thất thủ. Thiêm trở lại Ba Vác. Bơ vơ, lo âu,

nhìn quanh những người thân tín cũ như Nguyễn Phúc Chất, Nguyễn Mậu, Tống Phước Hữu, đều đã bị bệnh chết, Tân Chính vương đành phải dựa vào cánh tay ồm yếu của viên lão tướng Tống Phước Hòa, phong cho ông chức Tổng lãnh chư quân.

Về phía Tây Sơn, các tướng lĩnh trẻ tuổi và thiện chiến như Tống đốc Chu, Hồ tướng Hãn, Tư khấu Uy, sau nhiều lần mang quân tấn công Tài Phụ và Hương Đôi chỉ báo về những tin chiến thắng nửa vơi, loại “đã... nhưng”. Tình hình an ninh xã hội ở Trấn Biên và Sài Côn tạm ổn định ít nhất là ở bề ngoài. Cảnh buôn bán trở lại gần mức bình thường. Ghe thuyền bắt đầu xuất hiện ở các bến chợ. Bọn vô lại lưu manh rút vào bóng tối vì những hình phạt nghiêm khắc của quân Tây Sơn. Cửa hàng khắp các phố đều mở

rộng tuy hàng hóa giảm sút đến độ lèo tèo.

Dân Gia Định chưa quen chuyển vợ vệt năm trước của Lữ, nên dù thấy những toán quân Tây Sơn hiền hòa dắt nhau đi dạo phố một cách trật tự (khép nép lạc lõng là đằng khác) dân buôn vẫn lo xa, giấu bớt hàng hóa đồ vật. Những cuộc dạo phố ấy cũng ảnh hưởng khá nhiều đến tinh thần binh sĩ. Mỗi món hàng xa xỉ đặt ra cho họ những câu hỏi và những thèm muốn, những thất vọng sau đó. Lần đầu họ thấy bộ quần áo họ đang mặc lâu nay quá cũ, vải thô, mầu bạc, kiểu cắt không được “dinh”. Đi chân đất có tiện lợi thật đấy, nhưng giá có tiền mua đôi giày kia xỏ vào đi đi lại lại ở chỗ vắng vẻ không ai nhìn thấy, có lẽ êm ái thú vị lắm! Mấy cái hộp sơn then kia đựng thứ gì trong đó? Lữ ve chai xinh

xắn dán nhãn xanh nhãn đỏ kia, có đựng những quả màu đỏ chót, cái đựng những hộp tròn màu xanh già, không biết mùi vị mặn ngọt ra sao? Lại còn loại hũ hình trái bầu nhỏ nhắn da sành kia nữa. Ngũ gia bì? Cái gì thế? Rượu! Uống có giống rượu nếp không? Giá bao nhiêu? Eo ôi! Bán cả cha mẹ tôi cũng chưa mua nổi nữa là. Họ rụt rè trả giá. Chủ hàng nhìn kỹ nét mặt non nớt hiền lành của họ, sau một lúc dè dặt, phá lên cười khinh khi. Những người lính chân đất từ vùng khô cằn Quảng Ngãi lần đầu nhìn đời sống trù phú của phố Sài Côn phải đỏ mặt bỏ đi, trong lòng tấm tức vì giận dữ và xấu hổ.

Có thể nói hàng hóa ê hề của Gia Định còn khiến cho tinh thần quân Tây Sơn hoang mang hơn cả những tin đồn nhảm phóng đại khả năng tiếp viện của

Châu Văn Tiếp, hoặc Mạc Thiên Tứ.

Một hũ rượu ngon lạ mắt, một cái cối trầu chạm tro đẹp để tiện làm quà cho mẹ thân yêu, một cái áo nhiễu vừa vặn thân thể đưa con đầu lòng, cái khăn lụa cho người vợ tần tảo chưa bao giờ dám mơ ước có thể chạm tay đến thú vải mềm mại mơn trớn ấy, bao nhiêu thú đồ vật cầm nín vô tư cứ nhảy múa, diễu cợt trên chóc những con người chơn chất quen sống đơn giản nghèo khổ.

Đêm, chúng không cho họ yên giấc. Cử chỉ của họ đã dươi, cái gì họ làm cũng trễ tràng đi một chút. Nét mặt họ hoặc mơ mộng, dăm chiêu, hoặc lăm lè cau có. Những biểu hiện nhỏ nhoi tầm thường ấy nhân lên với quân số đông đảo của Tây Sơn thành một sức tri đủ kéo cả trăm voi lại. Rõ ràng các hoạt động đều chênh mảng, uể ỏi hơn. Hậu quả là tình trạng

nhì nhằng xảy ra ở Hương Đô, ở Tài Phụ, ở Long Hưng, ở rạch Chanh suốt ba tháng qua. Là những tin chiến thắng “đã... nhưng” nửa vời đều đều đưa về bộ tham mưu trong thành Gia Định.

Huệ sốt ruột trước tình trạng đáng ngại ấy!

Bước qua tháng Bảy năm Đinh Dậu, viên tướng hai mươi lăm tuổi quyết định phải nhanh chóng thanh toán chiến trường chứ không thể kéo dài tình trạng mập mờ nhì nhằng đó. Khéo léo giao cho anh Bảy tránh vụ hậu cần và trị an ở các vùng đất chiếm được, Huệ dồn hết tâm trí để thảo kế hoạch tấn công dồn dập cả hai mặt trận, vừa ở Bình Thuận vừa ở đồng bằng Cửu Long.

Ở mặt trận Bình Thuận, bộ binh Tây Sơn ở Biên Hòa tiến ra phía bắc

chận đánh quân cứu viện của Trần Văn Thúc lúc đó chưa ra khỏi địa phận Bình Thuận. Trần Văn Thúc chết. Châu Văn Tiếp bỏ chạy. Nghĩa quân Tây Sơn chiếm đóng Bình Thuận. Ở mặt trận chính yếu là đồng bằng Cửu Long, Huệ đích thân cầm quân, cùng với các toán tinh nhuệ thiện chiến do Tổng đốc Chu, Hồ tướng Hãn, Tư khấu Uy chỉ huy, phối hợp ồ ạt tiến công đồn Ba vác của Tân Chính vương.

Chúa nghe quân Tây Sơn kéo tới vây đồn, sợ hãi đến tuyệt vọng. Bên chúa chỉ có Tổng Phước Thiêm và Tổng Phước Hòa cùng mấy trăm quân lơ láo sợ sệt như gà phải cáo. Nước sông cái Mương đầy sẽ đưa chiến thuyền Tây Sơn đến đây dễ dàng. Hương đôi đã vỡ, lá chắn bảo vệ cho Ba vác không còn. Tổng Phước Thiêm nhân lúc rối loạn đã trốn đi. Chỉ

còn lại cái đồn đất tro trọi, viên tướng già và vài trăm quân nhút nhát. Tiếng trống thúc quân của Tây Sơn mỗi lúc mỗi gần, từ chỗ râm ran mơ hồ như tiếng sấm rền xa xôi đã trở nên rõ mồn một, từ trong đồn có thể phân biệt được từng tiếng trống giục.

Tổng Phước Hòa thấy tình thế nguy ngập không thể cứu vãn được nữa, gọi thuộc hạ tới bảo:

– Các anh tuổi còn ít, sức còn mạnh, nay nên tản mác trốn đi để mong lập công về sau. Phần ta tuổi đã già, sức đã hết, dầu có muốn sống sót để báo đáp ơn trên cũng không thể được. Vả lại, thân làm đại tướng mà phải chịu cái nhục không giữ được xã tắc, hỏi sống làm gì?

Nhiều người ứa nước mắt, muốn lên tiếng can không cho Hòa tự vận nhưng

viên lão tướng lừ mắt giận dữ khiến lần lượt, lần lượt từng người, đứng dậy bỏ ra khỏi phòng. Người cuối cùng ngoái nhìn viên lão tướng (lúc đó đang ngồi xếp bằng trên chiếu, tay đặt trên đầu gối, cúi xuống nhìn khoảng không trong lòng mình), mũi lòng phát khóc nhưng cũng cố khép cánh cửa phen tre của căn phòng chỉ huy thấp hẹp lại!

✱

Khi Huệ đưa đội thuyền chiến đến sông cái Mương thì đồn Ba Vác đã bị bao vây cả bốn hướng. Bọn lính báo cho chúa biết Tổng Phước Hòa sắp tự vận, khiến chúa hốt hải chạy vào can ngăn viên lão tướng tuyệt vọng. Tân Chính vương đến chậm một khắc. Máu từ vết đâm ở ngực Hòa còn tiếp tục chảy ra chiếu. Chúa

lật ngược xác viên lão tướng, sợ hãi đến rụng rời chân tay khi thấy đôi mắt đục của người chết còn mở trừng trừng nhìn mình. Chúa chùi bàn tay vấy máu lên áo xác chết, vội chạy ra đài chỉ huy giữa đồn. Trên cạn, dưới sông đâu đâu cũng đen nghịt quân Tây Sơn. Tình thế đến nước này không còn cách nào cứu gỡ được. Vương quay nhìn đám lính chung quanh, thấy mặt ai cũng xanh xám, ủ rũ. Vương bần thần, cúi đầu suy nghĩ. Còn cách nào khác không? Không. Không còn cách nào khác. Tần Chính vương buồn bã, thất thểu bước chậm về phía căn trại thấp gần cổng ra vào. Vương lấy bút giấy, suy nghĩ một lúc giữa tiếng trống giục cùng tiếng ó đe dọa của quân Tây Sơn, rồi bậm môi quyết định. Với nét chữ run run không thẳng hàng, Tần Chính vương viết mấy câu: “Nếu các người bảo toàn tính mệnh cho quân dân trong đồn,

thì ta sẽ nộp mình”, xếp tờ giấy lại, rồi sai một tên lính cầm cờ hàng đem ra trao cho quân Tây Sơn.

Huệ nhận được thư của Tân Chính vương, ra lệnh thôi thúc trống để tỏ dấu ưng thuận, sai lính dùng loa truyền cho quân phòng thủ trong đồn phải tung người ra cổng quảng khí giới thành đồng rồi đặt hai tay lên đỉnh đầu tiến ra phía bờ sông nộp mình. Bọn lính Gia Định chỉ chờ có thế. Chúng tuân lệnh răm rắp. Đồng gươm giáo cao dần, cao dần. Tân Chính vương nộp mình sau cùng, bước đi, cố làm ra vẻ khoan thai bình tĩnh nên cứng nhắc như một hình nộm di chuyển bằng máy.

Huệ đứng sát bờ sông, mỉm cười, chờ Tân Chính vương tới gần. Huệ giả vờ như chưa từng có gì xảy ra từ ngày vương còn làm rể Nguyễn Nhạc, lớn

tiếng reo lên:

– Trời ơi, Đông cung! Lâu nay ngài vẫn mạnh giỏi?

Tân Chính vương nghiêm mặt đáp:

– Ta đã nộp mình. Người muốn làm gì thì làm, đừng hỏi quanh co vô ích.

Huệ lừ mắt không cho bốn người hộ vệ định xô về phía Tân Chính vương để trời lại, tiếp tục dùng giọng hòa nhã thân mật nói:

– Ngài đừng nói thế. Ngài mà bị sụt một chút da thì lúc về Qui Nhơn, con cháu Thọ Hương không để cho tôi sống yên đâu. Trước khi vào đây, nó căn dặn tôi đủ điều.

Tân Chính vương đưa hai tay về phía Huệ, lạnh lùng nói:

– Thôi đủ rồi. Hãy trối ta lại đi.

Huệ cho rằng đùa như vậy cũng đã đủ, nên tránh lối xuống thuyền cho Tân Chính vương, lễ phép nghiêng người đưa tay mời:

– Xin ngài xuống thuyền trước cho.

Tân Chính vương thản nhiên tiến về phía cầu ván bắc từ mô đất cao bờ sông xuống thuyền chỉ huy. Lúc đi đến giữa cầu, vương loạng choạng suýt ngã nhưng gượng được. Huệ đưa vương vào khoang chính, mời vương ngồi xuống chiếc chiếu hoa, lại cẩn thận đẩy chồng gối xếp ngũ sắc về phía vương để dựa lưng. Ngoài thuyền có tiếng quân Tây Sơn hò reo tỏ mở trong lúc lửa bốc cao trên mái đồn Ba Vác, và tiếng cán chèo khua động lục cục vào sườn thuyền để chuẩn bị rời

bến. Hồ tướng Hãn vào khoang chỉ huy thừa với Huệ:

– Có tìm thấy xác một viên tướng già bị đâm chết trong căn lều phía tả. Xin tướng quân cho lệnh hỏa thiêu cái xác cùng với các dãy trại khác.

Huệ định gật đầu nhưng chưa kịp nghĩ lại, liếc nhìn Tân Chính vương trước khi nói:

– Không nên. Phải chôn cất cẩn thận. Nhớ khắc một tấm bia cho con cháu dễ tìm.

Chờ cho Hãn ra khỏi, Huệ quay về phía Tân Chính vương nói:

– Lòng trời ra sao, bây giờ ngài đã rõ.

Vương tự tay rót nước ra chén sứ bưng lên uống. Huệ thấy chén nước rung

rung. Uống xong vương nhìn thẳng vào Huệ bảo:

– Ông nói như thế hơi sớm đấy!

Huệ cười nhỏ, rồi đáp:

– Tôi lại nghĩ ngược lại. Phải nói muộn mới đúng. Vì lòng trời đã rõ từ lúc ngài còn ở Câu Đê để giữ một cái dinh sắp đổ. Mọi sự xảy ra về sau đều là thừa thãi, vô ích.

Vương không trả lời, bản thân nhìn mông lung ra phía trước không thấy cả nụ cười thương xót của Huệ. Vương thầm công nhận lời Huệ đúng, nhưng không thể nói ra lời cho kẻ thù trước mặt đặc chí. Những hình ảnh âm thanh quá khứ lướt nhanh qua trí vương: đôi mắt đỏ ngầu sát khí của Tập Đình, cơ phurôn sắc sỡ trong lễ rước Đông cung,

cái nhìn vừa ngỡ ngàng vừa oán hận của Thọ Hương, tiếng một găm giữa khuya trên nóc chùa Thập Tháp, sóng bạc của nước lụt đập vào mạn thuyền độc mộc, cơn say ồn ào của Lý Tài, rồi cảnh chùa Kim Chương. Dư ảnh của quá khứ đột nhiên dừng lại ở cảnh cuối cùng này, cử động chậm lại. Vương nhớ rõ nét mặt cau có của Duệ tôn, vẻ khúm núm của Nguyễn Phúc Chất, dáng đứng ngạo nghễ hỗn xược của Lý Tài, nhớ rõ cả những xác lá bàng khô rải rác trên sân chùa. Xác lá. Héo úa. Tàn tạ. Chết chóc. Điểm cuối của một cuộc sống bấp bênh trôi nổi. Những ý niệm đó thay thế các dư ảnh của quá khứ, lại tiếp tục quấy phá trí vương. Vương cảm thấy nghiền nghiền nơi cổ họng, cay cay nơi khóe mắt, đặng đặng ở đầu lưỡi. Vương giật mình ngược nhìn viên tướng trẻ đang đắm đắm nhìn mình, sợ Huệ bắt gặp vương yếu đuối ử

rũ. Cổ lấy hết can đảm, vương lớn tiếng nói:

– Ta chết, nhưng họ Nguyễn Gia Miêu chưa tuyệt tự. Thái Thượng vương còn đó. Những người trung nghĩa còn đó, ở khắp hang cùng ngõ hẹp. Anh em các ông chờ vội mừng. Ta chỉ tiếc không được sống để tận mắt nhìn lửa cháy trên mái dinh Qui Nhơn thôi!

Huệ cười ha hả, cải chính sai lầm của vương:

– Ngài lầm rồi. Chúng tôi sắp dọn về thành Chà Bàn chứ không ở dinh cũ nữa. Lửa cháy được đến cái thành mới đó ử, khó lắm!

✱

Đêm đã khuya. Nguyễn Huệ ngồi một mình bên cây nến sáp ong nét mặt ưu tư. Tên lính đã hai lần thay nến, lần nào cũng thấy chủ tướng ngồi nguyên một chỗ, giữ nguyên cái dáng dăm chiêu buông thả như đã hóa thành một pho tượng bán thân. Trống đổi canh từng tiếng vang dội trong đêm Gia Định. Cây bàng cổ thụ bên cạnh dinh lâu lâu rung mình, lá rơi xào xạc trên mái, chìm đắm trong trầm tư, càng lúc viên Phụ chính càng quên mất mình, tâm trí bập bênh trên một thứ mây khói lảng đãng. Ngọn nến trước mặt lúc tỏ thì trông rõ đến ánh lửa uốn khúc rướn cao và đầu ngọn bốc, nhưng có lúc lại nhòe đi thành một mảng vàng óng hình thù bất định. Nếu không có vết thương ở cánh tay trái lâu lâu nhói lên nhắc nhở, có lẽ Huệ đã chìm mất vào hư đãng.

Sự đau đớn kích thích trí óc viên tướng trẻ suy nghĩ. Ban đầu là những sự việc liên quan đến vết thương. Phải, Huệ đã bị thương trong một trường hợp đặc biệt. Tân Chính vương cùng chín người thân cận bị bắt ở đồn Ba vác được chở bằng thuyền về Sài Côn. Dĩ nhiên là việc canh phòng suốt cuộc hành trình hết sức nghiêm ngặt. Trừ Tân Chính vương được đặt biệt ưu đãi cho ngồi uống trà thông thả trong một khoang kín trong phòng chỉ huy, mười chín người còn lại bị trói thúc kè và xâu chùm với nhau, thuyền chở tù đi giữa bị bao vây phía trước, phía sau và hai bên bởi những thuyền chiến đầy quân Tây Sơn.

Lúc đoàn quân chiến thắng cập bến, Tân Chính vương được giải đi trước, rồi mới mở băng bịt mắt của mười chín tù binh kia. Họ nhận ra cảnh cũ, nhận ra

tình thế tuyệt vọng của tất cả bọn họ. Lần lượt từng người, họ được tháo khỏi dây, mỗi người chỉ còn bị buộc thúc ké sau lưng để dễ dàng bước ra cầu ván lên bờ. Vì bị trói, lại mất bình tĩnh nên bước đi của họ chậm chạp, nghiêng ngả. Người đi đầu là một thanh niên mạnh khỏe bậm trợn nên anh ta dễ dàng đi qua cái cầu ván lung lay. Nhưng đến người thứ hai và thứ ba thì vì tuổi già sức yếu, hai tù binh mất thăng bằng ngã tòm xuống nước. Lính Tây Sơn thấy thế không còn quát tháo thúc hối đám tù binh nữa. Chầm chậm dò từng bước, lưng hơi khòm, đầu cúi thấp, họ lần lượt lên bờ. Khi mười chín tù binh đã lên đủ, toán Tây Sơn áp giải mới bắt đầu dẫn họ về chỗ giam. Nguyễn Huệ đứng sát đường cái đám tù binh đi qua. Vài người lính áp giải len lén nhìn về phía chủ tướng, xì xào với nhau: “Quan Phụ chính kia

kìa. Cầm giáo cho ngay ngắn coi”. Lúc đó, đám tù binh mới biết họ sắp đến gần viên tướng tài ba lừng lẫy nhất của Qui Nhơn. Phần lớn bọn tù binh bắt đầu cảm thấy tay chân mình run lên, hoặc do sợ hãi, hoặc do căm giận.

Huệ đứng chống nạnh nhìn chằm chằm từng tên tù binh đi qua trước mặt. Tên nào cũng cúi gằm mặt xuống, tránh nhìn vào mắt Huệ. Chỉ trừ có một người trạc khoảng bốn mươi mặt xương xương, mày rậm, râu tóc pha muối tiêu. Ông ta cố hết sức ngẩng cao đầu để nhìn trừng trừng vào mắt Nguyễn Huệ.

Viên tướng trẻ chẳng những không khó chịu mà còn thích thú. Huệ mỉm cười, đôi mắt sáng vui dõi theo bước chân người tù can đảm. Hai người còn cách xa năm bước, rồi bốn, rồi ba bước. Đột nhiên, tên tù binh cúi đầu dừng

hết sức lao về phía Huệ, có lẽ định liều mạng húc ngã kẻ thù rồi dùng răng cắn rút thịt Huệ. Huệ không ngờ tên tù binh liều lĩnh đến độ ấy nên không kịp phản ứng gì. Hai người lính hộ vệ nhanh nhẹn gạt chủ tướng sang một bên, lấy thân đỡ cái húc chất chứa sức mạnh căm hờn của tên tù binh. Hấn bị trói nên dễ bị mất thăng bằng, ngã lăn xuống đất. Chưa kịp làm gì khác, hấn đã bị hai người hộ vệ Huệ dùng giáo đâm xuyên qua bụng và ngực, mũi giáo cắm phập xuống cả mặt đất ướt.

Biến cố bất ngờ khiến tất cả mọi người đều sững sờ, rồi kinh hãi. Huệ nhìn cái xác còn oằn oại co giật trước mặt mình, lòng vừa thương vừa giận. Những người khác thì chết sững, không ai dám cử động hoặc nói năng gì. Huệ đăm đăm nhìn vũng máu loang rộng

dẫn từ cái xác đã im lìm, cảm thấy tê dại ở hai thái dương. Rồi ông thấy rát ở cánh tay trái. Nhìn lại cánh tay mình, ông mới biết trong lúc hấp tấp, mũi giáo của người lính hộ vệ có suốt một vết cạo lên cánh tay ông. Máu bắt đầu rỉ rả ứa ra. Không muốn mọi người thấy mình bị thương, Huệ phát tay ra lệnh dẫn mười tám tù binh còn lại đi; còn mình thì sau khi liếc nhìn xác chết một lần nữa, Huệ lững thững về bản doanh.

Hành động liều lĩnh vô ích ấy khiến viên tướng trẻ băn khoăn cả đêm. Ông đặt ra cho mình vô số câu hỏi, mà không tìm được câu trả lời. Cái gì xui giục hấn liều mạng như vậy? Sự căm thù ư? Ta đã làm gì để bị hấn căm thù? Sự tuyệt vọng ư? Thế thì tại sao hấn không tự vận như viên lão tướng Tống Phước Hòa ở Ba Vác? Hấn chịu buông khí giới đầu hàng

tức là còn hy vọng sống còn. Hay là...
hắn lại bị cái chữ trung méo mó xui giục
như Nguyễn Đăng Trường? Như thầy
Hiến của ta?

Ngoài cửa phòng có tiếng xoảng của
một thanh gươm rơi trên nền lát đá. Huệ
giật mình đưa tay nắm lấy chuôi kiếm.
Nhưng sau đó, không có tiếng động nào
khác. Viên tướng trẻ tò mò, se sẽ đứng
dậy, đi ra phía cửa. Tên lính gác, ngồi trên
cái ghế đẩu, đã dựa lưng vào vách ngoẹo
đầu ngủ từ lúc nào. Huệ lặng lẽ nhìn tên
lính không làm tròn phận sự, bồi hồi xúc
động vì thương hại. Sau một lúc suy tính,
Huệ cúi xuống nhặt cái gươm lên, nhẹ
nhàng dựng ngược lưỡi gươm bên cạnh
người lính gác, rồi trở về phòng.

Ông lại lan man suy nghĩ về chữ
trung của tên tù binh đã chết thảm, của
Nguyễn Đăng Trường, của thầy giáo

Hiến. Ông nhớ lại lời cầu khẩn rứt rề nhưng tha thiết của thầy, lời van xin tuyệt vọng của một nhà nho không muốn thấy người học trò thân yêu quấy động (thậm chí đảo ngược) thứ trật tự giả tạo bấp bênh của tam cương, ngũ thường. Thầy giáo lo sợ là phải, vì hơn ai hết, thầy biết trước sẽ đến ngày người học trò thân yêu ấy trực tiếp quyết định vận mạng của triều Nguyễn. Một lời của Huệ, một cử chỉ của Huệ là mệnh lệnh tuyệt đối cho phép một ông hoàng được sống hay phải chết. Và cái lúc thầy sợ, đã đến rồi đây!

Có nên tha chết cho Tần Chính vương và đám quan lại theo hần không? Nếu để cho họ sống, thì chuyện gì sẽ xảy ra? Họ sẽ bằng lòng làm một người dân ngoan ngoãn lương thiện của triều Tây Sơn ư? Họ sẽ bẻ hết gươm giáo, đích thân chiêu hàng những kẻ cố chấp còn

lẩn lút tụ họp để, cơ hội đến, lại khởi loạn chống phá Quy Nhơn ư? Nhất định bọn họ không làm như vậy. Được tha chết, họ lại về con đường cũ. Họ khẳng khẳng đi ngược chiều gió, khư khư ôm lấy cái ý niệm trung quân hẹp hòi đã ảm mốc. Làm sao cải hóa họ được? Huệ nhìn ngọn đèn. Cái vệt nhòe vàng óng không che lấp được nỗi hoang mang. Làm sao đây? Có cách nào khác không? Viên tướng trẻ nhớ lời tránh né khéo léo của mình khi đáp lời thầy. Ông nhớ có nhắc đến những cơn bão mạnh hơn cả ý muốn của từng người, ý muốn của ông, ý muốn của thầy ông. Một thứ sức mạnh vượt khỏi tầm tay của từng cá nhân, dù họ ở vào địa vị tướng như có thể quyết định tất cả chiều hướng của lịch sử. Ông lẩm bẩm:

– Không còn cách nào khác! Họ đã

chọn chùa Kim Chương để thay bậc đổi ngôi cho nhau, thì ngày mai, họ cũng phải vĩnh viễn bị đào thải tại chùa Kim Chương. Không có cách nào khác!

Ngày 19 tháng chín năm 1777, Tân Chính vương và mười tám thuộc hạ bị hành quyết tại ngôi chùa lớn trên gò Tân Triêm ấy, đúng với những trùng lập đầy ý nghĩa của lịch sử và cuộc đời.

✱

Tháng Chín Đinh dậu, được tin Điều khiển Hòa ở Long Hồ (Vĩnh Long) báo cho biết hiện Duệ Tôn đang ở Cần Thơ với Mạc Thiên Tứ, Nguyễn Huệ cầm quân đổ về phía đó. Con Mạc Thiên Tứ là Mạc Tử Duyên dẫn quân ra chống cự. Cuộc chiến đấu bất phân thắng bại, nhưng càng

ngày quân Mạc Thiên Tứ càng núng thế. Thiên Tứ lo ngại, đưa Duệ Tôn qua Kiên Giang để nếu có chuyện không may xảy ra, có thể chạy trốn qua Tân Dương đảo.

Dọc đường Duệ Tôn lo lắng hỏi Thiên Tứ:

– Thế giặc hiện đang hùng hậu lắm. Chúng ta đã đến nước này, liệu còn có chút hy vọng khôi phục xã tắc được không?

Thiên Tứ ứa nước mắt, không dám trả lời. Một lúc sau, viên lão thần mới rụt rè đề nghị:

– Thần xin sẵn sàng liều thân vượt biển qua Quảng Đông cầu viện với Thanh triều, xin cất quân sang đây tiêu diệt bọn hung tàn để khôi phục xã tắc. Thần lamen nghĩ nếu không tính đến giải pháp đó,

thì nhất định không còn chỗ nào để ta trú thân nữa!

Duệ Tôn mừng rỡ như người sắp chết đuối chụp được miếng ván trôi. Thiên Tử sai thuộc hạ đưa Duệ Tôn đi Tân Long, còn ông thì ở lại Kiên Giang đợi thuyền đi Quảng Đông.

Duệ Tôn chạy về Tân Long (Long Xuyên) nhưng quân Tây Sơn đã đuổi kịp đến nơi. Chúa cùng Nguyễn Phúc Đồng (anh Nguyễn Phúc Ánh) và cha con Chưởng cơ Trương Phúc Thận, Lưu Thủ Lượng, Tham mưu Nguyễn Danh Khoáng đều bị bắt.

✱

Khi truy quét các căn cứ quân Đông Sơn ở Cần Thơ, Huệ khám phá ra nhiều

xác chết quan quân Tây Sơn từng bị địch bắt làm tù binh. Trong lúc hoảng loạn tháo chạy, Đông Sơn đã tàn sát vội vã và dã man những người bị họ cầm giữ, diệt khẩu để bảo vệ an toàn trên đường rút lui. Trong một đồng xác bê bết máu, mặt mũi biến dạng vì lấm bùn hoặc sưng lại ở nét đau đớn kinh hãi tột độ, Huệ ngỡ ngỡ nhận ra một người hao hao giống Chinh.

Chưa dám tin mắt mình, Huệ cho gọi Lãng đến. Không thể lầm lẫn được, nhất định đây là xác Chinh. Cả Lãng lẫn Huệ đều sững sờ trước thi thể bấy nhầy lấm lem của người bạn, người anh xấu số.

Không cần nghĩ nhiều, Lãng đã hiểu hết mọi sự!

Anh đã được nhiều con buôn Hoa kiều ở Sài Côn cho biết đi đâu Lý Tài cũng dẫn Chinh theo. Kể cả trong cuộc rút chạy khỏi Sài Côn về phía Hóc Môn. Ở đây, khi buộc phải liều mạng chạy về hướng Ba Giồng để thoát cuộc bao vây nguy hiểm của Tây Sơn, Lý Tài đã bị quân Đông Sơn phục kích giết chết. Chinh bị Đông Sơn bắt, và mấy tháng qua, có lẽ vì cần khai thác tin tức Hòa nghĩa quân hoặc hy vọng dùng Chinh để đổi chác gì đó với Tây Sơn, nên Đỗ Thành Nhân vẫn chưa giết Chinh. Cho đến lúc Đông Sơn tan tác thì Chinh không cần thiết cho họ nữa!

Lăng không dám nhìn xác anh. Mùi máu tanh khiến Lăng muốn nôn mửa. Ruồi nặng bầu đầy ở chỗ có máu đọng, nhất là ở chỗ hai con mắt của người chết. Huệ dùng kiếm lật ngược xác chết

lại, thấy có nhiều vết đâm ở sau lưng, và một vết chém thật sâu ở ót. Tóc bết máu, khô thành một mảng cứng nhưng không che nổi vết thương hở miệng đỏ bầm. Tự nhiên Lãng choáng váng, ngây ngây như bị say rượu. Càng lúc anh càng cảm thấy dạ cồn cào, và cơn nôn thôi thúc gấp hơn. Nước chua đã lên đến cuống lưỡi. Vắn quay lưng về phía xác Chinh, Lãng cúi gập người xuống, nôn ói một thứ nước chua và đắng lên hai bàn tay run rẩy.

Huệ đến vỗ vai Lãng lặng lẽ an ủi, sai lính đem đến cho Lãng cái khăn ướt để lau mặt. Đến lúc đó, Lãng mới nức lên khóc. Huệ an ủi viên thư ký thân tín:

– Thôi Lãng đừng buồn. Thời loạn, làm sao...

Huệ không tìm được ý nào thích hợp với hoàn cảnh mà không xúc phạm

đến tự ái gia đình của Lãng, nên ngưng ở lưng chừng.

Lãng vừa khóc vừa nói:

– Cha em mà biết được tin thì...

Huệ vội nói:

– Vâng, điều quan trọng là phải lo cho người còn lại. Phận Chinh coi như xong. Phải báo tin cho thầy thế nào để thầy bớt đau khổ.

Và hạ thấp giọng xuống vừa đủ cho Lãng nghe, Huệ tiếp:

– ... Cũng như để tránh những rắc rối vô ích cho gia đình.

Lãng đưa tay áo lên chùi nước mắt, ngược lên nhìn Huệ. Anh xúc động trước sự ân cần lo lắng của Huệ đối với gia đình mình, đồng thời cảm phục sự

trông xa của Huệ. Lãng lo lắng hỏi:

– Bây giờ làm gì nữa đây, anh?

Huệ bảo:

– Ta lo ngay việc chôn cất cho Chinh. Lãng ra gọi Cai cơ Chấn vào đây. Bảo luôn Tư khấu Uy là tôi cần gấp gấp ông ta để bàn việc.

Huệ giao cho Cai cơ Chấn điều khiển việc khâm liệm tống táng cho tất cả những nạn nhân bị quân Đông Sơn giết. Tư khấu Uy thì tổ chức một lễ tế các chiến sĩ Tây Sơn vì bất khuất cho đến cuối mà bị kẻ thù ám hại. Chinh được kể như một trong những chiến sĩ bất khuất ấy, vì “dù bị Lý Tài ép buộc phải trốn vào Gia Định, sau đó dù bị quân Đông Sơn tra tấn dã man để lấy tin tức nội tình Qui Nhơn, Chinh vẫn khôn khéo và can

đảm tránh né, tuyệt đối không khai điều gì quan trọng có hại cho Tây Sơn”.

Huyền thuyết đó do Huệ gợi ý, và Lãng diễn lại bằng văn trong bài văn tế dài hai trang giấy bản.

Huệ tự an ủi là đã phần nào thực hiện được lời căn dặn của thầy. Ông gặp Chinh quá trễ, nhưng dù sao, ông cũng đã cứu Chinh khỏi đồng bùn nhơ của phản bội, và biến cái chết tủ nhục của Chinh thành một thứ huyền thoại. Ông đã đền ơn thầy bằng cách đưa Chinh trở lại hàng ngũ vinh quang của bè bạn, giải thoát cho Chinh khỏi cái chết dấm dúi lấm láp để đưa vào sự sống vĩnh cửu.

Nhưng một phần nào đó, do xúc động trước xác chết bấy nhầy ghê rợn của Chinh mà viên tướng trẻ tuổi đã mạnh dạn chối từ lời căn dặn thứ hai

của thầy giáo: ngày 18 tháng Mười Đinh Dậu (1777), Nguyễn Huệ ra lệnh hành quyết Duệ Tôn, Nguyễn Phúc Đồng, cha con Trương Phúc Thận, Lưu Thủ Lượng, Nguyễn Danh Khoáng cũng tại sân chùa Kim Chương.

Và cũng như Tân Chính vương một tháng trước đây, hình ảnh cuối cùng Duệ Tôn ghi nhận trước lúc lìa đời là những xác lá bàng khô rải rác trên sân chùa.

Chương 44

Đạo quân chiến thắng vừa cập bến Thị Nại, thì Nội hầu Phạm Ngạn đã chờ sẵn trên bến chuyển lệnh của Tây Sơn vương, là tất cả tướng sĩ dừng chân tại chợ Giã một vài hôm để Qui Nhơn kịp tổ chức một cuộc tiếp đón thật long trọng. Nhạc không muốn dân phủ hoang mang chứng kiến cảnh đạo quân bách chiến bách thắng quần áo xốc xếch, dáng điệu uể oải lê bước nặng nhọc giữa những người hiếu kỳ. Sau một cuộc hành trình dài, Nhạc muốn tướng sĩ được nghỉ ngơi để lấy lại sức, chỉnh đốn lại đội

ngũ, lau chùi lại gương giáo, và với dáng điệu hăm hở hùng dũng, những kẻ chiến thắng sẽ rầm rập tiến qua phố phường, làng mạc sặc sỡ cờ phướn, hoa giấy, đèn lồng. Nhạc muốn cuộc khai hoàn trở thành một kỷ niệm khó quên trong tâm khảm dân chúng.

Lãng nóng ruột không chờ đợi được, nên xin phép Huệ cho mình được về thăm nhà trước. Huệ hiểu tâm trạng đau đớn của Lãng nên chấp thuận ngay. Lãng dùng ngựa từ chợ Giã chạy gấp lên Bằng Châu để thăm gia đình. Cùng đi với Lãng, có một anh lính trẻ khác cũng xin phép về trước vì mẹ già đau nặng, khẩn gấp đưa con út về để trời trăng.

Cả hai người lính trẻ đều có những nỗi lo riêng nên từ lâu cưỡi ngựa đi bên nhau mà không ai nói với ai lời nào. Họ gò người trên lưng ngựa, cố thúc cho

ngựa chạy nhanh hơn. Hai con ngựa trạm loại khỏe nhưng không chiều được tâm trạng hồi hả của những người lính. Tiếng vó ngựa rời rạc dần, mồ hôi đầm ướt bộ lông mượt. Họ đành phải cho ngựa đi chậm lại, nhờ thế câu chuyện thăm hỏi mới bắt đầu. Lãng được biết tình cảnh người bạn đường: một người mẹ hay đau yếu, một người vợ đảm đang hay khóc, và một đứa con nhỏ lên hai. Lãng hỏi:

– Liệu anh có về kịp không?

Người bạn đường đáp:

– Chắc kịp. Tôi nghe nói có nhiều trường hợp người hấp hối cứ thoi thóp dật dờ như vậy cả tuần, đôi khi cả tháng để chờ con hay chờ chồng. Mãi tới lúc nhìn được người thân lần cuối họ mới yên lòng ra đi. Nhưng... nhưng tôi hy

vọng mẹ tôi vẫn mạnh khỏe khi tôi về.
Có thể người nhắn tin lầm lẫn sao đó.

Lãng buồn rầu nói:

– Anh còn may mắn hơn tôi. Anh mang nguồn vui về, còn tôi mang tin buồn về. Cho nên càng gần đến nhà, tôi càng ngại.

Người bạn đường e dè hỏi:

– Anh có thân nhân tử trận phải không?

Lãng ngập ngừng đáp:

– Vâng, nhưng... Vâng đúng. Anh tôi phải nằm lại Gia Định

– Xin chia buồn với anh. Anh ở đạo quân nào, mà tôi thấy quen mặt lắm. Hình như tôi có gặp anh nhiều lần rồi.

Lãng sợ người bạn đường biết tông tích mình, từ đó phăng lần ra câu chuyện phản bội của Chinh, nên đáp liêu:

– Không, tôi thuộc đội phòng thủ của Thị Nại.

Người lính nửa tin nửa ngờ, nhưng không tiện hỏi hết. Họ lại lặng lẽ đi bên nhau. Tiếng vó ngựa lóc cóc đều đặn trên đường lót đá. Người bạn đường suy nghĩ một lúc, rồi bảo Lãng:

– Anh không được dự trận này thật đáng tiếc.

Lãng tò mò hỏi:

– Đáng tiếc những gì vậy anh?

Người kia đáp:

– Anh không được dịp nhìn một vòm trời khác hẳn. Chúng ta quen được núi

bảo bọc che chở, nên khi đến một vùng phẳng lì chung quanh ngút ngàn đồng bằng và bãi đại, cảm tưởng của mình lạ lẫm. Hình như mình bị đi lạc vì không quen với sự trống trải.

Lãng thích thú hỏi thêm:

– Như vậy thì có gì đặc biệt mà phải hồi tiếc?

Người lính vội nói:

– Tại tôi không biết diễn tả đầy thôi. Đất trong đó rộng mênh mông, dân cư còn thưa thớt. Muốn khai khẩn bao nhiêu ruộng tùy ý. Chỉ sợ mình không đủ sức làm mà thôi.

Lãng không nghĩ như người bạn đường nên nói:

– Chỉ vì anh nhìn thấy đồng bằng

mênh mông tứ phía, nên vội nghĩ đời sống ở đó dễ dàng. Anh quên những bãi lầy nước mặn đó không trồng trọt gì được, chỉ cây dại như đước, ô rô, bình bát mọc mà thôi. Chỗ nào thuận lợi thì từ lâu đã có người chiếm ngụ rồi. Muốn khai khẩn đất hoang thì phải lên xa, vào sâu, nơi đầy rắn rít, muỗi mòng. Lại phải có sức, có tiền, thật nhiều tiền để thuê thêm nhân công. Vì vậy nếu chỉ vào đấy với bàn tay trắng, thì một là anh làm ruộng dạo cho các điền chủ, hai là anh bỏ thầy ở nơi nước độc hẻo lánh. Đất rộng, nắng mưa thuận lợi, khí hậu ôn hòa, bấy nhiêu chưa đủ đâu.

Người bạn đường có lẽ thấy Lãng nói có lý, nên xiu mặt, lặng lẽ bên Lãng không nói gì thêm. Một lúc sau, anh ta mới thở dài, than:

– Tại sao trời đất là của chung mà loài người không chịu chia phần cho đều, kẻ thì nhiều quá, kẻ lại chẳng có gì. Chúng ta có tham lam đâu. Chỉ cần một căn nhà nhỏ, ngày hai bữa cơm hẩm ăn với mắm, quần áo đủ che thân và chống rét buốt. Chỉ có bấy nhiêu, mà không tìm đâu cho được!

Lãng thêm:

– Bấy nhiêu đó chưa đủ. Phải có người cùng với mình chia sẻ vui buồn, phải có chỗ cột dây nôi, phải có tiếng con nít khóc oe oe, rồi phải có dịp cho nó reo đùa, cười cợt... Ai cũng phải có những quyền lợi đó chứ.

Người lính lắc đầu chán nản:

– Nhưng khó lắm. Thôi đừng nghĩ tới nữa.

Lãng cãi lại:

– Sao không nghĩ. Quyền của chúng ta mà. Chính vì muốn được có những quyền ấy mà anh phải vào tận Gia Định. Anh thấy không?

Người lính trẻ đáp lơ lửng:

– Có lẽ thế. Nhưng chuyện đó xa xôi quá. Mình biết gì mà lo. Trước mắt, tôi chỉ lo đã tới mùa mưa, không biết ở nhà bị đột vọt tôi nó có dám leo lên mái dột lại không. Hình như gần đây mưa to lắm phải không anh?

Lãng đáp liêu:

– Vâng. Mưa to lắm.

Người bạn đường chợt dạ, thúc ngựa chạy nhanh hơn:

– Vậy thì tôi phải về gấp. Đã đến ngã

ba rồi. Anh cũng rẽ phải chứ?

– Không. Tôi về Bằng Châu. Rẽ trái.

– Chào anh nhé.

– Vâng, chào anh. Hy vọng lúc anh về, bà cụ vẫn khỏe.

✱

Con Vện không nhận ra Lãng. Càng không chấp nhận được con ngựa lúc đó vừa thở phì phò vừa lấy chân trước cào cào lên mặt đường, làm tung một lớp bụi mỏng. Nghe chó sủa dữ, An hốt hải chạy ra cổng. Chị cũng không nhận ra em. Phải chờ đến lúc Lãng lên tiếng, An mới reo lên:

– Trời ơi! Lãng phải không? Đúng rồi, Lãng! Em về hồi nào? Chị lú lẫn quá

mất. Em về chiều nay mà còn hỏi là về hồi nào? Để chị mở cổng cho. Trong lúc An loay hoay kéo cái then cửa, Lãng cũng loay hoay với những câu hỏi khó đáp: Có nên báo ngay cho chị ấy biết không? Nếu ngại chị An đau khổ, thì phải chờ đến lúc nào? Báo cho chị An trước hay báo với cha trước? An thấy em đứng lặng bên mình ngựa, lo lắng hỏi:

– Em mệt lắm à? Dắt ngựa vào đi. Lại còn đi ngựa nữa! Oai gớm! Lãng biết không cả tuần nay khắp phủ nao nức vì tin chiến thắng. Mọi người trông ngóng thuyền về từng khắc từng giờ. Em dẫn ngựa vào đi! Sao đứng đực người thế?

Lãng vừa dẫn ngựa vào cổng vừa hỏi chị:

– Cha có nhà không chị?

An tránh xa con ngựa vì nó đưa mõm
ngửi lưng chị, hấp tấp đáp:

– Có, có. Chắc cha sẽ mừng lắm. Để
chị gọi cha dậy nhé?

Lãng cột ngựa vào gốc cây ổi, quay
lại hỏi:

– Cha đang ngủ hử chị? Giờ này...

An đoán được ý em, trả lời:

– Không. Mấy hôm nay cha hơi mệt.

– Có nặng lắm không?

An vội trấn an:

– Không đâu. Vẫn cái chứng khó
ngủ. Em vào tắm rửa qua loa rồi hãy lên
gặp cha. Góm bụi bặm đầy cả thế kia!

Lúc đó có tiếng trẻ con khóc chát
chúa ở phía nhà ngang.

An lo lắng nói:

– Lại chộc cho thằng Phát nó khóc rồi. Con nhỏ không được tích sự gì cả. Em vào đây chị múc nước cho rửa mặt. Vào đây. Ủa, em không có mang quần áo gì cả à?

Lãng đáp:

– Quân còn nghỉ dưỡng sức ở dưới chợ Giã. Em xin anh Huệ cho về trước để...

An hạ thấp giọng hỏi:

– Anh ấy có bị thương nặng lắm không?

Lãng kinh ngạc hỏi lại:

– Chị nói ai bị thương?

An bối rối đến đỏ mặt, lí nhí nói:

– Thì anh Huệ. Có tin báo về bảo anh ấy bị chém ở tay.

Lãng cười lớn và nói:

– Thật tức cười! Anh ấy có bị ai chém đâu! Sao lại có tin động trời đó? À quên, có lẽ vì cái vụ... cái vụ tên tù binh liều lĩnh khiến anh ấy bị sườn da mà...

An lo lắng hỏi:

– Vụ tên tù binh? Hóa ra anh ấy bị thương thật à?

– Không. Nói bị thương hoặc bị chém là sai. Không có gì đâu. Thiên hạ chỉ ưa thổi phồng cho có vẻ gay cấn.

– Thế mà chị tưởng... Được, mẹ vào ngay bây giờ. Thằng bé chướng quá, đòi bông cả ngày. Chị mới rời tay đi làm công chuyện là nó khóc thét lên. Mẹ vào

bây giờ. Như vậy là anh ấy không hề bị thương chứ em?

Lãng gật đầu rồi hỏi:

– Cháu Phát đã đỡ chưa chị?

– Em vào đây trông cháu thì rõ. Hết lở da, nhưng không hiểu sao nó cứ vỡ vàng. Thằng bé lại khóc tướng lên rồi! Em giữ bụi trên quần áo đi. Để chị bảo con ở mức nước cho.

An hấp tấp chạy vào ẵm con. Lãng thấy chị gầy hơn trước, quần áo xốc xếch lòi thoi, đầu tóc không chải nên rối bù. Anh cũng nhận thấy đôi mắt chị sáng khác thường, giống y như lúc An có mag lần đầu.

Đứa ở gái bưng thau nước ra cho Lãng. Anh nhờ nó múc cho một bát thóc và lấy một ít nước đem ra cho ngựa. Con

bé sợ không dám lại gần con ngựa cao lớn, nên Lãng phải rửa qua loa, rồi ra giúp con bé. An không thể kiên nhẫn chờ Lãng vào được, ẵm con ra tận gốc ổi để hỏi chuyện. Lãng nhìn cháu nhận xét:

– Nó có khá hơn nhiều chứ chị. Trông lớn hẳn lên.

An cúi xuống hôn con, rồi cười bảo em:

– Chuyện. Em đi đã hơn tám tháng rồi chứ ít sao. Vào Gia Định có khổ lắm không? Ở nhà, anh Lợi cứ thù người ra vì tiếc không được tham dự trận này. Chị tức quá, bảo...

Lãng cố lấy hết can đảm, ngược lên nói nhanh:

– Anh Chinh chết rồi chị An ạ!

An không nghe kịp câu nói lí nhí tiếng nọ lấp tiếng kia của em, nét mặt vẫn tươi cười, chị hỏi:

– Em vừa nói gì thế?

Lãng đứng thẳng người, lưng dựa vào gốc ổi, chậm rãi nhắc lại:

– Anh Chinh đã chết rồi!

An lặng người, mặt tái mét, môi trên co giật không nói được nữa. Lãng nhìn nét mặt thẳng thốt của chị, không dám nói thêm lời nào. Một lúc sau, An thì thào:

– Có thật không Lãng? Em có tin chắc chắn không?

Lãng đáp:

– Chính tay em với anh Huệ giúp khâm liệm anh ấy.

Nước mắt chảy lã lã trên đôi má xanh xao của An. Giọng An rạn vỡ, run run:

– Sao em không cho chị biết ngay từ lúc mới về?

Lãng cúi xuống nhìn đôi chân mình, đáp nhỏ:

– Em sợ...

An hấp tấp hỏi:

– Nhưng vì sao anh ấy mất? Chẳng lẽ trời khiến cho em với anh Huệ gặp anh Chinh trên chiến trường! Không phải vậy phải không, Lãng. Em nói đi, không phải quân ta, không phải em hay anh Huệ giết anh ấy chứ?

– Không đâu chị ạ. Chị khỏi lo. Anh Chinh bị bọn Đông Sơn giết, trước khi

tháo chạy khỏi Cần Thơ. Em đến đã thấy anh ấy chết rồi. Anh Huệ tìm thấy xác anh ấy trong đồng xác đầy máu me. Anh Huệ ngơ ngợ, không dám cả quyết, phải cho gọi em tới.

An mừng rỡ nói:

– Hay em nhận lầm xác người khác!

Lãng buồn rầu đáp:

– Không lầm được đâu. Em nhận ra được cái nút ruồi trên vành tai trái, và cái răng hủ.

Không còn hy vọng gì nữa, hai chị em đứng lặng bên nhau. Lãng đau đớn nhìn chị khóc thút thít trong khi thằng Phát ngo ngoạy trên tay mẹ, ngơ ngác nhìn Lãng rồi lại nhìn con ngựa.

Lãng hỏi An:

– Có nên cho cha biết tin ngay không chị

An giật mình đáp:

– Chậm chậm đã, em. Chờ lúc nào thuận tiện hãy cho cha biết. Cái thằng nhỏ này! ồm tong ồm teo mà lại thích ngựa. Em vào nhà nghỉ đi. Có lẽ sau bữa cơm tối, em hãy báo tin cho cha.

*

Bữa cơm đoàn tụ dưới ánh đèn dầu lay lắt thật lặng lẽ, gần như buồn bã, vì An, Lợi và Lãng đều sợ chạm đến những điều mà họ biết rõ ông giáo rất sợ phải nghe. Người mà họ mừng vui vì được trở về an toàn là Lãng. Nhưng hỏi thăm chuyện Lãng thì động đến chỗ nhạy cảm nhất của ông giáo. Cho nên câu chuyện

họ trao đổi cho nhau thật rời rạc, nhạt nhẽo. An sẵn đón, mời em ăn thử thức này thức kia, nói chuyện giá cả, và những điều ngộ nghĩnh của con. Lãng và Lợi mon men khảo chuyện phong tục, và cảnh vật Gia Định. Mỗi người nhìn vấn đề theo cách khác nhau, nhiều khi mâu thuẫn gay gắt, nhưng thấy ông giáo dăm chiêu suy nghĩ, họ không dám tranh luận cho rốt ráo. Gần đến cuối bữa, đột nhiên ông giáo hỏi Lãng:

– Hôm Chúa tuần nạn, mày có mặt ở đấy không?

Lãng lo sợ, hỏi lại:

– Thưa cha, chúa nào ạ?

Ông giáo cười cay đắng, rồi nói:

– Tao quên! Chúng bay giết một lượt cả hai chúa chứ không phải một.

Lãng liếc nhìn nét mặt giận dữ của cha, hỏi nhỏ:

– Cha đã biết tin rồi ạ? Con cũng định thưa với cha...

Ông giáo nôn nóng cắt lời con:

– Sao lại không biết. Chúng bay làm chuyện động trời như thế thì giấu ai được! Trời đất điên đảo cả rồi! Kỷ cương đứt tung cả rồi. Thật là hết, hết, không còn gì nữa!

An muốn cứu em, nhỏ nhẹ thưa với cha:

– Cha đưa con xới thêm chén nữa!

Ông giáo nhìn An, đáp cộc lốc:

– Thôi. Đủ rồi.

Nói xong, ông quay về phía Lãng hỏi tiếp:

– Tụi bay giết chúa ở đâu?

Lãng cảm thấy bị xúc phạm, tự nhiên bạo dạn hẳn lên. Anh đáp thật chậm thật rõ:

– Thừa cha ở chùa Kim Chương ạ!

Ông giáo lại được dịp hô hoán mai mỉa:

– Tụi bay khéo chọn chỗ để giết người! Ở chùa Kim Chương! Giết người ngay chỗ cửa Phật! Rồi tụi bay vút xác chúa dưới chân tượng Bồ Tát phải không?

Lãng mím môi, không trả lời. Anh giận cha, và trong một lúc bốc đồng muốn gây cho cha một nỗi đau đớn, Lãng buột miệng nói:

– Chúng con không dã man như chúng nó. Tra tấn tàn nhẫn rồi vút xác

thành đồng ở chỗ sinh lầy dơ dáy, chỉ có chúng nó mới dám làm mà thôi. Chính chúng nó, chính bọn Đông Sơn dưới tay chúa đã hành hạ rồi giết anh Chinh như vậy!

Ông giáo giật mình ngừng lên nhìn Lãng, nét mặt vừa ngỡ ngác vừa lo âu:

– Mà nói cái gì?

Lãng đáp nhanh:

– Thưa cha, anh Chinh đã chết rồi!

Ông giáo dăm dăm nhìn con, như nghi ngờ cái tin dữ Lãng vừa thốt ra. Cả người ông lạnh toát. Hai tay ông phải níu vào mép bàn cho bớt run. Mắt ông hoa. Ông nghe loáng thoáng lời Lãng giải thích thêm về cái chết của anh. Ban đầu ông nghe tiếng được tiếng mất. Nhưng khi xúc động lắng xuống, ông nghe rõ

hơn. Lãng kể từ đầu đến cuối, từ lúc Huệ gọi anh đến để nhận diện xác chết cho đến lúc làm lễ tế chiến sĩ trận vong. Càng nghe Lãng kể ông càng bình tĩnh hơn, hiểu con và hiểu học trò hơn. Đến lúc Lãng dứt lời, ông giáo cúi mặt suy nghĩ thật lâu, bàng hoàng, hoang mang giữa yêu ghét, khâm phục và căm giận. Ông muốn nói với các con ít lời cho chúng bớt lo lắng, nhưng không biết nói điều gì, nói thế nào. Lãng đến bàn nước rót cho cha một chén nước trà. Ông lặng lẽ uống cạn, rồi đứng dậy bỏ đi lên nhà trên.

Những hôm tiếp theo, ông giáo trải qua những tâm trạng phức tạp, kỳ dị. Cả người ông nóng ran, trong lúc cảm giác lạnh lạnh cứ lan man ở dọc xương sống, đỉnh đầu và hai bên thái dương. Vì tim đập mạnh nên ông không tài nào chợp

mất được. Đã từng thức trắng nhiều đêm trong đời, nhưng chưa bao giờ thính giác của ông nhạy cảm bằng lúc này. Ông nghe rõ từng tiếng động nhỏ trong căn nhà tối, từ tiếng một gậy trên đầu kèo cho đến tiếng một tiếng lá rụng bên cửa sổ. Những tiếng động ấy có sức âm vang dài lâu, đến nỗi tiếng nọ chập trùng lên tiếng kia, lớp lớp chồng chất thành một mớ hỗn độn ồn ào. Ông run sợ trước thứ âm thanh kỳ lạ đó, nhiều lúc phải bịt hai tai lại để đỡ giấc ngủ.

Chợp mắt được một lúc, tiếng đập ma quái loảng đi thì lại đến lượt tiếng con Vện sửa.

Ban đầu, ông nghĩ con chó sửa dọa những đứa trẻ rần mắt chui vào vườn hái trộm ổi. Nhưng về sau, tiếng chó sửa có vẻ hốt hoảng, gần như tiếng kêu cứu. Ông giáo ngồi bật dậy, không thắp đèn vì sợ

đánh thức các con và người làm, ông lần mò trong đêm tối, se sẽ mở cửa sổ nhìn ra vườn. Ông thấy con Vện đứng ở phía trong cổng chỗ mồm ra ngoài đường sửa ăng ăng không thôi. Đột nhiên ông nhớ lại người khách lạ từng đến tìm ông buổi chiều hôm ấy. Thứ ám ảnh phai nhòa mấy tháng nay lại hiện về. Ông vội vàng đóng kín cửa sổ, ngồi thừ trên giường suy nghĩ:

– Hay ông khách đã trở lại? Mà tại sao trở lại vào lúc đêm hôm, và đứng ngoài đường chứ không gọi cổng? Ông ta là ai? Ông ta muốn gì?

Sáng hôm sau, ông giáo trách các con ngủ quá say, đến nỗi chó sủa thâu đêm mà không ai hay biết gì cả. An lấy làm lạ vì đêm đó thẳng Phát nóng mình trần trở khóc lóc mãi nên quá khuya An vẫn chưa nhắm mắt nổi, thế mà An

có nghe chó sủa đâu. Lợi thì quả quyết đêm hôm trước con Vện nằm dài gần bếp lửa vì sợ lạnh, không dám chạy ra khỏi nhà. Nhưng hai vợ chồng không dám nói những điều đó với cha, chỉ nhìn nhau ái ngại. Ông giáo ra xem lại cửa cổng, xác định vị trí con Vện đứng sủa hồi hôm. Sương đêm nhuộm nâu lớp đất bùn trong vườn. Ông giáo tìm mãi vẫn không thấy dấu chân con Vện ở chỗ ông thấy nó hoảng hốt sủa vang đêm trước.

Ông nghi ngờ trí óc mình, hoang mang không hiểu mình đang mê hay tỉnh. Không thể nào ông mê được, vì ông biết rõ mình đang làm gì, đang nghĩ gì. Chẳng hạn ngay lúc đó ông đang nghĩ đến cảnh Tân Chính vương ra pháp trường, và cái chết của Chín. Ông nôn nao chờ đêm về!

Ông lại nghe tiếng chó sủa y như

đêm trước, và đâm sợ hãi. Ông giáo tự nhủ: Như vậy là mình đã lầm. Người khách lạ không ai khác hơn là một bóng ma đến tìm ông vì cùng một thanh khí. Đó là hiện thân của thần Chết chứ không phải là thần May mắn. Người khách lạ đến để vấn tội ông, cái tội nhúng tay vào trò chơi lớn làm đổ máu biết bao nhiêu sinh linh, trong đó có cả chúa, các bậc tôi hiền, kẻ đạo đức, người vô tội yếu ớt, và cả đứa con trai của ông nữa!

Càng nghĩ ông giáo càng sợ! Từ đó về sau, suốt ngày ông đóng kín cửa nằm trong phòng nghe ngóng từng bước chân, từng tiếng động nhỏ. Ông nhắc An khóa hẳn cửa cổng. Vẫn chưa an tâm, vì lũ trẻ hàng xóm có thể chui qua rào gai vào vườn hái ổi! Nếu ông khách muốn, ông ta dễ dàng tìm được lối vào vườn mà khỏi phải chờ ai mở cổng. Tốt hơn hết là

phải cài thật chặt cửa ra vào phòng. Ông lấy dây mây buộc kỹ các cửa sổ. Phòng ông nằm trở nên ngột ngạt, tối tăm. Muốn đọc sách hay làm việc gì, ông phải thắp cái đèn dầu. Cái tiếng động ngoài vườn vẫn đủ sức làm ông lo lắng, và ngay trong phòng, cái bóng ông in trên vách nhiều lúc khiến ông giật mình.

An và Lãng tưởng sức khỏe của cha suy giảm nên mới sợ gió quá mức như vậy, hai chị em hết sức lo lắng. Lợi chạy đi báo cho Kiên hay tin. Họ bàn tán với nhau nên mời thầy thuốc nào, nên tắm bổ cho cha thức gì. Hết thầy thuốc này đến thầy thuốc khác, không có vị nào bắt mạch đích xác được căn bệnh ông giáo. Ông vẫn ăn uống, nói năng như một người khỏe mạnh. Nhịp mạch vẫn điều hòa. Có sự lạ là ông quá lo âu cho chuyện đóng cổng, khóa cửa, và e ngại thái quá

với mọi kẻ lạ. An hoang mang không hiểu nổi cha. Chị chỉ thực sự biết căn bệnh của ông giáo khi con Vện rượng đực bỏ nhà đi suốt mấy hôm mà ông giáo vẫn than phiền về tiếng chó sủa!

Thấy cha ngại ngùng, đôi lúc gần như hoảng hốt, khi bước ra khỏi phòng xuống nhà ngang dùng cơm, An bắt đầu dọn riêng một mâm nhỏ bưng vào cho ông giáo. An nhận được của cha nụ cười biết ơn, và chỉ có thế thôi. Mỗi lần xô cánh cửa hông lên gặp cha, An đều thấy ông giáo tỏ vẻ lo lắng, hoặc sợ hãi. Phải một lúc lâu ông mới nhận ra con gái, lúc ấy nét mặt ông trở nên cau có, giận dữ. Cho nên trừ trường hợp thật cần thiết, An ít khi làm phiền ông giáo. Từ nhà ngang, chị chỉ nghe tiếng cha ho hoặc khạc nhổ, tiếng chân di chuyển nhẹ từ chỗ nằm đến cửa lớn, cửa sổ, như một bà

già lắm cảm lo sợ kẻ trộm lẻn vào lấy mất số tiền dành dụm cả đời mình.

Các dấu hiệu đáng ngại ấy khiến các con ông giáo đau xót. Họ cảm thấy cha già đã thuộc vào một cuộc đời khác, một thế giới xa lạ, huyền hoặc mà họ không hiểu hết. Người đau xót hơn hết là An.

Lợi được chuyển từ kho quân lương sang giúp cho Năm Ngạn điều khiển việc xây dựng thành Chà Bàn và hành cung ở Kiên Thành, suốt ngày bận túi bụi, đến tối mới về ăn vài bát cơm là lăn ra ngủ. Lãng đã trở về trại. Kiên cũng thường đến thăm cha, nhưng hồi gần đây người vợ lớn hơn anh cả mười tuổi có mang khó ở, Kiên phải vừa lo việc ở sở vừa lo cai quản cái quán rượu đang đông khách. An một mình lo âu và săn sóc cha, săn sóc đứa con đầu ốm yếu, và cả cái thai mấy tháng của mình. Chị sống cách biệt hẳn

khỏi không khí nô nức rộn rã chung của xã hội bên ngoài. Tin tức về những cuộc đón rước náo nhiệt đoàn quân chiến thắng trên phủ, về những loại huyền thoại mang từ vùng đất mới chinh phục ra Quy Nhơn, về những công cuộc xây dựng cho một kinh đô mới trên nền khu thành cổ của dân Chăm, về hào quang của Nguyễn Huệ, lạ lùng thay, không ảnh hưởng nhiều đến An. Chị thấy bao nhiêu biến cố đó hoàn toàn xa lạ với chị. Chị hoàn toàn đứng đưng. Không phải An lạc lõng trong vận hội mới. Nhưng trước mắt An, có những mối bận tâm trực tiếp còn quan trọng hơn cả mọi biến cố lịch sử. Nào cha trở thành dờ dẩn, nào Chinh chết bi thảm, con đau yếu, thân thể vật vã vì cái thai khá lớn... bấy nhiêu điều nặng nề chồng chất lên đôi vai ồm!

May cho An là vào giai đoạn khốn

khổ ấy, Thọ Hương thường đến thăm nom, chuyện trò. Bẵng đi một thời gian khoảng hai tháng không thấy Thọ Hương đến chơi, An tưởng cô bạn gái có những mối bận tâm hoặc công việc phải làm do ràng buộc của địa vị mới. Một quận chúa, một thành viên của gia đình đã trở nên vương giả, một người vợ dù là bất đắc dĩ của Đông cung, cố nhiên Thọ Hương phải cố gắng để sống cho đứng với trách vụ của mình. An không hề thắc mắc vì sao Thọ Hương không đến thăm mình đều đặn như trước. Mãi tới hôm Thọ Hương đến, An mới vỡ lẽ: Suốt hai tháng qua Thọ Hương bị một trận thương hàn suýt chết. Người cô vẫn còn ốm xanh, tóc rụng nhiều, đến nỗi Hương phải choàng lên đầu một cái khăn đoạn màu vàng.

Có thể vì vậy mà hai người bạn gái dễ dàng thông cảm nhau! Thọ Hương

thương hại cho tình cảnh An. An thương hại cho tình cảnh bạn. Cái chết của Đông cung cứ chờn vờn trong câu chuyện của hai người, biến tất cả những lời họ nói thành những lời an ủi xa xôi, khích lệ bóng gió. Họ bùi ngùi nhìn nhau, ghi nhận gương mặt xanh xao, đôi mắt buồn bã của nhau, và cảm thấy gần gũi quyến luyến nhau hơn bao giờ hết!

An hỏi thăm Thọ Hương:

– Em đã khỏi hẳn chưa mà đến thăm chị?

Thọ Hương đưa tay lên vuốt má mình, gượng cười đáp:

– Chưa khỏi hẳn. Nhưng em nằm nhà hoài không chịu nổi nữa. Chị có cái gương cho em mượn đi.

An nói dối:

– Có một cái bị thằng cháu Phát nó đập vỡ mất rồi. Từ ngày đi lấy chồng, chị cũng không cần đến cái gương cái lược nữa.

– Em cũng thế. Nhưng tự nhiên hôm nay...

An cướp lời bạn:

– Em phải khác chứ. Đằng nào ở vào địa vị em, không thể ăn mặc xuề xòa, tóc tai bỏ mặc như chị được.

Thọ Hương buồn rầu nói:

– Địa vị em? Địa vị em cao cấp thế nào hở chị? Em đứng ở đâu đây? Em có còn là con gái của ba em nữa không? Có còn...có còn là...là một người đàn bà đã có chồng nữa không? Em còn là con gái hay em đã thành bà góa? Chị trả lời giùm cho em đi!

An ái ngại nhìn khuôn mặt xanh xao và thảng thốt của bạn, không biết trả lời thế nào. Chị tìm cách xoay câu chuyện sang hướng khác. An hỏi:

– Nghe anh Lợi bảo khu thành mới sắp xong rồi. Cái hành cung ở trên Kiên Thành cũng vậy. Ít lâu nữa, em ở dưới này hay lên Kiên Thành?

Thọ Hương suy nghĩ một lúc, rồi đáp:

– Có lẽ em lên Kiên Thành. Các anh chị Bảo, anh chị Nhậm, anh chị Trị ở dưới này với cha em là phải. Họ có nhiều việc phải làm. Còn em? Em biết làm cái gì bây giờ? Em không thuộc về ai cả, không thuộc vào cái gì hết. Người ta xem em là thân thuộc đáng thương cũng được, khi kinh cãi ganh ghét thì xem em là kẻ thù cũng được. Đôi lúc em cũng không biết

em nữa. Em tự hỏi: Em phải xem cha em như đấng sinh thành hết lòng thương yêu mình, hay phải xem cha em như kẻ thù.

An lo ngại, vội nói:

– Em đừng nói đại. Sao độ này em lẫn thần thế. Hồi thằng Phát đây thàng, chị thấy em vui vẻ, yêu đời lắm mà!

Thọ Hương ngượng nghịu, phần nào hối hận vì đã nói liều trong cơn phần chí, nên đáp nhỏ:

– Có lẽ vì đau yếu nên em đâm buồn bực, lẫn thần đấy!

An tìm cách an ủi bạn:

– Chị cũng thế. Đôi lúc quá khổ, chỉ muốn chết cho rảnh nợ. Mà chết lúc này đáng tiếc thật hử Hương? Chung quanh

đây ai ai cũng nô nức, hăm hở chờ đón những điều mới mẻ, lạ tai lạ mắt. Em có đi thăm khu thành mới chưa?

Thọ Hương bẽn lễn đáp:

– Chưa, chị ạ. Em là người trong nhà mà giống như người ngoại cuộc. Nghe các chú chê thành hơi thấp, và hẹp. Còn mẹ và em thì chỉ chú trọng đến thành cung trên quê mà thôi!

– Vậy là em sẽ về Kiên Thành sống với bà?

– Dạ, có lẽ thế.

An thở dài nói:

– Chị lại sắp xa một người bạn thân.

Thọ Hương vội nói:

– Nhưng chưa có gì chắc chắn đâu.

Nhiều khi em đổi ý bất ngờ. Em không hiểu em muốn gì, nên mẹ em bảo em phát khùng mất rồi. Nếu được phát khùng, em...

An lại cắt lời bạn:

– Đừng nói dại. Ấy chết, chị lú lẫn quá rồi. Có khách vương giả đến chơi mà không có lấy một bát nước trà loãng để mời. Gái ơi, gái.

Thọ Hương xua tay can:

– Khởi cần khách sáo làm gì, chị. Em đến nói chuyện với chị là đủ vui rồi. Anh đâu rồi chị?

– Anh ấy bận liên miên. Thành sắp xong, chắc anh ấy sắp được rảnh rồi một chút.

Thọ Hương vội hỏi:

– À, hóa ra anh Lợi đã qua làm chỗ chú Năm Ngạn. Thảo nào!

An lo ngại hỏi:

– Thảo nào là thế nào, Hương?

Thọ Hương thấy mình nói hớ, vội bảo:

– Thôi, chú Năm Ngạn nói cũng không đáng tin đâu.

An không chịu thua, giục bạn:

– Em đừng ngại. Có gì cứ nói thẳng với chị.

Thọ Hương nói:

– Không có gì quan trọng đâu. Tính chú Năm, chị biết rồi. Vả lại hai người một già một trẻ lại khác tính nhau, làm sao tránh khỏi xích mích.

Rồi không muốn đi sâu thêm vào chuyện rắc rối, Thọ Hương bảo:

– Lúc nào rảnh, chị lên đăng em chơi.

An cười gượng nói:

– Em thấy đấy, một mình chị lo đủ đường, cha chị như vậy, con chị như vậy. Phần chị lại bụng mang dạ chửa!

– Thế thì chị cho phép em đến đây thăm chị vậy. Chị có chán en lẫn thẩn không?

An vui mừng nói:

– Không đâu. Sao em lại nói thế? Chị chỉ mong em có thì giờ đến thăm chị luôn. Chị chờ em đấy!

✱

Những lần sau, Lãng có gặp Thọ Hương tại nhà mình.

Anh không nhận ra ngay cô gái út của Tây Sơn vương!

Lãng ngờ ngợ, không nhớ đã gặp thiếu phụ này ở đâu. Trước mặt anh là... là một người đàn bà, không, không hẳn là một người đàn bà, mà cũng không hẳn là một thiếu nữ. Con người ăn mặc sang trọng mà không chải chuốt choàng cái khăn vàng ấy có cái gì lưng chừng khó định lắm: nàng có những nét đậm đà u buồn chưa thể có ở một thiếu nữ, nhưng đồng thời cũng có quá nhiều vẻ e ấp bên lén để trở thành một thiếu phụ. Lãng liếc nhìn người phụ nữ da bánh mật đang cắn môi để giấu một nụ cười còn nhiều vẻ tinh nghịch, nhiều lần không dám lên tiếng hỏi chị. Hôm ấy Lãng trở về trại

sớm, nên không có dịp hỏi chị người phụ nữ ấy là ai.

Lần sau, khi nghe An bảo đó là Thọ Hương, Lãng vẫn không tin lời chị. Anh vẫn còn giữ ấn tượng khó chịu về quận chúa từ hôm gặp Thọ Hương ở đám đầy tháng cháu. Lãng nhớ gương mặt trang điểm kỹ càng của Thọ Hương hôm ấy, nhớ bộ quần áo đẹp đẽ và vẻ thỏa mãn tự tin của nàng. Lãng khó chịu vì phong thái tự đắc, anh nghĩ quận chúa phải có (nhất định phải có) sau khi Tây Sơn trại chủ chính thức xưng vương.

Hôm ấy Lãng gặp lại Thọ Hương. Nàng mặc một bộ quần áo lụa màu vàng nhạt. Khăn choàng đầu mầu nâu, làm nổi bật nước da bánh mật và hòa hợp trọn vẹn với đôi mắt đen và sâu, đôi môi mím nghiêm nghị.

Tuy đã được An báo cho biết Thọ Hương vừa mới bệnh dậy, nhưng Lãng vẫn khẳng khẳng nghĩ: Nhất định quận chúa không đau đớn vì bệnh thương hàn, mà đau đớn vì cái chết của Tân Chính vương. Càng ngắm kỹ, Lãng càng vững tin ở định kiến của mình: cái khăn choàng đầu màu nâu đậm kia có khác nào cái khăn của các bà vải, lại thêm đôi mắt u buồn ấy, dáng ngồi thờ ơ khép nép ấy, bàn tay ốm có nổi vài đường gân xanh xao ấy... tất cả là dấu hiệu của một thứ tâm bệnh trầm trọng, của một sự mất mát lớn lao, nói chung, của một nỗi thống khổ không lấy gì đo lường cho hết.

Lãng xúc động đến ngộp thở trước nỗi thống khổ da diết này! Anh không muốn về trại nữa. Cũng không thấy e ngại vì đã quấy rầy cuộc trò chuyện tự nhiên của hai người bạn gái. Có một sức

thu hút huyền bí níu chân Lãng lại. Lãng ngồi xuống cái ghế cạnh chỗ hai người ngồi, cổ thẳng sự nhút nhác để góp chuyện. Bằng một giọng run run vì lo ngại và thương xót, Lãng rụt rè hỏi Thọ Hương:

– Chắc quan Phụ chính đã giải bày với Quận chúa cả rồi. Quả tình không còn cách nào khác. Có những điều chúng ta không cưỡng được. Những điều xảy ra ngoài ý chúng ta, như là số phận!

Thọ Hương ngạc nhiên ngược lên nhìn Lãng, ngỡ ngàng trước cách xưng hô và những lời nói nghiêm trang khác thường giữa cuộc trò chuyện riêng tư thân mật này. Ánh nhìn của Thọ Hương vừa thích thú ranh mãnh vừa phảng phất vẻ giấu cợt. Lãng cảm thấy mình lỗ bịch, ngượng đến đỏ mặt. Nếu có thể chui xuống đất để trốn cái nhìn ranh mãnh

ấy, thì Lãng đã làm rồi. An cười lớn, nửa đùa nửa thật bảo em:

– Sao tự nhiên Lãng sính nói chữ thế?

Thọ Hương thấy Lãng quá bối rối, vội nói:

– Không phải đâu chị. Anh Lãng muốn an ủi em, nhưng sợ em buồn, nên nói quanh co thế thôi!

Rồi quay hẳn về phía Lãng, Thọ Hương cúi đầu lễ phép nói:

– Cảm ơn anh nhiều. Vâng, đúng là số phận của tôi chẳng ra gì!

Lãng bót ngượng, nên có thể tiếp nối lời khách:

– Quận chúa đừng nói vậy. Nếu người ta thực lòng thương yêu quận chúa, nhớ

tưởng quận chúa, thì quả thật không có nỗi đau đớn nào to lớn bằng. Nhưng chắc... chắc anh Huệ đã kể lại cho quận chúa lúc bắt được... lúc bắt được Đông cung...

Thọ Hương vội vã nói:

– Chú Tám không kể gì cho tôi nghe cả. Chú ấy tránh mặt tôi, làm như không có gì xảy ra ở Gia Định. Anh làm ơn kể cho tôi biết đi. Lúc bắt được... bắt được Đông cung...

Lãng rộn rãi vì sự sẵn đón chờ đợi của Thọ Hương, vội kể:

– Phải, lúc bắt được Đông cung ở đồn Ba Vác, anh Huệ có nhắc đến Quận chúa.

Thọ Hương không dần được tò mò, hấp tấp hỏi:

– Thật thế ư? Chú Tám nhắc thế nào?

Lãng hân hoan vì thấy mình quan trọng, chậm rãi đáp:

– Lúc Tân Chính vương từ trong đồn Ba Vác đi ra phía thuyền, anh Huệ hỏi thăm, rồi bảo: “Tôi mà làm suốt một chút da của Ngài thì về Qui Nhơn con cháu Thọ Hương không để cho tôi yên đâu!”. Nghe nói thế, Tân Chính vương...

Thọ Hương sợ sự thật phũ phàng, vội ngăn lời Lãng lại:

– Thôi, tôi biết rồi.

Lãng ái ngại nhìn Thọ Hương, lúc đó đang cúi gằm mặt xuống, vừa xấu hổ vừa đau đớn. Sau một lúc e ngại, Lãng nói nhỏ:

– Quận chúa không nên buồn. Con

người đó... con người đó... không đáng gì đâu!

Nước mắt lưng tròng, Thọ Hương run run nói với An:

– Cả em nữa, em cũng chẳng đáng gì. Em chẳng khác nào viên đá lót đường cho người ta dẫm lên trên. Thân em bị chà đạp, đau xót, lấm láp mà không ai thương xót...

Thấy Lãng nhìn mình xót xa, Thọ Hương càng nói quá đi để cảm động Lãng, rồi chính Thọ Hương cũng mũi lòng vì lời than vãn của mình. An thấy hai người im lặng, vội nói:

– Sao em chán nản thế, Thọ Hương? Em còn trẻ, đời còn dài...

Thọ Hương ngừng lên nhìn An, định nói điều gì, nhưng cổ đã nghẹn không

thốt nên lời. Nước mắt lăn từ từ trên hai má. Lãng không chịu được cảnh một người con gái khóc lặng lẽ, cúi gằm mặt xuống. An thấy tình thế khó xử, không biết phải làm gì để an ủi bạn. May mắn vào lúc đó, thằng Phát khóc ré lên trong buồng. An vớ dịp tốt kéo Thọ Hương đứng dậy, bảo bạn:

– Thằng bé lại nổi chứng rồi. Em vào đây xem giùm chị nó có khá hơn chút nào không.

Thọ Hương khẽ gật chào Lãng rồi đi theo An. Lúc hai người bạn gái đã vào hẳn trong buồng, Thọ Hương lấy hơi nhiều lần định nói, nhưng nàng chỉ cười bên lên, rồi thôi. An lấy làm lạ hỏi:

– Em định nói gì thế?

Thọ Hương chối:

– Em có định gì đâu!

An không hỏi thêm, cúi xuống gãi nhẹ vào lưng cho thằng bé ngủ lại. Thọ Hương nhìn hình dáng nặng nề của bạn, hỏi:

– Chị đã được mấy tháng rồi?

– Có lẽ năm, sáu tháng gì đó. Trông chị tức cười lắm nhỉ!

– Không đâu! Chị chỉ hơi ồm thôi. Bác đã khá chưa chị?

An nhớ đến cha, thở dài đáp:

– Vẫn vậy. Hình như cha chị luôn luôn sợ hãi cái gì đó, lúc nào cũng nơm nớp, chờ đợi, đề phòng.

– Lạ nhỉ! Chị An này.

– Gì thế Hương?

Thọ Hương liếc nhìn An, mỉm cười băng quơ, do dự, rồi lấy bạo hỏi bạn:

– Trông anh Lãng khác hồi trước nhiều, phải không chị?

An hỏi:

– Khác thế nào?

Thọ Hương bối rối, nói:

– Anh ấy có vẻ rắn rỏi hơn, mạnh bạo hơn. Ấy, cháu thức dậy rồi chị!

An vội gãi lưng con, à ời vài tiếng, rồi quay về phía bạn hỏi nhỏ:

– Năm nay em bao nhiêu tuổi.

– Mười chín, chị ạ.

– Vậy là thua Lãng ba tuổi. Nó đã hai mươi hai, còn nhỏ nhít gì đâu!

– Nghe chú Tám khen anh ấy có tài văn chương như bác. Hình như anh ấy được thưởng quân công đấy!

An cười bảo:

– Quân công? Em nói thực hay nói đùa? Nó cầm cái gươm còn chưa vững, nói gì đến chuyện đánh nhau ngoài mặt trận.

Thọ Hương hăng hái bên vức người vắng mặt:

– Đâu phải ra trận là phải biết cầm gươm. Có trí thông minh, thậm chí có tài làm thơ, viết hịch nhiều khi cũng bằng mười lần có tài múa kiếm. Không tin ngày mốt chị rán đi dự lễ mừng chiến thắng, sẽ rõ.

An thù người vì tiếc, trả lời:

– Chị thế này còn đi đâu được. Nghe nói suốt nửa tháng nay cả phủ như mở hội, phải không em?

– Em cũng chẳng biết nữa. Có lẽ thế.

Chương 45

Bấy giờ là mùa đông. Trời mưa tầm tã. Nước lụt tràn bờ sông, người ở chỗ đất thấp phải chuẩn bị dời thóc gạo đồ đạc lên các chỗ đất gò để tránh nước lũ. Đường đất sét phủ đầy một lớp bùn nhão màu hung cao đến ngập mắt cá. Việc đi lại khó khăn nhưng ở công trường xây thành Chà Bàn, công việc vẫn tiến hành khẩn cấp. Số dân phu tăng hơn cả mùa nắng. Trai tráng thì ngâm mình dưới làn nước bạc dùng mai xăn từng khối đất dẻo, rồi hụp xuống bê lên cho những người già cả khiêng, gánh,

xách, đội, vác đến tận chân thành.

Do đó người nào cũng lấm lem những bùn từ chân tóc đến quần áo, vừa thở phì phò vừa run cầm cập. Nước lụt tràn khắp vùng quanh chân thành, nhất là phía đông, nhưng căn cứ theo mực nước ngập đến thắt lưng hay đến cổ mà người ta phân biệt được chỗ nào đất chưa đào, chỗ nào đã thành đáy hồ. Dù có những cây sào tre còn để nguyên chóp lá cắm mốc, nhưng không thiếu những kẻ sơ ý hụt chân, ngã xuống vùng đất thấp. Theo dự kiến, sau khi đắp xong thành, sẽ có một cái hồ rộng ở mặt đông để trồng sen.

Trong nhà chòi lợp tranh dùng làm chỗ làm việc của ban chỉ huy công trường, Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc, Thiếu phó Nguyễn Lữ, Phụ chính Nguyễn Huệ, Nội hầu Phạm Ngạn đang đứng quanh cái

sạp liếp tre dùng làm bàn để nhìn tấm bản đồ vẽ cách bố trí của thành Chà Bàn. Quần áo người nào cũng ẩm ướt, bùn lấm cả lên vai áo. Đường cái lầy lội quá nên họ đều đi chân đất. Phạm Ngạn dùng cái que tre chỉ vào sơ đồ giải thích cho ba anh em Nguyễn Nhạc:

– Những chỗ tô son đỏ như khoảng này đã đắp xong. Vâng, chiều cao là một trượng hai xích, chiều dày khoảng hai trượng. Phía bên này đã đắp xong cái núi đất. Đúng là góc đông nam của thành. Sở dĩ phải đắp trước vì cần phải có một gò đất cao không ngập nước cho thợ mộc và thợ vôi làm việc. Phải có thêm hai cái núi đất nữa ở góc đông bắc và tây bắc, dự kiến cuối tháng mười một thì xong vì từ chỗ lấy đất đến hai góc đó xa hơn. Vâng, số phu được gửi tới đủ, nhưng không làm nhanh hơn được, vì số người đau

yếu phải cho nghỉ lên cao quá. Số mới bổ sung lại phải mất một thời gian khá lâu mới quen công việc.

Tây Sơn vương chỉ vào phía thành chưa làm xong, hỏi:

– Còn mặt thành này, ông tính thế nào?

Viên Nội hầu vội thưa:

– Dạ phía đó dễ làm hơn vì thuộc vùng đất gò. Tuy là đất sỏi cứng khó đào, nhưng đất lấy ngay tại chỗ khỏi mất công khuân vác. Đá ong cũng có sẵn. Thợ đá có hơi thiếu, trời mưa dầm quá lâu đá ướt rất khó xắn cho thành khối vuông vức. Nhưng tôi có cho thêm phu phụ giúp cho thợ đá, nên không đến nỗi trễ. Nặng nhọc lắm vẫn là mặt bên này.

Nguyễn Nhạc nhìn về phía hai em, giải thích thêm:

– Ta cứ dựa lên nền thành cũ của người Chăm mà đắp cao lên thôi. Khi làm xong, chu vi thành sẽ được mười lý. Thành có năm cửa. Đằng trước này mở hai cửa, bên hữu là Vệ môn, bên tả là Tân khai môn. Bên trái, bên phải và đằng sau mỗi bên đều có cửa. Phía tây này, không, đây là hướng tây nam chứ, hướng tây ở đây có Đỉnh Nhĩ đề, còn phía tây nam có Giao đàn thành. Khung vuông này là Tử thành. Đây là Bát giác điện, trước Bát giác điện là Bát giác lâu. Đằng trước còn có Quyền bổng cung, bên tả bên hữu có dục lang dành cho lính canh gác. Trước cung còn có Nam lâu môn, bên tả có Từ đường, bên hữu có Võ miếu.

Nguyễn Huệ từ đầu lơ đãng không nhìn vào sơ đồ và chăm chú nghe Nguyễn

Nhạc giải thích như Nguyễn Lữ, bấy giờ mới lên tiếng hỏi:

– Sao ta lại phải dựa vào dấu cũ của thành Chà Bàn mà đắp thành? Ta không làm khác được sao?

Phạm Ngạn không trả lời được một câu hỏi khó như vậy, nên nhìn về phía Tây Sơn vương, trân trọng dành cho Nhạc quyền giải thích. Nhạc chau mày nhìn em, hơi khó chịu. Nhưng vương cũng kiên nhẫn giải thích chậm và rõ:

– Chú hỏi vì sao ư? Chú nhớ cho kỹ để lần sau khỏi thắc mắc nữa nhé. Vì chúng ta phải cố gắng khôi phục lại vương quốc đã từng một thời thịnh trị kéo dài từ đất Thuận Hóa cho đến Bình Thuận. Kinh đô của vương quốc ấy ở đây. Kinh thành của vương quốc ấy là chỗ này, ngay tại nơi chú với ta đang đứng trú mưa. Lúc

người Chiêm thành đóng đô tại đây, tại vùng được gọi là Vijaya này, vương quốc của họ hùng mạnh, thịnh vượng. Họ suy yếu vì đã không biết đây là chỗ đắc địa. Chú cứ nhìn kỹ các tháp Chăm kia, xem cách thức họ xây cất, điêu khắc, cũng đủ biết thời đó xứ sở này giàu có, thanh bình, tôi hiền và bậc anh tài nhiều biết bao! Chúng ta tìm đâu ra những người thợ dẻo gọt nổi những bức tượng đẹp như thế kia? Và ông Năm Ngạn này, liệu ông có chỉ huy nổi dân phu để họ đưa những khối đá nặng như vậy lên cao chót vót tận đỉnh tháp không? Phải nhận là trước đây dân tộc Chăm khéo hơn ta. Vì đâu? Vì họ chọn được đúng chỗ đất tốt để xây thành Chà Bàn. Ta dựa theo dấu cũ của họ để xây thành là vì vậy.

Trong khi Tây Sơn vương nói, Nguyễn Huệ muốn cắt lời anh để góp

ý mình, nhưng thấy anh hăng hái quá, Huệ không dám. Chờ đến khi Nhạc tạm dừng để lấy hơi, Huệ mới hỏi:

– Như vậy biên cương của chúng ta phía bắc ra đến Thuận Hóa, còn phía nam chỉ vào đến Bình Thuận thôi sao?

Nhạc chăm chăm nhìn em, môi cười chế giễu, hỏi Huệ:

– Liệu chú có đủ sức đánh nam dẹp bắc để giữ bấy nhiêu đất ấy không? Chú nên nhớ quân Trịnh vẫn còn ngênh ngang ở Thuận Hóa, còn Châu Văn Tiếp vẫn còn chiếm giữ Bình Thuận, Bình Khang.

Huệ tiếp lời anh:

– Nhưng Điều khiển Hòa của chúng ta hiện đang ở dinh Long hồ. Còn Gia Định thì đã có Tổng đốc Chu và Tư khấu

Uy trấn giữ. Chẳng lẽ ta cất công vào Gia Định suốt bảy tháng trường, bỏ xương bỏ máu ở đó để chờ lúc thuận tiện giao lại cho Chân Lạp hay vua Xiêm! Chẳng lẽ, lâu lâu nương theo gió mùa ta vào đó chỉ để cướp lúa?

Nguyễn Lữ không dần được giận, vội nói với Nhạc:

– Đúng đấy. Ở Gia Định chú cũng giở cái giọng ấy ra với em. Chú muốn có kế lâu dài ở Gia Định. Chú không sợ lún chân vào những bãi bùn hoang vu ngút mắt hay sao? Anh Cả biết không, chú Tám cứ đem chuyện ta chở mấy trăm ghe thóc về đây ra mà mĩa mai!

Tây Sơn vương nghiêm khắc nhìn Huệ, nói dần từng tiếng:

– Chú hãy nhớ kỹ, ta không tính

chuyện lâu dài ở Gia Định. Ta sai chú vào đây là để diệt cho tận gốc họ Nguyễn Gia Miêu. Nếu tạm thời ta có để Tổng đốc Chu, Hồ tướng Hãn, Tư khấu Uy, Điều khiển Hòa lại Gia Định, chỉ vì bọn tàn binh của họ Nguyễn chắc chắn còn giữ ý định khôi phục. Dĩ nhiên lúc ta đã mạnh mẽ thịnh vượng như triều Vijaya trước đây thì tính kế dài lâu ở đâu mà chẳng được. Nhưng trước mắt, ta phải lo ổn định những vùng của ta trước đã. Chú nhớ kỹ chưa?

Huệ cúi đầu làm thỉnh, nhưng nhìn nét mặt em, Nhạc biết Huệ chưa hoàn toàn đồng ý. Nội hầu Phạm Ngạn thấy không khí quá căng thẳng, vội thưa với Nhạc:

– Bẩm Đức Thầy Cả...

Tưởng Năm Ngạn sắp chen vào

chuyện riêng của ba anh em, Nhạc gay gắt hỏi:

– Ông định nói gì nữa?

Phạm Ngạn lo sợ lắp bắp thưa:

– Bẩm... bẩm Đức Thầy, tôi sợ trời cứ mưa lụt mãi, việc xây thành gặp khó khăn.

Nhạc nói như quát lên:

– Ông không làm nổi phải không?

Ngạn vội nói:

– Dạ không phải thế. Tôi chỉ xin thêm độ một nghìn dân phu, để đủ nhân công chuyển đất.

Nhạc nhận thấy mình giận dữ vô lý, dịu giọng xuống:

– Thôi được rồi. Ta sẽ gọi thêm cho

ông một nghìn năm trăm dân phu. Dôi thêm năm trăm đấy. Ông có dám hứa cuối tháng Chạp tất cả đều xong không?

Phạm Ngạn vui mừng nói:

– Dạ, chắc chắn xong. Xin Đức Thầy yên tâm.

✱

Hứa hẹn chắc chắn với Tây Sơn vương xong, Nội hầu Ngạn bắt đầu mất ăn mất ngủ. Nguyễn Nhạc gửi đúng một nghìn năm trăm dân phu như đã nói, nhưng công việc đắp thành vẫn cứ chậm chạp. Số phu bị bệnh thực sự đã nhiều, số khai bệnh dối hoặc số lãn công còn cao hơn. Nước lụt chưa rút, việc hạp xuống sâu lấy đất vất vả quá. Những trai tráng phụ trách công việc cực nhọc ấy, dù có

sức trai, không ai kham nổi cảnh rét run suốt mấy ngày liền. Vài dấu hiệu phá hoại bắt đầu xảy ra: những cây sào cắm mốc tối hôm trước bị nhổ mất hoặc dòi sâu vào bên trong, gây các tai nạn nguy hiểm, dụng cụ đào và xúc đất bị quăng xuống hồ nước sâu.

Phạm Ngạn tức lồng lộn, quát tháo, mắng chửi, hăm dọa, nhưng bọn phá hoại vẫn tiếp tục lén lút quấy phá. Phạm Ngạn phải giả dạng dân phu, nằm rình trong những lán tranh dột ướn, lấy lợi suốt mấy đêm mới bắt được quả tang hai tên phá hoại. Giận đến phát điên, viên Nội hầu đích thân cầm roi mây quất lên lưng hai con người ốm yếu rách rưới đến chết ngất, rồi chờ cho họ tỉnh lại, đóng gông đem bêu riếu khắp công trường. Không cần tra hỏi lâu, Phạm Ngạn đã biết nguyên do sự bất mãn: dân phu bị

rét run, và tẻ hơn nữa, bị đói nên không kham nổi rét.

Phăng lần đầu dây mối nhợ, Ngạn biết thêm số gạo phát cho dân phu quá ít. Và người phụ trách việc phân phát, kiểm soát lương thực là Lợi!

Ngay buổi tối, viên Nội hầu vào dinh xin gặp Nhạc.

Tây Sơn vương kinh ngạc vô cùng. Từ khi đạo quân chiến thắng chở thêm mấy trăm ghe thóc Gia Định về nhập kho Qui Nhơn, Nhạc đã ra lệnh tăng gấp rưỡi suất gạo cho dân phu. Bình thường số gạo ấy đủ cho hai người ăn. Làm việc nhọc mệt dưới chỗ bùn lầy rét mướt, dân phu có thể phải ăn nhiều hơn, nhưng nhất định suất gạo được cấp phát không thể thiếu được. Nguyễn Nhạc ngờ rằng bên trong chắc có điều gì lươn lẹo khuất

lắp đây. Vương giao cho Thiếu phó Lữ tra xét việc này. Lữ ái ngại gọi Lợi đến, và thông cảm cho một cộng sự viên lâu nay tận tâm giúp đỡ mình, Lữ báo trước cho Lợi mối nguy hiểm anh có thể gặp phải.

Lợi sợ đến tháo mồ hôi hột. Nhưng vốn là người giỏi quyền biến, anh thấy ngay những việc phải làm. Với Lữ, anh đưa ra một lô những thủ tục, giấy tờ kế toán phức tạp, rắc rối (vốn là điều Thiếu phó e ngại nhất) để chứng minh rằng sự chậm trễ cấp phát lương thực phụ trội cho dân phu do những yếu tố khách quan bất khả kháng như thể thức xuất nhập kho, qui cách giao nhận và kiểm soát, sự trôi sụt bất thường hàng buổi, hàng ngày của số phu thực sự lao động, chứng từ thanh toán lương thực của công trường mù mờ, vân vân... và vân vân... Lợi dẫn chứng điều này luật nọ, nhắc lại

các trường hợp vi phạm trong quá khứ, để cuối cùng xác nhận với Lữ rằng: dù mình hết sức cố gắng, mệnh lệnh của Tây Sơn vương không thể tuân hành ngay trong một thời gian ngắn ngủi, trừ trường hợp... trường hợp cú chở gạo đến phát bừa cho dân phu, bất kể chứng từ.

Mặt khác, Lợi chụp ngay lấy dịp Thọ Hương đến thăm An để nhờ Quận chúa tìm lời khéo léo nói giùm với mẹ. Anh còn giục vợ đến thăm trả Thọ Hương để nhắc nhở, kèm theo một món quà nhỏ. An từ chối, nhưng Lợi cứ nói mãi nói mãi. Về sau An phải nhắc đến cái thai đã lớn của mình, cùng thói mê tín thông thường đối với những người đàn bà có mang, Lợi mới thôi làm phiền vợ. Cùng lúc đó, Lợi vận dụng tất cả tài tháo vát để phát ngay số gạo cần thiết cho công

trường. Kết quả là những lời than phiền của viên Nội hầu tan vào khoảng không! Quá lắm chỉ gây đôi chút hoài nghi trong lòng Nguyễn Nhạc mà thôi!

✱

Những câu hỏi quan trọng của Huệ hôm ba anh em cùng đi xem xét công trường xây thành Chà Bàn cứ canh cánh trong lòng Tây Sơn vương. Lúc bận tiếp khách, hoặc giải quyết các công việc khẩn cấp và rắc rối, Nhạc quên những câu hỏi ấy. Rồi rãi một chút, chúng lại hiện về. Điều khiến Nhạc lo âu không phải chính nội dung các câu hỏi, mà ở tư tưởng của người hỏi. Vương nhận thấy cậu em trai út hai mươi lăm tuổi của mình bắt đầu có những suy nghĩ độc lập, những tham vọng riêng tư, có lối nhìn vấn đề khác

mình. Nếu Lữ ngoan ngoãn, chậm chạp bước theo dấu chân của Nhạc không cần suy nghĩ, thì Huệ lại muốn tự tay phát quang chọn lấy con đường cho mình. Cách nghĩ về biên cương cho vương quốc sắp dựng, nhất là thái độ chế giễu khinh bạc lúc đặt câu hỏi đó khiến Nhạc bực dọc.

Một đêm, vương gọi Huệ lên phòng mình để chỉ có riêng hai anh em với nhau, Nhạc tìm cách khuyến dụ em chớ nên phiêu lưu trong ý nghĩ và hành động. Đêm ấy trời vẫn còn mưa tầm tã. Hai anh em ngồi nghe mưa rơi trên mái đình hồi lâu mà vẫn chưa nói được điều gì quan trọng. Huệ chưa hiểu ý định của anh nên kiên nhẫn chờ đợi, còn Tây Sơn vương thì chưa biết phải nói với em thế nào. Họ dậm chân tại chỗ trong các điều vụn vặt, vô nghĩa, rời rạc, không ăn nhập

chuyện này với chuyện khác. Chẳng hạn Nhạc hỏi em:

– Hình như độ này chú hết mụn thì phải?

Huệ đưa tay sờ lên má mình, ấp úng đáp:

– Dạ, hết.

– Lớn tuổi thì tự nhiên bớt đi. Trước kia anh cũng vậy. Chỉ khi nào lo nghĩ thất thường... Độ này chú ngủ được không?

– Dạ được. Trời mát dễ ngủ lắm.

– Vậy là tốt. Đừng nên đem chuyện ban ngày làm rầy ban đêm. Lại nữa. Mưa đến thúì đất. Không biết ông Năm Ngạn lo công việc ngoài thành thế nào. Chú thấy bề cao như vậy đã đủ chưa?

– Còn hơi thấp. Lại không có ụ súng,

không có tháp núp bắn.

– Ta sẽ dần dần xây dựng thêm. Trước mắt chưa cần lắm đâu. Như hồi còn ở Tây Sơn thượng ta có bức thành cao ngất là núi vây quanh căn cứ, bây giờ ta cũng có những tháp canh trời cho như núi Mò o, núi Bích Khê, núi Kỳ Sơn, núi Cù Mông... Phía cung Bình Điền ở phía nam việc canh phòng vẫn chặt chẽ chứ?

– Dạ, em vừa đi tuần sát về. Dưới đó khá lắm.

– Còn việc cấp dưỡng cho các gia đình có con bị tử trận?

– Dạ việc này anh Lữ lo ạ!

– Việc chú Bảy hay việc của Thái úy Tuyên (Bùi Văn Tuyên)?

– Em không rõ anh Lữ có giao lại

cho Thái úy không, nhưng hôm mới về, anh có nhắc anh Lũ việc này.

Tây Sơn vương nhìn em thật lâu, do dự, rồi mỉm cười hỏi:

– Chú thấy gia đình hai ông Tuyên, Nhật thế nào?

Huệ ngõ ngang, không hiểu anh muốn gì, nên hỏi lại:

– Anh hỏi gì ạ?

Nhạc nhắc câu hỏi bằng cách khác:

– Chú vẫn thường đi lại đảng gia đình ông Tuyên đấy chứ?

– Thỉnh thoảng thôi ạ. Tính ông Tuyên đảm, còn ông Nhật thì...

Nhạc cướp lời em:

– Tuổi trẻ phải xông xáo, hăng hái

hơn chứ. Anh thấy gia đình đó được lắm.
Chú có thấy thế không?

Huê đáp cho xong:

– Vâng, được lắm.

Tây Sơn vương vui mừng nói:

– Chú cũng nghĩ vậy à? Đúng. Trong
số các gia đình lâu nay chúng ta gần gũi,
anh thấy gia đình ấy là có nề nếp nhất.
Con trai đều tài giỏi. Con gái nết na.

Nhạc cười, rồi tiếp:

– Anh trải đời nhiều, hiểu đàn bà
cũng lắm. Nhờ thế, anh nhận thấy cái
cần thiết cho một người đàn bà là đức
hạnh. Đàn bà giỏi thứ gì cũng không nên
cả, quá giỏi võ như cô Bùi thị Xuân thì lại
“cầm roi rượt chồng”, quá giỏi chữ nghĩa
như... như con gái ông giáo thì... thì...

Nhạc e ngại dò phản ứng của em, không dám nói hết câu. Huệ không ngược lên, tiếp tục ngắm nghía mấy ngón tay của mình, sắc mặt không thay đổi. Đột nhiên vương hỏi Huệ:

– Chú có còn giận anh nữa không?

Huệ ngược nhìn anh, đôi mắt chớp chớp bối rối. Huệ hỏi:

– Sao anh hỏi vậy?

Nhạc đáp xa xôi:

– Anh hy vọng càng ngày chú càng hiểu anh. Chuyện đời... Có nhiều khi những điều ta muốn, ta ước mong đều không được toại nguyện. Có khi nay ta muốn thế này, ngày mai ta khôn hơn, hiểu đời hơn, ta lại thấy ước muốn hôm qua là ngây thơ, non nớt, thậm chí đại đột nữa. Cũng có nhiều người ta tưởng

thế này, về sau vỡ lẽ ra mới biết họ không cao như ta tưởng. Họ thấp lè tè, cũng sinh con đẻ cái, ham bạc ham tiền, càu nhàu xốc xếch khi nghèo túng, vênh vang kênh kiệu lúc giàu sang. Ôi thôi, chuyện đàn bà không nói sao cho hết!

Huệ yên lặng ngồi nghe, Nhạc đã nói xong mà Huệ vẫn không nói gì. Vương lúng túng một lúc, rồi hỏi:

– Chú đã hai mươi lăm tuổi rồi, chú nhớ không?

Huệ đáp nhỏ:

– Vâng, em nhớ!

Tây Sơn vương sốt ruột vì câu chuyện nhì nhằng chưa đi đến đâu, nên lấy hơi nói một mạch:

– Chú không còn nhỏ nữa. Điều đó

chú biết rồi. Chú cũng biết là sau trận cầm quân tiêu diệt cả Tân Chính vương lẫn Duệ Tôn, chú trở thành viên tướng lẫy lừng cả trong Nam lẫn ngoài Bắc. Địa vị của chú, uy tín của chú ra sao, chú đã rõ rồi. Ngay sau khi dựng xong thành Chà Bàn anh sẽ xưng đế. Ta đã có đầy đủ (có thể nói là quá đầy đủ) điều kiện để xưng đế rồi đấy. Ta có một dải đất suốt từ đèo Hải Vân vào đến Gia Định, ta có một đạo quân thiện chiến nhiều công trận, ta đã diệt được quan quân nhà Nguyễn, ta đã xây dựng xong kinh thành trên nền cố đô Vijaya xưa. Đó là sự nghiệp chung của anh em, bè bạn và những người chân đất lâu nay cộng tác với ta. Phần chú, chú cũng phải nghĩ đến việc lập gia đình. Không, chú đừng nghĩ anh đùa cợt. Anh đang bàn chuyện liên quan đến việc lớn. Chuyện gia đình của chú là việc nước, không phải chỉ là việc

nhà. Chú phải chọn một người vợ vừa nết na, vừa thuộc vào một gia đình có nhiều người tài ba đang giúp đỡ anh em ta. Nghĩa là sau khi chú lấy vợ, vương triều của ta vững vàng thêm, sức mạnh của ta gia tăng lên. Chú hãy chịu khó suy xét, lựa chọn kỹ càng, rồi báo cho anh biết. Chú nhớ những điều anh dặn rồi chú?

Huệ bần khoản trong lòng, muốn được một mình suy nghĩ những gì Nhạc vừa nói, nên đáp:

– Dạ nhớ.

Tây Sơn vương cười vui mừng, đứng dậy vỗ vai em bảo:

– Thôi, chú về nghỉ đi. Nhớ đừng thức khuya.

Khi Huệ đã ra đến cửa, vương vờ như vô tình, gọi giật lại nói:

– À quên, ông Tuyên hôm qua có mời anh em ta sang dự bữa kỷ thân sinh ông ấy đấy. Anh đã nhận lời rồi. Chú gắng thu xếp để trưa mai qua đây cùng đi với anh. Nhớ nhé.

*

Cái tin vị tướng trẻ tuổi danh tiếng lừng lẫy sắp lấy vợ, không biết từ đâu phát ra, mau chóng trở thành đề tài bàn tán sôi nổi khắp nơi. Càng gần Tết, khí hậu trở nên ôn hòa hơn. Những trận mưa dầm đã dứt hẳn. Mặc dầu bầu trời vẫn bàng bạc mầu chì, nhưng gió đã bớt lạnh. Thỉnh thoảng vào giữa trưa có nắng chiếu, nhờ thế dân phu ở công

trường đem quần áo ẩm ướt lâu ngày ra phơi trên những bụi dừa thấp. Mùi nắng thơm tho tỏa ra từ những bộ quần áo bạc màu và dày cứng như mo cau (vì tắm bùn liên tiếp cả tháng) chẳng khác nào hương vị ngọt ngào của mùa xuân. Được ăn no, được ngủ ấm, dân phu bớt nhọc mệt hơn trước. Khu thành mới sắp xong, họ được phát cả trà để nấu nước sì sụp uống với nhau mỗi tối.

Tin Nguyễn Huệ lập gia đình đến đúng lúc, để câu chuyện bàn tán bên ánh lửa ấm và bát nước chè đầy bột có thêm một hương vị mới. Nếu Nguyễn Huệ là một ông hoàng sống trong nhung lụa ngay từ thuở lọt lòng lấy vợ thì câu chuyện dân phu trao đổi với nhau chẳng có gì hào hứng. Nhưng Huệ cũng trẻ tuổi như đa số dân phu, cũng xuất thân áo vải chân đất như họ, cũng dùng chính

sức mạnh của cánh tay rắn chắc và ý chí thẳng tiến mạnh mẽ để lập danh chứ không dựa vào dòng dõi hay sách vở thi cử, tóm lại dân phu thấy Huệ gần gũi với họ, và sự thành công của viên tướng trẻ mở cho họ một trời hy vọng. Cuộc bàn tán sôi nổi là do đó.

Buổi tối tháng Chạp năm ấy trong cái lán thấp ở góc đông nam thành, một toán bảy, tám dân phu cũng đang bàn cãi hào hứng về tin đồn như ở các chỗ khác. Một người trẻ tuổi mắt long lanh trước ánh lửa bếp, đập vai một người đứng tuổi đang ngâm điệu thuốc quẩn sâu kèn bằng lá chuối và hỏi:

– Này bác, có phải ông ta lấy công chúa không?

Trong trí tưởng tượng của anh bạn trẻ, hình ảnh Nguyễn Huệ không khác

bao nhiêu với Thạch Sanh trong chuyện cổ tích. Bác dân phu lớn tuổi không chịu lấy điều thuốc ra khỏi môi, đáp:

– Dĩ nhiên rồi. Em vua Tây Sơn phải lấy công chúa mới thật là môn đăng hộ đối. Nhưng chú mày có nghe ông ta lấy công chúa nước nào không?

Một người thứ ba ra vẻ thông thạo nói:

– Khéo hỏi vợ vắn. Không phải công chúa Đàng Ngoài thì còn công chúa nào nữa! Chẳng lẽ công chúa Đàng Trong! Ông ta chém một lượt những hai ông vua cựu triều, dòng dõi họ Nguyễn chạy tán loạn hoặc chết rấp đầu đó cả rồi, còn công chúa nào đâu.

Nhiều người chặc lưỡi. Một người trong bọn nói:

– Ghê nhĩ! Ra tận Đàng Ngoài để lấy vợ. Xa phải biết!

– Nói như cậu ấy! Xa! Đi ngựa đi xe, vèo một cái là tới! Đâu phải cái cảnh cô dâu cặp rổ lẻo đẹo đi bộ theo sau chú rể như dân thường chúng ta!

– Đi ngựa? Rước dâu từ Đàng Ngoài vào đây mà đi ngựa? Phải đi thuyền rồng! Hiếu chưa? Mặc sức dân chợ Giã vui! Họ được xem mặt công chúa Đàng Ngoài trước tụi mình.

– Xem mặt? Ai cho mày xem mặt! Ông hoàng bà chúa đi đâu cũng tiền hô hậu ủng, mày phải phủ phục bên đường chờ cho kiệu vàng đi thật xa mới được ngừng mặt lên. Xem mặt đất thì có!

– Này, sao các bác cứ bắt bẻ nhau hoài vậy? Các bác chẳng biết ắt giáp gì

ráo! Ai bảo quan Phụ chính sắp lấy công chúa Đàng Ngoài? Lầm, lầm, lầm hết!

– Lầm? Ông làm như mình là quan Phụ chính không bằng! Thế ông bảo quan Phụ chính sắp lấy ai nào? Chẳng lẽ lấy con gái ông!

– Tôi nói thật mà các bác các cậu cứ nghĩ tôi nói khoác. Đã thế tôi không thèm nói nữa!

– Gớm! Ông làm như chỉ một mình ông là thông kim bác cổ, hiểu hết chuyện thiên hạ. Nhưng, nhưng chỗ anh em ông cứ nói thật đi. Có phải ông biết đích xác vợ quan Phụ chính là ai chứ?

– Thôi thôi. Tôi nói khoác đấy!

– Sao dễ nóng thế. Mà chắc gì ông đã biết!

– Có ông không biết đấy thôi! Này, tôi nói cho mà nghe: quan Phụ chính sắp lấy em gái quan Hình bộ.

– Sao có tin đồn là em gái quan Thái úy Bùi Đắc Tuyên.

– Lẩn thần! Em gái quan Hình bộ Bùi văn Nhật và em gái quan Thái úy Bùi Đắc Tuyên cũng là một. Hai ông ấy là anh em ruột với nhau mà!

– Ghê nhỉ. Cả nhà đều làm lớn. Bây giờ em gái lại lấy được em vua Tây Sơn. Sao có phước thế!

Một thanh niên bạo gan cười hi hi có vẻ thích thú rồi nói:

– Cô ấy mà giống y như ông quan Hình bộ thì phiền lắm nhỉ!

Có nhiều tiếng hỏi:

– Tại sao thế?

– Có một lần giải tù, tôi có dịp được đứng gần quan Hình bộ. Thật gần, chỉ cách vài bước mà thôi. Tôi thấy mũi ông ta lớn, đôi môi dày, môi dưới trề ra. Mặt bệnh, lông mày rậm. Tướng đàn ông như thế cũng tốt vì oai vệ, dễ làm kẻ khác khiếp phục. Nhưng nếu đàn bà con gái mà giống thế thì...

– Lại thêm một anh nói khoác! Đứng gần quan Hình bộ người có thể đóng gông mày bất cứ lúc nào mà mày dám nhìn thẳng vào mặt quan là một điều nói khoác. Giả sử mày nhìn được vào mặt quan nhưng vì sợ hãi mày hoa mắt, làm sao thấy rõ nào mày rậm, mũi lớn, môi trề, hàm bệnh, là hai điều nói khoác.

– Có trời làm chứng! Tôi mà nói khoác thì trời tru đất diệt tôi đi.

– Thôi các ông ơi! Cãi nhau vừa vừa chứ. Các ông làm như chính mình lấy vợ ấy! Đẹp hay xấu là may rủi riêng của quan Phụ chính, can hệ gì đến các ông. Vả lại vợ quan Phụ chính là công chúa tận ngoài Bắc hà kia mà. Quan Hình bộ xấu đẹp thì có liên hệ gì đến công chúa Bắc hà đâu!

Cứ thế họ cãi nhau cho đến quá khuya.

✱

Thọ Hương cũng mang đến cho An những tin sốt dẻo, và dĩ nhiên là chính xác hơn các tin đồn ở các công trường xây thành. Vừa bước xuống vồng điều, Thọ Hương đã chạy vội vào nhà ông giáo tìm bạn, trước đôi mắt kinh ngạc của hai

người hầu khiêng vồng. Thọ Hương tìm thấy An ở dưới bếp, không chút khách sáo, Quận chúa ngồi chồm hồm xuống cạnh bạn hỏi liền:

– Chị hay tin gì chưa?

An vui lây cái vui của bạn, hỏi lại:

– Cha em sắp xưng đế nhân dịp khánh thành khu thành mới chứ gì?

– Không. Tin khác kia.

Thọ Hương liếc về phía hai đứa ở gái, do dự, nhưng sau cùng Quận chúa vẫn cứ bạo dạn nói:

– Chú Tám sắp lấy vợ rồi đấy!

An giật mình trở mắt nhìn Thọ Hương. Quận chúa hỏi:

– Chị không tin ư?

An thắng thốt hỏi:

– Lấy ai thế?

– Chị đoán xem!

– Chị chịu! Biết chú Tám của Hương thường đi lại giao thiệp với gia đình nào mà đoán!

Thọ Hương định kéo dài thì giờ cho bạn sốt ruột, nhưng chính Quận chúa sốt ruột trước. Không thể chờ được, Thọ Hương nói:

– Lấy cô bé học trò của chị đấy!

An ngờ ngác hỏi:

– Học trò chị? Chị có dạy ai đâu? Hay em lầm học trò của cha chị. Mà cha chị có bao giờ dạy cho con gái!

– Không, em nói: học trò của chị.

– Chị không hiểu gì cả!

Thọ Hương cười thích thú vì vẻ mặt
ngơ ngác hoảng hốt của An, xòe hai bàn
tay ra trước mặt giả bộ đang ê a đọc sách,
Quận chúa đọc:

“Đường lệ chi hoa, thiên kỳ phản
nhi. Khởi bất nhĩ tư, thất thị viễn nhi. Tử
viết: Vị chi tư dã. Phủ hà viễn chi hữu?”

An giật mình xót xa, vội hỏi Hương:

– Em gái ông Nhật à?

– Thì em đã bảo học trò cũ của chị.
Chị không từng bắt tội em học mấy câu
Luận ngữ trên kia à? Khó đến thế là cùng!

An vẫn chưa tin, hỏi lại:

– Nhưng cô ta bé...

Quận chúa cắt lời An:

– Bé bỏng! Chị lo chồng con quá, quên hết ngày tháng. Chị cứ tưởng như thời trước. Cô ta đã mười tám rồi. Cao hơn cả em nữa. Và đẹp hơn ngày còn đến học với chị.

An thất vọng thú nhận:

– Hồi đó cô bé đã dễ thương rồi. Chỉ có cái tật ít nói, và hay dối.

– Bây giờ cũng vậy. Hôm ky, bác gái mẹ anh Nhật giục cô ta lên chào khách, cô ta ngồi lì một chỗ không chịu đi. Bác gái giận quá la mắng, cô ta rơm rớm nước mắt, rồi òa khóc. Mà khách khứa có ai xa lạ đâu. Chỉ có cha em và chú Bảy Lũ.

– Không có chú Tám à?

– Không. Chú Tám hứa sẽ đi, đến lúc chót không biết bận việc gì, báo hại cha em chờ mãi.

An nôn nóng hỏi:

– Nhưng công chuyện đã đi đến đâu rồi?

– Chuyện gì ạ?

– Chuyện cưới xin.

– Tất nhiên gia đình ông Nhật bằng lòng. Chị tính, ở vào địa vị họ...

An cướp lời bạn, hỏi:

– Còn ý chú Tám của Hương thế nào? Chẳng lẽ chú không bằng lòng đến, mà...

An không dám nói hết câu, như sợ phải mất một niềm hy vọng mong manh. Thọ Hương nói:

– Cha em bảo việc hôn nhân của chú không chỉ là việc riêng, mà can hệ đến

vận nước. Em chẳng hiểu gì cả, nhưng hình như chú Tám hiểu ý cha em. Mẹ em đã hỏi tuổi của cô ta, nghe nói hợp với tuổi chú Tám lắm. Còn nhớ mới ngày nào... mau quá chị An nhỉ!

An băn khoăn hỏi:

– Sao mấy hôm nay chị không nghe Lãng nó nói gì cả? Tại sao nó giấu chị? Tại sao?

Thọ Hương cười rồi bảo:

– Có lẽ chính anh Lãng cũng không biết, vì chú Tám giấu không nói gì với ai cả. Bên phía nhà ông Nhật cũng giấu, vì sợ nếu việc không thành thì... Họ thấy chú Tám không đến ăn kỵ, băn khoăn chưa biết ý chú thế nào.

Rồi với một vẻ bẽn lễn, Thọ Hương rụt rè hỏi:

– Mấy bữa nay anh Lãng không về hả chị?

An lơ đang đáp:

– Nó có về thăm hôm kia. Thọ Hương này, em có nghe nói chừng nào đám cưới không?

– Không chị ạ. Chắc phải chờ đến sau lễ khánh thành thành Chà Bàn. Mấy hôm nay nghe nói công việc trong trại quân đã đoan hết sức. Phải tập lại từng bước để duyệt binh. Anh Lãng bận, không về là phải. Nhọc phải biết! Nghiep lính thương quá chị An hỉ! Chị thấy không, em nói tiếng “hỉ” có giống chị thời trước không? Lâu lâu em còn nghe anh Lãng nói lộn vài tiếng trọ trẹ, lạ tai và ngộ nghĩnh lắm!

✱

Đầu năm Mậu Tuất (1787), đúng như kế hoạch định trước, Nguyễn Nhạc tự xưng hoàng đế, lấy hiệu là Thái Đức. Để tưởng thưởng công lao của hai em, vua Thái Đức phong Nguyễn Lữ làm Tiết chế, Nguyễn Huệ làm Long Nhương tướng quân. Lễ xưng đế tổ chức một lượt với lễ khánh thành khu thành mới, xây đắp trên nền thành cũ của vương quốc Vijaya xưa, được nhà vua đặt tên là Hoàng đế thành.

Qui Nhơn rộn rã bước vào vận hội mới!

Và cũng như mấy tháng trước từng lạc loài trong không khí từng bừng chiến thắng của mọi người, lần này, An gặp nhiều rủi ro!...

Ngay sau tết Mậu Tuất, An sinh một đứa con gái thiếu tháng. Cái thai nằm ngược nên khi bà mụ đỡ được đứa bé sơ sinh ra khỏi lòng mẹ, An đã ngất đi. Trong lúc hốt hoảng sợ không cứu được cả mẹ lẫn con, bà mụ giàu kinh nghiệm sơ ý để sót nhau...

Cái nhau sót hành hạ An cả tuần. Người chị nóng ran, tâm trí hôn mê, hai bàn tay hết chơi vơi trên không lại cào rách cả mặt chiếu. Chị mất hết ý thức về những gì đang diễn ra quanh chị. Lợi tuyệt vọng, suốt ngày ủ rũ ngồi bên giường vợ. Từ một người lanh lẹ, liến thoắng, anh trở nên trầm lặng, cử chỉ chậm chạp, ăn nói ngây ngô như một người mất hồn. Người ta bỗng đứa bé gái đến cho anh xem mặt. Anh nhìn nó như nhìn một sinh vật xa lạ không liên quan gì đến anh. Ý tưởng sẽ phải mất An giống như ý

tưởng một ngày nào đó chính mình phải chết, lâu nay chưa bao giờ Lợi nghĩ tới. Điều đó trái với tự nhiên, không ở trong thói quen suy nghĩ dễ dãi thường ngày. Vì vậy khi nó đến, Lợi lạnh người vì kinh hãi, sững sờ. Anh chưa từng dọn mình để suy nghĩ đến sự mất mát. Anh chỉ dọn mình để tiến tới, để được nhiều hơn, lên cao hơn, bước xa hơn. Tuy nhiên, do bản chất thực tiễn và vô tư, Lợi không bị xúc động sâu xa đến nỗi qui nạp những thua thiệt, mất mát lên thành quy luật sinh tử, may rủi, họa phúc, số phận. Lợi chỉ dừng lại ở mức độ ngây dại của cảm giác, trì trệ của sinh hoạt. Thế thôi. Những người quen biết với hai vợ chồng Lợi, đến thăm, chỉ thấy Lợi ngồi thừ bên giường vợ, lâu lâu múc một thìa nước cam rót vào giữa đôi môi khô của An như một người máy, chứ không nghe anh than van, kêu khóc, rên rĩ điều gì. Không dám chê anh vô

tình (vì thực sự Lợi không vô tình), họ hơi thất vọng vì sự đau khổ của Lợi trầm lắng và đơn giản quá!

Sau mấy ngày hành hạ sản phụ, tự nhiên như một phép lạ, phần nhau sót ra được bên ngoài. An bớt sốt, dần dần hiểu được những gì mình đang trải qua. Chị biết đói. Lợi đút cho vợ vài muỗng cháo nấu thật loãng. Chị nhận được nét mặt chồng và khi nhớ duyên do tình trạng đau yếu, An thều thào đòi cho được xem mặt con.

An ứa nước mắt cảm động, sung sướng khi trông thấy đứa bé gái xinh đẹp tóc đen nằm ngủ say trên tay chị vú. An bảo chị đưa con đến thật gần để nhìn cho rõ mặt, và gắng gượng cầm bàn tay xinh xắn bé nhỏ của con đưa lên miệng hôn.

Không có gì đo hết được nỗi vui mừng của Lợi. Đột nhiên anh trở nên linh hoạt trở lại, như vừa trải qua một giấc ngủ ngồi ngon lành. Lợi nói luôn miệng, cười cợt, khôi hài, bông đùa với mọi người. An bắt chồng kể lại tỉ mỉ những gì đã xảy ra suốt thời gian chị hôn mê. Lợi kể, dĩ nhiên có thêm rất nhiều mắm muối. An hỏi hết chuyện trong nhà ngoài ngõ, cuối cùng Lợi phải thuật lại cả cuộc lễ xưng đế hiệu của Tây Sơn vương. Khi nghe chồng bảo Nguyễn Lữ được phong làm Tiết chế, và Nguyễn Huệ làm Long Nhương tướng quân, sản phụ nằm im hồi lâu, rồi hỏi chồng:

– Mình định đặt tên con là gì thế?

Lợi âu yếm nhìn vợ, dịu dàng nói:

– Lần này con gái, để cho em đặt tên. Tùy ý em chọn đi!

An mím môi suy nghĩ, liếc nhìn đứa con sơ sinh rồi nói:

– Em muốn đặt tên Thái.

Lợi chớp lấy dịp nịnh vợ:

– Thái hả? Được lắm. Đứa đầu tên Phát. Đứa này tên Thái. Cả hai tên đều chỉ sự thịnh vượng sung túc cả. Vậy, chúng mình đặt tên Thái cho con bé này.

Chương 46

Cuộc sinh nở thập tử nhất sinh của An là một dịp đo lường được tình trạng tâm thần của ông giáo.

Những người con của ông lúc bình thường vẫn thì thảo bàn tán, ái ngại cho tâm tính đặc biệt của cha. Họ đồng ý với nhau rằng cha mình bị xúc động mạnh vì cái chết của Chinh và hai chúa, kể từ ấy, ông bị một nỗi ám ảnh ghê gớm nào đó, nỗi ám ảnh tàn khốc và hung dữ đến nỗi ông phải nơm nớp đề phòng, sợ sệt, tự cô lập trong gian phòng tối, chèn kín

các cửa ra vào, giật mình khi có ai lên tiếng gọi hay có một bước chân, một tiếng động lạ.

Các con ông giáo hy vọng cùng với thời gian, mọi sự sẽ phai nhòa, sẽ nguôi đi. Họ yên tâm chờ. Vì ít được gặp cha, họ cứ nghĩ sức khỏe của cha không có gì đáng ngại.

Phải chờ đến lúc An sinh khó, mấy anh em cùng về thăm sản phụ, họ mới lo sợ thực sự cho cha.

Ông giáo đã mất khả năng ý thức về những gì đang xảy ra quanh mình. Dĩ nhiên do tự cô lập, ông không hề biết cảnh rộn rã của Qui Nhơn trước vận hội mới, không hề biết Nguyễn Nhạc đã xưng đế và long trọng khánh thành Hoàng đế thành. Những điều ấy không có nghĩa gì đối với ông, một kẻ bên lề. Nhưng có

những điều liên quan mật thiết đến đời sống ông, như cơn hiểm nguy An vừa thoát khỏi, đứa cháu ngoại thứ hai, việc ăn uống thất thường do cảnh nhà xáo trộn... ông giáo cũng không hiểu nổi. Ông lắng tai nghe mà không biết bất cứ điều gì. Ông mở mắt nhìn, mà không thấy. Thân thể ông, giác quan của ông như một chỗ gió lộng, không lưu lại một chút ấn tượng nhỏ. May mắn là do một thứ bản năng sinh tồn huyền nhiệm, ông còn biết đói, biết khát, biết cảm thức ăn đưa lên miệng, biết bài tiết, phóng uế.

Trong thời gian An chờ bình phục, mọi việc trong nhà đều đổ lên đầu Lợi. Tiền thuốc thang cho cả vợ lẫn ông nhạc lên cao, nhưng khó nhọc hơn nữa là sự chăm sóc ân cần, tỉ mỉ, tế nhị đối với hai người bệnh. Dù có ác cảm đối với anh rể, Lãng cũng phải công nhận ở vào

hoàn cảnh này, không ai chịu khó cho bằng Lợi. Anh có thể tỉ mỉ ngồi tính tiền chợ với đứa ở gái, theo dõi giờ giấc để nhắc chị vú cho bé Thái đi ngủ hoặc bú mớm, đích thân bưng mâm cơm se sẽ vào phòng ông giáo, kiên nhẫn ngồi chờ cho ông ăn xong, lặng lẽ rót nước lấy tăm cho ông, cầm cái khăn thấm nước lau qua mặt mũi ông, rồi đem các mâm bát dơ xuống bếp cho đứa ở rửa.

Công việc săn sóc cho ông giáo được Lợi thực hiện một cách trân trọng có tính toán, nhất là khi có mặt Kiên hoặc Lãng tại nhà. Điều đó khiến Kiên lăm lì, còn Lãng thì bức dọc. Mỗi lần Lợi đưa một món thuốc bổ đất tiên ra khoe:

– Chú Lãng thấy không, chai thuốc này nấu bằng sâm và cao lộc đầy nhé. Vì thế giá mới cao như vậy. Lão chủ tiệm thuốc bắc nhất định không bán, bảo để

dành dưỡng già. Anh năn nỉ hết lời, anh bảo cha bị suy nhược trầm trọng uống thuốc bổ loại nào cũng không ăn thua gì, anh bảo thầy bán chai thuốc này chẳng khác nào cứu được một mạng người. Nói mãi nói hoài cuối cùng lão mới thuận. Anh mừng quá, chùng ấy tiền có quá cao, nhưng sức khỏe của cha phải lo trước hết.

Lãng lại cau mày khó chịu. Giá Lãng có tiền, anh đã vút ngay mấy quan ra trước mặt anh rể để Lợi khỏi kể công lao đông dài. Nhưng Lãng không có tiền. Anh cũng biết tất cả gánh nặng gia đình đều do Lợi cáng đáng, và nguồn gốc số tiền Lợi kiếm được do đâu mà ra. Những hiểu biết ấy, không dễ gì thốt thành lời. Do đó, dù khó chịu đến mức nào, Lãng cũng phải bậm môi nén tất cả những điều bất mãn vào trong lòng.

Lãng cũng có một nỗi thẹn thùng, xấu hổ khác, khiến anh không dám hỏi môi chê trách thái độ khoa trương lộ liễu của Lợi: Lãng siêng năng về nhà thăm cha, một phần cũng do hy vọng được gặp Thọ Hương ở đó. Lãng tự thấy lòng mình có nhiều biến đổi. Định rõ biến đổi từ lúc nào, anh chịu, không làm được!

Trước hết là sự biến đổi trong quan hệ giữa anh và chị An. Khi An chưa lập gia đình (và ngay cả sau khi An đã lấy Lợi), mỗi lần gặp nhau, hai chị em nhìn nhau, chưa nói gì nhiều nhưng đã đoán trước được những gì họ cùng muốn nói và muốn nghe. Chỉ cần nhìn ánh mắt long lanh vì nôn nao chờ đợi của An, Lãng đủ biết chị muốn có ngay cơ hội thuận tiện

nhất, riêng hai chị em với nhau, để Lãng thuật lại những gì liên quan đến Huệ. Thông thường An không dám hỏi thẳng, hoặc hỏi nhiều. An chỉ gợi ý quanh co, làm như không muốn nghe, hay những gì em nói không liên quan mật thiết đến đời chị. Lãng có lòng tốt muốn nói, thì nghe cho vui vậy thôi. Nhưng An làm sao đánh lừa được Lãng. Lãng hiểu rõ lòng chị, nên hằng hái kể hết những việc Huệ làm, những suy nghĩ của Huệ về đủ thứ vấn đề cao thấp, từ những điều trọng đại như lịch sử cho đến cái nhỏ nhặt như ý thích một mẫu áo. Hình như Lãng say mê tình yêu giữa Huệ và An, như những người mới lớn say mê những điều trừu tượng, những tiêu chuẩn lý tưởng.

Cuộc hôn nhân của An như một gáo nước lạnh xối vào mặt mũi Lãng. Anh bứt rứt, tức giận, đau khổ nữa. Anh không

thể tưởng tượng được một điều như vậy có thể xảy ra trên đời. Anh tìm cách biện hộ cho chị để cố gắng giữ gìn nguyên vẹn những tiêu chuẩn lý tưởng. Nhờ thế sau khi An lấy chồng, Lãng vẫn còn hứng thú say mê kể cho chị nghe đủ điều về đời sống của Huệ. Cho đến một lúc, không biết là từ lúc nào, Lãng giật mình nhận thấy mình không còn muốn kể cho chị nghe chuyện Huệ nữa. Tình yêu của họ đã mất dần hào quang trong óc anh. Lãng bắt đầu thấy chị tầm thường: sinh con đẻ cái, tâm trí bận rộn với chuyện tiền nong, bếp núc, những thỏa mãn với một thứ đời sống sung túc do cái tài xoay xở của chồng, vẻ khoe khoang khi sắm được vài món đồ đắt tiền...

Càng ngày anh càng thấy An giống tính chồng. Anh không nhận ra người chị ngày trước nữa, nên không hứng thú

chút nào khi An bên lễn hỏi xa hỏi gần chuyện Huệ.

Những cuộc tâm sự giữa hai chị em bớt dần. Thay vào ước vọng lãng mạn gửi gắm trong tình yêu giữa An và Huệ, Lãng tìm được một thứ tình yêu lãng mạn khác cho chính mình.

Anh vẫn tìm cách được nói chuyện riêng với chị, không phải để kể chuyện Huệ, mà để hỏi chuyện Thọ Hương.

Lãng xúc động trước hình ảnh người con gái sớm thành nạn nhân của các trò chơi lịch sử, người con gái có nước da bánh mật ưa cắn lấy môi dưới khi bối rối, vừa vào tuổi mơ mộng đã bị số phận đưa đẩy làm một người vợ bị hờ hững, rồi làm một góa phụ bất đắc dĩ. Nếu Thọ Hương thực sự được Đông cung thương yêu thì cảnh góa bụa còn có một ý nghĩa

nào đó. Hoặc nếu Đông cung chết vì một lý do khác, vì bàn tay kẻ khác. Ở đây, mọi sự rối rắm phi lý đổ lên đầu người con gái chưa đủ hai mươi. Cách ăn mặc đơn sơ, tấm khăn quàng màu nâu, đôi mắt buồn hiu, cử chỉ từ tốn của Quận chúa hôm Lãng gặp tại nhà mình đã khiến Lãng muốn ngộp thở vì xúc động.

Trước mắt anh là hiện thân của sự đau khổ tột cùng, là nạn nhân của một thứ số phận cay nghiệt. Nếu có thể làm ngay được bất cứ việc gì, kể cả nhảy vào lửa để cho người con gái đau khổ kia bỏ chiếc khăn quàng đầu màu nâu xuống, ngừng mặt tươi cười nhìn thẳng vào đời sống, đùa giỡn chạy nhảy tự nhiên như mọi thiếu nữ yêu đời khác, thì Lãng đã không chút do dự. Anh cảm thấy có bốn phận cao thượng và thiêng liêng là đem lại nụ cười cho góa phụ trẻ tuổi bất hạnh

đó. Đòi anh, nếu chỉ hoàn tất mỗi một trách vụ này thôi, cũng đủ có ý nghĩa rồi.

Từ đó, Lãng tìm mọi cơ để về thăm nhà, và may mắn cho anh, phần lớn trường hợp anh đều gặp Thọ Hương. Ban đầu câu chuyện họ trao đổi với nhau quanh quẩn cái chết của Tân Chính vương. Dần dà cả hai đều cảm thấy cần phải thoát khỏi ám ảnh nặng trĩu ấy. Họ bắt đầu nói chuyện An, cùng ái ngại và thương hại cho người bạn, người chị đang lún sâu vào các bận bịu con cái, bếp núc, bệnh tật, tiền bạc. Giọng nói của họ có pha lẫn đôi chút giễu cợt. Từ đó họ có những điều chỉ có thể nói với nhau khi vắng mặt An, nghĩa là đã có những điểm chung, cho riêng hai người. An hết thành cái cơ cho họ gặp nhau nữa. Họ tự tìm những cơ riêng, chẳng hạn Lãng lấy cơ phải về luôn để thăm nom sức khỏe của cha!

Thọ Hương tìm có khó hơn Lãng nhiều. Từ khi cha xưng vương, rồi sau đó xưng đế, Thọ Hương phải chịu những ràng buộc của các nghi thức mới. Cô không được tùy tiện đi đâu thì đi như trước. Tuy mọi người trong gia đình, từ cha mẹ cho tới các chú, các anh chị, bạn bè đều chưa quen với cách ăn nói trang trọng, điều bộ uy nghi, xưng hô khách sáo, nhưng điều rõ ràng là tất cả mọi người đều nghĩ phải nói, phải hành động, phải xưng hô, phải đi đứng khác trước. Khác thế nào thì chưa rõ, hoặc đã rõ nhưng chưa quen, nhưng bắt buộc phải khác. Cho nên đi đâu Thọ Hương cũng phải dùng võng điều, và có thị nữ theo hầu. Không được la cà ở những chỗ đông đúc thiếu nghiêm trang như ở chợ,

ở phố. Tốt hơn hết là không nên đi ra khỏi thành phủ Qui Nhơn, hoặc chẳng đi đâu cả. Việc Thọ Hương đòi ra khỏi thành đến tận Bằng Châu thăm An khiến mẹ bức bối khó nghĩ. Nhưng, khi nghĩ đến thân phận con, đến cảnh góa bụa lỡ làng từ đây cho đến cuối đời, đến sự lỡ làng giữa thương yêu và thù hận đối với gia đình, người mẹ đành chiều con gái. Thọ Hương được đi lại thường xuyên thăm bạn cũ là nhờ vậy.

*

Thông thường mỗi lần Thọ Hương đến, cô hỏi thăm tình trạng sức khỏe của ông giáo, của An, rồi lấy việc đùa giỡn, chăm sóc cho hai đứa con An làm trò khuây khỏa nỗi nôn nao chờ đợi. Lãng thì sau khi vào thăm cha, hỏi thăm qua

loa chị và các cháu, liền ra vườn ngắt hòn giả sơn và lũ cá vàng để quên thời gian. ít khi câu chuyện giữa An với họ được hào hứng như trước. An cảm thấy mình thừa thãi, chạm tự ái, nên bực dọc, không thềm tham dự vào cuộc nữa.

Mấy hôm nay, tin tức cuộc hôn lễ đã gần đến của Huệ có sức mạnh quy tụ ba người lại. Câu chuyện của họ sôi nổi, và chân thành quá khích. Mỗi người nhìn vấn đề theo một lối riêng, do chủ quan và thành kiến chi phối. Họ đã quá hiểu lòng nhau, nên trong câu chuyện họ không có gì phải dè dặt giữ kẽ. Họ nói hết những điều mình nghĩ. Khi Thọ Hương đến báo tin:

– Đã chọn được ngày tốt rồi, chị An, anh Lãng ạ! Gớm, bên phía gia đình nhà gái đòi phải chọn cho được tháng tốt, ngày tốt, giờ tốt, để “gia đạo” về sau được

thuận hòa. Không như em hồi trước...

Thọ Hương chớp chớp mắt, cánh mũi phập phồng, nghẹn không nói hết câu. Lãng nôn nóng hỏi:

– Thế ra công việc ấy vẫn tiến hành à? Sao tôi nghe anh Huệ... tôi nghe Long Nhường tướng quân bảo chuyện nước còn rối bù, việc nhà hãy chậm chậm lại đã.

Giọng Thọ Hương còn run run:

– Nhưng nay thì mọi sự đã xong. Đã định ngày giờ rồi. Chuyến này mặc sức cho hai ông Nhật, Tuyên (Bùi Văn Nhật, Bùi Đắc Tuyên) lên mặt. Sao em ghét cái bản mặt bành bạnh của họ thế.

An e dè chêm vào câu chuyện:

– May mắn là cô em gái không có cái

mũi, cặp môi và đôi hàm giống mấy ông anh.

Thọ Hương hấp tấp hỏi bạn:

– Chị có biết tại sao không?

Cả An lẫn Lãng đều hỏi:

– Sao thế?

Thọ Hương hãnh diện vì sự hiểu biết tường tận của mình, chậm rãi đáp:

– Vì cô ta đâu phải hoàn toàn là em gái hai ông bạnh ấy!

An, Lãng ồ lên kinh ngạc. Lãng hỏi:

– Thật à?

– Lại không thật! Cô ta là em cùng mẹ khác cha với hai ông Nhật, Tuyên. Hai ông anh họ Bùi, còn cô ta họ Phạm. Bà mẹ đẹp, có lẽ ông cha của cô ta cũng

không đến nỗi nào, nên...

An cắt lời Thọ Hương:

– Hóa ra bà ấy có hai đời chồng. Thế cha cô ta đâu?

Thọ Hương bĩu môi, rồi đáp:

– Em cũng chẳng rõ.

Rồi bằng một giọng mỉa mai cay độc, Thọ Hương thêm:

– Không biết chừng chính bà mẹ của cô ta cũng không rõ.

Lãng thấy câu chuyện đã đi quá xa, vội nói:

– Tôi nghe hình như cha cô ta bị bệnh chết trên đường di cư từ Duy Xuyên vào đây. Lúc đó ông Nhật, ông Tuyên đã trưởng thành, nhờ thế gia đình mới đủ

sức lập nghiệp trên đất mới. Lâu nay tôi cứ tưởng cha cô ấy cũng là cha hai ông Nhật, Tuyên.

An thắc mắc hỏi bạn:

– Thế bên gia đình em có biết việc này không?

– Biết chứ! Em còn biết, hưởng chi cha mẹ em. Nhưng cha em cho rằng điều đó không quan trọng gì.

An vội cãi:

– Sao không quan trọng. Ấy chết, chị đại mồm đại miệng quá. Theo ý riêng của chị, mà ý của chị nhiều khi lẫn lộn lắm, theo ý của chị thì người đàn bà nào cũng chỉ nên có một đời chồng, chồng chết thì ở vậy thủ tiết nuôi con, chứ...

Thọ Hương cúi đầu suy nghĩ. An

không để ý thái độ của bạn, hăng hái nói đến quan niệm chính chuyên của đàn bà theo đạo đức nhà nho, nhưng Lãng đã cướp lời chị:

– Không. Mỗi người mỗi hoàn cảnh, khó lòng phê phán lắm. Có điều em... có điều tôi thắc mắc là tại sao anh Huệ chấp nhận dễ dàng như vậy. Anh ấy chưa từng nói chuyện, tìm hiểu để biết tâm tính cô ấy, làm sao có thể thương yêu được. Ai khác thì có thể xem đây là chuyện bình thường. Nhưng anh Huệ, nhưng một vị tướng quân như anh Huệ...

An nói:

– Không lấy cô ấy làm vợ thì lấy ai? Nhìn quanh những gia đình từng vào sinh ra tử với nhau bao lâu nay, còn có ai đâu?

Ba người đều im lặng trước câu hỏi bất ngờ ấy. An cũng không ngờ mình đã buột miệng hỏi vậy. Trong thâm tâm, chị muốn tìm một lập luận nào đó để đỡ dành mình, để mình thấy cuộc hôn nhân này là bất khả kháng, không thể khác được, là tất nhiên, tất yếu, giống y như cuộc hôn nhân bất hạnh của Thọ Hương. Còn mình? Mình có bất hạnh không? An ngùi ngùi, cúi đầu nhìn những vật nhòe lãng đang dưới đất. Một lúc sau, An ngừng lên hỏi bạn:

– Sao lâu nay... chú Tám của Hương không đến đây?

Thọ Hương liếc nhìn Lãng, rồi đáp:

– Em tưởng chị biết rồi chứ?

An nhớ lại lần Huệ bắt gặp mình xốc xếch tàn tạ, đau nhói trong lòng. Chị sợ

Hương nói ra sự thực đau lòng nên vội bảo:

– Thôi. Đằng nào thì chú Hương cũng quá bận. Hơi đâu đến đây!

Hương nói:

– Không phải thế. Sau chuyến vào Gia định, chú ấy ngại gặp thầy. Chị hiểu vì sao rồi.

An mừng thoát nạn, nên vội hỏi tiếp:

– Chú Hương không biết cha chị đã... đã ra thế này ư?

Lãng đáp thay:

– Có. Anh ấy vẫn hỏi thăm cha. Mỗi lần em trả lời, anh ấy lại buồn. Mấy món thuốc bổ kỳ trước em đem về là của anh ấy gửi biếu cha.

An vội hỏi:

– Sao em không nói cho cha biết.

Lãng buồn rầu đáp:

– Em có nói đấy chứ. Nhưng cha có hiểu gì đâu. Có một điều em không hiểu nổi là không bao giờ anh Huệ nói rõ cho em nghe chuyện đám cưới này cả. Tại sao anh ấy giấu?

Thọ Hương buột miệng nói:

– Có gì đâu mà không hiểu. Chú ấy không muốn cho...

Quận chúa thấy bạn lúng túng đỏ mặt, không tiện nói tiếp.

*

Tuy về cơ bản, Hoàng đế thành đã hoàn tất kịp vào dịp xưng đế của Tây Sơn vương nhưng không phải sau đó, mọi sự đã xong. Nội hầu Phạm Ngạn đã cố gắng hết sức để chu toàn nhiệm vụ đúng thời hạn. Tuy nhiên Tây Sơn vương đã có nhiều quyết định thay đổi quy mô của thành suốt thời gian xây dựng.

Nền thành Chà Bàn cũ bị phế bỏ từ ba trăm năm trước hình vuông, chu vi hơn mười dặm trở bốn cửa. Ngay từ thời mới xưng vương, Nhạc đã thấy nếu theo dấu cũ xây thành mới thì quá hẹp, do đó vương đã cho mở rộng thêm mặt đông, tăng chu vi từ mười dặm lên mười lăm dặm. Việc đắp thành ở vùng đất trũng phía đông đòi hỏi quá nhiều công sức, ảnh hưởng đến tiến độ chung. Lấy đá ong đủ để bó cả hai mặt, mặt ngoài dày thẳng đứng, mặt trong xếp thành bậc th-

oai thoải từ dưới lên cho một chu vi mười lăm dặm thành không phải là chuyện đơn giản. Suốt hai năm trường, Phạm Ngạn dồn hết tâm trí để đốc thúc hàng vạn dân phu, vượt ve có, đe dọa có, ban thưởng hậu hĩnh đi đôi với trừng phạt tàn nhẫn, rượu thịt ê hề đi đôi với roi vọt băm dập những tấm lưng bùn, cuối cùng ông ấy thở phào đón nhận lời ban khen của Thái Đức hoàng đế. Nhưng, mở rộng thành ra mặt đông đòi hỏi phải biến đổi một số điểm cho cấu trúc chung khỏi mất cân đối. Từ hình vuông, thành biến ra hình chữ nhật. Hai cửa đông và tây vẫn giữ y như hướng trở cửa của thành Chà Bàn. Nhưng hai mặt bắc và nam phải dựng cửa khác mới cân đối. Cửa bắc ở mặt sau có thể giữ nguyên để khỏi tổn công đắp nền. Còn mặt trước ở phía nam thì nhất định phải trở thêm một cửa nữa. Đó là cửa Tân Khai. Lại thêm bao nhiêu

công sức phải đổ ra, bao nhiêu đá ong phải xăn đêm ngày! Kết quả là dù Hoàng đế thành đã kịp hoàn tất đúng hẹn, bên trong hoàng thành và tử cấm thành, các đài điện dinh thự chưa thực sự tiện nghi. Đó là chưa kể đến một công việc công phu, phức tạp hơn, là trang hoàng, bày biện thế nào cho đúng quy cách đòi hỏi của một triều đình.

Công việc tỉ mỉ phức tạp ấy, Lợi đứng ra nhận trách nhiệm! Anh thừa biết đây là một công việc bạc bẽo, tốn rất nhiều tâm lực mà sự bù đắp chẳng được bao nhiêu.

So với công việc đứng ra phụ trách chế biến quân lương hoặc gần đây hơn việc cấp phát lương thực cho dân phu đắp thành, trách nhiệm hiện tại của Lợi có nhiều bất tiện. Các nghệ nhân khắc gỗ và vẽ hình hoa văn thường đứng tuổi

và khó tính. Chi phí cho công tác không bao nhiêu. Nhưng thừa biết chỉ ở đó, nhờ công việc đó, anh mới có nhiều dịp chuyện trò gần gũi với tất cả các nhân vật quan trọng. Thực ra những nhân vật lịch sử này không xa lạ gì với Lợi. Anh quen họ từ thời buôn nguồn. Một số không nhỏ đã từng xem việc được làm quen với anh người nắm chìa khóa kho lương là một hân hạnh may mắn. Tuy nhiên anh hiểu qua bao năm, ngôi bậc đã thay đổi quá nhiều. Khoảng cách giữa anh và những người từng kề cận với anh, ôm vai bá cổ anh, bẻ củ khoai chia đôi cho anh, càng ngày càng rộng. Anh phải xưng hô khác, đối xử khác. Được nói chuyện với họ trở thành sự may mắn hiếm có, cho nên anh tính toán thật kỹ mới chịu nhận trách nhiệm bạc bẽo này.

Lợi phải đi sớm, về muộn. Phải nhũn

nhận, lễ phép với tất cả mọi người, kể cả những người thợ đá. Mỗi tối về, anh đem chuyện ở thành về kể cho vợ nghe như những thành tích vẻ vang. Mới đến cổng anh đã bắt đầu kể... kể... kể mãi với giọng hào hứng khác thường. An nhàm tai với những câu chuyện ấy, nhưng vì nề chồng, khi nào chị cũng kiên nhẫn ngồi nghe cho đến lúc Lợi riu mắt ngáp dài. Lợi kể:

– Em biết không, chiều nay Đức Thầy... à quên... chiều nay Chúa thượng đến xem xét công việc ở Quyển Bồng cung. May cho anh dễ sợ. Anh vừa định về sớm xem thầy thuốc có đến thăm bệnh cho cha hay không, chưa kịp đội nón thì Chúa thượng đến. Không có lính hộ vệ rầm rập đi trước mới ái oăm chú. Chúa thượng đi tản bộ như một người dân thường, cử chỉ hòa nhã lễ độ, ăn

nói êm nhẹ như một ông cha hiền lành. Chúa thượng không ngại mệt nhọc, bụi bặm, đến tận chỗ bọn thợ đá đang làm để hỏi han ân cần. Em mà tận mắt nhìn bọn thợ chắc không nhin cười nổi. Họ cảm động quá, mặt xanh mét trả lời ú ớ như người học nói. Chúa thượng biết tâm trạng của họ, chẳng những không nổi giận mà còn vỗ vai họ, hỏi han họ đến chuyện cây tằm, chén gạo. May có anh ở đó nên nói vớt vát giùm cho họ vài câu. Chúa thượng cũng vỗ vai anh, nói đúng hơn là ôm vai anh như thế này này, thân mật hỏi anh y như lúc còn buôn nguồn. Đến cái mụn nhọt sau ót anh bị đau đớn từ thời cùng với Chúa thượng đi ghe muối, Chúa thượng vẫn còn nhớ. Chúa thượng cười hỏi: “Hồi đó tao tưởng mày lười biếng không chịu vác muối xuống ghe, lấy cớ đau nhọt ở cổ. Mày nhớ không?” trên đời tự cổ chí kim

có lẽ chưa có ông vua nào bình dân như vậy!

An ậm ừ cho qua chuyện, nhắc chồng:

– Nhưng anh ăn cơm đi chứ. Để nguội cả!

Lợi cười cảm ơn vợ, nói tiếp:

– Cả Hoàng hậu cũng thế. Một hôm... à anh kể cho em nghe chuyện này chưa... chưa phải không, vậy thì em phải nghe mới được. Thế mới biết các đấng vương giả từ tay trắng chân đất làm nên bao giờ cũng thương yêu dân hơn bọn càn cảnh vàng lá ngọc. Hôm đó anh đang chăm chú nhìn bác thợ vẽ tô hình con phượng trên cây cột lớn giữa điện, thì nghe có tiếng dép lẹp xẹp phía sau lưng. Anh tưởng mục đầu bấp lại đến

hỏi gạo, không thềm quay đầu, anh xằng giọng hỏi: Cái gì đó? Đằng sau anh có tiếng cười nhỏ, rồi tiếng nhả bã trầu. Anh nghĩ: Mụ này bữa nay quá trớn rồi. Anh đứng dậy, định sừng sộ. Anh thấy một bà già mặc đồ lụa, khăn trầu vắt vai, miệng nhai trầu bồm bồm. Anh ngờ ngợ không nhớ rõ ai, tuy thấy quen. Đến lúc người đàn bà nhai trầu lấy đầu lưỡi đẩy cục thuốc lên bên mép trong hỏi: “Chùng nào dọn qua bên này được, cậu Lợi”, anh mới giật mình kinh hãi: té ra Hoàng hậu đây mà!

An lại nhắc:

– Anh chan canh, không lại nguội mất!

Lợi cười hể hả, đáp:

– Được... Để mặc anh. Con ngủ cả

rồi phải không. Được phụng sự cho các bậc vua chúa như vậy thật may mắn. Anh hăng hái đến nỗi quên cả mệt. À, Hoàng hậu có hỏi thăm em đấy!

An tò mò hỏi:

– Em à? chuyện gì thế?

– Em đoán thử xem!

– Làm sao đoán được. Anh nói ngay đi!

– Thì em cứ thử đoán xem sao. Có tội vạ gì đâu mà sợ!

An nhất định không hờ môi. Cuối cùng Lợi đành phải nói:

– Hoàng hậu hỏi độ này có con cái, em còn xinh như thời trước không. Hoàng hậu còn hỏi không biết em có bùa mê thuốc lú gì mà Quận chúa say

em như vậy. Sống chưa?

An sung sướng, nhưng cố làm mặt nghiêm dặn chồng:

– Anh phải dè dặt lời ăn tiếng nói. Bây giờ Chúa thượng đã xưng đế, không thể buông tuồng như hồi còn ở Kiên Thành. Em sợ có ngày cả gia đình phải bị vạ miệng của anh.

Lợi bèo má vợ, nói:

– Em làm như anh là đồ con nít không bằng. Về miệng lưỡi thì thiên hạ thua anh, chứ anh không thua ai. Ngay lão Năm Ngạn được Chúa thượng tin cẩn như vậy, nhưng em thấy đấy, lão hại anh có được đâu. Lão tưởng tâu lên Chúa thượng vụ lương thực dân phu là nhất định anh hết đất sống. Kết quả ra sao, em biết rồi!

An thực sự lo sợ, run run can chống:

– Thôi anh. Hay gì việc đâm thọc, xâu xé nhau!

Lợi tức giận nói:

– Mình có gây sự đâu. Tuy nhiên hẳn đặt điều đổ vấy, cây muốn lặng mà gió chẳng dừng thì làm thế nào!

An nhìn thẳng vào mặt chống, hạ thấp giọng xuống:

– Đặt điều? Giữa anh với em, ta còn... ta có gì phải giấu nhau nữa. Anh lo lắng cho mẹ con em, cho cha em, em cảm ơn lắm. Nhưng...

Lợi không muốn nghe vợ nói tiếp, cắt ngang:

– Thôi anh hiểu rồi. Cho anh cây tăm đi!

Nhờ hương vị ngây ngất của tình yêu mà Lãng cảm thấy lòng rộng mở. Anh thương yêu mọi người, thương cả loài chim chóc, sâu bọ, cây cỏ. Anh thấy cuộc đời thật đẹp, thật đáng sống. Do lòng thương tràn trề ấy, một hôm Lãng tìm đến thăm gia đình Kiên.

Lãng quên hết những đổ kỵ, thành kiến cũ. Suy từ trường hợp mình, Lãng dễ hiểu anh hơn. Những bắt bẻ cố chấp dựa trên các nguyên tắc khô cứng hẹp hòi lâu nay gia đình ông giáo đổ lên đầu Kiên, giờ đây Lãng mới thấy khôi hài. Những nhà nho đầu óc mọc rêu đầy dẫy trong xã hội đã hiểu gì được con người? Đã hiểu gì được sự sống? Quyết định của Kiên không nhằm thách đố ai, quấy rầy

ai. Kiên không muốn ai động đến mình, không muốn làm đề tài trong các cuộc trà dư tửu hậu. Lãng bắt đầu thấy anh mình can đảm, và khâm phục.

Lãng đến quán rượu gần bến tắm ngựa lúc khách đang đông. Bọn mã phu quần áo còn dẫm nước sông, nhiều người chỉ vận độc cái quần đùi, ngồi gác chân lên ghế nốc từng bát rượu lớn, giọng đã lè nhè. Lãng hơi chùn bước, nhưng đã đến tận đây chẳng lẽ về? Khách rượu nhìn cách ăn mặc tề chỉnh của Lãng như tò mò trước một hiện tượng lạ, xoi mói xem anh là kẻ lộn sòng.

Đứa con gái lớn nhận ra Lãng, nhưng chưa hiểu Lãng muốn gì. Nó bậm môi lại, lo sợ Lãng lại đến gây gỗ phá phách như Chinh trước đây. Thấy vẻ mặt lo âu của con bé, Lãng thương nó, dịu dàng

đến gần quầy rượu chỗ nó ngồi hỏi một cách dịu dàng:

– Có chú Kiên ở nhà không cháu?

Đứa bé gái yên lặng, nhưng giọng vẫn còn run run khi đáp:

– Dạ thưa có, để cháu đi gọi.

Nhưng con bé vẫn nấn ná chưa chịu đi ngay. Lãng hiểu nó sợ không có ai trông hàng, nên bảo:

– Để chú trông hộ cho.

Một lúc sau, Kiên đi với con bé ra trước quầy, hai tay còn đang cài cúc áo. Thấy Lãng, Kiên ngơ ngác không hiểu, sau đó hốt hoảng hỏi:

– Cha làm sao thế?

Lãng vội đáp:

– Không. Cha vẫn thường. Em đến... em đến thăm anh.

Kiên chưa tin, hỏi lại:

– Thăm tôi à? Các cô các chú mà thềm đến đây thăm tôi à?

Lãng nhìn anh cầu khẩn:

– Em đến thăm anh thật mà!

Rồi lấy hết can đảm, Lãng hạ thấp giọng để chỉ một mình Kiên nghe:

– Bây giờ... bây giờ em mới hiểu anh.

Giọng Kiên vẫn còn chán chường, cáu kỉnh:

– Các cô các chú hiểu hay không hiểu thì cũng thế thôi.

Hai anh em im lặng nhìn nhau, rồi

vội quay đi chỗ khác để khỏi nhìn thấy sự bù ngùi, gượng gạo trên gương mặt nhau. Kiên không nở dày vò em nữa, lấy giọng đùa vui hỏi:

– Chú uống rượu được không?

Lãng vội xua tay từ chối:

– Thôi. Em không uống được rượu.

– Trà nhé?

– Anh cứ để em tự nhiên. Cháu này khôn ngoan lễ phép ghê anh nhỉ!

Kiên liếc về phía đứa bé gái ngồi chỗ quây, âu yếm nói:

– Mẹ nó đau, việc nhà nó quán xuyến được hết.

Lãng hấp tấp hỏi:

– Chị đau thế nào anh?

– Đã lớn tuổi, nên có mang bị vật vã luôn...

Kiên nói đến đó, bắt đầu húng hắng ho. Lãng hỏi:

– Cả anh cũng không được khỏe?

Kiên cố dần cơn ho, mặt đỏ gay, khó nhọc bảo em:

– Hể chiều chiều là vai mỏi rần. Lại hâm hấp sốt.

Lãng lo lắng nói:

– Em sợ...

Kiên cắt lời em:

– Bệnh thời khí đấy mà.

Lại ho. Thấy em ái ngại nhìn mình, Kiên cố cười tươi rồi bảo:

– Chú có muốn đi xem hồ cá của anh không?

Lãng tìm được một đề tài thoải mái, xa hẳn những chuyện đau lòng, nên reo mừng hỏi:

– Anh chơi cá vàng à?

Kiên vội cải chính:

– Không. Anh nuôi cá để phóng sinh.

Thấy em ngơ ngác chưa hiểu, Kiên kéo tay em, bảo:

– Lãng xuống đây khắc rõ. Con trông hàng cho chú nhé. Kìa, bác ngồi ngoài hiên đang gọi thêm rượu. Thừa có ngay ạ, cháu sẽ mang ra ngay. Thêm xâu nem nữa? Con lấy dao cắt lộn nem, không, lộn lá úa mới vừa đủ chua. Khéo lại đứt cả tay như hôm nọ. Lãng vào đây với anh.

Kiên dẫn Lãng ra sau vườn, nơi có một hồ cá nhỏ xây bằng vôi do chủ nhà cũ để lại. Nước trong hồ thật trong, khoảng vài mươi con cá đang lội tung tăng dưới mặt nước xao động. Lãng kinh ngạc hỏi:

– Không phải cá vàng sao?

Kiên giải thích:

– Không. Anh không nuôi cá cảnh. Cũng không nuôi cá để ăn thịt. Việc này hơi phức tạp, mới nghe có vẻ lẩn thẩn, nhưng anh sẽ cố giải thích cặn kẽ cho chú.

Lãng biết không, sẽ có một lúc nào đó trong đời, tự nhiên Lãng rờn rợn cảm thấy chung quanh ta cái gì cũng có sự sống. Hòn đá cuội có hồn của đá cuội. Một ngọn lá cũng biết đến cảm giác xót xa khi bị ta bứt phá, hoặc cả rừng cây

cùng nhau thì thảo kế lẻ lúc mặt trời sắp lặn. Loài ta tưởng vô tri thực ra cũng biết hăm hở, ước vọng, ham muốn, đau khổ, mừng vui, giận dữ. Dĩ nhiên đối với loài vật thì dễ nhận ra sự sống rồi. Nhiều đêm ngồi một mình, anh nghe được mọi thứ tiếng nói lạ và anh nghĩ là mình có thể hiểu được loại tiếng nói phức tạp ấy. Mình cảm thấy rộn rã trong lòng, hết cả cô đơn, chán chường. Sẽ đến một lúc quen dần với cảm giác rờn rợn, ta bớt sợ, và bắt đầu thấy thương yêu tất cả muôn loài. Không có cái gì đáng ghét, mọi sự mọi vật hòa điệu để bảo bọc cho ta, thậm chí hy sinh cho ta nữa. Cảm giác hân hoan vì thương yêu bao dung ấy, theo anh nghĩ, ta có thể tự tạo ra được. Ta tìm thấy thương yêu đến ngộp thở, yêu đòi đến độ ngây dại bất cứ lúc nào ta muốn. Anh đã thử nhiều lần rồi, lần nào cũng cảm nhận được cảm giác ngây ngất, như

vừa uống một ngụm rượu ngon.

Lãng không kiên nhẫn được nữa, vội hỏi:

– Nhưng anh thử những gì? Làm gì với cái hồ cá này?

Kiên nhìn khoảng không mỉm cười một mình. Một lúc sau anh quay lại nhìn Lãng, và nói:

– Trước hết chú phải cắt bỏ mọi ưu phiền, lo toan, tham lam, đồ kỵ, thành kiến, những thứ như bản từng dày vò đời ta. Chú bỏ hết, dứt hết, quên luôn cả mình, ngồi đây chăm chú nhìn con cá lội. Chú phải chọn lấy một con thôi, đừng ôm đồm. Chú dồn hết tâm trí cho nó, đắm đắm theo dõi từng cái quẫy đuôi, từng cái đớp bóng của nó. Chú đừng vội chán mà bỏ cuộc. Phải kiên nhẫn. Đầu tiên

chú thấy mỗi ở mắt, mí trên nặng nặng như buồn ngủ. Máu trong người chú sẽ chạy mau hơn. Chú nghe lỗ tai có tiếng o o như gió thổi vào hang đá. Má chú tê tê. Nếu lại chán, chú sẽ bỏ cuộc. Chú phải gắng ngồi nhìn con cá cho thật lâu, đến lúc... đến lúc đột nhiên trước mắt chú con cá biến hình. Chú sẽ thấy ở đôi mắt lộ của nó tất cả vẻ cầu khẩn thương xót. Khi nó nổi lên đớp bóng, thứ tiếng đục và ngắn ấy không phải lúc nào cũng giống lúc nào. Dĩ nhiên có lúc đó chỉ là một cử động hô hấp để sinh tồn. Nhưng nhiều lúc khác, chú xem cách nó quẫy đuôi, uốn vây, lượn mình uyển chuyển trước khi đớp động, chú sẽ hiểu đó là những câu đùa cợt, những lời trách móc hoặc thôi thúc. Chú có cảm tưởng đang nói chuyện với một con người, thật thế. Đến lúc thuận tiện nhất nghĩa là lúc chú cảm thấy giữa chú và con cá không phân

biệt nhau nữa, sự đau đớn, vui mừng là của chung, chú hãy đưa tay vớt nó lên. Lạ lùng một điều là nó ngoan ngoãn bơi đến nằm gọn trong lòng tay chú, không trần trở vùng vẫy gì cả. Chú đem con cá đến bờ sông, tốt hơn hết là chọn lúc giữa trưa để trông xuống nước cho rõ, thả nó xuống nước. Ban đầu nó vẫn nằm trên lòng tay chú như còn lưu luyến. Về sau nó lật lại, vẫy đuôi rồi lội ra ngoài. Có con vẫn tiếp tục quẩn quít bên chú, có con tung tăng bơi lội ra ngoài xa giữa dòng sông. Chú ngồi một mình trên bờ, nhắm mắt lại, cố tìm xem chú cảm thấy điều gì. Vui? Buồn? Chán? Giận? không, không có gì hết. Chú chỉ thấy một cảm giác lâng lâng, lan man vô định, chú có cảm tưởng như thân thể mình nhẹ tênh, có thể đi lại trên mặt nước. Cảm giác lâng lâng ấy càng ngày càng loang ra khắp thân thể chú, các lỗ chân lông nhậy

cảm hơn. Dường như da thịt chú tiếp xúc thẳng với nắng, gió của trời đất chớ không bị quần áo ngăn cách. Cảm giác hạnh phúc, vâng, anh gọi đó là cảm giác hạnh phúc, sẽ kéo dài được lâu hay mau là do căn cơ cảm thụ của từng người. Nói cho dễ hiểu theo lối nhà Phật thì tùy vào lòng chân thành, thương yêu, thông cảm của chú đối với con cá cao hay thấp mà chú hưởng được cái quả nhãn tiền là cảm giác giải thoát, cảm giác hạnh phúc.

Lãng càng nghe anh nói càng ngỡ ngàng. Lãng nhìn vào mặt Kiên, tìm thấy ở đôi mắt Kiên sự đam mê khác thường, sự đam mê của một thế giới bí hiểm xa lạ mà Lãng chưa hiểu hết. Nếu so sánh với vẻ mặt lầm lì đăm chiêu của Kiên thường ngày thì đúng là anh tìm được ý nghĩa của giải thoát, của hạnh phúc trong cuộc thử thách đơn giản nhưng đầy vẻ mông

muội này.

Lãng hỏi:

– Cảm giác hạnh phúc của anh kéo dài được bao lâu?

Kiên kiêu hãnh đáp:

– Không chừng. Có khi được một buổi. Có khi được cả ngày. Có khi quá bối rối vì việc nhà việc sở, không cảm thấy gì hết. Cho nên Lãng phải biết chọn lúc thích hợp để khởi mắt công.

Hai anh em im lặng dõi theo ý nghĩ riêng. Lãng liếc nhìn anh, thấy Kiên trở lại với bộ mặt lầm lì ủ dột. Và bắt đầu húng hắng ho. Lãng ái ngại nhìn anh, lòng thương yêu có pha lẫn thương xót. Lãng nói:

– Để em ghé thăm chị một chút.

Kiên vội gạt đi:

– Thôi, khỏi cần. Bà ấy đổi tính, khó chịu lắm.

Lãng thì thảo bảo:

– Em về. Mong anh được hạnh phúc lâu hơn, bền hơn.

Chương 47

Khoảng một tháng sau cuộc hôn lễ linh đình rực rỡ của Nguyễn Huệ, tai biến ập đến gia đình An. Đúng như An từng lo sợ, nguyên nhân của tai biến là cái vạ miệng do Lợi gây ra.

Khi Hoàng hậu đến thăm cái dinh thự đẹp trong hoàng thành dành cho vợ chồng Long Nhương tướng quân, Lợi vẫn quen thói cũ, đem hết chuyện này chuyện nọ huyền thuyên làm vui lòng Hoàng hậu. Lợi có tài kể chuyện và pha trò, nên Hoàng hậu mãi nghe Lợi nói,

quên cả về. Lợi tán hươu tán vượn về tài trang hoàng của mấy bác thợ vẽ, giải thích hết sức dí dỏm về ý nghĩa các hình hoa văn. Chưa bao giờ Hoàng hậu được hưởng những tiện nghi nhà cửa cao ráo và rộng rãi xa hoa như vậy, nên cái gì đối với Hoàng hậu cũng là những điều lạ mắt, khó hiểu. Lợi yên tâm không sợ một người sành sỏi khám phá cái dốt của mình, càng hăng hái ba hoa về sự hòa hợp màu sắc, về mức sang trọng của màn trướng, bàn ghế, giường tủ, về ý nghĩa của một cành mai, trái đào, con nai có lộc, con sóc đang gặm quả, con lân ngậm hạt châu... khắc trên các loại đồ gỗ.

Lợi thấy giọng khôi hài châm biếm của mình cuốn hút được Hoàng hậu, nên nhảy từ chuyện nọ sang chuyện kia, đem cái lảm cẩm của những bác điêu khắc,

thợ vôi, thợ mộc ra chế giễu. Và đến một lúc thiếu đề phòng, Lợi châm biếm luôn cả sự dốt nát về nghệ thuật của Nội hầu Phạm Ngạn.

Hoàng hậu cười đến phun cả bã trà, hỏi đi hỏi lại:

– Thật à? Té ra ông Năm Ngạn không biết ất giáp gì cả à?

Lợi được đà dậm thêm một chút giả tưởng cho vui chuyện, Hoàng hậu lại cười thích thú. Và Lợi thì hãnh diện về tài ăn nói duyên dáng, cuốn hút của mình.

Những lời châm biếm của Lợi đến tai Phạm Ngạn, chắc chắn là do Hoàng hậu kể lại.

Viên Nội hầu giận đến tím mặt. Quá lắm rồi! Thằng ranh bướng nhỉnh dám vuốt râu hùm! Mà đã muốn chết, thì ta

cho mày chết! Phạm Ngạn lục lợi tất cả các đơn tố giác, khiếu nại, thỉnh nguyện của dân phu, những hồ sơ quý giá trước đây ông chưa kịp dùng vì thấy Thiếu phó Nguyễn Lữ vẫn có ý bảo bọc cho Lợi, còn Tây sơn vương Nguyễn Nhạc thì muốn cho qua.

Giờ đây, Phạm Ngạn cương quyết đi tới cùng. Ông xếp đặt các đơn khiếu tố theo từng mục, từng loại: đơn khiếu tố về chuyện mờ ám trong việc cấp gạo, đơn khiếu tố về chuyện ăn bớt số lương thực của các dân phu đau yếu hoặc bỏ trốn, đơn khiếu tố về việc dung dưỡng bọn lười biếng, chẳng những không làm việc mà còn được giao phát lương để bòn rút, đơn khiếu tố về các chứng tử ma...

Viên Nội hầu sưu tập cẩn thận các chứng cứ buộc tội, rồi để đó! Không có gì phải vội! Cả triều đình đang bận rộn

chuẩn bị cho cuộc hôn lễ lịch sử, không ai còn để tâm trí vào một chuyện mờ ám vặt như thế này. Nhất là quan Hình bộ Bùi Văn Nhật. Cuộc hôn nhân đã củng cố địa vị chính trị cho anh em ông, xác định vị trí đặc biệt cho gia đình ông. Bùi Văn Nhật, Bùi Đắc Tuyên dồn hết tâm trí vào đó, hôn lễ càng uy nghi rực rỡ, linh đình thì danh giá, quyền uy của họ càng được vững chắc.

Phạm Ngạn chờ cho đến sau cuộc hôn lễ khá lâu, mới vin vào dịp kỵ mẹ mời Bùi Văn Nhật đến nhà “nhấp vài chung rượu nhạt”. Rất tử tốn, chậm rãi, khéo léo, Phạm Ngạn nhắc cho Bùi Văn Nhật nhớ về mặt buồn rầu gần như hờ hững của Long Nhương tướng quân trong ngày lễ cưới, rồi viên Nội hầu làm như vô tình nói đến căn bệnh của ông giáo, đến An, xa xôi nhắc đến cảm tình

giữa An và Nguyễn Huệ từ thời An Thái. Bùi Văn Nhật hiểu ngay mỗi đe dọa có thể có đối với hạnh phúc của em gái, đối với cả địa vị của mình. Vì vậy, khi Phạm Ngạn đưa tập hồ sơ cho quan Hình bộ, thì Nhật hiểu ngay điều cần phải làm.

Cũng từ tốn, kiên nhẫn, kín đáo y như Phạm Ngạn, quan Hình bộ lặng lẽ cho người đi xác minh từng đơn khiếu tố, kiểm tra sổ sách chi thu ở kho quân lương, so sánh các chứng từ xuất kho và các chứng từ thanh toán. Đến lúc nắm chắc được các số liệu, Bùi Văn Nhật mới đem hết hồ sơ lên trình cho Nguyễn Nhạc. Mọi sự đã rõ như ban ngày. Dù quá hiểu cả cái tật lẫn cái tài của Lợi, nhà vua không còn cách nào nhẹ tay cho tên thuộc hạ cũ được nữa.

✱

Tai biến đột ngột ập đến không có dấu hiệu nào báo trước khiến An sững sờ. Lợi bị đóng gông dẫn đi rồi, chị vẫn còn ngồi trên người trên cái chõng tre, y như một cái xác bất động. Hai đứa trẻ khóc nức nở vì sợ hãi cảnh lính tráng hò hét, sục sạo hung tợn mà An không nghe thấy gì. Mấy đứa ở gái trốn biệt dưới bếp không dám lên nhà ngang. Thằng Phát khóc đến khan tiếng, nước mắt, nước dãi nhem nhuốc. Bé Thái chưa hiểu gì nhưng giật mình thức giấc vì tiếng khóc của anh, cũng oe oe khóc theo.

Lãng về nhà thấy tình cảnh ấy, vội trở vào trại tìm gặp Long Nhưưng tướng quân. Không may cho anh, Nguyễn Huệ đang bức bối về những tin xấu từ Gia Định về. Vừa thấy Lãng, Huệ đã nói:

– Cậu có thấy ta đoán đúng chưa! (Huệ bắt đầu gọi cậu và xưng ta mấy tháng gần đây). Sao lại sai một lũ bại tướng vào trong đó lần nữa. Thua một thằng con nít mười bảy tuổi, trời hỡi trời, thật là đẹp mắt. Tư khấu Uy đã bị giết ở Bến Nghé. Bọn Liêm, Năng cũng bị giết. Chiến thuyền bị mất sạch. Lại còn lão Năm Ngạn nữa. Sao lại đưa quan hộ giá vào trận này? Có tin Năm Ngạn đã thoát chạy ra Bình Thuận. Nhưng Châu Văn Tiếp chờ sẵn ở đó. Liệu có chạy được về đây không? Bao nhiêu công phu xây dựng đoàn chiến thuyền để bọn bắt tài đem dâng cả cho giặc. Chúng nó nhát như thỏ, giặc chưa tới đã quăng gươm giáo chạy tán loạn, thì giao việc quân cho chúng nó làm gì. Thua một thằng nhãi ranh mười bảy tuổi, trời hỡi trời!

Lãng không biết nói gì, chỉ nhắc chuyện cũ:

– Lần này chính quan hộ giá tình nguyện xin đi đấy, thừa tướng công. (Lãng cũng đã quen dần với cách xưng hô mới).

Giọng Nguyễn Huệ đầy bức dọc, tức giận:

– Chẳng lẽ ai xin gì cũng cho cả. Đưa một ông chuyên sai bảo quát mắng tụi lính hầu khúm núm ra cầm quân ở đất lạ, có khác nào... có khác nào...

Huệ trực nhớ mình đang chê trách anh trước mặt thuộc hạ, nên do dự không dám nói thêm những lời phạm thượng. Ông bối rối, rồi chuyển câu chuyện sang hướng khác. Huệ hỏi:

– Cậu chưa về à?

Lãng cố gắng mà chưa lấy đủ can đảm để nói chuyện Lợi bị bắt. Anh phải nói dối:

- Dạ chưa.
- Đã ăn cơm chưa?

Lãng lại nói dối:

- Rồi ạ.
- Tối nay ở lại đây chứ?

Lãng hy vọng nhờ buổi tối này có thể trình bày chuyện Lợi nhờ Huệ gỡ giúp, nên mau mắn đáp:

- Dạ vâng.
- Thế thì hay lắm. Ta có chút việc nhờ cậu. Thằng ranh con tên Chủng (Nguyễn Ánh) lại lắm le khôi phục rồi. Phải có một cuộc hành binh thần tốc hơn cả năm

ngoái để quét sạch chúng đi. Phải chặn trước các ngã đường chúng vẫn dùng để trốn sang Xiêm hay ra các đảo. Ta phải thấy trước cần đến bao nhiêu quân, bao nhiêu vũ khí, bao nhiêu chiến thuyền. Nếu được chấp thuận, ta phải đánh gấp cho kịp mùa gió. Chần chờ lại phải dời đến sang năm.

Lãng rụt rè hỏi:

– Đêm nay tướng công không trở về phủ?

– Không. Ta ở đây cảm thấy thoải mái hơn ở giữa chỗ màn trướng. Sống trong mấy bức tường vẽ vờn hoa lá, chạm trổ cùng khắp, mình có cảm tưởng chính mình cũng là đồ giả. Cậu có bao giờ nghĩ thế không?

– Chưa có dịp ạ!

Long Nhường tưởng quân chợt nhớ đến cảnh sống khiêm nhường của Lãng, chớp mắt cảm động hỏi:

– Thầy có bớt chút nào không?

Lãng hồi hộp thấy cơ hội đến, hấp tấp đáp:

– Dạ vẫn thế.

– Mấy chai thuốc hôm trước ta gửi có hiệu nghiệm gì không?

Lãng lại đáp sai sự thực:

– Được một thời gian, sau đó đâu vẫn hoàn đấy.

Huệ trầm ngâm, giọng buồn buồn:

– Tâm bệnh, khó chữa lắm.

Đột nhiên đôi mắt Huệ sáng lên. Ông định nói gì đó, nhưng lại thôi. Đôi

mắt trở nên buồn buồn, mơ mộng. Lãng
lấy hết bạo dạn, ấp úng nói:

– Hồi chiều, hồi chiều.

Huệ giật mình ngừng lên nhìn Lãng,
bồ ngỗ hỏi:

– Cậu nói gì thế?

Lãng nói một mạch không kịp thở:

– Hồi chiều, quan Hình bộ vừa cho
lính đến đóng gông anh Lợi đem bỏ
ngục.

Huệ kinh ngạc hỏi:

– Thực à? Tội gì thế?

– Dạ không rõ. Hình như chuyện
dây dưa từ lúc còn cấp lương cho dân
phu đắp thành.

– Vụ đó xong rồi kia mà?

Lãng bắt đầu thấy có hy vọng, vội đáp:

– Dạ cái chuyện không đâu ấy tưởng đã êm rồi, không ngờ...

Huệ dăm dăm nhìn Lãng khiến anh không dám nói hết câu. Huệ nói:

– Giữa cậu với ta, không có gì phải quanh co. Phải nói thẳng là Lợi không bị oan đâu. Tính anh ta thế nào, chúng ta đã biết quá rõ. Chính cậu nhiều lần cũng than phiền với ta đủ chuyện lời thôi của ông anh rể. Có điều phải xét là có đáng xé to chuyện hay không! Cậu bảo là lệnh của quan Hình bộ à?

– Dạ. Chị... chị An kể chính quan Hình bộ ra lệnh.

– Ngoài việc bắt giam Lợi, bọn lính còn làm gì nữa không?

– Có lục xét nhà, và biên ký một số đồ đạc, nữ trang.

– Có tịch thu không?

– Dạ không rõ. Em vừa về thấy cảnh nhà xao xác, vội vàng trở lại đây.

Huệ quên lời nói dối của Lãng lúc này, nên bảo:

– Thôi, đêm nay Lãng về đi. Hỏi An cho rõ họ biên ký những gì, tịch thu những gì. Sáng mai vào đây cho ta hay. Nhưng có chắc là lệnh quan Hình bộ không?

– Dạ thưa chắc chắn, tướng công!

Huệ đắm chiêu suy nghĩ, lẩm bẩm:

– Phiền nhĩ! Sao lại lệnh bộ Hình? Vụ xích mích với ông Năm Ngạn đã xếp rồi mà.

Lãng về đến nhà đã quá canh hai. Từ cổng nhìn vào anh có cảm tưởng đây là một khu nhà mồ. Anh gọi cổng. Con Vện đã bị đem cho người khác nuôi để khỏi làm cho ông giáo sợ hãi, nên phải gọi nhiều lần, mới có người bên trong cầm đèn ra mở. Lãng ngạc nhiên thấy Kiên mở cửa cho mình. Lãng hỏi:

– Ai cho anh biết nhanh thế?

Kiên cài then cẩn thận rồi mới đáp:

– An nó sai bà vú lại. Chú đi đâu về đấy?

– Em vào trại.

Sau một lúc ngần ngừ, Lãng tiếp:

– Em có thưa chuyện với anh Huệ.

Kiên đang cầm cúi bước vội ngừng lên hỏi:

– Thế à? Anh ấy trả lời thế nào?

Bấy giờ Lãng mới nhớ là Huệ chưa hứa điều gì chắc chắn, nhưng sợ anh thất vọng, Lãng đáp:

– Anh ấy hứa can thiệp giúp bên ông Nhật.

Kiên gật gù nói:

– Anh Huệ chịu hứa, thì còn cứu vãn được. Vào báo cho An nó mừng. Tội nghiệp!

Lãng bắt gặp An đang khóc thút thít bên nôi con. Hai đứa bé đã ngủ. Con Thái lâu lâu giật mình nên An phải ngồi canh giấc cho con. Lãng ngồi xuống bên

chị. An không ngược lên, tay dặt dặt cái tao nôi. Lãng xúc động trước vẻ đau khổ thâm lặng của chị, nhỏ giọng nói:

– Em vừa đi gặp anh Huệ về!

An giật mình ngừng lên nhìn em. Lãng ngạc nhiên vì cái nhìn vừa hốt hoảng vừa phần nộ của chị. An cúi kính hỏi:

– Sao lại đi báo cho người ta?

– Em nghĩ là chỉ có anh ấy là có thể... có thể...

An to tiếng, bực tức:

– Có thể... có thể làm gì? Người ta là em rể. Họ đã trở thành sui gia của nhau. Dĩ nhiên ông Nhật phải báo cho người ta biết, hoặc đã bàn bạc với nhau chán mới ra lệnh bắt. Sao mà ngây thơ thế! Mà van xin, năn nỉ người ta à?

Lãng vội đáp:

– Em có năn nỉ gì đâu? Chỉ báo tin cho anh ấy biết thôi. Vả lại đã chắc gì ông Nhật có bàn trước với anh ấy. Chị nhớ vụ của cha trước đây không?

– Hồi trước khác, bây giờ khác. Mà có thấy người ta thèm đến đây không? Người ta có biết cha bệnh nặng không?

– Biết.

– Đó. Biết mà có đến thăm không?

Lãng dậm ngờ, nhưng cố gượng nói:

– Nhưng nhìn nét mặt thảng thốt của anh ấy, em tin chắc rằng anh ấy chưa biết chuyện anh Lợi. Họ giấu anh ấy.

– Người ta ra lệnh chém một lượt hai ông chúa còn chưa nhú mày, huống gì cái thân hèn của anh Lợi. Mà còn tin

lòng dạ người ta được à?

– Sao chị đa nghi quá!

An càng lớn giọng hơn:

– Đời dạy cho tao đa nghi. Mà phải chịu đời vất vả cho nhiều trận nữa mới hiểu được lòng người nông sâu thế nào. Tao thì tao hiểu hết rồi. Tình nghĩa! Đến đứa con gái đẹp dễ gây thơ mà họ còn nỡ đem quăng vào cuộc mua bán, đổi chác bán thú, để bây giờ dở con dở bà, dở sống dở chết. Nhưng mà đã van nài những gì với người ta?

Lãng đăm giận chị, cãi lại:

– Chị khinh em quá. Em chỉ báo tin, chứ có van xin họ điều gì đâu?

An cười nhạt, hỏi lại:

– Thế người ta đã hứa với mày cái gì?

Chùng nào anh Lợi được thả ra?

Lãng e dè đáp:

– Anh ấy chỉ bảo sẽ hỏi lại. Chuyện đâu có thể giải quyết đơn giản, mau chóng được.

An lớn tiếng nói:

– Đấy. Mà thấy chưa. Người ta có dám hứa với mày gì đâu! Quyền hành sinh sát ở cả trong tay anh em họ, muốn bắt ai thì bắt, muốn tha ai thì tha, chỉ cần người ta gật đầu một cái thì đến trăm quan Hình bộ cũng phải chịu thua chứ đừng nói một mình lão Nhật.

An nói to quá làm giật mình cả thằng Phát lẫn bé Thái. Hai đứa bé khóc thét lên. An à ơi ru con, một tay đưa tao nôi, một tay vỗ vào lưng cho thằng Phát yên tâm. Lãng thương chị, đến phụ An để đỡ

thằng Phát. An trở lại ngôi chỗ cũ, miệng tiếp tục ru con.

Đang ru, tự nhiên giọng An run run, ngập ngừng, rồi bật khóc. Lãng an ủi chị:

– Chị đừng lo lắng quá. Mọi việc rồi thế nào cũng qua thôi.

An vừa nức nở vừa nói:

– Bao nhiêu tiền bạc của cải họ tịch biên hết, biết lấy gì sống đây! Cha như vậy, mấy đứa nhỏ đau lên đau xuống như vậy! Chỉ còn có nước chết! Em có biết cách nào để mấy mẹ con chị chết cho êm ái không?

Lãng ghen lời không nói gì được, chỉ khẽ nói:

– Chị...

Vừa lúc đó Kiên vào buồng An, Kiên

chưa hiểu tâm trạng hai em, nên bình thản hỏi Lãng:

– Tối nay em ngủ lại đây chứ?

Lãng đáp nhỏ:

– Dạ.

– Như vậy anh về được rồi. Anh sẽ xếp đặt để hoặc anh qua ở luôn bên này một thời gian, hoặc anh cho con bé lớn qua.

Rồi vỗ vai An, Kiên an ủi:

– Thôi đừng buồn nữa. Hãy yên tâm lo cho các con đi. Anh ta đã hứa chắc như vậy, thế nào cũng xong.

An ngược lên nhìn anh, không hiểu Kiên nói gì. Nhưng chị đã quá buồn chán không nói được lời nào nữa.

Sáng hôm sau, Lãng vừa thức giấc đã nghe ở nhà dưới có tiếng khóc tỉ tê và tiếng thì thầm rất giống với lời năn nỉ khẩn thiết. Lấy làm lạ, Lãng nằm im lắng tai nghe. Anh không nhận ra được tiếng ai khóc, nhưng nhất định không phải là của An.

Anh vội ngồi dậy đi xuống nhà dưới. An đang ngồi thờ bên bếp lửa, bên cạnh hai đứa ở gái và chị vú đang thút thít. Thấy Lãng xuống, họ quay mặt vào phía tối để quệt vội nước mắt trên má. An trông thấy em, gọi Lãng đến phân bua:

– Chị cho bà vú với hai con nhỏ này về mà họ nhất định không chịu. Họ có hiểu gìùm cho chị đâu. Lúc trước thì sao

cũng được. Bây giờ đến mẹ con chị chưa biết lấy gì ăn, làm sao nuôi nổi họ nữa. Chị vú vừa bảo để con Gái Nhỏ ở nhà trông em, còn con Gái Lớn với chị vú sẽ giúp chị buôn bán kiếm sống. Nhưng buôn bán cái gì bây giờ? Vốn liếng đâu? Mà họ có tội tình gì mà mang lấy cái vạ đói khổ này! Em đàn ông trông xa thấy rộng, em nói giúp cho họ hiểu.

Con Gái Lớn thút thít khóc, quay nói với An:

– Con bỏ cô con đi không đành. Rồi ai trông nom cho hai em. Con không cần tiền công. Cô có gì con ăn nấy.

Chị vú cũng nói:

– Cô ít sữa lấy gì cho con bé nó bú. Vả lại đi buôn đi bán đâu phải dễ. Cô chưa quen, còn tôi thì quen lắm rồi. Tôi

sẽ giúp cô một thời gian cho quen bạn hàng, chờ cho con bé thôi bú, lúc ấy cô có giữ tôi cũng không dám ở lại nữa. Cậu thấy tôi phân bày như thế có được không. Cô ấy quần trí mất rồi!

Lăng hỏi An:

– Chị nghĩ kỹ chưa mà cho họ về? Còn cha? Còn hai cháu?

An bứt rứt nói:

– Không cho họ về chẳng lẽ để họ chết đói chung với mình à?

Con Gái Nhỏ nói:

– Tụi em không làm rầy cô đâu. Tụi em sẽ kiếm việc giúp cô. Em biết chằm nón, đan võng.

Con Gái Lớn cũng nói:

– Em biết đan lưới. Em sẽ lãnh đan lưới cho dân Giã dân Vững. Cha mẹ em trước làm nghề chài quen với các vạn chài nhiều lắm. Cô đừng lo.

An cảm động không biết nói thế nào. Lãng nói:

– Thôi, chuyện đó cũng không có gì gấp. Chờ anh Kiên đến hãy bàn cho kỹ hơn. Chị lên đây em nói cái này!

An theo Lãng lên nhà trên. Lãng hỏi chị:

– Hôm qua họ tịch biên của anh chị những gì?

An vội hỏi:

– Em hỏi làm gì thế?

– Em sẽ nhờ anh Huệ để đòi lại. Của cải riêng của người ta, đâu có...

An bậm môi lại để dần tức giận, nhưng không được. Chị cắt lời em:

– Chị nói lần chót cho em nhớ. Con người ta ai cũng có liêm sỉ. Thà mẹ con chị ôm nhau ra bờ sông tự trầm còn hơn mở lời năn nỉ, van xin người ta. Nếu em còn nhắc nhở tới chị với người ta, còn lên tiếng xin xỏ bất cứ chuyện gì cho chị thì kể từ đó, tình chị em kể như đoạn tuyệt.

Lãng hải hùng trước nét mặt giận dữ đanh đá khác thường của An, lắp bắp hỏi:

– Đâu đến nỗi nghiêm trọng như vậy chị?

An giận run, hơi thở dồn dập:

– Đến... đến nước này mà em còn u mê! Còn chưa thấy lòng dạ người ta.

Họ toan tính toa rập với nhau từ lâu để loại bỏ cha, rồi bây giờ đến lượt anh Lợi. Bao giờ đến lượt em? Chỉ cần một cái lỗi bằng hạt bụi cũng đủ cho họ khép tội cho em ở tù đến một gông!

Lãng ngơ ngàng không hiểu nổi An. Môi An run run, nước mắt lưng tròng. Chị không thể chịu đựng được sự phẫn kích tột cùng, nổi lên ho sặc sụa. Lãng nhận thấy không thể nói gì với chị được nữa, đành buồn rầu đáp:

– Em nhớ lời chị dặn. Vâng, em sẽ không nói thêm điều gì cả. Nhưng về việc chị vú và hai đứa ở, chị đừng nên vội. Chờ hỏi anh Kiên đã. Cả việc anh Lợi cũng vậy. Không có gì khó đến nỗi không tìm ra cách gỡ được. Điều quan trọng là tìm cho ra ai xứng xuất việc này.

An trề môi nói:

– Ai? Đến bây giờ mà em còn chưa biết ai? Ngoài gia đình lão Tuyên lão Nhật thì còn ai vào? Họ là sui gia với hoàng gia, quyền uy nắm gọn trong tay thì đóng gông ai mà chẳng được.

Lăng quan sát nét mặt chị, nhận thấy trong cơn phần nộ cay đắng, có cái gì khác hơn là nỗi lo lắng cho chồng, cho con. Có một yếu tố mới kích động An mạnh mẽ, gần như qua một đêm biến đổi hẳn tính tình, thái độ, lối suy xét, lối nhìn đời của An. Lăng mừng tượng cảm thấy yếu tố mới ấy là gì, nhưng anh không dám nghĩ tiếp, vì càng nghĩ anh càng thương xót chị.

✱

An tìm cả buổi mới thấy cái nghiên

và cây bút của ông giáo. Chị không tìm ra thỏi mực, và giấy. An sai con Gái Nhỏ xuống phố mua một xấp giấy bản, và một thỏi mực. Nó không sành chuyện giấy bút, mua nhầm giấy xấu và mực giả.

An mặc kệ, mài mực viết một lá đơn khiếu oan cho chồng, rồi không chờ hỏi ý kiến Kiên hoặc Lãng, ẵm bé Thái lên bộ Hình. Chị không thèm trả lời những câu hỏi lo sợ của bà vú và hai đứa ở, bất kể trời nắng chang chang, lấm lì bóng con đi ra đường. Đi được một đoạn, chị nhớ tóc tai của mình quá bù xù, quần áo xốc xếch nhẵn nhúm vì đã mấy hôm liền An chưa nghĩ đến chuyện thay. An nghĩ: “Việc gì phải để cho họ thương hại” nên lại quay về. Chị vú và hai đứa ở tưởng chị đổi ý, hết sức mừng rỡ. An không nói gì cả, vào buồng đem son phấn cũ ra trang điểm. Chị lục tìm lại bộ quần áo thật đẹp

may từ ngày cưới. Sửa soạn xong, An mở cửa buồng ra ngoài. Con Gái Lớn kinh ngạc reo lên:

– Cô đẹp quá. Cô định đi đâu đấy? Để con theo bỗng em cho.

An nghiêm nét mặt dặn nó lo bữa ăn cho cha và săn sóc cho thằng Phát, rồi bỗng con ra đường.

Bộ Hình nằm sát bên một dinh thự đang xây cất dở. Lính gác ở cửa nam nhất định không cho An vào vì có lệnh cấm tuyệt dân chúng không được ra vào cửa chính này. An phải qua cửa Tân khai. Ở đây, mấy chú lính trẻ trông thấy cách ăn mặc sang trọng của An đoán chị là người có quyền thế lớn. Nhưng họ ngờ ngợ không hiểu tại sao An không đi võng hoặc đi kiệu, lại tự mình bỗng đứa con nhỏ trên tay. Họ không dám cản đường.

An nghiêm nét mặt qua cổng mà không ai dám hỏi. Nhưng đến cổng bộ Hình thì bọn lính canh dứt khoát chặn An lại. Một người lính già vênh mặt hỏi An:

– Chị kia, đến đây có việc gì?

An nhìn thẳng vào mặt người lính, đáp gọn:

– Tôi cần gặp quan Hình bộ!

Người lính chưa tin những gì vừa nghe, hỏi lại:

– Chị bảo gặp ai?

An dần từng tiếng:

– Gặp quan Hình bộ.

Người lính ngơ ngác hỏi:

– Chị nói đùa hay nói thật?

An cười nhạt đáp:

– Tôi nói đùa với bác làm gì?

Người lính đưa mắt nhìn kỹ cách trang điểm, ăn mặc của An, bắt đầu bắn khoản. Giọng bác dịu lại:

– Chị hiểu cho. Có lệnh cấm tuyệt không cho ai được vào thẳng dinh quan Hình bộ. Có đơn trương gì thì nộp tại đây. Lệnh trên nghiêm lắm. Chúng tôi không thể làm khác được.

An cũng dịu giọng bảo:

– Vậy thì nhờ bác đem ngay cái đơn này trình cho quan Hình bộ.

Người lính nhận lá đơn, nét mặt vui mừng vì vừa giải quyết êm đẹp được một chuyện khó xử. Nhưng khi thấy An bỗng con đến ngồi bên trạm gác, bác ta hốt hoảng hỏi:

– Chị còn chờ gì nữa mà chưa về?
Sao lại mang theo cả con cái cho nắng
nôi thế kia?

An ru nhỏ nhỏ vì bé Thái giật mình
dợm khóc, rồi đáp:

– Tôi chờ quan Hình bộ trả lời thế
nào rồi mới về.

Người lính già trở mắt nhìn An như
nhìn một quái vật. Bác ta định nói gì đấy,
nhưng lại thôi, cầm lá đơn chạy vào vọng
canh. Hai ba người lính xúm nhau xì
xầm bàn tán, vừa bàn vừa đưa mắt nhìn
về phía hai mẹ con An. Họ bàn cãi một
lúc, rồi một người cầm lá đơn của An
chạy vào trong dinh. Người lính già trở
lại chỗ An, thắc mắc hỏi:

– Chị là ai?

An tiếp tục ru con, để mặc cho người

lính chờ. Mãi một lúc sau, khi bé Thái nhắm mắt ngủ trở lại, An mới đáp:

– Tôi là ai bác không cần biết. Ở đây có đúng là dinh bộ Hình không?

– Đúng rồi. Nhưng...

– Nếu vậy thì tôi không lầm.. Gia đình tôi có việc oan uổng nên đến đây khiếu oan. Mà chỉ có quan Hình bộ Bùi Văn Nhật mới giải quyết nỗi việc này thôi. Bác vào xem hộ tôi quan đã phúc đáp chưa.

Nghe An ăn nói đánh thép như giọng của người quyền thế, bác lính đâm sợ, e dè đề nghị:

– Chị ấm con vào vọng canh ngồi cho khỏi nắng.

An thân nhiên đi vào phía vọng

canh. Một người lính khác vội chạy đi tìm ghế cho An ngồi. Bác lính già thì rót nước mời An, xuýt xoa khen bé Thái kháu khỉnh, rồi sốt sắng nói:

– Để tôi vào xem quan đã phê gì chưa!

Bác lính già đi thật lâu vẫn chưa trở ra. Để bớt nóng ruột vì chờ đợi, An bắt chuyện với hai người lính còn lại. Chị hỏi:

– Cái dinh đang xây dở bên kia của ai vậy chú?

Người lính trẻ có cái mũi hơi khoằm và đôi mắt lộ đáp:

– Bà chưa biết à? Của quan Tiết chế đấy.

An thắc mắc:

– Dinh quan Tiết chế à? Sao lại xây ngoài này?

Người lính cười, trả lời:

– Ấy, tại quan Tiết chế thích thế. Tôi nghe nói quan Tiết chế không thích ở trong thành. Quan muốn có một cái dinh ở nơi thanh tịnh, chung quanh có vườn trồng chuối, cam, ổi, mít lại có cả đụn rơm, lẫm lúa y như các nhà điền chủ. Bà không thấy người ta đang trồng chuối quanh vườn hay sao?

An ngạc nhiên hỏi:

– Đụn rơm? Lẫm lúa? Để làm gì?

Người lính gác nhìn quanh ra vẻ lo sợ, rồi mới hạ giọng nói:

– Quan thích thế thì biết thế, trả lời làm sao được. Mỗi người mỗi tính mà!

Anh kia, đến đây có việc gì? Để đơn ở đó rồi về ngay. Không được đứng ở đó. Đã bảo về ngay, quan xét đơn rồi truyền cho biết sau. Cả chị kia nữa, sao chưa chịu về. Đã bảo chưa có gì cả. Gớm, làm việc này có ngày phải tắt tiếng mất. La mắng từ sáng đến tối, khổ quá bà ạ. Bọn họ cứ năn nỉ, van nài dai dẳng như là đĩa.

An quay nhìn phía cổng thấy hai người dân vừa bị đuổi đang thất thểu ra về, đầu cúi xuống. An hỏi:

– Sao chú không giúp cho người ta?

Người lính gác trẻ kia chen vào:

– Giúp sao được. Việc chúng tôi chỉ là gác cửa. Mau chậm là tùy trong dinh. Nhiều khi phải chờ cả năm.

An hỏi ngay câu mình do dự chưa hỏi lúc nãy:

– Bên kia là dinh quan Tiết chế. Thế còn dinh quan... dinh của Long Nương tướng quân ở đâu?

Người lính mắt lộ mau mắn đáp:

– Ở trong hoàng thành. Gần chỗ của Chúa thượng. Chiều nào chúng tôi cũng được nhìn tướng quân và đoàn hộ vệ đi ngựa qua đây.

An vội hỏi:

– Tướng quân có thường đến dinh Hình bộ này không?

Người lính kia đáp:

– Ít khi lắm. À quên, hồi sáng ngài có ghé đây. Ghé một chốc rồi ra ngay. Lúc đó quan Hình bộ chưa đến.

An im lặng suy nghĩ, không hiểu hai hôm trước Lãng có nói gì thêm với

Nguyễn Huệ không. Chị vừa lo sợ Lãng quên lời dặn của mình, lại vừa hy vọng vu vơ.

Vừa lúc đó, người lính già đã trở ra.
An hồi hộp hỏi:

– Thế nào, bác?

Người lính nhìn chăm chú vào An một lúc, mới chậm rãi nói:

– Sao chị không nói ngay là có Tướng công chỉ dẫn đến đây?

An ngạc nhiên hỏi:

– Tướng công nào?

Người lính đáp:

– Còn tướng công nào nữa. Quan Hình bộ truyền tôi thừa lại với chị là có phải Long Nhương tướng quân khuyên

chị làm đơn không. Quan cũng bảo là sẽ xét đơn ngay. Chị cứ về đi. Lúc nào xét xong sẽ có người đến báo tận nhà.

Lòng An rộn rã hy vọng. Và cùng một lúc, lòng hận thù phai đi.

✱

An chờ đến mười ngày mà không nhận được phúc đáp nào của bộ Hình. Cầm giận vì nghĩ mình bị lừa, chị làm một lá đơn khác đem đến bộ Hình. Lần này chị không bỗng theo bé Thái vì kỳ trước sau khi về nó bị cảm nắng đau mất bốn, năm ngày. Chị cũng không trang điểm cẩn thận vì biết chắc không bao giờ gặp được Bùi Văn Nhật. Bác lính già gác cổng không nhận ra An, quát tháo ầm ĩ một hồi mới hất hàm ra lệnh đặt đơn tại

cái bàn trước vọng canh rồi về ngay. An phải nhắc:

– Cách đây mười hôm tôi có đến một lần, bác nhớ không?

Người lính già gắt gỏng:

– Đã đến một lần chưa đủ sao mà còn quấy rầy người ta lần nữa. Đồ sanh sự! Đồ... đồ...

Mắng đến đó, bác mới nhớ ra An. Người lính kịp dừng lại, bác đổi giọng ân cần hỏi:

– Đã có giấy báo chưa mà bà nhọc công đến đây?

An đáp:

– Chưa, bác ạ. Tôi nóng ruột quá. Tôi phải gấp cho được quan Hình bộ.

Chợt nhớ giọng nói lo ngại của bác lính già hôm trước, lúc nhắc đến Nguyễn Huệ, An bịa thêm:

– Tướng công bảo tôi phải gặp cho được quan Hình bộ thì việc mới chóng.

Người lính già quả nhiên đâm sợ. Bác đưa tay ra hỏi:

– Đâu, chị đưa đây cho tôi hỏi ý kiến phòng Công luận xem sao. Không đem thẳng lên văn phòng quan Hình bộ được đâu.

An chờ một lúc, người lính già trở ra ngay. Bác bảo:

– Mời chị vào phòng Công luận, người ta trả lời cho. Đi theo tôi!

An mừng rỡ bước mau theo người lính già. Chị được dẫn tới một phòng

tương đối chật hẹp, và gặp một người đứng tuổi ốm gầy như bơi trong bộ quần áo đen nhà nho màu hơi bạc. Quanh cụ già bề bộn giấy tờ xếp thành chồng có dần bằng những hòn đá nhẵn bóng lấy từ dưới suối. Thấy An vào, cụ già nói ngay:

– Tôi vừa đem đơn tái khiếu oan của chị lên trình quan Hình bộ. Quan truyền cho tôi nói lại với chị thế này: vụ những lạm của chồng chị thuộc về chi phát quân lương, nghĩa là trách vụ của bộ Hộ. Cho nên quan đã chuyển tất cả hồ sơ qua bên đó. Chị nên đến bộ Hộ mà khiếu oan.

An rơm rớm nước mắt, run giọng hỏi:

– Thưa cụ bộ Hộ đóng ở chỗ nào ạ?

Cụ già ngược lên, nhú mày khó chịu

vì sự đòi hỏi quá đáng của chị nhà quê này, gắt gỏng:

– Ra công canh mà hỏi.

Bác lính già thấy An thút thít khóc, cảm động, chỉ dẫn cặn kẽ đường đi nước bước cho An. Bác còn bày cho An nên xưng là cháu của bác để người bạn canh công bên đó khỏi quát tháo, làm khó làm dễ.

Nhờ thế, An vào được bộ Hộ khá dễ dàng. Ở đây, anh ký lục trẻ tuổi khoảng dưới ba mươi sốt sắng xem ngay cái đơn của An. Anh đọc kỹ hai ba lần, cuối cùng mới phát hiện điểm quan trọng suýt nữa làm anh mang vạ nếu anh đem ngay tờ khiếu oan này trình quan, đó là trong đơn An gửi cho quan Hình bộ chứ không phải gửi quan Hộ bộ. An nhận sự thiếu sót vì vội vàng của mình, kể lẽ nỗi khó

nhọc từ sáng đến giờ. Anh ký lục lắng nghe lời An kể vì Lợi không xa lạ gì đối với anh. Tuy không ưa Lợi, nhưng anh không thể không xúc động trước vẻ đẹp thùy mị và sầu muộn của thiếu phụ. Cho nên anh sốt sắng cho An mượn nghiên bút và giấy mực viết lại tờ đơn tại đó. Bỏ hết công việc đang làm, từ chối tiếp khách, anh chờ An viết đơn xong là vội vã đưa lên trình quan Hộ bộ. Anh trở về cũng nhanh chóng như lúc ra đi, có khác là vẻ mặt anh xịu xuống. Anh bảo An:

– Thật đáng tiếc, chị ạ. Quan bảo bên bộ Hình đã lằm lẩn khi chuyển nội vụ qua đây. Đã đành việc này thuộc về chi phát quân lương, nhưng số lương thực cấp phát dùng cho cuộc xây đắp thành trì, đường sá, cung điện, nghĩa là nhiệm vụ của bộ Công. Do đó, chiều hôm qua, quan đã chuyển hồ sơ qua bộ Công rồi.

Chị cảm phiền. Chị biết chỗ bộ Công chứ?

An hết còn nước mắt để khóc nữa. Chị bậm môi lại, cảm ơn viên ký lục trẻ tuổi xách nón ra về. Anh ta đưa An ra tận cổng. Trước khi chia tay, anh ta nói nhỏ với An:

– Tôi nói cho chị biết việc này, chị đừng tiết lộ cho ai khác nhé, sở dĩ vụ anh Lợi chuyển từ bộ Hình qua bộ Hộ, từ bộ Hộ qua bộ Công, rồi chắc chắn bộ Công lại trả về bộ Hình là vì... là do... đây tôi chỉ nghe lén các quan nói chuyện với nhau thôi... là vì có Long Nhường tướng quân can thiệp vào. Bộ nào cũng ngại cả, không dám tự mình rước việc. Chị nhớ đừng thuật lại cho ai biết nhé. Chuyện mật ở chốn phủ dinh, nhiều khi gây vạ đến mất đầu chứ không phải chuyện đùa. Chị về đi, kéo nặng!

Trên đường về, An vừa đi vừa khóc lặng lẽ. Lòng chị đập chông nhiều cảm giác, tâm trạng phức tạp: hối tiếc, bùi ngùi, hờn dỗi, giận dữ, lâng lâng thú vị, chua chát man mác, cô độc, tủi thân... Chị cũng băn khoăn chưa biết nên mắng Lãng vì đã không nhớ lời căn dặn của mình, hay nên cảm ơn Lãng. Lá đơn khiếu oan nhàu nhò trong tay An lúc nào không biết. An giở ra đọc lại, thấy hai chữ “khiếu oan” không đúng với sự thực. An đâm oán trách chông, ngay sau đó lại hối hận vì nhớ sự lo lắng của Lợi cho gia đình.

✱

Kiên nghe em kể, bảo An:

– Như vậy là chuyện quá rắc rối đấy,

em ạ. Càng ngày càng thêm rối, vì không ai dám tự chuyên.

An thở dài chán nản, thờ thẩn hỏi Kiên:

– Biết làm gì nữa hở anh?

Kiên suy nghĩ, rồi nói:

– Cái khó là phải dò biết đích xác gút mắc nằm ở đâu? Tại sao chuyện đã êm từ lâu đột nhiên lại tra xét mà làm án? Anh nghĩ chỉ có ba người rõ được việc này mà thôi!

An vui mừng vội hỏi:

– Ai thế anh?

Kiên chậm rãi đáp:

– Một là quan Hình bộ vì chính ông Nhật ra lệnh tổng giam, hai là anh Huệ, và ba là chú Lợi.

An thất vọng gần như hô hoán:

– Trời hỡi! Như vậy là vô phương sao anh!

Kiên e dè hỏi:

– Hay em nhờ Lãng nó...

An hốt hoảng nói:

– Không. Không thể được. Em đã... dặn...

Kiên vội bảo:

– Vậy thì chỉ còn cách tìm hỏi chú Lợi.

– Làm sao được anh!

– Em làm đơn xin bên hình ngục cho được thăm chú ấy. Gần nửa tháng rồi còn gì. Người khác nhất định không được rồi. Nhưng anh nghĩ chú Lợi quen

biết nhiều, đâu đâu cũng từng có lần liên lạc với chú ấy để nhận lương tiền phẩm vật. Em cứ làm đơn. Anh sẽ đến gặp quan hình ngục xin cho em.

Mọi sự không đơn giản như Kiên tưởng. Tuy Kiên đã quen quan hình ngục từ hồi còn ở trạm trâu trên Tây Sơn thượng và hôm giải phóng phủ Qui Nhơn, anh được chính quan hình ngục công kênh lên vai chạy khắp sân dinh như một người anh hùng, nhưng việc Kiên nhờ vả quá khó. Quan đã nghe phong thanh rằng đến quan Hình bộ quyền cao chức trọng bậc ấy cũng chưa dám một mình ra lệnh đóng gông Lợi dẫn đến giao cho quan. Quan Hình bộ đã được chấp thuận ở chỗ thật cao... thật cao. Làm sao quan dám tự chuyên, cho phép bất cứ ai liên lạc, nói chuyện với một tội nhân quan trọng đường ấy.

Khi tiễn Kiên ra khỏi phòng, quan hình ngục an ủi người bạn cũ:

– Phải chờ đến rằm tháng Bảy thôi. Đến ngày xá tội vong nhân ấy thì ai cũng được phép gặp gia đình. Khỏi phải xin xỏ tốn hơi!

Suốt hai tháng dằng dặc đầy lo âu, An phải quyết định nhiều việc cấp thiết. Nhờ Kiên đã qua ở hản Bằng Châu để giúp em săn sóc cha, An chỉ giữ con Gái Lớn lại trông hai đứa bé. Chị vú và con Gái Nhỏ được về với gia đình. Nhờ thế chi tiêu hằng tháng giảm xuống. Nhờ Kiên giới thiệu với các chủ lò bánh tráng từng được Kiên giúp đỡ khi anh làm việc tại kho lương, An làm quen với các mối hàng gạo ở chợ phủ. Chị dự định trở lại nghề hàng xáo (buôn gạo) như hồi gia đình mới về An Thái. Chỗ bày hàng ở chợ, quang gánh, mối hàng, kể cả việc

xếp đặt bếp núc nhà cửa cho con Gái Lớn đều đã lo xong. Nhưng dù sao cũng phải chờ sau khi gặp Lợi xong, An mới bắt đầu tự lực mưu sinh.

Hôm rằm tháng Bảy, từ tờ mờ sáng, cửa nhà ngục đã đông đặc những người. Hầu hết là những người đàn bà lam lũ ăn mặc rách rưới, nhiều người bông dốt cả các con nhỏ để chúng được trông thấy mặt cha. An cũng đem theo cả hai con. Chị bông bé Thái, còn Gái Lớn một tay ẩm thằng Phát, một tay ôm cái bọc lớn gói quần áo và vài thức ăn khô như cá muối, mè, đường tán, tóp mỡ. An nghe người ta bảo người bị giam lâu ngày trong ngục thèm nhất đồ ăn ngọt và béo, nên bôi thêm nhiều đường và mỡ cho Lợi. Chị còn đem cho chồng khăn lau mặt, quần áo ẩm, quần lót, chăn... Định gói cho gọn gói quà, An mỉm lòng khi nghĩ

ở chỗ gông cùm, thế nào việc cơm nước cũng thiếu thốn không bằng được lúc ở nhà. Chị đổ thêm vào bọc một số gạo. Rồi thêm gói trà, hộp tăm, lọ dầu, kim chỉ vá áo quần, chục quả cam để ăn ngay trong mấy ngày sau rằm. Anh ấy cũng thích cả chuối nữa mà? Thêm vài nải chuối sắp chín... Kết quả gói quà thăm nuôi to tướng đến nỗi con Gái khỏe đến thế cũng không tài nào nhấc lên nổi. An lại phải bóp trán suy nghĩ nên bớt đi thức gì để lại thức gì. Bớt gạo thì sợ Lợi đói. Bớt thuốc thì sợ chồng đau yếu không được thấy mặt vợ con. Bớt mỡ ư? Bớt đường ư? Bớt cái chăn phải đắp ở chốn ngục lạnh lẽo ư? Bớt bộ quần áo chống rét ư? Hay là bớt cái khăn mặt? An phải nhờ Kiên giúp ý kiến mới bỏ hẳn cái bọc gạo nặng, nải chuối và cái chăn bông lại. Dù thế, giữa đám vợ con tù nhân lam lũ, An vẫn thấy mình lạc lõng, không giống

bất cứ ai...

Phải chờ đến giờ thìn, quan cai ngục mới cho phép thân nhân vào thăm tù, nên mẹ con An phải chen chúc, mẹt nhoài giữa đám người khốn khổ. Mùi mồ hôi nồng nặc tỏa lên, theo với ánh nắng tháng Bảy. Tóc tai mọi người đều xơ xác, nét mặt đã dưới vì thiếu ngủ và lo âu. Nhiều đứa bé nín áo mẹ bị ngộp thở giữa đám đông khóc thét lên kêu cứu. Những đứa bé được bồng trên tay thì thức dậy khóc oe oe vì chói nắng. An phát khóc vì không đỡ được bé Thái, lại lo sợ cho thằng Phát. Bọc quần áo và đồ ăn Gái Lớn ôm trước ngực bị dẹp lép, phía dưới bọc thấm ướt An không biết do mồ hoặc do mấy quả cam bị dập.

Đến lúc cửa cổng nhà ngục xịch mở, thì đoàn người tự nhiên chuyển động dữ dội. Người nào cũng muốn chen vào

trước nên cảnh xô lấn hỗn loạn đến nguy hiểm. Tiếng hét, tiếng khóc, tiếng chửi rủa vang lên khắp nơi. An vô vọng thấy con Gái bị đẩy càng ngày càng xa mình, và dù chị có kêu gọi, la lối, không ai nghe lời chị. Cả An cũng bị phía sau đẩy tới. Chị phải dùng hết sức đưa bé Thái lên cao để con khỏi ngộp thở. Con bé sợ càng khóc ré lên.

May mắn là cảnh chen lấn nguy hiểm diễn ra thật nhanh, qua khỏi cửa cổng ngục đột nhiên tâm trạng mọi người trầm tĩnh trở lại. Hình như cảnh nhà ngục lạnh lẽo khiến họ sợ hãi đến chùn bước. Họ hoang mang lo ngại. An tìm lại được con Gái và thằng Phát. Họ ngồi lại bên nhau để thở và xem xét gói quà. Hai quả cam vỏ mỏng bị dập làm ướt cả gói mè và gói đường. Mỡ loang một khoảng rộng trên chiếc áo nhuộm dàu.

An chưa kịp buộc lại gói quà thì có lệnh đem đồ thăm nuôi vào cho quan khám xét. Lại chen chúc nhau tranh chỗ. An giao bé Thái cho Gái Lớn ẵm, còn mình thì lật đặt ôm gói quà chen vào chỗ mọi người đang chen. Thằng Phát thấy mẹ bỏ mình, khóc òa. An muốn quay lại dặn con Gái canh chừng thằng Phát, nhưng không kịp nữa. Lốp người tới sau đã đẩy chị sâu về phía trong. An rút kinh nghiệm ở ngoài cổng thành, khụnh hai tay bảo vệ cho gói quà, cứ để mặc cho thiên hạ xô đẩy. Dần dà rồi chị cùng được đẩy tới trước mặt một người cai ngục mũi lớn râu rậm ngồi ngay cửa một cái lều tranh dựng tạm để thu nhận đồ quà gửi cho phạm nhân trong dịp lễ xá tội này. Bên cạnh viên cai ngục, một cậu thanh niên da mét đang cầm bút và xấp giấy bảng cắt khổ bàn tay đứng chờ. Viên cai ngục râu rậm trợn mắt nhìn An

từ đầu đến chân hỏi:

– Gửi cho ai?

– Dạ cho chồng tôi ạ.

– Biết rồi. Chẳng lẽ gửi cho chồng người ta. Nhưng tên gì?

– Dạ, tên Lê Tấn Lợi.

Viên cai ngục cười ha hả, giọng mỉa mai:

– Tấn Lợi! Tấn Lợi quá thì phải tấn gông cùm. Luật đời mà! Mở ra coi.

An bậm môi vì giận, nhưng sợ tên cai ngục làm khó nên cúi xuống run run mở dây buộc. Sau khi mọi thứ đã bày ra dưới ánh nắng, kể cả mấy quả cam đập và gói mè ướn, viên cai ngục hỏi:

– Có giấu đồ kim khí hay thuốc độc không?

An thành thực đáp:

– Dạ có cây kim vá quần áo.

– Không được. Với cây kim nhỏ, hẳn có thể đâm chết lính canh như chơi. Lấy nộm đây. Còn mấy gói à?

– Dạ, gói này đựng đường tán, gói này đựng mỡ.

Viên cai ngục lại cười ha hả:

– Mỡ. Hẳn ở trong đó rũng mỡ làm sao! Đã biên tên vào đấy chưa?

An ngõ ngàng hỏi:

– Dạ tên gì ạ?

– Cái chị này! Ở trên trăng rớt xuống hả? Thì tên chồng của chị. Tìm giấy bút viết tên thằng chồng đang mang gông, cột vào gói này, lính ngục chúng nó mới

biết mà trao tận tay.

An bối rối chưa biết làm sao có giấy bút thì viên cao ngục nói ngay:

– Không có giấy bút thì nhờ thầy ký đây viết cho. Chỉ tốn một quan thôi! Chị kia tiến lên. Mở gói ra coi.

An đành phải móc hầu bao trao một quan cho tên bán chữ rồi le te đem nộp gói quà vào trong lều. Chưa biết phải làm gì nữa, chị chặn một người đàn bà ra về lạnh lẽo hỏi:

– Còn phải làm gì nữa hở thím?

Người đàn bà hỏi:

– Cô đi tới lần thứ mấy rồi mà còn hỏi?

– Dạ lần đầu.

– Thảo nào. Nộp quà xong thì về. Muốn nhìn được mặt thì phải tốn thêm hai quan nữa, để được đứng chỗ kia, chỗ sau cái hàng rào có song chắn đó chờ nhìn người ta dẫn tù đi đổ cút đá.

– Không được đến gần hỏi chuyện sao thím?

– Đến gần. Cô này hỏi hay nhỉ. Đã mang gông chưa bị mất đầu là may, làm gì được đến gần chuyện vãn với vợ con. Thôi, cô ở chờ, tôi về trước nhé. Hàng họ bỏ ở nhà không có ai trông coi.

An vội nín áo người đàn bà lại hỏi:

– Nộp hai quan ở chỗ nào thím?

Người đàn bà trở viên cai ngục, thì thào:

– Cũng ông ấy. Cứ đứng đây chờ cho

người ta nộp quà hết. Thấy ai còn nấn ná ở lại, ông ấy hiểu liền.

An hết sợ bộ râu rậm và cái mặt dữ tợn hăm hăm của viên cai ngục. Rất thẳng thắn tự tin, An đề nghị biểu viên cai ngục năm quan để được gặp riêng chồng. Viên cai ngục suy nghĩ một lúc rồi lắc đầu bảo:

– Khó lắm. Không ai được phép gặp riêng vợ con, trừ khi có lệnh của quan Hình bộ hoặc bề trên. Nhưng nếu nộp bốn quan thì ta cho đứng góc kia để nhìn chồng cho gần. Chỉ cách có vài bước chứ mấy!

An gật đầu bằng lòng. Chị vội vã chạy lại chỗ cũ. Cả thằng Phát lẫn con bé Thái còn khóc. Gái Lớn đỡ không được, mắt đỏ hoe. Thấy An chạy ra với hai tay không, nó lo lắng hỏi:

– Sao vậy cô?

– Xong rồi. Chúng ta vào đây để chờ. Ôi chao tội nghiệp các con tôi. À ơi, nín đi mẹ thương. Nín đi. À ơi. Lấy khăn lau mặt cho thằng Phát đi em. Đừng khóc nữa con. Sắp được gặp cha rồi. Ta đi lại đằng ấy thôi. Không lại trễ.

Nói thế nhưng phải chờ đến gần giờ Ngọ cai ngục mới cho tù mang các thùng phân và nước tiểu trong ngục ra đổ ở cái hố cách xa khu giam, nhân cơ hội ấy được hoạt động cho giãn gân giãn cốt, được hít thở không khí trong lành và hưởng vài mảnh nắng, người nào lạnh có thể kịp rửa qua mặt mũi chân tay ở cái giếng đá ong gần đường đi.

An nhói cả lòng khi thấy những người tù đi đầu đều già nua, chân bước xiển tản như sắp vấp ngã, hom hem dưới

ánh nắng. Cổ người nào cũng đeo một cái gông tre nặng khá kênh cằng. Vì phải dùng hai tay bưng thùng đựng phân nên họ không thể giữ cho cái gông nằm yên trên vai, do đó cổ người nào cũng bị xây xát vì cái gông lay lắt cọ xát vào làn da mỏng. Nhiều người vừa sợ đổ phân, vừa sợ cái gông chòng chành, nên đi chậm và len lén như người hát xiệc đi trên cây sào ngang.

An tìm thấy Lợi gần chót của đoàn tù. Cổ Lợi cũng phải đeo gông, nhưng Lợi khỏi phải đổ phân, nhờ thế hai bàn tay giữ chặt được cái gông nặng. An xót lòng vì thấy chồng phải mang gông, nức lên khóc. Con Gái cũng khóc. Lợi không ngờ vợ đứng chờ mình, bình thản hưởng thụ thời gian thoải mái nhất của một ngày tù. Lúc Lợi đi sát chỗ mấy mẹ con An chờ, An nén xúc động gọi to:

– Anh Lợi!

Lợi giật mình quay lại. Nhận ra vợ con, anh sững sờ quên cả bước. Cũng quên cả nói. An lú lú không biết gọi gì thêm, lặp lại:

– Anh Lợi. Em và các con...

Nói đến đây, chị òa lên khóc. Lợi chạy về phía vợ con, vội hỏi:

– Ở nhà thế nào? Có ai lo cho anh không?

An vừa khóc vừa đáp:

– Ai cũng lo lắng cho anh cả.

Lợi nóng ruột nói:

– Không phải. Anh muốn nói có ai lo cho anh ra không. Em thử nhờ Quận chúa, hoặc tìm gặp Long Nhượng tướng quân

An vội nói:

– Nhưng...

Lúc đó người canh tù đã khám phá hai vợ chồng An đang nói chuyện với nhau. Hẩn vội chạy đến. Lợi sợ hãi nhanh chân trở về hàng ngũ. Người lính mất cơ hội bắt quả tang một vụ phạm luật, lườm mắt nhìn mẹ con An, rồi quay đi. Mấy mẹ con ra về, lúc đã quá ngọ khá lâu!

Chương 48

Từ ngày Lợi bị bắt, quan hệ giữa Long Nhung tướng quân Nguyễn Huệ và Lãng trở nên ngượng ngáp. Ngày nào họ cũng gặp mặt nhau, kề cận làm chung nhiều công việc, nhiều khi tướng quân còn giữ người thư ký thân cận ở lại ăn cơm với mình nữa. Nhưng mỗi người canh cánh bên lòng một nỗi ưu tư riêng, người nọ e ngại, dò dẫm, xem chừng thái độ của người kia với tâm trạng áy náy xốn xang của kẻ có lỗi. Huệ phần nào khổ sở vì không thể can thiệp được cho vụ Lợi. Ngoài việc trả

lại số tiền bạc bị tịch thu, Lợi vẫn còn bị giam giữ, chưa biết đến bao giờ mới được thả ra. Lãng thì áy náy vì mối tình của mình đối với Thọ Hương. Sau khi Lợi bị giữ, Lãng chờ mãi không thấy Thọ Hương đến thăm An. Anh thấy sự thất thường, bắt đầu lo lắng. Nếu mọi sự bình thường như trước, Quận chúa phải vội vã đến thăm nom, an ủi người bạn gái thân thiết.

Về sau, Lãng nghe phong thanh Quận chúa bị quở mắng nghiêm khắc vì cuộc phiêu lưu tình cảm ấy. Đứng ở quan điểm nho giáo thì cuộc tình của Lãng hoàn toàn sai trái. Đối với danh dự của hoàng tộc, lại càng đáng chê trách hơn. Càng nghĩ, Lãng càng sợ hãi, tự nhận thấy mình đã cả gan xúc phạm đến những điều cấm kỵ thiêng liêng và khắc nghiệt mà nếu cần, anh có thể trở thành

một vật hy sinh để bảo tồn nguyên vẹn những điều cấm kỵ ấy, với sự đồng tình của tất cả mọi người.

Muốn quên nỗi khổ đau không thể thốt ra lời, không thể chia với bất cứ ai, Lãng lao đầu vào công việc. Anh không muốn rảnh rỗi để cho nỗi đau khổ dày vò anh. May cho Lãng là khoảng thời gian ấy, bộ phận giúp việc cho Long Nhượng tướng quân có quá nhiều công tác để làm.

Được vua Thái Đức giao trọn việc tổ chức binh bị và củng cố tất cả các đạo quân dùng để tấn công, viên tướng hai mươi sáu tuổi tuy đã dày công trận nhưng vẫn cảm thấy ngợp trước trách nhiệm to lớn như vậy. Nguyễn Huệ huy động tất cả những bạn bè trẻ tuổi có khả năng suy nghĩ và kinh nghiệm tác chiến tập hợp thành một ban tham mưu nhỏ.

Từng vào sinh ra tử với nhau, hiểu rõ tính tình cả ưu điểm lẫn khuyết điểm của nhau, chưa nhiễm cái thói chuộng hình thức và rụt rè giữ mình, họ thường hăng hái bàn luận, tìm phương cách tốt nhất để tổ chức việc binh cho nhà vua.

Chiều hôm nay họ vừa họp nhau để thảo luận kế hoạch biến các ấp xã thành đội, ghi tất cả dân binh vào sổ binh để mỗi nông dân cầm cày cuốc sản xuất đương nhiên trở thành một người lính có nhiệm vụ chiến đấu khi có giặc đến. Huệ nảy ra ý kiến này khi đọc một tờ báo cáo tình hình phòng thủ của Gia định và thấy sổ thổ binh, tạm binh nhiều gấp năm, sáu lần sổ tinh binh. Sau cuộc họp, chỉ còn Huệ và Lãng ở trong phòng việc. Huệ hỏi Lãng:

– Cậu có ghi đủ tất cả mọi ý kiến cho ta không?

Lãng nhìn qua mấy trang giấy dày đặc chữ thảo của mình, e dè đáp:

– Dạ, khá đủ. Người nào nói nhiều quá, hoặc nói lặp, thì em ghi những ý chính.

– Cậu đọc lại ý Đô đốc Tuyết xem sao?

Lãng nhú mày cố gắng nhận ra chữ thảo của mình, đọc chậm:

– Ý Đô đốc Tuyết là sợ làm như vậy có náo loạn dân tâm quá chăng. Sau bao nhiêu năm chinh chiến, dân xiêu tán hoặc chạy loạn quá nhiều, làng nào sổ đinh cũng lộn xộn, có nhiều gốc gác. Ngay lệnh làm thẻ bài trước đây cũng đã gặp nhiều trở ngại, cuối cùng phải tạm gác. Nay đột nhiên dân chúng nghe ta biên tất cả mọi người vào sổ binh, chắc

chấn họ sẽ náo loạn.

Huệ trầm ngâm suy nghĩ, rồi ngẩng lên hỏi Lãng:

– Cậu nghĩ thế nào? Ông Tuyết nói cũng có lý đấy chứ?

Lãng nhìn Huệ, chậm rãi đáp:

– Đô đốc Tuyết nghĩ đúng, nếu các xã trưởng quen thói hách dịch chỉ gọi dân đến xưng tên rồi ghi hết vào sổ binh để báo lên phủ, y như cách cậu Hai Nhiều làm thẻ bài ở An Thái đạo nọ. Em nhớ hồi đó dù không có lý gì để chống đối, nhưng vì tự ái, vì ghét thói hống hách, em nhất định nằm nhà không chịu làm thẻ bài. Cho nên nhân tâm có náo loạn hay không là tùy cách họ hiểu chính sách này. Nếu ta làm cho họ hiểu rằng chính họ chứ không phải quân lính nhà vua

phải lo giữ làng, chống giặc để yên ổn cày bừa, chính họ phải cầm giáo che chở cho vợ con họ, thì chắc chắn không có một chút lo sợ nào.

Huệ vui mừng nói:

– Đúng. Nhưng liệu các xã quan có đủ sức giải thích cho dân hiểu hay không?

– Điều đó thì em không rõ. Em sợ...

Huệ cướp lời Lãng, nói:

– Ta cũng sợ. Mấy năm nay chúng ta đã đưa những anh em chân đất có công trận và lớn tuổi về làm xã quan. Họ trung thành với nhà vua, nhưng họ ít học. Ăn nói chưa quen. Lớp các thầy đồ ở vùng này vốn đã ít ỏi, một số vùng giáp ranh Phú Yên hoặc Hải Vân đã trốn đi nhiều. Chúng ta chưa làm gì phiền đến các nhà nho cả, nhưng xem gốc gác anh em

chúng ta, xem cách chúng ta đối đãi, họ cảm thấy xa lạ, đâm lo âu. Nhiều người chính ta thân hành đến thuyết phục, mời mọc như Nguyễn Đăng Trường, cậu còn nhớ không, nhưng họ vẫn bỏ đi. Thật đáng tiếc. Nếu mỗi làng có một ông đồ chịu đứng ra thay chúng ta giải thích cho dân chúng hiểu thì hay biết mấy. Nhưng sự việc đã không thể khác được!

Nét mặt Huệ buồn hiu. Đột nhiên Huệ hỏi:

– Sức khỏe của thầy độ này ra sao?

Lãng chưa kịp hiểu, ngơ ngác hỏi lại:

– Tướng công hỏi gì ạ?

– Ta hỏi độ này thầy có khỏe không?

Lãng đau nhói cả lòng, buồn rầu đáp:

– Gần đây cha em yếu lắm. Nhiều

hôm mâm cháo anh Kiên bung lên còn nguyên. Đêm ho dữ quá! Anh Kiên em đã xin nghỉ tạm để lo chăm sóc cha. Nhà bây giờ đơn chiếc lắm.

Huệ hít hơi chuẩn bị nói điều gì, nhưng do dự, lại thôi. Tướng quân cầm chén trà uống cạn, mặt đăm chiêu. Cả hai người im lặng, người này tránh không dám nhìn người kia. Sau cùng, Huệ thở dài rồi bảo:

– Cậu đọc tiếp ý Đô đốc Lộc xem!

– Đô đốc Lộc cho rằng lực lượng chủ yếu vẫn là các đạo quân thiện chiến lâu nay vào nam ra bắc dự nhiều trận. Các đạo quân hiện nay đã hao hụt nhiều, số bổ sung không kịp. Số đó nhiều khi chỉ gồm lính già, hoặc nhút nhát. Ta cũng chưa chú trọng khai thác lối đánh đường rừng như hồi đầu. Đạo quân người

Thượng ít được dùng, phần lớn chỉ dùng thủy quân. Sau cuộc thất trận của Đô đốc Chu vừa qua, chiến thuyền còn quá ít. Quân bộ hiện cũng thiếu hỏa hổ.

– Được. Ý đều xác thực, nhưng chỉ là những cái thuộc chi tiết. Còn ý của ông Sở (Ngô văn Sở).

Lãng lạt sang tờ ghi thứ ba, đọc chậm:

– Giữa dân binh, xin tạm gọi họ là dân binh, vừa làm ruộng vừa giữ làng và đạo quân thiện chiến chuyên đánh lớn phải có liên hệ mật thiết với nhau. Dân binh nào mạnh khỏe và có võ nghệ thì được tuyển thành tinh binh. Dĩ nhiên những người này phải được ưu đãi thì họ mới hăng hái ra đi. Lại thêm trai tráng trẻ tuổi thường thích đi xa hiểu biết thêm nhiều điều mới lạ hơn là ru rú mãi ở xó nhà, nên cũng dễ thuyết phục.

Huệ tươi nét mặt, nói lớn:

– Đúng lắm. Tuổi trẻ thì ai cũng thích cầm giáo hơn cầm cày. Nhưng điều phải lo là làm sao cái cày nuôi nổi cái giáo.

Lãng vội hỏi:

– Em hỏi tướng công điều này, không biết có được không!

Đang vui, Huệ quên hết giữ gìn, ân cần bảo:

– Lãng cứ hỏi, khách sáo làm gì!

– Lâu nay ở vùng chúng ta, nghĩa là từ đèo Cù mông cho đến đèo Hải Vân...

Huệ cắt lời:

– Sao chỉ có bấy nhiêu đất? Nhưng thôi, không bàn cái chuyện đó ở đây. Lãng hỏi tiếp đi.

Lãng do dự hơn, hỏi chậm:

– Lâu nay người cầm cày có nuôi nổi người cầm giáo không?

Huệ đáp nhanh và gọn:

– Không.

Lãng vội hỏi:

– Thế thì làm sao sống?

Huệ cười bảo:

– Nhưng có ai chết đói đâu. Lãng biết vì sao không? Vì chẳng những cái giáo tự nuôi mình, mà còn nuôi thêm cho cái cày nữa. Lãng hiểu ta nói gì rồi chứ!

– Vâng, đã hiểu. Nhưng chẳng lẽ cứ chờ gió mùa...

Huệ cắt lời Lãng:

– Đây là việc chúng ta đang bàn đây. Phải tìm cách nào để trở lại quy luật tự nhiên là cái cày phải nuôi cho được cái giáo. Chẳng những nuôi cái giáo, mà phải tiến lên nuôi cho được cây sừng đồng, cái tàu Tây dương. Nghe đâu bọn cố đạo đã tìm mua cho tên Chung (Nguyễn Ánh) nhiều vũ khí mới. Chuyển vừa rồi Tổng đốc Chu dở thật. Đã chẳng làm nên cơm cháo gì còn mất toi bao nhiêu chiến thuyền. Thật đáng tiếc.

✱

Những ngày sau, họ trở lại ngượng ngập áy náy cho nhau, như những giờ khắc cảm thông hôm trước chưa từng bao giờ có.

Vì ở vị trí yếu kém, nên Lãng luôn

luôn giữ ý, không dám vượt qua khoảng ngăn cách bắt buộc của nghi thức. Anh lẳng lặng làm việc, thi hành đúng những gì Huệ sai bảo. Ngay cả những lúc chỉ có hai người, Lãng cũng đi đứng, xưng hô, thưa bẩm đúng phép y như lúc có mặt người thứ ba. Điều đó càng khiến Huệ áy náy hơn. Thành thử chính Huệ bước trước để kéo mối quan hệ vào vòng thân mật. Huệ hỏi:

– Hôm nay thầy có đỡ hơn không?

Lãng buồn rầu đáp:

– Vẫn vậy, thưa tướng công.

– Vẫn vậy là thế nào hở Lãng?

– Dạ, cha em vẫn cứ thêm thiếp hoài. Anh Kiên phải kê gối dưới lưng rồi đổ cháo vào miệng. Cha em nuốt được, nhưng không nhận ra anh Kiên nữa.

– Hay để anh gửi ngự y đến bắt mạch cho thầy xem sao! Ông này vừa ở Quảng Nam vào, giỏi về bệnh tâm và bệnh lão lắm.

– Em sợ có điều bất tiện, thưa tướng công.

– Sao lại bất tiện. Thôi, ở đây không còn ai khác, Lãng cứ gọi anh xưng em như thời trước cho bớt xa cách. Chiều nay em dặn anh Kiên chờ sẵn ở nhà để lỡ ngự y có hỏi bệnh tình còn có người biết mà đáp. Đơn thuốc kê những gì, Lãng cứ đem vào đây cho anh. Trong cung có đầy đủ các loại thuốc quý.

Lãng chớp mắt cảm động, run run nói:

– Cảm ơn anh. Đôi lúc em nhớ tiếc cái thời thân mật ở An Thái, ở Tây Sơn

thượng, nhưng biết mọi sự đã thay đổi, không thể ăn nói cư xử buông tuồng tự do như trước được. Vâng, mai em sẽ dẫn anh Kiên ở nhà.

– Lãng có điều gì giận anh không?

Lãng vội nói:

– Không. Có điều gì em giận anh đâu. Anh đối với gia đình em như bát nước đầy.

– Vụ... vụ anh Lợi, có nhiều phức tạp lắm. Anh có đọc lá đơn khiếu oan của... của An. Lợi có được một người vợ xông pha lo lắng cho chồng như vậy thực may mắn. Thực cảm động! Nhưng Lãng biết đấy, Lợi không bị khép tội oan. Bằng chứng của bộ Hình rõ ràng rành, bằng giấy trắng mực đen chứ không phải chỉ là những lời vu cáo mù mờ. Nếu gắt

gao, họ có thể ghép tội chết. Nhưng... Nhưng chúng ta quen biết nhau từ thời chưa khởi dấy, chúng ta hiểu lúc nào phải làm ngơ, lúc nào phải mạnh tay dứt khoát. Việc đã êm, chỉ tại cái miệng bép xép... Anh nói thẳng, Lãng đừng thuật lại cho An biết làm gì.

Huệ im lặng một lúc, mắt đầy vẻ bồn thần. Không hiểu nghĩ gì, Huệ hỏi Lãng:

– Chắc An thù ghét anh lắm!

Lãng không dám trả lời. Huệ tiếp:

– Dù sao anh cũng có lỗi với An. Nghe An phải vất vả với nghề hàng xáo... anh...

Lãng xúc động quá, hấp tấp nói:

– Không hẳn thế đâu. Chính tụi em cũng có lỗi với anh. Nhất là em.

Huệ ngơ ngác nhìn Lãng, hỏi:

– Lãng có lầm lỗi gì đâu. Nhờ có Lãng mà...

Lãng nói một mạch, sợ không có dịp nào khác để thổ lộ:

– Không. Em có lỗi nặng lắm. Em cũng đáng bị đem ra chém. Em thương nàng quá, quên hết những điều cấm kỵ và các điều tai tiếng cho nàng. Lâu nay em vẫn chờ mọi phán xử, trừng phạt của Chúa thượng. Thấy Quận chúa không đến nữa, em hiểu. Huệ dần dần hiểu hết những lời thú tội mù mờ của Lãng. Lãng cúi mặt xuống nên không trông thấy Huệ mỉm cười. Chờ cho Lãng nói xong, Huệ mới vỗ vai viên thư ký thân cận, an ủi:

– Về việc ấy, Lãng khỏi phải áy náy. Nói đúng ra cũng có điều quấy đấy. Nhưng

cả Chúa thượng lẫn anh đều nhận thấy số phận Thọ Hương thật đáng thương tâm. Lòng người cha nào không thương con. Chúa thượng thấy bất nhẫn vì làm lỡ làng đời con gái, còn anh thì áy náy vì... vì không thể cứu mạng Tân Chính vương được. Đẩy nó làm một người vợ hờ, rồi biến nó thành bà góa... Thọ Hương có lắm lỗi tầy trời đi nữa, cũng phải bỏ qua. Nhưng dĩ nhiên là không thể để cho sự việc đi quá trớn. Lãng hiểu vì sao rồi! Anh hỏi thật Lãng nhé, cái gì đưa đẩy cho Lãng...

Huệ ngại không dám nói hết câu. Lãng ghen lời, nhưng về sau cũng cố nói cho rõ lòng mình:

– Em không hiểu em nữa. Em không chịu đựng được cảnh một đứa bé, hoặc một cô gái đau đớn. Trông thấy... trông thấy Quận chúa quàng cái khăn nâu sồng

như một bà vải, em thấy chính mình có tội nếu không làm gì cả cho nàng thôi mím môi, thôi u sầu, cho nàng cười nói vui đùa trở lại như mọi cô thiếu nữ cập kê khác. Nếu cần nhảy vào lửa để Quận chúa bỏ tấm khăn quàng kia đi và chải lại mái tóc dày, em sẵn sàng.

Huệ thích thú được nghe một lời tâm sự chân thành và si mê hiếm hoi, cười nhỏ, rồi bảo:

– Có thể mọi sự không hẳn như Lãng nghĩ đâu!

Huệ không nỡ cho Lãng biết sở dĩ Thọ Hương phải quàng khăn là do sau trận thương hàn, Quận chúa đã mất mái tóc dày lúc trước. Và không phải lúc nào Thọ Hương cũng mím môi u sầu như Lãng tưởng. Huệ nói xa xôi:

– Ở đời nhiều khi ta tưởng thế này mà thực ra lại thế khác. Hoặc có những cái ta tưởng đã ở trong tầm tay, nhưng thoát một cái, nó đã biến thành khói. Nếu cứ tiếc hoài thì cả đời chỉ toàn thờ dài. Cho nên anh nghĩ cái gì mình cho là đúng thì cứ mạnh dạn làm. Thành bại, phế hưng, được mất, may rủi, khỏi cần bận tâm. Chẳng hạn cuộc đổi đời mà chúng ta đang làm đây không êm dịu như một cơn gió thoảng. Lãng thấy đấy, máu đã đổ nhiều, lửa đã cháy nhiều. Tiếng khóc không thiếu. Nhưng vì không thể để y nguyên cảnh đời tối tăm cũ và vì tin tưởng cuộc đổi đời sẽ mang lại nhiều no ấm yên vui cho kẻ xiêu giạt, chân đất, kẻ cô thế nghèo khổ, kẻ thấp cổ bé miệng mà chúng ta mạnh dạn.

Giọng nói hăng say của Huệ cuốn Lãng như một cơn lốc. Anh đắm đắm

nhìn đôi mắt rực sáng của Huệ, cánh tay rắn chắc đưa cao dẫn nhịp cho từng câu nói. Giọng Huệ sang sảng chứ không còn là giọng thì thầm tâm sự như trước nữa. Đột nhiên Lãng xấu hổ vì tự thấy mình yếu đuối, ủy mị, mẫn cảm trước những điều tũn mủn vụn vặt mà không trông thấy được cái toàn thể vĩ đại, cái cao thượng đồ sộ, cái phóng khoáng mênh mông. Lãng đỏ mặt, lí nhí nói:

– Anh nói đúng. Lâu nay em chỉ biết cúi xuống nhìn từng con kiến, từng cái lá úa rồi thở dài. Bây giờ em mới thấy kỳ cục.

Huệ tươi cười bảo:

– Đừng chấp nhận dễ dàng như vậy, sau này lại dễ vỡ mộng. Nhưng cuộc nói chuyện phiếm tối nay vui đấy chứ. Lâu quá anh mới được có người để nói

chuyện thỏa thích. Lãng nghĩ xem, lúc nào cũng chỉ nghe toàn lời vâng dạ, chán lắm!

*

Sau tối tâm sự với Long Nhường tướng quân, Lãng có cảm giác lâng lâng khinh khoái y như trước đây, lúc An kể cho Lãng biết thiện cảm của Quận chúa đối với mình.

Đột nhiên mọi vật mọi sự trước mắt Lãng thay đổi hẳn. Với bản chất mẫn cảm, Lãng nhảy từ cực đoan này sang cực đoan khác. Anh bắt đầu kinh ngạc trước sự ti tiểu, vụn vặt của mọi hình thức trong đời sống quanh anh, và sự ti tiểu tầm thường của chính mình. Trên đường về nhà, anh va phải một anh ký

lục ở bộ Hộ. Anh ta quát mắng, nhìn Lãng giận dữ, đưa tay sửa lại cái cổ áo thâm bị lệch trong khi va chạm. Lãng vui vẻ xin lỗi, và nụ cười không thích hợp của Lãng khiến anh ký lục giận run. Anh ta quát:

– Mất để ở đâu thế! Làm bẩn hết áo của người ta còn nhăn răng ra cười.

Rồi vùng vằng bỏ đi. Lãng nhìn theo thấy hai tay anh ký lục đánh đàn xa như hai cái mái chèo, dánh đi lạch bạch y như con vịt mập. Khôi hài quá! Hẳn tưởng hẳn là cái gì kia chứ! Tại sao lại giận dữ vì những điều cùn mần như một cái cổ áo bị lệch, một ché áo bị lấm. Cuộc đời của hẳn đâu phải chỉ dùng để săn sóc lo âu cho bấy nhiêu chuyện! Lại cái giọng sừng sộ quát tháo với đồng loại. Và bộ đi cố làm ra vẻ quan cách. Để làm cái gì, bao nhiêu sự phù phiếm vô nghĩa? Một

bà già bán quà rong đi qua trước mặt Lãng, lưng khom, bước chân lẩy bẩy, cái mủng con bày vài quả ổi, quả thị và đĩa muối ớt. Bà cụ ấy chừng này tuổi đầu rồi sẽ về đâu? Có thể thời trẻ tuổi, bà cụ đi được thẳng lưng, mắt nhìn rõ mọi vật phía trước, nhưng cái mủng hàng rong thì vẫn bày những ổi, thị, chuối, xoài. Tay làm hàm nhai, vất vả từ lúc sinh ra cho đến lúc nhắm mắt, suốt đời bận bịu về miếng cơm manh áo. Họ đâu thấy được cái quy luật của đời sống, tầm cao rộng của vũ trụ, khả năng sáng tạo và biến đổi cho đẹp hơn, tốt hơn của những bậc toàn trí và vĩ nhân. Lãng lại cảm thấy thương xót tất cả, không phải vì thấy tất cả không được diễm phúc như mình mà vì tất cả đều chìm đắm u mê trong những chuyện ti tiểu.

Lãng về đến nhà, thấy cảnh vắng

về cô quạnh. Từ nửa tháng nay An đã đem bé Thái ra chợ để vừa bán hàng vừa chăm sóc cho con nhỏ. Chị không tin ở con Gái Lớn. Con Gái ở nhà lo bếp núc cho ông giáo, Kiên và trông thằng Phát. Lãng không thấy Kiên đâu, hỏi Gái:

– Cậu đâu rồi?

Con Gái ngưng dứt cơm cho thằng Phát, đáp:

– Con vừa thấy cậu ra vườn.

Lãng vội lau qua mặt mũi, hăm hở ra vườn tìm Kiên, Lãng phải nói cho anh biết khám phá mới mẻ của mình.

Anh sững sờ khi thấy Kiên ngồi xếp bằng dưới gốc cây mít, hai bàn tay sè lông vào nhau đặt gọn trong lòng, mắt nhắm nghiền như đang say ngủ. Lãng còn kinh ngạc hơn khi thấy giữa lòng hai bàn tay

chạm lại là một khối đá nhỏ xù xì màu xám, giống y loại đá xanh người ta dùng làm đường cái.

Lãng nín thở, không dám gọi Kiên. Anh đoán được ngay là Kiên lại tìm ra một phương pháp mới để đạt đến cảm giác buông xả của hạnh phúc. Lá mít vàng rơi quanh chỗ Kiên ngồi. Một chiếc lá úa rơi đúng đỉnh đầu Kiên, chòng chành, nhưng cuối cùng nhờ cái búi tóc chiếc lá vẫn đậu trên đầu Kiên. Anh thấy Kiên không mở mắt, cũng không đưa tay hất chiếc lá xuống. Kiên ngồi yên như một pho tượng Phật nhập định, chung quanh cây lá xao xác, và chiều âm u.

Lãng tò mò ngồi chờ cho đến lúc Kiên mở mắt. Dù đã trông thấy em, Kiên vẫn từ từ, trang trọng đặt viên đá xanh nhẹ nhẹ lên mặt đất trước mặt mình, trù mến nâng niu nó như một thành tích.

Kiên khẽ lắc đầu cho cái lá rơi xuống, nhắm mắt lim dim một lúc nữa, rồi mới thu hai chân về, choàng đứng dậy. Giọng Kiên vui vẻ dịu dàng:

– Em về lúc nào thế? (Kiên xưng hô thân mật với Lãng hơn từ ngày qua ở đây).

Lãng vẫn còn ngờ chưa hiểu có phải chính Kiên hỏi mình không. Lãng ấp úng hỏi:

– Anh... anh làm cái gì thế?

– Em biết rồi mà!

Lãng ngạc nhiên cãi lại:

– Em có biết gì đâu. Tại sao phải ngồi nhập định với viên đá xanh kia?

Kiên cười nhỏ, bảo em:

– Anh đã tiến thêm được một bước nữa. Đây là lần thứ ba anh thử thách. Quả nhiên có khác với hai lần trước.

Lãng nóng ruột hỏi:

– Nhưng anh thử thách cái quái gì lạ vậy?

Kiên không giận vì câu hỏi hỗn xược của Lãng, nhỏ nhẹ nói:

– Em chưa hiểu nên kinh ngạc đấy thôi. Lần trước anh có giải thích cho em nghe chuyện phóng sanh rồi chứ gì? Đấy, lần này phương pháp cảm thông với vũ trụ cũng giống như phương pháp phóng sanh, nhưng cao hơn về trình độ. Em có thể vứt bỏ hết mọi ràng buộc phiền nhiễu của đời để chăm chú nhìn một con cá, đến một lúc em quên hết, quên cả thân xác, trí óc, tình cảm, quên cả mình

có mặt để giữa em và con cá không còn ngăn cách của chủng loại, ngôn ngữ nữa. Em hiểu con cá như hiểu chính mình. Nhờ vậy lúc em phóng sanh con cá, em sẽ cảm thấy một thứ cảm giác lâng lâng say sưa mà anh gọi là hạnh phúc chân chính, hạnh phúc tối thượng, hạnh phúc tuyệt đối.

Nhưng, dù sao tìm cách hòa đồng với vũ trụ qua con cá vẫn còn là chuyện hạ sách. Ta còn chấp nê ở cử động, ở màu sắc, ở cái ta tưởng là sự sống. Nhờ cách con cá quẫy đuôi, đớp bóng, mà ta đoán ra sự mừng rỡ, quẩn quít của nó, từ đó ta vui mừng đạt được sự hòa điệu. Cách đây mấy ngày, đột nhiên anh nghĩ: nếu vạn vật trong vũ trụ đều cùng một thể như sách nho nói, thì viên đá xoàng xĩnh nào đó lăn lóc trên đường đi cũng có sự mừng rỡ quẩn quít vì cảm thông

y như con cá. Tại sao ta không thử với “con cá” này. Anh vui sướng tìm ra được một phương pháp hòa điệu thượng đẳng, nhưng còn ngờ mình nghĩ huyền hoặc, hoặc căn cơ của mình chưa đủ để theo phương pháp này. Nhưng anh cứ thử. Lần đầu ngồi đến tối mà không thấy gì, ngoài cảm giác mỗi nhử ở sống lưng, và ngầy ngật ở đầu. Hôm qua cảm giác mệt nhọc bớt đi, và hình như trong lòng bàn tay anh có tỏa chút hơi nóng.

Lãng vội hỏi:

– Còn hôm nay?

Kiên sáng rỡ đôi mắt khi đáp:

– Anh bắt đầu thấy viên đá động đậy. Anh nói thật, không điều chút nào. Vâng, nó động đậy, y như một chú gà con rúc vào lòng bàn tay anh để tránh gió chiều.

Lãng hấp tấp hỏi:

– Anh có thể tin được những điều huyền hoặc như thế sao?

Kiên mỉm cười, vẫn với giọng trầm tĩnh thủ thỉ, hỏi lại:

– Theo em thế nào là điều huyền hoặc?

Lãng sôi nổi nói:

– Là những điều không có thực. Không bao giờ, chưa bao giờ có thực. Em xin nói ngay cảm giác anh gọi là hạnh phúc đích thực, hạnh phúc chân chính, thực ra chỉ là một thứ ảo giác. Anh ngồi thật lâu, nhìn thật chăm chú, tự nhiên anh sẽ cảm thấy những điều bất thường. Đó là phản ứng của thân xác khi bị ta ép buộc nó chịu đựng một thế ngồi, một cái nhìn trái tự nhiên. Tay anh, mắt anh

cảm thấy gì đó do hai cơ quan này bị thúc bách bất thường. Rồi trí anh lại gán cho cảm giác bất thường ấy một ý nghĩa cao siêu. Anh chỉ tự lừa dối anh mà thôi. Anh đang làm thầy pháp để ru ngủ chính anh, anh biết không?

– Còn em thì đang bị đủ loại thầy pháp làm cho hôn mê mà em không biết. Em không thể phân biệt được đâu là cái có thật, đâu là cái huyền hoặc. Em chưa từng tự mở đường, chỉ chờ cho người ta làm sẵn rồi cúi đầu theo dấu mòn của họ mà bước. Trước kia anh cũng thế. Bây giờ anh là chủ của anh.

Lãng tức quá, nói lớn:

– Anh chạy trốn những sự thực trước mắt bằng cách cố tin ở ảo giác. Bằng cách dựng lên một thứ hạnh phúc không có thật.

Kiên nhìn em, hỏi chậm:

– Vậy em có đủ sức dựng nên thứ hạnh phúc có thật được không? Nó ở đâu? Nó là cái gì? Em đừng quên anh đã ba mươi ba tuổi, còn em mới trên hai mươi.

Lãng hăng hái nói:

– Vâng, anh có sống hơn em trên mười năm, nhưng suốt thời gian ấy, anh chỉ quanh quẩn trong vòng tù mủn, vụn vặt, như con kiến bò quanh miệng chén.

Kiên cười, hỏi lại:

– Còn em?

– Em cũng ngu xuẩn chẳng kém. Nhưng hiện nay em hiểu được rằng hạnh phúc chân thật có thể tìm thấy

ngay trong đời sống có thực đời sống sờ mó được của chúng ta chứ khỏi cần phải tìm ở đâu khác. Miễn là...

– Miễn là thế nào?

– Miễn là chúng ta phải can đảm vượt qua các ti tiểu, cố chấp, eo hẹp, và mạnh dạn dựng lên một trật tự mới.

Kiên suy nghĩ, rồi đứng đĩnh nói:

– Ước mơ của Lãng cử rích. Bao nhiêu người trước ta đã nói rồi. Và kết quả ra sao, em đã biết! Cha chúng ta chẳng hạn. Cái chí của cha không phải chỉ làm một ông đồ Nghệ. Đâu phải vô cớ mà cha lặn lội vào chốn trường thi ở kinh đô. Cha gặp nhiều rủi ro, nhưng may mắn không phải không có. Cha từng là bạn thân của quan Nội hữu Ý Đức hầu. Vào đây cha lại chính mắt thấy cơ nghiệp Tây sơn,

từ lúc chỉ mới là cái đóm. Cha là người trong cuộc. Nhưng cho đến cuối đời, cha đã làm được gì, em nghĩ xem!

Lãng hăng hái nói:

– Tại cha cứ quanh quẩn trong mấy trang sách nhỏ.

– Anh không nghĩ như vậy.

Lãng định cãi lại, nhưng sợ xúc phạm đến cha già. Kiên cho nói với nhau bấy nhiêu đã quá đủ, bảo em:

– Vào thăm cha đi. Không biết mẹ con con An đã về chưa!

★

An lấy làm lạ khi thấy Kiên và Lãng vừa đi vừa bàn luận với nhau một cách

sôi nổi, hăng hái. Chị cứ nghĩ hai anh em không có điểm chung nào để họ bắt chuyện. Vào đến nhà ngang, nét mặt Lãng vẫn còn dàu dàu không vui. An mệt mỏi sau một ngày nắng nôi mưu sinh, không muốn hỏi han anh em điều gì nữa.

Trong khi Lãng lên nhà trên thăm cha, Kiên đến gần em gái hỏi:

– Hôm nay thế nào?

An thở dài đáp:

– Ế lắm, anh ạ.

– Sao anh nghe con Út nói độ này giá gạo lên cao, giới hàng xáo phát đạt lắm.

– Vâng, có thể. Nhưng chỗ em bây giờ hàng khuất quá. Mình ra sau, những chỗ tốt họ đã chiếm cả rồi.

Nhìn con bé Thái thêm thiệp ngữ,

mặt đỏ gay vì nắng, Kiên nói:

– Mai em để con bé ở nhà. Mang phơi nắng, nó đau đấy.

– Em cứ lo con Gái không kham nổi bao nhiêu chuyện. Nó lớn xác nhưng những việc cần sự tỉ mỉ, như chăm sóc con bé, nó vụng lắm. Không bằng con Gái Nhỏ.

– Em cứ để ở nhà anh trông cho.

An vội nói:

– Không được. Em đâu dám. Vả lại hôm qua, lúc anh đi bỏ thuốc chị ấy có sai con Út qua nhắn anh về bên đó có việc. Em bận, quên khuấy đi mất.

Kiên lo ngại hỏi:

– Em có hỏi việc gì gấp không?

– Có, nhưng con bé nó khôn quá sức. Nó ngún nguẩy, không chịu nói gì cả.

– Con mồ côi thường đều khôn ngoan.

An quay nhìn bé Thái, giọng như sắp khóc:

– Mấy đứa con em có khác nào con mồ côi đâu. Ra va chạm với đời, nhiều lúc tủi thân dễ sợ. Như chiều nay...

– Xảy ra chuyện gì vậy?

– Thôi, em chẳng kể đâu. Mua bán tranh giành với nhau từng đồng tiền kềm lời, em thấy con người còn xấu xa hơn cả súc vật.

Kiên cười, nói đùa:

– Tại em không nghe được tiếng súc vật nên mới bảo thế.

Vừa lúc đó, Lãng từ nhà trên bước xuống. Lãng hỏi anh:

- Cái siêu thuốc ai bổ cho đấy, anh?
- Vẫn thầy lang hôm nọ.

Lãng chợt nhớ lời Huệ dặn, mừng rỡ bảo Kiên:

- Mai anh ở nhà suốt buổi chiều chứ?
- Sao em hỏi thế? Có thể ngày mai...

Lãng hốt hoảng cắt lời anh:

– Chiều mai anh chờ ở đây. Có thầy lang giỏi tâm bệnh mới từ Quảng nam vào. Em đã hẹn...

- Em mời ở đâu thế? Ông ấy tên gì?

Lãng liếc nhìn chị, rồi nói với Kiên:

- Ông ấy vừa được tuyển làm ngự y.

Anh Huệ gửi ông ấy đến thăm bệnh cho cha.

An giật mình quay phắt lại nhìn em hấp tấp hỏi:

– Ai gửi? Anh Huệ à?

– Vâng.

Giọng An trở nên giận dữ:

– Đã dặn bao nhiêu lần rồi, sao mày cứ chạy theo nín áo van xin người ta. Không biết nhục à!

Lãng bị mắng oan, tức tối đáp:

– Chính anh ấy đề nghị chứ em có xin xỏ gì đâu!

– Mày không nói sao người ta biết?

– Ô hay! Hôm nào anh ấy chẳng hỏi thăm sức khỏe của cha.

– Môi miếng ở chót lưỡi mà mày cũng tin.

Kiên chen vào hòa giải:

– Thôi, đừng nặng lời với nhau nữa. Được, mai anh chờ ở đây. Chẳng có gì phải ngại cả. Coi như họ trả nghĩa thầy.

An nhún vai, giọng mỉa mai:

– Nghĩa thầy!

Lãng tức giận nói:

– Sao chị đa nghi quá!

An không vừa:

– Mày cả tin thì có!

Rồi vùng vằng bỏ xuống bếp. Kiên nhìn theo cho đến lúc em gái đi khuất sau cánh cửa phen nhà bếp, mới hạ giọng bảo Lãng:

– Nó mệt nhọc suốt ngày, nên đâm cau có. Em thấy cha có đỡ chút nào không?

– Vẫn thế. Cha không nhận ra em.

Hai anh em thở dài lo lắng.

✱

Cuối năm Mậu tuất (1778), ông giáo lịm dần như một ngọn đèn hết dầu. Giữa tháng Chạp, ông mất.

Tin ông giáo mất khiến những người từng quen biết ông bối rối. Họ chưa biết nên cư xử thế nào. Họ chờ xem vua Thái Đức sẽ làm gì, sau đó mới yên tâm tỏ thái độ.

Nguyễn Nhạc chỉ gửi một viên quan bộ Lễ đến chia buồn với anh em Kiên,

không có đồ phúng điếu gì. Thái độ nhà vua đã rõ. Những người quen biết cũ cũng chọn giải pháp hàng hai để dễ bề tiến thoái. Họ sai con cháu đem nhang, đèn đến phúng điếu. Thế thôi. Khi Lãng tìm hỏi tên người có hảo tâm để ghi vào sổ tang, những người đại diện này, có lẽ được dặn trước, chỉ trả lời ấp úng cho qua rồi vội ra về.

Anh em Kiên thấy rõ sự tính toán của người ta. Lòng tự ái bị va chạm, họ mím môi quắc mắt nhìn đời với nụ cười khinh miệt, rẻ rúng. Đã thế thì chúng ta bất cần, chúng ta tự lo liệu lấy. Họ đóng cửa cổng lại, kiên quyết từ chối tất cả những người phúng viếng. Họ còn mạnh dạn bịa rằng ông giáo mất vì một chứng bệnh lạ, sợ có thể vạ lây cho người khác nên mấy anh em tự lo lấy với nhau.

Kiên mở cửa nhà trên cho ánh sáng

ùa vào căn phòng ẩm mốc lâu ngày. Tự tay hai anh em tắm rửa, thay đổi quần áo cho cha. An và vợ Kiên may áo tang. Con Gái nấu đồ cúng. An xuất tiền mua cho cha một cỗ quan tài loại đắt giá nhất, và thuê một phường đám ma đầy đủ cờ phướn mũ măng, kèn bát âm lâu nay vẫn chuyên mai táng cho các gia đình phố khách. Kiên nghe giá phường đám ma cao quá, ngỡ ngàng nhìn em. Nhưng anh hiểu liền. Anh em anh muốn phỉ nhổ lên thế thái nhân tình bằng một đám táng ồn ào kèn trống mà lại lơ thơ người đưa quan.

Xác ông giáo quàn giữa nhà. Đến trưa các con ông đã may xong đồ liệm nên chuẩn bị nhập quan. Ông đau yếu từ lâu nên xác mỏng như một lá lúa, da xanh mét, hai gò má gồ cao bên cặp hố mắt sâu. Tóc cũng đã rụng nhiều, những sợi tóc

còn lại và râu trắng xóa. Người chuyên liệm xác đã đến. Ông ta sai đi mua cho ông một chai rượu. Sau khi phun rượu khắp thân thể người chết, ông bắt đầu hơ chân tay ông giáo để chân xếp dọc, hai tay chắp lại trước bụng. Quần áo và đồ liệm đã sẵn sàng. Lúc sắp sửa nhập quan, đột nhiên ngoài cửa có nhiều tiếng ồn ào, gồm tiếng chân ngựa, tiếng nói lao xao, tiếng gươm giáo chạm. Kiên và An lo ngại chưa hiểu chuyện gì thì Lãng ở ngoài cổng đã hốt hải chạy vào báo:

– Có Long Nhường tướng quân đến!

Cả phòng ồn ào hẳn lên. Người thợ liệm vội dẹp đồng quần áo và gói trà ướp, băng vải, gối chèn qua một bên, di chuyển cho xác chết nằm ngay ngắn trên giường như cũ. Phường bát âm cất bót trống kèn. Cả Kiên và An rần rỏi đến vậy mà cũng hồi hộp sửa lại sống áo.

Nguyễn Huệ mặc đồ trận còn lấm bụi, có lẽ vừa đi xa về, không cần gặt đầu cảm ơn những người nhường lối, Huệ tiến thẳng đến phía thầy nằm. Ông xúc động đến nghẹn ngào trước thân thể ốm o biến dạng đến nỗi khó mà nhận ra ông thầy thân yêu quá thước ngày xưa. Đứng lặng một lúc lâu, đột nhiên ông quỳ xuống bên giường thầy, hai tay nắm lấy hai bàn tay lạnh cóng của ông giáo. Tuy đôi mắt người chết đã khép, nhưng ông có cảm giác phía sau cánh cửa huyền bí vĩnh viễn đóng ập với sự sống ấy, thầy ông vẫn nhìn ông với đôi mắt nửa trù mến nửa trách móc. Không tự chủ được, ông gục mặt xuống giường người chết, nghẹn lời chỉ thốt được có mỗi một tiếng:

– Thầy!

Biến cố bất ngờ khiến mọi người

trong phòng nôn nao cả dạ. Không ai xì xào một tiếng nhỏ. Hình ảnh viên tướng trẻ quân áo còn bám đầy bụi đường gục mặt bên xác thầy, đôi vai run run trong cơn khóc lặng lẽ, có sức mạnh thôi miên mọi người. Mắt An rực sáng khi đắm đắm nhìn cảnh tượng ấy, lòng hoang mang giữa thương yêu và hận thù. Long Nhương tướng quân gục mặt bên xác thầy một lúc, rồi chậm rãi đứng dậy, nhìn quanh như muốn tìm kiếm thứ gì. Lãng hiếu ý, đem cho Nguyễn Huệ vài nén nhang.

Huệ cảm ơn, đến đốt nhang ở cái đèn sắp gần giữa mâm cơm cúng đặt trên đầu người chết. Vì bàn tay run, mãi một lúc sau Huệ mới thắp cháy được mấy đầu nhang. Viên tướng trẻ đứng phía cuối giường ông giáo, ánh mắt xót thương cầu khẩn nhìn về khuôn mặt lạnh lẽo của

người chết, cúi xuống vái hai vái. Đoạn ông cầm mấy nén nhang vào lư hương.

Huệ quay lại tìm các con ông giáo. Ông gặp ngay đôi mắt sáng rực khác thường của An. Chân ông dậm bước về phía ấy nhưng Huệ còn đủ sáng suốt để xoay hướng về phía Kiên đang đứng, buồn rầu bảo:

– Tôi về đây mới biết tin... biết tin thầy mất. Thầy có trở trần điều gì không anh?

Kiên cảm động đến rơm rớm nước mắt, đáp:

– Thừa tướng quân, cha tôi lịm dần, không trần trở gì cả.

– Thầy mất lúc nào?

– Cha tôi đi vào lúc sáng sớm. Lúc

em Lãng vào thay nước trà, cha tôi đã đi rồi. Nhưng ngực vẫn còn âm ỉm.

Huệ nhìn đồng đồ tổng chung và bọn phường bát âm, hỏi Kiên:

– Bộ Lễ không gửi người đến đây lo gì cả à?

Kiên lắc đầu. Huệ ngạc nhiên, định nói gì đó nhưng ngưng kịp trước khi mở lời. Ông bối rối loay hoay một lúc, cuối cùng bảo:

– Tôi sẽ gửi đội tổng chung của trại đến. Bây giờ tôi xin phép về.

Kiên chưa kịp từ chối, Huệ đã đi ra phía cửa. Lúc đi ngang qua giường ông giáo, ông dừng lại, cúi đầu thật lâu như thầm nói vài lời với thầy. Vừa ngừng lên, Huệ lại bắt gặp đôi mắt sáng rực của An. Ông khẽ gật đầu chào người bạn gái cũ,

rồi nhanh bước về phía cửa như muốn trốn tránh điều gì.

Sau khi Huệ đến phúng điếu, những người quen thân cũ của ông giáo mới bắt e dè. Họ lần lượt đến phân ưu với anh em Kiên. Trước hết là các bạn của Lãng. Tiếp đến là bạn của Kiên ở kho lương, và các bạn của Lợi. Sau cùng mới đến lượt những người từng làm việc chung, hoặc từng gặp gỡ ông giáo ở An thái, Tây sơn thượng hoặc Kiên thành.

Tuy vậy các quan ở lục bộ và ở triều đình vẫn chưa dám héo lánh đến.

Đám tang được tổ chức đơn giản nhưng nghiêm trang một ngày sau đó. Hôm ấy trời mưa. Ngọn đuốc đưa linh cữu gặp nước cháy lèo xèo, tỏa ra một làn khói đục. Vì đội tống chung lo hết mọi sự, nên kẻ tò mò ở hai bên đường,

căn cứ vào quân cách của lễ tang đoán non đoán già đây là tang lễ của một vị tướng nào đó. Họ càng vững tin như vậy khi thấy sau linh xa, bước chậm sau lưng các con cháu người đã khuất còn có một vị tướng trẻ tuổi khuôn mặt quắc thước, có đôi mắt buồn. Chỉ một số rất ít người biết vị tướng trẻ đó là Nguyễn Huệ.

Chương 49

Trong điện Chính Tẩm đêm ấy chỉ có ba anh em, vua Thái Đức, Tiết chế Nguyễn Lữ và Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ.

Từ ngày xưng đế, mỗi lần có cuộc họp mặt riêng tư của ba anh em, nhiều chính sách quan trọng đã được bàn thảo và định hình. Nhà vua rất thích những cuộc hội họp như thế vì nhiều lẽ: nhà vua và hai em được thoải mái muốn ngồi nằm thế nào tùy ý, không bị ràng buộc của các nghi thức triều đình, họ xưng

hồ thân mật, ăn nói nôm na như hồi còn ở Kiên Thành, khỏi phải uốn lưỡn tìm câu cho trang trọng đúng khẩu khí vương giả, họ lại được chân thành bàn cãi không chút e dè vì được tuyệt đối an toàn trong tình ruột thịt. Thường ngày Lũ rất ít nói, nhưng trong các cuộc họp mật ấy, Tiết chế cũng trở nên linh hoạt mau mắn khác thường.

Khi thấy hai em đã đến đủ, vua Thái Đức dựa ngựa lên trường kỷ, hai chân gác cả trên cái bàn chân nai, uốn mình cho xương sống kêu răng rắc một cách thú vị, cười hỏi Huệ:

– Chú Tám có đi đưa đám ông giáo nữa à?

Huệ đỏ mặt đáp gọn:

– Vâng.

Nhà vua cười to hơn, hỏi thêm:

– Chú không sợ thím ấy đổ ghè tương hay sao?

Huệ cười gượng, rồi quay sang phía Tiết chế trách:

– Đáng lý anh Bả cũng phải đến.

Lữ đáp:

– Chú đến được là đủ rồi.

Vua Thái Đức suy nghĩ một lúc rồi buồn rầu nói:

– Dù sao cũng đáng tiếc. Giá thầy giáo chịu nhìn xa hơn một chút ra khỏi mấy trang sách nho... Chúng ta đang thiếu những người có hiểu biết rộng, có tài chữ nghĩa mà đầu óc không khư khư mấy câu “Khổng tử viết... Mạnh tử viết”!

Lũ nói:

– Có họ hay không có họ cũng thế thôi. Ông bà ta thật hay. Nhất sĩ nhì nông, nhưng hết gạo chạy rông thì nhất nông nhì sĩ. Chũ nghĩa bề bề mà không có gạo thì cũng chẳng đi đến đâu.

Huệ khó chịu nói:

– Chỉ vì lâu nay chúng ta nghĩ thế nên kẻ sĩ mới bỏ ta mà đi. Đến lúc cần một người có uy tín để nói cho dân nghe theo, ta không tìm được ai cả. Như chính sách biến ấp làm đội ta sắp ban bố đây. Chắc chắn dân chúng sẽ nghĩ là mọi người đều bị bắt lính phải xa vợ con cha mẹ cả đời như thời Chúa Nguyễn. Nhân tâm sẽ náo loạn. Nhiều trai tráng sẽ trốn làng trở thành dân xiêu tán, rồi thành bọn đầu trộm đuôi cướp. Ai có đủ uy tín và hiểu biết để giải thích cho họ hiểu đây,

nếu không phải là những nhà nho được trọng vọng, vị nể?

Vua Thái Đức mỉm cười, chế giễu Huệ:

– Chú bệnh chằm chặp nhà nho vì tình riêng, rồi dùng lý lẽ để bao che khéo léo.

Huệ vội nói:

– Không phải thế. Em nói những gì phải nói. Cũng như em đã nhiều lần thưa với anh là đừng xem thường vai trò các Hoa kiều. Họ là cái ngõ để ta liên lạc với nước ngoài.

Lữ chen vào hỏi Huệ:

– Như lũ đạo tặc Tập Đình Lý Tài chú gì? Chú chưa thấm đòn của bọn Hòa Nghĩa hay sao mà còn bệnh vực chúng.

– Không. Em chỉ muốn nói đến những con buôn Hoa kiều ở rải rác khắp các đường giao thông và cửa biển. Không có họ, ta không có hạng môi giới để buôn bán với các tàu buôn nước ngoài được. Anh Bảy vào Gia định chắc đã thấy vai trò quan trọng của họ trong Nam.

Nhạc chợt nhớ một điều quan trọng, ngồi thẳng dậy hỏi:

– Chú đã cho gửi chiếu chỉ gọi tên Tây dương lên đây rồi chứ?

Lũ đáp:

– Dạ rồi. Thằng Nhậm (Vũ Văn Nhậm rể của Nhạc) đích thân lo việc này. Em cũng đã bảo thằng Nhậm dành căn nhà kế cận cho hấn ở tạm.

Huê ngạc nhiên hỏi:

– Tên Tây dương nào thế anh?

Nhạc đáp:

– Một tên người Anh cát lợi tên Chapman. Hắn vào cửa Thị Nại hôm 23. Hắn xưng với thằng Nhậm hắn là đại diện chính quyền Anh cát lợi tại Bengale Ấn Độ, có nhiệm vụ đến Đảng Trong để tỏ tình giao hảo và xem xét việc buôn bán giữa hai nước. Hắn xin lên đây triều yết. Ta đã chấp thuận và gửi chiếu chỉ hôm qua.

Rồi quay sang phía Lữ, Nhạc hỏi:

– Đã xếp đặt phương tiện đưa hắn lên đây chưa?

Lữ đáp:

– Dạ xong cả rồi. Đã ra lệnh cấp cho hắn một cái võng, còn bọn tùy tùng thì đi ngựa.

– Chùng nào hẩn lên tới đây?

– Dạ theo xếp đặt của thằng Nhậm thì chiều 29 cho hẩn vào cửa Thị Nại, sáng 30 bắt đầu khởi hành lên đây. Hẩn sẽ tới chậm nhất là sáng mùng một tháng Sáu (1 tháng Sáu Mậu tuất).

– Đã tìm được người biết tiếng Anh cát lợi chưa? Lũ đáp:

– Thừa anh khỏi cần, vì hẩn có mang theo một người thông ngôn.

Nhạc gắt:

– Nhưng tin ở tên thông ngôn đó sao được. Ít ra bên ta phải có một người để nghe hiểu tiếng Anh, kiểm soát xem tên thông ngôn có dịch đúng lời đối đáp hay không. Chú cứ nhờ các ông trùm đạo dưới Mỹ Cang, hoặc xuống phố khách mà tìm, chắc chắn có nhiều người biết

cả tiếng Bồ đào nha lẫn Anh cát lợi. Chú liệu xem, ta tiếp hẩn vào sáng sớm ngày mồng hai có kịp không?

Lữ rụt rè đáp:

– Chắc kịp. Nhưng sao lại phải tiếp vào sáng sớm, thưa anh?

Nhạc lữ mắt có ý trách em, rồi nói:

– Chú quên là tiếp hẩn xong, ta còn phải đi dự lễ cầu an à? Năm nay chúng ta bận lễ đăng quang, giao việc chinh phạt Gia Định cho Tổng đốc Chu và Hộ giá Ngạn thật bận. Không biết ông Năm Ngạn có đánh thùng được tuyến chặn của Châu Văn Tiếp ở Bình Thuận không? Chính chú gợi ý phải làm lễ cầu an, bây giờ chú lại quên?

Lữ sa sầm nét mặt, không nói gì. Huệ chen vào hỏi:

– Chẳng lẽ chúng ta cứ để mặc cho Châu Văn Tiếp quấy rối suốt một dọc từ Phú Yên vào đến Bình Thuận mãi. Tình trạng nhì nhằng kéo dài như vậy thật bất lợi. Dân vùng đó tuy thừa thớt, nhưng nếu ta không nắm được dân, thì Cù Mông vẫn thường xuyên bị đe dọa. Em muốn ta thanh toán một lần cho tuyệt gốc.

Nhạc nói:

– Ai chẳng muốn thế. Nhưng chú phải liệu cơm gắp mắm. Ta đâu có đủ binh đủ lương để cùng một lúc đánh cả hai mặt trận! Giữa Châu Văn Tiếp và Gia Định phải chọn một. Chúng ta chọn Gia Định, một là vì đó là cái gốc loạn, hai là ta khỏi phải lo lương cho quân ăn tại chỗ. Chẳng những thế...

Nhạc nói đến đây, đột nhiên ngập

ngừng, không nói tiếp. Sau một lúc trầm ngâm, nhà vua nói:

– Ta lo lắm. Đất Gia Định lắm gạo, tên Chùng lại được bọn cố đạo tận tình giúp đỡ. Cho nên ta đã ra lệnh cho quan phụ trách cửa Thị Nại tiếp đãi tử tế tên Anh cát lợi. Làm sao chuyện này ta phải khuyến dụ hắn để nước Anh chịu buôn bán với ta. Phải biến chợ Giã thành một nơi đô hội phồn thịnh, tàu bè ra vào tấp nập y như cửa Hội hay cù lao Phố (Biên Hòa). Ta còn định nhờ hắn mua giúp cả vũ khí và tàu Tây dương để ta tiêu diệt lực lượng của tên Chùng. Nước Anh mạnh nhất thế giới về hải quân. Được nước Anh bằng lòng cung cấp tàu và vũ khí, ta không sợ bọn cố đạo bên cạnh tên Chùng nữa.

Quay về phía Huệ, nhà vua nói:

– Chú cần những gì để tăng cường sức mạnh các đạo quân, ngay tối nay về ghi cho kỹ để mai cho ta biết. Ngày mồng hai chú dự cuộc yết triều chứ?

Nguyễn Huệ vội đáp:

– Em sợ không dự được. Em phải đi kiểm tra lại các đồn bố phòng ở mặt nam Phú Yên.

Nhà vua nói:

– Chú vắng cũng được, nhưng phải nhớ đưa gấp cho ta các nhu cầu vũ khí và tàu bè. Còn chú Bảy thì phối hợp với thằng Nhậm để chuẩn bị cho cuộc yết triều thật long trọng, chu đáo. Phải làm cho hấn nể trọng. Các quan văn võ không ai được vắng mặt. Triều phục thật chỉnh tề, quân lính hàng ngũ nghiêm chỉnh. Các chú nhớ rõ chưa?

Mới đầu giờ mẹo, một viên quan bộ Lễ đã đến báo cho phái bộ của Chapman biết rằng nhà vua đang chờ tiếp kiến phái bộ. Chapman không ngờ cuộc triều yết chờ đợi bấy lâu xảy ra sớm như vậy, nên chỉ kịp rửa qua mặt mũi, cạo râu, mặc quần áo rồi cùng mấy người tùy tùng theo viên quan bộ Lễ vào triều ngay. Trong lúc vội vàng, Chapman không tìm ra xà phòng cạo râu nên lưỡi dao cạo để lại trên má phía trái và cầm mấy vết sưng rướm máu. Nhưng vì hồi hộp cho cuộc hội kiến quan trọng, Chapman quên cả cảm giác xót xa trên da mặt. Họ phải đi bộ cả dặm trên con đường đất còn phủ đầy sương sớm, nên đến trước cửa hoàng cung thì ai nấy đều đầm mồ hôi. Chapman bắt đầu cảm thấy ngứa ngứa

ở chỗ râu cạo vôi và hai nách. Cả đoàn bị ngăn lại trước cổng. Theo yêu cầu của lính cận vệ, Chapman chỉ được dẫn theo một thanh niên cầm lọng và người thông ngôn. Thanh gươm quý cũng phải để lại ngoài trạm canh vì luật định không cho phép bất cứ ai được mang vũ khí vào triều.

Bên trong cổng, hai hàng quân dàn chào khoảng một trăm người ăn mặc tề chỉnh cầm gươm, giáo, kích đã đứng nghiêm như những pho tượng để đón phái bộ, có lẽ từ lúc gà gáy sáng. Cờ phướn đỏ rực phất phới, hai khẩu súng thần công bằng đồng được chùi sáng bóng hướng nòng về phía Chapman chờ đợi.

Giữa sân điện trái sỏi, ngay trước điện Chính Tẩm, các quan bộ Lễ đã đặt sẵn một cái mâm lớn ba chân bằng đồng, trên đó bày sẵn các lễ vật của phái

bộ Chapman mang lên dâng cho vua Thái Đức. Quan bộ Lễ hướng dẫn phái bộ nhờ thông ngôn bảo Chapman quỳ xuống lạy ba lạy ngay tại sân rồng trước khi vào triều yết nhưng Chapman cho như vậy không thích hợp với phong thái và danh dự của người châu Âu, nên chỉ hơi nghiêng mình cúi chào vài lần chiếu lệ. Sau khi bước qua sáu bậc cấp, họ vào đến chính điện.

Điện Chính Tẩm có cửa ở phía trước và hai bên hông. Mái lợp ngói âm dương màu ngọc bích, các cây cột trong điện đều bằng gỗ quý chạm trổ rất công phu. Ngay phía trước một cái vách gỗ đánh bóng nhoáng là bệ rồng. Ngai vua sơn màu đỏ trang trí hình đầu rồng màu vàng ánh. Nhà vua đang ngồi oai vệ nghiêm trang trên ngai, hai tay đặt trên cái kỷ thấp lót đệm may bằng lụa đỏ thêu hoa. Hai bên

ngai đặt hai chiếc ghế bọc gấm màu xanh nhạt, một ghế do quan Tiết chế Nguyễn Lữ ngồi, chiếc ghế bên phải bỏ trống. Các quan văn võ trong triều thì ngồi trên những hàng kỷ thấp bằng gỗ tốt nhưng không bọc gấm hoặc tô vẽ trang điểm gì cả, thứ tự trước sau tùy theo địa vị, phẩm hàm.

Vua Thái Đức mặc một chiếc áo bào bằng lụa vàng đậm thêu rồng, dọc theo nếp áo và hai cánh tay có thêu hình hoa văn bằng chỉ vàng. Vương miện gắn nhiều ngọc quý, trên chóp có một hạt châu lớn óng ánh, rung rinh theo cử động của nhà vua. Các quan đều mặc triều phục bằng lụa nhiều màu khác nhau, cả áo lẫn mũ đều có thêu hoa hoặc nạm ngọc.

Viên đại diện nước Anh nhận thấy khung cảnh triều đình tuy thiếu vẻ huy hoàng ở các cung đình của những ông

hoàng Đông phương với châu báu rực rỡ, màn trướng thảm đệm thêu thùa quý giá, cung điện tráng lệ, nhưng sự uy nghi trật tự trước mắt khiến Chapman hiểu rõ rằng mình đang đứng trước một vị vua quyền uy và tự tin.

Viên quan bộ Lễ hướng dẫn cho phái bộ Chapman đến ngôi ở chiếc trường kỷ đặt sau lưng các quan. Chapman nhờ viên thông ngôn tàu lên nhà vua rằng với tư cách là một sứ giả và một người ngoại quốc, ông ta nên được xếp ngôi ở một chỗ thích hợp hơn, vả lại nếu ngôi ở phía sau xa, ông ta khó có thể tàu trình lên nhà vua và khó nghe thấy lời nhà vua nói. Vua Thái Đức nghe xong, cười một cách thiện cảm và tự nhiên, rồi truyền quan bộ Lễ xếp cho phái bộ ngôi ngay ở hàng kỷ đầu, gần sát chỗ ngôi của quan phò mã Vũ Văn Nhậm.

Yên đầu đó xong, Chapman bắt đầu nói. Bằng một giọng trầm lâu lâu ngắt quãng chờ viên thông ngôn dịch lại tiếng Nam, Chapman tự giới thiệu:

– Tàu thánh thượng, thần là một viên chức của vương quốc Anh tại Bengale, được phái đến quý quốc để nối tình giao hảo và đặt quan hệ mật dịch giữa hai nước.

Vua Thái Đức gật gù ra vẻ bằng lòng với lời dịch nôm trôn trọng lễ phép ấy, bàn tay trái vỗ nhẹ nhẹ lên mặt chiếc kỷ bọc lụa đỏ trước mặt, tay phải đưa lên vuốt nhẹ chòm râu đen. Sau khi nhìn quanh khắp các quan văn võ để thấy họ cũng gật gù thỏa mãn giống y mình, nhà vua nói:

– Lâu nay trăm đã từng nghe danh tiếng lòng lẫy của quý quốc về các thành

công lớn lao trên khắp biển cả. Trẫm được biết số tàu bè của quý quốc vượt xa tàu bè của tất cả các nước khác và hơn hẳn họ về khả năng hàng hải. Nhưng Trẫm cũng được biết quý quốc không dùng hết ưu thế hàng hải ấy vào các công việc chính đáng. Tàu của quý quốc tấn công, cướp bóc tất cả các tàu nào vô phúc gặp phải tàu của quý quốc, bất luận tàu đó của nước nào, bất luận lớn bé ra sao. Trẫm ước mong cho phép tàu của quý quốc được đi lại buôn bán tại các cửa biển thuộc vương quốc của Trẫm và hy vọng rằng, ngược lại, quý quốc cũng tỏ thiện chí bằng cách không cướp phá các ghe thuyền của dân nghèo nước Nam.

Chapman vội đáp:

– Tàu thánh thượng. Về ưu thế hàng hải của nước chúng tôi, thánh thượng đã nghe đúng sự thật. Nhưng về điểm sau,

thánh thượng đã nghe phải những lời xuyên tạc của những kẻ xấu lâu nay ghen tức trước sự phồn thịnh của vương quốc chúng tôi. Chúng có ác ý xấu xa là muốn loan truyền những điều bất lợi và sai lạc về chúng tôi. Hiện nay, vương quốc Anh cát lợi có mối quan hệ hòa bình với tất cả các nước trên thế giới, tàu bè của nước Anh cập bến buôn bán khắp mọi nơi. ở đâu, các thương nhân Anh cát lợi cũng chứng tỏ đức tính đứng đắn và liêm khiết của mình.

Vua Thái Đức nói:

– Trẫm cũng mong đẩy chẳng qua chỉ là những lời đồn đãi thiếu căn cứ vì cạnh tranh. Về phần Trẫm, đối với tất cả thương nhân nước ngoài, Trẫm đã đối đãi tử tế, công bằng như nhau. Nếu quý quốc muốn, Trẫm cho phép các thương nhân Anh đến đây buôn bán, giống như

các thương nhân Bồ đào nha vậy.

Chapman suy nghĩ một lúc rồi đáp:

– Xin cảm ơn mỹ ý của thánh thượng. Thương nhân nước chúng tôi sẵn sàng trả mọi khoản thuế do thánh thượng quy định. Nhưng theo chỗ chúng tôi được biết, thì những thương nhân Bồ đào nha và người ngoại quốc khác từng đi lại buôn bán lâu năm ở xứ Đàng Trong đã gặp phải nhiều nỗi khó khăn và chậm trễ trong công việc. Lý do là các thứ thuế do quý quốc quy định không có gì rõ ràng, ngay các quan thu thuế của quý quốc cũng không biết áp dụng ra sao nữa. Chúng tôi thiện nghĩ, để tránh các phiền phức trên, thay vì giữ lại đủ các thuế biểu linh tinh phức tạp, thánh thượng gia ân chấp thuận một thuế biểu đặc biệt duy nhất theo hình thức thế nào mà thánh thượng cho là thích hợp.

Vua Thái Đức lại gạt gù công nhận ý kiến của Chapman là đúng. Nhà vua gọi quan Tiết chế Nguyễn Lữ lên bàn bạc, sau đó gọi đến phò mã Vũ Văn Nhậm, quan Thái úy Bùi Đắc Tuyên và một vài quan ở bộ Hộ, bộ Công. Sau một hồi thảo luận, chờ cho viên quan cuối cùng lồm thồm trở về chỗ cũ, nhà vua nói:

– Trẫm vừa bàn luận với các quan trong triều về ý kiến của quý quốc. Để chứng tỏ thiện chí giao hảo buôn bán với quý quốc, Trẫm bằng lòng cho phép tàu buôn của Anh cát lợi được tự do đến đây buôn bán cả mùa, chỉ phải trả thuế biểu nhất định và duy nhất sau đây: mỗi tàu ba cột buồm trả mười ngàn quan, tàu hai cột buồm bảy ngàn quan, tàu nhỏ hơn nữa thì bốn ngàn quan. Khanh thấy thế nào?

Chapman ra bộ lo âu, cung kính đáp:

– Chúng tôi sợ đấy là những món tiền quá lớn, các thương nhân nước Anh không kham nổi. Chúng tôi ước mong thánh thượng gia ân hạ bớt thuế biểu, để khích lệ các tàu buôn nước Anh hằng hái đến đây.

Nhà vua cười ha hả vì tìm lại được không khí mặc cả mua bán quá quen thuộc, rồi với nụ cười lém lỉnh, đôi mắt linh hoạt, nhà vua nói:

– Thôi được rồi. Khanh thạo việc cò kè thêm bớt quá lắm! Trẫm đồng ý hạ thuế biểu như sau: tàu ba cột buồm bảy ngàn quan, tàu hai cột buồm bốn ngàn quan, tàu nhỏ hơn hai ngàn qua. Giá rẻ mạt đấy nhé. Việc thứ nhất coi như xong. Bây giờ qua việc thứ hai. Trẫm mong ước chúng ta cũng dễ dàng đồng ý giúp đỡ nhau như việc thứ nhất. Chắc quý quốc đã biết, hiện nay bọn đầu trộm đuôi cướp

dưới áo bọn con cháu nhà Nguyễn đang quấy phá đời sống dân lành trong miệt Gia Định. Chúng được vài tên phiêu lưu ngoại quốc và bọn cố đạo Tây Ban Nha, Pháp giúp đỡ. Quý quốc có thể giúp đỡ tàu bè, vũ khí để Trẫm mau chóng tiêu trừ bọn giặc cỏ ấy không? Nếu sẵn sàng thì quý quốc cần điều kiện gì?

Chapman vội vã nói:

– Tàu thánh thượng, chúng tôi không được phép tham dự vào các hành động tấn công khiêu khích, hoặc xen vào các cuộc tranh chấp nội bộ của các nước khác. Chúng tôi rất lấy làm tiếc.

Nhà vua đổi ngay sắc mặt, buồn rầu nói:

– Trẫm cũng rất lấy làm tiếc!

Chapman chộp ngay cơ hội thuận tiện, mạnh dạn nói:

– Đã có nhiều điều đáng tiếc xảy ra, tâu thánh thượng. Năm ngoái, mấy người Anh Cát Lợi đã bị quan quân của thánh thượng giết chết tại cửa Hàn. Cái tin ấy đã khiến cả vương quốc Anh bàng hoàng xúc động. Nhân cơ hội may mắn chúng tôi được đặt chân đến đây, xin thánh thượng chỉ bảo cho chúng tôi được biết lý do các cuộc hành quyết đáng tiếc trên.

Vua Thái Đức nghiêm mặt đáp bằng một giọng cương quyết:

– Vụ đó xảy ra ở cửa Hàn, Trẫm chưa được quan sớ tại tâu trình. Nhưng có điều Trẫm biết chắc chắn là không phải vô cớ mà mấy thương nhân quý quốc bị sát hại. Chắc chắn họ chỉ bị giết trong

khi cầm vũ khí chống lại quan quân của nước Nam.

Nói xong nhà vua ra lệnh bãi triều. Phò mã Vũ Văn Nhậm được nhà vua gọi lại dặn dò điều gì trước khi nhà vua lên kiệu về cung. Khi kiệu của nhà vua đã ra khỏi cổng cả phái bộ Chapman lẫn các quan văn võ mới bắt đầu rục rịch bàn tán, di chuyển. Chapman được phò mã cho biết là nhà vua sẽ tiếp riêng Chapman ngay bây giờ tại nội cung, để tiếp tục thảo luận cho xong những điểm tế nhị khó bàn công khai ở chốn đông người.

✱

Mặc dù đã khá quen với các nghi thức gò bó ở triều đình, Nguyễn Nhạc vẫn cảm thấy thoải mái dễ chịu hơn

khi bước chân về biệt cung. Không đợi cô thị nữ, nhà vua tự tay cởi phắt cái áo bào vàng, vút chiếc vương miện quý giá lên mặt kỷ đá vân, ngồi xuống cái sập gỗ quý, cúi xuống cởi ngay đôi hia nạm ngọc viền kim tuyến óng ánh. Đưa hai tay chống xuống mặt sập gụ làm thế tựa, Nhạc ngả người ra phía sau uốn xương sống cho bớt mỏi. Đoạn, nhà vua duỗi thẳng hai chân, ngo ngoe mấy ngón để tận hưởng cảm giác buông thả.

Cô thị nữ nhỏ tuổi mang chiếc áo lụa vàng đơm nút kim cương hạt nhỏ ra cho nhà vua, thấy cảnh chiếc hoàng bào, vương miện và đôi hia vút bừa bãi, vừa cuống quýt lo âu vừa bẽn lễn thích thú. Nguyễn Nhạc vui lây trước niềm vui đơn giản của cô bé, kêu lại hỏi:

– Có bà ở trong đó không?

Cô thị nữ bất ngờ trước lối ăn nói bình dân của nhà vua, ấp úng đáp:

– Tàu thánh thượng... Tàu... lệnh bà đã... đã...

Thấy cô bé rặn mãi không nói được hết câu, nhà vua cười ha hả, trở chiếc áo bào, đôi hia và cái vương miện, bảo nó:

– Đem những thứ này cất đi. Mang ra đây cái khăn đỏ. Và bảo pha ngay một bình trà. Cơi trầu đâu rồi? Có đây. Thôi, cứ đem vào đi.

Nhà vua vừa chít khăn xong, bên ngoài đã nghe tiếng chân bước lên thêm biệt điện. Nhà vua định sửa lại áo khăn cho chỉnh tề, nhưng nghĩ sao, cuối cùng cứ giữ nguyên cách ăn mặc và thế ngồi tự nhiên thoải mái như trước.

Phò mã Vũ Văn Nhậm dẫn Chapman

và tên thông ngôn đến cửa điện xong, vội trở về. Chapman bỏ ngõ tiến vào một căn phòng rộng trang trí bày biện đơn giản nhưng sang trọng trang nhã. Nhà vua mời Chapman ngồi ngay trên cái sập mình đang ngồi, viên thông ngôn lúng túng chưa biết nên đứng ở đâu, thì nhà vua đã cười tươi trở cái ghế gỗ mun chạm trổ đặt gần sập, thân mật nói:

– Chú ngồi xuống đây. Người miệt nào?

Viên thông ngôn ngạc nhiên vì giọng thân mật đơn giản khác thường của vua Thái Đức, đỏ mặt đáp:

– Dạ, tâu thánh thượng, thần người Hà Tiên.

Chapman ngỡ ngác không hiểu hai người nói với nhau những gì, đôi mắt

đầy lo âu và hoài nghi. Viên thông ngôn biết ý chủ, dịch lại các câu đối đáp ra tiếng Anh. Chờ cho viên thông ngôn dịch xong, vua Thái Đức nói:

– Người Hà Tiên? Có phải là thuộc hạ của Mạc Thiên Tứ không?

Viên thông ngôn vội đáp:

– Tàu thánh thượng không ạ. Thần là người Nam, không phải khách trú.

Nhà vua trêu cợt thêm:

– Thế thì chắc chắn là có đi đạo với Thầy Cả (Bá Đa Lộc).

Viên thông ngôn lo sợ đáp:

– Dạ không. Thần con nhà lương. Cha mẹ làm nghề chài, lưu lạc qua tận Ấn độ sau một trận bão lớn.

Vua Thái Đức cười ha hả rồi bảo:

– Nói cho vui thế thôi. Dù Mạc Thiên Tú hay Thầy Cả cũng không làm được cơm cháo gì đâu. Lộc của họ Nguyễn Gia Miêu đã hết rồi.

Viên thông ngôn lo dịch lại một thôi dài các câu đối đáp. Chapman có vẻ thích thú trước lối đùa cợt của nhà vua, nên nghe xong, nhìn về phía Nguyễn Nhạc mỉm cười tỏ vẻ cảm phục. Nhà vua cũng gật đầu trả lễ, rồi bảo viên thông ngôn:

– Này, tuy gốc gác anh ở tận nơi hiểm địa, nhưng anh nên nhớ mình là người Nam đây nhé. Anh gắng dịch thế nào cho có lợi cho dân mình. Hãy nói với hãn là ta thật lòng muốn giao hảo với vương quốc Anh, nếu cần sẵn sàng có biệt đãi với người Anh hơn các người ngoại quốc khác.

Chapman nghe dịch xong tươi cười đáp lại:

– Xin cảm tạ thịnh tình của thánh thượng. Chúng tôi bạo gan muốn biết ngay một cách cụ thể những biệt đãi ấy, để mừng cho mối giao hảo giữa hai nước.

Nhà vua cười nhỏ, ranh mãnh bảo viên thông ngôn:

– Chính hãn muốn nói trịnh trọng khách sáo, hay anh dậm thêm mắm muối cho đẹp lòng ta đó? Thôi, ăn nói cho giản dị đi. Bảo với hãn là ta sẵn lòng miễn thuế cho các tàu buôn Anh cát lợi. Lúc nãy trước mặt văn võ bá quan, ta không tiện nói ra biệt đãi ấy. Dịch ngay cho hãn biết.

Viên thông ngôn làm nhiệm vụ. Nét mặt Chapman rạng rỡ hẳn lên. Hãn nói

một thôi dài. Viên thông ngôn dịch lại đơn giản theo ý muốn của nhà vua:

– Ông ấy bảo được như vậy thật mừng. Ông ấy muốn biết ở đây có thể bán gì, mua gì với các tàu buôn nước Anh? Tiền bạc thanh toán thế nào?

Vua Thái Đức thu hẩn hai chân ngồi xếp bằng trên sập như đang ngồi bên chiếu bạc, xòe bàn tay trái ra, rồi dùng ngón trỏ tay phải điểm từng món hàng:

– Ở đây thiếu gì thứ quý giá mà các nhà buôn Anh cần mua: tiêu này, đậu khấu này, quế này. Quế Quảng Nam tốt nhất thế giới đấy nhé, lại còn gỗ mun này, ngà voi này, thiếc này. Còn nhiều thứ khác các tàu buôn Quảng Đông ra vào cửa Hội thích lắm, không biết người Tây dương có thích mua hay không? Như cau khô chẳng hạn, (nhà vua cười

ha hả). Hỏi hẳn xem người Anh có biết ăn trâu không? Sau khi nghe dịch, Chapman vội lắc đầu:

– Không, chúng tôi không cần cau khô. Những thứ khác chúng tôi cần lắm. Nhưng xin nhắc lại câu hỏi về cách thanh toán tiền nong. Dĩ nhiên chúng tôi không cần đến tiền quan của quý quốc.

Vua Thái Đức xòe bàn tay phải ra trước mặt Chapman đáp:

– Năm. Ta tính năm quan ăn một đồng Tây Ban Nha. Được chưa?

Chapman suy tính một lúc, rồi gật đầu đáp:

– Giá ấy vừa phải, không thấp mà cũng không cao, trừ trường hợp quý quốc thay đổi chính sách tiền tệ, hoặc mất mùa đói kém, đồng quan bị sụt giá.

Nhưng những chi tiết đó, chúng ta sẽ giải quyết sau. Điều quan trọng chúng tôi muốn biết ngay là quý quốc muốn mua gì của chúng tôi.

Vua Thái Đức lại cười ranh mãnh đáp:

– Một con ngựa!

Sau khi nghe viên thông ngôn phiên dịch ra tiếng horse, Chapman trợn mắt hô hoán:

– Chỉ cần mua một con ngựa thôi sao?

Nhà vua cười đến ngả nghiêng, vỗ vai Chapman bảo:

– Chưa hết đâu. Hãy bình tĩnh, ông bạn mắt xanh tóc vàng. Trước hết ta cần ngay một con ngựa tía của Tây dương để

làm giống. Loại ngựa tía tai nhỏ và thẳng
đẩy nhé. Ngay chuyến tàu buôn đầu tiên,
ông bạn chở con ngựa giống đó đến cho
ta. Ta thừa biết ông bạn trố mắt kinh
ngạc vì chẳng lẽ cả một chiếc tàu ba cột
buồm chỉ chở có một chú ngựa sang đây.
Ta không quên đâu. Ta cần mua đồng,
sắt, diêm sinh. Tiện hơn hết là bán luôn
cho ta các tàu chiến và khí giới tối tân của
Tây dương. Ta đang cần các thứ đó để
đẹp yên bọn giặc cỏ ở Gia Định, khống
chế Cao Mên và đòi lại cho được Thuận
Hóa. Thế nào, liệu các ông có đủ tàu để
chở đến đây bấy nhiêu thứ hay không?

Chapman cũng tinh ranh chẳng
kém, hỏi lại:

– Liệu quý quốc có đủ tiền để trả cho
chúng tôi không? Nếu không có tiền Tây
Ban Nha, thì liệu có đủ tiêu sọ, đậu khấu,
quế, gỗ mun, ngà voi tương xứng với số

hàng chúng tôi chờ tới không?

Quả nhiên, câu hỏi khiến Nguyễn Nhạc dàu dàu nét mặt. Nhưng nhà vua cũng cố vớt vát:

– Có đủ chứ. Có lẽ vì chưa tận mắt chứng kiến nên ông chưa tin lời ta. Ông cứ đi một vòng ra cửa Hàn, cửa Hội đi.

Chapman chớp ngay cơ hội tốt, xin nhà vua cấp giấy thông hành để ra Quảng Nam. Nguyễn Nhạc bằng lòng, hứa nội buổi chiều sẽ cấp cho phái bộ Chapman đầy đủ giấy tờ cần thiết.

*

Cuộc tiếp đãi trân trọng của triều đình Tây Sơn đối với phái bộ Chapman không phải là trò chơi khăm của một ông

vua xuất thân áo vải chân đất. Những lời hứa hẹn và nhượng bộ quá đáng của vua Thái Đức không phải là lời hứa hão. Nhà vua thật tâm muốn giao hảo buôn bán với các nước châu Âu, vừa để gia tăng thu nhập quốc dân nhờ những hàng hóa xuất khẩu vừa để học hỏi các tiến bộ kỹ thuật hàng hải và quân sự của nước ngoài.

Nhà vua sa sầm nét mặt khi Chapman hỏi liệu triều đình có đủ tiền hoặc hàng hóa để trả cho bấy nhiêu nhu cầu nhập khẩu hay không, vì Chapman đã động đến mối lo cốt tủy của nhà vua.

Thật vậy, anh em Tây Sơn khởi nghĩa và thành công do sự ủng hộ nồng nhiệt của những người chân đất nghèo đói, hoặc tiếp tục bám lấy mảnh đất cằn cỗi để sống thoi thóp hoặc phải nuốt nước mắt lìa quê cha đất tổ lang thang nay đây

mai đó kiếm miếng cơm, nhập vào đoàn người xiêu tán vốn đã đông đảo. Tình trạng kinh tế suy kém từ dưới thời Trương Phúc Loan còn tác oai tác quái, anh em Tây Sơn phải đưa tay nhận lấy như một thứ di sản cay đắng. Bao nhiêu năm bận rộn với các cuộc tranh chấp nội bộ, hết đối phó với mặt bắc lại phải quay về đối phó với mặt nam, đó là chưa kể đối phó với các vụ bội phản đầy nguy hiểm trong hàng ngũ mình, anh em Tây Sơn chưa có thời giờ suy nghĩ về các vấn đề kinh tế. Chính sách nông nghiệp vẫn không có gì thay đổi so với thời trước. Chủ trương lấy của nhà giàu cho nhà nghèo chỉ là biện pháp giai đoạn để thu phục nhân tâm, sau đó mọi sự trở lại như cũ. Trai tráng ở thôn xóm phần lớn gia nhập vào các đạo quân, sức lao động thiếu thốn trầm trọng trong sản xuất. Chiến tranh chà qua xát lại tàn phá nhiều vùng vốn phì nhiêu như

Quảng Nam, Gia Định nên sản lượng sút giảm. Không lúc nào người dân ở các vùng tranh chấp cảm thấy đủ an cư để lạc nghiệp. Tầng lớp lao động chính là trai tráng lúc nào cũng ngay ngáy lo toan cái ngày nhập ngũ, không thiết việc đồng áng. Cái cày, cây liềm giao cả cho người già và lớp phụ nữ. Diện tích canh tác thu hẹp lại dần theo đà tăng của các cuộc trưng binh. Nguyễn Huệ tuổi trẻ chỉ thấy những nhu cầu quân sự trước mắt, đã trách anh tại sao cứ để mặc cho Châu Văn Tiếp quấy phá suốt một dọc đất từ Phú Yên vào đến Bình Thuận, tuy thực lực của Châu Văn Tiếp chưa đáng là bao. Nguyễn Nhạc phải dùng một câu tục ngữ nôm na “liệu cơm gắp mắm” cho em thấy những hạn chế về mặt kinh tế, lương thực không cho phép mở ra nhiều cuộc hành quân lớn lao.

Đã đành theo nhận xét của Chapman thì phong cảnh Qui Nhơn thời đó có đầy đủ dấu hiệu thanh bình sung túc. Lúa xanh mượt khắp cả thung lũng bao quanh bằng những dãy núi cao, cây hồ tiêu trồng kín đến tận đỉnh đồi, ruộng lúa được tiếp tục chăm bón tươi tốt ngay cả trong thành. Triều đình lại không quá hoang phí, cách xây dựng cung điện, đền đài, thành quách đơn giản và tiết kiệm. Lính tráng cũng không phải mặc đồng phục, ai có gì mặc nấy, đội nón lá, đi chân đất. Trừ các cuộc lễ lạc long trọng mà vua Thái Đức cần biểu diễn sự hào nhoáng uy nghi phải có của một vương triều đầy sức sống như cuộc tiếp phái bộ Chapman, (Nhạc đã ra lệnh cho các quan phải mặc những bộ quần áo đẹp nhất, mới nhất), thường ngày cách sống của quan lại không cao hơn cách sống dân dã bao nhiêu.

Nhưng dù hết sức cần kiệm, tài ngân của vương quốc cũng bị sút giảm trầm trọng do cuộc chiến tranh tàn khốc tiếp nối chưa biết đến lúc nào dứt. Có thể nói từ lúc khởi dấy cho đến khi xưng đế, anh em Tây Sơn không được lấy một ngày thanh thản, một ngày để tùy nghi. Họ có quá nhiều kẻ thù, và kẻ thù nào cũng mạnh hơn họ về quân số lẫn vũ khí. Cuộc chiến đấu tàn khốc để sống còn bắt buộc họ phải mạnh tay phá vỡ một số nguồn tài nguyên có thể là cuống rún nuôi dưỡng cho triều đại của họ sau này. Đất Quảng Nam giàu có phồn thịnh đồn đãi đến tận Quảng Đông, Phúc Kiến qua các tàu buôn ghé cửa Hội trở thành vùng đất đói và dịch. Rồi ngay cửa Hội cũng bị tàn phá, phố ngói san sát thuyền bè tấp nập trở thành một bãi sông hoang vắng lơ thơ mấy túp lều tranh khi Chapman đến thăm. Từ Phú Yên tới Bình Thuận

biết bao đạo quân thù nghịch nhau lần qua chiếm lại, mỗi lần đổi chủ là một lần làng xóm vắng vẻ, vườn tược tiêu điều, tiếng khóc át cả tiếng cười đùa của trẻ thơ. Gia Định vùng đất mới liên tiếp là bãi chiến trường đều đều mỗi năm, người dân chưa kịp dựng lại căn nhà vừa cháy đã bắt đầu lo cho chiến cuộc của mùa sau. Những người làm lịch sử ở mọi phe phía tưởng đã chủ động lèo lái lịch sử theo ý chí kiên quyết và lòng dũng cảm của mình. Nhưng chính họ cũng bị các biến cố liên tiếp của lịch sử cuốn đi, đẩy họ vào cơn lốc bạo tàn, kẻ yếu ngã gục, kẻ mạnh qua được cơn thử thách để bàng hoàng nhận thấy sự bất lực rời rã của mình trước các hậu quả khốc liệt của cơn lốc. Họ chùn chân lại, bắt đầu đặt ra các câu hỏi, lo lắng, sốt ruột trước mớ bòng bong phức tạp của thực tại. Họ chịu khó kiên nhẫn nghe ngóng, họ

nhũn nhặn, dè dặt hơn. Họ bắt đầu biết nói những câu đại loại như “liệu cơm gắp mắm”. Chính đó là tâm trạng của vua Thái Đức sau khi xưng đế năm Mậu tuất (1787), vào thời gian phái bộ Chapman đến Qui Nhơn.

Cuộc thất trận của Tổng đốc Chu và Hộ giá Phạm Ngạn ở Gia Định, các hoạt động dai dẳng của Châu Văn Tiếp ở Bình Thuận, ý đồ khôi phục của Nguyễn Ánh, và nhất là đời sống ngày càng kham khổ của dân nghèo ngay hai bên đường vua ngự đã khiến Nguyễn Nhạc băn khoăn trăn trở.

✱

Sau ngày ông giáo mất, gánh nặng gia đình đè lên vai An. Chị chưa hề được chuẩn bị để đón nhận trách nhiệm ghê gớm ấy. Đáng lý vào những ngày đầu sau ngày chồng bị câu lưu, An phải chơi với tuyệt vọng như một người bị sa lầy kinh hãi nhìn cái chết ngập dần ngập dần lên đến ngực, vai, cổ, miệng, mũi mà không còn cách nào kêu cứu. Nhưng lòng tự ái bị xúc phạm đã vực An dậy. Cho rằng những người quyền thế muốn đùa cợt bằng cách chà đạp lên cuộc đời chị, An mím môi lại, xắn tay áo lên, kiêu hãnh nhìn thẳng vào đời sống khốn khó với đôi mắt thách thức. Không cần nhờ vả ai, cũng không cần hỏi ý kiến ai, An trở lại nghề hàng xáo đã bỏ từ thời còn ở An Thái.

Thân thể mảnh dẻ yếu đuối, lại vừa mới qua một cơn bệnh thập tử nhất sinh,

An đã liều lĩnh lựa chọn một nghề cần đến nhiều sức lực và tài xoay trở. Cả hai điều kiện cần thiết ấy của nghề nghiệp, An đều thiếu. Nhưng thế cùng đã làm nảy sinh nơi An những tiềm lực bất ngờ. Qua một thời gian đầu khó khăn An quen dần với công việc. Vai chị quen với cái đòn gánh sáng bóng mồ hôi và oằn xuống vì đôi thúng gạo. An cũng quen dần với nắng gió, ăn uống thất thường, và những va chạm với bạn hàng do cạnh tranh nghề nghiệp. Chí quật cường không cho phép chị thua cuộc. Chị nhắm mắt dần tới, và sự liều lĩnh của chị hoặc khiến người ta sợ hãi thực sự, hoặc đã khiến người ta thương hại nhường nhịn, nhờ thế An tìm được một địa điểm tốt hơn để bày hàng, tranh mua được những nguồn cung cấp gạo và bắp đậu khá đều và rẻ, cũng như có riêng được một số khách mua nhờ tài ăn nói và trí thông minh của chị.

Những khó khăn về kinh tế triều đình không giải quyết nổi, ngược lại là cơ may cho An.

Lương thực ngày càng khan hiếm nên giá cả rất thất thường. Đã thế sự phân vùng về chính trị đã khiến cho việc giao lưu hàng hóa từ chỗ này sang chỗ khác gặp trắc trở. Gạo của Qui Nhơn không đem được ra Quảng Nam Quảng Ngãi. Bò trâu ở Phú Yên, Bình Khang không được phép vượt Cù Mông. Các ghe chài thường xuyên bị trưng dụng vào việc binh nên số cá trên thị trường sụt giảm. Nhiều lúc cá đánh được đầy thuyền nhưng không có phường rồi hoặc ghe nhỏ chở lên bán ở vùng giáp nguồn. Giá cả mọi thứ ở phủ này chênh lệch quá xa với phủ khác, huyện này với huyện khác. Tình trạng đó là cơ hội tốt để những con buôn chuyển giới luồn lọt, lo lót cho các

quan thu thuế và bọn mã phu chở hàng từ chỗ này sang chỗ kia thu được các món lời khổng lồ. Trong khi đó người làm ruộng, đánh cá cũng như dân tiêu thụ ở chỗ phố phường chịu nhiều thiệt hại vì giá cả không hợp lý.

Nhờ óc thông minh theo thời cuộc đoán ra biến động sắp tới của giá cả, An liền tiếp trúng được những món lời lớn. Việc buôn bán phát đạt trông thấy. Từ một gian hàng lẻ tẻ vài mủng gạo hầm, đậu đen, bắp tẻ bày ngay dưới gốc bàng sát lối qua lại, An dựng được một cái lều tranh ở gần trạm xe ngựa. Mặt hàng tăng thêm, An có thể mua bất cứ loại ngũ cốc nào với số lượng lớn, và có thể đủ gạo để bán liên cả một chuyến ngựa thồ. Khi gặp mỗi, chị còn dám buôn cả đường Quảng Ngãi, quế Quảng Nam, hoặc măng le đầu nguồn. Những người

quen biết cũ không thể nhận được ra chị. An đen hơn, người mập ra, quần áo xốc xếch lôi thôi. Nhưng biến đổi quan trọng nhất vẫn là tính xông xáo lạnh lùng, sự tính toán trong cách nhìn đời. Trong cơn hoạn nạn, đầu tiên lòng tự ái vực chị dậy, sau đó sự tham lợi thúc chị chạy quanh, quên cả mệt nhọc và cái quá khứ “cấm cung” yếu đuối của mình.

Người thân thuộc cũng ngỡ ngàng trước biến đổi của An. Mấy năm khó khăn ấy, quán rượu của Kiên cũng đông khách nhờ bọn mã phu kiếm được rất nhiều tiền trong các vụ chuyên chở lương thực lên lút. Họ vung phá tiền bạc qua các cuộc rượu chè. Cảnh nhà quá ồn ào, ngày nào cũng xảy ra những cuộc ẩu đả, Kiên tìm cô tịch bằng cách lấy cơ qua Bằng Châu giúp em gái trông nom vườn tược và các cháu bé. Kiên khuyên

An nên để bé Thái ở nhà cho con ở giữ. An ngoan ngoãn vâng lời anh, nhưng thằng Phát càng lớn càng hay nghịch, nhất định đòi theo mẹ ra chợ để được ăn quà, và đùa giỡn với đám ngựa thồ. Nó nhiễm nhiều tật xấu ở chợ búa: tật ăn vặt, tật lười biếng, tật vô phép với người lớn, tật ưa chửi thề theo cách tục tĩu của bọn phu ngựa và phu khuân vác. Đó là chưa kể cái tính nông cạn và ba hoa lắm lời di truyền từ người cha.

Nhiều hôm Kiên trách em đã không lo lắng gì cả trong việc giáo dục đứa con trai đầu. Anh ngạc nhiên biết bao khi nghe An khoe khoang những lời bốp chát của thằng bé đối với những khách hàng lắm mưu mẹo tinh ranh của mẹ. Kiên chỉ biết thở dài, quay sang săn sóc âu yếm con bé Thái.

Con bé càng lớn càng giống mẹ, nhất

là đôi mắt và khuôn mặt. Sau những giờ tìm chỗ vắng vẻ để trầm tư, hoặc tiếp tục cuộc thử thách cam go để hòa nhập vào sự nhất quán của vạn vật, Kiên thường lấy việc thủ thỉ trò chuyện với bé Thái làm thú vui cho mình. Trong thâm tâm, anh vẫn tiếc rằng em gái đã thay đổi tính nết, nhưng đồng thời anh phải cảm phục tài xoay xở quán xuyến của An.

✱

Phần Lãng, thì anh thất vọng náo nức. Lãng không tìm ra chị nữa! Lãng bất lực không thể giữ An lại nguyên vẹn như thời trước, và mỗi lần hai chị em gặp nhau, câu chuyện trao đổi giữa hai người gượng gạo, rời rạc như cuộc đối thoại giữa hai người điếc. Một hôm Lãng hí hửng báo cho An tin vui:

– Hôm qua tướng quân có hỏi thăm chị đấy!

An lơ đãng hỏi:

– Tướng quân nào?

Lãng trố mắt nhìn chị:

– Còn tướng quân nào nữa! Trí óc chị để đâu thế?

An tiếp tục đếm số tiền kẽm bỏ vào cái hộp giấy:

– Sao bỗng dưng ông ấy hỏi thế? Gớm, tiền gì mà rỉ hết cả. Càng ngày tiền đúc càng mỏng dính, chắc có lúc gió thổi bay đi mất. Hai mươi ba, hai mươi bốn, hai mươi lăm. Hay mày lại xun xoe gạ chuyện để xin xỏ người ta chứ gì! Mày có xin cho mày thì tùy, nhưng tuyệt đối không được nhắc đến tao. Hai mươi

chín, ba mươi, ba mươi mốt. Lại tiền rỉ. Buôn bán kiểu này chắc có ngày vỡ nợ. Ba bảy... Ủa, cái dây khâu tiền đâu rồi. Lại thằng nhỏ Phát... Nhưng ông ấy hỏi gì nữa?

Lãng nhặt cái dây mây bị gió thổi rơi xuống gằm chông, đưa cho An, nhả mặt vì thái độ dửng dưng của chị. Dù không muốn, Lãng cũng phải tiếp:

– Anh ấy hỏi độ rày sức khỏe chị ra sao?

– Đủ rồi. Xâu giùm cho tao đi. Hỏi thăm sức khỏe! Vẽ chuyện! Chắc không có chuyện gì để sai bảo mày, mà đuổi mày đi cho khuất mắt thì bất nhẫn, nên mới quay ra hỏi chuyện trời mưa trời nắng. Đồng kẽm đó vỡ rồi à. Thôi vất đi, thay đồng này vào cho đủ xâu. Ờ, tao chẳng biết đến lúc nào người ta mới vất mày đi

như vất một đồng tiền kẽm rỉ mực.

Lãng giận quá, giọng câu kinh:

– Chị nói hay chưa! Chị có biết anh ấy đối đãi với em ra sao đâu mà ăn nói độc địa vậy. Vì chuyện anh Lợi mà chị mất cả bình tĩnh. Chị thay đổi hẳn tính tình. Thú thật, em không nhận ra chị nữa. Chị xem mọi người giống như những bọn mã phu lưu manh và bọn con buôn lường đảo hàng ngày bu quanh chị như đàn ruồi.

An bĩu môi chua chát:

– Phải. Mà nói đúng. Tất cả mọi người, kể cả tao cả mày, kể cả cái bọn mặc áo lụa đi kiệu mà mày xem như thần thánh, đều là ruồi nhặng tất. Ba năm lẫn lóc để kiếm sống làm cho tao sáng mắt ra. Tao nhìn thấy tim đen của mọi người.

Chúng nó cần gì trước tiên? (An hốt một nắm tiền kẽm ném tứ tung trước mặt em). Đó, tiền. Tiền. Tiền. Có tiền trong tay, mày có thể vút thẳng vào mặt chúng nó, chúng nó chẳng những không dám giận mà còn hí hửng rồi rít cám ơn mày nữa. Bài học tao học được sau ba năm đi buôn đấy!

Lãng vất xâu tiền vừa xâu xong trả về phía An, gằn giọng nói:

– Chị ở giữa đám ruồi nhặng, bùn lầy quen rồi, nên nhìn đâu cũng thấy dơ bẩn, ở đâu cũng nồng nặc mùi thối.

An ngược mắt lên, đôi mắt long lanh gần như hung dữ, thách thức:

– Mày thấy ở đâu thơm, nói cho tao biết đi! ở đâu? Lúc nào?

Lãng đáp ngay:

– Ở chỗ mà chị đã bỏ đi. Vào lúc, vào cái thời mà chị không dám nhớ lại nữa. Như thời An thái.

An cười nhỏ, chậm rãi nói:

– Đó là cái thời ta còn ngu dại. Mà lại nhắc lại tao thêm trên. Tại sao lúc ấy mình ngây thơ đến thế! Mình cung kính trước những gì mình tưởng là cao thượng, hợp lý. Mình phần nộ trước sự tầm thường, hèn nhát, không thành thực. Lầm, lầm hết. Mình mù lòa mà tưởng sáng suốt. Bây giờ tao học được nhiều điều ở bọn mã phu chuyên buôn hàng lậu. Chúng không cần nói nhiều. Chúng biết các ngài muốn gì sau bao nhiêu lời quanh co văn hoa, và bộ điệu oai vệ nghiêm trang. Không cần nói nhiều, chúng vắt ra một túi tiền. Mọi sự trót lọt, cả hai bên đều vui lòng.

Lãng tức quá, cãi lại:

– Đó là những điều xấu xa mà ở thời nào cũng có, như nhà nào cũng có rác. Chỉ khác là tùy ăn ở sạch sẽ hay không mà rác rưởi ruồi nhặng nhiều hay ít. Nhưng không phải vì cả đống rác ở trong xó tối mà nói đại rằng nhà này không có bàn thờ. Thời nào, ở đâu cũng phải có những điều lý tưởng, bất biến, vĩnh hằng như là chân lý.

An cười khinh bạc:

– Lý tưởng! Chân lý! Lý tưởng là thứ gì? Chân lý là thứ gì? Mà muốn nghe bọn mã phu định nghĩa mấy cái chữ hào nhoáng lòe loẹt đó không? Lý tưởng là cái mình tưởng có lý. Chân lý là cái lý có chân. Ha ha! Bọn mã phu đúng là bọn thầy đời!

Lãng đăm đăm nhìn An, rồi mạnh dạn nhận xét:

– Bây giờ em mới hiểu vì sao chị bằng lòng lấy anh Lợi. Chị giống anh ấy như hai giọt nước.

An cho lời em là một lời phỉ báng cả hai vợ chồng mình. Đột nhiên An giận run lên. Chị vút mạnh xâu tiền xuống mặt chõng, giọng run run, lắp bắp:

– Không... không có những bọn “hạ cấp” như hai vợ chồng tao thì cả nhà này cạp đất mà ăn. Mà lên giọng khinh khi anh Lợi? Suốt bao nhiêu năm ai lo lắng bát cơm thang thuốc cho cha? Ai lo chuyện tống táng? Anh Kiên hay là mày? Nói đi! không có hai vợ chồng tao làm bánh xe lăn lộn trong bùn thì mày có được ngồi yên trên xe để huyênh hoang chuyện lý tưởng hay không? Mày không được giờ

cái giọng đó ra với tao nữa! Người ta đã giúp được gì cho gia đình này? Cho cha, cho anh Kiên, cho tao? Kể đi!

Lãng không kể được. Vì những gì anh muốn nói, Lãng biết chắc An không còn hiểu nổi nữa. Đưa tay đẩy đồng tiền về phía An, Lãng nói:

– Chị nổi giận rồi, em có nói chị cũng không nghe lọt tai đâu. Thôi, ta đừng cãi nhau, vô ích. Em chỉ tin cho chị biết việc này. Hình như nhà vua lại sắp vào Gia Định. Chị thử xin gặp quan Tiết chế, để... để xin tha cho anh Lợi. Như một cách đái công chuộc tội. Quan Tiết chế vẫn thường khen ngợi cái tài tổ chức nhanh nhẹn và quán xuyến của anh Lợi trong vụ vận lương năm Bính thân (1776). Chị thử xin xem sao!

Nói xong, Lãng đứng dậy bỏ đi.

Ngay đêm hôm đó, An làm một con tính. Cái tin Lãng cho biết không phải không có chút giá trị nào. Tại sao không? Nếu Lợi được thả ra, với cái tài giao thiệp và xoay xở ấy, với kinh nghiệm ấy, trong giai đoạn kinh tế bất thường này... sức lực hai vợ chồng cộng lại nhất định phải đưa số lợi hằng ngày tăng lên gấp đôi, gấp ba, hoặc nhiều hơn nữa. Hoặc có thể y như trước đây, chỉ một mình Lợi xoay xở cũng đủ nuôi sống cả gia đình, và An sẽ được an nhàn lo lắng dạy dỗ các con. Chị bắt đầu nhận thấy cuộc sống xô bồ ở đầu chợ bến ghe đã ảnh hưởng xấu đến tính tình con cái, nhất là thằng Phát.

Cho nên sáng hôm sau, An nhất quyết nghỉ bán hàng một hôm để xin gặp

quan Tiết chế Nguyễn Lữ. Không nói gì với Lãng cả, An lặng lẽ thực hiện ý định một mình. Chị chọn một bộ quần áo tồi tàn nhất, tóc tai để mặc cho dã dượi để gợi lòng thương xót của quan Tiết chế. Chị cũng định ẵm theo cả bé Thái như trước đây chị đem nộp giấy khiếu oan cho bộ Hình. Trong lúc chờ con Gái cho bé Thái ăn cháo, An kịp suy nghĩ lại dự tính của mình: Sao lại tìm gặp quan Tiết chế? Mà không gặp ngay Long Nhường tướng quân? Còn gì nữa đâu mà phải e ngại! Nếu tính đến cơ may thành công, thì gặp Nguyễn Huệ có lợi hơn gặp Nguyễn Lữ. Nhanh chóng như phải quyết định ngay một vụ mua bán, An vào buồng thay đổi quần áo. Chị chọn một bộ áo lụa bạch may từ hồi đám cưới, lục lọi khắp các góc tủ để tìm lại hộp trang điểm. An chải kỹ mái tóc, bôi phấn thoa son. Con Gái

ngạc nhiên không kịp nhận ra cô chủ nữa. An bảo nó:

– Thôi, để em ở nhà cho khỏi nắng. Cô đi một mình.

Con Gái rụt rè khen:

– Cô đẹp quá. Cô đi đâu hở cô?

An đỏ mặt vì sung sướng và ngượng ngùng, liếc nhìn khuôn mặt của mình trong gương, rồi đáp: – Có việc. ở nhà coi chừng thằng Phát.

An đi một mạch đến dinh Long Nhung tướng quân với lòng rộn rã, thanh thản lạ thường. Chị tự thấy mình đổi khác, nhưng chưa đủ trầm tĩnh để hiểu đổi khác ở đâu.

An qua trạm gác không chút khó khăn, và cũng không gặp chút trở ngại

nào khi giục người lính hầu của Nguyễn Huệ vào bẩm với chủ tướng cho An được yết kiến.

Lúc đó Nguyễn Huệ đang tiếp một tùy tướng mang tin mặt trận Bình Khang về Qui Nhơn (mùa hạ năm 1781). Huệ hỏi viên tướng trẻ có khuôn mặt chữ điền và đôi mắt hơi xếch.

– Bọn Thanh, Vĩnh ở Phú Yên có vào kịp tiếp ứng cho Châu Văn Tiếp không?

Viên tùy tướng đáp:

– Bẩm tướng quân, chưa kịp. Có lẽ chúng không liên lạc được với Gia Định!

Nguyễn Huệ cười, lục tìm một mẫu giấy đưa cho viên tùy tướng rồi nói:

– Anh lầm rồi. Đây, anh xem thư Châu Văn Tiếp gửi cho chúng nó đây. Để

ta đọc luôn cho anh nghe nhé: “Vừa rồi, khi về triều kiến, vương thượng đã ban cho Tiếp chúc đại tướng để điều khiển các đạo quân ra đánh Tây Sơn. Nay ta đang duyệt binh và sắp đặt khí giới cho mọi sự được sẵn sàng. Tướng sĩ ta ở lại ngoài ấy, hoặc ai có thiếu thốn đồ dùng, các ông cứ giúp đỡ họ, bao giờ Tiếp ra, Tiếp sẽ trả lại cho bội hậu⁴”. Gớm nhỉ! Chưa đánh đã tính đến chuyện thưởng công. Đúng là mảnh lới của tên con buôn Đồng Xuân phản trắc. Hắn đem quân Gia Định ra đóng ở đâu?

– Bẩm tướng quân, theo lời khai của một tên tướng bị ta bắt thì trận này chúng nó định đánh lớn. Cả ba đạo quân được điều động. Một đạo do Châu Văn Tiếp kéo từ Gia Định ra đóng tại Diên khánh. Một đạo của Nguyễn Phúc Dụ từ Bình

4 Hutchinson & Berland: *Aventuriers au Siam au 17^e siècle*, BSEI, XXII, 1947, trang 13

Thuận ra tiếp ứng cho Tiếp, đóng ở Hòn Khói. Một đạo thủy quân do Tống Phước Thiêm, Nguyễn Hữu Thụy, Dương Công Trừng chỉ huy, dự định xuất phát từ Gia Định phối hợp với hai đạo bộ binh kia vây đánh Bình Khang và chặn đánh thủy quân ứng cứu của ta. Nhưng không hiểu vì sao đạo thủy quân này không ra được.

– Anh đã tra hỏi kỹ bọn tù binh chưa?

– Dạ rồi, nhưng chính chúng nó cũng kinh ngạc không hiểu vì sao.

– Sau khi bị tượng binh của các anh đánh cho tan tác, tàn quân của chúng chạy về ngã nào?

– Nguyễn Phúc Dụ chạy về lại Bình Thuận. Còn Châu Văn Tiếp nghe đâu đã chạy ra căn cứ cũ của hắn ở Chà Rang.

Nguyễn Huệ gặt gù, đăm chiêu suy nghĩ:

– Lại Chà Rang. Cái hang ổ này cứ dây dưa mãi. Trước sau gì cũng phải quét một lần cho xong. Nhưng việc trước mắt là tìm hiểu ngay do đâu thủy quân của tên Chung không ra Bình Khang. Hẳn tốn bao nhiêu công lao gây dựng được mấy vạn thủy binh trên bốn trăm bảy mươi chiếc thuyền các loại, và vài chiếc tàu Tây dương [Theo thư của Diego de Jumilla viết năm 1782, xem BSEI số 15, 1940, trang 87- 88] không lẽ vô cớ sai hện với quan “đại bại” Châu Văn Tiếp. Ta sẽ tìm hiểu việc này. Phần các anh, về Bình Khang cũng phải dò xét gấp, có tin báo về đây ngay nhé.

Vừa lúc ấy, người lính hầu vào trình với Nguyễn Huệ “có con gái ông giáo Hiến” xin được yết kiến tướng quân. Huệ

không tin ở tai mình. Dù đã trải qua biết bao cơn nguy hiểm, kề cận bao lần với cái chết, lần này đột nhiên Huệ sợ hãi vu vơ. Ông liếc nhìn cả viên tùy tướng lẫn người lính hầu, sợ họ thấy được vẻ mặt xúc động của mình. Nguyễn Huệ bảo người lính hầu:

– Được. Ra mời bà ấy vào đây.

Rồi quay về phía viên tướng Bình Khang, Huệ nói:

– Xong rồi. Anh nhớ lời ta dặn rồi chứ?

Viên tùy tướng ra khỏi, Nguyễn Huệ cảm thấy ngột thở, phải đứng dậy đi đi lại lại trong phòng. Có thể như thế được sao? Nàng đã gặp chuyện gì để phải đến đây gặp mình? lâu nay nàng vẫn tránh gặp ta mà! Nàng có gặp điều nguy hiểm

gian nan nào không? Có tiếng chân bước nhẹ ngoài cửa phòng. Tim Huệ đập dồn dập. Ông vội quay lại. An đã đứng đó: mầu áo lụa bạch, đôi má hồng, ánh mắt buồn như sắp bật khóc, tấm thân nhỏ nhắn yếu đuối! Nguyễn Huệ tưởng như thời gian lùi trở lại tận cái thời ông liều lĩnh vượt lệnh anh đưa quân dẫn sâu xuống An Thái. An vẫn đứng đấy, đôi mắt bối rối sau bao năm mặt đối mặt với con người hết sức quen thân mà cũng hết sức xa lạ. Phải cố gắng lắm Nguyễn Huệ mới thốt được câu hỏi vô nghĩa:

– An đấy phải không?

An cũng xúc động, gần như choáng váng trước hình ảnh vị tướng trẻ tuổi khuôn mặt da ngăm răn rỏi vận bộ nhung phục mầu đỏ, lưng thắt một dải gấm vàng đang đăm đăm nhìn mình. Bao nhiêu quyết tâm bạo dạn của An biến đâu mất

hết! An cảm thấy mình nhỏ nhoi, yếu đuối, luyến tiếc, tủi thân, bất giác nước mắt từ từ lăn xuống má.

Thấy An khóc, Huệ càng cuống lên. Ông vội đẩy chiếc ghế đệm bọc gấm xanh về phía An, dịu dàng bảo:

– An ngồi xuống đây đã. Lâu nay vẫn thường chứ?

An đang thút thít khóc, không trả lời được, chỉ gật đầu, đưa tay áo lên chặm nhẹ lên hai má.

Huệ lại hỏi:

– Các cháu vẫn khỏe?

Bây giờ An mới đáp được mấy tiếng:

– Dạ. Vẫn khỏe.

– Nghe Lãng nói đứa lớn khó nuôi lắm. Nó lên mấy rồi? Lên sáu thì phải?

– Dạ, lên sáu.

Huệ thở dài, giọng thật buồn:

– Chóng nhỉ. An mới đi lấy chồng đây, thoát một cái đã hơn sáu năm. Lãng cũng bảo cháu gái sau giống An lắm.

– Dạ vâng. Bé Thái nó...

Huệ vội hỏi:

– Tên Thái à? Thái... Tên hay đấy!

An đỏ mặt vì xấu hổ, không dám ngừng lên nhìn Huệ. Hai người bồi hồi im lặng, một lúc lâu cả hai không tìm được gì để nói, đúng hơn là không dám nói những điều muốn nói hết cho nhau. Huệ nhìn vẻ bối rối của An, ân cần hỏi:

– An có cần... có cần tôi giúp gì không?

Rồi như sợ câu hỏi quá sỗ sàng tự đại làm méch lòng thiếu phụ, Huệ tiếp:

– Suốt đời tôi vẫn không bao giờ quên ơn giáo dục và lòng thương yêu của thầy.

An quên hết những tính toán lạnh lùng, quên cả những ý nghĩ cay đắng và chua chát về thế thái. An trở thành An của thời cũ, với đầy đủ lòng tin vào cuộc đời, ước vọng được hạnh phúc và sống thật trọn vẹn một cuộc đời ý nghĩa. Ôn lại mấy năm gian truân, lăn lóc, ôn lại những mất mát, những tuyệt vọng, đột nhiên An lại bật khóc. Giọng nói của An bị ngắt quãng vì những tiếng nấc:

– Em khổ quá. Một mình, nuôi cha

già yếu, rồi nuôi hai đứa con dại... Biết thế này, thà...

An không thể nói được hết câu. Huệ xót cả lòng, bảo An:

– Tôi cũng cố gắng, nhưng có nhiều việc không thể làm được. Kể cũng quá lâu rồi. Đã tròn ba năm... An vẫn đi thăm nuôi đều đấy chứ?

– Dạ vâng.

Huệ nói nhỏ, như tự nói với mình:

– Ba năm. Lâu quá rồi.

An ngừng lên, lấy hết can đảm nói:

– Tướng quân giúp em. Em đã gần mới mòn kiệt sức. Hai đứa bé thì càng ngày càng lớn, cần có cha để dạy dỗ. Nếu cần sai anh ấy làm bất cứ việc gì, cho dù nguy hiểm đến đâu, để lấy công chuộc

tội, anh ấy cũng sẵn sàng. Tướng quân...

An chỉ nói được bấy nhiêu. Nhưng cũng đã đủ lắm rồi! Nguyễn Huệ không chút do dự, vội vã hứa:

– Tôi hiểu. Tôi hiểu tình cảnh đơn chiếc của An trong ba năm qua. Được rồi. Thế nào tôi cũng cố gắng hết sức để An vui lòng.

An vui mừng ngược lên nhìn Huệ. Qua màn nước mắt, An thấy Huệ mỉm cười, đôi mắt sáng lên vì xúc động. Chị đứng dậy, lí nhí nói:

– Cảm ơn tướng quân. Mẹ con tôi nhớ ơn tướng quân đời đời.

Rồi không chờ Huệ trả lời, An vội vã bước ra phía cửa. Chị không muốn Nguyễn Huệ nhìn thấy những giọt nước mắt sướng vui của chị!

Chương 50

Mùa đông năm Nhâm Dần (1782), tình hình kinh tế suy sụp vì nhu cầu quốc phòng đòi hỏi triều đình Tây Sơn phải có những quyết định cấp bách. Tin tức Gia Định đưa về không mấy vui. Tuy hai đạo bộ binh của Châu Văn Tiếp và Nguyễn Phúc Dụ đã bị quân tượng ở Bình Khang đánh cho tan tác, nhưng hình ảnh những chiếc tàu chiến Tây Dương cỡ lớn lảng vảng ngoài khơi Hòn Khói về sau vẫn còn được xì xào bàn tán trong quân đội Tây Sơn như một đe dọa khủng khiếp. Thế mà tin từ

miền Nam báo về cho biết Nguyễn Ánh đã thuê được nhiều tàu chiến Tây Dương loại ấy, sắp quyết một trận sống mái với Qui Nhơn. Thắc mắc của Nguyễn Huệ về đạo thủy quân hùng hậu của Tổng Phước Thiêm, chẳng bao lâu đã được giải tỏa. Nghe tin Nguyễn Ánh đã giết Đỗ Thành Nhân và quân Đông Sơn nổi loạn làm trở ngại cho kế hoạch tấn công Bình Khang mùa hè vừa qua, vua Thái Đức vui mừng reo lên: “Hữu Phương đã chết, ta không còn gì phải lo ngại nữa”.

Sự thuận lợi về mặt quân sự, cộng với tình trạng thiếu lương thực trầm trọng ở mấy phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi, Qui Nhơn đã thúc đẩy nhà vua quyết định tấn công Gia Định lần nữa. Sau hơn ba năm ngưng tấn công Gia Định vì không đủ điều kiện quân lương, bây giờ, chính sự thiếu thốn quân lương bắt buộc nhà

vua phải đích thân cầm quân đánh Gia Định.

Việc chuẩn bị cho cuộc tấn công dự tính vào mùa xuân năm sau thật rầm rộ, không cần giấu diếm. Dân phu được trưng dụng tối đa để dẫn gỗ, đóng thuyền. Lệnh tuyển lính xao động khắp nơi. Trên sông, trên biển, rộn ràng những cuộc diễn tập, nhất là lối đánh hỏa công. Triều đình động viên toàn lực của dân chúng để chuẩn bị kỹ càng cho cuộc tấn công lịch sử, nên chính sách có vẻ hòa hoãn, thoải mái hơn trước. Bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, vua Thái Đức cũng nhắc nhở đến sự đoàn kết chân thành, tình thương yêu đùm bọc giữa những người chân đất, giữa những kẻ đồng hương, để sẵn sàng tiêu diệt kẻ thù chung. Câu chuyện bó đũa đã thành một đề tài thời sự, đi đâu cũng nghe truyền tụng: cha

dạy con, chồng dạy vợ, thầy dạy trò, quan huyện hòa giải nguyên cáo và bị cáo, trường tuần giải quyết việc xô xát... Mọi người đều muốn chứng tỏ lòng bác ái, tình thương yêu đồng loại, sẵn sàng bỏ qua những tị hiềm để đoàn kết chặt chẽ với nhau. Đoàn kết, hỉ xả trở thành một thứ thời trang, hay nói nôm na như bọn mã phu, như một thứ thuốc cao trị bá chứng.

Lợi được giải thoát một phần nhờ ở cơn sốt đoàn kết ấy. Sau ngày Long Nhương tướng quân tiếp An tại dinh, ông bận thân suốt mấy hôm vì chưa nghĩ ra cách nào hữu hiệu nhất, nhanh chóng nhất để cứu Lợi. Ông biết sau ba năm, thực sự mọi người đã quên Lợi rồi. Lợi không còn là một “vấn đề”. Anh ta đã bị gạt ra ngoài, bây giờ bệnh Lợi hay chống Lợi cũng không có ích gì, nên không ai

nhắc nhở đến Lợi nữa. Nhưng Nguyễn Huệ cũng biết vào địa vị tế nhị của ông, nếu đích thân ông can thiệp cho Lợi thì ngay sau đó, Lợi trở thành cái đích cho sự yêu ghét mĩa mai đàm tiếu hoặc thương xót. Cái gút của mọi rắc rối nằm ở bộ Hình. Ông có thể can thiệp thẳng với Bùi Văn Nhật, anh vợ của ông không? Có và không. Tất nhiên quan Hình bộ không gặp phiền phức nào khi trả tự do cho Lợi. Nhưng sau đó, chính Nguyễn Huệ sẽ gặp nhiều điều phiền phức. Kinh nghiệm sau đám tang ông giáo cho Huệ biết chắc như vậy.

Nguyễn Huệ bóp trán tìm giải pháp thích hợp nhất. Và ông đã tìm ra. Nhân một buổi họp chung để bàn kế hoạch tiếp lương cho các đạo quân sắp dự trận, Huệ khéo léo nhắc lại cái tài tổ chức của Lợi cho quan Hộ giá Phạm Ngạn nghe.

Ban đầu, Phạm Ngạn tỏ ra bối rối, rồi lại giả vờ như không chú ý vào câu chuyện. Long Nhương tướng quân không phải là người dễ dàng chịu thua cuộc. Ông ví viên Hộ giá vào thế bí. Ông đưa đẩy Phạm Ngạn đến chỗ đành phải chịu nhận một số sự thực: Phạm Ngạn không có khả năng cầm quân xông trận, nên dù nhà vua có ưu ái biệt đãi thì cũng chỉ dám giao cho việc quân lương. Đây là một công tác phức tạp, đòi hỏi óc tổ chức và tinh thần trách nhiệm. Bụng đói thì lưỡi giáo phải mềm. Liệu một mình Phạm Ngạn có cáng đáng nổi gánh nặng trách nhiệm ấy không? Nếu cần một viên phụ tá, thì tìm ai đây? Ai đã từng có nhiều kinh nghiệm trong công việc này? Phạm Ngạn rụt rè nhắc đến vài cái tên, cuối cùng mới nhắc đến Lợi. Nguyễn Huệ làm bộ kinh ngạc hỏi lại:

– Lợi à? Hắn đang bị tội mà. Hơn nữa, chính ông đưa hắn đến cửa ngục, ông quên sao?

Viên Hộ giá vội vã chối hết trách nhiệm, bảo rằng Lợi bị bắt lúc ông cùng với Tổng đốc Chu đi đánh Gia Định, rằng trước sau ông vẫn thương mến và cảm phục tài tháo vát của Lợi, rằng sở dĩ Lợi gặp nạn là do dân phu làm đơn tố cáo lên bộ Hình. Nguyễn Huệ khéo léo vây bủa đến nỗi cuối cùng, để thanh minh mình hoàn toàn vô can trong vụ Lợi, viên Hộ giá sẵn sàng đứng ra xin giải oan cho Lợi, và mời anh ta về làm phụ tá lo việc tiếp tế lương cho mình.

Mọi sự xảy ra sau đó đều đúng với dự định của Nguyễn Huệ. Cơn sốt “đoàn kết, thiện cảm” thúc đẩy cho diễn tiến được nhanh hơn, gọn hơn. Đích thân viên Hộ giá tâu trình đề nghị ân xá lên nhà

vua. Nhà vua truyền lệnh cho bộ Hình. Bùi Văn Nhật truyền lệnh cho viên giám ngục. Lợi được phóng thích tháng Bảy năm 1782 không đầy nửa tháng sau cuộc hội kiến đáng nhớ giữa Long Nhương tướng quân và An.

✱

Lợi được phóng thích đột ngột, bất ngờ y như lúc anh bị bắt. Những người dự vào cuộc vận động kín đáo để trả tự do cho anh, từ Long Nhương tướng quân, Hộ giá Phạm Ngạn, cho đến quan Hình bộ đều không muốn người khác biết mình có dính dáng đến việc này, nên Lãng không hề biết trước để báo cho chị mừng. Phần An, vì tự ái, chị cũng giấu em buổi hội kiến hôm ấy.

An không có gì đáng phải khoe khoang với Lãng. Sau khi nói với em những lời chua chát, độc địa, An sợ nếu Lãng biết mình đã tìm gặp Huệ, chắc chắn Lãng sẽ chê cười mình giả dối, trơ trẽn. Vả lại, cuộc hội kiến cũng tạo cho An những băn khoăn, ray rứt mới. Chị như một người đang cúi đi, đột nhiên khựng lại, ngơ ngác tự hỏi: ta đang ở đâu? ta đi đến đâu? Trước khi gặp Huệ lòng chị dứt khoát, ý tưởng của chị rạch ròi phân biệt cân nhắc lợi hại hơn thiệt, lời lỗ. Chị vững tin ở mình, khinh miệt cái thế giới mê lung huyền hoặc của những ý niệm chân lý, cao thượng, vị tha, đạo đức. Tất cả đều là giả dối hết, trừ sự thực vạn năng của của cải, tiền bạc.

Nhưng lúc gặp Huệ, An cảm thấy mình nhỏ lại. Những điều chị tưởng là chắc chắn, quan trọng, không thể thiếu,

đột nhiên trở nên hư huyền, vô giá trị. An khựng hẳn lại, và chịu sức cuốn của cảm xúc, chị chỉ còn biết khóc, lí nhí, yếu ớt đáp những câu hỏi đơn giản của Huệ, không chút e dè ngượng ngùng. Được Huệ hứa giúp đỡ, An mừng rỡ bước vội ra khỏi phòng. Và từ đấy, trên đường trở về nhà, mọi sự trước mắt An đều biến đổi. Như một người vừa qua khỏi cơn mê, An ngỡ ngàng không hiểu cả mình. Tại sao chỉ mới đây thôi, ta có thể xem những cái này là đúng, thậm chí còn ca ngợi nó như một cách sống khôn ngoan thức thời. Những bon chen, lừa đảo này sẽ dẫn đến đâu? Giá trị của đời sống, giá trị của con người ở chỗ nào? Tự nhiên An chán nể sống hiện tại của mình, không muốn ra chợ nữa. Chị trở lại chăm lo con cái, xếp đặt lại nhà cửa, bếp núc. Bữa ăn sáng của mấy đứa bé bớt thất thường.

Khói vươn lên khỏi mái nhà bếp đúng lúc.

Nhờ thế khi Lợi đột ngột trở về nhà sau hơn ba năm bị giam, anh có cảm tưởng mọi sự vẫn y nguyên như lúc mình ra đi với chiếc gông trên cổ. Thằng bé Phát mừng rỡ chạy ra vì tưởng những khách hàng của mẹ sẽ đến giải thoát cho nó, đưa nó trở lại cuộc sống từng bùng ở bến ngựa thồ. Nó thất vọng, vì chỉ gặp một người lạ mặt gầy ốm đang dăm dăm nhìn nó. Thằng Phát dấm sợ, vội kêu cứu:

– Mẹ ơi. Ra đây mau lên, mẹ ơi. Có ông ăn mày dễ sợ!

An nghe giọng hốt hoảng của con, vội bỏ cái áo đang may dở dang ra cổng. Mắt chị đã quáng chưa đây? Rõ ràng anh Lợi đây mà! Hai vợ chồng nhìn nhau qua hàng rào tre mà cả hai đều ghen không

thốt được ra lời. An tiến đến gần chỗ Lợi đứng, thì thảo như sợ tiếng động có thể làm tan mất ảo ảnh đoàn tụ trước mắt:

– Anh! Anh Lợi đấy phải không?

Lợi cũng cố dần xúc động, đáp khê:

– Vâng, anh đây. Mở cửa cho anh với!

Không sợ lắm lẫn nữa, An reo thật lớn:

– Trời ơi anh! Đúng là anh đây rồi. Thế mà thằng quỷ này nó kêu có ông ăn mày nào. Cha đẩy con. Tránh cho mẹ mở cửa mau! Cha đấy, đừng sợ. Trời ơi! Sao tay em run thế này. Anh đến kéo cánh cửa cổng ra phía ngoài cho em dễ mở một chút. Anh về thật không anh? Có phải anh được về luôn không?

Lợi qua được cơn xúc động, bắt đầu liên thoảng:

– Lại không thật! Em mở được chưa? Kéo ra tí nữa à? Được chưa. Rán lên. Nhờ ơn trời! Mau lên cho anh vào bỗng thẳng trưởng nam một chút. Em biết không, anh chạy một mạch từ cửa ngục về đây, vừa chạy vừa ngoái cổ nhìn lại sợ họ kêu lại vì có lầm lẫn gì đó. Như trùng tên chẳng hạn. Mau lên!

An quỳnh quáng không tài nào mở được then cửa. Lợi nôn nóng bảo:

– Thôi em tránh sang một bên.

An không hiểu chồng muốn gì, nhưng cũng vui vẻ dẫn con đứng dịch sang một bên cửa. Lợi dùng hết sức đập mạnh lên cánh cửa cổng. Cái then bật ngàm. Trong lúc thẳng Phát sợ hãi khóc

ré lên, hai vợ chồng cười ha hả ôm chầm lấy nhau. Sau một lúc cuống quýt, An đẩy chồng ra xa hỏi lại:

– Anh về luôn thật hả?

Lợi cười lớn:

– Hỏi gì kỳ cục! không về luôn chẳng lẽ chỉ về tạm rồi lại vào đó xin mang gông.

Câu nói của Lợi khiến An nhớ lại cuộc đời tù đầy của chồng. Cho đến lúc này chị vẫn có cảm tưởng Lợi vừa đi xa trở về. An nhìn kỹ khuôn mặt, thân thể, quần áo của Lợi, và đến lúc ấy chị mới thấy hết tất cả tiêu tụy, ốm o của Lợi. An rơm rớm nước mắt thương xót:

– Anh ốm quá. Thôi, vào nhà đi đã. Phát. Không được khóc. Cha chứ ai đâu mà sợ.

Thằng bé nhất định không chấp nhận người lạ mặt vừa đến tranh giành tình thương của mẹ, phụng phịu tránh xa không cho Lợi ôm vào lòng. Lợi hơi thất vọng, lúng túng. An thấy chồng buồn, vội nói:

– Lúc anh đi nó còn bé quá, không nhớ mặt anh đâu. Vào nhà đi anh. Để em bông nó, không nó lại tưởng...

Lợi ngùi ngùi nhìn lại khung cảnh cũ, thấy khu vườn, căn nhà nhỏ có vẻ điêu tàn, cũ kỹ hơn trước. Mấy hôm nghỉ buôn bán, An chưa kịp sửa sóc sửa sang lại vườn tược, con Gái lại bận, nên lá khô rơi ngập cả lối đi. An chạy vào nhà trước với thằng Phát, vực bé Thái dậy. Con bé còn ngái ngủ, ngơ ngác không hiểu vì sao cả nhà náo động khác thường như vậy. Nó sợ, ôm chặt lấy mẹ. Sợ con gái lại không chịu cho mình bông, Lợi bảo vợ:

– Thôi, em cứ để cho nó ngủ tiếp.
Chưa ai về cả à?

Biết chồng muốn hỏi Kiên và Lãng,
An đáp:

– Anh Kiên đã về lại bên nhà từ hôm em tạm nghỉ hàng xáo. Còn Lãng không biết chiều nay có về không. Chắc nó chưa hay tin anh về. Anh đi tắm rửa rồi thay quần áo đi. Cái bọc gì thế kia?

Lợi hớn hờ khoe:

– Quý lắm đấy. Chốc nữa vào anh sẽ cho xem.

An không dẫn được tò mò, vội hỏi:

– Cái gì trong đó vậy?

Lợi không chờ đợi được, mở cái bọc vải lấy ra hai cái khăn thêu rất đẹp và công phu, và một cái lược bằng sừng

trâu. An ngạc nhiên hỏi:

– Ở đâu thế?

– Của anh làm đấy. Quà của em!

An trố mắt nhìn chồng, giọng hoài nghi:

– Anh làm? Có thật không?

Lợi cười hãnh diện, đáp:

– Nói dối với em làm gì. Anh bỏ công để thêu thật đẹp, chờ ngày được tha đem về làm quà cho em. Còn cái lược này...

Lợi không dám nói tiếp vì thực ra anh nói dối. Lợi đã đem quế và thuốc xức ghẻ An gửi vào đổi khăn lược của một người bạn tù, định có dịp thuận tiện sẽ lo lót tiền nhờ cai ngục gửi ra cho vợ. An tin ngay lời chồng, ôm cái khăn và lược vào lòng, rưng rưng nước mắt nhìn

Lợi, cảm động đến nỗi không thốt được hai tiếng cảm ơn.

Lợi xấu hổ không dám nhìn đôi mắt chan chứa trù mến của vợ, tìm cớ đi chỗ khác. Anh nói:

– Thôi để anh đi tắm cho sạch cái bản tù dày đi.

✱

Lợi về nhà được ba ngày thì nhận được lệnh phải vào trình diện với quan Hộ giá Phạm Ngạn. Anh được quan Hộ giá an ủi, vỗ về, và bằng những lời nói xa nói gần, quan Hộ giá cho Lợi biết nhờ chủ trương khoan dung độ lượng của nhà vua, mà Lợi được quan bỏ qua chuyện cũ, xin cho được ân xá. Chẳng những thế đích thân quan Hộ giá đã tau

lên nhà vua xin Lợi về giúp mình trong việc tiếp lương quan trọng sắp tới.

Lợi cảm động quá, tin ngay lời Phạm Ngạn. Và anh có thừa tài ăn nói để vượt ve lòng kiêu căng tự đại của viên Hộ giá, đến nỗi sau buổi trình diện, Lợi trở thành người tâm phúc của Phạm Ngạn.

Lợi đi thăm những người quen biết cũ một cách tự nhiên, không chút dè dặt, không chút mặc cảm, như một người vừa đi xa trở về. Đến nỗi chính những người được Lợi đến thăm phải đâm hồ nghi, lòng nghĩ rằng vận xui của Lợi đã qua, và Lợi lại bắt đầu được một thế lực lớn bảo trợ. Nếu không thế làm sao giải thích được lối ăn nói, đùa cợt hết sức tự nhiên của Lợi? Sự hiểu lầm này giúp đỡ Lợi rất nhiều. Không bao lâu, bạn bè, dân làm ăn lại kéo đến bu quanh anh, nghe anh kể chuyện ở tù như một chuyện đùa

ngịch hấp dẫn, như một thử thách làm con người bứt ra khỏi cái tầm thường nhạt nhẽo để đạt đến độ chín chắn cần thiết.

Anh nhanh nhẹn giải quyết tất cả các khúc mắc cả việc nhà lẫn việc nước. Trước tiên là việc nhà, Lợi đồng ý với An là nghề hàng xáo cực nhọc không thích hợp với sức khỏe của vợ. An có thể ở nhà chăm sóc nuôi nấng các con. Nếu An sợ ăn không ngồi rồi, thì nên tìm một nghề buôn bán nào khác nhẹ nhàng hơn mà lại thu được nhiều lãi hơn. Nghề gì? Lợi chưa tìm ra. Nhưng không có gì phải vội!

Đối với việc nước, Lợi mau chóng giải quyết những gì quan Hộ giá đang lúng túng chưa tìm được các giải quyết: Cần bao nhiêu nhân công để dẫn cho được bấy nhiêu gỗ giao cho các xưởng đóng chiến thuyền, cách thức phân định

số dân phu thế nào để các xã quan khỏi so bì nhau chuyện nhiều ít, làm sao có được bấy nhiêu bánh trắng làm lương khô đủ cho một đạo quân đông đảo suốt thời gian lên đênh trên biển cả từ Qui Nhơn vào Gia Định, với số vũ khí nhà vua qui định phải rèn xong trong thời gian eo hẹp thì phải điều động bao nhiêu thợ rèn. Bấy nhiêu tính toán hóc búa từng làm Phạm Ngạn mất ăn mất ngủ đã được Lợi thu xếp êm đẹp và chóng vánh. Và cũng giống như thời còn ở Tây Sơn thượng, Lợi khéo léo núp sau sân khấu để quan Hộ giá có cảm tưởng tất cả mọi điều đều do chính mình nghĩ ra, và chính mình khai thông các khó khăn. Lợi chỉ là một kẻ thừa hành vâng lời và thạo việc, thế thôi!

Lãng đã quá hiểu cả tật lẫn tài của ông anh rể, cũng phải kinh ngạc khi thấy

Lợi phục hồi địa vị và uy tín nhanh như vậy. Đến nỗi chính Lãng đâm ngờ sự vô tư của mình. Anh trách mình có nhiều thành kiến sai lầm về Lợi, chưa thấy hết khả năng của Lợi. Rõ ràng từ lúc Lợi về, ngôi nhà quanh hiu giữa ngôi vườn xơ xác như thức dậy sau một giấc thiêm thiếp uể oải rã rời. Khách khứa lại đông đảo, tiếng nói tiếng cười rộn rã. Chiều nào Lãng về cũng thấy có ngựa cột ở gốc mít gần cổng, hoặc bắt gặp Lợi đang tiễn một người khách nào đó. Lãng phân vân giữa lòng khâm phục và sự khinh khi, chưa biết mình đúng hay sai trong cách xét đoán anh rể. Cho nên dù thấy chị tìm lại được nếp sống yên vui, Lãng vẫn lo âu.

✱

Trong lúc Qui Nhơn rộn rã chuẩn bị cho cuộc tấn công Gia Định vào mùa xuân thuận gió, thì Nguyễn Ánh cũng gấp rút chuẩn bị ứng chiến. Hai bên không giấu kế hoạch sống mái một mất một còn ở Gia Định, nên đều chuẩn bị lực lượng và vũ khí rất kỹ lưỡng.

Như đã nói ở trên, mặc dù hai đạo bộ binh của Châu Văn Tiếp và Nguyễn Phúc Dụ bị thiệt hại nặng trong trận Bình Khang năm trước, nhưng đạo thủy quân hùng hậu Nguyễn Ánh dày công xây dựng suốt mấy năm vẫn còn nguyên vẹn. Tin tức Qui Nhơn không làm cho Ánh nao núng. Ngược lại, vương hết sức tự tin.

Đầu năm Tân sửu (1781) Nguyễn Ánh đã có ba vạn quân thủy bộ, tám mươi chiếc thuyền hạng vừa, ba chiến thuyền lớn, hai chiếc tàu kiểu châu Âu

và ba tàu Bồ Đào Nha do các sĩ quan và thủy thủ Bồ Đào Nha điều khiển. Cả ba tàu này được đặt dưới quyền chỉ huy của một sĩ quan Pháp là cai cơ Mạn Hòe (Emmanuel).

Nhưng lực lượng hùng hậu trang bị vũ khí, phương tiện tối tân ấy, sau vụ Đồ Thành Nhân bị Ánh giết, tự nó đã chứa nhiều yếu tố mâu thuẫn, tan rã. Quân đông nhưng không phải là một đạo quân thuần nhất về ý chí, về tính chất. Ánh cũng không tạo được sự thống nhất về chỉ huy. Ngoài một số tàn binh đau yếu, bạc nhược trung thành chạy theo Nguyễn Ánh suốt mấy năm liên tiếp bị săn đuổi, lực lượng còn lại vẫn gồm quân Đông sơn và quân Hòa nghĩa. Quân Đông sơn vừa nổi loạn chống Nguyễn Ánh sau khi chủ tướng Đồ Thành Nhân của chúng bị ám sát, còn quân Hòa ng-

hĩa sau cái chết của Lý Tài tạm thời chịu khuất phục Ánh, nhưng vẫn duy trì như một đạo quân độc lập, không chịu đồng hóa như một bộ phận trong lực lượng lớn hơn của Gia Định. Chúng ghét Tây Sơn, mà cũng ghét lẫn nhau, nếu cần chúng không ngần ngại chém giết lẫn nhau để tồn tại. Vì thế, Nguyễn Ánh đặt hết hy vọng vào thủy quân, nhất là sau khi đã thuê được nhiều chiếc “Tây dương đại thuyền” của Bồ Đào Nha và thu dụng được một số chuyên viên hàng hải người Pháp; nghĩa là đã lợi dụng được sáng kiến và sự can đảm liều lĩnh đến táo tợn của một bọn phiêu lưu quốc tế. Nhưng chính bản chất phiêu lưu của bọn ngoại nhân này tự nó cũng chứa mầm mống của mâu thuẫn.

Thật vậy, do phát triển của kỹ nghệ tiêu dùng và kỹ thuật hàng hải, từ thế kỷ

thứ 15, đã có một trào lưu xuất cư rộng lớn ở các nước Âu châu, làm phát sinh một số đông đảo những tay phiêu lưu quốc tế, gồm các thương nhân, những nhà chinh phục và các giáo sĩ đạo Thiên chúa. So với tầng lớp nông dân bám vào đất, nương theo mùa mà sống, bọn thương nhân nhờ di chuyển trông rộng biết nhiều mà có tinh thần mạo hiểm và sáng kiến, tránh được óc bảo thủ hẹp hòi, sự thiếu gan dạ của dân định cư. Nhờ tầm rộng của biển cả, sự quyến rũ của những món lợi khổng lồ kiếm được ở các nước yếu kém xa xôi, nhờ hấp lực của một khoảng không vô định và một nếp sống chắc chắn khác thường, hành động phiêu lưu của họ có nhiều nét cuốn hút hơn. Một trong những tay phiêu lưu quốc tế ấy về sau đã viết:

“Vì một hạt tiêu, họ không ngần ngại

cắt cổ nhau, từ chối sự cứu rỗi linh hồn, điều mà ở vào những lúc khác, họ đã tỏ ra rất bận tâm. Cái lối cứng đầu cứng cổ kỳ lạ trong khi theo đuổi ý muốn làm cho họ thách đố với chết chóc ở hàng nghìn hình thức: những rủi ro của biển cả xa lạ, các bệnh kỳ dị và ghê tởm, thương tích, bắt bớ, đói rét, dịch tễ, tuyệt vọng. Điều đó làm cho họ trở nên to lớn, anh hùng, bi thống ngay cả trong những ham muốn buôn bán không thỏa mãn của họ, trong khi cái chết lạnh lùng sẽ đến đem họ đi không chừa già trẻ. Hình như khó có thể tin rằng chỉ có lòng tham lam đã đủ sức thúc đẩy họ theo đuổi lý tưởng một cách liên tục, cố gắng và hy sinh một cách kiên trì như vậy... Với chúng ta, những người kế tục tránh được cái thử thách ghê gớm ấy, họ có vẻ sáng rực rỡ không phải vì những thành quả họ đã đạt được mà vì chúng ta thấy ở họ những

công cụ của định mệnh bị xô đẩy vào cõi vô định, tuân theo một thứ mệnh lệnh bên trong, một khích động toàn thể để đi tìm một giấc mộng xa vời⁵”.

Bên cạnh bọn phiêu lưu sẵn sàng cắt cổ nhau vì một hạt tiêu này, còn có những kẻ được gọi là “lớp người phiêu lưu của Chúa và của lòng Bác ái”. Họ rời bỏ quê hương và dám con chiên ngoan ngoãn quen thuộc, vượt biển tìm đến những chốn xa lạ để đem kẻ “ngoại đạo” trở về nước Chúa. Giống như bọn thương nhân, các cố đạo Thiên chúa này cũng có tinh thần mạo hiểm và kiên nhẫn chịu đựng không kém. Tuy cùng chung một sứ mệnh, nhưng các cố đạo đến Đàng Trong thời bấy giờ có nhiều gốc gác khác nhau: Hòa Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Ý... Điều đó tạo ra những hậu quả

5 Hutchinson & Berland: *Aventuriers au Siam au 17^e siècle*, BSEI, XXII, 1947, trang 13

phức tạp: các cố đạo không thể nào tách rời quyền lợi đạo giáo ra khỏi quyền lợi tổ quốc của họ, đúng ra là quyền lợi ông vua nước họ. Do đó ta không ngạc nhiên khi thấy giữa các giáo sĩ người Pháp và người Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha từng ủng hộ Nguyễn Ánh và hợp tác chặt chẽ trong sứ mệnh truyền giáo, lại sẵn sàng chém giết nhau, âm mưu ám hại lẫn nhau như hai phía thù nghịch. Bằng chứng là vụ Mạn Hòe, một tên phiêu lưu thân tín của giáo sĩ Pháp Bá Đa Lộc âm mưu giết cả thuyền trưởng, thủy thủ lẫn giáo sĩ tuyên úy người Bồ Đào Nha để cướp tàu cho Nguyễn Ánh.

Bấy giờ Ánh giao cả ba chiếc tàu Bồ Đào Nha thuê được để đi đánh Tây Sơn cho tên thanh niên Mạn Hòe người Pháp, tay chân của Bá Đa Lộc điều khiển. Các thuyền trưởng và thủy thủ Bồ đào nha

rất bất mãn về việc này, nên khi ra khơi đi đánh Tây Sơn, hai chiếc đã giông buồm chạy thẳng về Ma Cao, chở theo luôn vũ khí và quân lính của Nguyễn Ánh. Chiếc thứ ba có Mạn Hòe trên buồng chỉ huy nên không trốn được. Do đó Mạn Hòe mới tìm cách diệt hết cả thuyền trưởng, thủy thủ lẫn giáo sĩ người Bồ để đoạt tàu.

Mạn Hòe dọn một bữa tiệc và mời viên thuyền trưởng cùng viên sĩ quan cận vệ của thuyền trưởng đến dự. Sau khi cho họ ăn uống no say, Mạn Hòe bảo viên thuyền trưởng Bồ đào nha rằng có lệnh đại nguyên soái đòi hắt đến hầu. Dù quá say, viên thuyền trưởng cũng phải đến. Hắt không còn biết gì cả, đến nơi ngồi phịch xuống ghế, ngoẻo đầu sang một bên ngủ ngon lành. Hắt bị Mạn Hòe cho một tên thuộc hạ cắt cổ. Những người lính Bồ đào nha còn lại

cũng bị Mạn Hòe tàn sát tàn nhẫn không kém. Chờ cho họ ngủ say, Mạn Hòe ra lệnh cho lính Nguyễn Ánh cắt cổ hai mươi bảy thủy thủ Bồ Đào Nha, chỉ sót có vài người nhờ họ nhảy xuống biển lội vào bãi cát.

Trên tàu còn có mặt đức cha Antonio, thuộc dòng Franciscain Bồ Đào Nha ở tỉnh Thánh Thomas của Ấn độ. Cha được giáo sĩ Jumilla phái lên tàu với tư cách tuyên úy cho thủy thủ người Bồ. Mạn Hòe không thể để cho cha sống sót, nên muốn hành quyết Antonio bằng cách cột cha vào đuôi ngựa rồi quất cho nó chạy. Bá Đa Lộc thấy lối hành quyết đó tàn nhẫn quá, nên can thiệp vào. Nhưng Mạn Hòe vẫn cương quyết giết cha Antonio để diệt khẩu. Hắn ra lệnh cho bọn lính của Nguyễn Ánh giết cha. Bọn này từ chối vì lòng cung kính đối với

các giáo sĩ. Bị đe dọa, thúc giục, chúng không thể làm khác được, đánh đập Antonio có nhiều thương tích trầm trọng. Cha Antonio quỳ gối xin Mạn Hòe dung tha. Hắn giả bộ thương xót, nhưng ra ám hiệu cho bọn lính xúm lại kết liễu đời vị giáo sĩ Bồ đào nha. Khi đã giết xong người Bồ cuối cùng để chiếm tàu rồi, Mạn Hòe làm một tờ chứng nội dung bảo viên thuyền trưởng Bồ tuyên bố sẽ hạ sát tất cả lính Nguyễn Ánh, nên họ phải ra tay tàn sát người Bồ trước để tự vệ. Làm xong tờ chứng giả dối, hắn bắt tất cả lính ký tên vào. Vụ tàn sát đáng tởm ấy đến tai Nguyễn Ánh, Ánh chuyển nội vụ cho cha Diego de Jumilla xét xử. Nhưng Diego de Jumilla cũng là người Bồ Đào Nha như các đồng bào bất hạnh của ông. Nguyễn Ánh giao cho Jumilla lập tòa án xét xử Mạn Hòe và các kẻ đồng lõa người Pháp rất thế lực của hắn (kể cả Bá

Đa Lộc), thì có khác nào đẩy cha vào chỗ chết. Người Pháp sẽ không ngần ngại gì để ám sát Jumilla, sau đó truy phong cho cha danh vị thánh tử đạo. Cho nên cuối cùng cha Jumilla không dám vâng lệnh Nguyễn Ánh, và nội vụ được bỏ qua⁶.

Tóm lại, cái chỗ dựa Nguyễn Ánh tin tưởng là đạo quân đông đảo trên ba vạn người và kỹ thuật thủy chiến tối tân của phương Tây, chẳng qua chỉ là một cây gỗ mục. Nó chỉ được cái lớp sơn răn chắc bên ngoài. Bọn vô lại đầu trộm đuôi cướp, bọn phiêu lưu quốc tế liều lĩnh và gian manh điên cuồng trước lợi nhuận và máu, tức là cái phần đã bị lực lượng Tây Sơn đào thải để thanh lọc trước đây, bây giờ lại là sức mạnh nòng cốt của Nguyễn Ánh. Phải chờ đến mùa xuân năm sau, năm Nhâm dần (1782), Nguyễn Ánh

⁶ Theo thư của Diego de Jumilla viết năm 1782, xem BSEI số 15, 1940, trang 87- 88

mới mở mắt sợ hãi nhận ra sự lầm lỗi của mình.

✱

Về mặt chiến thuật, Long Nhương tướng quân xem cuộc tấn công Gia Định lần này là một cuộc thử thách đầy ý nghĩa. Nó sẽ giúp ông xác định đúng thực lực của mình, đồng thời tìm hiểu khả năng tác chiến của địch sau khi được các cố đạo và con buôn phương Tây tận tình giúp đỡ. Nguyễn Huệ nói với Lãng:

– Cậu có nhớ năm ngoái khắp các phủ từ Bình Khang đến Qui Nhơn, bọn xấu tung ra tin đồn Thầy Cả đã đóng cho thằng Chúng một chiếc tàu Tây dương ghê gớm lắm không? Tàu chạy trên mặt nước cũng được mà lặn sâu xuống đáy

biển cũng được. Hừ thực thể nào chưa biết, nhưng nhiều đứa nhát đã xanh xám cả mặt. Một số lính ở Bình Khang bỏ trốn cũng vì khiếp sợ cái tàu ma ấy.

Lãng cười chế giễu, đáp lại:

– Làm gì có chuyện huyền hoặc đó, thừa tướng quân. Chúng nó sợ quá, trông gà hóa cuốc, hoặc chính bọn tay chân của Châu Văn Tiếp loan truyền để đánh đòn tâm lý.

Nguyễn Huệ vội nói:

– Điểm chính không phải là có hay không loại tàu chiến tối tân ấy. Với tiến bộ hàng hải và vũ khí hiện nay của các nước Tây dương, có thể có loại tàu ấy lắm chứ. Con cá nổi lên mặt nước rồi lặn xuống sâu được, thì có thể con người cũng làm tàu như thế được. Nhưng, điểm chính là

ở chỗ này: không phải sắm được chiếc tàu đó là chắc chắn thắng trận. Chiếc tàu chỉ là một công cụ, như cây gươm bén. Giao nó cho những tên hèn nhát, hoặc bọn đầu trộm đuôi cướp thì cũng chẳng khác nào giao cây gươm quý cho thằng bệnh hoạn hoặc thằng lưu manh. Cho nên ta muốn bày trận này chứng minh cho anh em quân sĩ thấy rằng: dù thằng Chung có thuê được tàu Tây dương, dù hấn được bọn cố đạo Pháp, Bồ giúp sức, nhưng nếu anh em tự tin ở sức mình, hăng hái chiến đấu, thì cuối cùng, nhất định ta vẫn thắng.

Giọng nói sôi nổi lôi cuốn của Huệ khiến Lãng cảm thấy máu nóng sôi sục trong người. Lúc đó thuyền chỉ huy đang đi trên một vùng biển êm, và Long Nhương tướng quân vừa chủ trì một cuộc họp các tướng lãnh để thông qua kế

hoạch hành quân. Lãng vẫn được tướng quân giao cho trách nhiệm thư ký, ghi hết tất cả các sự việc, diễn tiến liên quan đến chiến dịch. Nhớ đến kế hoạch tấn công kỳ này, Lãng do dự, rồi không đành được tò mò, anh hỏi Nguyễn Huệ:

– Em thấy lỗi tiến công kỳ này (1782) hoàn toàn khác với kỳ trước (1777) khá nhiều. Thừa tướng quân, tại sao vậy?

Nguyễn Huệ muốn thử thách khả năng nhận xét quân sự của Lãng, không trả lời ngay, quay hỏi trở lại:

– Cậu thấy khác ở đâu?

Lãng đỏ mặt vì ngượng, sợ múa rìu qua mắt thợ. Nhưng anh vẫn đáp:

– Lần trước, ta tiến quân theo hai hướng thủy bộ để hợp nhau lại đánh gãy một mục tiêu, sau đó tập trung tiêu diệt

mục tiêu khác. Lần này cả thủy binh lẫn bộ binh đều dùng đường biển, và cũng dồn hết sức công phá một mục tiêu.

Huệ gật gù, hỏi thêm:

– Còn gì nữa không?

Lãng đáp:

– Em chỉ thấy được có bấy nhiêu.

Nguyễn Huệ vui vẻ giải thích:

– Ta phải thay đổi cách đánh vì tình hình kỳ này khác hẳn tình hình cách đây năm năm. Tên Chùng đã có thì giờ tăng cường lực lượng phòng thủ của Gia định, nhất là thủy quân. Ngoài số tinh binh thủy bộ, hẳn còn sắm được nhiều thuyền chiến lớn và chiến hạm kiểu Âu châu, do bọn sĩ quan Tây dương điều khiển. Ta không giấu diếm ý định tấn công vào mùa gió năm nay, nên hẳn chuẩn bị

phòng ngự cũng kỹ. Theo tin nhận được thì hãn bố trí một lực lượng thủy quân hùng hậu ở chỗ này, ngay cửa biển Cần Giờ để chờ ta. Cột trụ của phòng tuyến này là các tàu chiến Pháp và Bồ Đào Nha. Tên Chung lại đặt thêm một lực lượng dự bị ở phía trong, có lẽ ở vùng sông Ngã Bảy này, dùng làm lực lượng tiếp ứng khi cần thiết. Nguyễn Hữu Thụy em rể Chung thì lãnh một đạo quân cả thủy lẫn bộ lên Biên Hòa chuẩn bị ngăn chặn bộ binh của ta, mà hãn đoán sẽ từ Bình Thuận đánh vào y như kỳ trước. Cứ để mặc cho hãn đoán già đoán non. Ta cứ tìm ngay cây cột chính chống đỡ toàn thể niềm tin và sức mạnh của đạo quân ấy, rồi dồn toàn sức dồn cho ngã cây cột ấy, mọi sự sau đó giải quyết dễ dàng như trò trẻ con. Cậu có biết cây cột đó của tên Chung là gì không?

Lãng dè dặt, vì sợ lầm lẫn nên câu trả lời đầy vẻ rụt rè:

– Có lẽ... hình như hấn quá tin vào kỹ thuật Tây dương. Hấn dồn hết sức ra tuyến Cần giờ, ước mong tiêu diệt quân ta ngay từ tuyến ngoài. Phải thế không ạ?

Nguyễn Huệ cười lớn, vỗ vai Lãng nói:

– Phải rồi. Nói đúng mà sao rụt rè thế. Hấn dựa vào mấy chiếc tàu sắt Tây dương và lũ đầu trộm đuôi cướp mắt xanh, thì nhân dịp này, ta cho chúng thấy sức mạnh của hỏa công trên biển và sức mạnh của ý chí chiến đấu. Cậu phải nhớ ghi chép cho đủ trận này nhé. Ta coi đây là cuộc thử sức đầu tiên với vũ khí và tàu chiến Tây dương đấy.

*

Trong tập ghi chép, Lãng đã ghi: (chữ Hán dịch Nôm).

Ngày... Tháng Ba năm Nhâm dần (1782)

Lại sắp đến cửa Cần Giờ mệnh mông nước bạc. Không khí chuẩn bị thật rộn rã. Đêm hôm trước, trên từng thuyền, theo lệnh của thánh thượng, đều có mở tiệc ăn khao trước. Thánh thượng có ban một bài hịch tướng sĩ. Thú vị nhất là câu ví bọn Tây dương giúp đỡ cho Nguyễn Ánh như “những thầy ma chết trôi từ biển bắc”. Long Nhương tướng quân thường ví von như thế. Tướng sĩ nghe như thế đều phì cười, quên cả mâm rượu dọn sẵn trước mặt.

Ghi việc riêng.

– Hồi chiều có gặp anh Lợi trên chiến thuyền phát lương khô. Anh ấy hẹn vào Bến Nghé sẽ dẫn đi ăn ở một tiệm khách anh ấy quen biết từ năm Dậu. Tôi hỏi hơn sáu năm qua biết bây giờ có còn không. Anh Lợi hơi thất vọng, nhưng sau đó lại bảo không có tiệm này thì còn tiệm khác. Cách nấu vây cá của khách trú khác lắm.

– Có ngỏ ý với Long Nhương tướng quân xin được phép xuống Cần Thơ hốt cốt anh Chinh. Tướng quân cười hình như muốn chế giễu mình, xem đó là chuyện nhỏ nhặt không thích hợp chút nào với không khí sôi nổi rộn rã chung. Tướng quân đồng ý, nhưng có nói thêm: “Chết là hết. Đừng làm cho đời sống thêm phức tạp, Lãng ạ”. Tôi không biết trả lời thế nào. Trong lòng tôi nghĩ: điều đáng sợ không phải là sự phức tạp rắc rối của đời sống, mà là ý muốn đơn giản nó. Nhưng làm sao nói

được những ý tưởng ấy vào lúc này!

Ngày... Tháng Ba năm Nhâm dần
(1782)

Đã có tin báo về là Ánh đã dàn hàng ngang chiến thuyền trên sông Ngã Bảy để đợi. Đúng như Long Nhương tướng quân đoán trước, hắn có vẻ tin tưởng vào mấy chiếc tàu Tây dương. Sau cuộc họp các tướng lãnh ở thuyền chỉ huy, thánh thượng xuống chiếu hứa tặng thưởng cho các tướng sĩ đánh chìm, đốt cháy hoặc chiếm được mấy chiếc tàu Tây dương ấy. Dựa vào lời khai của bọn lính Nam Hà thoát được khỏi hai chiếc tàu Bồ Đào Nha năm trước chạy qua cửa Hàn, Long Nhương tướng quân truyền cho các tướng phổ biến hình dạng, tầm vóc, cách bố trí và trang bị súng ống trên

tàu Bồ, đồng thời dạy rõ cách tung hỏa pháo và dùng dây néo leo lên.

Tin cuối cùng báo về: đích thân tên Chung cầm quân ở sông Ngã Bảy. Tuyển đầu được giao cho Tống Phước Thiêm.

Ngày... Tháng Ba năm Nhâm Dần (1782)

Cửa Cần Giờ đây rồi. Thánh thượng ra lệnh cho các đoàn chiến thuyền dừng lại. Từng thuyền chuẩn bị vũ khí sẵn sàng. Giữa mặt nước bạc mênh mông, mầu cờ đào phất phới rục rỡ cả một vùng. Gió bắt đầu thổi mạnh, cờ bay về phía Thất kỳ giang (sông Ngã Bảy). Tuy đã cố ghìm thuyền lại, nhưng gió vẫn đẩy các chiến thuyền đã gác mái về phía trước. Long Nhương tướng quân trở hướng gió bảo

với các tướng lãnh đến nhận lệnh lần cuối cùng: “Lòng trời không muốn ta dừng lại, mới sai gió đến giục ta tiến về sông Ngã Bảy. Các người hãy thuật lại cho tất cả tướng sĩ biết”. Các tướng nhìn lá cờ đào phần phật trên cột buồm thuyền chỉ huy, nét mặt mừng rỡ và phấn khởi. Từng người trở về đội của mình. Tin vui loang nhanh như gió thổi. Không hẹn mà khắp mọi thuyền đồng loạt reo hò, cờ đào phất qua phất lại trong gió rộn rã.

✱

Bắt đầu có lệnh xuất quân.

Đoàn chiến thuyền rầm rộ tiến vào cửa Cần Giờ theo hình mũi tên. Lớp đi đầu mang một ít quân giỏi bơi lội. Trên thuyền có đặt sẵn đồ cứu hỏa và phao.

Lớp thứ hai đầy thủy quân trang bị hỏa pháo. Súng đặt trên các thuyền lớn đi phía sau. Suốt cuộc hành trình từ cửa Cần Giờ đến sông Ngã Bảy, anh em tướng sĩ được gió giúp sức khỏi phải nhọc công chèo. Ý tưởng “thuận lòng trời” là một nguồn cổ vũ bất ngờ, khiến tiếng hò reo tở mở không ngớt vang động khắp hai bờ sông. Những người lính trẻ lần đầu tiên vào Gia Định hẹn nhau dạo phố Sài Côn vào ngày mai, sau khi nghe những bác lính già ba hoa tô vẽ sự phồn thịnh của phố xá miền Nam. Một cậu chưa đầy hai mươi bạo dạn hỏi tôi: “Con gái Gia Định có đẹp bằng ngoài mình không?” Tôi cười hỏi lại: “Cậu muốn vào gửi rể hả?” Trần chiến ác liệt như mọi người đã đoán trước.

Địch dàn hàng ngang trên sông, từ xa dùng súng lớn bắn tới để chặn đường.

Hai chiến thuyền đi hàng đầu bị trúng đạn, một chiếc gãy cột buồm, một chiếc bị cháy. Chiếc bị gãy cột buồm lão đảo xoay tròn như người say, cuối cùng nghiêng hẳn sang một bên. Chiếc bị cháy được cứu kịp. Đạn nổ khắp đây đó, tạo thành những cột nước phun, nhưng không thể ngăn được đà xốc tới của quân ta. Từ hàng thuyền tiên phong để ra hàng hà sa số những xuồng nhỏ xốc tới hướng địch như những mũi tên bay. Khoảng cách giữa địch và ta càng lúc càng hẹp. Súng của ta nổ dồn, phía thuyền địch bắt đầu có nhiều đám cháy, khói bốc lên đây đó trên mặt sông. Những chiếc xuồng xung kích vẫn lao tới trước, từ phía sau mà nhìn, đôi lúc có cảm tưởng như những con cá ngụy lặn trên mặt nước bạc. Khi các chiếc xuồng nhẹ đó áp vào được gần thuyền địch, thì lửa bắt đầu lóe lên đây đó phía trước. Những người lính

liều lĩnh ấy chỉ mặc độc một cái quần đùi, thân thể bôi mỡ để chống lạnh, đã được luyện tập thành thạo lối đánh hỏa công cận chiến. Lửa lan rộng phía quân địch, tuyến đầu của chúng bắt đầu rối loạn. Khói tỏa lên mù mịt. Nhiều thuyền chiến của ta cũng bị đạn cháy nhưng gió vẫn thổi mạnh đưa cả ngọn hỏa bùng bùng bốc cao trôi về phía địch. Đúng là ý trời thuận với lòng người: chưa kịp đối phó với các xuống xung kích thì lớp chiến thuyền đầu tiên của ta đã xấp lại gần phòng tuyến địch. Hàng ngũ chúng rối loạn. Những thuyền còn có thể bỏ chạy được không dám chống cự nữa, kéo nhau chạy trốn về phía Bến ghé, chiếc tàu lớn Bồ đào nha đi sau cùng để bảo vệ cho cuộc rút lui.

Long Nhương tướng quân hạ lệnh phải chiếm cho được chiếc tàu Bồ Đào

Nha bằng bất cứ giá nào.

Chiến thuyền của ta tiến lên vây chiếc tàu Bồ Đào Nha vào giữa. Thành tàu cao quá, các xuống xung kích nhiều lần áp vào sát thành tàu mà anh em thủy quân không có cách nào leo lên được. Tàu có nhiều khí giới, nên súng trên tàu bắn cháy nhiều chiến thuyền của ta. Long Nhương tướng quân đích thân chỉ huy cuộc tấn công chiếc tàu Tây dương này, đoán thế nào cũng bắt được tên Chủng. Không dùng xuống nhỏ nữa, tướng quân ra lệnh các chiến thuyền từ bốn phía đồng loạt tiến công chiếc tàu Bồ. Bốn chiếc bị nó bắn cháy chìm cách tàu Bồ không xa. Số chiến thuyền còn lại áp sát được thành tàu, nhưng lúc anh em thủy quân bắt đầu liều lĩnh dùng dây móc và thang tre lao lên, trên tàu quăng xuống một thứ hỏa pháo cực mạnh tàn sát gần

hết số thủy binh. Đợt xung phong thứ hai cũng bị thất bại như lần đầu. Long Nhương tướng quân nổi giận, ra lệnh tất cả chiến thuyền còn lại xông tới, binh lính tận dụng hỏa công để đốt cho được chiếc tàu Tây dương không cần chiếm đoạt nó nữa. Quả nhiên quân ta thành công. Địch sợ hãi nhảy cả xuống nước bơi trốn vào bờ, phần lớn bị quân ta bắt. Khói bốc lên mù mịt trên chiếc tàu Bồ. Đột nhiên, một tiếng nổ lớn vang động cả một góc trời. Tàu nổ tan tành, các mảnh tàu tung lên cao, rơi xuống tận chỗ thuyền chỉ huy. Số anh em đã gan dạ leo lên chiếm được tàu, dĩ nhiên cũng bị tan xác.

Biến cố bất ngờ ấy khiến thánh thượng và Long Nhương tướng quân sững sờ tức giận. Số chiến thuyền hư hao hơn một phần tư. Quân sĩ hao hụt nhiều.

Điều đáng giận hơn hết là Nguyễn Ánh đã thoát. Khi ta hỏi bọn tù binh thoát được khỏi tàu Bồ, chúng cho biết quả thật Nguyễn Ánh có lên tàu để chỉ huy trận đánh, nhưng khi thấy nguy kịch, hắn đã xuống thuyền trốn về phía Bến Nghé.

Ghi chú riêng.

Chưa bao giờ tôi được chứng kiến những người bị phỏng thể thảm như vậy. Cả hai bên đều dùng hỏa công để đốt thuyền của nhau nên những người bị thương đều bị cháy như cây đuốc. Nóng quá, họ nhảy xuống sông, vì vậy khi được vớt lên, lớp da ngoài đã bị bóc hết, giờ lớp thịt tím bầm. Họ kêu gào khát nước, nhưng không ai dám cho họ uống. Những người bị phỏng nặng lần

lượt chết sau một ngày quần quai. Số còn lại, phần lớn bị phỏng ở đầu và ngực vật vã rên rỉ suốt dọc đường. Vết phỏng rộng quá nên không thể băng bó gì được. Vả lại, người ta bảo không nên băng bó, vì càng kín hơi, thịt ở đấy càng dễ thối. Gần như không thể làm gì được cho họ đỡ đau, trừ trường hợp làm đúng như lời họ cầu xin, là cho họ nhảy xuống sông chết cho khỏe xác.

Có thể, nếu Long Nhương tướng quân đọc được những dòng này, tôi sẽ bị chê trách là đã làm cho đời sống thêm phức tạp một cách vô ích. Tôi lập lại lần nữa là điều tôi sợ không phải là phức tạp hóa đời sống, vì đời sống vốn đã mệnh mông phức tạp. Điều đáng sợ là đơn giản hóa nó một cách lạnh lùng.

Tôi có một thắc mắc rắc rối không tìm ra lời đáp. Tôi cứ tự hỏi: Nếu Trời

đã thuận ý với chúng tôi mà nổi gió để giúp thuyền chúng tôi lướt nhanh về phía sông Ngã Bảy, thì số phận những người chết cháy, chết chìm, chết đâm, chết chém, số phận những kẻ sống dở chết dở đang rên siết quằn quại ngay trước mặt tôi đây thuộc về cái gì trong ý muốn của Trời? Trời phạt họ ư? họ là đồng đội đồng thuyền của anh em chúng tôi, họ có tội lỗi gì mà nỡ nặng tay với họ? Trời thương xót họ ư? Cuộc đời có chật vật khốn khó đấy, nhưng họ không bao giờ chán đời đến độ xin được chết, trừ khi họ bị Trời hành hạ đau đớn như bây giờ? Nếu Trời chí công thì cái chết của họ là tội lỗi của con người. Của người nào? Tôi đã đi quá xa rồi. Bây giờ chính tôi lại phải cầu cứu đến những lý luận đơn giản để yên tâm, nào cái lý muôn thuở của luật đời là mạnh được yếu thua, kẻ chết kẻ bị thương tất nhiên là kẻ yếu,

hoặc bất cứ sự thay đổi cải tiến nào cũng phải cần đến những đồ vỡ mất mát không thể tránh, như đứa trẻ sưng nướu nóng mình lúc mọc răng. Sự thua thiệt chết chóc trở thành một hy sinh thiêng liêng cho sự trưởng thành một cái đẹp hơn, tốt hơn. Cầu mong cho lòng tôi yên ổn với những lý luận đơn giản ấy!

Đêm... Tháng Ba năm Nhâm dần
(1782)

Cảnh chiến trường về đêm sao mà âm u! trước khi chia làm hai cánh quân (một cánh truy kích Nguyễn Ánh ở Ba Giồng, một cánh gồm đa số quân thủy bộ thẳng tiến về Bến Nghé lấy thành Gia Định), thánh thượng hạ lệnh thu quân và nghỉ đêm ở ngay giữa sông rộng. Mất hết bảy mươi tám chiến thuyền. Số quân bị

thiệt hại chưa kiểm được. Nhuệ khí của buổi sáng có giảm vì nhọc mệt và mất mát, những cuộc vui vẫn rộn rã. Người lính trẻ hỏi tôi con gái Gia Định có đẹp bằng ngoài mình không đã chết, xác rơi xuống sông lúc leo lên chiếc tàu Bồ Đào Nha. Một người vô tâm đem chuyện đó ra khôi hài, nhưng không có ai hưởng ứng. Người ta bắt đầu rù rì kể cho nhau nghe chuyện vợ con, chuyện làng xóm. Nước triều lên đập lách chách vào mạn thuyền, hơi giống tiếng heo tham lam hục mồn vào chậu cám. Các xuống canh phòng thay nhau chèo sâu vào hai bờ để nghe ngóng, canh gác từ xa. Bắt đầu có những tiếng ngáy mệt nhọc, tiếng ú ở mê sảng. Đêm. Đêm mênh mông. Tàn đuốc rơi xuống mặt nước đen kịt lèo xèo yếu ớt đôi lúc bị lấp trong tiếng sóng vỗ. Không ngủ được. Trăn trở vì ý nghĩ: Ta có phức tạp hóa đời sống quá chăng?

nếu có, thì đáng mừng hay đáng trách?
không tìm ra câu trả lời!

✱

Thấy chiếc tàu Bồ Đào Nha của Mạn Hòe bị nạn, Nguyễn Ánh dẫn đội thuyền chiến dự bị trở lại cứu viện. Đạn của Tây Sơn bắn dữ dội quá, đến nỗi chính thuyền của Ánh cũng bị gãy cột buồm. Nguyễn Ánh hoảng sợ rút chạy về Bến Nghé, hy vọng tìm được nơi ẩn nấp chắc chắn nhờ đồn Thị nghè và thành Gia Định bảo vệ. Nhưng tinh thần quân lính Nguyễn Ánh hỗn loạn, hải hùng trước sức tấn công như vũ bão của Tây Sơn. Lần lượt các đồn Thị Nghè, thành Gia Định đều vỡ. Nguyễn Ánh phải kéo đám tàn quân chạy lên căn cứ của Đông Sơn là Ba Giồng.

Trong lúc thủy quân do Nguyễn Huệ chỉ huy phá tan đạo quân đông đảo của Ánh, thì bộ binh Tây Sơn do tướng Nguyễn Văn Kim chỉ huy tiến đánh đạo quân của Nguyễn Hữu Thụy tại Biên Hòa. Cả hai cánh quân thủy bộ của Thụy đều bị đánh cho tan tác. Thụy kéo tàn quân về Giang Lăng. Tướng Tây Sơn Nguyễn văn Kim truy kích, tiêu diệt hoàn toàn đạo quân của Thụy tại Giang Lăng. Nguyễn Hữu Thụy sợ hãi bỏ cả cha và vợ lại, thoát thân một mình, trốn theo Nguyễn Ánh.

Như vậy trong vòng có vài ngày, gần hết lực lượng hùng hậu trang bị vũ khí tối tân của Nguyễn Ánh đã bị đập tan. Quân Tây Sơn cho các đội chiến thuyền tỏa khắp các sông rạch tiêu diệt nốt các đám tàn quân, kiểm soát hoàn toàn các trục giao thông và cứ điểm quân sự của Gia Định.

Vua Thái Đức vào thành, xuống chiếu chiêu an, vỗ về dân chúng an tâm tiếp tục làm ăn. Những người sợ hãi tên đạn đã tản cư nên trở về. Chợ búa phố phường nên họp lại. Các chức sắc từng làm việc cho Nguyễn Ánh nên ăn năn hối lỗi ra đầu thú, có thể được giữ chức cũ hoặc bảo vệ tính mệnh tài sản để tiếp tục mưu sinh. Tàn quân của Ánh nếu chịu ra đầu thú và nộp vũ khí thì được tha tất cả tội lỗi. Nếu rủ được kẻ khác đầu thú hoặc chỉ dẫn cho quân Tây Sơn chỗ chôn giấu vũ khí hoặc chỗ nhiều tàn quân còn ẩn núp toan tính chống cự sẽ được ban thưởng.

Tờ chiếu cũng nghiêm cấm những hành động lợi dụng cơ hội chiếm đoạt, dọa nạt, xâm phạm tài sản của lương dân, bất kể kẻ đó là quân Tây Sơn hay quân Nguyễn Ánh, đều phải bị trừng trị nghiêm khắc.

Đã quá quen với những bài chiếu chiêu an loại đó, dân Gia Định rụt rè trở lại cuộc sống bình thường, vừa thi hành lệnh vừa trông chừng tình thế. Vì vậy quân Tây Sơn đã kiểm soát hầu hết những vùng rộng lớn quan trọng của Gia Định, mà chợ còn họp lúa thừa. Ghe thuyền ở vùng phụ cận chưa dám lên Bến Nghé. Phố xá chưa dám mở hàng. Những đội quân tuần tiểu của Tây Sơn, gươm giáo sẵn sàng trước mọi bất trắc còn phải đi theo từng toán đông người trên các phố vắng cửa đóng im ỉm. Lãng nhận thấy nạn hôi của và cướp bóc ít hơn năm năm về trước, nhưng trái lại, những lá cờ đào được treo trước các cửa nhà nhanh hơn và nhiều hơn. Hình như dân chúng đã quen với chuyện đổi chủ, và hằng năm, vẫn chuẩn bị sẵn sàng để chờ đợi bất cứ sự thay đổi nào theo mùa gió thổi.

Từ hôm vào thành Gia Định, Lãng ít gặp Lợi. Vua Thái Đức giao cho quan Hộ giá Phạm Ngạn tất cả mọi công việc liên quan đến lương thực, hàng hóa, nói chung là những vấn đề thuộc kinh tế, nên Lợi phải đầu tắt mặt tối. Việc kiểm kê các kho tàng, phân phát lương thực cho các đạo quân, việc thúc đẩy bình thường hóa sinh hoạt chợ búa và mua bán, việc nắm vững tổ chức thuế khóa để tận thu các khoản tài chính có thể thu được, biết bao nhiêu công việc nặng nhọc và khó khăn phải giải quyết nhanh chóng. Nhà vua và Long Nhương tướng quân vẫn còn bận theo dấu Nguyễn Ánh để truy quét đến tận hang ổ đám tàn quân của họ Nguyễn Gia Miêu, nhờ đến tận rể để khỏi phải bận tâm hàng năm. Tin tức cuối cùng cho biết Nguyễn Ánh đã trốn lên tận khu rừng Romdoul của Chân Lạp.

Cuối tháng Tư, Huệ phái quân lên Chân Lạp bắt vua Chân Lạp phải hàng phục, bắt tất cả những người Nam chạy trốn lên đó phải về nước. Một lần nữa, Nguyễn Ánh lại thoát được.

Cuộc truy lùng ráo riết ấy thu hút tất cả tâm trí hai anh em vua Thái Đức. Trong lúc đó, quan Hộ giá Phạm Ngạn lại xem việc phải phụ trách quân lương chứ không được trực tiếp cầm quân kỳ này là một điều sỉ nhục. Vì thế, khi được tin viên Tiết chế Bình Thuận Nguyễn Phúc Dụ đem quân cùng với Trần Văn Tự, Nguyễn Văn Đàn và tướng Hòa nghĩa Trần Công Chương vào Gia Định tiếp viện cho Nguyễn Ánh, quan Hộ giá nhất mực xin nhà vua cho được chỉ huy đạo quân đón đánh quân Bình Thuận. Vua Thái Đức không thể từ chối lời yêu cầu tha thiết của viên Hộ giá thân tín, đành phải bằng

lòng. Đạo quân của Phạm Ngạn gặp đạo quân của Nguyễn Phúc Dụ tại cầu Tham lương. Sau một trận phục kích và phản phục kích ác liệt, cả hai bên đều bị thiệt hại nặng. Quân cứu viện của Bình thuận bị mất viên Tham tán Hồ Công Siêu. Ngược lại, tướng Hòa nghĩa Trần Công Chương giết được Phạm Ngạn. Vua Thái Đức cho Phạm Ngạn kéo quân đi rồi mới bắt đầu thấy lo. Nhà vua quá biết cái tính nông nổi hiếu thắng của viên Hộ giá. Vì thế, Phạm Ngạn đi được ít lâu, nhà vua gửi ngay một đạo quân khác tăng cường cho Phạm Ngạn. Nhưng mọi sự đã trễ. Viên Hộ giá tử trận, và đại binh Tây Sơn chỉ gây được thanh thế đe dọa cho quân Bình Thuận rút lui mà thôi!

✱

Long Nhường tướng quân Nguyễn Huệ đọc tập nhật ký của Lãng, đến đoạn: “Ngày... Tháng Tư năm Nhâm tuất (1782) (dịch nôm). Thánh thượng tức giận vì sự phản trắc của bọn Hòa nghĩa quân trước đây, nay lại thêm vụ tên tướng Hòa nghĩa Trần Công Chương giết chết quan Hộ giá Phạm Ngạn, nên ra lệnh tàn sát tất cả người Tàu ở Gia Định. Bất luận binh lính hay dân buôn, mới đến hay ở lâu, đều bị bắt giết. Thây chất ngổn ngang vất đầy sông ngòi, đến nổi nước ứ không chảy được, cả tháng hơn không ai dám ăn tôm cá hay uống nước sông. Trong các dãy phố đều hiu, tất cả những gì dính dáng đến người Tàu đều trở thành tai vạ. Những ai có hàng Tàu trong nhà như vải lụa, trà thuốc, hương giấy... đều lén vớt cả ra đường mà không có ai dám lượm⁷.

7 Theo BSEI, 1940, *La révolte et la guerre des Tây sơn*, trang 87

Huệ chau mày hỏi người thư ký thân tín:

– Ghi những chuyện nhảm này làm gì vậy?

Lãng mím môi lại để lấy bình tĩnh, cố gắng đáp thật rõ:

– Đó là lịch sử, thừa tướng quân.

Nguyễn Huệ gay gắt bảo:

– Giấy mực không có thừa để ghi những điều nhảm nhí vô ích. Kể cả những ghi chú riêng của cậu về những xác cháy trên sông Ngã Bảy, về thác mắc phức tạp với đơn giản. Nếu cậu muốn làm vú em để mếu máo khóc theo bọn con nít sụt mướt, thì tùy cậu. Còn nếu muốn dùng giấy mực ghi lại những điều quan trọng, những biến cố to lớn của lịch sử, thì không nên tiếp tục ghi chép

lăng nhăng thế này nữa.

Lăng nhìn thẳng vào mặt Nguyễn Huệ, mạnh dạn đáp:

– Sinh mạng con người không phải là điều nhảm nhí, thừa tướng quân.

Nguyễn Huệ nổi giận, bắt đầu to tiếng:

– Thế cậu muốn đánh nhau thế nào? Muốn hai bên dàn hàng ngang dùng ống xịt nước mà đấu với nhau, ai thua phải bị phạt vuốt mũi hoặc bôi lọ lên mặt để cười chảnh?

Lăng cãi lại:

– Dạ, không phải thế, nhưng...

Nguyễn Huệ cắt lời Lăng:

– Nhưng thế nào? Cậu thừa biết cuộc

đời này không phải là một trò trẻ con. Cuộc chiến đấu giữa tốt với xấu, thiện với ác, đúng với sai, giữa chúng ta với Nguyễn Ánh là một cuộc chiến đấu sống chết, không ai khoan nhượng ai. Hoặc chúng ta còn, hoặc chúng ta bị hấn tiêu diệt. Không có chỗ an toàn giữa hai lần đạn. Nếu cậu tin chúng ta đúng, thì cậu không ngồi đó ký cốp ghi chép những điều than mây khóc gió nữa.

Lăng cổ nói cho được điều ấm ức trong lòng:

– Nhưng cuộc tàn sát mấy nghìn người Tàu trên khắp phố Gia Định vừa qua có lợi ích gì? Chẳng lẽ chỉ vì cái chết của quan Hộ giá, thừa tướng quân?

Nguyễn Huệ hơi bối rối, hạ thấp giọng đáp:

– Cậu đã từng tập múa gươm, chắc biết có lúc đà thanh gươm kéo ta ngã chúi về phía trước, nếu ta không kịp giữ thế thăng bằng. Cậu hiểu ta muốn nói gì rồi. Hãy ghi chép đơn giản, và chỉ ghi những gì cần ghi, để tránh những điều phiền phức. Ta lấy tình thân để khuyên Lãng như vậy! Chẳng hạn tại sao Lãng không chú ý đến biến cố đặc biệt quan trọng này: là chúng ta đã làm nổ tung chiếc tàu Tây dương từng khiến nhiều người xì xầm khiếp sợ và là chỗ dựa để tên Chung hiu hiu tự đắc. Lãng hãy suy nghĩ xem ta nói có đúng không?

Chương 51

Sau lễ an táng Phạm Ngạn khoảng năm ngày, vua Thái Đức mới tiếp Long Nhương tướng quân. Nét mặt nhà vua còn nguyên nét ủ rũ, buồn phiền do cái chết của viên Hộ giá thân tín. Nguyễn Huệ thấy trước cuộc bàn cãi sẽ rất gay go, nhưng sự xáo trộn ngoài phố phường do cuộc tàn sát Hoa kiều cần phải chấm dứt ngay, không chờ đợi được nữa. Do đó, dù nhà vua uể oải không muốn bắt chuyện, Nguyễn Huệ cũng nói:

– Mấy hôm nay tụi đầu trộm đuôi

cướp hoành hành phá phách khắp nơi. Muốn cướp của nhà nào, chúng nó vu cho người ta cái tội có liên lạc buôn bán với Hoa kiều. Chúng còn ăn cướp ngay giữa chợ búa. Hoặc chúng giả làm lính Tây Sơn. Hoặc chúng hô hoán món hàng chúng lấy đi là hàng Tàu. Người dân lương thiện chỉ biết gạt nước mắt lẳng lặng chịu thiệt thòi vì không ai dám can thiệp vào cái gì có mùi Tàu.

Vua Thái Đức đăm đăm nhìn em, chưa hiểu tại sao Nguyễn Huệ dài dòng kể lể những chuyện đó cho mình nghe. Giọng nhà vua vẫn còn đầy phần nộ:

– Chú nói cái gì? Mùi Tàu à? Phải. Chúng nó toa rập giúp đỡ tiền bạc vũ khí cho thằng Chùng, thì bây giờ phải đến tội. Từ Lý Tài cho đến Trần Phượng, bây giờ lại thêm Trần Công Chương. Luật đời có vay có trả. Mùi Tàu! Thối lắm, ai

dây dưa vào đó dĩ nhiên phải mang họa.

Nguyễn Huệ thấy nhà vua chưa nguôi giận, đâm ra do dự. Nhưng không nói lúc này thì chờ đến lúc nào? Huệ đang hăng lấy bạo, nói tiếp:

– Tin tức ở đây lan nhanh khắp nơi. Những nơi có người Tàu ở đều rung động. Một số khá đông lén lút dùng thuyền trốn đi. Các phố buôn bán đều tiêu điều. Nguy hiểm nhất là việc giao thông. Lâu nay các chủ ghe thuyền, các vựa buôn bán đồ nông phẩm, cá mắm, hoa quả đều là người Tàu. Kể cả các cửa hàng tạp hóa ở các nơi hẻo lánh cũng do người Tàu làm chủ. Hiện nay, việc giao thông, buôn bán ở Gia Định bị tê liệt, trong khi cảnh cướp bóc gia tăng.

Nhà vua không giữ bình tĩnh được nữa, quát lên:

– Chú con cà con kê như thế để làm gì? Chú hạch tội ta đấy phải không?

Nguyễn Huệ vội đáp:

– Em đâu dám vậy. Nhưng tình trạng này không thể kéo dài thêm nữa. Phải xuống chiếu trấn an người Tàu và ra lệnh chấm dứt ngay các vụ vu cáo để cướp bóc. Nếu cần đem vài tên trộm cướp ra xử chém bêu đầu ở các chợ. Nếu chúng ta còn muốn giữ đất Gia Định lâu dài, nếu chúng ta muốn diệt cho tuyệt nọc ý đồ khôi phục của Nguyễn Ánh, thì không nên đẩy đa số người Tàu ở đây vào chỗ tuyệt lộ, phải chạy theo tìm ẩn nấp về phía Nguyễn Ánh. Vụ của Hội mấy năm trước, chắc anh còn nhớ!

Nhà vua bắt đầu nhận thấy Nguyễn Huệ có lý. Nhưng thi thể đẫm máu của viên Hộ giá vẫn còn chập chờn trước

mắt nhà vua. Phân vân giữa thù hận và lẽ phải, nhà vua phát tay bảo em:

– Chú thấy cần làm cái gì, cứ làm đi. Mấy hôm nay anh không được khỏe. Có tin gì thêm về tên Chúng không?

– Hần đã trốn về lại Giồng Lũ cùng với bọn Trần Xuân Trạch, Nguyễn Kim Phẩm. Có thêm hai phụ tá...

Nguyễn Huệ định nói: “có thêm hai phụ tá người Tàu là Thống binh Hạp và Thống binh Kính”, nhưng kịp nghĩ lại, ông ngừng đúng lúc. Nhà vua không chú ý điều khác thường, lơ đãng hỏi:

– Chú đã sai ai đi đánh chúng nó chưa?

– Dạ đã cử Đô đốc Học đem hơn một trăm chiến thuyền về Giồng Lũ rồi.

Vua Thái Đức uể oải đứng dậy, dặn em lần cuối:

– Thôi, được rồi. Việc kia, chú cứ tùy ý thấy điều gì cần làm để chiêu an thì làm.

✱

Lãng không phải là kẻ mù quáng, ngây thơ đến nỗi không hiểu những lời cảnh cáo nghiêm khắc nhưng thành thực của Huệ.

Bắt đầu từ đây anh ghi nhật ký chiến dịch theo lối biên niên nhất gừng, đại loại như sau (dịch nôm):

Ngày... tháng Tư năm Nhâm tuất
(1782)

Đô đốc Nguyễn Học nhận lệnh truy kích tàn quân Nguyễn Ánh ở Giồng Lũ, bị thua. Đô đốc Học tử trận, mất hơn tám mươi thuyền.

Ngày... tháng Tư năm Nhâm tuất
(1782)

Hoàng thượng hạ chiếu chiêu an, kết tội bọn tay chân xấu xa của Ánh đã nhân lúc hỗn loạn tàn sát Hoa kiều để cướp của cải và gây chia rẽ giữa người Nam và khách trú, giữa dân Gia Định và quân Tây Sơn. Chiếu cũng đe dọa trừng trị nghiêm khắc những tên lưu manh gây rối và bọn phao tin đồn nhảm.

Ngày... tháng Tư năm Nhâm tuất
(1782)

Chém bêu đầu những tên cướp của, phá phách các phố Hoa kiều ở khắp các chợ chính như: chợ Bến Sỏi, Chợ Điều Khiển, chợ Nguyễn Thực, chợ Thị Nghè, chợ Tân Kiểng, chợ Sài Côn... Tình hình chung đã yên tĩnh, nhưng ghe thuyền cặp bến còn thừa thớt. Thiếu tôm cá vì không ai dám đánh lưới, vả lại đến nay thiên hạ vẫn còn ngại tôm cá rửa xác chết, không ai dám mua.

Ngày... tháng Tư năm Nhâm tuất
(1782)

Có tin Ánh tảo tợn kéo quân về dàn trận ngay sông Ngã Tư. Nguyễn Huỳnh Đức làm tiên phong, Nguyễn Phúc Cốc làm trung quân, Trần Xuân Đàm, Nguyễn Kim Phẩm làm hộ giá.

Long Nhương Tướng quân biết Ánh đã chọn chỗ có nhiều lợi thế để dọn sẵn chiến trường, nếu kéo quân đến tất gặp nhiều bất lợi. Nhưng tướng quân vẫn quyết định đánh. Áp dụng phương cách bố trí thủy (dàn binh xoay lưng ra sông để chỉ có tiến chứ không thể lùi) của Hoài Âm hầu (Hàn Tín), Long Nhương Tướng quân đã đánh tan thế trận của Ánh. Ánh phải chạy về Bến Lức. Quân ta truy kích đuổi hăn chạy về Hậu Giang. Tin cuối cùng nhận được cho biết Ánh đã trốn về Rạch Giá.

Lã cũng nhận được những tin xáo trộn xảy ra ở khắp nơi, từ Cần Thơ, Long Hồ, Định Tường, cù lao Phố, Hà Tiên đồn dập báo về. Tinh thần bài ngoại, cộng thêm với lòng ganh tị và hận thù tích lũy một khi đã bộc phát thì không

dễ gì dập tắt. Đâu đâu cũng xảy ra những vụ cướp phá các phố khách, trước hết do những kẻ vong mạng và những tên cơ hội, sau đó đến lượt các nông dân cùng khổ từ lâu phải bán lúa non và mua hàng đắt giá của các con buôn Hoa kiều. Nghiêm lệnh của vua Thái Đức chỉ giới hạn các vụ cướp phá ấy, chứ không trừ hẳn được không khí khủng bố căng thẳng bao phủ khắp các bến ghe, phố xá, chợ búa, làm đình trệ việc mua bán và giao thông. Hàng hóa, lương thực, thực phẩm bắt đầu khan hiếm. Lãng có thể ghi chép những điều ấy không?

Anh đọc lại những lời ghi chép mà Long Nhương Tướng quân đã đọc, đã nghiêm khắc cảnh cáo. Lãng đủ khôn ngoan để nhận thức sự nguy hiểm có thể xảy đến cho mình, nếu anh giữ lại các trang ghi chú ấy. Anh phải xé bỏ ngay!

Nhưng để thay thế vào các trang trống, anh phải ghi những gì? Ghi rằng chính bọn tay chân Nguyễn Ánh đã tàn sát mấy nghìn Hoa kiều ở Sài Côn ư? Giấy mực bút nghiên vô tri, nhưng cũng có hồn để nghiêm khắc phê phán anh. Chép thay vào đó y nguyên bài chiếu của nhà vua ư? Lãng ôm đầu không biết phải làm gì, anh quyết định không ghi gì cả.

✱

Lãng không thể che giấu cơn khủng hoảng nội tâm với Long Nhương Tướng quân. Đôi mắt sắc sảo của Nguyễn Huệ xuyên thấu được tâm can anh. Tuy nhiên, cả hai người đều lơ lửng giữa tình bạn bè thân thiết và tôn ti phải có của thuộc hạ đối với cấp chỉ huy, nên quan hệ giao tiếp của họ trở nên ngượng ngập,

phức tạp. Họ cùng hối tiếc những giây phút được thẳng thắn nói cho nhau nghe những gì đang nghĩ, bất chấp khác biệt về tâm tính và địa vị. Cho nên họ tránh chạm mặt nhau, nếu phải gặp mặt thì tránh nói chuyện thẳng với nhau.

Sau khi tình thế đã khá ổn định, Lãng xin Huệ cho phép được xuống Cần Thơ để bốc mộ Chinh. Huệ tưởng ý định ấy chỉ là một chuyện nông nổi nhất thời, Lãng nói chỉ để biểu lộ tình ruột thịt thiêng liêng hơn là chuyện cần thiết phải làm cho bằng được, với bất cứ giá nào. Cho nên lúc nghe Lãng nhắc lại lời yêu cầu, Huệ cứ nhìn chăm chăm vào mắt Lãng, không tin ở tai mình. Long Nhương Tướng quân hỏi:

– Cậu muốn đi thật à?

Lãng vội đáp:

– Thừa tướng quân, tôi đã hứa với gia đình là sẽ cố hết sức của anh Chinh đem về cải táng tại quê nhà (Lãng tự nhiên cảm thấy lối xưng hô cũ không còn thích hợp nữa, bắt đầu xưng tôi với Huệ).

– Nhưng đâu mới thực là quê nhà của gia đình Lãng?

Lãng bối rối không biết trả lời thế nào. Thấy Lãng lúng túng Huệ nói tiếp:

– Ta nhớ có lần đã bảo cậu là đừng nên làm cho đời sống thêm rắc rối. Sống gửi thác về. Chỗ đất nào chẳng là quê nhà của những người đã khuất.

Lãng đã tìm ra cái lý để chống chế:

– Nhưng được yên nghỉ ở gần anh em bà con, được thường xuyên hương khói vẫn đỡ tủi hơn là nằm khuất lấp ở chỗ gò đồng đây cỏ dại. Nếu để anh ấy

trong này, chẳng bao lâu không ai còn có thể tìm ra dấu tích nữa. Huống chi mộ anh ấy lại nằm bên bờ rạch.

Nguyễn Huệ không nói gì thêm, nét mặt dàu dàu không vui. Lãng e ngại vội nói:

– Nếu tướng quân thấy không cần thiết, thì...

Nguyễn Huệ vội cắt lời Lãng:

– Không. Cậu cứ đi Cần Thơ. Ngày mai có đoàn thuyền đi Long Hồ tăng cường quân trấn thủ cho Đô đốc Loan. Cậu xin theo họ càng tiện. Đến Long hồ gặp Đô đốc Loan để tìm phương tiện qua Cần Thơ. Ta sẽ viết cho Đô đốc Loan vài lời.

Lãng cảm động, lí nhí nói:

– Cảm ơn tướng quân.

Huệ chớp chớp mắt, lặng lẽ nhìn Lãng. Một lúc sau, Huệ hỏi:

– Cậu có buồn ta điều gì không?

Lãng vội đáp:

– Dạ không. Tướng quân có làm điều gì khiến tôi buồn đâu.

Huệ không tin, đáp lại:

– Có, chắc chắn có.

Lãng nói:

– Chỉ tại tôi làm phức tạp thêm cho đời sống đấy thôi.

– Cậu thành thực nghĩ như vậy chứ?

Lãng không muốn dối lòng, nên đáp:

– Vâng. Nhưng tôi vẫn tin đời sống

phức tạp ấy mới đúng là đời sống. Không có gì đơn giản cả.

Nghe giọng nói cương quyết và đôi mắt long lanh của viên thư ký, Nguyễn Huệ biết không thể tranh luận cho rốt ráo ngay bây giờ. Ông cười nhẹ rồi bảo:

– Để lúc khác chúng ta sẽ tranh luận. Lãng sắp xếp chuẩn bị để mai lên đường. Tình hình chưa hoàn toàn yên ổn, phải cẩn thận lắm đấy!

✱

Sau khi Phạm Ngạn chết, công việc của Lợi càng thêm nặng. Việc kiểm kho, vận chuyển thu góp lương thực, do thiếu ghe thuyền vốn đã khó khăn. Nếu mọi sự bình thường như năm 1776 thì Lợi đã xin lệnh trưng dụng các ghe chài để chở thóc

kho từ các dinh Cần Thơ, Long Hồ, Trấn Biên... về Gia Định dễ dàng. Nhưng sau cuộc tàn sát Hoa kiều, ghe thuyền mất bóng trên các sông rạch. Thuyền chiến chỉ được dùng vào việc hành quân lúc đó còn rất phức tạp và cấp bách. ở vị trí của Phạm Ngạn (viên hộ giá ai cũng biết là rất thân tín của vua Thái Đức), việc điều động thuyền chiến đi vận lương kể ra không quá khó khăn. Lợi là một cấp thừa hành lại chịu trách nhiệm lớn, dĩ nhiên khó khăn phải tăng gấp bội.

Nhưng Lợi vượt qua được hết mọi trở ngại, bằng sự khôn khéo của mình. Vừa giải quyết tạm ổn việc chuyển lương, xáo trộn do cuộc tàn sát Hoa kiều ập đến. Nhiều nhà cửa, kho hàng chủ đã bị giết, hoặc đã nhanh chân bỏ trốn. Hàng hóa, nhất là hàng xa xỉ phẩm nhãn hiệu Tàu bị vất bừa bãi khắp đường. Quản lý

của cải vô chủ trở thành một công tác cấp bách, hết sức phức tạp, hết sức nguy hiểm. Không thể nào tránh được các vụ thất thoát, cất giấu các món quý giá đem về làm của riêng. Không biết thế nào là thiếu, mà cũng không biết thế nào là đủ. Lệnh trên ban xuống là phải thu góp tất cả tài sản vô chủ, không được cho lọt vào tay bọn vô lại và kẻ tham lam, thu góp thứ gì phải có sổ sách ghi chép phân minh, thứ nào xếp theo thứ đó, chờ xử lý của nhà vua.

Muốn thi hành cho đúng lệnh, cần phải có một đội ký lục đông đảo thạo việc và tuyệt đối liêm khiết. Thời bình tìm cho ra số người ấy còn khó huống chi thời loạn. Và lạ lùng thay, Lợi vẫn vượt qua được cuộc thử thách!

Ba năm mang gông đã giúp cho Lợi những kinh nghiệm quý báu. Trước

cuộc thử thách quyết định cả tương lai của đời anh, Lợi tự buộc mình đổi tính. Không ba hoa lắm lời, Lợi lặng lẽ, kín đáo, âm thầm lo liệu công việc của mình. Lợi cũng cố biến mình thành tấm gương của liêm khiết. Bánh trái hoa quả quý lạ mang từ bên Tàu sang, rượu trà hảo hạng ê hề, chất đồng, nhưng tuyệt đối Lợi không chạm đến. Anh chỉ ăn khẩu phần dành cho mình, dùng cái bát sành đã mẻ để uống thứ trà dở quân lính vẫn quen uống. Những người làm việc với Lợi lăm lét nhìn Lợi để cố đoán trong lòng Lợi nghĩ gì, muốn gì. Họ không đoán ra. Họ chỉ thấy sau một ngày làm việc cực nhọc, đóng cửa kho lại, Lợi ngồi rung đùi, lâu lâu mỉm cười một mình: Lợi đang ngây ngất vì một niềm hoan lạc còn lớn hơn cả sự chiếm hữu vàng bạc, của cải. Anh cười khoái trá vì kẻ đã đẩy anh đến cửa ngục, buộc anh mang gông suốt mấy

nằm đằng đẵng đã bị chết chém dưới lưỡi gươm Hòa nghĩa. Lợi thâm nghĩ, đúng là trời cao có mắt!

*

Lăng từ Cần Thơ về mang tin Nguyễn Ánh đã trốn ra đảo Phú Quốc. Vua Thái Đức nhận tin vui với một nụ cười chua chát trên môi. Cuộc tấn công Gia Định lần này có quá nhiều chuyện đáng buồn: quân số hao hụt trầm trọng qua hai trận ác liệt ở sông Ngã Bảy và sông Ngã Tư, cái chết bi thảm của Phạm Ngạn, cảnh thây chất đống trên các phố xá Gia Định, không khí u ám và oi bức của những chiều ảm đạm, sức khỏe giảm sút của nhà vua... Gần như vua Thái Đức không còn thiết gì nữa. Cho nên khi Long Nhương Tướng quân tính đến kế hoạch

tổ chức hành chánh và bố phòng lâu dài ở Gia Định, nhà vua gặt đi. Nguyễn Huệ ngõ ngàng hỏi anh:

– Thế khi đại binh ta rút về, Gia Định được giao cho ai trấn giữ?

Nhà vua đáp bằng giọng mệt nhọc:

– Ai chẳng được. Tên Chúng còn có manh giáp nào đâu mà sợ! Cứ giao cho tên tướng Đông sơn đã quy hàng chúng ta đó. Hắn tên gì?

– Dạ tên Đỗ Nhân Trập. Nhưng tin hắn sao được!

Nhà vua cười nhẹ, bảo em:

– Tại sao không tin được. Hắn là tướng Đông Sơn, tức là tay chân của Đỗ Thành Nhân. Tên Chúng giết Đỗ Thành Nhân, trở thành kẻ thù của hắn rồi. Bây

giờ quân Đông Sơn lại giết Tống Phước Thiêm cánh tay phải của Chủng, thì Chủng cũng xem hãn là kẻ thù. Hãn còn đường nào khác, ngoài con đường theo về Qui Nhơn.

Nguyễn Huệ vẫn còn thắc mắc, hỏi thêm:

– Vậy ta giao cho hãn bao nhiêu quân?

Nhà vua suy nghĩ một lúc rồi nói:

– Không quá ít để đủ chống lại đám tàn quân của tên Chủng, cũng không quá nhiều để hãn nổi lòng tham, tự lập thành một cơ đồ riêng biệt. Chú cho hãn hai nghìn quân.

– Hai nghìn thì không đủ. Tuy Nguyễn Ánh bị đại bại, nhưng thế lực của hãn trong dân chúng vẫn còn lớn.

Hắn lại được Hoa kiều và bọn cố đạo giúp đỡ tận tình. Ta về Qui Nhơn xong chắc chắn hắn lại trở vào đất liền qui tụ bọn tàn binh tiến lên uy hiếp Long Hồ, Gia Định.

Giọng nhà vua trở nên gay gắt:

– Thế ba nghìn có đủ không? Bấy nhiêu quân mà chưa đủ, thì hắn là tên bất tài, đáng bị Chúng nó chém cho một nhát. Để hộ bộ Bá ở lại với tên Trập, cho hai bên vừa giúp đỡ vừa kiểm chế lẫn nhau. Chú chuẩn bị mọi việc thế nào để đầu tháng năm ta rút quân về.

Nguyễn Huệ muốn yêu cầu anh xét lại chính sách đối với Gia Định, nhưng nhìn dáng ngồi uể oải, nét mặt buồn hiu của nhà vua, ông biết có nói cũng vô ích. Ông thở dài, rồi xin phép được về trại.

Lãng lên gặp ông, kể tỉ mỉ cuộc hành trình đến Cần Thơ, cho ông biết thêm ảnh hưởng tai hại của vụ tàn sát Hoa kiều đối với vùng đồng bằng miền tây. Nghe xong, Nguyễn Huệ thở dài, bảo:

– Như vậy là hằng năm ta phải kéo quân vào đây rồi!

Lãng chưa hiểu, nên hỏi:

– Vì sao thế? thưa tướng quân!

Nguyễn Huệ lớn giọng nói:

– Vì ta vào đây chỉ trồng những thứ cây đã ngắt rễ. Ta không bám được vào đất, làm sao sống nổi quá vài tháng. Để rồi cậu xem, về tới Qui Nhơn, chắc chắn ta lại được tin cấp báo Nguyễn Ánh đã mon men về tới Long Hồ hay Ba Giồng. Biết đâu chính Đỗ Nhân Trập chạy về mang theo tin đó! Rồi không muốn bàn

tiếp đến một điều không vui, Nguyễn Huệ xoay câu chuyện hỏi Lãng:

– Vụ hài cốt thế nào?

Lãng đỏ mặt như một người phạm tội, đáp:

– Dạ tôi đã mang về đây.

Huệ ân cần hỏi:

– Cốt còn tốt không?

– Dạ đã bị mục nhiều. Chỗ đó bị úng thủy.

Nguyễn Huệ ân cần căn dặn:

– Cậu cẩn thận. Dân đi biển rất kỵ mang hài cốt lên thuyền. Cậu phải giấu cho thật kỹ, không lại sinh chuyện.

Chương 52

Tháng Mười một năm Nhâm Dần (1782) cả gia đình Nguyễn Hữu Chỉnh dùng thuyền trốn vào Qui Nhơn tị nạn. Một lần nữa, lịch sử vừa đưa đẩy vừa thu hút về đây những tay cơ hội xông xáo và tài ba nhất của thời đại.

Thuyền của Nguyễn Hữu Chỉnh cập bến Thị Nại vào lúc xế trưa. Quan sở tại khi nghe Chỉnh xưng là một quan võ nhà Trịnh, từ Nghệ An đi thẳng vào đây, đoán biết tầm quan trọng của nội vụ, vội sai ngựa trạm cấp báo về kinh thành.

Ngay sáng hôm sau, đích thân vua Thái Đức dùng ngựa xuống cửa Thị Nại để gặp Nguyễn Hữu Chỉnh. Hơn bảy năm đã trôi qua, kể từ ngày Chỉnh mang ấn kiếm của nhà Trịnh vào Qui Nhơn cho anh em Nguyễn Nhạc! Nhưng giữa vua Thái Đức và Nguyễn Hữu Chỉnh có một tình quyến luyến đặc biệt chỉ có giữa những kẻ đồng thanh khí. Họ gặp nhau có một lần, thế mà gặp nhau lại sau bảy năm, họ cùng có cảm tưởng như vừa mới nâng ly chúc thọ nhau hôm qua. Nhà vua quên hết nghi lễ, chạy đến ôm chầm lấy Nguyễn Hữu Chỉnh, miệng hỏi rồi rít:

– Trời ơi, mới đến hả? Đi đường có bình yên không?

Nguyễn Hữu Chỉnh gỡ tay Nguyễn Nhạc, cung kính hạ thấp người xuống vái chào nhà vua. Nhạc càng thích thú hơn, cười to và bảo:

– Chỉ vẽ chuyện. Ta với chú mà, khách sáo ích gì! Gia quyến vẫn thường chú?

Nguyễn Hữu Chỉnh đưa mắt về phía cái nhà lá hiện gia đình đang tạm trú nắng, chậm rãi thưa:

– Tàu Hoàng thượng, thần đã mang cả gia đình vào đây.

Vua Thái Đức ngạc nhiên, nhưng ông kịp trấn tĩnh ngay. Ông biết bên trong còn có nhiều điều tối mật không nên đối đáp công khai giữa đám quần thần và lính hầu đông đảo thế này. Nhà vua cười rất tự nhiên, bảo Chỉnh:

– Ông là một tay chơi hơn hẳn thiên hạ có khác. Đi sứ mà mang theo cả gia đình để thăm cho biết xứ mán mọi của chúng tôi. Được rồi, xin mời cả phu

nhân lẫn các cô cậu lên thăm Hoàng đế thành của vua Tây Sơn. Thấy có gì thô lậu, xin đừng cười nhé. Không thể ví với cái phong lưu của chốn ngàn năm văn vật được đâu!

Nguyễn Hữu Chỉnh đỏ mặt vì bối rối và sung sướng. Quên cả địa vị mình, vua Thái Đức còn buộc Nguyễn Hữu Chỉnh phải dẫn Nhà vua đến tận cái chòi tranh để gặp mặt “thím và các cháu”. Nhà vua ra lệnh đoàn tùy tùng xếp đặt để rước gia đình Nguyễn Hữu Chỉnh lên kinh thành trước. Phần Nhà vua và Nguyễn Hữu Chỉnh sẽ dùng ngựa thông thả theo sau, “nhân tiện hướng dẫn cho sứ nhà Trịnh biết qua phong cảnh của Qui Nhơn”.

Họ ghìim ngựa đi thông thả sóng đôi bên nhau, và đến lúc thuận tiện nhất, vua Thái Đức mới hỏi Chỉnh:

– Bắc Hà có biến chẳng?

Nguyễn Hữu Chỉnh khâm phục sự nhanh trí của Nguyễn Nhạc, chỉ biết gật đầu. Nhà vua lại hỏi:

– Người như chú mà phải thất thế sao?

Lòng tự ái bị xúc phạm, Chỉnh vội đáp:

– Tàu Hoàng thượng, thần lấy làm xấu hổ vì bao năm trôi qua mà vẫn lận đận vì công danh. Đến nay chỉ mới là một viên quan nhỏ.

Vua Thái Đức cười, châm biếm:

– Chớ cho điều thiện nhỏ mà không làm. Chính chú đã nói như thế mà!

Nguyễn Hữu Chỉnh cười gượng, rồi tiếp:

– Sau khi Việp Quận công qua đời, thân bị một tai vạ tầy đình suýt nguy đến tính mạng. May mắn là về sau gỡ được, lại được Quận Huy tin dùng.

Nhà vua lại cười hóm hỉnh, nheo mắt hỏi Chỉnh:

– À, Quận Huy! Ta nhớ rồi! Nhà Chúa đau yếu dật dờ, hắn còn dám “tòm tem” với Tuyên phi nữa không?

Nguyễn Hữu Chỉnh cau mày khó chịu, nghiêm mặt đáp:

– Đấy chỉ là những lời đồn đãi của kẻ ác tâm, Hoàng thượng chớ nên tin. Quan Chánh đường (Huy Quận công Hoàng Đình Bảo) nắm giữ nhiều uy quyền, nên dĩ nhiên có lắm kẻ thù. Nhưng quan Chánh đường vừa bị bọn kiêu binh tam phủ giết chết rồi.

Vua Thái Đức giật mình gò ngựa đứng lại, hỏi lớn:

– Quận Huy bị giết, tất có đại biến. Thế Trịnh Sâm thế nào?

Nguyễn Hữu Chỉnh cũng dừng ngựa lại, đáp:

– Đầu đuôi cũng do nhà Chúa. Vì mê nhan sắc của Tuyên phi, nhà Chúa phế trưởng lập thứ, điều đó chắc Hoàng thượng đã rõ.

– Vâng, ta đã biết từ lâu.

– Vây cánh của Trịnh Tông khá đông nên Đặng Tuyên phi phải nhờ đến tài cán của Huy Quận công. Do đó kẻ xấu mới được dịp đồn đãi. Nhà Chúa vừa nhắm mắt nằm xuống...

Nhạc thảng thốt hỏi:

– Trịnh Sâm đã chết rồi à?

– Tàu Hoàng thượng, vâng. Chúa đã quy tiên hôm 13 tháng Chín vừa qua.

– Sâm chết, tất nhiên phe trưởng với phe Tuyên phi không thể đội trời chung. Vì sao phe Tuyên phi lại thua?

Nguyễn Hữu Chỉnh rơm rớm nước mắt, giọng lạc đi:

– Vì Trịnh Tông dút lót ve vãn cho bọn lính tam phủ làm loạn. Chúng hện nhau kéo đến vây phủ đường, hò reo quát tháo âm ỉ đòi giết Quận Huy và Tuyên phi để lập Tông lên ngôi Chúa. Quận Huy lãnh bảo kiếm nhà chúa cưỡi voi ra dẹp, nhưng chúng nó đông đúc ô tạp quá. Cuối cùng...

Vua Thái Đức gật đầu, tiếp lời Chỉnh:

– Ta hiểu rồi. Đám quân ô hợp đó sẽ kéo nhau đi phá nhà những ai chúng cho là phe đảng của Quận Huy. Nhưng chú ở tận nơi biên địa, sợ gì?

Nói xong, vua Thái Đức cười ha hả ra vẻ đắc chí. Nhà vua thúc cho ngựa đi tiếp. Nguyễn Hữu Chỉnh vội theo sát bên Nhà vua. Thấy Chỉnh bối rối, lo sợ, vua Thái Đức an ủi:

– Ta nói đùa đấy thôi. Rõ ràng Trời đã thu góp tất cả hiền tài đưa về Qui Nhơn giúp ta. Chú biết không, tuy Nghệ an đến đây quá xa xôi, nhưng cái danh “con cắt nước” của chú vẫn dội đến chốn hẻo lánh này. Ta đang cần người cải tiến đạo thủy quân. Chú vào đây thật đúng lúc.

✱

Sau khi giao cho Phò mã Vũ văn Nhậm xếp đặt nơi ăn chốn ở cho gia đình Nguyễn Hữu Chỉnh, vua Thái Đức đưa ngay Chỉnh vào văn phòng, rồi sai lính đi mời ngay quan Tiết chế Nguyễn Lữ, Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ, quan Hình bộ Bùi văn Nhật và Thái úy Bùi Đắc Tuyên đến. Rõ ràng tin biến động Bắc Hà đã mở ra cho nhà vua một hy vọng mới.

Chờ cho mọi người yên vị xong, vua Thái Đức hỏi Chỉnh:

– Ông ở Nghệ An, làm sao hay tin có biến ở kinh thành?

Nguyễn Hữu Chỉnh thấy trừ vua Thái Đức, nét mặt mọi người đều ngơ ngác chưa hiểu ắt giáp ra làm sao, nên

khéo léo, từ tốn vừa trả lời Nhà vua vừa giải thích:

– Tàu Hoàng thượng, thần có một người bạn đồng hương là Nguyễn Viết Tuyển coi trung đội của đạo Hậu kiên đóng ở Sơn nam. Tuyển nghe tin vương phủ có biến, lính tam phủ nhân cái chết của Chúa, bị bọn tay chân con trưởng Trịnh Tông xúi giục, kéo đến bao vây vương phủ, phế thế tử, bắt Tuyên phi, giết quan Chánh đường Huy Quận công Hoàng Đình Bảo, truy lùng những người bị xem là phe của Quận Huy. Lo sợ giùm cho thần, vì trước đây thần từng làm việc lâu năm dưới quyền Việp Quận công và Huy Quận công, nên Nguyễn Viết Tuyển vượt biển vào Nghệ An cấp báo cho thần biết. Do đó, thần đoán chắc tình hình biến loạn ở Bắc Hà là đúng sự thực.

Nhà vua lại hỏi:

– Ông vào đây có ai biết không?

Nguyễn Hữu Chinh mỉm cười tự tin, đáp chậm và rõ:

– Tàu Hoàng thượng, chắc chắn chưa ai biết thần đem gia đình vào đây, trừ Dao Trung hầu, trấn thủ Nghệ an.

Vua Thái Đức kinh ngạc hỏi lớn:

– Hắn biết mà cứ để ông trốn à?

Nguyễn Hữu Chinh đáp:

– Tàu Hoàng thượng, Dao Trung hầu là em rể Việp Quận công, nên bị xem là cùng phe với Quận Huy. Nghe thần báo tin có biến kinh thành, Dao Trung hầu sợ lắm, liền hỏi: “Bây giờ làm thế nào?” Thần đáp: “Trấn này giáp với Thuận hóa, hai nơi có thể liên lạc với nhau dễ dàng. Hiện nay phó tướng Phú Xuân là

Thế Quận công đồn thủ Đồng Hới là Khôi Thọ hầu, đều là tay chân trong nhà Quận Việp. Với chúng ta coi như đồng hội đồng thuyền. Quan lớn nên viết thư kín bảo Quận Thế giết viên Đại tướng Phú Xuân, đoạt thành, rồi kịp cho người ra dụ Khôi Thọ hầu để kéo thành Đồng Hới vào hòa. Ngoài trấn Nghệ An này, đã có quan lớn giữ trấn phối hợp làm vây cánh, với hai nơi kia. Rồi ngài thu dùng hào kiệt, chiêu mộ thổ binh, lấy đường Hoàng Mai và đặt đồn lớn ở Quỳnh Lưu để làm cái thế cố thủ. Còn về mặt bể, tôi xin đảm đương”.

Vua Thái Đức nghe đến đó thích chí quá, vội hỏi:

– Rồi hãn đáp thế nào? Hãn có đủ gan mật hay không?

Nguyễn Hữu Chỉnh mỉm cười đáp:

– Thừa không. Dao Trung hầu tuy sợ vạ, nhưng ngẫm nghĩ hồi lâu, cuối cùng bảo thần: “Cái kế của ông hay lắm. nhưng tôi tự liệu sức không làm nổi. Vậy ông nghĩ giùm cho cách khác”.

Vua Thái Đức vỗ đùi vào vế, cười to, bảo:

– Ta đoán thế nào hắn cũng từ chối. Trên đời đã mấy ai đủ gan như ông để nghĩ cái kế kinh thiên động địa như vậy. Sau đó ông trả lời hắn thế nào? Nguyễn Hữu Chính đáp:

– Thần bảo: Ngoài cái kế ấy ra, chỉ còn một cách bỏ nước mà đi. Dao Trung hầu hỏi: Nhưng đi đâu bây giờ? Thần đáp: Thiên hạ vạn nước lo gì không có chỗ đi.

Vua Thái Đức lại cười ha hả, lớn tiếng khen:

– Càn nói khí phách hiên ngang lắm. Hẳn là loài chim sẻ, chắc không dám bay theo con cắt nước, phải không?

– Tàu Hoàng thượng, vâng Thần ghé tai nói nhỏ với Dao Trung hầu chuyện vào Qui Nhơn với Hoàng thượng. Dao Trung hầu nửa muốn nghe theo, nửa ngần ngại do dự, sau cùng bảo thần: “Sự đó cũng là việc lớn, để tôi nghĩ lại xem đã”. Thần nói: “Bây giờ sự biến chỉ trong phút chốc. Đợi đến khi ngài nghĩ xong, chắc lệnh tróc nã đã đến đây rồi. Vậy ngài ở lại mà nghĩ, phần tôi xin được tự lo lấy thân trước”.

Vua Thái Đức khen:

– Quyết định nhanh nhẹn như thế mới là người quyền biến, hiểu lẽ xuất xử tiến thoái.

Đến lúc ấy, Long Nhương tướng quân mới hỏi Chinh:

– Ông đi mà bọn lính dưới quyền không thắc mắc gì cả à?

Nguyễn Hữu Chinh quay nhìn Huệ, khẽ gật đầu chào, rồi đáp:

– Tướng quân hỏi chí phải. Nếu chúng thắc mắc, hoặc có đứa phản thì tôi cũng khó mang cả nhà đi lọt. Tôi bảo với chúng có lệnh của quan Trấn thủ sai đi tuần tiểu mặt bể. Sau khi đưa cả nhà lên thuyền, tôi mới gọi ba trăm lính cơ dưới quyền bảo chúng đứng ở bờ sông, rồi nói rõ duyên cớ cho chúng nghe. Tôi còn biểu mỗi tên một quan tiền đen. Trước khi cho thuyền ra giữa sông kéo buồm chạy ra biển, tôi còn bắn ba phát súng để thị oai và từ biệt.

Vua Thái Đức lại khen:

– Được lắm. Ra đi như vậy mới đúng phong cách người trượng phu. Việc gì mà lấm lét, thậm thụt. Thôi, ông về cùng với gia đình thu xếp nơi ăn chốn ở đi. Nhà cửa thì thẳng rể ta đã lo rồi. Cần phu phen khuân vác đồ đạc, hoặc cần sửa chữa thứ gì, cứ bảo thẳng Nhậm. Ông vào được đây, ta mừng lắm.

✱

Đích thân vua Thái Đức đưa Nguyễn Hữu Chỉnh ra tới cửa. Chờ cho Vũ Văn Nhậm và Nguyễn Hữu Chỉnh đi khuất sau cánh cổng rồi, nhà vua mới cùng hai em và các đại thần thân tín trở vào phòng. Nét mặt nhà vua hơn hờ khác thường. Nét u sầu buồn bã từ ngày ở Gia

Định về không còn nữa. Với một giọng hăng hái hơi lấp bắp, nhà vua nói:

– Trời sinh loạn ở Bắc Hà để giúp ta thu hồi đất Thuận Hóa. Chưa đưa quân vượt đèo Hải Vân chiếm lại phần đất từ bờ nam sông Gianh, ta vẫn chưa yên tâm. Thật là trời giúp ta.

Tiết chế Nguyễn Lữ nói:

– Đánh bây giờ em sợ không đủ sức. Sau trận tấn công Gia Định...

Vua Thái Đức cắt lời Lữ:

– Làm sao đánh ngay bây giờ được! Ta liệu trước cái hướng như vậy, còn muốn đánh thì còn phải chờ thời cơ cho chín muồi. Cứ để cho bọn Kiêu binh phá nát nhà cửa, uy tín bọn quan lại Bắc Hà, rồi tiếp tục chờ cho bọn quan lại đó kéo thêm vây cánh mộ thêm thổ binh kéo về

kinh đô chém giết bọn Kiêu binh. Đến lúc cả hai mệt nhoài không nhấc nổi thanh gươm lên nữa, ta hãy vượt đèo Hải Vân.

Rồi quay về phía Long Nhương tướng quân, nhà vua hỏi:

– Chú Tám nắm vững tình hình phòng thủ ở Thuận Hóa chứ?

Nguyễn Huệ đáp:

– Thưa vâng.

– Sắm gửi vào đó bao nhiêu quân?

– Hơn ba vạn quân, do một viên Đại tướng, một viên Phó tướng, một viên Phó Đốc thị điều khiển. Các nơi trọng yếu từ đèo Hải Vân trở ra đều có lập đồn đóng quân.

– Tạo Quận công người thế nào?

– Hẳn làm Đại tướng trấn giữ Thuận Hóa chỉ nhờ ngoan ngoãn vâng lệnh trên không cần bàn cãi, chứ không phải nhờ tài ba. Nhiều người bảo hẳn dân đen, chậm chạp, gặp lúc biến không biết làm gì cả. Trước kia, viên Đốc thị phụ tá cho y là Nguyễn Lệnh Tân bất bình với Quận Tào dâng thư về triều kể xấu Tào là kẻ nhút nhát vô mưu. Xem thư ấy, Sâm cho Nguyễn Lệnh Tân là kẻ ưa sinh sự, bèn bãi chức Tân và đưa người khác vào thay. Còn Quận Tào thì vẫn được Sâm khen là ôn hòa, thận trọng.

– Phó tướng Phú xuân là ai thế?

Nguyễn Huệ đáp:

– Chính là Hoàng Đình Thế tay chân cũ của Việp Quận công Hoàng Ngũ Phúc. Lúc nãy ông Cống Chính có nói đến viên Phó tướng này.

Vua Thái Đức gật gù, bảo mọi người:

– Như vậy thì Thuận hóa không phải là cấm địa. Quân đông, đồn lũy kiên cố, nhưng tai biến ở kinh thành tất phải kh-iến cho Phú xuân hoang mang. Thế Quận công cũng là thuộc hạ của Việp Quận công như quận Huy, tất nhiên đang lo bị vạ lây. Ông Nhật chú ý cho người dò la tình hình Phú xuân biến chuyển thế nào, hàng tuần tâu cho ta hay nhé! Quan Hình bộ vội cúi đầu nhận lệnh.

Nhà vua nhìn quanh hỏi:

– Các ông thấy Cống Chính thế nào? Tin hẩn được không?

Vừa chứng kiến cảnh tương đắc giữa nhà vua và Nguyễn Hữu Chính xong, nên không ai dám trả lời ngay, sợ không đúng ý của Nguyễn Nhạc. Chỉ có Nguyễn Huệ rụt rè nói:

– Ông ta có tài thủy chiến, và dám nghĩ đến những chuyện vá trời đấy. Nhưng...

Vua Thái Đức nóng ruột, vội hỏi:

– Nhưng thế nào?

Nguyễn Huệ nhìn thẳng vào mắt nhà vua, nói thật chậm để dần sự e ngại:

– Nhưng hắn không phải là loại người ngoan ngoãn dễ kiểm chế. Dùng hắn y như dùng con dao sắc, đứt tay như chơi.

Vua Thái Đức xem lời em như một cách tán thưởng sâu sắc và khéo léo tài dùng người của mình, cười ha hả, rồi bảo:

– Thà như thế. Dùng một con dao sắc nguy hiểm còn sướng hơn phải mệ

nhọc với hàng trăm con dao cùn chém ho. Ông Nhật, ngày mai lựa vài tên lanh lẹ tin cậy được gửi qua làm lính hầu cho ông Cống nhé. Nhớ lựa những tên thật lanh lẹ. Ông hiểu ý ta rồi chứ?

Bùi văn Nhật đáp:

– Tâu thánh thượng, thần đã hiểu rồi ạ.

Nhà vua lại quay sang phía Nguyễn Huệ:

– Hãn giỏi thủy binh, Bắc Hà đặt cho hãn cái hiệu “con cắt nước”, đủ biết hãn thành thạo thủy chiến đến bậc nào. Chú cần sửa đổi, tổ chức lại đạo thủy quân không? Sau trận đánh nhau với tàu Tây dương, chú có thấy trục trặc gì không?

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc, rồi đáp:

– Thưa cần phải chỉnh đốn lại các đoàn thuyền chiến nhiều lắm. Muốn tiến quân nhanh, chỉ có cách dùng thuyền lớn để chở quân. Hiện nay thuyền của ta còn nhỏ quá. Phải cải tiến thế nào để thuyền có thể chở được cả súng lớn và voi. Về thủy chiến, lâu nay ta đã quen với sông rạch Gia Định. Nhưng còn mặt Bắc Hà, chắc phải nhờ ông Cống Chính vẽ địa đồ, và chỉ dẫn tỉ mỉ đường đi nước bước. Không biết những điều hăn nói có đáng tin hết không!

Nhà vua vội hỏi:

– Tại sao chú lại hỏi thế? Hăn tị nạn vào đây, còn con đường nào khác đâu?

Nguyễn Huệ đáp:

– Em thấy chí của hăn không phải nhỏ. Có khi hăn vào đây chỉ để mượn

đường, mượn quân, mượn nước của ta mưu đồ chuyện Bắc Hà.

Giọng của vua Thái Đức bắt đầu gay gắt:

– Cứ cho như thế đi. Nhưng hăn giờ trò mặt của ta sẽ có mướt đấng. Trước mắt chưa có gì chứng tỏ hăn giả dối, thì ta phải lấy lòng thành mà đãi hăn. Tuyệt đối các ông không được tỏ ra dấu hiệu nghi ngờ nào. Nhất là chú Tám.

✱

Nguyễn Huệ vừa về dinh được ít lâu thì Lãng vào báo cho biết có Đỗ Nhân Trập và Hộ bộ Bá xin yết kiến. Đang bực bội vì lời trách móc của vua Thái Đức, Huệ gắt gỏng hỏi:

– Xin gặp làm gì?

Lãng đáp:

– Họ trình là quan Hình bộ đã lấy cung xong, bảo phải qua đây để trình qua với Tướng quân.

Nguyễn Huệ hơi nguôi giận, dịu lời bảo Lãng:

– Thôi được, ra mời họ vào.

Hộ bộ Bá người khá cao, nước da đen, tóc thưa búi thành búi nhỏ phía sau gáy, bước vào phòng Long Nhương tướng quân với vẻ tự tin. Đỗ Nhàn Trập vốn đã thấp bé, vì sợ nên thu nhỏ người lại, bước lóm thóm sau lưng Bá. Long Nhương tướng quân hất đầu chỉ hai cái ghế đặt sát vách, bảo:

– Hai ông ngồi xuống đó đi. Mọi sự đã khai rõ bên Hình bộ rồi phải không?

Hộ bộ Bá nhanh nhẩu đáp:

– Bẩm tướng quân, đã khai đủ mọi diễn biến từ lúc Tướng quân và Hoàng thượng trở về cho đến lúc Châu Văn Tiếp đem quân vào Gia Định đấy ạ.

Nguyễn Huệ nghiêm mặt hỏi:

– Hắn đem vào bao nhiêu quân mà các ông bỏ chạy?

Hộ bộ Bá vội đáp:

– Dạ không phải chỉ một mình Châu Văn Tiếp kéo cò “Lương sơn tá quốc” đưa quân về. Trước đó Đô đốc Loan đã bị Hồ văn Lân đánh bại ở Long hồ. Sau đó chúng kéo về đánh lấy Bến Lức. Hợp cả hai cánh quân Bến Lức và Châu Văn Tiếp lại, chúng mạnh hơn quân ta gấp bội. Vì vậy...

Đến lúc đó, Đỗ Nhàn Trập mới dám lên tiếng:

– Dạ quả thật quân chúng nó đông đảo lắm. Được Hoàng thượng và Tướng quân tin cậy giao cho trấn thủ Gia Định, tôi rất lo lắng, chưa biết làm thế nào cho phải. Tôi bàn với Hộ bộ Bá. Quan Hộ bộ đây bảo: “Châu Văn Tiếp rất giỏi võ nghệ, nay ông đem đại quân đến đánh, ta không thể chống cự được đâu. Ta nên rút quân về Qui Nhơn đã, đến mùa xuân năm sau lại vào tái chiếm, cũng không muộn gì!”

Hộ bộ Bá đưa cùi chỏ thúc hông Đỗ Nhàn Trập nhiều lần, nhưng Trập cứ làm ngơ, tiếp tục kể cho hết chuyện. Da mặt Hộ bộ Bá xanh mét. Nguyễn Huệ quan sát thái độ của hai tên bại tướng, cười nhạt, rồi hỏi:

– Hộ bộ Bá nói thế, ông trả lời thế nào?

Đỗ Nhân Trập hớn hờ đáp:

– Thưa Tướng quân, tôi bảo chưa đánh đã trốn chạy là hèn nhất. Cho nên...

Hộ bộ Bá cướp lời Trập:

– Nhưng ông vừa dẫn quân ra, đã bị chúng nó xông vào đánh cho tan tác, cuối cùng cũng phải theo tôi chạy về đây thôi.

Nguyễn Huệ quay nhìn chằm chằm vào Bá, danh giọng nói:

– Vâng. Rõ ràng là ông có lý. Châu Văn Tiếp không phải là một tay xoàng. Quân của chúng lại đông. Các ông chỉ có 3000 quân, rút lui để bảo toàn lực lượng

là phải. Nhưng vào mùa xuân sang năm, ông làm ơn mang quân vào Gia Định tái chiếm giúp ta nhé! Nay là tháng 11. Còn những hai ba tháng nữa để chuẩn bị. Ông cứ từ từ tái chiếm, cũng không muộn gì!

Câu cuối cùng, Nguyễn Huệ cố ý nhại cho giống giọng kể của Đỗ Nhân Trập, khiến cả Trập lẫn Bá càng lo sợ hơn. Đỗ Nhân Trập run run lên tiếng:

– Chúng tôi đều là hạng bất tài. Chúng tôi đã biết tội rồi. Xin tướng quân rộng lượng tha thứ.

Nguyễn Huệ không muốn kéo dài thêm không khí căng thẳng, nên dụi lời bảo:

– Ta chỉ nói đùa đó thôi. Phép cầm quân không phải lúc nào cũng nhắm mắt cúi đầu mà húc về phía địch. Có lúc phải

mạnh dạn xông tới, nhưng có lúc phải rút lui để bảo tồn lực lượng, chờ cơ hội thuận tiện hãy tấn công. Sau khi làm tờ khai trình, bên Hình bộ có bảo các ông làm gì nữa không?

Hộ bộ Bá vội vàng nói:

– Thừa Tướng quân, quan Hình bộ dạn phải qua đây ngay.

Nguyễn Huệ bực dọc bảo:

– Ta biết rồi. Nhưng sau khi thất trận, các ông đem được về đây bao nhiêu chiến thuyền, bao nhiêu quân còn sống sót, đã làm gì để báo tin, ủy lạo gia đình các tử sĩ chưa. Những việc ấy, chính các ông phải kê khai trình báo rõ ràng với bộ Binh. Các ông đã làm chưa?

Đỗ Nhuận Trập sợ Hộ bộ Bá tranh lời mất, nên vội đáp:

– Dạ đã làm xong cả rồi ạ.

Nguyễn Huệ gật đầu, bảo:

– Thôi được. Các ông cứ về nghỉ đi đã. Khi nào cần, Hoàng thượng sẽ xuống chiếu vời đến. À quên, ông Trập lần đầu ra đây chắc còn bỡ ngỡ chưa quen. Ông Bá lo hộ cho ông ấy nơi ăn chốn ở. Ông giúp được việc này không?

Hộ bộ Bá nhanh nhẩu đáp:

– Dạ thưa được ạ. Tôi sẽ lo mọi việc chu tất.

✱

Tối hôm ấy, Long Nhương tướng quân giữ Lãng ở lại ăn cơm với mình. Lãng hết sức ngạc nhiên, vì từ khi ở Gia Định về, Long Nhương tướng quân tránh

tâm sự thân mật với viên thư ký. Phần Lãng, vì tự trọng, anh cũng không muốn vượt qua những ngăn cách của lễ nghi. Cả hai người đều thấy họ khác biệt nhau trong lối nhìn về lịch sử, về cuộc đời, về giá trị của cuộc sống, và cả hai đều biết nếu muốn tranh luận đến cùng, họ phải chấp nhận nhiều tổn thương và mất mát. Cho nên họ vờn quanh những điều cấm kỵ, và e dè trong cách ăn nói, cư xử hằng ngày.

Nghe vị chỉ huy bảo ở lại dinh ăn cơm tối, Lãng đoán biết Huệ đang có một tâm sự không biết thổ lộ cho ai. Lãng sung sướng, hãnh diện là khác, được nghe những điều tâm sự ấy.

Nguyễn Huệ bảo lính hầu dọn cơm ngay tại phòng làm việc chứ không về dinh riêng. Ban đầu, câu chuyện của họ còn rụt rè, dãi dôi. Huệ hỏi Lãng:

– Bên nhà vẫn thường chứ?

Lãng đáp:

– Dạ thưa Tướng quân, vẫn bình thường.

Huệ nhìn ra phía cửa, bảo Lãng:

– Không còn ai ở đây ngoài hai chúng ta, Lãng xưng hô bình thường đi. Cứ gọi “anh” như ngày thầy chưa mất.

Lãng cảm động, lí nhí đáp:

– Cảm ơn Tướng quân. Cảm ơn anh.

– Hôm rút quân về ta bận quá. Chuyện hốt cốt của Chinh êm xuôi chứ?

Lãng cười, vui vẻ kể:

– Suýt tí nữa là mang vạ đấy. Vì lúc cho quân lên thuyền, có lệnh phải kiểm soát gắt gao các thứ quân lính mang theo.

Nếu không nhanh trí, em đã bị lộ rồi.

Huệ thích thú tò mò hỏi:

– Lãng làm cách nào qua mặt họ được?

Lãng đỏ mặt, thú thực:

– Em đem bọc cốt lên thuyền một lượt với đồ đạc quân khí của Tướng quân.

Nguyễn Huệ cười, giả vờ làm mặt giận bảo:

– May cho cậu. Nếu bị phát lộ, cậu phải ở tù một gông vì tội mạo danh. Đem về đây cải táng ở đâu?

– Ở sát mộ cha em.

Nguyễn Huệ thở dài nói:

– Mới đây mà thấy mất đã bốn năm!

Rồi với giọng rụt rè hơn, Huệ hỏi:

– Mấy đứa cháu con An vẫn thường chú?

– Dạ. Thằng đầu hơi nghịch, khó dạy.

– Nó mấy tuổi rồi?

– Dạ lên sáu.

– Chóng nhỉ. Mới ngày nào... hôm An lấy chồng... Phải rồi, hôm ấy đúng vào dịp ông Cống Chỉnh mang ấn kiếm vào Qui Nhơn. Bây giờ hẵn lại dẫn xác vào. Ta nhớ sau tiệc cưới, thầy và ta có nói chuyện với nhau thật lâu về Cống Chỉnh. Chóng thật. Mới ngày nào...

Lãng mơ hồ đoán Nguyễn Huệ muốn tâm sự với mình về chuyện Cống Chỉnh, nên hỏi:

– Tướng quân... anh vừa gặp Cống Chính chiều hôm nay?

Nguyễn Huệ đáp:

– Phải.

– Ông Cống có đổi khác so với sáu năm trước đây không?

– Vẫn thế. Không... Có khác chút. Hắn đã bỏ bớt những điều hoa hòe, vì cái thế của hắn khác trước xa lắm. Thăng Long có biến loạn, quận Huy quan thầy của hắn bị bọn lính Tam phủ giết chết. Hắn sợ vạ lây đem vợ con trốn vào đây. Vì thế, chân tướng của hắn lộ rõ hơn.

Huệ cúi đầu trầm ngâm một lúc lâu. Sau cùng, ông gật gù, hỏi Lãng:

– Lãng có biết hôm đám cưới An, thầy đã nói với ta về ông Cống Chính như thế nào không?

Lãng hỏi:

– Cha em nói gì ạ?

– Thầy nghe Cống Chính huyền thuyên biện bác về lẽ thiện ác ở đời, thấy lập luận của hắn hơi giống ý ông Tử Trường trong Sử ký. Chỉ khác một điều ông Tử Trường vì phần đời mà hoài nghi lẽ thiện, còn Cống Chính thì trâng tráo xem đời là một canh bạc, kẻ thiện là kẻ thắng. Đây là “chân lý”, là miệng lưỡi của bọn cơ hội. Lãng có biết ba kẻ thù của chúng ta là ai không?

Không chờ Lãng trả lời, Huệ nói:

– Là bọn lưu manh vô lại, bọn thủ cựu cố chấp, và bọn cơ hội. Trong số này bọn cơ hội là kẻ thù nguy hiểm nhất. Vì chúng thông minh hơn bọn vô lại ngu dốt, lại giỏi nịnh nọt luồn cúi hơn bọn cố

chấp hẹp hòi. Chúng đổi màu theo hoàn cảnh như da cá kè, lại được việc. Khó phân biệt được bọn cơ hội ấy với những kẻ có thiện chí và có lý tưởng. Nguy hiểm là ở chỗ đó.

Lăng nhận thấy cần phải biện hộ chút ít cho người vắng mặt, nên nói:

– Nhưng ông Cống Chính chưa tỏ ra dấu hiệu xấu xa phản trắc nào cả! Ông ấy vừa đến đây hôm qua.

Huệ sôi nổi nói:

– Cần gì phải sống với nhau lâu mới biết chân tướng. Cứ nghe cách hăn kể chuyện Bắc Hà, đủ biết! Nhưng thôi, ta tin cậy Lăng nói chuyện cho vui vậy thôi, đừng kể lại với ai khác thêm sinh chuyện. Khi nãy đang hỏi thăm tin tức bên nhà, tự nhiên xoay sang chuyện ông

Cống! Con bé sau của An, nghe nói kháu lắm hả?

– Dạ. Giống chị ấy lắm. Nhất là đôi mắt.

Nguyễn Huệ mỉm cười, hỏi thêm:

– Từ hồi ở Gia Định về, Lợi có còn cho An đi buôn hàng xáo nữa không?

– Dạ chị ấy thôi hàng xáo rồi. Kể ra cũng nặng nhọc quá.

Giọng Huệ trở nên ngập ngừng:

– Có còn oán hận ta nữa không?

Lãng vô ý hỏi lại:

– Anh hỏi gì ạ?

Thốt xong, Lãng mới biết mình lỡ lời. Huệ làm như không nghe câu nói của Lãng, nói qua chuyện khác:

– Bên kho vừa cho biết anh Kiên đã xin thôi việc. Vì sao vậy? Lãng bối rồi một lúc, rồi đáp:

– Em cũng chẳng biết nói sao nữa. Cái quán ở gần bến tắm ngựa kể ra cũng khá, chị ấy đủ chi tiêu qua ngày. Khỏi lo sinh kế, anh Kiên quay sang tìm hiểu những điều cao xa viễn vông, chẳng hạn ta là ai? Sinh ra để làm gì? Có liên quan gì đến vạn vật quanh ta? Thế nào là hạnh phúc? Cuộc đời sẽ đi đâu?

Nguyễn Huệ thích thú, cười ha hả:

– Thật thế à? Anh ấy bao nhiêu tuổi rồi?

– Anh ấy hơn em mười tuổi. Năm nay em hai mươi bảy.

– Lãng hai mươi bảy rồi à? Mà phải. Chúng ta đã bắt đầu về già cả rồi. Ta ba

mười. Anh Lữ ba mươi hai. Anh Kiên ba mươi bảy. Đến cái tuổi đó coi như đi được quá nửa đường đời, bắt đầu suy nghĩ về nó là phải. Còn Lãng, phải lo chuyện vợ con đi chứ!

Lãng đỏ mặt đáp:

– Xin thú thật với Tướng quân... thú thật với anh là đến bây giờ em vẫn tự thấy mình chưa trưởng thành. Em chưa biết mình muốn gì, cái gì mình bước chân lên đều bập bênh, chao đảo. Lập gia đình chỉ sợ làm khổ vợ con thôi.

Nguyễn Huệ nhú mày cố hiểu những lời tâm sự của Lãng mà không hiểu nổi. Huệ hỏi:

– Lãng nói cái gì thế?

Lãng cố gắng giải thích, dù hết sức bối rối, xấu hổ:

– Có lẽ em là một đứa có nhiều trái chứng. Em không thể vững tin được điều gì lâu bền. Có những điều em tưởng là tuyệt đúng, tuyệt đẹp, em xông xáo, có thể liều thân vì nó. Nhưng chẳng bao lâu em thấy mình lầm, rồi lại tìm kiếm một cái tuyệt đúng tuyệt đẹp khác.

Huê cười, an ủi Lãng:

– Ai mà chẳng thế. Người nào không khao khát đạt cho được cái lý tưởng mà Lãng vừa nói. Dĩ nhiên ít ai toại nguyện, nhưng chính niềm khao khát kia là nền tảng của đạo đức, là động cơ của sự tiến hóa.

– Nhưng em không thể chấp nhận dễ dàng những gì nhiều người chấp nhận. Chẳng hạn... chẳng hạn hồi ở Gia Định anh đã trách Lãng làm phức tạp những điều vốn đơn giản, chỉ thấy những xác

chết cháy trên sông Ngã Bảy mà không thấy chiến thắng oanh liệt trước tàu chiến và vũ khí Tây dương. Làm sao được hờ Tướng quân? Làm sao được, anh? Đến bây giờ em vẫn chưa quên được cảnh những đồng xác ngập phố Sài Côn, và mùi máu tanh trên bến chợ Sỏi. Mỗi lần nhớ đến cảnh ấy tự nhiên trí óc em quay cuồng, như người say rượu. Em biết nếu không nhân đêm nay xin với anh ân huệ này thì ngày mai không tài nào em dám mở miệng. Xin anh cho Lãng được thay đổi công việc. Cho được làm bất cứ việc gì, miễn là khỏi trông thấy cảnh chết chóc. Xác một con người, dù lúc sống cao lớn hay thấp bé, sang hèn thế nào mặc dầu, vẫn luôn luôn tồi tàn hơn xác một con vật. Em nôn nao trước xác chết. Em không thể chịu đựng nổi. Huệ ngổ ngàng trước sự phấn kích bất thường của viên Thư ký, vừa lo âu vừa

bàng hoàng. Nguyễn Huệ hỏi:

– Vụ Hoa kiều ở Gia Định ám ảnh Lãng đến độ ấy sao? Lãng muốn chuyển sang làm việc gì bây giờ?

Lãng cúi mặt xuống che giấu xúc động. Huệ hỏi tiếp:

– Lãng làm việc với người nào khác, liệu họ có hiểu nổi Lãng không? Ta thì đã quen biết Lãng từ lâu, ta xem Lãng như một người em út cần bảo bọc, thông cảm. Ta hiểu tất cả tính tình của Lãng. Nhưng với người khác, Lãng nghĩ mà xem!

Lãng vội nói:

– Anh cho em làm việc gì không dính máu.

Huê cười lớn, nói đùa:

– Cử Lãng sang trụ trì chùa Thập Thập nhé. Gần đây con Thọ Hương cứ nằng nặc đòi cắt tóc đi tu đấy. Lãng biết chuyện đó chưa?

Lãng lo sợ đáp nhỏ:

– Em thật có lỗi với nàng.

Nguyễn Huệ không muốn đùa dai về một chuyện hết sức tế nhị, nên ngay sau đó, nói tránh sang chuyện khác:

– Nay mai thế nào nhà vua cũng cho thành lập sử quán. Lãng vào đấy làm việc nhé?

Lãng đáp:

– Vào sử quán cũng nguy hiểm chẳng khác gì ra trận. Những ghi chép của em, cuối cùng phải hủy bỏ đi cả, có dùng được vào việc gì đâu.

Huệ lại cười to, rồi để nghị:

– Hay là qua bộ Lễ giúp cho gánh hát của ông Mịch. Phải đấy, Lãng qua soạn tuồng mới cho đào kép ông Mịch có tuồng mà hát. Làm thơ được thì soạn tuồng cũng được, ngại gì.

Lãng phải van xin cho được nghỉ lại. Nguyễn Huệ không ép Lãng phải quyết định tức thì, trước khi chia tay để đi nghỉ, vỗ vai Lãng thân ái bảo:

– Cậu sợ cái gì vậy máu ư? Không có cái gì tự nhiên mà ổn định, tốt đẹp được đâu! Cái chính là ở chỗ: ta có tin đã chọn đúng lý tưởng hay không. Còn trên đường đi đến lý tưởng, thế nào cũng có máu, cũng như có hoa, không thể tránh được!

Chương 53

Lần này Lãng đến thăm Kiên với một tâm trạng hoàn toàn khác trước. Anh không có niềm vui tràn trề nào để chia sẻ, cũng không có niềm tự tôn nào để cúi xuống thương hại lối sống hiu quạnh lạc lõng của anh. Lãng tìm đến Kiên như một bệnh nhân tìm đến bất cứ thầy lang nào ở gần nhất.

Quán rượu phía trước vẫn đông khách như lúc nào. Cô gái lớn xinh đẹp của vợ Kiên không biết bận việc gì, nên Kiên phải ngồi ở quầy trông chừng. Thấy

em đến, Kiên gọi con Út ra thay mình, rồi vội vã kéo Lãng ra vườn sau. Lãng dùng dằng không muốn theo anh, đề nghị:

– Để em ra chào chị đã. Nghe nói từ hồi sinh con bé, chị không được khỏe.

Kiên hấp tấp nói:

– Thôi thôi. Khởi cần. Chú ra đây nói chuyện với tôi đủ rồi.

Khi đã kéo Lãng đi khá xa, tận góc vườn um tùm, Kiên mới nói thật:

– Nhà lại vừa kinh cãi nhau. Phiền hết sức!

Lãng lo ngại hỏi:

– Chuyện gì thế anh?

Kiên thở dài:

– Đủ thứ chuyện! Hết mẹ đến lượt con!

Lãng lấy làm lạ hỏi:

– Sao thế? Sao hôm nay không thấy nó trông hàng.

Kiên trề môi, giọng mỉa mai:

– Cho nó ngồi đó để bọn trai lơ kéo đến cột nhà, phá nát cái quán à? Cứ cái đà này chắc có ngày máu đổ chứ chẳng phải chơi. Tôi đã bảo con gái lớn rồi, phải giữ ý giữ tứ. Bả không nghe. Chuyện đã như vậy rồi còn cãi sa sả.

Lãng e dè nói:

– Nhưng lỗi đâu phải cô ấy! Bọn mã phu lúc nào chẳng vậy.

Kiên quay ra sừng sộ với em:

– Chú biết gì mà bênh vực nó. Chú không thấy nó ngồi cả buổi trưa rán chịu đau nhổ lông mày cho sắc lẹm đấy! Nó đứng đắn hiền thực, làm sao tụi vô lại kia dám chòng ghẹo được.

– Nhưng chẳng lẽ anh ngồi trông hàng suốt ngày? Có phải vì vậy mà anh xin nghỉ việc không?

Kiên vội hỏi:

– Ai nói cho chú biết?

– Anh Huệ.

– Ai?

– Anh Huệ, Long Nhường tướng quân đấy!

– Ông ấy còn nói gì không?

– Không. Anh ấy chỉ hỏi tại sao anh

bỏ việc. Em cũng chẳng biết trả lời thế nào.

Kiên suy nghĩ, rồi nói:

– Chắc quan Tiết chế nói lại cho ông ấy biết. Này, chú có biết chuyện này chưa?

– Chuyện gì thế anh?

Kiên cười lỏn lẻn, da mặt đỏ dần vì sung sướng:

– Cách đây mấy hôm quan Tiết chế có đến đây!

– Thật à? Chắc ông ấy đến hỏi vì sao anh bỏ việc chứ gì!

– Không. Ông ấy đến trước khi anh thôi việc. Có thể nói vì có ông Lữ khuyến khích nên anh mới mạnh dạn thôi việc (Kiên quên cả cách xưng hô cổ làm cho

xa cách “tôi, chú” vì quá hân hoan).

Lãng không tin, hỏi:

– Chẳng lẽ anh Lữ đến tận đây xui anh nghỉ việc?

Kiên vội đáp:

– Không. Ông ấy đến một mình, đi bộ, không có lính hầu. Ông ấy còn cố ý ăn mặc y như một người dân thường, cho nên không ai nhận ra quan Tiết chế cả. Ban đầu anh cũng tưởng một anh mã phu lạ mặt nào đó đến uống rượu. Đến khi nhận ra quan Tiết chế, anh trở mặt, lú lủi không nói được gì cả. Ông ấy cười, ra dấu bảo anh đừng nói gì cả. Rồi ông ấy kéo anh ra góc vườn này. Lãng có biết quan Tiết chế hỏi anh điều gì không?

– Em chịu!

Kiên hãnh diện ngừng cao mặt lên, nói:

– Quan Tiết chế hỏi anh về phương pháp cảm thông với vạn vật. Là chưa! Không biết ai đã mách cho ông ấy biết.

Lãng tò mò hỏi:

– Rồi anh trả lời thế nào?

Kiên cười lớn, bảo em:

– Còn trả lời thế nào nữa. Anh lấy bạo giải thích một thôi một hồi. Ông ấy tỏ vẻ khâm phục anh lắm. Anh kể cặn kẽ thứ tự trước sau, từ dễ đến khó. Ông ấy hỏi anh đã đạt tới trình độ nào rồi. Nghe anh đáp, ông ấy không tin.

Lãng tò mò hỏi:

– Lâu nay em không đến đây, không biết anh đến đâu rồi?

Kiên nhìn thẳng vào mắt em, chờ dấu hiệu thán phục của Lăng:

– Anh đã qua khỏi giai đoạn cần đến một loại trung gian để cảm thông với vũ trụ. Lần đầu tiên em đến đây, anh có giải thích cho Lăng cách đạt hạnh phúc bằng phóng sanh chứ gì. Sau đó, nếu anh không lầm, thì anh đã chỉ dẫn một phương pháp cao hơn, chỉ cần đặt một viên đá lên lòng bàn tay cũng đủ hòa nhập vào cuộc sống huyền bí của vạn vật. Những phương pháp ấy dù sao chỉ là hạ sách, vì còn có một vật thể thứ ba làm môi giới giữa ta và vũ trụ. Còn có môi giới, tức là còn có bất đồng, còn có ngăn cách. Phải làm thế nào loại bỏ thứ môi giới ấy đi. Anh đã nghĩ như vậy, và đã luyện tập ghê lắm. Cuối cùng, anh thành công.

Lãng không thể chờ đợi thêm, vội hỏi:

– Anh làm cách nào? Giải thích cho em biết với!

Kiên mỉm cười với khoảng không, gần như quên mất mọi sự quanh mình. Một lúc lâu, Kiên mới quay về phía Lãng, nháy nháy cặp mắt như vừa choàng tỉnh dậy, chậm rãi nói:

– Cái cách của anh mới nghe có vẻ đơn giản lắm, đơn giản đến độ khó tin. Quan Tiết chế cũng hơi ngờ vực, tưởng anh nói đùa. Ông ấy cũng hỏi như em vừa hỏi. Anh ngồi xuống như thế này, xếp bằng thật chặt theo lối kiết già của nhà Phật. Hai bàn tay đặt ngửa lên chỗ hai đầu gối, mấy ngón tay cố gắng xòe ra hết mức như phải bợ một quả cầu lớn và nặng. Chỉ có thể thôi. Anh giải thích

đến đó thì quan Tiết chế cười, có ý châm biếm, giễu cợt. Anh phải giải thích thêm rằng đó chỉ là cái thế ngồi thuận lợi để mở đầu cuộc thử thách. Phần chính yếu là những gì tiếp theo sau đó. Ngồi theo cái thế ấy xong, em phải nhắm mắt lại, dùng tất cả ý chí để lần lượt trừ khử mọi giác quan từng làm rối loạn trí khôn của em, che mờ cái đức sáng của em. Em giải trừ lần lần của mắt, rồi đến tai, mũi, miệng. Em sẽ quên hết mọi sự, quên luôn cả thân xác mình. Tất cả sinh lực của ngũ quan bây giờ dồn hết về hai bàn tay, tức là xúc giác. Da bàn tay em sẽ căng lên, ngón tay run rẩy y như chiếc lá nhẹ run rẩy trước cơn heo may. Khắp người em sẽ nóng ran, như sắp bốc lửa. Dĩ nhiên em phải quên cả mình, vì nếu nhớ tức là chưa giải trừ được sự ràng buộc, sự rối loạn, sự mê muội. Em không biết có mình, mà chỉ biết đang có một ngọn lửa âm ỉ đang sắp

bùng lên để hòa vào khối lửa lớn đang phần phật cháy chung quanh. Đến lúc từ mười đầu ngón tay em cảm thấy tê dại như gặp băng tuyết, rồi lại thấy nóng rực như mười đầu ngọn nến, lúc đó em bắt đầu cảm thấy toàn thân nhẹ hẫng, bập bênh như một làn khói. Đúng lúc ấy là lúc em hòa nhập vào hư không, đạt đến cực điểm của hạnh phúc. Lúc tỉnh dậy, khắp người em sẽ vã mồ hôi như vừa mới xông dẫy. Em sẽ ngẩn ngơ khá lâu, vì nuối tiếc cái thế giới thần tiên vừa mất. Nhưng đừng vội, đừng tham lam. Chỉ khi nào em dứt bỏ được phiền não, xem thường được thị phi, già từ được thành kiến, lúc đó em hãy “tĩnh tọa”.

Lãng dăm dăm nhìn Kiên, lòng hơi lo âu thương xót, Kiên giống như một người mộng du, nói say mê với khoảng không, bất cần Lãng hiểu hay không hiểu.

Kiên đưa vạt áo lên lau mồ hôi trán, rồi lau thật kỹ mồ hôi rịn ướt ở lòng bàn tay, như một hiệp sĩ chăm sóc thanh kiếm quý giá của mình. Lãng nói:

– Em sợ cái lối tìm chân lý, tìm hòa đồng theo đường tắt của anh chỉ là một cách tìm ảo giác, giống như người ta nhìn vào kính vạn hoa để tìm mùa xuân. Vì hạnh phúc chân thật đâu có ở tầm thấp như vậy!

Kiên vội cãi:

– Đó, chính đó là sai lầm to lớn của mọi người, nhất là ở những kẻ tưởng mình thông minh xuất chúng. Không, hạnh phúc ở tầm thấp, thấp hơn tầm cao trung bình của mọi người. Nó ở tầm cao một đứa bé chập chững với tới được, do đó chỉ những đứa bé bắt đầu đứng được một mình là tìm được thứ hạnh phúc

trong sáng nhất, trinh nguyên nhất. Càng lớn, nó càng u mê, chỉ lo nhìn cao, nhìn xa để tìm những cái bóng hạnh phúc, trong khi cái nó tìm ở thấp lè tè ngay tầm đầu gối.

Lãng lắc đầu, nhất quyết bảo:

– Em không tin.

Kiên vẫn quả quyết:

– Rồi Lãng sẽ tin. Lãng bắt đầu men đến đầu con đường chân lý, vì nếu không, em đâu thèm đến đây thăm anh.

Lãng nhột nhạt, vì thấy Kiên có lý một phần.

✱

Trong thời gian dao động tinh thần, Lãng thường về nhà hơn trước. Ông giáo mất, cả căn nhà trên không ai ở. Mỗi lần về nhà, Lãng được thoải mái một mình trong căn phòng rộng, hơi tối nhưng luôn luôn mát mẻ ấy. Anh có cố gắng thử “tĩnh tọa” theo chỉ dẫn của Kiên, nhưng không khi nào anh đạt được cảm giác hạnh phúc đúng như Kiên tả. Cho nên sau vài lần thử thách, Lãng phải bỏ cuộc. Anh nghĩ Kiên đã tự lừa dối mình bằng cách tìm ra một ảo giác để thay thế cho khoảng không đáng sợ của cuộc đời, và ảo giác ấy tìm thấy dễ dàng trong khi thúc ép thể xác chịu đựng một tư thế bất thường nào đấy, như dăm dăm nhìn vào một vật gì, hoặc cố xòe ngón tay thật rộng... Bớt chú ý đến Kiên, Lãng mới ghi nhận được những thay đổi ở hai vợ chồng An, Lợi!

Lãng nhận thấy Lợi đã thay đổi quá nhiều sau khi tham dự cuộc tấn công vào Gia Định năm Nhâm Dần trở về. Lợi thay đổi hẳn tính nết. Từ một người ba hoa, nhanh nhẹn, Lợi trở thành một người trầm tĩnh, kín đáo. Lối ăn nói, đi đứng, lối giao thiệp đều “chững lại”, mất hết phần vô vập sôi nổi. Những người quen biết Lợi bảo nhau rằng thời gian bị ở tù đã khiến Lợi rụt rè, đa nghi hơn, do đó giữ gìn ý tứ đối với mọi người, tưởng ai cũng có thể là kẻ sẵn sàng hại mình. Họ kinh ngạc không thấy Lợi bình luận gì về cái chết của Phạm Ngạn, hoặc mừng rỡ ồn ào khi được cất nhắc lên một địa vị quan trọng chẳng kém xưa. Không ai đoán được Lợi vui hay buồn, cái gì nấp sau nụ cười hòa nhã nhưng nhạt nhẽo Lợi thường dùng để tiếp xử với bất cứ ai. Điều đó gây nhiều bất lợi cho Lợi, những tay chuyên “làm ăn” ngán ngơ không

hiếu Lợi muốn gì, đâm ra e ngại, dè dặt. Khách khứa tìm đến nhà Lợi thưa thốt dần, các tiệc rượu chè chén âm ỉ thật hiếm hoi.

Điều gì đã khiến Lợi thay đổi toàn diện như vậy?

Không có gì khó hiểu cả! Có thể tóm tắt triết lý sống của Lợi trong một câu tục ngữ gọn ghẽ: “Lệnh ông không bằng công bà”. Lợi chợt nghĩ ra điều đó một buổi tối khó ngủ ở Bến Nghé. Lợi nhớ lại câu tục ngữ, rồi đối chiếu nội dung câu đó với những thành bại của đời mình, càng ngày Lợi càng vỡ lẽ. Anh ngạc nhiên, không hiểu nổi mình. Tại sao chân lý đơn giản ấy, mãi đến nay ta mới nhớ ra? Phải rồi, lâu nay ta chỉ lấy tài miệng lưỡi để giao thiệp với bọn đàn ông, khi khen ngợi để lấy lòng họ, khi nói khích để thúc đẩy họ, khi vờ nhún nhường để

gãi đúng niềm tự cao tự đại của họ. Bọn đàn ông có bị Lợi mê hoặc, xúi giục, mua chuộc, thậm chí lừa dối đấy, nhưng so với công lao bỏ ra, Lợi thấy cuối cùng mình vẫn chịu nhiều thiệt thòi. Anh chỉ lo phần “lệnh ông”, mà quên mất “công bà”!

Nghĩ được đến đấy, Lợi quyết thay đổi kế hoạch sống. Từ nay anh thử dùng “công bà” để lấy cho được “lệnh ông”. Anh nghĩ làm như thế vừa đạt kết quả cao hơn, vừa ít tốn công phu. Từ đó, Lợi thay đổi lối sống. Anh bớt lời lại, ít nhanh nhẹn tháo vát hơn. Trước mặt mọi người, Lợi trở thành một người chín chắn, một kẻ đáng tin cậy, kín đáo, trầm tĩnh, chịu khó... Chẳng bao lâu, Lợi trở thành người tốt bụng sẵn sàng giúp đỡ cho các bà các cô từ những việc vụn vặt tầm thường nhất như tìm mua giùm một

loại chỉ thêu, một cây trâm cài tóc cho đến những điều trọng đại như chỉ dẫn mua bán một đồ trang sức, một xấp hàng Tàu. Dần dà, Lợi kéo An vào một dịch vụ lớn: làm môi giới buôn bán đồ nữ trang cho các cô các bà, vốn là những chị hàng rau chị buôn trầu nay trở thành bà Đô đốc, bà Thái úy, bà Tư khấu... Cuộc thử thách cho Lợi thấy mình đã kịp chọn con đường đúng nhất. Qua các bà, anh giải quyết được nhiều việc khó khăn nếu anh chỉ bàn cãi, xin xỏ với các ông. Công sức, của cải bỏ ra một nửa thôi, mà kết quả thu được gấp đôi gấp ba. Khám phá ấy khiến Lợi mỉm cười đắc chí một mình, y như lúc Lợi mỉm cười đắc chí vì cái chết của viên Hộ giá Phạm Ngạn!

✱

Lợi làm thân với Nguyễn Hữu Chỉnh khi vâng lệnh quan Tiết chế xuất của kho chở đến giúp đỡ cho gia đình ông Cống mọi thứ vật dụng cần thiết, từ cái mâm đồng, ống nhổ cho đến cái chén, đôi đĩa. Thật đúng với qui tắc xử thế mới của Lợi, hôm ấy anh không gặp Nguyễn Hữu Chỉnh. Ông Cống bận dự một cuộc lễ long trọng nhân dịp ông được nhà vua chính thức phong cho ông tước Đô đốc. Lợi chỉ gặp bà vợ ngài Đô đốc ở nhà. Lợi khéo cư xử đến nỗi không đầy một buổi, vợ Nguyễn Hữu Chỉnh đã đem hết chuyện vui buồn trong nhà ra kể hết cho Lợi nghe, từ nỗi khổ của bà nội trợ phải cung đốn rượu thịt cho đám khách khứa lúc nào cũng nườm nượp như ngày hội, cho đến nỗi khổ tâm ghen tuông của một người vợ có chồng quá tài tử, phong lưu. Ngoài rèm réo rất tiếng sênh tiếng phách, ở buồng trong người vợ khóc thầm. Lợi

chịu khó lắng tai nghe hết những điều tâm sự thâm kín, cho đến lúc Nguyễn Hữu Chinh trở về. Vợ Chinh vui mừng bảo chồng:

– Quý hóa quá, quan Tiết chế vừa nhờ anh đây mang sang giúp ta đủ thứ đồ đạc cần thiết. Thấy nó biết không, không thiếu thứ gì cả. Người đâu mà tử tế quá.

Chinh ngờ ngợ, không nhớ đã gặp Lợi ở đâu. Ông hỏi:

– Trông anh quen lắm. Phải, tôi có gặp anh ở đâu rồi. Anh người Đảng Ngoài phải không?

Lợi cười lắc đầu. Vợ Chinh nói:

– Thấy nó lắm rồi. Anh ấy nói tiếng Đảng Trong.

Bấy giờ Lợi mới lên tiếng:

– Ông Cống đã đoan công việc, mau quên đó thôi. Lần ông Cống mang ấn kiếm vào đây cho... cho Hoàng thượng và Tướng quân...

Nguyễn Hữu Chỉnh cướp lời Lợi:

– Tôi nhớ ra rồi. Có phải anh đấy không? Phải chính anh. Hồi đó tôi được mời dự tiệc cưới của anh. Tôi không nhận ra, vì tối hôm đó anh mặc lễ phục. Cô dâu vẫn đẹp như xưa chứ?

Lợi sung sướng đáp:

– Thưa nhà tôi đã gầy ốm đi nhiều qua mấy lần sinh khó.

Vợ Chỉnh liền hỏi:

– Ông bà đã được mấy cháu rồi?

Lợi đáp:

– Dạ mới được hai cháu.

Vợ Chỉnh hỏi tiếp:

– Hai trai cả chứ?

– Dạ không. Đứa đầu con trai. Đứa sau con gái.

Nguyễn Hữu Chỉnh bảo vợ:

– Hôm nào sắp xếp việc nhà xong xuôi, bà phải đi một vòng tạ ơn các phụ nhân. Nếu cần nhờ chị Lợi cùng đi cho tiện ăn tiện nói. Anh Lợi nhé, nhớ giúp giùm cho nhà tôi việc ấy nhé.

Lợi lễ phép đáp:

– Vâng ạ. Lúc nào cần, xin ngài cứ cho biết.

Chỉnh vội nói:

– Ấy, anh đừng gọi thế mất cả thân mật đi. Gia đình chúng tôi chạy nạn vào đây, được các anh đùm bọc, che chở, giúp đỡ từ mạng sống cho đến cây tằm cái chén, thật tôi không biết lấy gì để đền cho đủ cái ân to lớn ấy. Nói thật với anh, nếu nhà vua bảo tôi nhảy vào lửa, tôi cũng sẵn sàng. Huống chi nhà vua lại tin cậy cái tài mọn của tôi, phong cho chức Đô đốc, nhờ cải tiến lại thủy quân, góp thêm ý để chấn chỉnh lại các đạo quân bộ. Trời ơi! liệu tôi có xứng được tín nhiệm như thế không? Lòng tin ấy, biết lấy gì đền đáp cho đủ. Anh Lợi giúp cho tôi nhé. Chúng tôi phải đến lạy tạ từng ân nhân mới được. Hiện giờ anh làm việc ở đâu?

Lợi đáp:

– Dạ vẫn còn giúp việc cho quan Tiết chế đấy ạ!

– Quan Tiết chế Nguyễn Lữ à? May mắn lắm. Dĩ nhiên là sau khi lạy tạ Hoàng thượng, chúng tôi phải đến xin ra mắt quan Tiết chế. Còn Long Nhượng tướng quân? Tướng quân ở đâu?

– Dạ ở trong hoàng thành. Quan Tiết chế thích chốn thanh tịnh, nên lập biệt cung ở khoảnh đất gần bộ Hình.

– Thế à! Này, cho tôi hỏi thăm thêm một điểm nữa. Quan Hình bộ Bùi văn Nhật ưa thích thú gì nhất?

– Ngài muốn hỏi gì ạ?

Chỉnh hơi e ngại, cuối cùng cũng giải thích rõ hơn:

– Nghĩa là ông ấy có tính tình như thế nào? Ưa nhộn nhịp ca hát, chè rượu? Hoặc ưa yên tĩnh ngâm thơ ngâm phú? Hoặc thích đá gà? Hoặc thích bài bạc?

Lợi thú thực:

– Tôi xin chịu. Lâu nay tôi không chú ý xem quan Hình bộ thích gì. Chỉ biết đại khái tính quan hơi nóng nẩy.

Chỉnh liên hỏi:

– Thế thì tính tình em gái quan Hình bộ, tức là Long Nhương phu nhân, thế nào? Cũng nóng nẩy như ông anh à?

– Cái đó tôi cũng xin chịu. Chắc không phải thế đâu. Phu nhân nổi tiếng hiền thực. Lúc còn bé, nhà tôi có dạy cho phu nhân thêu thùa, và học chữ.

Nguyễn Hữu Chỉnh reo lên:

– Thật thế à! May quá. Nếu vậy hôm nào chúng tôi phải nhờ cả hai anh chị hướng dẫn cho. Gắng giúp chúng tôi nhé, anh Lợi nhé!

Lợi không còn có thể từ chối được nữa. Anh cảm thấy áy náy, gần như ảm ức, vì bị lôi kéo vào một việc anh không liệu trước, mà cũng không thể lường được hậu quả về sau. Tổ ra quá thân mật với Cống Chỉnh có lợi hay sẽ mang họa? Những câu ông ta hỏi nhằm mục đích nào? Tại sao lại hỏi riêng tính tình quan Hình bộ Bùi Văn Nhật?

Lợi rờn rợn như đang đứng gần một vực sâu thăm thẳm, lòng mất hết tự tin.

✱

Lợi đưa vợ chồng Nguyễn Hữu Chỉnh ra về xong, trở vào nhà với gương mặt hớn hởi. An bức quá, gắt:

– Sao anh lại nhận lời người ta?

Lợi không ngờ vợ cần nhẫn, ngớ ra một lúc, hỏi vợ:

– Nhận gì đâu?

– Thì anh nhận đưa vợ chồng ông ấy đến thăm ông Long Nương.

Lợi nhớ ra, cười xòa:

– Từ chối làm sao được! Vả lại chuyện đó có khó khăn gì đâu.

An gắt gỏng thêm:

– Anh muốn đi đâu thì đi, làm gì thì làm, sao lại kéo em vào.

Lợi hạ giọng năn nỉ:

– Không có em thì việc gì họ phải lặn lội đến đây!

– Vì sao vậy?

– Ý của Đô đốc Chỉnh là muốn có em đi theo, để câu chuyện với Long Nương phu nhân được tự nhiên, thân thiết hơn. Giữa đàn ông với nhau đơn giản quá rồi. Nhưng bà vợ ông Chỉnh tự nhiên đường đột đến làm quen với Long Nương phu nhân, coi sao tiện!

– Nhưng em đi theo thì được việc gì?

Lợi cười mơn, rồi nói:

– Dù sao em với phu nhân cũng là chỗ quen biết cũ. Em chẳng từng là cô giáo của phu nhân thời trước là gì!

An ngạc nhiên hỏi:

– Làm sao họ biết chuyện đó? Anh lại khoe khoang chứ gì?

Lợi chối:

– Không đâu. Ông bà ấy vào đây cả tháng rồi, việc gì họ không biết. Vả lại, em quên là hồi đám cưới chúng ta, quan Đô đốc có dự tiệc cưới hay sao?

Không muốn bàn luận dây dưa, Lợi vỗ vai vợ bảo:

– Ngày mai khoảng xế chiều, em sửa soạn sẵn đi nhé. Ăn diện cho đằm đẹp một chút. Đằng nào anh cũng đã trở thành...

An ngơ ngác hỏi:

– Anh trở thành cái gì?

Lợi đỏ mặt, giọng lắp bắp:

– Ấy, chưa có gì chắc chắn, nhưng anh tin là không có trở ngại gì đâu. Chuyện như thế này: quan Đô đốc muốn tìm một phụ tá thông thạo mọi việc ở đây.

Ông ấy mới vào, mọi sự còn bỡ ngỡ. Ông ấy muốn xin anh về làm việc với ông ấy.

An lo sợ hỏi:

– Anh đã thuận rồi à?

Lợi lại chối:

– Không. Anh đã đáp dứt khoát đầu. Anh bảo mọi sự tùy thuộc ở Hoàng thượng, nhất là tùy thuộc ở quan Tiết chế. Về làm việc với một người uyên bác từng trải như quan Đô đốc, nhất định là thích thú hơn làm đầy tớ những thằng ngu (ý Lợi muốn ám chỉ Phạm Ngạn). Gớm, cái gì ông ấy cũng biết, từ chuyện làm ăn, võ bị, văn chương cho đến cả các trò ăn chơi. Hoàng thượng mê ông ta là phải. Tiếc quá, lúc này em không lên nhà trên tiếp chuyện với quan Đô đốc. Chiều mai em sửa soạn chu tất cho nhé. Anh về là đi ngay.

An cương quyết đáp:

– Em không đi đâu cả.

Lợi trố mắt nhìn vợ, hỏi:

– Em dờ chứng gì thế?

– Em không dờ chứng. Nhưng em đã bảo không đi là không đi. Các người thậm thụt những gì với nhau, bây giờ lôi em vào chuyện trái khoáy thế này. Bao năm nay không đi lại thăm viếng, tự nhiên bây giờ vác mặt đến chị chị em em!

– Người ta có đòi em phải nói gì đâu. Bà ấy chỉ nhờ em đi kèm cho câu chuyện tự nhiên, thân mật mà thôi. Vả lại phu nhân chỉ đáng vào tuổi em út của em, em ngại gì, sợ gì!

– Em không sợ gì cả. Chỉ sợ người ta

nhìn mình như một kẻ đến ăn xin người ta thứ gì. Anh nên nhớ dù sao, cha em cũng là thầy dạy anh Huệ anh Lữ học.

Lợi mất kiên nhẫn, lớn tiếng:

– Anh đã nói hết lời mà em không chịu hiểu. Vì sao anh phải chịu khó chịu nhục, em biết không? Vì tương lai của em và các con đấy! Anh là thuộc hạ của nhà vua từ hồi đi buôn nguồn. So với nhiều người, anh còn có công gấp mấy họ. Nhà vua còn lạ gì anh! Nhưng lũ tiểu nhân ganh tị cứ tìm cách làm hại anh, bao năm nay anh cứ khom lưng vâng dạ, không ngóc đầu lên nổi. Bây giờ chỉ có cách qua giúp việc hẳn cho quan Đô đốc mới mong lập danh mà thôi. Ông ấy cần có anh, mà anh cũng cần có ông ấy. Một người từng trải khôn ngoan như vậy không bao giờ sơ suất trong cách nhìn người. Em thử nghĩ xem, tại sao

đích thân hai ông bà lặn lội đến tận Bằng Châu để thăm mình? Tại sao? Cũng như không phải vô cớ mà quan Đô đốc tỏ ra ân cần giao thiệp với quan Hình bộ và Long Nhương tướng quân!

An gần bị thuyết phục, nhưng vẫn cố cãi:

– Em không biết những chuyện rắc rối đó. Những tính toán, dò đường đó là việc của thiên hạ. Em chỉ biết nuôi con, và sống cho ra con người. Việc gì em cho là hèn kém, làm thấp phẩm giá, em nhất định không làm.

Lợi tức giận nói:

– Cái gì mà thấp phẩm giá! Giữa gia đình ta với gia đình anh Huệ, giữa em với vợ anh Huệ, có phải hoàn toàn xa lạ đâu mà giữ gìn, khách sáo. Có gì là hèn

kém! Lâu nay ta đã xin họ chút ân huệ nào đâu! Ngược lại là khác! Em xem, chỉ vì ta dè dặt thận trọng quá mà từ trước đến giờ, chỉ chịu toàn tai vạ, thiệt thòi. Anh chừng này tuổi đầu, tài trí không thua ai mà đến nay vẫn dở ông dở thằng.

An cảm động, run run nói:

– Thôi được. Mai em đi. Nhưng một lần này thôi.

Lợi mừng rỡ nói:

– Có thể chứ. Ngày mai em chịu khó trang điểm cho đẹp thật đẹp lên nhé. Anh không muốn người ta chê vợ anh quê mùa. Em biết không, hôm trước quan Đô đốc nhắc lại hôm tiệc cưới chúng ta, cứ tấm tắc khen em mãi. Em cũng nhớ mang cái vòng ngọc thạch anh mua độ nọ. Long Nhương phu nhân đang thích

vòng ngọc. Em khéo nói một chút, phu nhân không nổi chối từ đâu. Sao phụng phịu nét mặt thế? Lại dở chúng nữa rồi!

*

Khoảng nửa tháng sau, Long Nhương tướng quân gọi Lãng lên bảo:

– Vậy là cậu được thỏa ước rồi nhé! Cậu mong làm một việc gì không vấy máu. Có việc đẹp mắt cho cậu đây rồi. Sửa soạn qua nhận công việc mới đi!

Lãng lo âu, hỏi:

– Việc gì thế, thưa Tướng quân!

Nguyễn Huệ cười, cố làm ra vẻ bí mật:

– Việc này... việc này cũng có dính

máu đấy, nhưng là máu giả. Vâng, máu làm bằng phấn đấy mà! Lã Bố ghen lên đâm chết董卓 Trát, tất nhiên phải có máu chảy.

Lãng hiểu ra, vội hỏi:

– Em sắp qua bên đoàn hát tuồng của ông Mịch?

Nguyễn Huệ gật đầu:

– Phải. Hôm trước ta nói đùa cho vui, sau đó nghĩ lại thấy cũng có lý. Lãng chuyển qua bộ Lễ, lo phát triển đoàn hát có lẽ thích hợp với bản tính của Lãng hơn. Dĩ nhiên không ai bắt cậu làm đào kép. Cậu thử qua đó một thời gian, rồi tập soạn tuồng. Lâu nay đến kỳ lễ lạc cứ diễn đi diễn lại mãi mấy cái tuồng Tàu. Lãng thử soạn tuồng tích Nam xem sao. Chẳng hạn thử lấy chuyện chú Lía mà

soạn một vở tuồng, đem diễn cho dân Qui Nhơn xem, chắc họ thú lắm.

Lãng lo ngại nói:

– Chỉ sợ diễn tuồng bình dân mũ áo không sắc sỡ, lời lẽ nôm na các quan lại chê cười. Không phải ai ai cũng thích tuồng Nôm như Tướng quân.

Huệ sôi nổi đáp:

– Cần gì các quan chê khen! Vả lại các ông ấy biết gì tuồng tích mà chê khen! Ta chợt nghĩ thêm một ý nữa, là phải làm thế nào phát triển cho thật nhiều đoàn hát tuồng, để diễn cho quân sĩ và dân chúng xem. Ngay gánh hát hiện nay của ông Mịch cũng phải đưa ra khỏi cung đình. Phải cho họ lưu diễn khắp nơi, để xem dân chúng khen chê thế nào, căn cứ vào đó thêm bớt, sửa đổi cho

thật ý nghĩa, và dễ hiểu. Chứ hát toàn lời chữ Nho, có ai hiểu gì đâu. Đến lúc nào người xem thấy đào kép trên sân khấu giống mình, hoặc trải qua những cảnh ngộ như mình, lúc đó họ mới thành thật hiểu rõ giá trị vở tuồng. Chứ như hiện nay, cậu biết không, đêm hôm qua có buổi hát trong cung. Các quan lớn nhỏ ngồi ngủ gà ngủ gật, còn các bà thì nhóp nhép nhai trầu, rồi quay sang nói chuyện con cái, vàng ngọc. Trông đào kép gân cổ hát giữa cảnh bát nháo đó, thảm lắm.

Lãng thêm lo ngại, ngập ngừng một lúc, rồi đáp:

– Việc khó quá, không biết em làm được gì không?

Nguyễn Huệ cười, bảo:

– Có khó mới giao cho cậu. Bên bộ

Lễ đã thuận rồi. Chùng nào Lãng muốn sang, cứ cho ta hay. Muốn ở lại đây với ta cũng được. Thành thực mà nói, ta khó tìm được một viên Thư ký có thể hoàn toàn tin cậy như cậu. Nhưng ta theo binh nghiệp, mà cậu lại sợ cảnh máu đổ! Thật đáng tiếc. Ta đang cho cải tiến các chiến thuyền, tổ chức lại thủy quân để phải vào Gia Định lần nữa. Lãng còn thích theo ta không?

Lãng lí nhí đáp:

– Thừa Tướng quân... Thừa Tướng quân...

Nguyễn Huệ cắt lời viên Thư ký:

– Được, ta hiểu cậu muốn gì rồi. Gần đây có thêm Cống Chính, đạo thủy quân có vẻ thiện chiến hơn. Thuyền chiến cũng lớn hơn, khả dĩ chở được cả voi để

tượng binh góp mặt ở mặt trận xa. Nhiều điều ông ấy bàn có lý lắm, nhưng... À này, hôm kia An có dẫn bà Cống Chính lại thăm, cậu có biết không?

Lãng ngạc nhiên hỏi:

– Thật thế sao Tướng quân? Sao lại đi với bà vợ quan Đô đốc?

Nguyễn Huệ cười ranh mãnh:

– Cậu chưa biết à? Đô đốc đã xin Lợi về làm phụ tá cho mình. Được lắm. Hai người tính gần giống nhau, thế nào cũng làm nên sự nghiệp. Từ ngày Lợi về, chắc An vui lắm?

Lãng bần khoản không đoán nổi ý tưởng của Huệ, chỉ cười gượng không đáp. Nguyễn Huệ không muốn đi xa hơn, căn dặn Lãng:

– Lúc nào cậu muốn chuyển qua bộ Lễ, thì tin cho ta biết. Tất cả đều tùy ở Lãng.

Chương 54

Cái tin Nguyễn Hữu Chỉnh đã trốn vào Qui Nhơn cuối cùng cũng đã bay ra đất Bắc. Triều đình ở Thăng Long lấy làm lo lắng, nên treo giải thưởng lớn cho ai tìm cách dụ được Chỉnh trở về.

Một người em rể của Nguyễn Hữu Chỉnh xin nhận việc đó. Triều đình liền cấp cho y một đạo mật chỉ để y lên đường.

Thấy người em rể vất vả từ Bắc Hà vào tìm, Chỉnh biết chuyện này có nhiều phức tạp và nguy hiểm, nếu không khôn khéo xử trí chắc chắn sẽ có những hậu

quả khó lường. Thừa biết tất cả lính hầu là người của Bùi Văn Nhật, nên Chinh gọi người em rể vào căn phòng có nhiều người, hỏi lớn⁸:

– Mày lặn độn trèo đèo lội suối đến đây làm gì? Có phải định làm thuyết khách cho chúa Trịnh không? Mày coi mặt ta từ thuở lọt lòng đến giờ đã có khi nào nghe ai xui khôn xui dại đâu, mà mày dám cả gan như vậy?

Người em rể cúi đầu nín lặng, không dám thốt lời nào. Chinh lại hỏi:

– Mày ở Bắc vào đây, nhất định là rõ tình hình Bắc Hà. Hãy kể cho ta nghe. Sau khi Huy quận công bị nạn, Công chúa (vợ quận Huy, con gái chúa Trịnh Doanh) và các cậu trốn tránh đi đâu?

⁸ Tiết này lấy từ Hồi thứ tư trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí

Người ấy đáp:

– Hiện thời Công chúa bị Dương thái phi giam vào hậu cung. Hai cậu nghe tin có biến, liền chạy về quận Yên Dũng dấy quân phục thù. Cả vùng Kinh bắc chấn động. Chúa sai Trấn thủ Kinh bắc là Mãn trung hầu bày trận ở núi Ba Tầng. Các cậu sai viên Thủ lệnh Hoàng Tú làm Tiền đội tiên phong, đem quân nghênh chiến. Hoàng Tú bị tử trận, quân tan, hai cậu đã bị bắt đóng cũi đưa về kinh sư.

Nguyễn Hữu Chỉnh than:

– Thiếu niên vốn khách khí, bại là phải. Nhưng cũng là một nghĩa cử, dù bại cũng vinh. Vậy sau khi bị đưa về kinh sư, hai cậu ra sao?

– Đình nghị hai cậu đều đáng tội chết. Vì Chúa nghĩ tình anh em con

cô con cậu nên mới giảm cho một bậc. Nhưng Thái phi lại sai người bắt hai cậu phải uống thuốc độc. Có kẻ báo tin với Chúa, Chúa sai người cản lại. Tới nơi thì cậu cả đã ngấm thuốc chết rồi, cậu hai thoát nạn, hiện bị giam tại ngục của Đoài.

Chỉnh ngậm ngùi:

– Thương thay! Phá tổ thì vọt trứng. Người ta có tội tình gì mà nữ nhân tâm thế! Còn Công chúa từ khi bị giam vào hậu cung, sống chết thế nào?

– Chúa cũng nghĩ tình cô ruột, không muốn hành hạ gì cả. Nhưng vì Thái phi vẫn có hiểm cữ, nên cố tìm cách làm cho khổ cực đủ đường. Công chúa vừa hận vừa lo, thành bệnh mà chết.

Chỉnh thở dài nói:

– Công chúa chết đi là phải. Sống làm gì nữa! Còn Đặng tuyên phi?

– Từ khi ấu chúa bị truất, Thái phi sai người đi nã Tuyên phi đem đến trước mặt kẻ tội, bắt Tuyên phi phải lạy. Tuyên phi nhất định không lạy. Thái phi sai hai thị nữ kèm hai bên vúi tóc Tuyên phi đập đầu xuống đất. Tuyên phi vẫn nhất định không lạy, và không hở răng nói gì. Thái phi giận quá, đánh đập Tuyên phi một hồi, nhổ nước bọt lên đầu lên mặt, rồi truyền đem giam ở Hộ tăng đường trong vườn sau, làm tình làm tội cực kỳ khổ sở. Một hôm Tuyên phi lấy áo che mặt lén ra cửa Tuyên vũ, trốn được đến bến đò khách. Quân lính đuổi kịp bắt về. Từ đó Tuyên phi càng bị giam chặt. Về sau nghe nói có nhiều sự lạ bên lăng Thịnh Phúc (lăng Trịnh Sâm), Thái phi lo sợ phải khoan giảm cho Tuyên phi, cho

Tuyên phi qua lo chuyện thờ phụng tằm miếu. Tuyên phi được vào hầu hạ lăng tẩm, đêm ngày gào khóc, xin được chết theo tiên vương. Đến ngày đại tường tiên vương, Tuyên phi bèn uống thuốc độc tự vận. Chúa sai quan trấn Thanh hoa theo lễ cung nhân, táng ở nơi cách vọng lăng tiên vương một dặm.

Nguyễn Hữu Chỉnh khen:

– Chết như vậy được đấy. Ta tưởng Tuyên phi chỉ có nhan sắc, không ngờ lại có cả tiết liệt. Sau đó chuyện báo ơn báo oán còn gì khác không?

– Chúa được lập hôm trước, thì hôm sau hạ chiếu bao dung tất cả mọi người. Riêng kẻ đứng ra tố cáo việc năm Canh tý thì không được tha. Mấy người đó lần lượt bị bắt và bị khép tội hết thảy. Riêng Ngô Thì Nhậm không biết đã trốn đi

đăng nào. Còn những người phải chết vì vụ án Canh tý đều được truy tặng tước vương, có lập đàn siêu độ, giải oan cho họ.

Chỉnh lặc đầu nói:

– Giết kẻ vâng lệnh cha mình ở triều, lại rêu rao tội lỗi của cha mình cho khắp nước rõ, cả hai việc đều là đại bất hiếu. Hiện giờ ngoài đó ai làm Tham tụng, ai làm Bồi tụng?

Người em rể đáp:

– Chúa vừa được lập, thì Tú xuyên hầu bị bãi chức ngay. Quan Bồi tụng Bùi Huy Bích được thay và làm Kế liệt hầu. Hiện nay một mình Kế liệt hầu giữ ngôi Tham tụng. Bọn Trương Đăng Quỳ, Mai Thế Uông, Nguyễn Công Thước thay nhau lãnh chức Bồi tụng. Đó là những

bạc tai mắt cầm quyền chính sự hiện thời.

– Từ đó đến nay, có điềm lành điềm gở gì không?

– Không có điềm lành, còn điềm gở thì nhiều lắm. Ngày rằm tháng Một Nhâm dần, giữa trời bỗng phát một tiếng nổ rất to và kéo dài non khắc, rung chuyển cả mặt đất. Không biết là tiếng gì.

– Việc ấy ta có biết. Có lẽ là tiếng trống trời!

– Năm Quý mão (1783), núi vua Hùng tự nhiên sụt xuống hơn hai mươi thước. Tháng Sáu, sông Thiên đức cạn hẳn một ngày một đêm. Đây là những chuyện lớn ai cũng biết. Còn điềm gở nhỏ thì vô kể.

Nguyễn Hữu Chỉnh tắc lưỡi mấy cái, rồi hỏi tiếp:

– Bọn lính Tam phủ còn tác oai tác quái nữa không?

– Vẫn thế. Hằng ngày chúng nó tụ họp nhau lại bàn chuyện triều đình. Cãi nhau chán, chúng nó còn viết giấy đưa vào triều báo việc này phải thay, việc kia nên giữ. Nhiều điều thật vô lý chúng nó cũng cứ đòi cho được. Ai nói gì động đến chúng là chúng dọa phá nhà. Chúng lập Chúa, rồi lại lập Hoàng tự tôn, phá nhà Nguyễn Khảm, giết Chiêm vũ hầu, ôi thôi Kinh sư bây giờ bát nháo như cái tổ ong sắp vỡ.

Chỉnh nghiêm sắc mặt hỏi:

– Nước đã loạn như thế, còn gì đáng giá nữa đâu mà không bỏ đi. Mà mất

công lặn lội vào đây làm gì!

Nói thế, nhưng Nguyễn Hữu Chỉnh vẫn sai nhà bếp làm rượu thịt ăn cần thiết đãi người em rể.

Sau khi người ấy no say, Chỉnh trở lại lớn tiếng căn vặn anh ta vào Qui Nhơn làm gì.

Người em rể thực tình thú nhận:

– Đường trung hầu thấy tôi với anh có tình bà con, mới tâu lên Chúa xin giáng chỉ sai tôi vào đây khuyên anh về triều. Chúa hứa sẽ không để cho anh thiệt thòi phú quý đâu!

Hắn đưa tay vào bọc định tìm mật chỉ, nhưng Chỉnh đã cười lớn bảo:

– Mày là kẻ ngu, ta không chấp làm gì. Nhưng ta trách cái đứa sai mày vào

đây đã dám khinh ta. Vì vậy ta phải giết mày. Nếu oan, mày xuống âm phủ mà kiện cái thằng đã sai mày đó.

Rồi Chỉnh truyền lệnh thủ hạ lôi ngay người em rể ra chém.

✱

Chờ cho quan Hình bộ Bùi Văn Nhật tàu trình tử tử chuyện Chỉnh xong, vua Thái Đức mới thông thả nói:

– Ta cũng được quan đô đốc tàu đây đủ vụ này. Hắn tàu còn kỹ càng hơn cả anh nữa. Máy tên lính dốt của anh nghe tiếng được tiếng mất. Thật chán. Đường trung hầu Bùi Thế Toại nghe ra thành Đàng Trong hầu. Đàng Trong hầu là thế nào? Có cái tước nào lại nô nôm na như vậy, nhất là ở chốn văn vật như Bắc Hà! Nội

mấy chữ ấy không thôi đã đủ chứng tỏ chúng chẳng được việc gì!

Quan Hình bộ vừa then vừa uất vì thái độ khác thường của nhà vua, tìm cách chống chế:

– Tâu Hoàng thượng, chúng là lính hầu nên không thể hiểu hết chữ nghĩa được. Vả lại, những điều chúng trình lại đều đáng tin. Nhất là tình hình Bắc Hà, và các lời đối đáp giữa quan Đô đốc và sứ giả.

Nhà vua chau mày nói:

– Tình hình Bắc Hà thì không có chúng ta cũng biết, và còn biết rõ, biết đúng hơn anh nữa. Còn các lời đối đáp, cũng thế. Quan Đô đốc nộp cả tờ mật chỉ cho ta. Anh có muốn xem không? Rõ ràng hẳn một dạ trung thành với ta, khô-

ng có gì phải ngờ. Anh cho rút bớt tụi lính hầu của anh cho làm việc khác thì hơn!

Quan Hình bộ vội thưa:

– Tàu Hoàng thượng, những hành động đó không chứng tỏ hãn trung thành. Ngược lại, hãn vẫn là kẻ giả dối, gian manh.

Vua Thái Đức trừng mắt, giọng hơi xẵng:

– Anh nói cái gì thế?

Bùi Văn Nhật không e sợ nữa, bạo dạn đáp:

– Bởi vì hãn không hành động đúng với thường tình. Hãn nữ giết em rể hãn không một chút xót thương bản khoản. Ruột thịt mà hãn còn dám thế thì những

kẻ xa lạ như chúng ta, khi hấn cần phản bội, hấn sẽ cạy tàu ráo máng đến bậc nào! Vả lại, hấn đâu có được quyền muốn chém ai thì chém. Tuy sứ giả là người nhà của hấn, nhưng vào đây, tất nhiên phải thuộc quyền của Hoàng thượng. Hấn vội chém chết sứ giả, chắc chắn bên trong còn có nhiều sự mờ ám. Hấn muốn diệt khẩu để tránh hậu hoạn. Hấn...

Vua Thái Đức cắt lời quan Hình bộ:

– Đầu óc anh méo mó lắm rồi, anh Nhật. Nhìn đâu anh cũng thấy toàn kẻ thù. Cái gì cũng là âm mưu xảo trá. Người ta dứt khoát cả tình cốt nhục để tỏ dạ trung thành, mà anh còn ngờ thì phải làm gì nữa cho anh tin. Chẳng lẽ phải tự mổ ruột moi ra cho anh đo từng khúc?

Bùi Văn Nhật thấy dù có nói gì thêm

cũng vô ích, nên cúi đầu im lặng. Nhà vua quan sát thái độ quan Hình bộ, điệu động nói:

– Vả lại, anh chỉ thấy một, chưa thấy cả bốn phía. Cho dù hấn giả dối, muốn giết em rể để tỏ dạ trung thành, thì nội hành động đó không thôi cũng đủ buộc hấn phải sống chết níu lấy áo ta. Anh đã lấy lời cung của bọn Đỗ Nhân Trập và Hộ bộ Bá rồi chứ gì? Đấy, anh xem. Lâu nay ta mạnh dạn tin dùng bọn hàng tướng là vì vậy. Nghe tụi tàn quân của thằng Chúng kéo đến, Hộ bộ Bá sợ hãi xin rút. Trập thì quyết đánh. Hấn có dám mạnh dạn rút lui như Bá đâu. Hấn ở vào cái thế một mất một còn với tên Chúng, nên đâu dám làm bất cứ việc gì khiến ta ngờ vực. Nguyễn Hữu Chỉnh cũng vậy. Cứ để cho hấn làm thật em rể hấn. Tin này bay ra Bắc Hà, sĩ phu ngoài đó sẽ phỉ

nhỏ hần. Tự hần chặt đứt cầu qua sông Gianh rồi. Hần không còn đường về, chỉ còn một đường là cút cung tận tụy với ta. Hà hà, hần tưởng khôn mà hóa dại. Anh đã thấy chưa?

ùi Văn Nhật vẫn còn hoang mang, nói:

– Nhưng vào đây chưa bao lâu, hần đã làm xáo động khắp nơi. Chuyện gì hần cũng chỗ mồm vào. Hần đem chuyện Bắc Hà ra lòe mọi người, từ nghi thức lễ lạc cho đến chuyện binh nhung.

Nhà vua dựa ngựa lên lưng trường kỷ, gác cả hai chân lên cái bàn thấp gỗ gụ chạm trổ công phu, cười to, rồi bảo Nhật:

– Việc này thì các anh không được tự ái. Phải nhận cách tổ chức ở khắp các

bộ đều luộm thuộm quá. Các anh cứ rề rà mãi, đến nỗi bụi bặm meo mốc phủ dày cả đồng giấy tờ. Hắn chen vào xốc lên là phải. Các anh có sặc sụa hắt hơi vì mốc vì bụi không phải lỗi hắn xông xáo, mà vì lỗi các anh. Chẳng hạn hiện nay bộ Hình của anh có bao nhiêu người?

Bùi Văn Nhật rụt rè đáp:

– Tàu Hoàng thượng, khoảng vài chục người.

Vua Thái Đức vội hỏi:

– Bao nhiêu?

– Dạ khoảng... dạ chừng lối...

– Sao lại “khoảng” với “chừng lối”? Anh phải nắm chắc con số thuộc hạ của anh chứ! Phải dứt khoát 28 hoặc 39.

Bùi Văn Nhật cố gắng biện hộ cho mình:

– Tàu Hoàng thượng, vì có một số người được đưa qua làm ở khắp các nơi, nên không tính đúng được.

Vua Thái Đức cười to, nói tiếp:

– Thì ta cho anh tính luôn số đó. Bao nhiêu tất cả?

– Dạ khoảng 80.

– Lại “khoảng chừng”. Đấy, chính anh làm hình bộ mà không nắm chắc số thuộc hạ của mình, hỏi làm sao các đơn thừa kiện, các vụ tranh tụng không chồng chất lưu cữu thành đống được. Bộ nào cũng đẩy cả người mà việc không chạy. Hắn xông vào là phải.

Bùi Văn Nhật không nói gì nữa, nhưng nét mặt dầu dầu. Nhà vua thấy thế, dịu lời bảo:

– Anh phải nhìn cho rộng hơn mới được. Anh cũng phải nhớ rằng ta biết hết mọi điều. Hắn không thể giấu diếm ta được. Còn đối với anh, lòng ta thế nào, anh biết rồi.

✱

Quan Hình bộ vừa cáo từ, vua Thái Đức đã vội vã lên kiệu đến bàn doanh của Long Nhương Tướng quân. Cả quan Tiết chế Nguyễn Lữ lẫn Long Nhương Tướng quân Nguyễn Huệ đã có mặt ở đó từ lâu, và đang nóng ruột chờ đợi nhà vua.

Sau khi đưa mắt ra hiệu cho lính hầu khép cửa phòng lại, nhà vua cười hỏi hai em:

– Mấy chú chờ có lâu không?

Nguyễn Lữ đáp:

– Hai em cũng vừa đến đây thôi.

Vua Thái Đức lau mồ hôi trán, và nói:

– Ông Nhật dài dòng quá! Biết các chú đợi nhưng không thể dứt ra đi được. Thế nào, mọi sự chuẩn bị xong rồi chứ?

Nguyễn Huệ hỏi nhà vua:

– Dạ có nên cho các tướng dự họp luôn không ạ?

Nhà vua hỏi:

– Chuyến này gồm những ai?

Nguyễn Huệ đáp:

– Dạ có Phò mã Trương Văn Đa, Tư khấu Nguyễn Văn Kim, Đô đốc Lê Văn Kế, tướng Phan Tiến Thận...

Nhà vua cắt lời em:

– Thôi được. Khởi cần gọi họ tới. Ta bàn những điểm chính với hai chú. Những chuyện lật vạt, chi tiết, hai chú bảo cho họ biết sau. Đã nắm được tình hình Gia Định chưa?

Tiết chế Nguyễn Lữ đáp:

– Dạ thưa, đã nắm rõ.

Nhà vua cười hỏi:

– Tụi Đỗ Nhàn Trập, Hộ bộ Bá chạy dài về đây, chúng nó lại được dịp tung hoành. Lại mộ binh, đắp lũy, đóng thuyền chờ chúng ta vào chứ gì?

Nguyễn Lữ đáp:

– Dạ. Hẳn đắp lũy kiên cố ở hai bên sông. Lại bắc thêm một cây cầu nối hai bờ để dễ tiếp ứng cho nhau. Tin cuối cùng báo về cho biết tên Chung chưa yên tâm, nên cho làm một bè nửa thật lớn giăng ngang qua sông, chờ thuyền ta tới sẽ dùng kế hỏa công mà đốt thuyền.

Nhà vua cười lớn, trề môi nói:

– Thằng con nít ranh này thật lớn mật. Kế hỏa công? Chú Tám, năm trước gió thổi từ cửa Cần Giờ về phía Bến Nghé đấy chú?

Nguyễn Huệ đáp:

– Dạ đúng như vậy.

– Chú nhớ điều đó. Nếu các chú khéo chọn ngày gió thuận thì cái bè nửa

hỏa công lợi hại kia sẽ là tai họa cho bọn thằng Chúng. Lửa sẽ thổi tạt về hướng chúng nó, đốt cho chúng không còn một sợi râu để vuốt. Chuyển này các chú xếp đặt thế nào để khi tiến vào cửa Cần Giờ, gió phải thuận như năm trước. Còn kế hoạch tiến công thế nào?

Nguyễn Huệ trải tấm bản đồ ra trước mặt hai anh, dùng ngón trỏ tay phải chỉ dẫn và giải thích:

– Hiện chúng đắp lũy ở hai bờ sông, đoạn này. Bè nửa hỏa công của chúng có lẽ cũng giăng ở khúc có lũy. Ta sẽ dồn lực lượng đánh ào ào, thật gấp thật mạnh cho chúng không có thì giờ vuốt mồ hôi. Bờ bắc có đạo quân của Tư khẩu Lê Văn Kim, bờ nam có đạo quân của Đô đốc Lê Văn Kế. Trung quân thì có Phò mã Trương Văn Đa làm mũi tiên phong. Đạo thủy quân của chúng ta năm nay

mạnh hơn năm trước nhiều, trong khi tên Chúng đã mất hết các tàu chiến Tây dương. Nhất định chỉ một trận thôi ta đã thủ thắng.

Vua Thái Đức gật gù, rồi bảo:

– Ta tin ở hai chú. Vì thế ta từ chối không cho Đô đốc Chính dự trận này.

Tiết chế Nguyễn Lữ cau mặt hỏi:

– Ông ta có xin tham trận ư?

Nhà vua không ngạc nhiên trước câu hỏi thẳng thốt của em, bình tĩnh hỏi lại:

– Sao chú hỏi thế? Cho hấn dự trận cho quen địa thế miền Nam, đâu có gì bất lợi?

Nguyễn Lữ vội nói:

– Ý em không muốn nói thế. Em ngạc

nhiên không hiểu tại sao đâu đâu cũng có hản xen vào. Hản lại lôi kéo thằng Lợi về bên ấy, báo hại...

Vua Thái Đức cười ồn ào, châm chọc em:

– Báo hại thế nào? Bộ chú như thế mà không làm nổi việc đến nổi thiếu đi một người phụ tá, đã quính lên hay sao?

– Dạ không phải thế. Nhưng nhờ có Lợi mà hản biết đủ thứ việc. Ngay như việc tiếp lương...

Nhà vua ngắt lời Lũ:

– Thôi chuyện đó về sau hãy bàn. Trước mắt là chuyện tấn công Gia Định. Các chú đã biết mục đích chuyến này rồi chứ gì?

Nguyễn Huệ hỏi:

– Xong xuôi ta lại rút về, rồi cho vài nghìn quân ở lại giữ thành vài tháng, chờ ta vào lại năm sau, phải không ạ?

Nhà vua lại cười:

– Chú mày nói kháy ta, ta biết. Không. Lần này ta phải nhử cho hết cỏ. Nếu cần các chú ở lại trong đó cho đến lúc nào không còn sót một chút rễ non, mới được về. Trước khi về, phải xếp đặt các đồn, các trạm, cử người có năng lực trấn thủ. Riêng Gia Định thì giao cho thằng Đa, được rồi. Ta hạn cho các chú sáu tháng phải làm xong. Tháng Hai bắt đầu vào. Tháng Tám trở về, liệu kịp không?

Nguyễn Lữ lo lắng, không dám trả lời.
Nguyễn Huệ đáp:

– Không cần nhiều tháng như vậy. Tội em sẽ về sớm hơn.

Nhà vua dặn thêm:

– Các chú phải để tâm đến mặt Long Xuyên. Nguyễn Hóa tính năng nổ, giao cho hẳn lo phía đó. Tăng cường thêm cho hẳn Phó chiến Mỹ để tuần tra mặt biển. Chúng nó thường đi về đường nào, lúc biển chui rúc ẩn nấp xó biển hốc đảo nào, các chú đã biết cả rồi, ta khỏi cần phải nhắc. Phải lanh như con chim cắt mới hòng nhử hết được rế.

Nguyễn Lữ cầu nhàu một mình:

– Cái gì hẳn cũng chõ mồm vào. Kể cả việc thuế khóa...

Vua Thái Đức kinh ngạc hỏi:

– Chú lầu bầu gì thế?

Nguyễn Lữ giật mình, lí nhí chối:

– Không, em có nói gì đâu.

Vua Thái Đức không bằng lòng, gằn giọng:

– Có. Chú có điều gì bất bình, cứ nói đi.

Quan Tiết chế không thể chối từ được, nên đáp:

– Em thấy hấn thóc mách quá lắm. Nguyễn Hữu Chỉnh đó, thưa anh. Bên bộ Hộ, Chỉnh chê các sắc thuế của ta nào không được rõ ràng, qui củ, nhiều kẻ hở, nào mù mờ khiến các quan địa phương dễ dàng lợi dụng để vơ vét dân đen.

Vua Thái Đức vội hỏi:

– Hấn nói như vậy lúc nào? ở đâu?

Nguyễn Lữ đáp:

– Hấn bảo với thằng Lợi như vậy. Vì

trước khi cho Lợi qua bên đó, em đã có dặn...

Vua Thái Đức lắc đầu chậm chậm ra dáng chán nản trách móc:

– Tưởng hăn xông xộc vào bộ Hộ, hạch hỏi mọi người, chê bai bừa bãi! Đảng này hăn chỉ nói chuyện phiếm với người dưới quyền! Chú thắt mắc như thế thì không bao giờ yên tâm làm được việc gì! Vả lại, chú nghĩ mà xem, hăn chê bai như vậy đúng hay sai? Đúng quá đi chứ! Thuế má chỗ này khác chỗ kia, quan dưới tùy tiện thu theo ý mình, tất nhiên phải có dịp nặng tay với kẻ ghét, nhẹ tay với người thương, thậm chí làm ngo cho bọn dân lậu chịu lo lót tiền bạc, biếu xén của cải. Luật lệ không rõ dễ sinh tệ, mà không rõ vì mình dốt. Phải thành thật nhận ra cái dốt của mình để học cái hay

của thiên hạ. Hẳn ở xứ văn vật, lâu đời đã có trật tự trên dưới, luật lệ rõ ràng, ý của hần khen chê không phải không đáng nghe.

Giống y như Bùi Văn Nhật, quan Tiết chế lại cúi đầu im lặng, nét mặt dàu dàu. Nhà vua quay sang hỏi Nguyễn Huệ:

– Ý chú Tám thế nào?

Nguyễn Huệ chưa muốn trả lời ngay, tìm cách hoãn binh:

– Anh hỏi em gì ạ?

Vua Thái Đức mỉm cười, đọc được cả gan ruột của cậu em út:

– Ta hỏi chú nghĩ gì về quan Đô đốc Chỉnh? Mấy tháng nay, những ý kiến của hần về thủy binh, về kế sách, về tổ chức quân bị, chú nghe có lọt được tai không?

Nguyễn Huệ gật đầu, chậm rãi đáp:

– Ông ấy am tường việc binh lắm. Nhất là thủy chiến. Bản vẽ loại thuyền tải cỡ lớn có thể chở được voi, cũng như cách đưa voi lên thuyền xuống thuyền của ông ấy thật tỉ mỉ và hợp lý. Loại thuyền nhẹ dùng để nghi binh, cũng lạ. Dĩ nhiên những gì ông ấy nói chưa hoàn toàn phù hợp với địa thế kinh rạch miền Nam, nhưng với xứ Bắc, có lẽ phải theo đề xuất của ông ta. Nhà vua gật gù ra vẻ bằng lòng, hỏi tiếp:

– Thế chuyến này có nên cho hãn vào Gia Định không? Cho hãn tham trận để rút kinh nghiệm.

Nguyễn Huệ vội nói:

– Dù có cho ông ta đi cũng không ích gì. Ông ta gửi thân ở đây, mà lòng

cứ đau đầu hướng về phương Bắc. Giá ta mang quân tiến ra Bắc Hà thì ông ta không thể thiếu mặt. Cho nên...

Vua Thái Đức thích thú quá, đập tay lên kỹ, reo:

– Chú khá lắm. Nhìn được như vậy là hiểu rõ tâm can con người ta. Phải. Hẩn hữu dụng vào việc khác. Không phải việc này. Hai chú gọi các tướng đến bàn cho kỹ, rồi ta định ngày xuất quân. Ta hy vọng đây là trận chót, sau đó khỏi phải nghe tâu trình gì về đám giặc cỏ Gia Định nữa!

*

Tháng Giêng năm Quý mao (1783), sau khi suy nghĩ chín chắn, Lãng chính thức xin Long Nhương Tướng quân cho

thuyên chuyển về giáo phường (tức là ban ca kịch) của bộ Lễ. Nguyễn Huệ hơi buồn, nhưng hiểu được tâm trạng, tính tình viên Thư ký (mà từ lâu ông xem như một người em ruột thịt yếu đuối đáng được chiều chuộng bảo bọc), ông vui mừng cho Lãng chuyển ngành.

Nguyễn Huệ chỉ hơi tiếc, khi bảo:

– Còn không lâu nữa quân ta lại vào Nam. Hai lần trước có Lãng, có người để nói chuyện bình thường, kể cũng vui. Lần này thì...

Huệ ngẫm nghĩ lung lăm, mắt nhìn vào khoảng không. Một lúc sau, ông tiếp:

– Làm tướng cầm quân, không thể không nghiêm khắc, đôi lúc phải tỏ ra lạnh lùng. Có như thế mới có trên dưới, quân lệnh mới được tuân hành. Nhưng là

người, ai không cần đến những lúc được sống thoải mái, buồn vui bình thường, ăn nói bình thường. Được buông thả, khỏi phải đánh mặt, nhú mày, mím môi, gồng vai, lớn tiếng. Thiếu Lãng, ta thiếu những cái thú buông thả ấy. Lãng hiểu ta nói gì không?

Lãng cảm động, run giọng đáp:

– Em hiểu. Nhưng...

Nguyễn Huệ vội nói:

– Ta chỉ nói thế cho cậu yên tâm thôi. Cậu muốn nói gì, ta hiểu trước cả. Cậu không chịu được cảnh máu đổ chứ gì! Được, qua bên giáo phường, cậu sẽ mặc sức vui với cảnh xiêm y rực rỡ, mũ áo lóng lánh, kếp hay đào đẹp. Ta ghen với cậu đấy!

Hai người cùng ồ lên cười. Nguyễn Huệ hỏi:

– Lãng nhớ hôm trước ta dặn những gì rồi chứ?

Lãng đáp:

– Dạ nhớ. Nhưng... càng nghĩ càng thấy khó. Đưa giáo phường ra khỏi vùng cung đình, đưa lên sân khấu những khuôn mặt như chàng Lía ở truông Mây, khó quá. Khó chẳng khác nào muốn xoay chuyển cả một thói quen, nếp nghĩ.

Huệ cười, bảo:

– Đã đành là khó. Xoay chuyển thói quen, nếp nghĩ? Đúng, nếu cứ xưa bày nay làm thì việc gì cần ai! Vả lại, ông Mịch được lắm. Nhiều lần ta nói chuyện với ông ấy, thấy có nhiều ý lạ. Chẳng hạn ông ấy cũng nghĩ lời hát nhiều chữ Hán

không ai hiểu, nhiều người gật gù chỉ là giả vờ sợ chê dốt. Ông ta cũng bảo anh hề rất quan trọng, không phải ai cũng sắm vai đó được. Lời anh hề phần lớn là lời Nôm, hoặc nhại lời văn hoa để pha trò. Nhưng nghĩ cho thắm thì không có vai nào độc địa, thâm thúy cho bằng lời bông lơn của anh hề. Ý lạ đấy chứ!

Lãng thiếu tự tin, chỉ dè dặt đáp:

– Vâng. Lạ lắm!

Nguyễn Huệ lại bảo:

– À, cậu nghe ông Cống Chính hát theo lối Bắc Hà chưa?

Lãng đáp:

– Chưa ạ!

– Về điểm này, ta phải nhận mình là dân núi, văn hiến chưa bằng được Bắc

Hà. Hôm... hôm đám cưới An, ta có nghe ông ấy hát một bài lạ lắm. Hình như bài “Trèo lên cây gạo” thì phải. Điệu đã lạ, lời lại nhã. Nhịp phách cũng khác đây nhiều. Ông ấy là dân phong lưu, ăn chơi có tiếng ở Bắc Hà, tất nhiên phải giỏi phải thạo chuyện xướng ca. Cậu phải tập cho biết mới được.

Lãng lo ngại đáp:

– Không biết em có làm được cơm cháo gì không?

Huệ bức dọc hỏi:

– Sao lại có cái giọng đó? Cái gì ta muốn, là phải làm cho được. Cậu muốn theo giáo phường, thì phải học hỏi, rồi dần dà tập viết tuồng cho người ta diễn. Nếu muốn mang râu đội mũ làm kép thì cũng phải tập công phu lắm. Ông Mịch

không phải là người xa lạ. Cậu cứ mạnh dạn, kiên nhẫn học hỏi đi. Nếu được, cố học để viết tuồng chàng Lía cho quân lính xem. Họ sẽ thú lắm.

Thấy tên lính hầu cứ thập thò ở cửa, Nguyễn Huệ hỏi:

– Cái gì đó?

Tên lính hầu vào thưa:

– Trình Tướng quân, có Phò mã Trương Văn Đa xin vào hầu.

Lãng vội vàng xin phép được ra về. Nguyễn Huệ không giữ lại, chỉ căn dặn:

– Ráng lên nhé. Có cần giúp việc gì, cứ qua đây. Đừng ngại. Này, cho mời Phò mã vào.

Chương 55

Một buổi chiều tháng Mười năm Giáp thìn (1784), Đô đốc Nguyễn Hữu Chỉnh ngồi nói chuyện với Lợi, quên cả thời gian. Họ ít được cơ hội thông thả nói chuyện chân thành và thoải mái với nhau như chiều hôm ấy. Và lại, câu chuyện cũng hấp dẫn họ. Họ bàn luận với nhau về chiến thắng của Tây Sơn tại Gia Định năm ngoái (Quý mão 1783). Họ không hiểu hết nguyên do của chiến thắng thần tốc đó, nên người này hỏi người kia, cuối cùng cả hai không

thể thoát khỏi trạng thái hoang mang, bán tin bán nghi.

Nguyễn Hữu Chinh bảo Lợi:

– Tôi theo võ nghiệp lâu ngày, tôi biết ít khi trận thế lại diễn ra đúng với kế hoạch. Tuy không được dự bàn, nhưng tôi có nghe kể lại cách các ngài bàn kế đánh Gia Định. Sao lại có thể tự tin như thế được. Các ngài làm như thủy triều và gió thổi luôn luôn tuân lệnh các ngài. Cứ dồn toàn lực lượng đánh thốc vào quân phòng thủ ở bờ nam lẫn bờ bắc, còn gió trời sẽ thổi ngược lửa hỏa công về phía địch. Làm như quân Gia Định không thấy được hướng gió thổi, và chúng không làm gì cả để phòng ngự. Nhưng sau đó, mọi sự diễn y như vậy: lửa bè tre quay sang đốt cháy thuyền Nguyễn Ánh, cầu phao bị chặt đứt, quân tướng

tan tác. Công phu chuẩn bị cự địch bao nhiêu tháng, tan tành trong phút chốc. Nguyễn Ánh chạy trốn, bị truy lùng ráo riết, thuộc hạ trôi giạt tứ phía. Vì sao mọi sự diễn ra đơn giản như vậy? Các ngài thuận lòng Trời ư? Hợp lòng người ư? Tôi không tin!

Lợi đáp:

– Có thể là do tài cầm quân của ông Long Nhương. Vẫn bấy nhiêu lính ấy, thuyền ấy, nhưng khi ông ta cầm quân thì thủ thắng, khi giao lại quân cho kẻ khác thì Nguyễn Ánh lại mon men kéo về. Từ trước đến nay, biết bao lần như thế rồi!

Nguyễn Hữu Chỉnh lắc đầu:

– Tướng giỏi thì quân thế thêm hăng. Nhưng bảo thắng vì tướng là không

đúng. Binh thư thường nhắc đến thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Thiên thời là cái gì mông lung, tôi nghĩ chẳng qua chỉ là tiếng đầu môi chót lưỡi của kẻ thắng để khoa trương thanh thế. Địa lợi thì thường do bên thủ thành nắm giữ, vì họ có thì giờ chuẩn bị chiến trường. Rốt lại, quan trọng hơn hết là nhân hòa. Anh có thấy lòng quân khắp khởi mỗi lần xông trận hay không?

Lợi đáp khỏi cần suy nghĩ:

– Lúc nào cũng vậy. Toàn quân hăm hở, liều lĩnh xông tới, không sợ cả cái chết.

– Vì sao vậy? Lợi thú thật:

– Tôi không hiểu!

Nguyễn Hữu Chinh nói:

– Tôi cũng không hiểu. Tôi đã ở dưới trướng quận Việp thật lâu (Việp quân công Hoàng Ngũ Phúc). So sánh quân Tây Sơn với quân của Việp quân công, thì quân quận Việp hơn hẳn về oai vệ, trật tự, khuôn phép, chế độ... Có thể quân Tây Sơn mạnh mẽ, can đảm như anh nói thật. Nhưng họ không có uy vũ, không có phong thái ngang tàng đường bộ. Quân áo luộm thuộm, có gì mặc đấy. Kể cả tướng cũng xuề xòa như vừa mới bỏ cái đòn gánh quẩy trâu hoặc cái dầm chèo, để cầm vội thanh gươm lệnh. Nhìn qua bề ngoài, khó ai tin đây là một đạo quân bách chiến bách thắng. Thế mà... tôi chịu, không thể hiểu! Hoặc bên trong các ngài có cách khống chế ngầm họ, như đe dọa mạng sống vợ con, hoặc hứa hẹn tiền bạc?

Lợi mau mắn đáp:

– Không có. Nhất định không bao giờ có chuyện ấy.

– Thế mỗi lần trở về, họ được chia chác nhiều không?

– Ngài vào đây đã hai năm rồi, chắc ngài rõ như tôi. Lệnh trên đòi tòng quân thì họ đi. Không cần nữa thì họ về cày ruộng. Họ giống như tất cả mọi người. Cũng có tinh binh đấy, nhưng số đông vẫn là các tàm binh đánh giặc theo mùa, giống y như một lối làm ăn khi rồi rã việc đồng áng.

– Vậy thì làm sao đạo quân ô hợp ấy mạnh mẽ được? Cả đời chỉ lo việc binh mà đánh nhau còn quờ quạng, huống chi là đánh giặc theo mùa. Anh không nói đùa đấy chứ?

– Không ạ! Sự thực là thế.

– Tôi không tin.

– Nhiều người cho đến nay vẫn hồ nghi như ngài. Họ không tin đám giặc cò ở nơi mán mọi này làm được việc gì, ngoài việc phá nhà cướp của. Lần lượt từng người đều trở mắt kinh ngạc. Đám giặc cò đó xô ngã cả một triều đại trong vòng mấy năm. Sau cuộc chinh nam tôi nghĩ sẽ tới phạt bắc.

Nguyễn Hữu Chỉnh im lặng hồi lâu, vì mãi suy nghĩ nên nét mặt bần thần. Một lúc sau, Chỉnh nói:

– Có lẽ thế. Ông Quế Đường (Lê Quý Đôn) thật là người trông xa biết rộng. Ông ấy đoán Tây Sơn là đất thiên tử, không thể coi thường được. Ông ấy nói đúng. Sự thực rành rành ra đấy, nhưng tôi vẫn chưa hiểu hết. Sức mạnh của các ngài ở đâu? Ở cái dạ dày ư? Dạ dày của các ngài

không đầy hơn dân Bắc Hà hoặc dân Gia Định. Ở trí nào ư? Khó lòng kiếm cho ra một ông đồ ở các làng quanh đây, chứ đừng nói đến các ông nghè, ông cống! Ở đâu? Ở đâu?

Lợi thú nhận:

– Ngài học rộng biết nhiều hơn tôi mà còn chưa đáp được, làm sao tôi biết mà trả lời. Ngài thử hỏi ông Long Nhương xem sao! Có thể ông ấy biết, vì chính ông ấy cầm quân!

Nguyễn Hữu Chinh vội hỏi:

– Anh quen ông Long Nhương thế nào? Từ bao giờ?

Lợi hãnh diện đáp:

– Từ hồi ông ấy chưa biết búi tóc.

Nguyễn Hữu Chinh mừng rỡ nói:

– Thế à? Thảo nào việc gì anh cũng biết. Nhưng giữa quan Tiết chế và ông Long Nhương, anh thân với ai hơn?

Lợi dè dặt phân vân, cuối cùng đáp liêu:

– Tôi thân với ông Long Nhương hơn.

Nguyễn Hữu Chỉnh vội hỏi:

– Có phải trước kia, giữa bà nhà với ông Long Nhương... Xin lỗi, tôi nói không được khéo, nhưng giữa anh với tôi, không nên khách sáo đả bôi làm gì. Ý tôi muốn hỏi, có phải...

Lợi hiểu ý Chỉnh, đỏ mặt, vội nói:

– Không. Tôi quen ông Long Nhương trước khi gia đình nhà tôi về An Thái. Tôi làm việc với gia đình nhà vua từ thời còn buôn nguồn.

Nguyễn Hữu Chỉnh gật gù, rồi bảo Lợi:

– À ra thế! Tôi nghe anh nói mới hiểu căn do. Thế mà lâu nay tôi cứ tưởng... Anh Lợi này, nếu anh tin cậy nơi tôi, thì tôi đánh bạo khuyên anh một điều. Anh sẵn lòng nghe không?

Lợi sung sướng nói:

– Được ngài bày vẽ, tôi may mắn lắm!

Nguyễn Hữu Chỉnh ghé sát tai Lợi, nói nhỏ:

– Nhà vua đã lớn tuổi. Ánh mắt đã bắt đầu mệt mỏi, nên chí khí bắt đầu chùn lại. Nếu anh mong muốn tiến xa, thì nên tìm cách dựa vào ông Long Nhương. Đó là con chim đại bàng, không phải là loại chim sẻ quanh quẩn kiếm ăn ở gốc cây

chái tranh như ông Tiết chế. Anh tài giỏi, cả hai anh chị lại đã từng quen thân với ông Long Nương, nên việc đó không khó khăn gì. Anh hiểu ý tôi chưa?

Lợi gật đầu, đôi mắt ngược nhìn Chỉnh biết ơn.

✱

Cuối tháng Mười, có một cuộc họp quan trọng và khẩn cấp tại phòng cơ mật trong hoàng cung. Lần này, quan Đô đốc Nguyễn Hữu Chỉnh được mời tham dự. Chỉnh mừng rỡ, xem đây là dấu hiệu chứng tỏ lòng tin cậy của vua Thái Đức đối với mình có gia tăng. Các đóng góp của Chỉnh trong việc cải tiến chiến thuyền, nhất là loại thuyền vận tải cỡ lớn chở được voi và súng lớn, đã đem

tượng binh vào tận mặt trận phía nam, và thêm hỏa lực cho các đạo thủy quân. Trận Đồng Tuyên năm Quý mao (1783) là một thất bại bất ngờ cho Nguyễn Ánh. Ánh củng cố lực lượng, đủ thì giờ bố trí tuyến phòng ngự vững chắc ở Đồng Tuyên để chờ Nguyễn Huệ tới. Nhưng Ánh đã không ngờ quân Tây Sơn đem được cả voi trận vào đồng bằng Gia Định. Quân Ánh thấy đoàn voi hung dữ xông tới, sợ hãi chạy tán loạn. Vì thế, khả năng của thủy quân Tây Sơn tăng gấp bội, vừa đánh được trên sông, vừa có thể chuyển thành bộ binh để đánh trên các vùng đất cao và rừng núi, với đầy đủ súng lớn và voi.

Khi Nguyễn Hữu Chỉnh đến, các nhân vật quan trọng đã có mặt đầy đủ: vua Thái Đức, quan Tiết chế Nguyễn Lữ, Long Nhương tướng quân Nguyễn Huệ,

Phò mã Vũ Văn Nhậm, quan Hình bộ Bùi Văn Nhật, Thái úy Bùi Đắc Tuyên, cùng một số quan khác mà Chỉnh chưa biết tên. Hình như cuộc họp bắt đầu trước khi mời Chỉnh tới. Chỉnh hiểu sự tin cậy đối với mình chưa hoàn toàn, nhưng so với trước đây, được dự vào các việc cơ mật như hôm nay đã là tiến bộ đáng mừng.

Vua Thái Đức vui vẻ mời Chỉnh ngồi, rồi bảo:

– Quan nội sai nghe không rõ lệnh ta, nên mời Đô đốc chậm đi một chút. Nhưng không sao. Chúng tôi vừa trầm trồ khen ngợi mẫu thuyền tải lợi hại của ông. Trận Đồng Tuyên sở dĩ thắng được nhanh gọn như vậy cũng nhờ có voi. Ông không dự trận, nhưng công lao của ông lớn lắm. Có điều... có một vài trục trặc nhỏ cần phải tìm cách sửa lại. Chú

Tám nói tiếp cho quan Đô đốc nghe đi!

Nguyễn Huệ vâng lời anh, hướng về phía Nguyễn Hữu Chỉnh nói:

– Việc dẫn voi lên xuống kể cũng tạm ổn, tuy không phải là dễ. Vài chiếc thuyền bị nghiêng khi voi bước lên bờ. Có những thớt voi chưa quen, thuyền hơi chênh một chút đã hoảng sợ, thành ra thuyền càng chòng chành hơn, có chiếc bị lật. Nhưng khó nhất là làm thế nào giữ cho voi chịu nằm yên suốt cuộc hành trình.

Vua Thái Đức chen vào nói:

– Thôi, việc đó tạm gác lại đã. Trước mắt là trận Gia Định sắp tới. Mấy hôm nay dân chúng bắt đầu xì xào bàn tán, dân phố chạy đi mua gạo để trữ. Kẻ xấu được dịp tung nhiều tin đồn. Chúng

tướng quân Xiêm sẽ giúp cho Nguyễn Ánh thắng được ta, nên mắt bắt đầu láo liên, toan tính nhiều điều phản trắc. Phải mở mắt giùm cho bọn xấu xa đó. Ông Tuyên, ông nhắc qua tình hình Gia Định hiện nay xem. Phải, kể từ đầu cho đến trận Mang thít hôm 18 tháng Mười vừa rồi (tức 30-11-1784).

Bùi Đắc Tuyên cung kính cúi rạp người xin phép nhà vua, rồi mới bắt đầu nói:

– Sau khi bị Long Nhương Tướng quân đánh cho tan tác, Nguyễn Ánh cùng bọn Châu Văn Tiếp dắt díu nhau qua Xiêm cầu cứu. Chúng qua Xiêm vào tháng Hai năm nay. Vua Xiêm đối với bọn Ánh thật ra cũng chẳng có tình nghĩa gì. Sở dĩ hãn khứng giúp Ánh, chỉ vì muốn giành quyền khống chế Chân Lạp và tranh phần đất Gia Định với nước ta

mà thôi. Vì vậy, đến tháng Sáu năm nay, vua Xiêm sai hai cháu là Chiêu Tăng và Chiêu Sương đem hai vạn thủy quân và 300 chiến thuyền theo Nguyễn Ánh trở lại Gia Định. Phần Ánh cũng tập hợp đám tàn quân giao cho Châu Văn Tiếp làm Bình tây Đại tướng quân nương theo bóng quân Xiêm hòng phục quốc. Xếp đặt xong đầu đó, ngày Chín tháng Sáu vừa qua (tức 25-7-1784), liên quân Xiêm-Ánh bắt đầu khởi hành.

Vua Thái Đức nghe tâu nhiều lần rồi, nên sốt ruột giục:

– Ông trình gọn gọn một chút. Chúng nó đổ bộ Rạch Giá hồi nào?

Thái úy Bùi Đắc Tuyên vội thưa:

– Tàu Hoàng thượng, chúng đổ bộ Rạch Giá tháng Bảy.

Nhà vua hướng về phía Nguyễn Hữu Chỉnh và Nguyễn Huệ, lưu ý hai người:

– Chúng dùng toàn thủy quân mà thôi. Các ông chú ý cho.

Thái úy Bùi Đắc Tuyên chờ mãi chưa thấy nhà vua nói thêm, nên tiếp tục trình bày:

– Vì quân số đông hơn gấp bội quân phòng thủ của ta, nên dĩ nhiên chúng chiếm được Rạch Giá. Nhưng chúng tiến quân rất chậm chạp trong suốt ba tháng trường, từ tháng Bảy đến tháng Mười vừa qua, chúng chỉ đưa quân lên tới Cần Thơ, chiếm giữ mấy đồn Ba Vác, Trà Ôn, rồi rụt rè tiến lên Sa Đéc.

Vua Thái Đức cười lớn, giọng bông đùa:

– Ông Thái úy ăn nói như mấy thư

sinh mặt trắng! Rụt rè! Hay! Hay lắm! Đúng là chúng nó rụt rè không dám tiến nhanh. Ba tháng trường mới bò được từ Rạch Giá lên Sa Đéc! Có lẽ vì thấy cái đà tiến quân “rùa” này mà tên Chúng đâm lo ngại. Các ông nghĩ mà xem. Ta nhận được tin chắc chắn là thằng Chúng gửi cậu con trai cưng cho thầy Cả (Bá Đa Lộc) làm con tin qua Pháp cầu viện. Tên cố đạo đó đi hôm nào, hử ông Nhật?

Quan Hình bộ vội đáp:

– Dạ hôm rằm tháng Mười (tức 27-11-1784), tàu Hoàng thượng.

Vua Thái Đức nói tiếp:

– Rằm tháng Mười! Các ông thấy gì không? Trong khi hãn núp bóng đại quân Xiêm đổ bộ Rạch Giá tiến về Cần Thơ, thì thằng Chúng vẫn gửi con trai

dầu cho tên cố đạo kia đi cầu viện Pháp. Điều đó chứng tỏ cái gì? Ha ha, chúng tỏ... (nhà vua ngưng lại một lúc, nhìn khắp mọi người rồi mới tiếp) hẳn không tin tưởng mấy ở các ngài Chiêu Tăng, Chiêu Sương. Ông Tuyên thuật tiếp chuyện Châu Văn Tiếp đi.

Quan Thái úy vâng lệnh nhà vua, nói tiếp:

– Thấy giặc tiến quân như vậy, Phò mã Trương Văn Đa đem thủy quân từ Gia Định xuống tiếp ứng cho Long Hồ để diệt địch. Quân số của ta chỉ có vài nghìn, so với quân Xiêm thật chênh lệch. Nguyễn Ánh thấy thế, nên cùng với Châu Văn Tiếp đem thủy quân theo sông Mang Thít (thuộc địa phận Long Hồ) để đánh quân ta. Hôm ấy là 18 tháng Mười (tức 30-11-1784). Phò mã đem quân giáp chiến. Tiền quân của ta do Chưởng cơ

Bảo cầm đầu. Chưởng quân bị vây chặt. Châu Văn Tiếp cả gan nhảy sang thuyền quân ta để đánh. Hắn bị quân ta đâm chết. Nguyễn Ánh vội đem quân đến cứu. Phò mã cho thu quân về giữ Long Hồ. Theo tin cuối cùng, hiện hai bên vẫn giữ nguyên vị trí.

Nhà vua nhận xét:

– Chúng đổ bộ Rạch Giá tháng Bảy. Nay đã cuối tháng Mười. Như vậy suốt bốn tháng dài, chúng chỉ tiến được tới Sa Đéc. Các ông bàn luận với nhau xem tại sao vậy?

Cả phòng im lặng, người này liếc nhìn người kia, chờ có người nói trước. Nguyễn Lữ tự thấy mình ở vào địa vị cao hơn cả, nên phải cố đáp câu hỏi của vua Thái Đức. Giọng quan Tiết chế thiếu quả quyết:

– Có lẽ chúng còn sợ uy danh của ta, nên vừa tiến vừa dòm chừng.

Vua Thái Đức vội nói:

– Không hẳn thế đâu. Chúng biết thừa ta cho bao nhiêu quân ở lại giữ Gia Định. Nếu chúng kéo rốc quân vào cửa Cần Giờ như ta thường làm, chưa chắc Phò mã Trương Văn Đa giữ nổi Gia Định đâu. Hai vạn quân, không phải là con số nhỏ! Thế nào, quan Đô đốc? Ông từng trải chiến trận, am hiểu lòng người, ông nghĩ hộ xem vì sao.

Nguyễn Hữu Chinh được dịp tăng bốc nhà vua, nên đáp:

– Tàu Hoàng thượng, thần mới vào đây nương nhờ sự bao dung của Hoàng thượng chưa được lâu, nên tình hình Gia Định thế nào, thần chưa được rõ.

Quân Xiêm lên đến hai vạn, quả là một lực lượng mạnh. Chúng lại thông thạo thủy chiến. Nếu chúng không dám tiến nhanh, có lẽ vì quân phòng thủ của ta ở Long Hồ và Gia Định tuy ít nhưng dũng cảm, thiện chiến. Vài trận giao tranh như trận Mang Thít khiến chúng hiểu mình hiểu người hơn. Theo binh thư, quân đông mà ô hợp chưa chắc đã thắng được địch thủ có ít quân nhưng đầy đủ ý chí quyết thắng.

Vua Thái Đức thẳng thắn nói:

– Ông nói khéo như vậy cho vui lòng ta đấy thôi. Ta cảm ơn hảo ý của ông. Bây giờ đến lượt chú Tám nói đi. Chuyến này ta giao cho chú lo một mình đấy. Ý chú ra sao?

Long Nhương Tướng quân đáp:

– Chúng không tiến quân nhanh vì nhiều lý do:

Quân Xiêm là quân đi đánh thuê, nên phải tính toán thế nào để tổn thất thật ít mà thu được lợi lộc thật nhiều. Việc gì phải tiến nhanh! Cứ từ từ, chiếm đến đâu cho quân tởm ra khắp nơi cướp bóc của cải thu vét tài vật cho sạch sành sanh, rồi mới tiến lên chiếm một vùng khác.

Phản Nguyễn Ánh cũng không muốn quân Xiêm tiến nhanh. Hẳn sang thuê quân Xiêm, nên hiểu rõ lòng dạ quân đánh thuê. Quân Xiêm đông đến hai vạn, mà quân của Ánh lèo tèo vài trăm tên lính lơ láo, sợ sệt vì từng thua trận nhiều lần. Muốn lấy lòng dân để tính kế lâu dài tại Gia Định, phải có thì giờ mộ thêm quân, lập đạo quân riêng của mình

để giành phần chủ động, về sau dễ ăn nói với quân đánh thuê.

Nguyên do thứ ba là chúng không dễ gì nhích chân qua khỏi Sa Đéc. Quân ta ở Long Hồ do Phò mã Trương Văn Đa chỉ huy tuy ít, nhưng như quan Đô đốc vừa nói, ít mà dũng cảm, thiện chiến.

Phò mã án ngữ đường tiến quân của quân Xiêm và quân Ánh tại Long Hồ, cầm chân chúng tại đó. Hiện bản doanh của chúng đóng tại Sa Đéc, và có lẽ cho đến lúc ta kéo quân vào, chúng không thể rút chân khỏi Sa Đéc.

Vua Thái Đức hớn hờ hỏi em:

– Ta dồn hết sức bao vây Sa Đéc quét sạch chúng được không?

Long Nhương tướng quân suy nghĩ một lúc, rồi đáp:

– Dạ hơi khó đấy.

Nhà vua chưa từng thấy em do dự như vậy, vội hỏi:

– Sao vậy? Chú sợ quân Xiêm à?

Nguyễn Huệ lắc đầu, đáp:

– Dạ không. Chúng không hơn gì ta về thủy chiến. Nhưng Sa Đéc là một địa điểm thuận lợi cho địch. Sa Đéc ở đầu đoạn sông Tiền Giang đổ ra biển, rất thuận lợi cho thủy quân Xiêm khi chúng cần di chuyển hoặc bố trí lực lượng. Đánh vào đó tất phải gặp khó khăn. Có lẽ ta phải chọn chiến trường khác.

Vua Thái Đức bảo:

– Việc đó tùy chú định, theo tình hình biến chuyển trong đó. ở đây mà bàn không đi đến đâu. Chuyển này chú cần tượng binh không?

Nguyễn Huệ đáp ngay:

– Thừa không cần. Chúng dùng thủy quân, ta cũng dùng thủy quân.

Vua Thái Đức hơi lo lắng, gần như sợ phật lòng em khi nói:

– Nhưng chú không thể đem toàn bộ thủy quân vào Gia Định đâu! Quân số ít hơn quân Xiêm đấy. Những hai vạn, thì vét đâu cho đủ! Hoặc là chú vào thẳng Gia Định để lấy thêm quân rồi hãy tính chuyện tấn công sau!

Nguyễn Huệ cương quyết đáp:

– Xin Hoàng thượng yên tâm. Quân ta ít nhưng hăng hái vì đánh giặc giữ nước. Địch đông nhưng là quân đánh thuê nên phải rán giữ mạng để được chia lợi. Một người giữ nước mạnh bằng ba,

bằng bốn lần một tên cướp nước. Thần xin hứa sẽ thắng.

Vua Thái Đức ngỡ ngàng với cách xưng hô đột nhiên trịnh trọng của em. Nhưng nhà vua hiểu ngay dụng ý của Huệ. Nhà vua cảm động âu yếm nhìn em, hiểu câu nói Huệ vừa thốt ra là một lời thề.

✱

Tháng Mười Một năm Giáp thìn (1784), Long Nhương tướng quân đem đạo thủy quân thiện chiến và dũng cảm của mình vào Nam diệt quân xâm lược Xiêm. Nhận được tin Phò mã Trương Văn Đa vẫn còn giữ được Long Hồ, Nguyễn Huệ quyết định không đưa quân vào cửa Cần Giờ để lên Gia Định, mà tiến thẳng xuống Mỹ Tho.

Về sau sử quan triều Nguyễn muốn giấu bớt cái nhục bại trận cho Gia Long, viết rằng Nguyễn Huệ vừa từ Qui Nhơn vào đã dẫn quân đến thử sức với thủy quân Xiêm, và thua liên tiếp mấy trận, đến nỗi Huệ ngã lòng muốn rút quân về. May nhờ có một cựu tướng của Nguyễn Ánh là Lê Xuân Giác hiến kế, Nguyễn Huệ mới biết cách phục binh ở Rạch Gầm-Xoài Mút và cả thắng quân Xiêm. Viết như thế, sử quan triều Nguyễn muốn cứu gỡ danh dự của Nguyễn Ánh. Thật vậy, họ muốn cho hậu thế định ninh rằng cuộc chiến thắng oanh liệt của Tây Sơn năm Giáp thìn hoàn toàn do may rủi. Nếu không có tên hàng tướng vốn là tay chân của Nguyễn Ánh (nghĩa là đã học mót được mưu lược thần tình của chủ cũ) chỉ đường dẫn lối, chắc chắn Nguyễn Huệ đã phải chán nản và rút quân về Qui Nhơn, để mặc cho bọn xâm lược Xiêm

đường hoàng tiến về Gia Định.

Sao lại có lối lập luận gượng gạo vô lý như vậy! Giả sử thực sự Nguyễn Huệ có thua vài trận đầu, thì các trận ấy cũng không gây thiệt hại nặng nề cho quân Tây Sơn bao nhiêu. Đang lúc cần phô trương thanh thế, một đóm chiến thắng leo lét heo hút thế nào cũng được đám tay chân Nguyễn Ánh thổi bùng thành một cơn bão lửa, để sử quan triều Nguyễn sau này ghi chép cẩn thận làm tin. Chỉ mới đánh được một chiến thuyền và năm thuyền đi biển của Tây Sơn ở Mang Thít, mà Nguyễn Ánh đã vội viết thư⁹ khoe âm với J. Liot, thử hỏi tại sao các cuộc thất trận tai hại từng làm một viên dũng tướng như Nguyễn Huệ nản chí lại không được

⁹ Thư có đoạn như sau: “Từ Thấy theo ta mà trở về, thì ta cùng Xiêm binh tụ tại Mang Thít hạnh công Tây tặc, thủ thắng tàu một chiếc, hải đạo năm chiếc. Nhấn ngày sau trực tấn xứ Lạch” Tà Chí Đại Trường dẫn trong Lịch Sử Nội Chiến, trang 124

họ ghi chép tỉ mỉ để lưu lại cho đời sau? Vả lại, Long Nhương tướng quân không phải là một người dễ dàng nản chí! Trước đó và sau đó, nản chí không phải là thói quen của ông! Mang đại quân ra đi để rồi lủi thủi dắt díu tàn quân trở về, cũng không phải là thói quen của ông! Sử quan triều Nguyễn đội một vòng hoa giả lên đầu Lê Xuân Giác, để hòng che giấu cái nhục của tên công răn cắn gà nhà, nhưng vô ích! Sự thực nhất định vẫn là sự thực!

Long Nhương tướng quân đóng bản doanh tại Mỹ Tho xong, đã nghĩ ngay đến kế diệt địch. Như lời ông từng trình với vua anh tại Qui Nhơn, Nguyễn Huệ biết rõ nếu đem đại quân đến Sa Đéc đánh nhau với đại quân Xiêm, thì đối phương chiếm được nhiều ưu thế hơn mình. Suốt mấy tháng dậm chân tại Sa Đéc,

quân Xiêm đã quá đủ thì giờ nghiên cứu địa hình, tổ chức phòng thủ chặt chẽ. Vì thế, Nguyễn Huệ đã quyết định tìm kiếm một chiến trường thuận lợi cho mình, và bằng những trận trá bại khiến địch chủ quan, dụ chúng vào chiến trường đã chuẩn bị đó để tiêu diệt.

Chiến trường lý tưởng ấy, là đoạn sông Mỹ Tho từ Rạch Gầm đến Xoài Mút dài trên mười dặm và cách đại bản doanh của Nguyễn Huệ không xa lắm.

Trong đoạn sông này, lòng sông mở rộng thuận tiện cho việc dồn mấy trăm chiếc thuyền địch tập trung vào đó để công kích. Tại đây, thủy quân và các thuyền chiến Tây Sơn được giấu kín trong các sông nhỏ: rạch Gầm, rạch Xoài Mút và giấu sau cù lao Thái Sơn. Pháo binh Tây Sơn mai phục ở hai bên sông và cả trên cù lao Thái Sơn. Khi toàn bộ thủy

quân Xiêm-Ánh đã lọt vào khúc sông này, thì thủy quân Tây Sơn ở rạch Gầm và rạch Xoài Mút sẽ tiến ra chặn đánh ở hai đầu. Thuyền chiến Tây Sơn ở phía sau cù lao Thái Sơn sẽ tiến ra đánh vào ngang hông thủy quân Xiêm, chia cắt đội hình địch ra làm nhiều mảnh để đánh phá. Đồng thời pháo binh Tây Sơn ở hai bên bờ sông Mỹ Tho và cù lao Thái Sơn sẽ bắn xả vào thuyền chiến địch suốt dọc sông từ rạch Gầm đến rạch Xoài Mút. Toàn bộ thủy quân Xiêm-Ánh sẽ bị quân Tây Sơn vây chặt, không thể chạy thoát dễ dàng như ở khúc sông Sa Đéc-Long Hồ, là khúc sông có nhiều ngách, rất khó thực hiện bao vây tiêu diệt toàn bộ.

Những cuộc bại trận sử quan triều Nguyễn mừng rỡ ghi chép vào sử sách để hạ uy tín Long Nhương tướng quân và vớt vát danh dự cho Nguyễn Ánh, thực

ra, chỉ là những trận khiêu khích rồi trả bại để dụ địch vào thế trận đã bày sẵn mà thôi!

*

Không phải sử quan nhà Nguyễn đã bịa đặt hoàn toàn những thất bại ban đầu của quân Tây Sơn khi chạm trán với một địch thủ lạ tay là quân xâm lược Xiêm. Ghi chép của họ cũng có cơ sở đấy! Vì suốt thượng tuần tháng Chạp năm Giáp thìn, bộ mặt của Long Hồ và Mỹ Tho xao xác buồn thiu như cảnh một gia đình gặp tang ma.

Những tin đồn thất trận lan truyền nhanh khắp các chợ và bến ghe. Ban đầu không ai tin những lời đồn đãi ấy. Người ta chỉ dám xì xào bàn tán với nhau, sau

khi lấm la lấm lét nhìn quanh. Dân chúng chưa quên uy thế của Tây Sơn suốt bao năm qua, và họ nhìn đoàn chiến thuyền hùng mạnh có kỷ luật của Qui Nhơn với tâm trạng hoang mang. Họ không thể tin được rằng một đạo quân như vậy lại có thể bại trước bọn xâm lược tàn ác và tham lam, đi đến đâu cũng cướp bóc và hãm hiếp lương dân. Nhưng những người có lòng yêu nước thiết tha nhất dần dần cũng phải ngã lòng.

Đã có nhiều dấu hiệu chứng tỏ các tin thất trận không phải hoàn toàn bịa đặt. Sự kiểm soát an ninh ở Mỹ Tho ngày càng lỏng lẻo. Đoạn sông từ Sa Đéc lên Mỹ Tho trước kia được canh phòng nghiêm mật, về sau gần như buông lỏng vì bất lực. Từng đoàn ghe chài, xuống nhỏ, bè tre chở dân tị nạn từ Sa Đéc đổ lên, cảnh tản cư nheo nhóc làm cho dân Mỹ Tho

lo âu, hoảng sợ. Người ta bu quanh các gia đình tản cư hỏi han tin tức. Họ được chính những nạn nhân của quân xâm lược kể lại tình cảnh khốn khổ trong vùng bị chiếm, được tận mắt chứng kiến những phụ nữ bị quân Xiêm hãm hiếp đến nỗi trở thành điên dại hoặc ủ rũ bạc nhược như một cái xác chết. Bến ghe ở Mỹ Tho bỗng chốc trở nên ồn ào, đông đúc gấp bội. Bọn con buôn ùa đến mua rẻ của cải đồ đạc của dân tản cư từ Sa Đéc. Những kẻ yếu bóng vía vội dốc túi ra mua ghe, xuống để sẵn sàng chạy loạn. Càng ngày số dân Mỹ Tho lặn lẽ xuống ghe tản cư lên phía Bến Nghé càng đông.

Dân Sa Đéc tưởng chạy lên đến Mỹ Tho là có thể tìm được an toàn trong vùng kiểm soát của Tây Sơn, không ngờ đến nơi lại thấy Mỹ Tho rục rịch di tản. Một số gia đình tiếp tục tìm nơi khác tránh

tên đạn. Một số không đủ khả năng, liều lĩnh bán ghe cho dân địa phương đổi gạo sống qua ngày, vợ chồng con cái chui đút ở các gốc cây, lều chợ. Trong cảnh hỗn loạn ấy, các lời bàn tán càng trở nên bạo dạn hơn. Không biết ngày mai sẽ ra sao, nên các quán rượu đông nghẹt dân say. Khỏi cần dáo dác nhìn quanh để phòng thân, dân Mỹ Tho lớn tiếng cãi nhau chuyện thời sự trên các mâm rượu, ngay giữa chốn đông người. Mâm nào cũng chèo kéo cho được một người tản cư Sa Đéc tham dự, làm kho tài liệu thời sự để có cơ sở tranh cãi.

Buổi chiều hôm ấy, ở cái quán rượu ngay bên phải chợ Mỹ Tho có một cuộc tranh luận chính trị công khai nồng nặc hơi men thuộc loại đó. Bốn bác nông dân Mỹ Tho đang hỏi thăm tin tức một dân chài tị nạn người Sa Đéc. Một người hỏi:

– Bác có biết cảnh trên này rồi ren bát nháo hay không mà liêu lĩnh chở vợ con lên đây?

– Tôi đâu có biết. Mà dù có biết cũng phải chạy thôi! Sống sao nổi dưới đó. Chúng nó cướp sạch, phá sạch, đốt sạch. Bà vợ tôi năn nỉ xin lại cái nồi nấu cơm chúng nó cũng không cho. May đứa con gái lớn của tôi lấy máu gà giả làm người có kinh và bôi trét mặt mũi cho xấu xí dơ dáy mới thoát được đấy. Nhưng đã có những tên lính Xiêm bắt chấp cả dơ dáy. Dù biết lên đây bị chết chìm chết cháy cả nhà, tôi cũng lên. Chết như vậy còn được chết sạch, mát thân!

– Nhưng gia đình bác đông con như thế, làm sao mà sống!

– Quá lắm tôi bán chiếc xuống đôi gạo cũng húp cháo được nửa tháng chớ!

Các ông coi, không phải chờ lâu đâu! Thiên bất dung gian, chừng nửa tháng nữa, thế nào Trời cũng phạt bọn dâm ác đó. Vợ con tôi lên đây thấy thiên hạ ùn ùn bỏ chạy, muốn chèo lên xa hơn nữa. Tôi nhất quyết ở lại. Không lâu đâu, Trời xanh đâu có mù!

– Nhưng bác thấy đấy, quan quân Tây Sơn như gà phải cáo thế này thì đánh đấm gì nữa! Trời có mắt, nhưng cũng đành trơ mắt mà nhìn thôi. Bác không liệu trước sau này hối không kịp.

Một người dân Mỹ Tho khác góp lời:

– Họ giữ không nổi khúc sông từ Sa Đéc lên Mỹ Tho, thì làm sao ngăn được mấy vạn quân Xiêm. Bác chèo lên đây có gặp thuyền tuần phòng của Tây Sơn không?

– Không, ông ạ! Khúc dưới, không thấy ai canh phòng gì cả. Lên tới rạch Gầm mới bắt đầu thấy vài chiếc xuồng chở lính đi tuần, nhưng họ không chặn lại hạch hỏi gì.

– Đấy, bác thấy chưa! Bác mới lên nên chưa biết đấy thôi. Họ nghe thanh thế quân Xiêm lớn quá, họ sợ toát mồ hôi. Tôi nghe nói đêm nào cũng có mấy chục thuyền Tây Sơn bỏ trốn. Sáng ra, quan sai thuyền tuần canh đi truy nã, thì các thuyền này cũng trốn luôn.

Người dân Mỹ Tho thứ ba không tin, hỏi bạn:

– Anh nghe tin ấy ở đâu thế?

– Thì chính ông Chưởng cơ Tây Sơn nói với tôi chứ ai! Ông ấy lo lắm, lén đến thăm tôi ban đêm, hỏi nếu hữu sự có thể

đến trốn trong nhà tôi không. Vả lại, anh thấy mỗi ngày số chiến thuyền Tây Sơn mỗi ít đi à? Họ sợ quá, hùa nhau cướp thuyền trốn đi cả rồi!

– Hèn gì! Chiều hôm qua tôi bơi xuống đi qua đại bản doanh, liếc mắt nhìn vào bến thuyền thấy vắng hẵn đi. Chỉ còn lơ thơ vài chiếc thôi. Tôi bơi quá xuống rạch Xoài Mút thì họ chặn lại, bảo phía đó nguy hiểm vì quân Xiêm có thể tấn công bất cứ lúc nào.

Người tản cư dân Sa Đéc bắt đầu chột dạ, lo sợ hỏi:

– Họ trốn đi thật sao các ông?

– Lại không thật. Tôi hù bác làm gì!

– Nhưng tại sao họ hèn nhát như vậy! Chết thì thôi chứ việc gì sợ. Để mặc cho bọn Xiêm tàn sát dân mình, thì sau

này còn mặt mũi nào mà nhìn chúng ta nữa. Lúc này mà họ không ra tay bảo vệ dân nghèo, đuổi quân cướp nước, thì chờ đến lúc nào?

– Thôi, bác ơi! Họ nói cho sướng miệng chứ ai không sợ chết. Bác biết lo xa thì ngay bây giờ xuống ghe chèo lên Bến Nghé hoặc trở về Sa Đéc đi. Không thế, một mai chúng lên đây, chúng hỏi tội bác đấy!

– Thế các ông không chạy hay sao?

– Chạy đi đâu! Chạy trốn đến xó xỉnh nào rồi cuối cùng quân Xiêm cũng đến. Thà ở đây uống rượu còn khỏe thân hơn!

Người tị nạn Sa Đéc giận quá, đứng dậy nói lớn:

– Các ông chịu nhục được, chứ tôi

không được. Tôi cũng không đi đâu cả. Nhưng hễ chúng nó đặt chân đến đây, thì mạng đổi mạng. Gia đình tôi tất cả bảy người, ít nhất phải có bảy tên lính Xiêm đổ máu. Các ông ở lại mà uống rượu cho say. Tôi về!

Nói xong, bác ta quày quả bỏ đi!

*

Nhưng cũng có những người đồng hương không được can đảm như bác dân chài Sa Đéc. Tận mắt trông thấy cảnh xao xác ở Mỹ Tho, và quân thế bạc nhược, rệu rã khác thường của Tây Sơn, họ đâm ra tuyệt vọng. Họ hỏi thăm nhau, bàn tán xôn xao để tìm một giải pháp thích nghi nhất, chuẩn bị chờ đón các biến chuyển đau lòng. Và nghe theo lời khuyên của

dân chợ Mỹ Tho họ rủ nhau xuống ghe hồi hương. Họ định ninh rằng nếu trở về từng đoàn đông đảo, quân Xiêm và Nguyễn Ánh sẽ không nỡ trừng phạt, sẽ tha thứ, cho họ được tiếp tục cúi đầu làm ăn.

Họ đã tiên đoán đúng được một phần. Thấy đông đảo những người tị nạn ùn ùn kéo về, quân Xiêm tập trung họ lại. Bọn lính Xiêm bắt tất cả đàn ông đưa về trại để lấy khẩu cung. Tay chân của Nguyễn Ánh đã chờ sẵn để làm công việc ấy.

Nguyễn Ánh nhận được tin mừng bất ngờ, sung sướng quá cười ha hả. Nhưng ngay sau đó, Ánh đâm ngờ, như người nghèo xác thức giấc thấy mình ngủ trên đồng vàng không dám tin đó là sự thực. Nguyễn Ánh cho hội ngay đám tay chân lại để hỏi ý kiến. Nguyễn Ánh nói:

– Không lẽ chúng sa sút nhanh như vậy. Hay thằng giặc dữ bày xảo kế gì đây! Nguyễn Phúc Hội chưa quên những trận thất điên bát đảo vì Tây Sơn, nên rụt rè thưa:

– Có lẽ hãn bày gian kế để đánh lừa ta. Chuyến này chỉ một mình Huệ cầm quân, ta phải cẩn thận đề phòng hơn trước.

Nguyễn Phúc Huy thì nói:

– Thần trộm nghĩ chúng yếu ớt sợ hãi thật chứ không phải giả vờ. Những lần trước hãn đem quân đông hơn ta gấp bội, lấy nhiều để đánh ít. Lần này quân số của hãn ít. Vào đây hãn không dám dẫn quân thẳng vào Sa Đéc giáp chiến, tránh né, lẩn núp tận Mỹ Tho. Hãn chờ cơ hội đánh lén, nhưng quân lính lần lượt bỏ hãn. Mọi người đều nói hiện Mỹ Tho

chỉ còn vài chục chiến thuyền. Số còn lại đã bỏ trốn. Đêm nào cũng mất vài chục chiếc. Tin của ta từ Mỹ Tho báo về cũng xác nhận như vậy.

Nguyễn Ánh quay về phía Nguyễn Văn Thành hỏi:

– Ông Thành, ông nghĩ thế nào, nói đi!

Thành vội đáp:

– Việc binh cốt ở chỗ đoạt tiên cơ. Hiện nay Mỹ Tho trống trải, quân yếu, lòng dân lại náo loạn. Nếu không đánh, Gia Định tăng cường xuống, Long Hồ đưa thêm quân lên, e khó đoạt được.

Nguyễn Ánh gật gù, nhưng vẫn chưa giải quyết được điều gì. Ông quay về phía Tổng nhung Lê Văn Quân, nhân vật cao cấp nhất trong đám thuộc hạ Ánh từ hồi

Châu Văn Tiếp bị tử trận:

– Ông có ngờ chúng nó âm mưu giăng bẫy ở Mỹ Tho không?

Lê Văn Quân lớn tiếng đáp thật trịnh trọng:

– Tàu bệ hạ, cách đánh của tên Huệ xưa nay không thay đổi. Lúc nào hấn cũng có thói quen đánh mau, đánh mạnh, dốc toàn lực tấn công một điểm chính yếu, rồi sau đó mới từ từ đánh dẹp các điểm phụ. Chuyển này hấn vào đây, đáng lẽ phải đánh ngay Sa Đéc rồi dàn trận đẩy ngược chúng ta về Rạch Giá, Hà Tiên. Hấn không làm như vậy, vì ở vào cái thế bất đắc dĩ. Quân thiếu, lòng quân không thuận lần lượt bỏ đi. Đây là cơ hội nghìn năm một thuở để ta tiến chiếm Mỹ Tho rồi uy hiếp bao vây Gia Định. Chỉ sợ quân ta ít, quân Xiêm đông. Ta muốn

đánh nhanh mà bên Chiêu Tăng, Chiêu Sương cứ trùng trùng để lỡ mất dịp tốt.

Nguyễn Ánh mừng rỡ nói:

– Việc ấy ông khỏi lo. Lâu nay ta không thúc họ đánh nhanh cũng vì có chủ ý. Ta về nước với vồn vẹn vài trăm quân, phải có thì giờ mộ thêm cho binh lực bản xứ tương đương với quân khách. Tiếc là đã qua mấy tháng, chúng ta chỉ mộ được ba, bốn nghìn. Khách tham tàn quá, chúng ta là chủ cũng bị dân ghét lây. Nhưng không sao, lấy được Long Hồ và Mỹ Tho, ta sẽ có kế trưng binh. Các ông cho sắp sẵn vũ khí, quân lính đi nhé. Bây giờ ông Quân đi với ta sang gặp hai ông Chiêu Tăng, Chiêu Sương. Cả ông Hội nữa! Phải đông người mạnh miệng cho họ khỏi giở cái giọng hoành hợ tự đắc của kẻ cả.

Chiêu Tăng, Chiêu Sương thu thập tin tức Mỹ Tho theo một đường dây riêng, và đi đến một kết luận lạc quan như phía Nguyễn Ánh. Do đó khi nghe Ánh khởi xướng việc tấn công chiếm Mỹ Tho, họ bằng lòng ngay. Nhưng họ không đại dột cho bọn Ánh thấy tất cả gan ruột mình. Họ giả vờ bán tín bán nghi, đưa ra đủ thứ lý lẽ để cố làm cho Ánh nản chí. Họ chỉ bằng lòng xuất quân nếu Ánh chịu đưa đạo quân bản xứ đi đầu dẫn đường, lấy có các tướng Xiêm không thông thạo địa thế.

Ngày mồng tám tháng Chạp năm Giáp thìn (18-1-1785), các tướng Xiêm và Nguyễn Ánh đem toàn bộ thủy quân tiến theo sông Mỹ Tho đuổi theo một

toán nhỏ thuyền chiến Tây Sơn đến khiêu chiến, rồi ào ào tiến về phía Mỹ Tho để chiếm đại bản doanh Tây Sơn theo kế hoạch đã định trước.

Những thuyền chiến Tây Sơn mà dân Mỹ Tho đồn là đã bỏ trốn hàng đêm vì sợ hãi, thực ra đã lặn lẽ đến núp kín ở các rạch Gầm, rạch Xoài Mút, và phía sau cù lao Thái Sơn. Súng lớn cũng được càngh lá che kín, được đào hố đặt sẵn hai bên bờ sông Mỹ Tho. Vì vậy khi đạo quân Xiêm-Ánh lọt đúng và khu vực có mai phục, Nguyễn Huệ liền ra lệnh tấn công.

Thật dễ đoán được những gì xảy ra sau đó. Trận phục kích vĩ đại đã kết thúc nhanh chóng, đem lại chiến thắng rực rỡ cho vị tướng trẻ tuổi Nguyễn Huệ. Toàn bộ chiến thuyền của địch bị đánh đắm trên khúc sông Mỹ Tho từ rạch Gầm

đến rạch Xoài Mút. Hơn hai vạn quân Xiêm sau trận phục kích long trời lở đất chỉ có vài nghìn tên nhờ trốn lên bờ mà sống sót, lách rừng vượt núi Chân Lạp thất thủ về Xiêm. Đạo quân nhỏ bé của Nguyễn Ánh cũng tan rã. Các tướng chạy thoát lấy thân mỗi người mỗi ngả. Lê Văn Quân đem đám tàn quân chừng 600 người chạy trốn một nơi, đến giữa năm sau, mới lần mò qua Xiêm tìm Ánh. Nguyễn Văn Thành chỉ huy 1000 quân, sau trận đánh chỉ còn một nhúm năm, sáu chục người dắt díu nhau chạy trốn. Quân của Nguyễn Phúc Hội, Nguyễn Phúc Huy cũng tan tác y như quân của Thành.

Phần Nguyễn Ánh phải bỏ thuyền trốn lên bờ, đi theo hộ vệ chỉ có 12 tên lính rách, tứ thầy dáo dác chạy về Đồng Vân. Từ Đồng Vân trở đi, Ánh kiệt sức

và sợ hãi không đi nổi nữa, phải nhờ một tùy tướng là Nguyễn Văn Trị công chạy về Thi Giang¹⁰. Tại đây, một số tướng lãnh của Ánh là Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Phúc Huy, Nguyễn Phúc Hội cũng vừa tới nơi, mỗi người dẫn theo được năm, sáu chục tàn quân. Nguyễn Ánh cùng cả đám quân sĩ kiệt sức ấy dìu nhau ra Hà Tiên, tạm trú ở Cồn Khơi¹¹. Bị Nguyễn Huệ cho quân truy nã, Ánh phải bỏ Cồn Khơi chạy ra đảo Thổ Châu, tại đây vì đói quá tớ thầy phải trở nghề cướp biển. Nguyễn Văn Thành chưa quen nghề nên có lần bị bọn thuyền buôn đánh trả, phải trọng thương (4). Tháng ba, quân Tây Sơn tìm được dấu tích bọn Ánh ở Thổ Châu. Họ phải chạy sang đảo Cổ Cốt, rồi tìm đường chạy sang Xiêm.

10 Đại Nam Thực Lục, bản dịch của Viện Sử học, Hà nội, tập II, trang 65

11 Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, sơ tập, quyển 15, tờ 26

Đám tay chân theo Ánh chỉ còn hơn hai trăm tên, lùi thủi vào Vọng Các. Tháng Tư năm Ất tỵ (1785) Nguyễn Huệ đem đại quân khai hoàn Qui Nhơn, giao Gia Định lại cho Đô úy Đặng Văn Chân trấn giữ.

